CHƯƠNG 10

SƠ KHỞI CỦA ĐẠO HỌC VÀ THÀNH PHẦN «PHẬT-ĐẠO» TRONG ĐẠO HỌC

Phật Học đời Đường hưng thịnh, nhưng Đạo học gia 道學家 đời Tống (960-1279) và đời Minh (1368-1643) – gần đây được gọi là học thuyết của Tân Nho gia (Neo-Confucianism) – cũng bắt đầu manh nha ở thời này. Giữa đời Tùy và đời Đường, có một Nho gia tên là Vương Thông 王通(584-617). Theo *Văn Trung Tử Thế Gia* 文中子世家 của Đỗ Yêm 杜淹(mất năm 628), Vương Thông sinh năm Khai Hoàng 開皇 thứ 4 (tức 584 CN) đời Tuỳ Văn Đế 隋文帝(tức Dương Kiên 楊堅, tại vị 581-604), và mất năm Đại Nghiệp 大業 thứ 13 (tức 617 CN) đời Tuỳ Dạng Đế 隋煬帝(tức Dương Quảng 楊廣, tại vị 605-617); đệ tử của ông có hơn nghìn người. Trong số các đệ tử ấy có những công thần sáng lập đời Đường, như: Phòng Huyền Linh 房玄齡, Nguy Trưng 魏徵, Ôn Đại Nhã 溫大雅, Trần Thúc Đạt 陳叔達. «Họ từng ngồi đối diện với thầy Vương Thông, lắng nghe giảng đạo giúp vua.» Khi Vương Thông mất, «vài trăm đệ tử họp lại, nói: "Thầy chúng ta là bậc chí nhân, từ Trọng Ni đến nay chưa có ai như thế. [...] Thầy nối tiếp *Thi, Thư*, chỉnh đốn *Lễ, Nhạc*, tu sửa *Nguyên Kinh*,[1] xưng tán đạo Dịch. Tôn chỉ lớn của thánh nhân và mọi việc có thể làm trong thiên hạ, Thầy đã hoàn tất. Trọng Ni

[1] **Derk Bodde chú: *Nguyên Kinh* 元經 là một quyển sử biên niên, ghi chép từ năm 290 CN đến năm 589 CN (tức là năm Trung Quốc thống nhất dưới đời Tuỳ). *Nguyên Kinh* được viết mô phỏng theo *Xuân Thu*. mặc dù tác phẩm này được xem là của Vương Thông viết, nhưng bản *Nguyên Kinh* lưu hành hiện nay dường như là sách giả của Nguyễn Dật 阮逸(thế kỷ XI). – LAM chú: Theo từ điển *Từ Hải* (mục từ Nguyên Kinh), *Nguyên Kinh* có 10 quyển, bản cũ đề là do Vương Thông đời Tuỳ soạn; đến đời Đường, Tiết Thu 薛收 viết tiếp, cùng truyền bá ở đời. Đến đời Tống, Nguyễn Dật 阮逸 chú thích. Sách này mô phỏng *Xuân Thu* của Khổng Tử. Bản của Vương Thông chép những sự kiện từ Thái Hi 太熙 nguyên niên (tức năm 290 CN) đời Tấn Huệ Đế 晉惠帝 đến năm Khai Hoàng 開皇 thứ 9 (tức năm 590 CN) đời Tuỳ Văn Đế 隋文帝. Bản của Tiết Thu viết tiếp từ năm Khai Hoàng thứ 10 đến Vũ Đức 武德 nguyên niên (tức năm 618 CN) đời Đường Cao Tổ 唐高祖(tức Lý Uyên 李淵, tại vị 618-626). *Đường Chí* không ghi chép về *Nguyên Kinh*. Đến đời Tống có bản *Nguyên Kinh* của *Vương Dật*. *Độc Thư Chí* của Triều Công Vũ 晁公武 và *Thư Lục Giải Đề* của Trần Chấn Tôn 陳振孫 đều nghi ngờ đây là sách giả do Nguyễn Dật làm.**

mất rồi, chẳng phải nền văn hoá ấy chỉ còn ở Thầy sao?[2] *Kinh Dịch* nói: 'Hoàng thường nguyên cát, văn tại trung dã.' 黃裳元吉, 文在中也(Váy màu vàng, cực kỳ tốt đẹp; văn nhã ở trung vị).[3] Vậy thì chúng ta hãy đặt tên thuỵ cho Thầy là Văn Trung Tử 文中子 nhé.»[4]



Hàn Dũ

Tuy Đỗ Yêm chép như thế, nhưng *Đường Thư* là sách do người đầu đời Đường soạn, lại không chép về Vương Thông. Trong *Cựu Đường Thư* (ở truyện của Vương Chất 王質, Vương Tích 王績, Vương Bột 王勃) và trong *Tân Đường Thư* (ở truyện Vương Tích 王績) thì chỉ phụ ghi Vương Thông là một đại nho cuối đời Tuỳ mà thôi. Theo đó thì Vương Thông là một học giả trong số các Nho gia khá nổi tiếng cuối đời Tuỳ. Còn những gì Đỗ Yêm phô trương về Vương Thông phần lớn dựa theo lời lẽ hư cấu của đệ tử Vương Thông, nên không đủ tin cậy.[5] Tác phẩm *Văn Trung Tử Trung Thuyết* còn truyền đến nay cũng chưa chắc

---

[2] LAM chú: Ở đây đệ tử Vương Thông xem ông kế tục Khổng Tử gìn giữ nền văn hoá nhà Chu. Khổng Tử cho rằng ông có sứ mệnh phát huy «tư văn» 斯文 (nền văn hoá đó) của nhà Chu, cho nên khi bị vây khốn ở đất Khuông nước Vệ, ông nói: "Trời chưa muốn làm mất nền văn hoá đó, người đất Khuông làm gì được ta!" (*Luận Ngữ* - Tử Hãn: "Thiên chi vị táng tư văn dã, Khuông nhân kỳ như dư hà?" 天之未喪斯文也,匡人其如予何?).

[3] LAM chú: Tiểu Tượng Truyện Hào lục ngũ quẻ Khôn: «Hoàng thường nguyên cát, văn tại trung dã.» 黃裳元吉. 文在中也 (Quần màu vàng, cực kỳ tốt đẹp; văn nhã ở trung vị). Trung vị tức là hào giữa của thượng quái quẻ Khôn (là hào 5 của toàn quẻ). Chu Hi giảng rằng: "Vàng là màu trung chính, váy là trang phục ở dưới. Hào lục ngũ là âm ở ngôi tôn quý, cái đức trung thuận đầy ở trong mà hiện ra ngoài, cho nên tượng nó như thế; xem bói thì nó là điềm lành của bậc đại thiện." (Hoàng, trung sắc. Thường, hạ sức. Lục ngũ dĩ âm cư tôn. Trung thuận chi đức, sung chư nội nhi hiện ư ngoại. Cố kỳ tượng như thử, nhi kỳ chiêm vi đại thiện chi cát dã. 黃, 中色. 裳, 下飾. 六五以陰居尊. 中順者德, 充諸内而見(現)於外. 故其象如此, 而其占爲大善之吉也).

[4] LAM chú: Theo Bàng Phác 龐朴 (*Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, Đông Phương Xuất bản Trung tâm, Thượng Hải, 1997, tr.99), Vương Thông tự là Trọng Yêm 仲淹; sau khi ông mất, đệ tử ông đặt cho tên thuỵ là Văn Trung Tử. Ông quê ở Long Môn 龍門, quận Hà Đông 河東 (nay là huyện Vạn Vinh 萬榮, tỉnh Sơn Tây 山西).

[5] Phùng Hữu Lan chú: Có người nói: *Văn Trung Tử Bi* 文中子碑 của Bì Nhật Hưu 皮日休 (mất khoảng năm 881) chép rằng các cao đệ của Vương Thông có Tiết Thu 薛收, Lý Tịnh 李靖, Nguỵ Trưng 魏徵, Lý Tích 李勣, Đỗ Như Hối 杜如晦, Phòng Huyền Linh 房玄齡; tức là dựa theo lời nói của người đời Đường, chưa chắc họ là hậu nhân của Vương Thông. Theo lời tựa của *Văn Trung Tử Bi*, Bì Nhật Hưu sống sau Vương Thông 250 năm, thì lời của Bì Nhật Hưu không phải là không có khả năng sai lầm.

là của Vương Thông viết.[6]

Điều đáng chú ý là, trong khi Phật học hưng thịnh (đầu thế kỷ VII) mà có người vẫn tôn sùng Vương Thông như là người kế nghiệp của Khổng Tử. Trực tiếp tôn sùng Vương Thông, tức là gián tiếp tôn sùng Khổng Tử. Do đó ta có thể thấy sự khởi đầu của phong trào phục hưng Nho học.

1. Hàn Dũ

Hàn Dũ 韓愈 (768-824) quả thực có thể xem là người tiên phong của Đạo học gia đời Tống và đời Minh. *Tân Đường Thư* chép: «Hàn Dũ tự là Thoái Chi 退之, người quê ở Nam Dương 南陽, thuộc Đặng Châu 鄧州. [...] Ông mất năm Trường Khánh 長慶 thứ tư (tức năm 824 CN, đời Đường Mục Tông 唐穆宗, tức Lý Hằng 李恆, tại vị 821-824), hưởng thọ 57 tuổi. [...] Từ đời Tấn đến đời Tuỳ, Lão giáo và Phật giáo thịnh hành, thánh đạo (tức Nho giáo) vẫn liên tục như một dải. Chư Nho ỷ lại chính nghĩa của thiên hạ, ủng hộ những sự quái lạ và thần bí. Hàn Dũ một mình than thở, viện dẫn thánh nhân để dẹp sự mê lầm của mọi người trong bốn biển. Mặc dù bị bọn ngu xuẩn đàm tiếu xỏ xiên và bị vấp váp, nhưng ông vẫn phấn đấu. Thoạt đầu chẳng ai tin ông, sau khi mất thì ông cực kỳ nổi tiếng trên đời. Ngày xưa, cách Khổng Tử mới 200 năm, Mạnh Kha chống Dương Chu và Mặc Tử. Còn Hàn Dũ cách Khổng Tử hơn ngàn năm, thì bài bác Lão và Phật. Dẹp hỗn loạn để phục hồi chính đạo, công của ông ngang với Mạnh Tử, mà nỗ lực của ông thì gấp bội Mạnh Tử; vượt qua không ít cả Tuân Huống và Dương Hùng. Từ khi Hàn Dũ mất rồi, lời lẽ của ông lưu hành rộng khắp. Các học giả ngưỡng mộ ông như Thái Sơn và Bắc Đẩu.»[7]

---

[6] **LAM chú: Bàng Phác (*Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, tr.99) viết: «Từ đầu đời Bắc Tống đến nay, luôn có người hoài nghi tính chân thực của nhân vật Vương Thông và trứ tác để đời *Văn Trung Tử Trung Thuyết* 文中子中說 của ông. Theo thành quả nghiên cứu hiện nay mà xét, khá nhiều học giả cho rằng, quả thực có nhân vật Vương Thông và tác phẩm *Văn Trung Tử Trung Thuyết* không phải là sách giả. Tư tưởng cơ bản trong đó là của Vương Thông, nhưng cũng pha tạp nhiều thành phần không thực. Xin đọc: *Vương Thông Luận* 王通論 của Doãn Hiệp Lý 尹協理 và Nguỵ Minh 魏明, Trung Quốc Xã Hội Khoa Học xuất bản xã, 1984.»**

[7] ***Tân Đường Thư*: «Hàn Dũ tự Thoái Chi, Đặng Châu, Nam Dương nhân. [...] Trường Khánh tứ niên tốt, niên ngũ thập thất. [...] Tự Tấn ngật Tuỳ, Lão Phật hiển hành, thánh đạo bất đoạn như đái. Chư Nho ỷ thiên hạ chính nghĩa, trợ vi quái thần. Dũ độc vị nhiên dẫn thánh, tranh tứ hải chi hoặc, tuy mông sán tiếu, cấp nhi phục phấn. Thuỷ nhược vị chi tín, tốt đại hiển ư thời. Tích Mạnh Kha cự Dương Mặc, khứ Khổng Tử tài nhị bách niên. Dũ bài nhị gia, nãi khứ thiên dư tuế. Bát loạn phản chính, công dữ tề nhi lực bội chi. Sở dĩ quá Huống Hùng vi bất thiểu hĩ. Tự Dũ một, kỳ ngôn đại hành. Học giả ngưỡng chi, như Thái Sơn Bắc Đẩu vân.» 韓愈字退之**

Nguyên Đạo, một trong các bài luận thuyết nổi tiếng nhất của ông, chép rằng: «Bác ái gọi là nhân. Hành động mà đúng thì gọi là nghĩa. Noi theo đó mà đi thì gọi là đạo. Tự đầy đủ ở mình mà không dựa vào bên ngoài thì gọi là đức. Nhân và nghĩa là danh từ cố định, còn đạo và đức là hư vị. Cho nên đạo có quân tử và tiểu nhân, còn đức có dữ có lành. [...] *Lễ Ký [*thiên *Đại Học]* nói: "Người xưa muốn làm sáng thêm đức sáng của mọi người thì phải *trị quốc* [làm cho nước bình yên] trước. Muốn trị quốc thì phải *tề gia* [chỉnh đốn gia đạo] trước. Muốn tề gia thì phải *tu thân* [sửa mình] trước. Muốn tu thân thì phải *chính tâm* [làm cho tâm đúng đắn] trước. Muốn chính tâm thì phải *thành ý* [làm cho ý chí trở nên thành thực] trước." Vậy thì cái mà xưa gọi là chính tâm và thành ý là nhắm vào *hữu vi* vậy. Nay [Lão giáo và Phật giáo] muốn trị tâm, nhưng lại để tâm ra ngoài thiên hạ và quốc gia, làm tuyệt diệt qui luật tự nhiên. Con chẳng xem cha là cha; bầy tôi chẳng xem vua là vua. [...] Ngày nay [Phật giáo] nêu ra phép tắc của bọn man di, và đề cao nó trên cả giáo hoá của tiên vương, vậy thì họ sao chẳng thành man di cho được? Thế nào là giáo hoá của tiên vương? Bác ái gọi là nhân. Hành động mà đúng thì gọi là nghĩa. Noi theo

---

.鄧州南陽人. [...] 長慶四年卒, 年五十七. [...] 自晉訖隋, 老佛顯行, 聖道不斷如帶. 諸儒倚天下正義, 助爲怪神. 愈獨喟然引聖, 爭四海之惑, 雖蒙訕笑, 跲而復奮. 始若未之信, 卒大顯於時. 昔孟軻距楊墨, 去孔子才二百年. 愈排二家, 乃去千餘歲. 撥亂反正, 功與齊而力倍之. 所以過況雄爲不少矣. 自愈没, 其言大行. 學者仰之, 如泰山北斗云.– **LAM chú: Phùng Hữu Lan (*Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*, quyển 4, tr.285) nói Hà Dương 河陽 thuộc Hà Nam 河南 nay là huyện Đặng 鄧 tỉnh Hà Nam; còn Bàng Phác (sđd., tr.105) viết rằng: Hàn Dũ quê ở Hà Dương 河陽 thuộc Hà Nam 河南 (nay là phía tây của huyện Mạnh 孟 tỉnh Hà Nam). Mấy đời tổ tiên từng sống ở Xương Lê 昌黎 (nay là huyện Nghĩa 義, tỉnh Liêu Ninh 遼寧), do đó ông còn xưng là Hàn Xương Lê. Ông xuất thân trong gia đình quan lại bình thường; mới ba tuổi thì mồ côi cha mẹ, nên sống với anh là Hàn Hội 韓會. Rồi anh ông cũng qua đời, ông được chị dâu (họ Trịnh 鄭) nuôi dưỡng nên người. Hoàn cảnh cô độc và gia đình thuộc nòi văn chương học vấn khiến Hàn Dũ sớm khắc khổ phấn đấu và hiếu học, phát triển tinh thần. Ông viết trong *Hàn Xương Lê Tập* rằng: «Bản tính ta vốn thích văn học. Do hoàn cảnh khốn ách buồn sầu, chẳng tỏ cùng ai, ta bèn miệt mài nghiên cứu kinh, truyện, sử ký, và học thuyết của bách gia.» Hàn Dũ tôn sùng cổ học và Nho học. Năm Trinh Nguyên 貞元 thứ 8 (tức 792 CN) đời Đường Đức Tông 唐德宗, ông đỗ tiến sĩ, rồi nhậm chức Giám sát ngự sử. Nhân vụ khuyên vua khoan nới sức dân, chớ cưỡng bức lao động họ, mà ông bị biếm làm chức lệnh ở Dương Sơn 陽山 (nay là tây bắc tỉnh Quảng Đông). Rồi ông được triệu về kinh, giữ chức Quốc tử bác sĩ và Hình bộ thị lang. Năm Nguyên Hoà 14 (tức năm 817) ông dâng tờ biểu, ngăn cản Đường Hiến Tông nghinh đón "phật cốt" (xương phật) từ một ngôi chùa ở Phượng Tường về cung. Hiến Tông thịnh nộ muốn giết chết ông, nhưng nhờ các quan can thiệp, nên ông chỉ bị biếm làm thứ sử ở Triều Châu 潮州, rồi bị điều sang làm thứ sử ở Viên Châu 袁州. Về sau, ông được triệu về kinh, lần lượt giữ các chức như Quốc tử tế tửu, Binh bộ thị lang, Lại bộ thị lang, v.v... Khi mất, ông được phong thuỵ là Văn 文, nên đời gọi ông là Hàn Văn Công 韓文公.**

đó mà đi thì gọi là đạo. Tự đầy đủ ở mình mà không dựa vào bên ngoài thì gọi là đức. Về văn thì có: *Thi, Thư, Dịch, Xuân Thu*; về phép tắc thì có: *Lễ, Nhạc*, hình luật, và chính trị. [...] Đạo ấy là đạo gì? Đáp: Cái mà chúng ta gọi là đạo chẳng phải là cái đạo mà Lão Tử hay Phật gọi. Nghiêu lấy cái đạo ấy truyền cho Thuấn; Thuấn truyền cho Vũ; Vũ truyền cho Thang; Thang truyền cho Văn Vương, Vũ Vương, và Chu Công; Văn Vương, Vũ Vương, và Chu Công truyền cho Khổng Tử; Khổng Tử truyền cho Mạnh Kha; Mạnh Kha chết rồi thì đạo ấy không còn được truyền nữa. Tuân Tử và Dương Hùng tuyển chọn đạo ấy không tinh tế, lời lẽ nghị luận lại không rõ ràng.»[8]

---

[8] **Hàn Dũ, *Nguyên Đạo*: «Bác ái chi vị nhân. Hành nhi nghi chi chi vị nghĩa. Do thị nhi chi yên chi vị đạo. *Túc hồ kỷ vô đãi* (1) ư ngoại chi vị đức. Nhân dữ nghĩa vi định danh, đạo dữ đức vi *hư vị*.(2) Cố đạo hữu quân tử tiểu nhân, nhi đức hữu hung hữu cát. [...] Truyện viết: "Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân; dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý." Nhiên tắc cổ chi sở vị chính tâm nhi thành ý giả, tương dĩ *hữu vi* (3) dã. Kim dã dục trị kỳ tâm, nhi ngoại thiên hạ quốc gia, diệt kỳ *thiên thường*.(4) Tử yên nhi bất phụ kỳ phụ, thần yên nhi bất quân kỳ quân. [...] Kim dã cử di địch chi pháp. Nhi gia chi tiên vương chi giáo chi thượng. Kỷ hà kỳ bất tư nhi vi di dã. Phù sở vị tiên vương chi giáo giả, hà dã? Bác ái chi vị nhân. Hành nhi nghi chi chi vị nghĩa. Do thị nhi chi yên chi vị đạo. Túc hồ kỷ vô đãi ư ngoại chi vị đức. Kỳ văn, Thi Thư Dịch Xuân Thu; kỳ pháp, Lễ Nhạc hình chính. [...] Tư đạo dã, hà đạo dã? Viết: Tư ngô sở vị đạo dã. Phi hướng sở vị Lão dữ Phật chi đạo dã. Nghiêu dĩ thị truyền chi Thuấn, Thuấn dĩ thị truyền chi Vũ, Vũ dĩ thị truyền chi Thang, Thang dĩ thị truyền chi Văn Vũ Chu Công, Văn Vũ Chu Công truyền chi Khổng Tử, Khổng Tử truyền chi Mạnh Kha; Kha chi tử, bất đắc kỳ truyền yên. Tuân dữ *Dương* (5) dã, trạch yên nhi bất tinh, ngữ yên nhi bất tường.(6)»** 博愛之謂仁.行而宜之之謂義.由是而之焉之謂道.足乎己無無待於外之謂德.仁與義爲定名,道與德爲虛位.故道有君子小人,而德有凶有吉.[...] 傳曰:"古之欲明明德於天下 ,先治其國;欲治其國者,先齊其家;欲齊其家者,先修其身;欲修其身者,先正其心;欲正其心者,先誠其意." 然則古之所謂正心而誠意者,將以有爲也.今也欲治其心,而外天下國家,滅其天常.子焉而不父其父,臣焉而不君其君.[...] 今也舉夷狄之法.而加之先王之教之上.幾何其不胥而爲夷也.夫所謂先王之教者,何也?博愛之謂仁.行而宜之之謂義.由是而之焉之謂道.足乎己無無待於外之謂德.其文,詩書易春秋;其法,禮樂刑正.[...] 斯道也,何道也?曰:斯吾所謂道也.非向所謂老與佛之道也.堯以是傳之舜,舜以是傳之禹,禹以是傳之湯,湯以是傳之文武周公,文武周公傳之孔子,孔子傳之孟軻;軻之死,不得其傳焉.荀與揚也,擇焉而不精,語焉而不詳.– **LAM chú: (1) Phùng Hữu Lan chép «túc hồ *dĩ* vô đãi» 足乎已無待, bản *Cổ Văn Quan Chỉ* (có chú âm phù hiệu) chép là «túc hồ *kỷ* vô đãi» 足乎己無待. Derk Bodde đọc đúng là *kỷ* (*oneself*) nên dịch: «Sufficiency in *oneself* without dependence upon externals is called the Power.» (Có đủ ở mình, không lệ thuộc bên ngoài, thì gọi là Đức). *Sources of Chinese Tradition* (Columbia University Press, 1960, vol. I, p.376, của Wm Theodore de Bary, Wing-tsit Chan, Burton Watson) cũng đọc là *kỷ* và dịch là: «..., and its inner power [te] is that it is self-sufficient.» (..., và Đức là cái tự đầy đủ). (2) *Hư vị = hư không đích bản vị* 虛空的本位(bản vị không có thật), Derk Bodde dịch: «Tao and Te hold indefinite positions.» (Đạo và Đức giữ vị trí bất định). *Sources of Chinese Tradition* dịch: «... the Way and its inner power are speculative concepts.» (Đạo và Đức là các khái niệm do suy đoán). Trọn câu «Nhân dữ nghĩa vi định danh, đạo dữ đức**

Hàn Dũ chỉ là bậc có tài văn chương thôi, chứ không phải là triết gia uyên thâm. Bài luận trên vốn không có nhiều tư tưởng triết học sâu sắc, tuy nhiên nó có mấy điểm đáng cho ta chú ý:

❶ Hàn Dũ cực kỳ tôn sùng Mạnh Tử, xem Mạnh Tử là người được chân truyền từ Khổng Tử. Hàn Dũ đề xướng điều đó và nó thành kiến giải truyền thống từ đời Tống và Minh về sau. Giữa đời Chu và đời Tần, hai phái Nho gia là Mạnh học và Tuân học cùng nổi bật. Đến đời Tây Hán, Tuân học thịnh hơn Mạnh học. Chỉ có Dương Hùng (53 TCN - 18 CN) là vẫn tôn sùng Mạnh Tử; sau đó chẳng có ai bắt chước Dương Hùng; mãi đến đời Đường mới có Hàn Dũ cũng nhiệt thành tôn sùng Mạnh Tử như vậy. Từ khi Hàn Dũ đề xướng Mạnh học, thuyết ấy lưu hành rất rộng. Sách *Mạnh Tử* bèn trở thành điển tịch trọng yếu để các Đạo học gia đời Tống và đời Minh căn cứ; bởi vì Mạnh Tử vốn có khuynh hướng của chủ nghĩa thần bí, ông nói về *tâm* và *tính*, nói rằng «vạn vật đều có đủ trong ta, trở về bản thân tìm thấy sự thành thực, còn cái vui nào bằng», và nói đến các phương pháp tu dưỡng như *dưỡng tâm* và *quả dục*. Tất cả những điều ấy được xem là có thể giải đáp tương đối những vấn đề được thảo luận trong Phật học mà người đương thời xem là các vấn đề thú vị. Do đó, trong điển tịch của Nho gia, muốn tìm sách có liên quan đến các vấn đề mà người đương thời quan tâm thì người ta chọn sách *Mạnh Tử*.

Hàn Dũ tuy chống Phật giáo, nhưng kiến thức về Phật học của ông chỉ tầm tạm thôi. Cho nên trong bức thư gởi cho quan thượng thư họ Mạnh, Hàn Dũ viết: «Hồi tôi ở Triều Châu, có một lão tăng hiệu là Đại Điên, khá thông minh, biết đạo lý. [...] Ông ta quả thực có thể vượt ngoài hình hài, lấy lý để tự thắng mình. Ông ta không để cho sự vật bên ngoài

---

vi hư vị» Trần Trọng Kim (*Nho Giáo*, sđd., quyển hạ, tr.81) dịch khác hẳn: «Ta xưa nay gọi là đạo đức, là hợp nhân với nghĩa mà nói vậy.» (3) Từ *hữu vi* ở đây là đối lập với *vô vi*. (4) *Thiên thường* = Derk Bodde dịch là «the natural constant [ties of mankind] (những ràng buộc thường hằng và tự nhiên của nhân loại); Trần Trọng Kim dịch là «đạo Trời»; *Sources of Chinese Tradition* dịch là «the natural law» (quy luật tự nhiên). (5) Dương 揚(bộ *thủ* 扌) ở đây là Dương Hùng 揚雄, tự Tử Vân 子雲, viết *Pháp Ngôn* 法言 và *Thái Huyền* 太玄; không phải là họ 楊 Dương (bộ *mộc* 木) của Dương Chu 楊朱. (Xem: *Cổ Văn Quan Chỉ* 古文觀止, chú âm phù hiệu của Lâm Điệp 林葉 và Hà Xuân Anh 何春英, Chính Ngôn xuất bản xã, Đài Bắc, 1970, tr.321-327). (6) *Sources of Chinese Tradition* dịch: «Hsün Tzu and Yang Hsiung understood elements of it, but their understanding lacked depth; they spoke of it but incompletely.» (Tuân Tử và Dương Hùng hiểu những yếu tố của nó, nhưng sự hiểu biết của họ không sâu; họ nói về nó không đầy đủ).

xâm loạn tâm ông. Khi tôi trò chuyện với ông ta, tuy ông ta không thể giải đáp tường tận, nhưng kỳ thực trong tâm ông ta không có sự trở ngại [gì đối với sự giác ngộ cả].»[9] Trong *Tống Cao Nhàn Thượng Nhân Tự* (bài tựa gởi cho thượng nhân Cao Nhàn), Hàn Dũ viết: «Nay sư Cao Nhàn là Phật gia, đã xem tử sinh như một và trừ bỏ các ràng buộc bên ngoài vào thân. Như thế tâm của sư ắt lặng lẽ không có gì tác động được; sư ắt lãnh đạm đối với cuộc đời, chẳng còn ham muốn gì.»[10] Như vậy, đối với các vấn đề mà người đương thời quan tâm, Hàn Dũ cũng không phải không có hứng thú.

❷ Hàn Dũ đặc biệt trích dẫn *Đại Học* trong bài luận *Nguyên Đạo* trên đây. *Đại Học* vốn là một thiên của *Lễ Ký*, lại thuộc về Tuân học hơn là Mạnh học. Từ đời Hán đến đời Đường, không có ai đặc biệt chú trọng nó. Hàn Dũ thấy các thuyết «minh minh đức», «chính tâm», «thành ý» trong *Đại Học* có liên quan đến các vấn đề mà người đương thời quan tâm, cho nên ông đặc biệt nêu ra. Hơn nữa ông còn nói rằng: «Cái mà xưa gọi là chính tâm và thành ý là nhắm vào *hữu vi* vậy; nay [Lão giáo và Phật giáo] muốn trị tâm, nhưng lại để tâm ra ngoài thiên hạ và quốc gia.» Qua đó, ông cho rằng Nho và Phật-Lão tuy cùng «trị tâm» nhưng dụng ý của họ khác nhau, nên kết quả cũng khác nhau. Từ đó cho đến đời Tống và đời Minh, sách *Đại Học* cũng được xem là điển tịch trọng yếu để các Đạo học gia đời Tống và đời Minh căn cứ.

❸ Hàn Dũ nêu ra chữ «Đạo» cũng là lý thuyết về *đạo thống* 道統 (tức là cái đạo chính thống truyền từ các thánh nhân đời xưa xuống tới Mạnh Tử). Mạnh Tử đã nói sơ lược về đạo thống.[11] Nhưng qua sự đề xướng của Hàn Dũ, các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều chấp nhận nó, và Đạo học bèn trở thành danh từ mới mẻ của Tân Nho học đời Tống và đời Minh.

Từ ba điểm trên mà xét, Hàn Dũ có thể xem là người tiên phong cho Đạo học gia đời Tống và đời Minh vậy.

---

[9] **Hàn Dũ, *Mạnh Thượng Thư Thư* 孟尚書書: «Triều Châu thời, hữu nhất lão tăng, hiệu Đại Điên. Phả thông minh thức đạo lý. [...] Thực năng ngoại hình hài dĩ lý tự thắng. Bất vi sự vật xâm loạn. Dữ chi ngữ, tuy bất tận giải, yêu tự hung trung vô trệ ngại.»** 潮州時、有一老僧.號大顛.頗聰明識道理. [...] 實能外形骸以理自勝.不爲事物侵亂.與之語、雖不盡解、要自胸中無滯礙.

[10] **Hàn Dũ, *Tống Cao Nhàn Thượng Nhân Tự* 送高閑上人序: «Kim Nhàn sư phù đồ thị, nhất tử sinh, giải ngoại giao. Thị kỳ vi tâm tất bạc nhiên vô sở khởi; kỳ ư thế tất đạm nhiên vô sở thị.»** 今閑師浮屠氏、一死生、解外膠.是其爲人必泊然無所起;其於世必淡然無所嗜.

[11] **Xin xem lại quyển 1 (chương 6, tiết 1 và 2).**

Hàn Dũ còn viết bài *Nguyên Tính* 原性, cho rằng: «Tính có ba phẩm (tức ba hạng): thượng, trung, hạ. Thượng phẩm thì chỉ có thiện mà thôi; trung phẩm thì có thể được dẫn dắt lên thượng phẩm hoặc bị đẩy xuống hạ phẩm; còn hạ phẩm thì chỉ có ác mà thôi.» (Tính chi phẩm hữu thượng trung hạ tam: thượng yên giả thiện yên nhi dĩ hĩ; trung yên giả khả đạo nhi thượng hạ dã; hạ yên giả ác yên nhi dĩ hĩ.» 性之品有上中下三:上焉者善焉而已矣;中焉者可導而上下也;下焉者惡焉而已矣).

Trong bài luận này, Hàn Dũ còn phân biệt *tính* với *tình*: «Tính cùng sinh khi ta chào đời. Tình sinh ra do ta tiếp xúc với ngoại vật.» (Tính dã giả, dữ sinh câu sinh dã. Tình dã giả, tiếp ư vật nhi sinh dã. 性之品有上中下三:上焉者善焉而已矣;中焉者可導而上下也;下焉者惡焉而已矣). Tính có ba phẩm thì tình cũng có ba phẩm. Đối với bảy tình (hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục = mừng, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, ham), bậc thượng phẩm hễ bị động tâm thì lấy đạo Trung Dung mà xử nó; ở bậc trung phẩm thì bảy tình ấy hoặc là thái quá, hoặc là không có, nhưng phải cầu cho hợp với đạo Trung Dung; còn bậc hạ phẩm thì trong bảy tình ấy vừa có cái không có vừa có cái thái quá, và cứ theo cái tình ấy mà hành động.

2. Lý Ngao

Cùng thời với Hàn Dũ có Lý Ngao 李翱(mất khoảng năm 844).[12] Tương truyền Lý Ngao là đệ tử của Hàn Dũ, cho nên *Tân Đường Thư* chép: «Lý Ngao tự là Tập Chi, thoạt đầu theo Hàn Dũ ở Xương Lê học văn chương, văn từ rất hồn hậu, được phổ biến rộng đương thời. Cho nên sau khi mất được tên thuỵ là Văn.»[13] Theo đó Lý là học trò của Hàn, nhưng trong *Lý Ngao Tập* có bài *Đáp Hàn Thị Lang Thư* (thư phúc đáp Hàn thị lang) và *Tế Sử Bộ Hàn Thị Lang Văn* (văn tế sử bộ Hàn thị lang) thì Lý Ngao gọi Hàn Dũ là «huynh» 兄(anh). Quan hệ giữa Hàn Dũ và

---

[12] LAM chú: Từ Hải phiên chữ 翱 là *nga lao thiết âm ngao hào vận* 莪勞切音敖豪韻; Khang Hi phiên là *ngũ lao thiết* 五勞切 và *ngưu dao thiết âm ngao* 牛刀切音遨. Như vậy 翱 đọc là *ngao;* âm Bắc Kinh hiện là [áo], dùng trong từ 翱翔[áoxiáng] = bay lượn (hover, soar). *Hoài Nam Tử* có câu «Ngao tường tứ hải chi ngoại» 翱翔四海之外(bay lượn ngoài bốn biển) và chú: «Dực nhất thượng nhất hạ viết ngao, bất dao viết tường.» 翼一上一下曰翱, 不搖曰翔(cánh chim một trên một dưới thì gọi là *ngao*; cánh không dao động thì gọi là *tường*). Một số từ điển phiên âm sai 翱là *cao*. Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê (*Đại Cương Triết Học Trung Quốc*, quyển thượng) và Nguyễn Đăng Thục (*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*, quyển 5) khi viết về nhân vật này đều phiên âm sai là Lý Cao. Học giả An Chi (*Chuyện Đông Chuyện Tây*, Nxb Trẻ, 2005, tập 2, tr.285 và tập 3, tr.352) khẳng định tên nhân vật này phải đọc là Lý Ngao.

[13] *Tân Đường Thư* (Lý Ngao Truyện): «Lý Ngao, tự Tập Chi, thuỷ tòng Xương Lê Hàn Dũ vi văn chương, từ trí hồn hậu, kiến suy đương thời. Cố hữu tư diệc thuy viết Văn.» 李翱, 字習之, 始從昌黎韓愈爲文章, 辭致渾厚, 見推當時. 故有司亦謚曰文.

Lý Ngao cơ hồ như thầy trò mà xem nhau như bạn bè.

Học thuyết của Lý Ngao chủ yếu ở trong tác phẩm *Phục Tính Thư* 復性書. Tác phẩm này có ba thiên. Thiên đầu tổng luận về tính, tình, và thánh nhân. Thiên giữa luận về phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân. Thiên cuối luận rằng con người phải nỗ lực tu dưỡng để thành thánh nhân. Trong thiên đầu, Lý Ngao viết: «Cái khiến con người thành thánh nhân là bản tính. Cái khiến bản tính con người thành mê muội là tình cảm. Mừng, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, muốn; bảy cái đó là do tình tạo ra. Tình đã hôn ám thì tính chìm đắm. Đó chẳng phải là lỗi của tính; bảy tình tuần hoàn qua lại, cho nên tính không thể sung túc. Nước đục thì dòng chảy không trong. Lửa có khói thì ánh sáng không rực rỡ. Đó chẳng phải là nước có lỗi về trong trẻo, lửa có lỗi về rực rỡ. Cát không cuộn lên thì dòng chảy trong veo, Khói không mù mịt thì ánh sáng rực rỡ. Tình không phát tác thì tính sung túc. [...] Tình kích động không ngừng thì ta không thể phục hồi bản tính của mình và không thể toả ra ánh sáng vô hạn của trời đất.»[14]

Tuy Lý Ngao và Hàn Dũ cùng sử dụng hai danh từ *tính* và *tình*, nhưng theo ý nghĩa mà Lý Ngao dùng, ta thấy rõ chúng hàm chứa yếu tố Phật học. Tính mà Lý Ngao nói, chính là cái mà Phật học gọi là *bản tâm* 本心; tình mà Lý Ngao nói, chính là cái mà Phật học gọi là *vô minh* 無明 và *phiền não* 煩惱. Chúng sinh và Phật đều có bản tâm tịnh minh viên giác. Nhưng bản tâm của chúng sinh thì bị vô minh và phiền não che lấp, nên nó không thể phát lộ được; giống như dòng nước do cát mà đục, nhưng nước vẫn là nước. Tuy nhiên vô minh và phiền não không đứng ở vị trí đối đãi với bản tâm tịnh minh viên giác, bởi vì vô minh và phiền não phải dựa vào bản tâm tịnh minh viên giác mà phát khởi. Lý Ngao cũng nói giống như vậy: «Tính và tình không thể không có nhau. Tuy

---

[14] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư* 復性書: «Nhân chi sở dĩ vi thánh nhân giả, tính dã. Nhân chi sở dĩ hoặc kỳ tính giả, tình dã. Hỉ nộ ai cụ ái ố dục thất giả, giai tình chi sở vi dã. Tình ký hôn, tính tư nịch hĩ. Phi tính chi quá dã, thất giả tuần hoàn nhi giao lai, cố tính bất năng sung dã. Thuỷ chi hồn dã, kỳ lưu bất thanh. Hoả chi yên dã, kỳ quang bất minh. Phi thuỷ hoả thanh minh chi quá. Sa bất hồn, lưu tư thanh hĩ. Yên bất uất, quang tư minh hĩ. Tình bất tác, tính tư sung hĩ. [...] Tình chi động phất tức, tắc phất năng phục kỳ tính nhi chúc thiên địa vi bất cực chi minh.»** 人之所以爲聖人者, 性也. 人之所以惑其性者, 情也. 喜怒哀懼愛惡欲七者, 皆情之所爲也. 情既昏, 性斯溺矣. 非性之過也, 七者循環而交來, 故性不能充也. 水之渾也, 其流不清. 火之煙也, 其光不明. 非水火清明之過. 沙不渾, 流斯清矣. 煙不鬱, 光斯明矣. 情不作, 性斯充矣. [...] 情之動弗息, 則弗能復其性而燭天地爲不極 明.

nhiên, không có tính thì tình không có chỗ phát sinh. Tức là tình do tính mà sinh ra. Tình chẳng phải tự thân nó là tình; do bởi tính mà có tình. Tính chẳng phải tự thân nó là tính; do tình mà nó sáng.»[15]

Về câu «Tính chẳng phải tự thân nó là tính; do tình mà nó sáng», Lý Ngao giảng: «Thánh nhân là người giác ngộ trước mọi người. Giác ngộ thì sáng; không giác ngộ thì mê hoặc; mê hoặc thì tối tăm. Sáng và tối tăm được gọi là khác nhau. Kỳ thực, tính vốn không có sáng và tối, tức là giống nhau và khác nhau, hai cái đó lìa tính. Sáng tồn tại là để đối lập với tối tăm; hễ tối tăm đã dứt tuyệt, thì sáng cũng không tồn tại.»[16]

«Sáng tồn tại là để đối lập với tối tăm» do đó «tính chẳng phải tự thân nó là tính; do tình mà nó sáng». Trên đây Lý Ngao đã nói: «Tình không phát tác thì tính sung túc.» Thánh nhân là người theo phương hướng ấy mà tu dưỡng, tức là đã *phục tính* (phục hồi bản tính). Tuy nhiên cái gọi là «tình không phát tác» cũng không phải là sự vô tình như gỗ đá. Lý Ngao nói: «Thánh nhân há vô tình sao? Thánh nhân tịch nhiên bất động, không đi mà đến, không nói mà thần, không chiếu mà sáng. Ngài hoạt động cùng với trời đất, biến hoá hợp với Âm Dương, tuy ngài có tình mà chưa hề có tình vậy.»[17]

Đàn Kinh của Lục Tổ nói: «Vô tướng là ở nơi tướng mà rời tướng; vô niệm là ở nơi niệm mà không niệm.» (Vô tướng giả, ư tướng nhi ly tướng; vô niệm giả, ư niệm nhi vô niệm. 無相者,於相而離相;無念者,於念而無念). Tương tự, cái mà Lý Ngao gọi là vô tình cũng là ở nơi tình mà vô tình. Thánh nhân tuy có hoạt động biến hoá, nhưng bản tâm của ngài luôn tịch nhiên bất động. Đó gọi là «lặng lẽ mà thường chiếu;

---

[15] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư*: «Tính dữ tình bất tương vô dã. Tuy nhiên, vô tính tắc tình vô sở sinh hĩ. Thị tình do tính nhi sinh. Tình bất tự tình, nhân tính nhi tình. Tính bất tự tính, do tình sở minh.»** 性與情不相無也. 雖然, 無性則情無所生矣. 是情由性而生. 情不自情, 因性而情. 性不自性, 由情所明.

[16] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư*: «Thánh nhân giả, nhân chi tiên giác giả dã. Giác tắc minh, phủ tắc hoặc, hoặc tắc hôn. Minh dữ hôn vị chi bất đồng. Minh dữ hôn tính bản vô hữu, tắc đồng dữ bất đồng, nhị giả ly hĩ. Phù minh giả sở dĩ đối hôn, hôn ký diệt, tắc minh diệc bất lập hĩ.»** 聖人者, 人之先覺者也. 覺則明, 否則惑, 惑則昏. 明與昏謂之不同. 明與昏性本無有, 則同與不同, 二者離矣. 夫明者所以對昏, 昏既滅, 則明亦不立矣.

[17] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư*: «Thánh nhân giả, khởi kỳ vô tình dã? Thánh nhân giả, tịch nhiên bất động, bất vãng nhi đáo, bất ngôn nhi thần, bất diệu nhi quang. Chế tác tham hồ thiên địa, biến hoá hợp hồ Âm Dương, tuy hữu tình dã, vị thường hữu tình dã.»** 聖人者豈其無情也?聖人者, 寂然不動, 不往而到, 不言而神, 不耀而光. 制作參乎天地, 變化合乎陰陽, 雖有情也, 未嘗有情也.

chiếu mà thường lặng lẽ» (tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch 寂而常照,照而常寂).

Thứ trạng thái tâm lý ấy của thánh nhân được gọi là «thành» 誠. Lý Ngao nói: «Cho nên *thành* là bản tính của thánh nhân. Ngài yên lặng bất động, quảng đại, thanh minh. Ngài chiếu sáng trời đất; cảm thông mọi duyên cớ trong thiên hạ. Khi hành động, ngừng nghỉ, nói năng, yên lặng, ngài luôn tỏ ra tột bậc. Về việc phục hồi bản tính, người hiền đeo đuổi không thôi. Chỉ có đeo đuổi mãi thì mới trở về nguồn gốc của mình. *Dịch Truyện* nói: "*Thánh nhân hoà hợp đức của mình với trời đất, hoà hợp sự sáng của mình với mặt trời và mặt trăng, hoà hợp trật tự của mình với bốn mùa, hoà hợp sự may rủi của mình với quỷ thần. Thánh nhân hành động trước trời, mà trời không chống lại; đi sau trời mà tuân theo thiên thời. Trời đã không chống lại, nói chi đến người, nói gì đến quỷ thần!*" [18] Tất cả điều ấy chẳng phải đạt được từ bên ngoài. Ta có được nó là nhờ phát triển tối đa bản tính của mình mà thôi. Tử Tư nói: "*Chỉ có chí thành thì người ta mới phát triển được tối đa bản tính của mình. Hễ phát triển được tối đa bản tính của mình thì mới phát triển được tối đa bản tính của người khác. Hễ phát triển được tối đa bản tính của người khác thì mới phát triển được tối đa bản tính của mọi vật. Hễ phát triển được tối đa bản tính của mọi vật thì mới có thể tán trợ việc hoá dục của trời đất. Hễ tán trợ được việc hoá dục của trời đất thì ta mới cùng đứng ngang hàng với trời đất. [Về phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân:] Bước kế tiếp là phát triển tối đa những thiện đoan của mình. Hễ phát triển tối đa những*

---

[18] **LAM chú: Câu này trong Văn Ngôn quẻ Càn, nhưng nguyên văn chép là «đại nhân» chứ không phải «thánh nhân». *Tiên thiên* và *hậu thiên* ở đây Richard Wilhelm giảng là «hành động trước trời» và «theo sau trời»: «Khi ông hành động trước trời, trời không chống lại ông. Khi ông theo sau trời, ông tự thích ứng với thiên thời.» (When he acts in advance of heaven, heaven does not contradict him. When he follows heaven, he adapts himself to the time of heaven). James Legge dịch là «đi trước trời» và «theo sau trời» như sau: «Đại nhân là người về phẩm đức thì hoà với trời đất; về sự sáng thì hoà với mặt trời mặt trăng; về phương thức trật tự thì hoà với bốn mùa; về cát hung thì hoà với những hoạt động như quỷ [của Thần]. Đại nhân có thể đi trước trời và trời sẽ không hành động đối nghịch với ông; có thể theo sau trời nhưng sẽ hành động theo thiên thời. Nếu trời không đối nghịch không đối nghịch với ông, thì sá gì người, sá gì hoạt động như quỷ [của Thần].» (The great man is he who is in harmony, in his attributes, with heaven and earth; in his brightness, with the sun and moon; in his orderly procedure, with the four seasons; and in his relation to what is fortunate and what is calamitous, in harmony with the spirit-like operations [of Providence]. He may precede Heaven, and Heaven will not act in opposition to him; he may follow Heaven, but will act only as Heaven at the time would do. If Heaven will not act in opposition to him, how much less will men! how much less will the spirit-like operation [of Providence]!)**

thiện đoan của mình thì ta sẽ đạt được chí thành. Hễ ta đạt được chí thành thì nó sẽ nhuận sắc đến thân thể; rồi nó phát quang huy ra ngoài; rồi nó hiển hiện sáng rỡ [ở ngôn từ, cử chỉ, việc làm]. Hễ sự sáng rỡ phát lộ ra ngoài thì nó tác động mọi người. Hễ tác động họ thì thay đổi họ. Hễ thay đổi họ thì mới chuyển hoá họ. Chỉ có [thánh nhân là] bậc chí thành trong thiên hạ mới chuyển hoá được mọi người."[19] Thánh nhân biết bản tính con người đều là thiện; con người hễ không ngừng noi theo nó [mà tu dưỡng] thì sẽ thành thánh nhân. Cho nên thánh nhân đặt ra lễ để tiết chế con người, sáng tác âm nhạc để hài hoà họ. An ổn trong âm nhạc hài hoà, đó là cái gốc của âm nhạc. Hành động mà đúng lễ, đó là cái gốc của lễ. Cho nên [thánh nhân] ngồi trên xe thì lắng nghe tiếng chuông gắn trên xe; khi đi bộ thì lắng nghe tiếng ngọc đeo trên mình; không có lý do chính đáng thì không bỏ đàn cầm và đàn sắt. Khi nhìn, nghe, nói, đi, ngài đều hành động theo lễ. Qua đó, ngài dạy người ta quên ham muốn mà quay về đạo của tính và mệnh. Đạo là chí thành. Chí thành không ngừng thì trống rỗng; trống rỗng không ngừng thì sáng; sáng không ngừng thì chiếu soi trời đất mà chẳng sót chỗ nào. Nó chẳng gì khác hơn là cái đạo phát triển tối đa tính và mệnh vậy. Than ôi, con người ai cũng có thể đạt được điều đó. Chẳng ai cấm chỉ họ thế mà họ không làm; họ chẳng phải là mê lầm sao? Ngày xưa, thánh nhân lấy đạo ấy truyền cho Nhan Hồi. [...] Tử Tư là cháu Trọng Ni, đắc đạo của ông nội mình, bèn thuật lại đạo ấy qua 47 thiên của *Trung Dung*, rồi truyền nó cho Mạnh Tử.

---

[19] **LAM chú: Lý Ngao trích dẫn *Trung Dung* chương 22 bàn về «cùng lý tận tính» (*Duy thiên hạ chí thành, vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính, tắc năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hĩ.*) và chương 23 bàn về «phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân» (*Kỳ thứ trí khúc, khúc năng hữu thành; thành tắc hình; hình tắc trữ; trữ tắc minh; minh tắc động; động tắc biến, biến tắc hoá; duy thiên hạ chí thành vi năng hoá.*) – *Trí khúc* là phát triển tối đa những đức tính mình được bẩm thụ nhiều hơn, xong rồi dần dà phát triển các thiện đoan khác để cuối cùng tiến tới hoàn thiện. Quảng Bình Du Thị nói: «Hoàn thiện đến mức phát lộ ra bên ngoài thì trong ngoài sẽ thông suốt, cơ thể sẽ đượm màu thanh cao, trong sáng. Vì thế, phát lộ sẽ trong sáng; trong sáng rồi sẽ động chúng; cho nên sáng sẽ động. Động rồi sẽ thay đổi được phong tục, cho nên động sẽ biến. Biến rồi sẽ thay đổi được ô trọc thành thanh cao, bạo tàn thành hiền lương. Nhưng *biến* là đổi mà hãy còn dấu vết, còn *hóa* thì đổi mà không còn dấu vết cũ nữa.» (Quảng Bình Du Thị viết: Thành chí ư trứ tắc nội ngoại oa triệt, thanh minh tại cung. Cố trứ tắc minh. Minh tắc hữu động chúng. Cố minh tắc động, động tắc hữu dịch tục. Cố động tắc biến. Biến tắc cách ô dĩ vi thanh, cách bạo dĩ vi lương, nhiên do hữu tích dã. Hóa tắc kỳ tích mẫn hĩ. 廣平游氏曰:誠至於著則内外洞徹,清明在躬.故著則明.明則有動衆.故明則動.動則易俗.故動則變,變則革汙爲清,革暴以爲良,然猶有跡也.化則其跡泯矣) [*Trung Dung hoặc vấn*, tr.117]. Nguyên tắc *«Thành ư trung, hình ư ngoại»* 誠於中形於外 (bên trong đã chí thành thì nó hiển hiện ra ngoài) cũng được nói trong *Đại Học* (chương 6).**

Mạnh Tử nói: "*Khi ta 40 tuổi, ta không còn động tâm nữa.*" [20] Đệ tử đạt đạo của Mạnh Tử là Công Tôn Sửu và Vạn Chương mới truyền lại đạo ấy. Gặp lúc đời Tần đốt sách (năm 213 TCN), sách *Trung Dung* chỉ còn sót lại một thiên không bị đốt; cho nên đạo ấy bị phế và khiếm khuyết. [...] Hỡi ôi! Sách tính mệnh tuy còn mà học giả chẳng ai hiểu, cho nên họ đều lao vào cái học của Trang Tử, Liệt Tử, Lão Tử, và Thích Ca. Kẻ không hiểu biết thì nói rằng học trò của Khổng Tử không đủ khả năng thâm cứu đến tận cùng cái đạo tính mệnh. Những kẻ tin họ đều cho là đúng. Có người hỏi tôi về đạo ấy, tôi bèn lấy chỗ hiểu biết của mình mà truyền cho; rồi viết ở sách này, để khai mở nguồn gốc của thành và minh. Như thế cái đạo từng bị bỏ khuyết và không được phát dương mới có thể truyền lại cho đời.»[21]

---

[20] **LAM chú: *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu - thượng): «Công Tôn Sửu vấn viết: "Phu tử gia Tề chi khanh tướng, đắc hành đạo yên, tuy do thử bá vương bất dị hĩ. Như thử, tắc động tâm phủ hồ?" Mạnh Tử viết: "Phủ. Ngã tứ thập bất động tâm."» 公孫丑問曰："夫子加齊之卿相, 得行道焉, 雖由此霸王不異矣. 如此, 則動心否乎?" 孟子曰："否. 我四十不動心." (Công Tôn Sửu hỏi: "Thí dụ Thầy được làm khanh tướng nước Tề và được thi hành đạo của mình. Nhờ đó, vua Tề sẽ trở thành bá hay vương, việc đó chẳng lạ. Như vậy, Thầy có động tâm không?" Mạnh Tử đáp: "Không. Khi ta 40 tuổi, ta không còn động tâm nữa.")**

[21] **Lý Ngao, *Phục Tính Thư:* «Thị cố thành giả, thánh nhân tính chi dã. Tịch nhiên bất động, quảng đại thanh minh, chiếu hồ thiên địa, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, hành chỉ ngữ mặc, vô bất xử ư cực dã. Phục kỳ tính giả, hiền nhân tuần chi nhi bất dĩ giả dã. Bất dĩ tắc năng quy kỳ nguyên hĩ. *Dịch* viết: "Phù thánh nhân giả, dữ thiên địa hợp kỳ đức, nhật nguyệt hợp kỳ minh, tứ thời hợp kỳ tự, quỷ thần hợp kỳ cát hung. Tiên thiên nhi thiên bất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời. Thiên thả phất vi, nhi huống ư nhân hồ? Huống ư quỷ thần hồ?" Thử phi tự ngoại đắc giả dã, năng tận kỳ tính nhi dĩ hĩ. Tử Tư viết: "Duy thiên hạ chí thành, vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính, tắc năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hĩ. Kỳ thứ trí khúc, khúc năng hữu thành; thành tắc hình; hình tắc trứ; trứ tắc minh; minh tắc động; động tắc biến, biến tắc hoá; duy thiên hạ chí thành vi năng hoá." Thánh nhân tri nhân chi tính giai thiện, khả dĩ tuần chi bất tức nhi chí ư thánh dã. Cố chế lễ dĩ tiết chi, tác nhạc dĩ hoà chi. An ư hoà nhạc, nhạc chi bản dã. Động nhi trúng lễ, lễ chi bản dã. Cố tại xa tắc văn loan hoà chi thanh, hành bộ tắc văn bội ngọc chi âm, vô cố bất phế cầm sắt. Thị thính ngôn hành, tuần lễ nhi động. Sở dĩ giáo nhân vong thị dục nhi quy tính mệnh chi đạo dã. Đạo giả, chí thành dã. Thành nhi bất tức tắc hư; hư nhi bất tức tắc minh; minh nhi bất tức tắc chiếu thiên địa nhi vô di. Phi tha dã, thử tận tính mệnh chi đạo dã. Ai tai, nhân giai khả dĩ cập hồ thử, mạc chi chỉ nhi bất vi dã, bất diệc hoặc tà? Tích giả thánh nhân dĩ chi truyền vu Nhan Tử. [...] Tử Tư, Trọng Ni chi tôn, đắc kỳ tổ chi đạo, thuật Trung Dung tứ thập thất thiên, dĩ truyền ư Mạnh Kha. Kha viết: "Ngã tứ thập bất động tâm." Kha chi môn nhân đạt giả, Công Tôn Sửu, Vạn Chương chi đồ, cái truyền chi hĩ. Tao Tần diệt thư, Trung Dung chi bất phần giả nhất thiên tồn yên, ư thị thử đạo phế khuyết. [...] Ô hô! Tính mệnh chi thư tuy tồn, học giả mạc năng minh, thị cố giai nhập ư Trang Liệt Lão Thích. Bất tri giả vị phu tử chi đồ, bất túc dĩ cùng tính mệnh chi đạo. Tín chi giả giai thị dã. Hữu vấn ư ngã,**

Người có thể đạt tới cảnh giới «thành» tức là có thể «hoà hợp đức của mình với trời đất», có thể «tán trợ được việc hoá dục của trời đất», tức là bản thân hợp nhất với vũ trụ. Trong đoạn văn trên có mấy điểm đáng chú ý:

❶ *Trung Dung* vốn là một thiên của *Lễ Ký*. Ở đây Lý Ngao đặc biệt đề cập nó. Từ đây về sau, *Trung Dung* trở thành điển tịch trọng yếu để các Đạo học gia đời Tống và đời Minh căn cứ. Ở đây Lý Ngao cũng đặc biệt trích dẫn Hệ Từ Truyện của *Chu Dịch*, từ đây về sau nó cũng thành điển tịch trọng yếu để các Đạo học gia đời Tống và đời Minh căn cứ.

❷ Trong cái học ban đầu của Nho gia, công dụng của lễ nhạc vốn là để tiết chế tình cảm và dục vọng của con người khi phát ra được trung hoà; còn ở đây, Lý Ngao nói là để «dạy người ta quên ham muốn mà quay về đạo của tính và mệnh». Trong cái học ban đầu của Nho gia, lễ nhạc có ý nghĩa luân lý; nhưng theo Lý Ngao, lễ nhạc có ý nghĩa tôn giáo hoặc thần bí. Tức là ban đầu lễ nhạc nhằm nuôi dưỡng nhân cách thành đạo đức hoàn toàn; nhưng theo Lý Ngao, lễ nhạc là một phương pháp để cho con người đạt được cái gọi là «thành».

---

ngã dĩ ngô chi sở tri nhi truyền yên. Toại thư ư thư, dĩ khai thành minh chi nguyên, nhi khuyết tuyệt phế khí bất dương chi đạo, cơ khả dĩ truyền ư thời.» 是故誠者,聖人性之也.寂然不動,廣大清明,照乎天地,感而遂通天下之故,行止語默,無不處於極也.復其性者,賢人循之而不已者也.不已則能歸其源矣.易曰:"夫聖人者,與天地合其德,日月合其明,四時合其序,鬼神合其吉凶.先天而天不爲,後天而奉天時.天且弗爲,而況於人乎?況於鬼神乎?"此非自外得者也,能盡其性而已矣.子思曰:"唯天下至誠,爲能盡其性.能盡其性,則能盡人之性.能盡人之性,則能盡物之性.能盡物之性,則可以贊天地之化育.可以贊天地之化育,則可以與天地參矣.其次致曲,曲能有誠;誠則形;形則著;著則明;明則動;動則變;變則化;唯天下至誠爲能化."聖人知人之性皆善,可以循之不息而至於聖也.故制禮以節之,作樂以和之.安於和樂,樂之本也.動而中禮,禮之本也.故在車則聞鸞和之聲,行步則聞佩玉之音,無故不廢琴瑟.視聽言行,循禮而動.所以教人忘嗜欲而歸性命之道也.道者,至誠也.誠而不息則虛;虛而不息則明;明而不息則照天地而無遺.非他也,此盡性命之道也.哀哉,人皆可以及乎此,莫之止而不爲也,不亦惑邪?昔者聖人皆以之傳于顏子.[...]子思,仲尼之孫,得其祖之道,述中庸四十七篇,以傳於孟軻.軻曰:"我四十不動心."軻之門人達者,公孫丑,萬章之徒,蓋傳之矣.遭秦滅書,中庸之不焚者一篇存焉,於是此道廢缺.[...]嗚呼!性命之書雖存,學者莫能明,是故皆入於莊列老釋.不知者謂夫子之徒,不足以窮性命之道,信之者皆是也.有問於我,我以吾之所知而傳焉.遂書於書,以開誠明之源,而缺絕廢棄不揚之道,幾可以傳於時.

❸ Trên đây, Lý Ngao nói: «Sách tính mệnh tuy còn mà học giả chẳng ai hiểu, cho nên họ đều lao vào cái học của Trang Tử, Liệt Tử, Lão Tử, và Thích Ca. Kẻ không hiểu biết thì nói rằng học trò của Khổng Tử không đủ khả năng thâm cứu đến tận cùng cái đạo tính mệnh.» Lời này nói chung có thể đại biểu cho động cơ giảng học của các Đạo học gia đời Tống và đời Minh. Các Đạo học gia này đều cho rằng họ có thể dùng chính điển tịch của Nho gia để giải đáp các vấn đề mà người đương thời quan tâm. Theo quan điểm của Lý Ngao và các Đạo học gia đời Tống và đời Minh, thánh nhân không chỉ là con người luân lý, mà còn là con người tôn giáo hoặc thần bí. Theo Mạnh Tử, thánh nhân là người đạt tới đỉnh cao của nhân luân (nhân luân chi chí chi nhân 人倫之至之人); theo Lý Ngao, thánh nhân không chỉ phát triển tột cùng nhân luân mà còn thi hành lễ nhạc để đạt tới cảnh giới tu dưỡng tối cao, tức là cảnh giới hợp nhất với vũ trụ. Người đương thời vốn quan tâm vấn đề làm sao để thành Phật, nên Lý Ngao và các Đạo học gia đời Tống và đời Minh cũng quan tâm giải đáp vấn đề này; họ muốn mọi người dùng phương pháp của Nho gia để trở thành một thứ Phật theo kiểu của Nho gia.

Lý Ngao còn luận về phương pháp tu dưỡng thành thánh nhân: «Có người hỏi tôi: "Con người u tối đã lâu, muốn phục hồi bản tính, ắt phải từ từ. Xin hỏi có phương pháp gì không?" Tôi đáp: Đừng lo âu, đừng suy nghĩ, thì tình không phát sinh. Tình đã không phát sinh, thì đó là *chính tư* 正思 (tư tưởng chân chính). *Chính tư* nghĩa là không lo âu và không suy nghĩ. *Dịch* (Hệ Từ Hạ) nói: "Thiên hạ nghĩ gì, lo gì?" [22] [Văn Ngôn quẻ

[22] LAM chú: Câu *«thiên hạ hà tư hà lự»* ở trong Hệ Từ Hạ, giải thích hào cửu tứ quẻ Hàm: «Dịch viết: *"Đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư."* Tử viết: *"Thiên hạ hà tư hà lự?* Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự. *Thiên hạ hà tư hà lự?"*» 易曰：憧憧往來，朋從爾思。子曰：天下何思何慮。天下同歸而殊塗，一致而百慮。天下何思何慮 (Kinh Dịch nói: *«Băn khoăn lo lắng; qua lại không yên. Chỉ có bạn bè của anh sẽ theo anh và suy nghĩ cùng anh.»* Khổng Tử nói: «Thiên hạ nghĩ gì, lo gì? Tuy đường lối khác nhau, nhưng tất cả đều quy về một mối. Lo toan trăm đường, kết quả chỉ có một. Thiên hạ nghĩ gì, lo gì?») – Chu Hi phiên thiết 憧憧 là *«xương dung phản, hựu âm đồng»* 昌容反又音同; như vậy đọc là *xung xung* hoặc *đồng đồng*. Vương Túc giảng: *«Đồng đồng* 憧憧 = dáng đi lại tấp nập không ngừng» (vãng lai bất tuyệt mạo 往來不絕貌). *Thuyết Văn* giảng: «Đồng là ý chưa định» (Đồng, ý bất định dã 憧，意不定也). Ngu Phiên giảng: «Đồng là trầm tư suy nghĩ.» (Đồng, hoài tư lự dã 憧，懷思慮也). *Bằng* 朋 = bạn bè. *Nhĩ* 爾 = mi, ngươi. *Tư* 思 = tư tưởng. *Thù* 殊 = khác biệt. *Đồ* 塗 (涂、途) = đường đi. *Trí* 致 = *chí* 至 (đến, tới).– Richard Wilhelm dịch: «In den Wandlungen heißt es: "Wenn man aufgeregt hin und her denkt, so folgen nur die Freunde, auf die man bewußte Gedanken richtet." Der Meister sprach: Was bedarf die Natur des Denkens und Sorgens? In der Natur kehrt alles zum gemeinsamen Ursprung und verteilt sich auf die verschiedenen Pfade; durch eine Wirkung wird die Frucht von hundert Gedanken verwirklicht. Was bedarf die Natur des Denkens, was des Sorgens?» (Kinh Dịch nói: *«Nếu một người băn khoăn tư lự, thì chỉ có bạn bè của hắn mới theo hắn; tức là những người mà hắn đã hướng tư tưởng hữu thức của hắn đến họ.»* Khổng Tử nói: «Bản chất

Càn] nói: "Phòng ngừa những điều tà vạy mà bảo tồn sự thành thực." [23] *Kinh Thi* nói: "Tư tưởng chớ tà vạy." Hỏi: "Chỉ vậy mà thôi ư?" Đáp: Chưa hết; sự trai giới tâm của mình giống như chưa xa lìa sự yên tĩnh. Có tĩnh ắt có động; có động ắt có tĩnh. Động và tĩnh không dừng, đó là tình.

---

của suy tư và lo lắng cần gì? Về bản chất, vạn vật quay về nguồn gốc chung và phân ra trên những con đường khác nhau. Thông qua một hoạt động, kết quả của trăm ý tưởng trở thành hiện thực. Bản chất của suy tư cần gì? Bản chất của lo lắng cần gì?»). James Legge dịch: «It is said in the Yi, "Full of anxious thoughts you go and come; only friends will follow you and think with you." The Master said: "In all the processes taking place under heaven, what is there of thinking? what is there of anxious scheming? They all come to the same successful issue, though by different paths; there is one result, though there might be a hundred anxious schemes. What is there of thinking? what is there of anxious scheming?"» (Kinh Dịch nói: "*Băn khoăn lo lắng; đi tới đi lui. Chỉ có bạn bè của anh sẽ theo anh và suy nghĩ cùng anh.*" Khổng Tử nói: "Trong tất cả các quy trình diễn ra dưới bầu trời, Có suy nghĩ gì? Có lo toan gì? Tất cả chúng tuy đường lối khác nhau nhưng đều có kết quả thành công như nhau. Dù trăm mối lo toan nhưng chỉ có một kết quả. Có suy nghĩ gì? Có lo toan gì?")

[23] **LAM chú: Câu «*nhàn tà tồn kỳ thành*» ở trong Văn Ngôn quẻ Càn: «Cửu nhị viết "*Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân*" hà vị dã? Tử viết: "Long, đức nhi chính trung giả dã. Dung ngôn chi tín, dung hành chi cẩn, *nhàn tà tồn kỳ thành*, thiện thế nhi bất phạt, đức bác nhi hoá. Dịch viết hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân, quân đức dã."» 九二曰：見龍在田利見大人何謂也?子曰：龍，德而正中者也.庸言之信、庸行之謹，閑邪存其誠、善世而不伐，德博而化.易曰見龍在田利見大人.君德也(Hào cửu nhị nói *Rồng hiện ở ruộng, gặp đại nhân thì có lợi*, tại sao thế? Khổng Tử nói: «Rồng [hiện], là có đức hạnh và chính trung. Lời nói chính trung thì thành thực đáng tin. Hành động chính trung thì cẩn thận. Phòng ngừa những điều tà vạy mà bảo tồn sự thành thực. Giúp đời trở nên tốt đẹp mà không khoe khoang. Đức hạnh rộng khắp cảm hoá mọi người. Kinh Dịch nói *Rồng hiện ở ruộng, gặp đại nhân thì có lợi*, đó là đức hạnh của bậc cai trị vậy.») – *Dung* 庸 = *thường* 常 (tức là chính trung, không nghiêng lệch). *Dung ngôn* và *dung hành* là lời nói và hành động trung chính. *Chi* 之 = *thị* 是 (thì, là). *Nhàn* 閑 = *phòng* 防 (phòng bị). *Nhàn tà* 閑邪 = phòng ngừa lời nói và hành động bất chính.– *Thiện thế* 善世 = giúp đời trở nên tốt đẹp. *Phạt* 伐 = khoe khoang. *Hoá* 化 = cảm hoá, giáo hoá. *Quân đức* 君德 = đức hạnh của bậc cai trị.– James Legge dịch: «What is the meaning of the words under the second NINE, '*The dragon shows himself and is in the field; – it will be advantageous to see the great man*?' The Master said: 'There he is, with the dragon's powers, and occupying exactly the central place. He is sincere [even] in his ordinary words, and earnest in his ordinary conduct. Guarding against depravity, he preserves his sincerity. His goodness is recognised in the world, but he does not boast of it. His virtue is extensively displayed, and transformation ensues. The language of the Yi, "*The dragon shows himself and is in the field; – it will be advantageous to see the great man.*" refers to a ruler's virtue.'» (Ý nghĩa hào cửu nhị «*Rồng hiện ở ruộng, gặp đại nhân thì có lợi*» là gì? Khổng Tử nói: «Đấy là anh ta với sức mạnh của rồng, đang ở vị trí chính giữa. Anh ta chân thành thậm chí trong lời lẽ bình thường, và nhiệt tâm trong hành động thường ngày. Phòng ngừa chống lại sự hủ bại, anh ta gìn giữ sự chân thành. Sự tốt lành của anh ta được đời biết đến, nhưng anh ta không khoe khoang. Đức hạnh của anh ta được hiển lộ hết mức và sự chuyển hoá phát sinh theo. Kinh Dịch nói «*Rồng hiện ở ruộng, gặp đại nhân thì có lợi*» là ám chỉ đức hạnh của bậc cai trị).**

Dịch (Hệ Từ Hạ) nói: "Cát hung hối lận phát sinh từ hành động." [24] Như vậy làm sao mà phục hồi bản tính? Hỏi: Vậy phải làm sao? Đáp: Đang lúc yên tĩnh, biết tâm không tư duy, đó là trai giới. Biết vốn không có tư duy, thì động và tĩnh đều lìa; lặng yên bất động là chí thành vậy. *Trung Dung* (chương 21) nói: "Thành thì sẽ sáng." *Dịch* (Hệ Từ Hạ) nói: "Cái động trong thiên hạ là đức trinh chính y như một." [25] Hỏi: "Khi không tư lự, sự vật từ bên ngoài xảy đến, tình cảm từ trong đáp ứng, như thế làm sao dừng nó được? Có thể lấy tình cảm để dừng tình cảm không?" Đáp: Tình cảm là sự tà vạy của bản tính. Biết nó là tà, thì tà vốn không có; hễ tâm vắng lặng bất động, thì ý nghĩ tà vạy tự dứt. Chỉ có bản tính chiếu sáng, thì tà làm sao sinh ra? Nếu lấy tình để ngăn chận tình, thì tình càng lớn. Lấy tình ngăn chận tình, biết bao giờ xong? *Dịch* (Hệ Từ Hạ) nói: "Nhan Hồi có lẽ như thế chăng? Khi anh ta có điều không tốt, thì anh ta

---

[24] **LAM chú: Nguyên văn trong Hệ Từ Hạ là: «Cát hung hối lận giả, sinh hồ động giả dã.» 吉凶悔吝者,生乎動者也(Cát hung hối lận phát sinh từ hành động).– Cao Hanh dịch: «Cát hung hối lận đều phát xuất từ hành động của con người.» (Cát hung hối lận giai xuất vu nhân chi hành động 吉凶悔吝皆出于人之行動).– Cao Hanh chú: «*Hối* 悔 = bất hạnh nhỏ; *lận* 吝 = khó khăn.» (Hối, tiểu bất hạnh dã; lận, nan dã 悔,小不幸也;吝,難也).– Richard Wilhelm hiểu *hối lận* là «hối hận và xấu hổ» (Reue und Beschämung) nên dịch: «Heil und Unheil, Reue und Beschämung entstehen durch die Bewegung.» (Cát và hung, hối tiếc và xấu hổ, phát sinh qua sự chuyển động đó). James Legge hiểu *hối lận* là «hối hận và hối tiếc» (repentance and regret) nên dịch: «Good fortune and ill, occasion for repentance or regret, all arise from these movements.» (May rủi, hối hận hay hối tiếc, tất cả đều phát sinh từ các chuyển động này).**

[25] **LAM chú: Hệ Từ Hạ: «Thiên địa chi đạo, trinh quan giả dã; nhật nguyệt chi đạo, trinh minh giả dã; *thiên hạ chi động, trinh phù nhất giả dã.*» 天地之道,貞觀者也;日月之道,貞明者也;天下之動,貞夫一也(Đạo của trời đất là sự thị hiện đức trinh chính. Đạo của mặt trời mặt trăng là sự sáng của đức trinh chính. Cái động trong thiên hạ là đức trinh chính y như một).– Chu Hi chú: *quan* 觀 = *thị* 示(nêu ra cho thấy; bảo cho biết). *Chu Dịch Đại Từ Điển* của Ngũ Hoa giải: «*Trinh quan* 貞觀 = *dĩ trung chính chi đạo thị nhân* 以中正之道示人(lấy đạo trung chính nêu cho người thấy); *trinh minh* 貞明 = *vị dĩ trung chính chi đức minh chiếu thiên hạ* 謂以中正之德明照天下(ý nói lấy đức trung chính mà soi sáng thiên hạ).» Cao Hanh chú: *Trinh phù nhất* 貞夫一 = *chính vu nhất* 正于一(đúng y như một).– Richard Wilhelm dịch: «Der SINN von Himmel und Erde wird durch Beharrlichkeit sichtbar. Der SINN von Sonne und Mond wird durch Beharrlichkeit hell. Alle Bewegungen unter dem Himmel werden durch Beharrlichkeit einheitlich.» (Đạo của trời đất trở nên hữu hình bởi sự kiên trì. Đạo của mặt trời và mặt trăng trở nên sáng rỡ bởi sự kiên trì. Mọi chuyển động trong thiên hạ trở nên đồng nhất bởi sự kiên trì). James Legge dịch: «By the same rule, heaven and earth, in their course, continually give forth their lessons; the sun and moon continually emit their light; all the movements under the sky are constantly subject to this one and the same rule.» (Cùng một quy luật, trời và đất, trong đạo của mình, liên tục cho các bài học; mặt trời và mặt trăng phát ra ánh sáng của chúng; mọi chuyển động trong thiên hạ luôn tuỳ thuộc vào cái một này và theo cùng một quy luật).**

không hề quên ý thức nó. Hễ biết rồi, thì không hề tái phạm." [Hào sơ cửu quẻ Phục] nói: "Không đi xa [trên đường tà] mà trở về [đường chính]. Sẽ không hối hận lớn. Đại cát." [26] Hỏi: "Vốn không có tư tưởng; động và tĩnh đều lìa. Như vậy khi âm thanh đến tai, ta không nghe ư? Hình dáng của vật [trước mắt], ta không thấy ư?" Đáp: Không thấy không nghe thì chẳng là người. Thấy và nghe mồn một mà tâm không khởi lên cái thấy và cái nghe, điều ấy cũng có thể lắm. Không gì không biết, không gì không làm; cái tâm ấy vắng lặng soi sáng trời đất; đó là sự sáng của thành. *Đại Học* nói: "Sự hiểu biết tột cùng do ở khảo sát sự vật." [27] *Dịch* (Hệ Từ Thượng) nói: "Kinh Dịch không nghĩ, không làm. [Sách Dịch] im lìm bất động, nhưng nếu ta hỏi đến nó, nó sẽ trả lời thông suốt mọi việc trong thiên hạ. Nếu Kinh Dịch không phải là cái vô cùng thần diệu trong

---

[26] **LAM chú: Câu này trong Hệ Từ Hạ, giải thích hào sơ cửu quẻ Phục: «Tử viết: "Nhan thị chi tử, kỳ đãi thứ cơ hồ? Hữu bất thiện vị thường bất tri, tri chi vị thường phục hành dã. Dịch viết: "*Bất viễn phục, vô kỳ hối, nguyên cát.*"» 子曰:顏氏之子,其殆庶幾乎.有不善未嘗不知.知之未嘗復行也.易曰:不遠復,無祇悔,元吉 (Khổng Tử nói: «Nhan Hồi có lẽ như thế chăng? Khi anh ta có điều không tốt, thì anh ta không hề quên ý thức nó. Hễ biết rồi, thì không hề tái phạm. Kinh Dịch nói: *Không đi xa [trên đường tà] mà trở về [đường chính]. Sẽ không hối hận lớn. Đại cát.*») – *Nhan Thị chi tử* 顏氏之子 = Nhan Hồi 顏回 (Legge hiểu là «đứa con trai của gia đình họ Nhan» (the son of the Yen family).– Cao Hanh chú: *Đãi* 殆 = đại khái 大概.– *Thứ cơ* 庶幾 = cận 近 (gần như).– *Vị thường* 未嘗 = chưa từng, không hề. Cao Hanh giải: *Bất viễn phục* 不遠復 = đi chưa xa đã quay trở lại (hành vị viễn nhi phản dã 行未遠而返也); *kỳ* 祗 = đại 大 (lớn); *vô kỳ hối* 无祗悔 = *vô đại hối* 无祗悔 (không có hối hận lớn).– Wilhelm hiểu *bất viễn phục, vô kỳ hối* 不遠復,無祗悔 là «đi chưa xa mà trở lại; không cần phải hối hận» (*Wiederkehr aus geringer Entfernung. Es bedarf keiner Reue.*= return from a short distance. No need for remorse) nên dịch: «Der Meister sprach: Yen Hui, der wird es wohl erreichen. Wenn er eine Unvollkommenheit hat, so kommt es nie vor, daß er sie nicht erkennt. Wenn er sie erkannt hat, kommt es nie vor, daß er sie zum zweitenmal begeht. In den Wandlungen heißt es: «*Wiederkehr aus geringer Entfernung. Es bedarf keiner Reue. Großes Heil!*» (Khổng Tử nói: "Nhan Hồi là người có lẽ đạt tới điều ấy. Khi anh ta có điều không tốt, thì anh ta không bao giờ quên nhận biết điều đó. Hễ biết rồi, thì không bao giờ tái phạm." Kinh Dịch nói: "*Đi chưa xa mà trở lại. Không cần phải hối hận. Đại cát.*"). James Legge dịch: «The Master said: I may venture to say that the son of the Yen family had nearly attained the standard of perfection. If anything that he did was not good, he was sure to become conscious of that; and when he knew it, he did not do the thing again. As is said in the Yi, "*The first line shows its subject returning from an error that has not led him far away. There is no occasion for repentance. There will be great good.*"» (Khổng Tử nói: "Ta dám nói đứa con trai của gia đình họ Nhan gần như đạt tới chuẩn mực hoàn hảo. Nếu bất cứ cái gì anh ta đã làm mà không tốt, thì anh ta ắt ý thức về nó; và khi biết rồi, thì anh ta không tái phạm. Như Kinh Dịch nói: *Hào sơ cửu [quẻ Phục] cho thấy chủ thể của hào này từ sai lầm mà quay đầu lại, chứ không tiến xa. Sẽ không có cớ để hối hận; đại cát.*")**

[27] **LAM chú: Derk Bodde (theo James Legge) dịch: «The extension of knowledge lies in the investigation of things.» (Sự mở mang kiến thức nằm ở sự khảo sát sự vật).**

thiên hạ, thì ai có thể làm được như vậy?" [28] Hỏi: "Xin hỏi ý nghĩa câu *'Trí tri tại cách vật'* (Sự hiểu biết tột cùng do ở khảo sát sự vật)?" Đáp: *Vật* là vạn vật. *Cách* là đến, tới. Khi vật đến, thì tâm hiểu rõ và phân biệt nó, nhưng không chấp trước ở vật, đó sự hiểu biết tột cùng vậy. Đó là tột bậc của hiểu biết. Hiểu biết tột cùng nên ý thành thực; ý thành thực nên tâm được chỉnh đốn; tâm được chỉnh đốn nên bản thân được sửa đổi; bản thân được sửa đổi nên gia đình được tề chỉnh; gia đình được tề chỉnh mà nước được quản lý; nước được quản lý mà thiên hạ thái bình. Bằng cách này, con người đứng ngang với trời đất. *Dịch* (Hệ Từ Thượng) nói: "Đức của thánh nhân tương đồng với trời đất, cho nên ngài không mâu thuẫn với trời đất. Trí tuệ của ngài bao quát vạn vật và đạo của ngài giúp thiên hạ thành tựu, nên ngài không lỗi lầm. Ngài hành động chính trực mà không bị đời cuốn trôi. Ngài vui với Trời và hiểu mệnh Trời, nên ngài không lo buồn. Ngài an phận và làm dầy dặn lòng nhân, nên bác ái. Kinh Dịch bao quát sự biến hoá của trời đất mà không vượt quá chúng; cùng làm cho vạn vật hưng thịnh mà không để sót thứ nào; quán thông quy luật chuyển hoá giữa Âm Dương và có trí tuệ. Cho nên Kinh Dịch thần diệu vô cùng và không có hình thể cố định. Một Âm và

---

[28] **LAM chú: Câu này trong Hệ Từ Thượng: «Dịch vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố. Phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thục năng dữ ư thử.» 易無思也.無爲也.寂然不動.感而遂通天下之故.非天下之至神.其孰能與於此 ([Quyển sách] Kinh Dịch không nghĩ, không làm. [Sách nằm] Im lìm bất động, nhưng nếu ta hỏi đến nó, nó sẽ trả lời thông suốt mọi việc trong thiên hạ. Nếu Kinh Dịch không phải là cái vô cùng thần diệu trong thiên hạ, thì ai có thể làm được như vậy?) Richard Wilhelm dịch: «Die Wandlungen haben kein Bewußtsein, keine Handlung, stille sind sie und bewegen sich nicht. Werden sie aber angeregt, so durchdringen sie alle Verhältnisse unter dem Himmel. Wenn sie nicht das Allergöttlichste auf Erde wären, wie könnten sie so etwas?» (Dịch không có ý thức, không có hành động. Nó tĩnh và bất động. Nhưng nếu nó được tác động, nó xuyên suốt mọi sự cố dưới bầu trời. Nếu Dịch không phải là cái thần diệu nhất trên đời, thì sao nó làm được như thế?). James Legge dịch: «In all these operations forming the Yi, there is no thought and no action. It is still and without movement; but, when acted on, it penetrates forthwith to all phenomena and events under the sky. If it were not the most spirit-like thing under the sky, how could it be found doing this?» (Trong tất cả các thao tác tạo ra Dịch, không có tư tưởng và không có hành động. Nó tĩnh lặng và bất động, nhưng khi được tác động nó xuyên suốt mọi hiện tượng và sự cố trong thiên hạ. Nếu nó không phải là cái vô cùng thần diệu trong thiên hạ, làm sao mà nó được thấy là như vậy?).**

một Dương gọi là Đạo.” [29]

[29] LAM chú: Hệ Từ Thượng: «Dữ thiên địa tương tự cố bất vi. Tri chu hồ vạn vật, nhi Đạo tế thiên hạ, cố bất quá. Bàng hành nhi bất lưu. Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu. An thổ đôn hồ nhân, cố năng ái. Phạm vi thiên địa chi hoá nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi đạo nhi tri. Cố thần vô phương nhi Dịch vô thể. Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo.» 與天地相似,故不違.知周乎萬物,而道濟天下,故不過.旁行而不流.樂天知命,故不憂.安土敦乎仁,故能愛.範圍天地之化而不過,曲成萬物而不遺,通乎晝夜之道而知.故神无方而易无體.一陰一陽之謂道(Đức của thánh nhân tương đồng với trời đất, cho nên ngài không mâu thuẫn với trời đất. Trí tuệ của ngài bao quát vạn vật và đạo của ngài giúp thiên hạ thành tựu, nên ngài không lỗi lầm. Ngài hành động chính trực mà không bị đời cuốn trôi. Ngài vui với Trời và hiểu mệnh Trời, nên ngài không lo buồn. Ngài an phận và làm dầy dặn lòng nhân, nên bác ái. *Kinh Dịch* bao quát sự biến hoá của trời đất mà không vượt quá chúng; cùng làm cho vạn vật hưng thịnh mà không để sót thứ nào; quán thông quy luật chuyển hoá giữa Âm Dương và có trí tuệ. Cho nên *Kinh Dịch* thần diệu vô cùng và không có hình thể cố định. Một Âm và một Dương gọi là Đạo).– *Tri* 知 = *trí* 智. *Tế* 濟 = hoàn thành; giúp cho thành tựu. *Tế thiên hạ* 濟天下 cũng có thể hiểu như *tế thế* 濟世 (giúp đời). Theo Cao Hanh, *bàng* 旁 và *phương* 方 ngày xưa dùng thông với nhau và *phương* là *chính trực* 正直. *An thổ* 安土 = ở yên nơi chốn của mình. *Đôn* 敦 = *hậu* 厚 (dầy dặn). *Phạm vi* 範圍 (động từ) = *bao quát* 包括. *Quá* 過 = vượt quá. *Khúc* 曲 = *câu* 俱 (đều, cùng). *Thành* 成 = *thịnh* 盛. *Di* 遺 = *lậu* 漏 (rò rỉ, lọt). *Vô phương* 無方 = *vô định phương* 無定方 (không có phương hướng cố định). *Vô thể* 無體 = *vô định thể* 無定體 (không có hình thể cố định).– Richard Wilhelm xem chủ thể của những hành động ở đây là người ta nói chung, chứ không phải chỉ là thánh nhân, nên dịch: «Indem der Mensch dadurch dem Himmel und der Erde ähnlich wird, kommt er nicht in Widerspruch mit ihnen. Seine Weisheit umfaßt alle Dinge, und sein SINN ordnet die ganze Welt. Darum macht er keinen Fehler. Er wirkt allenthalben, aber er läßt sich nirgends hinreißen. Er freut sich des Himmels und kennt das Schicksal. Darum ist er frei von Sorgen. Er ist zufrieden mit seiner Lage und ist echt in seiner Gütigkeit. Darum vermag er Liebe zu üben. In ihm sind die Formen und Bereiche aller Gestaltungen des Himmels und der Erde, so daß nichts ihm entgeht. In ihm sind alle Dinge ringsum vollendet, so daß ihrer keines fehlt. Darum kann man durch ihn den SINN von Tag und Nacht durchdringen, so daß man ihn versteht. Darum ist der Geist an keinen Ort gebunden und das Buch der Wandlungen an keine Gestalt. Was einmal das Dunkle und einmal das Lichte hervortreten läßt, das ist der SINN.» (Bằng cách ấy con người trở nên tương tự với trời đất, nên không mâu thuẫn với trời đất. Sự minh triết của con người bao quát vạn vật, và đạo của con người giúp cho thiên hạ trật tự, do đó con người không lỗi lầm. Con người hoạt động khắp nơi, nhưng không để cho mình bị cuốn xô đi. Con người vui vẻ với Trời và hiểu số mệnh của mình, nên không âu lo. Con người an phận và chân thật trong lòng nhân ái, do đó có thể yêu thương [muôn loài]. Trong nó [tức *Kinh Dịch*] có những hình thể và các lĩnh vực của tất cả những biến hoá của trời đất mà không có gì thoát khỏi nó. Trong nó, vạn vật được thành tựu mà không sót thứ gì. Cho nên thông qua nó người ta có thể xâm nhập đạo của ngày đêm mà hiểu nó. Do đó thần không ràng buộc với nơi chốn và *Kinh Dịch* không ràng buộc với hình thể. Cái để cho hiện ra lúc thì tối [Âm] lúc thì sáng [Dương], chính là Đạo). James Legge dịch: «There is a similarity between him and heaven and earth, and hence there is no contrariety in him to them. His knowledge embraces all things, and his course is intended to be helpful to all under the sky; and hence he falls into no error. He acts according to the exigency of circumstances without being carried away by their current; he rejoices in Heaven and knows its ordinations;

Đó là điều tôi muốn nói.»[30] Phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân, bước đầu tiên là «biết tâm vốn không có tư duy» (tri tâm vô tư 知心無思). Đạt được cảnh giới ấy, thì tâm yên tĩnh. Cái tĩnh này thì đối nghịch với động. Không tĩnh tức là động. Bước thứ hai là biết «vốn không có tư duy» (bản vô hữu tư 本無有思), thế thì «động tĩnh cùng lìa, vắng lặng bất động» (động tĩnh song ly, tịch nhiên bất động 動靜雙離寂然不動). Cái vắng lặng bất động này không phải là cái tĩnh đối nghịch với động, mà là «động tĩnh cùng lìa», tức là vượt trên cả cái tĩnh tuyệt đối của động và tĩnh. Cho nên thánh nhân tuy «cảm thông mọi duyên cớ trong thiên hạ» nhưng

---

and hence he has no anxieties. He rests in his own present position, and cherishes the spirit of generous benevolence; and hence he can love without reserve. Through the Yi, he comprehends as in a mould or enclosure the transformations of heaven and earth without any error; by an ever-varying adaptation he completes the nature of all things without exception; he penetrates to a knowledge of the course of day and night and all other connected phenomena; it is thus that his operation is spirit-like, unconditioned by place, while the changes which he produces are not restricted to any form. The successive movement of the inactive and active operations constitutes what is called the course of things.» (Có sự tương tự giữa thánh nhân và trời đất, do đó không có gì mâu thuẫn giữa ngài với trời đất. Trí tuệ của ngài bao trùm vạn vật và đạo của ngài trợ giúp vạn vật trong thiên hạ, do đó ngài không vướng lỗi lầm. Ngài hành động tuỳ theo sự khẩn cấp của hoàn cảnh nhưng không bị hoàn cảnh cuốn trôi. Ngài vui với Trời và biết thiên mệnh, cho nên không âu lo. Ngài ở yên trong vị trí hiện tại của mình và nuôi nấng tinh thần nhân ái, do đó có thể yêu thương [muôn loài] hết mình. Thông qua Dịch, như thể trong một phạm vi, ngài thông hiểu sự chuyển hoá của trời đất không chút lỗi lầm. Bằng sự ứng biến, ngài hoàn thành bản chất của vạn vật mà không chừa ngoại lệ. Ngài hiểu đạo của ngày đêm và các hiện tượng liên quan; chính vì thế mà hoạt động của ngài như thần, không bị địa phương qui định, trong khi đó những thay đổi mà ngài tạo ra thì không bị hạn chế ở bất cứ hình thể gì. Chuyển động liên tiếp của các hoạt động tích cực và không tích cực tạo thành cái gọi là đạo [= đường đi] của vạn vật).

[30] Lý Ngao, *Phục Tính Thư*: «Hoặc vấn viết: Nhân chi hôn dã cửu hĩ, tương phục kỳ tính giả, tất hữu tiệm dã. Cảm vấn kỳ phương? Viết: Phất lự phất tư, tình tắc bất sinh. Tình ký bất sinh, nãi vi chính tư. Chính tư giả, vô lự vô tư dã. *Dịch* viết: "Thiên hạ hà tư hà lự." Hựu viết: "Nhàn tà tồn kỳ thành." *Thi* viết: "Tư vô tà." Viết: Dĩ hĩ hồ? Viết: Vị dã; thử trai giới kỳ tâm giả dã, do vị ly ư tĩnh yên. Hữu tĩnh tất hữu động; hữu động tất hữu tĩnh. Động tĩnh bất tức, thị nãi tình dã. *Dịch* viết: "Cát hung hối lận sinh ư động giả dã." Yên năng phục kỳ tính tà? Viết: Như chi hà? Viết: Phương tĩnh chi thời, tri tâm vô tư giả, thị trai giới dã. Tri bản vô hữu tư, động tĩnh giai ly, tịch nhiên bất động giả, thị chí thành dã. *Trung Dung* (ch.21) viết: "Thành tắc minh hĩ." *Dịch* viết: "Thiên hạ chi động, trinh phù nhất giả dã." Vấn viết: Bất lự bất tư chi thời, vật cách ư ngoại, tình ứng ư nội, như chi hà nhi khả chỉ dã. Dĩ tình chỉ tình, kỳ khả hồ? Viết: Tình giả, tính chi tà dã. Tri kỳ vi tà, tà bản vô hữu; tâm tịch bất động, tà tư tự tức. Duy tính minh chiếu, tà hà sở sinh? Như dĩ tình chỉ tình, thị nãi đại tình dã. Tình hỗ tương chỉ, kỳ hữu dĩ hồ? *Dịch* viết: "Nhan thị chi tử, hữu bất thiện vị thường bất tri, tri chi vị thường phục hành dã." *Dịch* viết: "Bất viễn phục, vô kỳ hối, nguyên cát." Vấn viết: Bản vô hữu tư, động tĩnh giai ly. Nhiên tắc thanh chi lai dã, kỳ bất văn hồ? Vật chi hình dã, kỳ bất kiến hồ? Viết: Bất đổ bất

bản thể của tâm ngài thì «vắng lặng bất động». Đó tức là «thấy và nghe mồn một mà tâm không khởi lên cái thấy và cái nghe», «khi vật đến, thì tâm hiểu rõ và phân biệt nó, nhưng không chấp trước ở vật». «Vắng lặng bất động», «không khởi lên cái thấy và cái nghe», «không đáp ứng sự vật»; đó gọi là «thành» (thành thực). «Cảm thông mọi duyên cớ trong thiên hạ», «thấy và nghe mồn một», «khi vật đến, thì tâm hiểu rõ và phân biệt nó»; đó gọi là «minh» (sáng). «Minh thì sẽ thành, thành thì sẽ minh.» Lý Ngao nói «biết tâm không có tư duy» (tri tâm vô tư) mà không nói «khiến tâm

---

văn, thị phi nhân dã. Thị thính chiêu chiêu, nhi bất khởi ư kiến văn giả, tư khả hĩ. Vô bất tri dã, vô phất vi dã, kỳ tâm tịch nhiên, quang chiếu thiên địa, thị thành chi minh dã. *Đại Học* viết: "Trí tri tại cách vật." *Dịch* viết: "Dịch vô tư dã, vô vi dã. Tịch nhiên bất động; cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố, phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thục năng dữ ư thử?" Viết: "Cảm vấn trí tri tại cách vật" hà vị dã? Viết: Vật giả, vạn vật dã. Cách giả, lai dã, chí dã. Vật chí chi thời, kỳ tâm chiêu chiêu nhiên minh biện yên, bất trước ư vật giả, thị trí tri dã. Thị tri chi chí dã. Tri chí cố ý thành, ý thành cố tâm chính, tâm chính cố thân tu, thân tu nhi gia tề, gia tề nhi quốc lý, quốc lý nhi thiên hạ bình. Thử sở dĩ năng tham thiên địa giả dã. *Dịch* viết: "Dĩ thiên địa tương tự cố bất vi. Tri chu hồ vạn vật, nhi Đạo tế thiên hạ, cố bất quá. Bàng hành nhi bất lưu. Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu. An thổ đôn hồ nhân, cố năng ái. Phạm vi thiên địa chi hoá nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi đạo nhi tri. Cố thần vô phương nhi Dịch vô thể. Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo." Thử chi vị dã.» 或問曰:人之昏也久矣,將復其性者,必有漸也.敢問其方?曰:弗慮弗思,情則不生.情既不生,乃爲正思.正思者,無慮無思也.易曰:"天下何思何慮."又曰:"閑邪存其誠."詩曰:"思無邪."曰:已矣乎?曰:未也;此齋戒其心者也,猶未離於靜焉.有靜必有動;有動必有靜.動靜不息,是乃情也.易曰:"吉凶悔吝者,生乎動者也."焉能復其性邪?曰:如之何?曰:方靜之時,知心無思者,是齋戒也.知本無有思,動靜皆離,寂然不動者,是至誠也.中庸曰:"誠則明矣."易曰:"天下之動,貞夫一也."問曰:不慮不思之時,物格於外,情應於内,如之何而可止也.以情止情,其可乎?曰:情者,性之邪也.知其爲邪,邪本無有;心寂不動,邪思自息.惟性明照,邪何所生?如以情止情,是乃大情也.情互相止,其有已乎?易曰:"顏氏之子,其殆庶幾乎.有不善未嘗不知.知之未嘗復行也."易曰:"不遠復,無祇悔,元吉."問曰:本無有思,動靜皆離.然則聲之來也,其不聞乎?物之形也,其不見乎?曰:不睹不聞,是非人也.視聽昭昭,而不起於見聞者,斯可矣.無不知也,無弗爲也,其心寂然,光照天地,是誠之明也.大學曰:"致知在格物."易曰:"易無思也,無爲也,寂然不動,感而遂通天下之故.非天下之至神,其孰能與於此?"曰:"敢問致知在格物"何謂也?曰:物者,萬物也.格者,來也,至也.物至之時,其心昭昭然明辨焉.不著於物者,是致知也.是知之至也.知至故意誠,意誠故心正,心正故身修,身修而家齊,家齊而國理,國理而天下平.此所以能參天地者也.易曰:"與天地相似,故不違.知周乎萬物,而道濟天下,故不過.旁行而不流.樂天知命,故不憂.安土敦乎仁,故能愛.範圍天地之化而不過,曲成萬物而不遺,通乎晝夜之道而知.故神无方而易无體.一陰一陽之謂道."此之謂也.

không có tư duy» (sử tâm vô tư), bởi vì «khiến tâm không có tư duy» tức là «lấy tình để ngăn chặn tình». «Lấy tình để ngăn chặn tình» thì tình cảm ngăn chặn lẫn nhau, không thể tận cùng. Tình là tà vạy, là sai lầm. Biết nó là tà vạy, là sai lầm, thì tự ta không có tình, chứ không phải đợi ngăn chặn rồi mới không có tình. Tông Mật 宗密 nói: «Chân tâm không có niệm; khi niệm khởi thì ý thức nó; ý thức nó thì không có niệm. Pháp môn tu hành huyền diệu là ở chỗ đó.» (Chân tâm vô niệm, niệm khởi tắc giác, giác chi tắc vô. Tu hành diệu môn, tức tại thử dã 眞心無念,念起則覺,覺之則無.修行妙門,即在此也). Điều Lý Ngao nói cũng chính là ý đó. Sau cùng, thuyết «cách vật trí tri» của *Đại Học*, các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều giải thích. Lý Ngao có thể nói là người nêu ra sự tranh biện này từ đây về sau.

3. Đạo học và Phật học

Các tiết trên đây cho thấy cơ sở của Đạo học đời Tống và đời Minh đã do Hàn Dũ và Lý Ngao đời Đường xác định, mà cống hiến của Lý Ngao thì lớn hơn Hàn Dũ khá nhiều. Học thuyết của Lý Ngao chịu ảnh hưởng Phật học thấy rõ. Lý Ngao xem tình cảm là có hại, khiến cho bản tính hôn ám và động. Cho nên người phục hồi bản tính tức là hồi phục cái vốn tĩnh và vốn sáng của bản tính. Cái tĩnh ấy chẳng phải là cái tĩnh đối nghịch với cái động, mà là cái tĩnh tuyệt đối. Nó là cái mà *Trung Dung* gọi là «thành». Hễ có thể thành thì sẽ tự có thể sáng, hễ có thể sáng thì sẽ tự có thể thành; nên *Trung Dung* nói: «Thành thì sẽ minh; minh thì sẽ thành.» Ý tưởng của Lý Ngao trên đây cơ hồ chịu ảnh hưởng pháp môn chỉ quán của Thiên Thai tông. Lương Túc 梁肅 (753-793) viết *Chỉ Quán Thống Lệ* 止觀統例 rằng: «Chỉ quán là gì? Là dẫn dắt lý của vô vàn biến hoá trở về thực tế. Thực tế là gì? Là gốc của tính. Vật sở dĩ không thể trở về [gốc của tính] bởi vì hôn ám và động khiến nó như thế. Cái soi chiếu hôn ám gọi là sáng; cái ngăn chặn động gọi là tĩnh. Sáng và tĩnh là thể của chỉ quán. Ở nguyên nhân thì gọi là chỉ quán; ở kết quả thì gọi là trí và định.»[31]

«Minh» (sáng) là thể của «quán»; «tĩnh» là thể của «chỉ» (ngăn chận). Ở đây lấy *minh* và *tĩnh* đối với *hôn ám* và *động*; nó phù hợp với

[31] **Lương Túc, *Chỉ Quán Thống Lệ*: «Phù chỉ quán hà vị dã? Đạo vạn hoá chi lý nhi phục ư thực tế giả dã. Thực tế giả, hà dã? Tính chi bản dã. Vật chi sở dĩ bất năng phục giả, hôn dữ động sử chi nhiên dã. Chiếu hôn giả, vị chi minh; trú động giả, vị chi tĩnh. Minh dữ tĩnh, chỉ quán chi thể dã. Tại nhân vị chi chỉ quán; tại quả vị chi trí định.»** 夫止觀何謂也?導萬化之理而復於實際者也.實際者,何也?性之本也.物之所以不能復者,昏與動使之然也.照昏者,謂之明;駐動者,謂之靜.明與靜,止觀之體也.在因謂之止觀;在果謂之智定.

đại ý trong *Phục Tính Thư* của Lý Ngao. Tuy nhiên Lý Ngao lại lấy ý này để thuyết minh *Dịch Truyện, Đại Học*, và *Trung Dung*. Chỉ quán mà Lương Túc giảng bắt nguồn từ Trạm Nhiên 湛然 của Thiên Thai tông. Lý Ngao đã được Lương Túc xem là tri kỷ. *Phục Tính Thư* của Lý Ngao cơ hồ là lời Lương Túc được phát huy thêm và được lấy để thuyết minh *Dịch Truyện, Đại Học*, và *Trung Dung*. Do đó, một thuyết vốn của Phật gia lại biến thành thuyết của Nho gia.

Tuy nhiên, thuyết của Lý Ngao quả thực cũng có thể xem là thuyết của Nho gia, bởi vì những điều như tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ không lìa lập trường của Nho gia. Lý Ngao và các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều muốn biến con người thành ông Phật theo kiểu Nho gia, mà ông Phật này phải tu luyện thành trong việc thực hành nhân luân hằng ngày. Như vậy Lý Ngao và các Đạo học gia đời Tống và đời Minh tuy mượn Phật đưa vào Nho mà kỳ thực là bài Phật.

Cho đến đời Bắc Tống (960-1126), các đệ tử Phật gia cũng giảng giải *Trung Dung*. Thí dụ như sư Trí Viên 智圓 (976-1022) lấy tên hiệu là Trung Dung Tử và viết *Trung Dung Tử Truyện*; sư Khế Tung 契嵩 (1007-1072) viết *Trung Dung Giải*. Loại sách này đã thành sách được hai nhà Nho và Phật cùng giảng tụng chung với nhau.

4. Tư tưởng của một bộ phận trong Đạo giáo

Cho đến đời Bắc Tống, thứ Tân Nho học dung hợp Nho và Phật này lại có thêm tư tưởng của một bộ phận trong Đạo giáo. Nó là một thành phần mới mẻ của Tân Nho học. Trong đời Tây Hán, lời lẽ của Âm Dương gia trộn lẫn vào Nho gia. Thứ sản phẩm hỗn hợp này tức là học thuyết của bọn Kinh học gia kim văn như Đổng Trọng Thư. Đến khi Kinh học gia cổ văn và Huyền học gia nổi lên thì lời lẽ của Âm Dương gia nhất thời bị áp đảo. Nhưng đồng thời, Âm Dương gia lại lấy một bộ phận kinh điển của Nho gia đưa vào học thuyết của Đạo gia mà thành cái gọi là Đạo giáo. Huyền học gia cũng suy diễn học thuyết của Đạo gia, nhưng họ chẳng những rẽ nẻo khác với Đạo giáo mà còn đi ngược lại nó nữa.

Lời lẽ của Âm Dương gia có thể hỗn hợp với học thuyết của Đạo gia, tưởng như chuyện kỳ lạ. Nhưng sách Lão Tử lời lẽ quá ẩn áo cô đọng, có thể giải thích nhiều cách. Trong đó có nhiều câu như «thiện nhiếp sinh giả, lục hành bất tị huỷ hổ» (kẻ giỏi dưỡng sinh đi trên bộ không tránh tê giác và cọp), «tử nhi bất vong giả thọ» (kẻ chết mà không mất là thọ), «thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo» (gốc sâu rễ chắc, đạo nhìn lâu sống lâu), v.v... Những câu này có thể phụ giảng thêm

cho thuật trường sinh bất tử của Đạo giáo. Những kẻ tu luyện trường sinh bất tử lấy vũ trụ quan của Âm Dương gia thêm vào nhân sinh quan hi vọng trường sinh, hợp với các giải thích của Âm Dương gia về các sự vật trong vũ trụ, để tạo thành lý luận cho phương pháp cầu trường sinh, và hình thành cái gọi là Đạo giáo. Kể từ cuối đời Đông Hán, Đạo giáo hưng thịnh. Trong các đời Nam Bắc Triều, Tuỳ, Đường, Đạo giáo và Phật giáo đứng ở địa vị đối đẳng, có lúc gây thịnh suy cho nhau.

Trong Đạo giáo có sử dụng một số kinh điển Nho gia, chẳng hạn như *Chu Dịch*, bởi vì nó vốn là sách bói. Bói toán là một chủng loại thuật số, và *Chu Dịch* cũng là kinh điển của Âm Dương gia. Trong kinh điển Đạo giáo có nhiều sách liên quan đến Dịch, như *Chu Dịch Tham Đồng Khế* 周易參同契 mà Đạo giáo gọi là «đan kinh chi vương» 丹經之王 (vua của các sách luyện đan), nên đặc biệt nổi tiếng. *Tham Đồng Khế* tương truyền là của Nguỵ Bá Dương 魏伯陽 sáng tác. Tương truyền Nguỵ Bá Dương sống cuối đời Đông Hán. Tuy nhiên *Tuỳ Thư Kinh Tịch Chí* không ghi chép về sách này. Cho nên muốn biết nó có phải là tác phẩm cuối đời Đông Hán hay không thì còn phải đợi khảo chứng. *Tham Đồng Khế* có dùng thuyết Nạp Giáp 納甲 trong Dịch học của Ngu Phiên 虞翻 để thuyết minh tình trạng Âm Dương tiêu tức trong vũ trụ.

Dịch Hệ Từ nói: «Các tượng treo trên trời, không có gì sáng hơn mặt trời và mặt trăng.» (Huyền tượng trứ minh, mạc đại hồ nhật nguyệt 懸象著明,莫大乎日 月).[32] Ngu Phiên chú: «Ý nói mặt trời mặt trăng

---

[32] LAM chú: Câu «*huyền tượng trứ minh mạc đại hồ nhật nguyệt*» trong Hệ Từ Thượng: «Thị cố pháp tượng mạc đại hồ thiên địa; biến thông mạc đại hồ tứ thời; *huyền tượng trứ minh mạc đại hồ nhật nguyệt*; sùng cao mạc đại hồ phú quý; bị vật trí dụng, lập thành khí dĩ vi thiên hạ lợi, mạc đại hồ thánh nhân; thám trách sách ẩn, câu thâm trí viễn, dĩ định thiên hạ chi cát hung, thành thiên hạ chi vĩ vĩ giả, mạc đại hồ thi quy.» 是故法象莫大乎天地;變通莫大乎四時;懸象著明莫大乎日 月;崇高莫大乎富貴;備物致用,立成器以爲天下利莫大乎聖人;探賾索隱,鉤深致遠,以定天下之吉凶,成天下之亹亹者,莫大乎蓍龜(Cho nên làm hình tượng cho các thứ khác bắt chước, không có gì lớn hơn trời đất. Biến thông, không có gì hơn bốn mùa. *Các tượng treo trên trời, không có gì sáng hơn mặt trời và mặt trăng*. Được tôn sùng vì địa vị cao, không ai hơn kẻ phú quý. Chuẩn bị vật để dùng và phát minh ra công cụ làm lợi cho thiên hạ, không ai vĩ đại hơn các thánh nhân. Xem xét cái phức tạp, tìm tòi cái bí ẩn, thu lấy điều thâm sâu, suy ra điều xa xôi; qua đó xác định việc cát hung trong thiên hạ và tựu thành những nỗ lực lớn trong thiên hạ, không gì bằng phép bói cỏ thi và phép bói rùa). Richard Wilhelm dịch: «Darum: Es gibt keine größeren Urbilder als Himmel und Erde. Es gibt nichts Beweglicheres und Zusammenhängenderes als die vier Jahreszeiten. Es gibt unter den am Himmel hängenden Bildern keine leuchtenderen als Sonne und Mond. Es gibt in Beziehung auf Verehrung und hohe Stellung keinen größeren als den, der Reichtum und Vornehmheit besitzt. In Beziehung auf die Vorbereitung von Dingen zum Gebrauch, auf Herstellung von Geräten, die für die ganze Welt von Nutzen sind,

treo trên trời thành tượng của bát quái. Chiều mồng 3, tượng Chấn xuất ở Canh. Ngày mồng 8, tượng Đoài hiện ở Đinh. Ngày 15, tượng Càn đầy ở Giáp. Ngày 16, tượng Tốn lui về Tân. Ngày 23, tượng Cấn tiêu ở Bính. Ngày 30, tượng Khôn diệt ở Ất. Đêm cuối tháng và ngày đầu tháng, tượng Khảm lưu thông ở Mậu. Giữa ngày là Ly, tượng Ly tựu ở Kỷ. Mậu Kỷ ở vị trí của thổ, ở đây tượng hiện ở trung tâm. Mặt trời và mặt trăng đẩy nhau, nên ánh sáng sinh ra.»[33]

---

gibt es niemand Größeres als die Heiligen und Weisen. Um die wirren Mannigfaltigkeiten zu begreifen und das Geheime zu erforschen, um das Tiefe zu erreichen und in die Ferne zu wirken und so Heil und Unheil auf Erden festzusetzen und alle Anstrengungen auf Erden zu vollenden, gibt es nichts Größeres als das Orakel.» (Cho nên: Không có nguyên tượng nào lớn hơn trời đất. Không có gì biến thông hơn bốn mùa. *Trong các tượng treo trên trời không có gì sáng hơn mặt trời và mặt trăng.* Về sự tôn sùng và địa vị cao, không ai trội hơn kẻ phú quý. Về việc chuẩn bị vật để dùng và phát minh ra công cụ hữu ích cho thiên hạ, không ai vĩ đại hơn các thánh nhân. Để hiểu mọi tạp loạn và tìm tòi sự bí mật nhằm đạt tới cái sâu và tác động tới nơi xa, và qua đó xác định sự cát hung ở đời và thành tựu mọi nỗ lực trên đời, không gì tốt hơn bốc phệ). James Legge dịch: «Therefore of all things that furnish models and visible figures there are none greater than heaven and earth; of things that change and extend an influence on others there are none greater than the four seasons; of things suspended in the sky with their figures displayed clear and bright, there are none greater than the sun and moon; of the honoured and exalted there are none greater than he who is the rich and noble one; in preparing things for practical use, and inventing and making instruments for the benefit of all under the sky, there are none greater than the sages; to explore what is complex, search out what is hidden, to hook up what lies deep, and reach to what is distant, thereby determining the issues for good or ill of all events under the sky, and making all men under heaven full of strenuous endeavours, there are no agencies greater than those of the stalks and the tortoise-shell.» (Cho nên trong các thứ cung cấp khuôn mẫu và hình tượng, không gì lớn bằng trời và đất. Trong các thứ biến đổi và mở rộng ảnh hưởng lên thứ khác, không gì lớn bằng bốn mùa. *Trong các vật được treo trên trời với hình tượng của chúng hiển lộ sáng rỡ, không gì lớn bằng mặt trời và mặt trăng.* Trong những người được tôn sùng, không ai bằng người giàu và quý. Chuẩn bị vật để dùng và phát minh thành dụng cụ ích lợi cho thiên hạ, không ai bằng thánh nhân. Xem xét cái phức tạp, tìm tòi cái bí ẩn, câu lên cái dưới sâu, vươn tới cái ở xa, qua đó xác định việc cát hung của thiên hạ và giúp cho mọi người trong thiên hạ tận lực phấn đấu, không gì bằng [phép bói] cỏ thi và [phép bói] rùa).

33 Lý Đỉnh Tộ, *Chu Dịch Tập Giải*, trích dẫn Ngu Phiên: «Vị nhật nguyệt huyền thiên, thành bát quái tượng. Tam nhật mộ Chấn tượng xuất canh. Bát nhật Đoài tượng kiến đinh. Thập ngũ nhật Càn tượng doanh giáp. Thập lục nhật đán Tốn tượng thoái tân. Nhị thập tam nhật Cấn tượng tiêu bính. Tam thập nhật Khôn tượng diệt ất. Hối tịch sóc đán, Khảm tượng lưu mậu. Nhật trung tắc ly, Ly tượng tựu kỷ. Mậu kỷ thổ vị, tượng kiến ư trung. Nhật nguyệt tương thôi, nhi minh sinh yên.» 謂日月懸天,成八卦象. 三日暮震象出庚,八日兌象見丁. 十五日乾象盈甲. 十六日旦巽象退辛. 二十三日艮象消丙. 三十日坤象滅乙. 晦夕朔旦,坎象流戊. 日中則離,離象就己. 戊己土位,象見於中. 日月相推,而明生焉.

Trên đây nói sáu quẻ Chấn, Đoài, Càn Tốn, Cấn, Khôn biểu thị sự tiêu trưởng của Âm Dương trong một tháng. Lấy 10 thiên can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) để biểu thị địa vị mặt trời và mặt trăng trong một tháng. Đó gọi là Nạp Giáp. *Tham Đồng Khế* nói: «Các phù hiệu của trời có tiến thoái, co duỗi ứng với bốn mùa. Cho nên Dịch thống lĩnh tâm của trời. Quẻ Phục hiện các mầm mống ban đầu.[34] Trưởng nam (tức Chấn) nối tiếp thể của cha (tức Càn), bởi vì mẹ (tức Khôn) lập nền cho điềm. Tiêu tức ứng với 12 luật, thăng giáng căn cứ trục của Bắc Đẩu. Ngày mồng 3, [trăng] phát ánh sáng, Chấn nhận Canh ở hướng tây. Ngày mồng 8, Đoài nhận Đinh, trăng thượng huyền ngang như sợi dây. Ngày 15, thể của Càn tựu thành, trăng tròn ở Giáp ở hướng đông. Thiềm thừ và thố phách, khí mặt trời và mặt trăng cùng sáng. Thiềm thừ nhìn quái tiết, thố phách nhả ánh sáng sống động. Đường 7 và 8 đã hết (tức qua rằm), trăng co gãy xuống thấp dần. Ngày 16 chuyển sang chu kỳ mới, Tốn ở Tân hiện bình minh. Cấn ngang thẳng với Bính ở hướng nam, trăng hạ huyền ngày 23. Khôn và Ất ngày 30, mất bạn (tức ánh sáng) ở đông bắc. Khi sự phân chia một tháng đã xong, tháng kế tiếp bắt đầu, nối tiếp thể [của Càn] phục sinh rồng (tức Dương). Nhâm và Quý phối với Giáp và Ất, Càn Khôn bao quát đầu cuối. Số 7 và 8 là 15; số 9 và 6 cũng là 15. Bốn số hợp thành 30, khí Dương hoàn thành đủ và ẩn tàng.»[35]

---

[34] **LAM chú: Thoán Truyện của quẻ Phục 復 nói: «Trở về, phải chăng nó cho thấy lòng của trời đất?» (Phục, kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ? 復，其見天地之心乎).**

[35] ***Tham Đồng Khế:* «Thiên phù hữu tiến thoái, truất thân dĩ ứng thời. Cố Dịch thống thiên tâm, Phục quái kiến thuỷ manh. Trưởng tử kế phụ thể, nhân mẫu lập triệu cơ. Tiêu tức ứng Chung luật, thăng giáng cứ Đẩu xu; tam nhật xuất vi sảng, Chấn thụ canh tây phương. Bát nhật Đoài thụ đinh, thượng huyền bình như thằng. Thập ngũ Càn thể tựu, thịnh mãn giáp đông phương. Thiềm thừ dữ thố phách, nhật nguyệt khí song minh. Thiềm thừ thị quái tiết, thố phách thổ sinh quang. Thất bát đạo dĩ ngật, khuất chiết đê hạ giáng. Thập lục chuyển thụ thống, Tốn tân kiến bình minh. Cấn trực ư bính nam, hạ huyền nhị thập tam. Khôn ất tam thập nhật, đông bắc táng kỳ bằng. Tiết tận tương thiền dữ, kế thể phục sinh long. Nhâm quý phối giáp ất, Càn Khôn quát thuỷ chung. Thất bát số thập ngũ; cửu lục diệc tương ứng. Tứ giả hợp tam thập, Dương khí sách diệt tàng.»** 天符有進退，詘伸以應時．故易統天心，復卦建始萌．長子繼父體，因母立兆基．消息應鍾律，升降據斗樞；三日出爲爽，震受庚西方．八日兌受丁，上弦平如繩．十五乾體就，盛滿甲東方．蟾蜍與兔魄，日月氣雙明．蟾蜍視卦節，兔魄吐生光．七八道已訖，屈折低下降．十六轉受統，巽辛見平明．艮直於丙南，下弦二十三．坤乙三十日，東北喪其朋．節盡相禪與，繼體復生龍．壬癸配甲乙，乾坤括始終．七八數十五；九六亦相應．四者合三十，陽氣索滅藏．**– LAM chú: *Quảng Nhã* giảng: «*Truất, khuất dã.*»** 詘，屈也 **(*Truất* là *khuất* = bẻ cong, co lại).**

Mồng 3 mỗi tháng, trăng bắt đầu sáng. Lúc này trăng chỉ nhận ánh sáng của một Dương, tức là tượng của Chấn ☳, bóng tối ở Canh, hướng tây. Ngày mồng 8, trăng thượng huyền nhận ánh sáng của hai Dương, tức là tượng của Đoài ☱, bóng tối ở Đinh, hướng nam. Ngày mồng 15, trăng rằm hoàn toàn nhận ánh sáng của mặt trời, tức là tượng của Càn ☰, bóng tối ở Giáp, hướng đông. Ngày 16, trăng bắt đầu nhận một Âm ở dưới mà thành phách, tức là tượng của Tốn ☴, lặn vào sáng sớm ở Tân, hướng Tây. Ngày 23, trăng hạ huyền phục sinh một Âm ở giữa, tức là tượng của Cấn ☶, lặn vào sáng sớm ở Bính, hướng nam. Đến ngày 30, trăng hoàn toàn biến thành ba Âm, tức là tượng của Khôn ☷, nằm ở đông bắc. Đến tháng kế tiếp, quẻ Chấn phục sinh.[36]

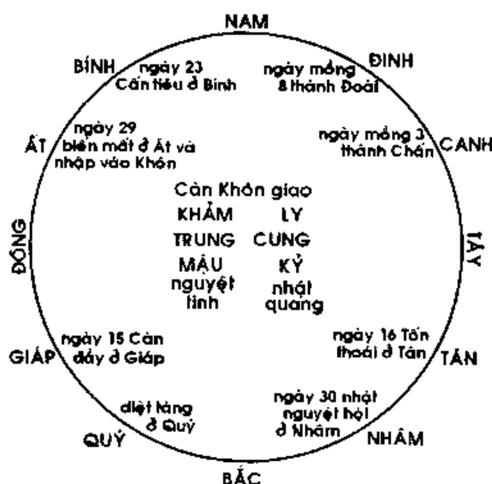
Hai quẻ Khảm và Ly không được đề cập trên đây, *Tham Đồng Khế* giải thích: «Khảm và Mậu là tinh của mặt trăng, Ly và Kỷ là ánh sáng của mặt trời. Mặt trời và mặt trăng là Dịch, cứng mềm tương ứng. Thổ hoạt động mạnh suốt bốn mùa, bao quát đầu cuối. Xanh, đỏ, đen, trắng, mỗi thứ ở một phương. Chúng đều được phú bẩm công lao của Mậu và Kỷ ở trung cung.»[37]

Khảm Ly phối hợp Mậu Kỷ ở tại trung ương. Ly là ánh sáng mặt trời, vốn cư ở trung ương. Khảm là tinh của mặt trăng, vào đêm cuối tháng và sáng mồng một của tháng kế, mặt trăng cũng «trôi chảy» vào vị trí này. Lấy bát quái phối hợp với 10 thiên can, thì còn dư Nhâm và Quý không có chỗ phối hợp; nên lấy Càn Khôn phối hợp với chúng. Đó gọi là «Nhâm Quý phối Giáp Ất, Càn Khôn quát chung thuỷ». Toàn bộ các phối hợp ấy có thể tóm tắt bằng hình đồ sau đây của Huệ Đống 惠棟 (1697-1758) trong *Dịch Hán Học* 易漢學 của ông:

---

[36] **Phùng Hữu Lan chú: Đoạn này tôi giải thích theo Chu Hi (1130-1200) trong *Chu Dịch Tham Đồng Khế Khảo Dị*.**[36] **Phùng Hữu Lan chú: Đoạn này tôi giải thích theo Chu Hi (1130-1200) trong *Chu Dịch Tham Đồng Khế Khảo Dị*.**

[37] ***Tham Đồng Khế*: «Khảm Mậu nguyệt tinh, Ly Kỷ nhật quang. Nhật nguyệt vi Dịch, cương nhu tương đương. Thổ vượng tứ quý, la lạc thuỷ chung. Thanh xích hắc bạch, các cư nhất phương. Giai bẩm trung cung, Mậu Kỷ chi công.»** 坎戊月精，離己日光．日月爲易，剛柔相當．土旺四季，羅絡始終．青赤黑白，各居一方．皆稟中宮，戊己之功。**– Derk Bodde chú: Ở đây ngũ hành được đưa vào hệ thống: *Xanh* = đông, mộc; *đỏ* = nam, hoả; *đen* = bắc, thuỷ; *trắng* = tây, kim. Thổ ở trung cung, hoạt động không thiên vị suốt bốn mùa. Xin xem lại quyển 1 (chương 7, tiết 7).– LAM chú: Câu *«nhật nguyệt vi Dịch»* có thể hiểu: mặt trời là Dương và mặt trăng là Âm. Âm và Dương là Dịch lý. Cũng có thể hiểu: chữ Dịch** 易 **ở dạng chữ triện, gồm trên là chữ nhật (mặt trời = Dương) và dưới là chữ nguyệt (mặt trăng = Âm), cũng tượng trưng cho Dịch lý.**



Tình trạng Âm Dương tiêu tức trong vũ trụ là như thế, cho nên chúng ta nếu muốn được trường sinh thì nhân lúc Dương trưởng Âm tiêu hãy «trộm lấy bộ máy của trời đất» để luyện tinh-khí-thần trong thân thể chúng ta, tức là luyện đan. Trong Đạo giáo, cái gọi là «đan» có nội đan và ngoại đan khác nhau. Ngoại đan là tìm kiếm thuốc men ở ngoài thân ta, luyện cho nó thành hoàn đan, rồi uống vào sẽ trường sinh. Tần Thuỷ Hoàng và Hán Vũ Đế tìm kiếm thuốc tiên, tức là loại đan này. Nội đan tức là luyện tinh-khí-thần trong thân thể chúng ta. Thân thể chúng ta là một tiểu vũ trụ, trong đó cũng có Âm Dương và bát quái. Đạo trường sinh vốn quay trở ngược vào bản thân mà tìm là đủ, chứ không phải tìm kiếm ở bên ngoài.

5. Tinh thần khoa học trong Đạo giáo

Trong Đạo giáo còn có một phái chuyên về phù lục, lấy phù lục để xua đuổi quỷ thần, khử bệnh để sống lâu. Điểm đáng chú ý trong tư tưởng Đạo giáo là một số người trong Đạo giáo cho rằng hành vi của họ nhằm chiến thắng thiên nhiên. Có sinh thì có tử, đó là tiến trình tự nhiên. Nay muốn trường sinh bất tử, tức là đi ngược với tự nhiên. Lấy phù lục để xua đuổi quỷ thần, tức là muốn chiến thắng thiên nhiên.

Cát Hồng nói: «Có thể nhào nặn được tạo hoá, không gì linh thiêng như con người. Cho nên kẻ đạt được mức độ nông cạn của tạo hoá thì có thể sai khiến vạn vật; còn kẻ đạt được mức độ thâm sâu của tạo hoá thì

có thể trường sinh bất tử.»[38]

Du Diễm nói: «Con người trong cõi trời đất, chẳng qua là một vật. [Nhưng người linh thiêng hơn vạn vật] cho nên gọi đặc biệt là người, lẽ nào người không cùng đứng ngang hàng với trời đất được sao? Nếu trộm lấy bộ máy của trời đất để tu luyện kim dịch đại đan, thì sẽ cùng trường thọ với trời đất, tức là thành chân nhân.»[39]

Du Diễm trích dẫn *Thuý Hư Thiên* 翠虛篇 rằng: «Mỗi khi trời đất giao hợp nhau thì hãy đoạt lấy bộ máy Âm Dương tạo hoá.» (Mỗi đương thiên địa giao hợp thời, đoạt thủ Âm Dương tạo hoá cơ. 每當天地交合時,奪取陰陽造化機).

«Trộm lấy bộ máy của trời đất», «đoạt lấy bộ máy Âm Dương tạo hoá», «sai khiến vạn vật» để cho ta sử dụng, để đạt được mục đích của ta. Sự chú trọng vào quyền lực ở đây cũng có thể gọi là có tinh thần khoa học. Khoa học nói chung có hai phương diện: môt mặt chú trọng tính chính xác; một mặt chú trọng quyền lực. Bởi có sự hiểu biết chính xác đối với sự vật nên chúng ta mới có quyền lực thống trị chúng. Đạo giáo muốn thống trị thiên nhiên, nhưng đối với thiên nhiên lại không có sự hiểu biết chính xác (tuy họ tự nhận là có sự hiểu biết chính xác) cho nên sự giải thích của họ đối với các sự vật trong vũ trụ không tránh khỏi thần bí; phương pháp họ dùng để thống trị sự vật không tránh khỏi ma thuật. Tuy nhiên ma thuật cũng là tiền thân của khoa học. Thuật luyện đan (alchemy) cũng là tiền thân của hoá học (chemistry). Trong thuật luyện ngoại đan của Đạo giáo, cái được gọi là thuật hoàng bạch chính là thuật luyện đan (alchemy) của Trung Quốc. George Santayana cho rằng sự khác biệt giữa khoa học và thần thoại không phải ở giá trị tương đối, cũng không ở sự nghiên cứu của khoa học cần đến thiên tài lớn lao. Sự khác biệt giữa khoa học và thần thoại ở chỗ: thần thoại quy kết về quan niệm không thể thực nghiệm, còn khoa học quy kết về quy luật hoặc khái niệm. Quy luật hoặc khái niệm có thể thực nghiệm trong kinh nghiệm của chúng ta.[40] Vương Sung cho rằng tri thức của chúng ta phải thực

---

38 **Cát Hồng 葛洪, *Bão Phác Tử* (Đối Tục): «Phù đào dã tạo hoá, mạc linh ư nhân. Cố đạt kỳ thiển giả, tắc năng dịch sử vạn vật. Đắc kỳ thâm giả, tắc năng trường sinh cửu thị.»** 夫陶冶造化,莫靈於人.故達其淺者,則能役使萬物.得其深者,則能長生久視.

39 **Du Diễm 俞琰, *Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy:* «Cái nhân tại thiên địa gian, bất quá thiên địa gian nhất vật nhĩ. Cố đặc vị chi nhân, khởi năng dữ thiên địa tịnh tai? Nhược phù thiết thiên địa chi cơ, dĩ tu thành kim dịch đại đan, tắc dữ thiên địa tương vi thuỷ chung, nãi vị chi chân nhân.»** 蓋人在天地間,月過天地間一物耳.故特謂之人,豈能與天地並哉?若夫竊天地之機,以修成金液大丹,則與天地相爲始終,乃謂之眞人.

40 **George Santayana, *Reason in science (Lý trí trong khoa học)*, New York, 1936, vol. 5, tr.8-9.**

nghiệm được trong kinh nghiệm của chúng ta thì nó mới là tri thức chân thực. Bởi thế chúng ta xem Vương Sung là người có tinh thần khoa học. Học thuyết của Vương Sung đối nghịch với học thuyết của Âm Dương gia, nhưng chúng ta không ngại xem họ đều có tinh thần khoa học, bởi vì một bên chú trọng sự chân xác; một bên chú trọng quyền lực.

Từ những điều được thuật ở trên, ta thấy đến đầu đời Bắc Tống (tức là khoảng năm 1000), các môn phái tư tưởng đã đạt tới trình độ phát triển đáng kể. Sự hỗn hợp tư tưởng của các phái đã khá thành công. Chỉ có điều là người ta phải đợi các thiên tài vĩ đại xuất hiện để tổ chức thành một hệ thống chỉnh tề. Giống như sân khấu đã chuẩn bị sẵn sàng, chỉ còn thiếu diễn viên chính lên sân khấu mà thôi.

*

PHỤ ĐÍNH

LAM chú: Hàn Dũ chỉ là một văn nhân có tài chứ không phải là triết gia uyên thâm. Về Nho học ông cũng chỉ chú trọng hình nhi hạ chứ không chú trọng hình nhi thượng. Tuy ông chống lại Đạo giáo và Phật giáo nhưng quan điểm ông thực thô thiển. Ông chống Phật giáo không chỉ vì – do trình độ Phật học nông cạn – ông thấy nó mê tín và trái với đạo đức Nho giáo, mà còn vì đó là một tôn giáo ngoại lai. Tinh thần bài ngoại và chống Phật giáo thể hiện trong bài biểu ông viết năm Nguyên Hoà 14 (tức năm 817) ngăn cản Đường Hiến Tông nghinh đón «Phật cốt» (xương Phật, nghe nói là xương ngón tay) từ một ngôi chùa ở Phượng Tường về cung. Bài dưới đây tôi dịch theo bản chữ Hán do Charles Muller đưa lên Internet.

LUẬN PHẬT CỐT BIỂU 論佛骨表

(Bài biểu luận về xương Phật)

1. Thần mỗ ngôn. Phục dĩ Phật giả di địch chi nhất pháp nhĩ. Tự Hậu Hán thời, lưu nhập Trung Quốc, thượng cổ vị thường hữu dã. Tích giả Hoàng Đế tại vị bách niên, niên bách nhất thập tuế. Thiếu Hạo tại vị bát thập niên, niên bách tuế. Chuyên Húc tại vị thất thập cửu niên, niên cửu thập bát tuế. Đế Khốc tại vị thất thập niên, niên bách ngũ tuế. Đế Nghiêu tại vị cửu thập bát niên, niên bách nhất thập bát tuế. Đế Thuấn cập Vũ, niên giai bách tuế. Thử thời thiên hạ thái bình, bách tính an lạc thọ khảo, nhiên nhi Trung Quốc vị hữu Phật dã. Kỳ hậu Ân Thang diệc niên bách tuế. Thang tôn Thái Mậu tại vị thất thập ngũ niên. Vũ Đinh tại vị ngũ thập cửu niên. Thư sử bất ngôn kỳ niên thọ sở cực, suy kỳ niên số. Cái diệc câu bất giảm bách tuế. Chu Văn Vương niên cửu thập thất tuế. Vũ Vương niên cửu thập tam tuế. Mục Vương tại vị bách niên. Thử thời Phật pháp diệc vị nhập Trung Quốc. Phi nhân sự Phật nhi trí nhiên dã.

臣某言·伏以佛者夷狄之一法耳·自後漢時,流入中國,上古未嘗有也·昔者黃帝在位百年,年百一十歲·少昊在位八十年,年百歲·顓頊在位七十九年,年九十八歲·帝嚳在位七十年,年百五歲·帝堯在位九十八年,年百一十八歲·帝舜及禹,年皆百歲·此時天下太平,百姓安樂壽考,然而中國未有佛也·其後殷湯亦年百歲·湯

孫太戊在位七十五年. 武丁在位五十九年. 書史不言其年壽所極, 推其年數. 蓋亦俱不減百歲. 周文王年九十七歲. 武王年九十三歲. 穆王在位百年. 此時佛法亦未入中國. 非因事佛而致然也.

(Thần xin tâu bệ hạ rằng Phật giáo chẳng qua là một tục thờ cúng của người man di. Từ thời Hậu Hán, nó du nhập vào Trung Quốc, chứ thời thượng cổ thì chưa từng có nó. Hồi xưa, Hoàng Đế làm vua 100 năm, thọ 110 tuổi. Thiếu Hạo làm vua 80 năm, thọ 100 tuổi. Chuyên Húc làm vua 79 năm, thọ 98 tuổi. Đế Khốc làm vua 70 năm, thọ 105 tuổi. Đế Nghiêu làm vua 98 năm, thọ 118 tuổi. Đế Thuấn và Vũ, đều thọ 100 tuổi. Thời ấy thiên hạ thái bình, trăm họ yên vui, sống lâu, và tại Trung Quốc chưa từng có Phật. Sau đó vua Thang của đời Ân cũng thọ 100 năm. Cháu của vua Thang là Thái Mậu làm vua 75 năm. Vũ Đinh làm vua 59 năm. Sử sách không nói tuổi thọ tối đa là bao nhiêu, chỉ suy ra tuổi thọ của họ thôi. Họ cũng đều không dưới 100 tuổi. Chu Văn Vương thọ 97 tuổi. Vũ Vương thọ 93 tuổi. Mục Vương làm vua 100 năm. Thời ấy Phật pháp cũng chưa vào Trung Quốc. Nào phải [các vua] do thờ Phật mà được thọ như thế đâu.)

2. Hán Minh Đế thời thuỷ hữu Phật pháp. Minh Đế tại vị tài thập bát niên nhĩ. Kỳ hậu loạn vong tương kế, vận tộ bất trường. Tống Tề Lương Trần Nguyên Nguy dĩ hạ, sự Phật tiệm cẩn, niên đại vưu xúc. Duy Lương Vũ Đế tại vị tứ thập bát niên, tiền hậu tam độ, xả thân thi Phật. Tông miếu chi tế, bất dụng sinh lao. Trú nhật nhất thực, chỉ ư thái quả. Kỳ hậu cánh vi Hầu Cảnh sở bức, ngạ tử đài thành, quốc diệc tầm diệt. Sự Phật cầu phúc, nãi cánh đắc hoạ. Do thử quan chi, Phật bất túc sự diệc khả tri hĩ.

漢明帝時始有佛法. 明帝在位纔十八年耳. 其後亂亡相繼, 運祚不長. 宋齊梁陳元魏已下, 事佛漸謹, 年代尤促. 惟梁武帝在位四十八年, 前後三度, 捨身施佛. 宗廟之祭, 不用牲牢. 晝日一食, 止於菜果. 其後竟爲侯景所逼, 餓死臺城, 國亦尋滅. 事佛求福, 乃更得禍. 由此觀之, 佛不足事亦可知矣.

(Thời Hán Minh Đế, Phật pháp mới xuất hiện tại Trung Quốc. Minh Đế làm vua mới có 78 năm. Sau đó loạn lạc liên miên, vận nước không bền. Từ các đời Tống, Tề, Lương, Trần, Nguyên Nguy, [các vua] dần dần thờ Phật cẩn trọng, vậy mà mỗi đời vua càng ngắn đi. Chỉ có Lương Vũ Đế làm vua lâu được 48 năm thôi; vậy mà Vũ Đế trước sau ba lần xả thân đi tu theo Phật, không dùng súc vật để cúng tế tông miếu. Vua ăn mỗi ngày một bữa, chỉ có rau quả. Về sau, Vũ Đế bị giặc Hầu Cảnh bức ép phải chết đói. Đời Lương cũng bị diệt. Thờ Phật cầu phúc,

vậy mà gặp hoạ. Do đấy mà xem, rõ ràng là Phật không đáng để phụng thờ vậy.)

3. Cao Tổ thuỷ thụ Tuỳ thiện, tắc nghị trừ chi. Đương thời quần thần tài thức bất viễn. Bất năng thâm tri tiên vương chi đạo. Cổ kim chi nghi, suy xiển thánh minh dĩ cứu tư tệ. Kỳ sự trục chỉ, thần thường hận yên. Phục duy duệ thánh văn vũ hoàng đế bệ hạ. Thần thánh anh vũ. Sổ thiên bách niên dĩ lai. Vị hữu luân tỉ. Tức vị chi sơ, tức bất hứa độ nhân vi tăng ni đạo sĩ. Hựu bất hứa sáng lập tự quán. Thần thường dĩ vi Cao Tổ chi chí, tất hành ư bệ hạ chi thủ. Kim túng vị năng tức hành, khởi khả thứ chi chuyển lịnh thịnh dã.

高祖始受隋禪,則議除之. 當時群臣才識不遠. 不能深知先王之道. 古今之宜,推闡聖明以救斯弊. 其事逐止,臣常恨焉. 伏惟睿聖文武皇帝陛下. 神聖英武. 數千百年以來. 未有倫比. 即位之初,即不許度人爲僧尼道士. 又不許創立寺觀. 臣常以爲高祖之志,必行於陛下之手. 今縱未能即行,豈可恣之轉令盛也.

(Khi Đường Cao Tổ bắt đầu nối tiếp đời Tuỳ, ngài bèn nghị luận cách bài trừ Phật pháp. Nhưng bấy giờ quần thần tài năng và hiểu biết nông cạn, không thể hiểu sâu đạo của tiên vương, cũng không hiểu sự thích nghi của xưa và nay, nên họ không thể áp dụng ý muốn của vua để sửa chữa cái tệ nạn đó. Sự việc bèn chựng lại và thần luôn hận về việc ấy. Thần trộm nghĩ rằng bệ hạ vốn là hoàng đế thánh minh văn vũ song toàn, mấy ngàn mấy trăm năm nay chưa có một ai sánh bằng. Khi bệ hạ bắt đầu lên ngôi, bệ hạ không cho phép tục nhân trở thành tăng ni đạo sĩ, cũng không cho phép lập chùa chiền và đạo quán. Thần thường cho rằng tâm chí của Cao Tổ rồi được thi hành nơi tay bệ hạ. Nhưng giờ đây bệ hạ đã không thi hành ngay, lại còn bỏ các lệnh cấm và quay lại khuyến khích họ nữa.)

4. Kim văn bệ hạ lịnh quần tăng nghinh Phật cốt ư Phượng Tường, ngự lâu dĩ quan, dư nhập đại nội. Hựu lịnh chư tự đệ nghinh cung dưỡng. Thần tuy chí ngu, tất tri bệ hạ bất hoặc ư Phật, tác thử sùng phụng, dĩ kỳ phúc tường dã. Trực dĩ niên phong nhân lạc, tuẫn nhân chi tâm, vi kinh đô sĩ thứ thiết quỷ dị chi quan, hí ngoạn chi cụ nhĩ. An hữu thánh minh nhược thử nhi khẳng tín thử đẳng sự tai.

今聞陛下令群僧迎佛骨於鳳翔,御樓以觀,舁入大內. 又令諸寺遞迎供養. 臣雖至愚,必知陛下不惑於佛,作此崇奉,以祈福祥也. 直以年豐人樂,徇人之心,爲京都士庶設詭異之觀,戲翫之具耳. 安有聖明若此而肯信此等事哉.

(Nay thần nghe bệ hạ ra lệnh chư tăng nghinh đón xương Phật ở Phượng Tường; bệ hạ ngự ở lầu cao quan sát họ đưa xương vào đại nội. Rồi bệ hạ ra lệnh các chùa luân phiên nghinh đón và cung dưỡng. Thần tuy rất ngu, nhưng cũng biết bệ hạ không bị Phật mê hoặc. Bệ hạ sùng phụng như thế là để cầu xin phúc lành mà thôi. Nhưng năm nay mùa màng đã phong nhiêu, nhân dân đã an lạc; bệ hạ thuận theo lòng của nhiều người, vì kẻ sĩ và thứ dân ở kinh đô mà bày thiết trò quỷ dị vốn khác chi món đồ chơi giải trí. Sao thánh minh như bệ hạ mà lại tin vào những việc như thế?)

5. Nhiên bách tính ngu minh, dị hoặc nan hiểu, cẩu kiến bệ hạ như thử, tương vị chân tâm sự Phật. Giai vân thiên tử đại thánh, do nhất tâm kính tín. Bách tính hà nhân, khởi hợp cánh tích thân mệnh. Phần đỉnh thiêu chỉ, bách thập vi quần, giải y tán tiền, tự triêu chí mộ, chuyển tương phỏng hiệu, duy khủng hậu thời, lão thiếu bôn ba, khí kỳ nghiệp thứ. Nhược bất tức gia cấm át, cánh lịch chư tự, tất hữu đoạn tý luyến thân dĩ vi cung dưỡng giả. Thương phong bại tục, truyền tiếu tứ phương, phi tế sự dã.

然百姓愚冥, 易惑難曉, 苟見陛下如此, 將謂眞心事佛. 皆云天子大聖, 猶一心敬信. 百姓何人, 豈合更惜身命. 焚頂燒指, 百十爲群, 解衣散錢, 自朝至暮, 轉相倣效, 惟恐後時, 老少奔波, 棄其業次. 若不即加禁遏, 更歷諸寺, 必有斷臂臠身以爲供養者. 傷風敗俗, 傳笑四方, 非細事也.

(Tuy nhiên, trăm họ ngu muội, dễ bị mê hoặc mà khó thông hiểu. Nếu họ thấy bệ hạ như thế, họ sẽ nói bệ hạ thực lòng thờ Phật. Họ sẽ đều nói "Thiên tử là đại thánh nhân, mà còn một lòng tôn kính và tin Phật. Vậy trăm họ là người gì, lẽ nào lại tiếc thân mạng?" Họ sẽ đốt đỉnh đầu và thiêu ngón tay; hằng chục hằng trăm người sẽ cởi bỏ y phục thường ngày [để mặc cà sa] và phát tán tiền bạc; từ sáng đến tối họ bắt chước nhau, chỉ sợ chậm trễ. Già trẻ bôn ba, vất bỏ nghề nghiệp để đi theo Phật. Nếu không cấm chỉ họ ngay tức thời, thì họ sẽ đi khắp các chùa, và ắt có kẻ chặt tay lóc thịt để cúng dường Phật. Việc ấy làm hại phong tục, làm trò cười cho bốn phương; nó chẳng phải là việc nhỏ vậy.)

6. Phù Phật bản di địch chi nhân, dữ Trung Quốc ngôn ngữ bất thông, y phục thù chế, khẩu bất ngôn tiên vương chi pháp ngôn, thân bất phục tiên vương chi pháp phục. Bất tri quân thần chi nghĩa, phụ tử chi tình. Giả như kỳ thân chí kim thượng tại, phụng kỳ quốc mệnh, lai triều kinh sư, bệ hạ dung nhi tiếp chi. Bất quá Tuyên Chính nhất kiến, lễ tân

nhất thiết, tứ y nhất tập, vệ nhi xuất chi ư cảnh, bất lịnh hoặc chúng dã.

夫佛本夷狄之人,與中國言語不通,衣服殊製,口不言先王之法言,身不服先王之法服.不知君臣之義,父子之情.假如其身至今尚在,奉其國命,來朝京師,陛下容而接之.不過宣政一見,禮賓一設,賜衣一襲,衛而出之於境,不令惑衆也.

(Phật vốn là người man di, không hiểu ngôn ngữ Trung Quốc, y phục may đặc thù, miệng không nói pháp ngôn của tiên vương, thân không mặc pháp phục của tiên vương. Phật không biết nghĩa vua tôi và cái tình cha con. Giả sử Phật còn sống đến ngày nay, phụng mệnh lệnh của nước họ, đến triều đình của ta ở kinh sư. Bệ hạ khoan dung mà tiếp họ, nhưng chỉ tiếp một lần ở cung Tuyên Chính, bày tiệc một lần ở cung lễ tân, ban cho một bộ y phục, rồi hộ vệ cho ra khỏi nước, cấm họ làm mê hoặc dân chúng.)

7. Huống kỳ thân tử dĩ cửu, khô hủ chi cốt, hung uế chi dư, khởi nghi lịnh nhập cung cấm. Khổng Tử viết, kính quỷ thần nhi viễn chi. Cổ chi chư hầu, hành điếu ư kỳ quốc, thượng lịnh vu chúc tiên dĩ đào liệt, phất trừ bất tường, nhiên hậu tiến điếu. Kim vô cố thủ hủ uế chi vật, thân lâm quan chi, vu chúc bất tiên. Đào liệt bất dụng, quần thần bất ngôn kỳ phi, ngự sử bất cử kỳ thất, thần thực sỉ chi. Khất dĩ thử cốt phó chi hữu tư, đầu chư thuỷ hoả, vĩnh tuyệt căn bản, đoạn thiên hạ chi nghi, tuyệt hậu đại chi hoặc, sử thiên hạ chi nhân tri đại thánh nhân chi sở tác vi, xuất ư tầm thường vạn vạn dã. Khởi bất thịnh tai. Khởi bất khoái tai.

況其身死已久,枯朽之骨,凶穢之餘,豈宜令入宮禁.孔子曰,敬鬼神而遠之.古之諸侯,行弔於其國,尚令巫祝先以桃茢,祓除不祥,然後進弔.今無故取朽穢之物,親臨觀之,巫祝不先.桃茢不用,群臣不言其非.御史不舉其失,臣食恥之.乞以此骨付之有司投諸水火,永絕根本,斷天下之疑絕後代之惑,使天下之人知大聖人之所作爲,出於尋常萬萬也.豈不盛哉.豈不快哉.

(Huống hồ thân Phật chết đã lâu; thứ xương khô nát, hôi thối dư thừa, lẽ nào để cho đưa vào cung cấm? Khổng Tử nói kính quỷ thần nhưng nên ở xa họ. Chư hầu ngày xưa, khi đi phúng điếu ở các nước họ, thì trước tiên ra lệnh các đồng cốt lấy cành đào để trừ khử việc chẳng lành, rồi sau mới đi phúng điếu. Nay vô cớ mà [bệ hạ] lấy vật thối nát về, đích thân đến xem, không cho đồng cốt đi trước, không dùng cành đào trừ tà. Quần thần không nói điều sai trái này. Ngự sử không nêu ra lỗi lầm này. Thần cảm thấy thực là sỉ nhục. Xin bệ hạ hãy giao xương cho quan hữu trách ném vào nước vào lửa, để dứt tuyệt vĩnh viễn gốc gác của nó, để cắt đứt mối ngờ của thiên hạ, để dứt tuyệt mê hoặc cho đời sau, khiến cho người trong thiên hạ biết được việc làm của bậc đại thánh

nhân vượt trên vạn vạn kẻ tầm thường như thế nào. Như vậy lẽ nào [nước] không hưng thịnh? Lẽ nào [dân chúng] không vui?

8. Phật như hữu linh, năng tác hoạ tuý, phàm hữu ương cữu, nghi gia thần thân, thượng thiên giám lâm, thần bất oán hối. Vô nhậm cảm kích khẩn khổn chi chí, cẩn phụng biểu dĩ văn. Thần mỗ thành hoàng thành khủng.

佛如有靈, 能作禍祟, 凡有殃咎, 宜加臣身, 上天鑒臨, 臣不怨悔. 無任感激墾悃之至, 謹奉表以聞. 臣某誠惶誠恐.

(Nếu Phật có linh thiêng mà gieo tai hoạ được, thì cứ gieo tai hoạ riêng cho thần. Có trời cao chứng giám, thần chẳng oán than hối hận gì. Với lòng cảm kích và thành tâm, thần kính cẩn dâng lên biểu này xin bệ hạ nghe. Thần rất mực cung kính và sợ sệt.)

*

CHƯƠNG 11

CHU LIÊM KHÊ VÀ THIỆU KHANG TIẾT

1. Chu Liêm Khê

Trong các Đạo học gia đời Tống (960-1279), Chu Liêm Khê 周濂溪(1017-1073) và Thiệu Khang Tiết 邵康節(1011-1077) đặc biệt nổi tiếng về việc đưa tư tưởng Đạo giáo vào Đạo học.

Tống Sử chép: «Chu Đôn Di 周敦頤, tự là Mậu Thúc 茂叔, người ở Doanh Đạo 營道, thuộc Đạo Châu 道州(nay là huyện Đạo 道, thuộc Hồ Nam 湖南). Tên ban đầu là Đôn Thực 敦實, nhưng để tránh tên huý cũ của vua Anh Tông[1] nên đổi là Di. Nhờ người chú tên Trịnh Hướng 鄭向, là học sĩ ở Long Đồ Các 龍圖閣[2] nên Chu Dôn Di làm chức chủ bạ ở huyện Phân Ninh 分寧(nay là huyện Tu Thuỷ 修水, Giang Tây).[3] [...] Do bệnh tật, ông

---

[1] **LAM chú: Tống Anh Tông tại vị 1064-1067, tên là Triệu Thự 趙曙(xem: *Trung Quốc Lịch Sử Kỷ Niên Biểu*, Thượng Hải Từ Thư xuất bản xã, 1980, tr.112). Vậy, như *Tống Sử* đã chép, Di là một tên huý cũ của vua. Việc Chu Đôn Thực đổi thành Chu Đôn Di tính từ năm 1064.**

[2] **LAM chú: Long Đồ Các được thành lập vào những năm Đại Trung Tường Phù 大中祥符 (1008-1016) dưới đời vua Tống Chân Tông 眞宗(tại vị 998-1022), để cho vua đọc sách, ngự chế văn tập, cũng như lưu trữ thư tịch và vật quý của triều đình. Ở đây có chức quan gọi là học sĩ. Khi Bao Chửng 包拯 nắm quản lý Long Đồ Các, ông bãi bỏ chức học sĩ ở đây, nên tục gọi nơi này là Bao Long Đồ 包龍圖. (Xem: *Từ Hải*, mục từ Long Đồ Các). Theo Charles O. Hucker, Long Đồ Các không rõ là song hành hay trực thuộc Bí Khố 秘庫(văn khố triều đình) thuộc Trọng Văn Viện 重文院. Năm 1082, Long Đồ Các sáp nhập vào Bí Thư Tỉnh 秘書省(thư viện triều đình). (Xem: Charles O. Hucker, *A Dictionary of Official Titles in Imperial China [Từ điển quan chức Trung Quốc]*, Đài Bắc, 1995, tr.325). Do tiến cử của chú, Chu Đôn Di được làm chức chủ bạ ở Phân Ninh, nhưng bản thân ông cũng có thực tài và liêm khiết, không nề hà nhiệm vụ gian khổ, nên được giữ nhiều chức quan: Tư lý tham quân 司理參軍 ở Nam An Quân 南安軍, làm quan lệnh ở Quế Dương 桂陽, Phán quan ở Quảng Đông 廣東. Năm Gia Định 嘉定 13 (tức 1220) đời Tống Ninh Tông 寧宗(tức Triệu Khoách 趙擴, tại vị 1195-1224) Chu Đôn Di được vua ban thuỵ hiệu là Nguyên Công 元公. Đến năm Thuần Hựu 淳祐 nguyên niên (tức 1241) đời vua Tống Lý Tông 理宗(tức Triệu Quân 趙昀, tại vị 1225-1264) ông được gia phong là Nhữ Nam Bá 汝南伯 và được đưa vào thờ phụng trong Khổng Miếu. (Xem: Bàng Phác, *Trung Quốc Nho Học*, Đông Phương xuất bản trung tâm, 1997, tập 1, tr.124).**

[3] **Derk Bodde chú: Sự kiện này xảy ra năm 1040. Xem: Werner Eichhorn, *Chou Tun-i, ein chinesisches Gelehrtenleben aus dem 11. Jahrhundert (Chu Đôn Di, cuộc đời một văn nhân Trung Quốc thế kỷ 11)*, in trong: *Abhandlung für die Kunde des Morgenlandes*, vol.21, no.5 (Leipzig,**

xin về an trí ở Nam Khang Quân 南康軍,[4] nhân đó làm nhà bên chân núi Liên Hoa trong rặng Lư Sơn. Phía trước nhà có giòng suối chảy vào sông Bồn, nên ông dựa theo nơi cư ngụ ở Doanh Đạo mà lấy tên là Liêm Khê. [...] Khi mất, thọ 57 tuổi.[5] Hoàng Đình Kiên[6] khen: "Nhân phẩm Đôn Di rất cao, lòng thênh thang như gió trong trăng tỏ. [...] Ông viết Thái Cực Đồ để làm rõ gốc gác của thiên lý và nghiên cứu đầu đuôi của vạn vật."»[7]



Chu Đôn Di (Chu Liêm Khê)

a. Thái Cực Đồ Thuyết

Đóng góp quan trọng nhất của Chu Liêm Khê cho Đạo học là Thái Cực Đồ 太極圖 và *Thái Cực Đồ Thuyết* 太極圖說.

Thái Cực Đồ Thuyết của Chu Liêm Khê nguyên văn như sau:

無極而太極. 太極動而生陽;動極而靜,靜而生陰. 靜極復動. 一動一靜,互爲其根. 分陰分陽,兩儀立焉. 陽變陰合,而生水火木金土,五氣順布,四時行焉. 五行一陰陽也,陰陽一太極也,太極本

1936), trang 17-36.– LAM chú: Chức *chủ bạ* không rõ ràng. Theo Charles O. Hucker (sđd., tr.182) đại khái chức *chủ bạ* phụ trách công văn thư từ đi và đến trong các cơ quan từ đời Hán đến đời Thanh, chẳng hạn như trong Thái Thường Ty 太常司 đời Đường, Ngự Sử Đài 御史臺 đời Tống, Tư Thiên Giám 司天監 đời Liêu, Hồng Lô Ty 鴻臚司 đời Minh.

4 Derk Bodde chú: Nam Khang Quân nay là huyện Tinh Tử 星子, phía bắc Giang Tây, cách Lư Sơn vài dặm. Theo Werner Eichhorn, Đôn Di về an trí nơi đây không bao lâu thì qua đời (1073).

5 LAM chú: Chu Đôn Di sinh năm Thiên Hi 天禧 nguyên niên (tức 1017) đời vua Tống Chân Tông 眞宗 (tức Triệu Hằng 趙恆, tại vị 998-1022); mất năm Hi Ninh 熙寧 thứ 6 (tức 1073) đời vua Tống Thần Tông 神宗 (tức Triệu Húc 趙頊, tại vị 1068-1085).

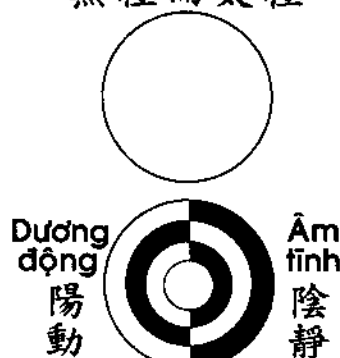
6 LAM chú: Hoàng Đình Kiên 黃庭堅 (1045-1105) tự là Lỗ Trực 魯直, hiệu là Sơn Cốc đạo nhân 山谷道人; quê ở Phân Ninh 分寧 thuộc Hồng Châu 洪州; đỗ Tiến sĩ, làm chức Lại bộ viên ngoại lang 吏部員外郎. Văn chương ông lỗi lạc, Tô Thức rất khen ngợi. Ông còn là đại thư pháp gia, giỏi về các thư thể: hành, thảo, và khải; là một trong tứ đại thư pháp gia đời Tống: Tô, Hoàng, Mễ, Thái (Tô Thức 蘇軾, Hoàng Đình Kiên 黃庭堅, Mễ Phất 米芾, Thái Kinh 蔡京).

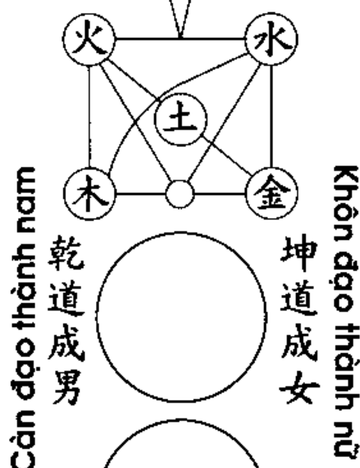
7 *Tống Sử* (Đạo Học Truyện): «Chu Đôn Di, tự Mậu Thúc. Đạo Châu, Doanh Đạo nhân. Nguyên danh Đôn Thực, tị Anh Tông cựu huý cải yên. Dĩ cữu Long Đồ Các học sĩ Trịnh Hướng, nhậm vi Phân Ninh chủ bạ. [...] Dĩ tật cầu tri Nam Khang Quân. Nhân gia Lư Sơn Liên Hoa Phong hạ. Tiền hữu khê hợp ư Bồn giang, thủ Doanh Đạo sở cư Liêm Khê dĩ danh chi. [...] Tốt niên ngũ thập thất. Hoàng Đình Kiên xưng kỳ nhân phẩm thậm cao, hung hoài sái lạc, như quang

無極也. 五行之生也, 閤一其性. 無極之眞, 二五之精, 妙合而凝. 乾道成男, 坤道成女. 二氣交感, 化生萬物. 萬物生生而變化無窮焉. 惟人也, 得其秀而最靈. 形旣生矣, 神發知矣. 五性感動而善惡分, 萬事出矣. 聖人定之以中正仁義, 而主靜, 立人極焉. 故聖人與天地合其德, 日月合其明, 五時合其序, 鬼神合其吉凶. 君子修之吉, 小人悖之凶. 故曰 : 立天之道, 曰陰與陽. 立地之道, 曰柔與剛. 立人之道, 曰仁與義. 又曰 : 原始反終, 故知死生之說. 大哉易也, 斯其至矣!

Phiên âm: Vô Cực nhi Thái Cực. Thái Cực động nhi sinh Dương; động cực nhi tĩnh, tĩnh nhi sinh Âm. Tĩnh cực phục động. Nhất động nhất tĩnh, hỗ vi kỳ căn. Phân Âm phân Dương, lưỡng nghi lập yên. Dương biến Âm hợp, nhi sinh thuỷ hoả mộc kim thổ, ngũ khí thuận bố, tứ thời hành yên. Ngũ hành nhất Âm Dương dã, Âm Dương nhất Thái Cực dã, Thái Cực bản Vô Cực dã. Ngũ hành chi sinh dã, các nhất kỳ tính. Vô Cực chi chân, nhị ngũ chi tinh, diệu hợp nhi ngưng. Càn đạo thành nam, Khôn đạo thành nữ. Nhị khí giao cảm, hoá sinh vạn vật. Vạn vật sinh sinh nhi biến hoá vô cùng yên. Duy nhân dã, đắc kỳ tú nhi tối linh. Hình ký sinh hĩ, thần phát tri hĩ. Ngũ tính cảm động nhi thiện ác phân, vạn sự xuất hĩ. Thánh nhân định chi dĩ trung chính nhân nghĩa, nhi chủ tĩnh, lập nhân cực yên. Cố thánh nhân

Vô Cực nhi Thái Cực
無極而太極





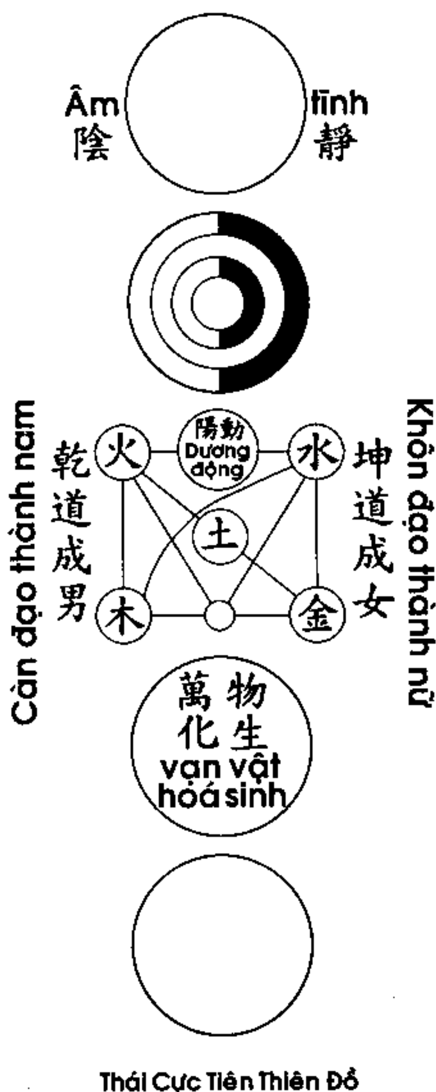
萬物化生
Vạn vật hoá sinh

Thái Cực Đồ

phong tễ nguyệt. [...] Trứ Thái Cực Đồ, minh thiên lý chi căn nguyên, cứu vạn vật chi chung thuỷ.» 周敦頤, 字茂叔. 道州營道人. 元名敦實, 避英宗舊諱改焉. 以舅龍圖閣學士鄭向, 任爲分寧主簿. [...] 以疾求知南康軍. 因家廬山蓮花峰下. 前有溪合於湓江, 取營道所居濂溪以名之. [...] 卒年五十七. 黃庭堅稱其人品甚高, 胸懷灑落, 如光風霽月. [...] 著太極圖, 明天理之根原, 究萬物之終始.**– Derk Bodde chú: Về cuộc đời của Chu Đôn Di, xin đọc nghiên cứu tỉ mỉ của Werner Eichhorn: *Chou Tun-i, ein chinesisches Gelehrtenleben aus dem 11. Jahrhundert (Chu Đôn Di, cuộc đời một văn nhân Trung Quốc thế kỷ 11)*, in trong: *Abhandlung für die Kunde des Morgenlandes*, vol.21, no.5 (Leipzig, 1936), trang 17-36. Hoặc cũng có thể đọc thông tin ngắn gọn trong J. Percy Bruce, *Chu Hsi and his Masters***

dữ thiên địa hợp kỳ đức, nhật nguyệt hợp kỳ minh, tứ thời hợp kỳ tự, quỷ thần hợp kỳ cát hung. Quân tử tu chi cát, tiểu nhân bội chi hung. Cố viết: Lập thiên chi đạo, viết Âm dữ Dương. Lập địa chi đạo, viết nhu dữ cương. Lập nhân chi đạo, viết nhân dữ nghĩa. Hựu viết: Nguyên thuỷ phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết. Đại tai Dịch dã, tư kỳ chí hĩ!

Dịch nghĩa: Vô Cực cũng là Thái Cực. Thái Cực động thì sinh ra Dương; động tới cực điểm thì tĩnh; tĩnh thì sinh ra Âm. Tĩnh tới cực điểm thì trở lại động. Một động một tĩnh, làm căn bản cho nhau. Phân ra Âm và Dương, thì lưỡng nghi thành lập. Dương biến Âm hợp, thì sinh ra: thuỷ (nước), hoả (lửa), mộc (gỗ), kim (kim loại), thổ (đất). Ngũ khí (năm khí của ngũ hành) thuận hoà phân bố tạo ra sự vận hành của tứ thời (bốn mùa). Ngũ hành hợp nhất là Âm Dương. Âm Dương hợp nhất là Thái Cực. Thái Cực có gốc là Vô Cực. Ngũ hành được sinh ra, mỗi hành có một tính. Cái chân của Vô Cực và cái tinh của Âm Dương ngũ hành, diệu hợp thì ngưng tụ. Càn đạo thành nam, Khôn đạo thành nữ. Hai khí Âm Dương giao cảm, hoá sinh vạn vật. Vạn vật sinh sôi biến hoá vô cùng. Chỉ riêng con



Thái Cực Tiên Thiên Đồ

(Chu Hi và các bậc thầy của ông), London, 1923, tr.18-30. Từ các bài viết này, chúng ta biết rằng Chu Đôn Di xuất thân từ một gia đình nổi danh về học vấn. Cha ông là một vị quan thành công, qua đời khi ông còn thơ ấu. Bản thân Đôn Di cũng giữ nhiều chức quan (chẳng hạn như huyện lệnh), chủ yếu ở Giang Tây và Quảng Đông. Mặc dù các chức quan ấy chẳng quan trọng gì, nhưng ông cực kỳ nổi tiếng về sự chân thành và tài cán. Ảnh hưởng vĩ đại của nhân cách ông chính là sự giản dị, trung thực, nhiệt tình, và tình yêu thiên nhiên mãnh liệt. Thật vậy, tương truyền trước cửa sổ nhà ông cỏ mọc um tùm, có người hỏi sao ông không cắt đi, ông đáp rằng chúng với ông cùng một thứ.

người có được sự ưu tú, nên tối linh. Hình thể con người đã sinh ra rồi thì thần trí phát ra mà có ý thức. Ngũ tính (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) cảm động mà phân biệt thiện và ác, và vạn sự xuất hiện. Thánh nhân tự xác định mình theo: *trung, chính, nhân, nghĩa*, và chủ về tĩnh,[8] lập thành chuẩn mực tối cao của con người. Cho nên thánh nhân hợp nhất đức của mình với trời đất, hợp nhất vẻ sáng của mình với mặt trời và mặt trăng, hợp nhất thứ tự của mình với bốn mùa, hợp nhất cát hung của mình với quỷ thần. Quân tử tu dưỡng theo đạo thánh nhân nên được cát, tiểu nhân làm trái đạo thánh nhân nên gặp hung. Cho nên nói: "[Thánh nhân] xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương; đạo đất thì có nhu và cương; đạo người thì có nhân và nghĩa." [9] Lại nói: "Suy cứu cặn kẽ từ khởi đầu đến kết

---

[8] Chu Liêm Khê tự ghi chú: «Thánh nhân chi đạo nhân nghĩa trung chính nhi dĩ hĩ.» 聖人之道仁義中正而已矣(Đạo của thánh nhân chỉ có nhân, nghĩa, trung, chính mà thôi.) Và ghi chú về «nhi chủ tĩnh» 而主靜(chủ về tĩnh) rằng: «Vô dục cố tĩnh.» 無欲故靜 (Vô dục nên tĩnh.)

[9] LAM chú: Câu «*Lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa*» nằm trong Thuyết Quái: «Tích giả thánh nhân chi tác Dịch dã, tương dĩ thuận tính mệnh chi lý. Thị dĩ *lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa*. Kiêm tam tài nhi lưỡng chi, cố Dịch lục hoạch nhi thành quái. Phân Âm phân Dương, điệt dụng nhu cương, cố Dịch lục vị nhi thành chương.» 昔者聖人之作易也,將以順性命之理.是以立天之道曰陰與陽,立地之道曰柔與剛,立人之道曰仁與義.兼三才而兩之,故易六畫而成卦.分陰分陽,迭用柔剛.故易六位而成章. (Ngày xưa khi thánh nhân sáng tác Kinh Dịch, các ngài thuận theo quy luật biến hoá của tính và mệnh của sự vật. Cho nên, *các ngài xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương, đạo đất thì có nhu và cương, đạo người thì có nhân và nghĩa.* Các ngài gộp tam tài (thiên-địa-nhân) [thành quẻ đơn] và gấp đôi lên [thành quẻ kép], cho nên sáu vạch Kinh Dịch lập thành quẻ kép. Sáu vạch được phân làm hào Âm và hào Dương, được dùng lần lượt thành hào nhu và hào cương. Do đó sáu vị trí trong quẻ Dịch lập thành hình quẻ). Ngu Phiên chú *thánh nhân* ở đây là Bào Hi (Phục Hi). Ở quẻ đơn (có ba vạch) thì hào dưới là địa, hào giữa là nhân, hào trên là thiên; tức là mỗi quẻ của Bát Quái đều gồm chứa tam tài. Ở quẻ kép (có sáu vạch) thì hai hào dưới là địa, hai hào giữa là nhân, hai hào trên là thiên; tức là mỗi quẻ của 64 quẻ Dịch đều gồm chứa tam tài. Sáu vạch phân thành hào Âm (nhu; hào lục) và hào Dương (cương; hào cửu). *Lục vị* là vị trí sáu hào trong mỗi quẻ kép, tính từ dưới lên: *sơ, nhị, tam, ngũ, thượng*. Cách sắp xếp này là do quan niệm «khí của Dịch sinh từ dưới» (Dịch khí tòng hạ sinh 易氣從下生); nó giải thích quy luật biến hoá của sự vật là từ thấp lên cao. Lý Đỉnh Tộ chú *chương* 章 là *văn lý* 文理, tức thiên văn và địa lý; Cao Hanh hiểu là *văn chương*; Wilhelm và Legge hiểu *chương* 章 là hình dáng của quẻ Dịch. Richard Wilhelm dịch: «Ngày xưa các thánh nhân sáng tác Kinh Dịch, các ngài muốn tuân theo trật tự của các quy luật bên trong và của số mệnh. *Do đó các ngài xác định đạo trời và gọi đạo ấy là Âm và Dương, các ngài xác định đạo đất và gọi đạo ấy là mềm yếu (nhu) và cứng chắc (cương), các ngài xác định đạo người và gọi đạo ấy là nhân ái và nghĩa*. Ba sức mạnh cơ bản này, các ngài gộp lại và gấp đôi. Do đó trong Kinh Dịch, mỗi quẻ luôn luôn có sáu hào. Các vị trí được phân thành Âm và Dương, mà các hào nhu và cương luân phiên chiếm các vị trí này. Do đó, Kinh Dịch có lục vị tạo thành hình dáng sáu hào của quẻ.» (Die heiligen Weisen vor alters machten das Buch der Wandlungen also: Sie wollten den Ordnungen des inneren Gesetzes und des Schicksals nachgehen. Darum stellten

thúc của vạn vật, cho nên biết giải thích về sống chết." [10] Lớn thay đạo Dịch, trong đó có đầy đủ ý nghĩa vậy!

---

sie den SINN des Himmels fest und nannten ihn: das Dunkle und das Lichte. Sie stellten den SINN der Erde fest und nannten ihn: das Weiche und das Feste. Sie stellten den SINN des Menschen fest und nannten ihn: die Liebe und die Gerechtigkeit. Diese drei Grundkräfte nahmen sie zusammen und verdoppelten sie. Darum bilden im Buch der Wandlungen immer sechs Linien ein Zeichen. Die Plätze werden eingeteilt in dunkle und lichte, darauf stehen abwechselnd weiche und feste. Darum hat das Buch der Wandlungen sechs Plätze, die die Linienfiguren bilden). – James Legge dịch: «Ngày xưa khi thánh nhân sáng tác Kinh Dịch, thì các hình quẻ được thiết kế cho thuận với những nguyên lý nằm ngầm trong bản chất của con người và sự vật và thuận với các mệnh lệnh mà trời định cho chúng. Với quan niệm này, *các ngài trình bày trong các hình quẻ về đạo trời, gọi các hào là Âm và Dương; về đạo đất, gọi các hào là mềm yếu và cứng mạnh; về đạo người, dưới các tên gọi nhân và nghĩa.* Mỗi đơn quái (quẻ ba hào) bao gồm tam tài; và khi được chồng lên thì hình quẻ đầy đủ có sáu hào. Có sự phân biệt về các vị trí, và chúng được ấn định thành hào Âm và hào Dương. Các hào này luân phiên được chiếm giữ bởi dạng cương hoặc dạng nhu. Do đó hình dáng của mỗi quẻ kép được thành tựu.» (Anciently, when the sages made the Yi, it was with the design that its figures should be in conformity with the principles underlying the natures of men and things, and the ordinances for them appointed by Heaven. With this view they exhibited in them the way of heaven, calling the lines yin and yang; the way of earth, calling them the weak or soft and the strong or hard; and the way of men, under the names of benevolence and righteousness. Each trigram embraced those three Powers; and, being repeated, its full form consisted of six lines. A distinction was made of the places assigned to the yin and yang lines, which were variously occupied, now by the strong and now by the weak forms, and thus the figure of each hexagram was completed).

10 LAM chú: Câu *«Nguyên thuỷ phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết»* ở trong Hệ Từ Thượng: «Ngưỡng dĩ quan ư thiên văn, phủ dĩ sát ư địa lý, thị cố tri u minh chi cố. *Nguyên thuỷ phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết.* Tinh khí vi vật, du hồn vi biến, thị cố tri quỷ thần chi tình trạng.» 仰以觀於天文.俯以察於地理,是故知幽明之故.原始反終.故知死生之說.精氣爲物,游魂爲變.是故知鬼神之情狀.(Thánh nhân ngước lên quan sát các hiện tượng trên trời, cúi xuống quan sát các hình thể dưới đất, cho nên biết nguyên do của sáng và tối. *Các ngài suy cứu cặn kẽ từ khởi đầu đến kết thúc của vạn vật, cho nên biết giải thích về sống chết.* Tinh khí là vật [thần], du hồn thì biến hoá [quỷ], cho nên các ngài biết tình trạng của quỷ và thần). – Wilhelm dịch: «Trong khi ngước lên quan sát tìm hiểu với sự giúp đỡ của các dấu hiệu trên trời và cúi xuống xem xét các đường vạch trên mặt đất thì người ta biết tình trạng của tối và sáng. Trong khi trở về các khởi đầu [của sự vật] và lần theo sự vật cho đến tận cùng thì người ta hiểu các thuyết giảng về sống và chết. Sự kết hợp giữa tinh và lực làm vật hoạt động. Sự xuất ra của hồn [khỏi vật] tạo ra sự biến hoá. Qua đó, người ta biết tình trạng của hồn xuất ra và hồn trở về.» (Indem man emporblickend mit seiner Hilfe die Zeichen am Himmel verständnisvoll betrachtet und niederblickend die Linienzüge der Erde untersucht, erkennt man die Verhältnisse des Dunkeln und Hellen. Indem man an die Anfänge zurückgeht und die Dinge bis zu Ende verfolgt, erkennt man die Lehren von Geburt und Tod. Die Vereinigung von Samen und Kraft wirkt die Dinge; das Entweichen der Seele bewirkt die Veränderung: daraus erkennt man die Zustände der ausgehenden und rückkehrenden

Geister). Wilhelm xem chủ thể của những hành động trên là người ta nói chung, chứ không phải chỉ là thánh nhân. Cách dịch lạ kỳ của Wilhelm chịu ảnh hưởng sâu đậm của Đạo giáo. Ông giảng: «Kinh Dịch dựa trên hai nguyên lý cơ bản: Âm (tối) và Dương (sáng). Các quẻ được hình thành từ các yếu tố này. Những hào riêng lẻ thì hoặc là tĩnh, hoặc là động. Khi các hào tĩnh (tức là hào được thể hiện bằng số 7 [cương = Thiếu Dương] và số 8 [nhu = Thiếu Âm]), thì chúng tạo thành quẻ nhất định. Khi các hào động (tức là khi hào được thể hiện bằng số 9 [cương = Lão Dương] và số 6 [nhu = Lão Âm]), thì chúng phân rã quẻ trở lại và biến thành một quẻ khác. Những quy trình này khai mở nhãn quan vào những bí mật của sự sống. Khi ta vận dụng hai nguyên lý này vào các thiên tượng (mặt trời = Dương, mặt trăng = Âm) và vào những vạch trên đất (tứ phương), thì ta biết những tình trạng tối sáng (Âm Dương), tức là những quy luật tàng ẩn trong sự luân chuyển của bốn mùa, mà sự luân chuyển này tạo điều kiện cho sự tiến thoái của sinh lực thực vật. Bằng cách này, nhờ quan sát những khởi đầu và chung cuộc của sự sống ta biết rằng sự sinh ra và sự chết đi chẳng qua là sự tuần hoàn mà thôi. Sinh ra là tiến vào thế giới hữu hình. Chết đi là thoái lui vào cõi vô hình. Cả sinh lẫn tử không ám chỉ một khởi đầu tuyệt đối hay một kết thúc tuyệt đối, giống như trường hợp năm đến rồi đi, năm đi rồi đến. Với con người thì có gì khác hơn đâu. Giống như những hào tĩnh lập nên quẻ, và khi chúng động thì tạo ra biến đổi, cái nhục thể của ta được tạo thành do dòng tinh nam xuất ra kết hợp với khí nữ. Cái nhục thể này lâu bền một cách tương đối chừng nào mà hai sinh lực cấu thành ấy tĩnh tại trong sự quân bình. Khi chúng động, sự phân rã sẽ xảy ra. Linh hồn xuất ra (phần thanh cao thăng lên, phần trọng trọc chui xuống đất); thể xác rữa nát. Tương tự, những sinh lực tâm linh (tạo ra và phân rã sinh thể hữu hình) hoặc thuộc nguyên lý Dương hoặc thuộc nguyên lý Âm. Dương thần (Thần) xuất ra; nó là phần tác động, có thể nhập vào một thể xác mới. Âm thần (quỷ) quay trở về nhà; nó là phần thoái lui, có phận sự tiêu hoá những gì mà sự sống gặt hái được. Trong khái niệm về Dương thần và Âm thần không hề ngụ ý thiện và ác, mà nó chỉ phân biệt hạ tầng trương giãn và hạ tầng co rút của sinh lực. Đó là hai tình trạng biến đổi (như thuỷ triều lên xuống) trong biển đời bao la.» (Das Buch der Wandlungen beruht auf den beiden Grundprinzipien des Lichten und des Dunkeln. Die Zeichen sind aufgebaut aus diesen Elementen. Die einzelnen Linien sind entweder ruhig oder in Bewegung. Indem sie ruhig sind (das sind die Linien, die durch die Zahl 7 = fest und 8 = weich dargestellt werden), bauen sie die bestimmten Zeichen auf. Indem sie sich bewegen (das ist der Fall, wenn die Linien durch die Zahl 9 = fest und 6 = weich dargestellt werden), lösen sie das Zeichen wieder auf und verwandeln es in ein anderes. Diese Vorgänge sind es nun, die den Blick eröffnen in die Geheimnisse des Lebens. Wenn man diese Prinzipien anwendet auf die Zeichen am Himmel (Sonne = Licht, Mond = dunkel) und die Linienzüge auf Erden (Himmelsrichtungen), so erkennt man die Verhältnisse des Dunkeln und Hellen, d. h. die Gesetze, die dem Lauf der Jahreszeiten und ihrem Wechsel zugrunde liegen, der das Hervortreten und Zurückgehen der vegetativen Lebenskraft bedingt. Auf diese Weise erkennt man durch Beobachtung der Anfänge und Endpunkte des Lebens, daß Geburt und Tod nichts anderes ist als ebenderselbe Kreislauf. Geburt ist das Hervortreten in die Welt der Sichtbarkeit, Tod ist das Zurückkehren in die Gebiete des Unsichtbaren. Beide bedingen ebensowenig einen absoluten Anfang oder ein absolutes Ende, wie das bei den Erscheinungen des Jahres in ihrem Wechsel der Fall ist. Nicht anders verhält es sich mit den Menschen. Wie die konstanten Linien die Zeichen aufbauen und, wenn sie in Bewegung kommen, eine Veränderung bewirken, so wird das körperliche Dasein aufgebaut durch die Vereinigung «ausgehender» Lebensströme des (männlichen) Samens und der (weiblichen) Kraft. Dieses körperliche Dasein ist verhältnismäßig konstant, solange die aufbauenden Kräfte im Ruhezustand des

Hệ Từ Thượng nói: «Cho nên Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái. Bát Quái định cát hung, cát hung sinh ra sự nghiệp lớn.»[11] Mấy câu đầu của Thái Cực Đồ thuyết sử dụng thuyết «Thái Cực sinh lưỡng nghi». Nhưng sau đó

Gleichgewichts sich befinden. Geraten sie in Bewegung, so entsteht der Abbau. Das Seelische entweicht – das höhere Seelische steigt aufwärts, das niedrige Seelische sinkt zur Erde –; der Leib löst sich auf. Die geistigen Kräfte, die Aufbau und Abbau des sichtbaren Daseins bewirken, sind ebenfalls entweder dem lichten oder dem dunkeln Prinzip angehörig. Die lichten Geister (Schen) gehen aus, das sind die wirkenden, die auch neue Verkörperungen eingehen können; die dunkeln Geister (Gui) kehren heim, das sind die sich zurückziehenden, die den Ertrag des Lebens erst verarbeiten. Es liegt in dieser Auffassung von rückkehrenden und ausgehenden Geistern keineswegs der Gedanke von guten und bösen Wesen, sondern nur der Unterschied des sich ausstreckenden und sich zusammenziehenden Substrats der Lebenskraft. Es sind Wechselzustände im großen Meer des Lebens).– James Legge dịch: «Thánh nhân, căn cứ theo Kinh Dịch, ngước lên quan sát các hiện tượng sáng rỡ trên trời, cúi xuống xem xét các sắp đặt nhất định dưới đất, do đó ngài biết những nguyên do của tối (hay của vật tối) và của sáng (hay của vật sáng). Ngài truy cứu đến khởi đầu của chúng và lần theo tới kết cục của chúng, do đó ngài biết những gì có thể nói về sống và chết. Ngài biết cách thức mà sự kết hợp của tinh và khí tạo ra sự vật, và biết sự biến mất hay sự xuất ra của hồn làm biến đổi cấu tạo của sự vật, do đó ngài biết tính chất của quỷ và thần.» (The sage, in accordance with the Yi, looking up, contemplates the brilliant phenomena of the heaven, and, looking down, examines the definite arrangements of the earth; thus he knows the causes of darkness or, what is obscure and light or, what is bright. He traces things to their beginning, and follows them to their end; thus he knows what can be said about death and life. He perceives how the union of essence and breath form things, and the disappearance or wandering away of the soul produces the change of their constitution; thus he knows the characteristics of the anima and animus).

11 Hệ Từ Thượng: «Thị cố Dịch hữu Thái Cực. Thị sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh bát quái. Bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp.» 是故易有太極. 是生兩儀. 兩儀生四象. 四象生八卦. 八卦定吉凶. 吉凶生大業.– LAM chú: Richard Wilhelm dịch: «Cho nên, trong Dịch có Thái Cực (sơ nguyên lớn). Thái Cực sinh lưỡng nghi (hai sức mạnh cơ bản). Lưỡng nghi sinh tứ tượng (bốn hình tượng). Tứ tượng sinh bát quái (tám quẻ). Bát Quái xác định cát và hung. Cát hung tạo ra lĩnh vực hoạt động lớn.» (Darum gibt es in den Wandlungen den großen Uranfang. Dieser erzeugt die zwei Grundkräfte. Die zwei Grundkräfte erzeugen die vier Bilder. Die vier Bilder erzeugen die acht Zeichen. Die acht Zeichen bestimmten Heil und Unheil. Heil und Unheil erzeugen das große Wirkungsfeld).– James Legge dịch: «Cho nên, trong hệ thống của Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh bát quái. Bát Quái nhằm xác định mặt tốt và mặt xấu của mọi sự việc, và từ sự xác định này mà sự thực hiện thành công của sự nghiệp lớn của cuộc đời được tạo ra.» (Therefore in the system of the Yi there is the Grand Terminus, which produced the two elementary Forms. Those two Forms produced the Four emblematic Symbols, which again produced the eight Trigrams. The eight trigrams served to determine the good and evil issues of events, and from this determination was produced the successful prosecution of the great business of life).

Chu Liêm Khê đề cập ngũ hành, chứ không phải Bát Quái. Tuy cuối bài ông khen ngợi Kinh Dịch, nhưng kỳ thực Thái Cực Đồ không hoàn toàn căn cứ trên Kinh Dịch.

Vì lý do đó, nguồn gốc của Thái Cực Đồ đáng cho chúng ta nghiên cứu. *Thượng Phương Đại Đỗng Chân Nguyên Diệu Kinh Phẩm Đồ* 上方大洞眞元妙經品圖 trong *Đạo Tạng* có nhiều hình đồ, trong đó có Thái Cực Tiên Thiên Đồ (xem hình trên đây).

Hình đồ này khá giống Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê. Tuy ta không biết tác giả của quyển kinh này là ai, nhưng trong đó có lời tựa của Đường Minh Hoàng 唐明皇 (còn gọi là Đường Vũ Hoàng 唐武皇, tức Huyền Tông 玄宗 hay Lý Long Cơ 李隆基, tại vị 712-755), cho nên nó xuất hiện trước đời Tống. Có lẽ nó là nguồn cảm hứng cho Chu Liêm Khê viết ra Thái Cực Đồ chăng?

Tống Sử (Nho Lâm Truyện) có chép truyện của Chu Chấn 朱震 (1072-1138) rằng: «Cái học về kinh điển của Chu Chấn rất thâm hậu. Ông viết trong *Hán Thượng Dịch Giải* rằng: Trần Đoàn 陳摶 (871-989) lấy Tiên Thiên Đồ 先天圖 truyền cho Chủng Phóng 種放 (?-1014); Chủng Phóng truyền cho Mục Tu 穆修 (979-1032); Mục Tu truyền cho Lý Chi Tài 李之才 (?-1045); Chi Tài truyền cho Thiệu Ung 邵雍 (1011-1077). [Chu Chấn còn nói rằng] Chủng Phóng lấy Hà Đồ và Lạc Thư truyền cho Lý Khái 李漑 (?-?); Khái truyền cho Hứa Kiên 許堅 (khoảng 976-984); Hứa Kiên truyền cho Phạm Ngạc Xương 范諤昌 (?-?); Ngạc Xương truyền cho Lưu Mục. Mục Tu lấy Thái Cực Đồ truyền cho Chu Đôn Di.»[12]

Nói như thế, cái học về Tượng Số thời ấy bắt nguồn từ Trần Đoàn. Theo *Tống Sử*, Trần Đoàn là một thần tiên sống, rất nổi tiếng đầu đời

---

[12] ***Tống Sử*** **(Nho Lâm Truyện): «Chấn kinh học thâm thuần, hữu Hán Thượng Dịch Giải vân: Trần Đoàn dĩ Tiên Thiên Đồ truyền Chủng Phóng; Phóng truyền Mục Tu; Mục Tu truyền Lý Chi Tài; Chi Tài truyền Thiệu Ung. Phóng dĩ Hà Đồ Lạc Thư truyền Lý Khái; Khái truyền Hứa Kiên; Hứa Kiên truyền Phạm Ngạc Xương; Ngạc Xương truyền Lưu Mục. Mục Tu dĩ Thái Cực truyền Chu Đôn Di.»** 震經學深醇, 有漢上易解云:陳摶以先天圖傳種放;放傳穆修;穆修傳李之才;之才傳邵雍. 放以河圖洛書傳李漑;漑傳許堅;許堅傳范諤昌;諤昌傳劉牧. 穆修以太極傳周敦頤.

Tống.[13] Học giả đời Thanh là Mao Kỳ Linh 毛奇齡(1623-1716) đã viết trong quyển *Thái Cực Đồ Thuyết Di Nghĩa* 太極圖說遺義 của ông rằng: Các hình đồ vốn có trong *Tham Đồng Khế* 參同契 đã bị đa số học giả bỏ đi sau khi Chu Hi (1130-1200) chú giải nó. Bản *Tham Đồng Khế* của Bành Hiểu 彭曉 chú giải có hai hình đồ: Thuỷ Hoả Khuông Khoách Đồ 水火匡廓圖 và Tam Ngũ Chí Tinh Đồ 三五至精圖.[14] Hình tròn thứ hai trong Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê chính là Thuỷ Hoả Khuông Khoách Đồ[15] của *Tham Đồng Khế*. Hình thứ ba (có ngũ hành) trong Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê chính là Tam Ngũ Chí Tinh Đồ của *Tham Đồng Khế*.

Hai học giả Hoàng Tông Viêm 黃宗炎(1616-1686) và Chu Di Tôn 朱彝尊(1629-1709) đều cho rằng Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê vốn gọi là Vô Cực Đồ. Hai ông cho rằng Trần Đoàn cư ngụ ở Hoa Sơn, khắc Vô Cực Đồ lên vách đá. Hình đồ ấy bố trí từ dưới lên trên như sau:

(1) Hình tròn rỗng dưới chót gọi là «Huyền tẫn chi môn» 玄牝之門;

(2) Hình tròn rỗng kế tiếp gọi là «Luyện tinh hoá khí, luyện khí hoá thần» 鍊精化氣鍊氣化神;

---

13 LAM chú: Trần Đoàn 陳摶(871-989) sống cuối thời Ngũ Đại và đầu đời Tống, tự là Đồ Nam 圖南, hiệu là Phù Dao Tử 扶搖子, quê ở Chân Nguyên 眞源 thuộc Bạc Châu 亳州(nay là Lộc Ấp 鹿邑, tỉnh Hà Nam 河南). Thuở nhỏ đã đọc qua các kinh điển Nho giáo, đặc biệt ham thích sách dạy phương dược (thuốc trường sinh) của Đạo giáo, và có tâm chí dẹp loạn cứu đời. Những năm Trường Hưng 長興(930-933) đời vua Minh Tông 明宗(tức Lý Tự Nguyên 李嗣源, tại vị 926-933) của Hậu Đường, ông thi rớt Tiến sĩ, bèn chán đời ẩn cư trong núi Vũ Đang 武當, rồi qua ở núi Hoa Sơn, kết bạn với Lã Động Tân 呂洞賓 và Lý Kỳ 李琪. Theo *Tư Trị Thông Giám* (Hậu Chu Kỷ), năm 956, tức năm Hiển Đức thứ 3 đời vua Thế Tông 世宗(tức Sài Vinh 柴榮, tại vị 954-959) của Hậu Chu, vua ham thích thuốc trường sinh (tức ngoại đan), nghe danh của Trần Đoàn bèn vời vào cung hỏi về thuật luyện đan, và phong cho Trần Đoàn làm Gián nghị đại phu, nhưng Trần Đoàn từ tạ. Vua ban cho Trần Đoàn hiệu Bạch Vân 白雲 tiên sinh. Những năm Thái Bình Hưng Quốc 太平興國(976-984) đời vua Thái Tông của Bắc Tống, Trần Đoàn tuân chiếu chỉ vào kinh đô, ông khuyên vua chiêu hiền đãi sĩ, khoan nới sức dân, trừ khử nịnh thần, ban thưởng tam quân. Vua ban ông hiệu Hi Di 希夷 tiên sinh. Trần Đoàn học thức uyên bác, trứ tác nhiều. Vô Cực Đồ của ông được Chu Đôn Di sửa đổi thành Thái Cực Đồ. Tiên Thiên Đồ của ông được Thiệu Ung kế thừa. Ông có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành và phát triển của Lý Học đời Tống. Trứ tác của ông đều mất cả, chỉ còn sót *Âm Chân Quân Hoàn Đan Ca Chú* 陰眞君還丹歌注 được chép vào *Đạo Tạng*. Đạo giáo tôn xưng ông là Trần Đoàn Lão Tổ 陳摶老祖. Xem: Trương Chí Triết, *Đạo Giáo Văn Hoá Từ Điển*, Giang Tô Cổ Tịch xuất bản xã, 1994, tr.207.

14 Phùng Hữu Lan chú: Trong *Đạo Tạng*, bản *Tham Đồng Khế* do Bành Hiểu chú giải cũng không có hình đồ nào cả.– Derk Bodde chú: Bành Hiểu sống thời Ngũ Đại (907-959).

15 LAM chú: Trong Thuỷ Hoả Khuông Khoách Đồ, nửa hình tròn bên trái tượng trưng quẻ Ly, nửa hình tròn bên phải tượng trưng quẻ Khảm. Vòng cung đen là hào Âm, vòng cung trắng là hào Dương.

(3) Hình chính giữa có ngũ hành liên lạc với nhau (bên trái là mộc và hoả, bên phải là thuỷ và kim, chính giữa là thổ) gọi là «Ngũ khí triều nguyên» 五氣朝元;

(4) Hình tròn có phân đen trắng (tức Thuỷ Hoả Khuông Khoách Đồ) gọi là «thủ Khảm điền Ly» 取坎塡離;

(5) Hình tròn rỗng trên cùng gọi là «Luyện thần phản hư, phục quy Vô Cực» 鍊神返虛復歸無極.[16]

Hoàng Tông Viêm nói: «Khi Chu Liêm Khê có được hình đồ này, bèn đảo ngược thứ tự và đổi tên hình đồ [là Thái Cực Đồ], phụ đề Đại Dịch, xem là bí truyền của Nho gia. Bởi vì khẩu quyết của phương sĩ nghịch chuyển thì thành Đan, cho nên nó mô tả chuyển động từ dưới lên trên. Còn chủ ý của Chu Liêm Khê là thuận chuyển sinh con người, cho nên mô tả sự chuyển động từ trên xuống dưới.»[17] Lời lẽ của Hoàng Tông Viêm và Chu Di Tôn chưa rõ thực hư thế nào, nhưng chắc chắn là Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê có quan hệ mật thiết với Đạo giáo.

Chu Liêm Khê vay mượn hình Thái Cực Đồ mà các đạo sĩ dùng để tu luyện rồi đưa vào đó giải thích mới và ý nghĩa mới. Sự giải thích này (tức *Thái Cực Đồ Thuyết*) là một trong các trứ tác có hệ thống của Đạo học gia đời Tống và đời Minh. Khi giảng về sự phát sinh ra vũ trụ, đa số Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều dùng thuyết này để suy diễn. Sau đây tôi luận chung về *Thái Cực Đồ Thuyết* và *Thông Thư* của Chu Liêm Khê. *Thông Thư* 通書 (còn gọi là *Dịch Thông* 易通) cũng là một trứ tác của ông giảng về Dịch.

b. Thái Cực Đồ Thuyết và Thông Thư

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «Thái Cực động thì sinh ra Dương; động tới cực điểm thì tĩnh; tĩnh thì sinh ra Âm. Tĩnh tới cực điểm thì trở lại động. Một động một tĩnh, làm căn bản cho nhau. Phân ra Âm và Dương, thì lưỡng nghi thành lập.» Một động một tĩnh của Thái Cực có thể cùng lúc mà có. *Thông Thư* viết: «Động mà không tĩnh, tĩnh mà không động,

---

[16] **Phùng Hữu Lan chú: Hoàng Tông Viêm 黃宗炎, *Thái Cực Đồ Biện* 太極圖辯 (được trích dẫn trong *Tống Nguyên Học Án* 宋元學案) và Chu Di Tôn 朱彝尊, *Thái Cực Đồ Thụ Thụ Khảo* 太極圖授受考 (in trong *Bộc Thư Đình Tập* 曝書亭集, quyển 58).**

[17] **Hoàng Tông Viêm, *Thái Cực Đồ Biện*: «Chu Tử đắc thử đồ, nhi điên đảo kỳ tự, cánh dị kỳ danh, phụ ư Đại Dịch, dĩ vi Nho giả chi bí truyền. Cái phương sĩ chi quyết, tại nghịch nhi thành Đan, cố tòng hạ nhi thượng. Chu Tử chi ý, dĩ thuận nhi sinh nhân, cố tòng thượng nhi hạ.»** 周子得此圖, 而顛倒其序, 更易其名, 附於大易, 以爲儒者之秘傳. 蓋方士之訣, 在逆成丹, 故從下而上. 周子之意, 以順而生人, 故從上而下.

đó là vật. Động mà không động, tĩnh mà không tĩnh, đó là thần. Động mà không động, tĩnh mà không tĩnh, chẳng phải là không động và không tĩnh. Vật không thông nhau, thần là cái linh diệu nhất của vạn vật.»[18]

Một sự vật đặc thù, khi động thì chỉ có động chứ không có tĩnh, khi tĩnh thì chỉ có tĩnh chứ không có động. Một sự vật đặc thù khi nhất định là thế này thì nó không thể là thế kia, khi nó nhất định là thế kia thì nó không thể là thế này. Do đó mới nói «vật không thông nhau». Thái Cực động mà không động, tức là trong cái động cũng có cái tĩnh; tĩnh mà không tĩnh, tức là trong cái tĩnh cũng có cái động. Cho nên trong phần Âm của nó có Dương, trong phần Dương của nó có Âm. Do đó mới nói «thần là cái linh diệu nhất của vạn vật».

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «Dương biến Âm hợp, thì sinh ra: thuỷ (nước), hoả (lửa), mộc (gỗ), kim (kim loại), thổ (đất). Ngũ khí (năm khí của ngũ hành) thuận hoà phân bố tạo ra sự vận hành của tứ thời (bốn mùa). Ngũ hành hợp nhất là Âm Dương. Âm Dương hợp nhất là Thái Cực. Thái Cực có gốc là Vô Cực.» Ở đây giảng rõ Thái Cực sinh Âm Dương và ngũ hành, nhưng Thái Cực kỳ thực lại nằm trong Âm Dương và ngũ hành. *Thông Thư* nói: «Hai khí Âm Dương và ngũ hành hoá sinh vạn vật. Ngũ hành khác nhau, Âm Dương là thực. Cả hai vốn là Một. Vạn là Một; Một phân làm vạn. Vạn và Một đều đúng đắn; cái lớn và cái nhỏ đều được quyết định.»[19]

Thái Cực Đồ Thuyết gọi ngũ hành là ngũ khí, gọi Âm Dương là nhị khí. Tức là Chu Liêm Khê xem Âm Dương và ngũ hành đều là *Khí*. Trong *Thông Thư* gọi Một là *Lý*, cũng tức là Thái Cực. Thái Cực là Lý, Âm Dương và ngũ hành là Khí. Hai khái niệm Lý 理 và Khí 氣 chiếm địa vị rất quan trọng trong Đạo học đời Tống và đời Minh. Hai khái niệm Lý và Khí do Chu Liêm Khê nêu ra đầu tiên, nhưng ý nghĩa của chúng phải đợi đến Chu Hi (1130-1200) mới được thuyết minh tường tận. Theo *Thông Thư*, vạn vật đều do Một phân ra. Do đó Thái Cực tức là ở trong vạn vật, nên *Thông Thư* mới nói «vạn là Một; Một phân làm vạn».

---

[18] ***Thông Thư:*** **«Động nhi vô tĩnh, tĩnh nhi vô động, vật dã. Động nhi vô động, tĩnh nhi vô tĩnh, thần dã. Động nhi vô động, tĩnh nhi vô tĩnh, phi bất động bất tĩnh dã. Vật tắc bất thông; thần diệu vạn vật.»** 動而無靜, 靜而無動, 物也. 動而無動, 靜而無靜. 神也. 動而無動, 靜而無靜, 非不動不靜也. 物則不通; 神妙萬物. **– LAM chú: Câu chót tôi dịch theo Derk Bodde: «For whereas things do not interpenetrate one another, spirit is the most mysterious of all things.»**

[19] ***Thông Thư:*** **«Nhị khí ngũ hành, hoá sinh vạn vật. Ngũ thù nhị thực, nhị bản tắc nhất. Thị vạn vi nhất, nhất thực vạn phân. Vạn nhất các chính, tiểu đại hữu định.»** 二氣五行, 化生萬物. 五殊二實, 二本則一. 是萬爲一, 一實萬分. 萬一閣正, 小大有定.

Thái Cực Đồ Thuyết nói hai khí Âm Dương giao cảm, hoá sinh vạn vật. Những sự vật đặc thù như thế đều có cái được quyết định cho nên chúng không thông với nhau. Cho nên *Thông Thư* nói: «Vạn và Một đều đúng đắn; cái lớn và cái nhỏ đều được quyết định.» *Thái Cực Đồ Thuyết* nói: «Chỉ riêng con người có được sự ưu tú, nên tối linh. Hình thể con người đã sinh ra rồi thì thần trí phát ra mà có ý thức. Ngũ tính (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) cảm động mà phân biệt thiện và ác, và vạn sự xuất hiện.» Ở đây xem con người linh hơn vạn vật, được phú bẩm Lý của Thái Cực và có đủ các tính của ngũ hành. Lý của Thái Cực thì thuần tuý chí thiện Cho nên bản tính con người vốn là thiện. Tính bản nhiên của nhân tính gọi là *thành* 誠 (chân thành). *Thông Thư* nói: «Thành là gốc của thánh nhân. "*Lớn thay sự khởi đầu của Càn, vạn vật bắt đầu từ nó*," đó là nguồn của thành. "*Càn đạo biến hoá, mỗi thứ tự chỉnh đốn tính và mệnh của mình, sự chân thành được lập nên, thuần tuý chí thiện vậy.*" Cho nên nói: "*Một Âm và một Dương gọi là Đạo; cái kế tiếp là thiện; cái tạo thành [vạn vật] là tính.*" Nguyên và hanh là sự thông suốt của thành; lợi và trinh là sự trở về gốc của thành. Lớn thay đạo Dịch, đó là nguồn của tính và mệnh vậy.»[20]

Một Âm và một Dương gọi là Đạo; Đạo tức là một tên gọi khác của Thái Cực.

Về nguồn gốc của cái ác, *Thông Thư* nói: «Thành vô vi, cơ thiện ác.» 誠無爲幾善惡 (Chân thành nằm trong trạng thái vô vi, hơi lay động thì tạo ra thiện và ác). Chữ «cơ» 幾 ở đây nghĩa là lay động rất nhỏ nhặt. Cho nên *Thông Thư* giảng: «Động nhi vị hình, hữu vô chi gian giả, cơ dã.» 動而未形,有無之間者,幾也 (Động mà chưa có hình, cái nằm giữa hữu và vô gọi là cơ). Nhân tính vốn thiện, nhưng khi nó phát động ra để thi hành sự việc thì chưa chắc nó hợp với trung dung. Nếu nó phát ra mà không hợp với trung dung, thì cái không hợp với trung dung ấy gọi là ác.

---

[20] ***Thông Thư* nói: «Thành giả, thánh nhân chi bản. "Đại tai Càn nguyên, vạn vật tư thuỷ," [a] thành chi nguyên dã. "Càn đạo biến hoá, các chính tính mệnh, thành tư lập yên, thuần tuý chí thiện giả dã." [b] Cố viết: "Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo; kế chi giả thiện dã; thành chi giả tính dã." [c] Nguyên hanh thành chi thông; lợi trinh thành chi phục. Đại tai Dịch dã, tính mệnh chi nguyên hồ.»** 誠者.聖人之本."大哉乾元,萬物資始," 誠之源也."乾道變化,各正性命,誠斯立焉,純粹至善者也." 故曰:"一陰一陽之謂道;繼之者善也;誠之者性也." 元亨誠之通;利貞誠之復.大哉易也,性命之源乎.**– LAM chú: (a) Câu «*Đại tai Càn nguyên, vạn vật tư thuỷ*» là Thoán Truyện quẻ Càn. (b) Chỉ có «*Càn đạo biến hoá, các chính tính mệnh*» là trong Thoán Truyện quẻ Càn. Còn «*Thành tư lập yên, thuần tuý chí thiện giả dã*» tôi không thấy xuất hiện trong Chu Dịch và Tứ Thư. (c) Câu «*Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo; kế chi giả thiện dã; thành chi giả tính dã*» này trong Hệ Từ Thượng.**

Thông Thư nói: «Trong tính có cương nhu, tạo ra thiện ác. Chỉ cần trung dung mà thôi. [Bởi con người] không thấu đạt, [nên ta] nói: Thiện phát xuất từ cương là nghĩa, thẳng thắn, quyết đoán, nghiêm nghị, kiên định. Ác [phát xuất từ cương] là hung hãn, hẹp hòi, mạnh bạo. Thiện phát xuất từ nhu là thuận tòng, từ tốn. Ác [phát xuất từ nhu] là nhu nhược, không quyết đoán, tà nịnh. Chỉ có trung là hài hoà và tiết độ, là sự đạt đạo của thiên hạ, là sự việc của thánh nhân. Cho nên thánh nhân chủ trương giáo lý này, khiến cho con người tự thay đổi cái ác của mình, tự đạt tới sự trung dung của mình và dừng lại ở đó.»[21]

Dương thì cương, Âm thì nhu. Con người được phú bẩm hai khí Âm Dương, nên bản tính cũng có cương và nhu. Cương và nhu mất chính đáng cho đến ngũ tính (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) cảm động và không hợp với trung dung, như vậy đều là ác. Cho nên ác là cái tiêu cực, thiện là cái tích cực. Chu Liêm Khê nói: Bởi hơi bị lay động giữa thiện và ác, nên quân tử phải thận trọng khi hành động.

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «Thánh nhân tự xác định mình theo: *trung, chính, nhân, nghĩa*, và chủ về tĩnh, lập thành chuẩn mực tối cao của con người.» *Thông Thư* nói: «Đạo của thánh nhân chỉ là *nhân, nghĩa, trung, chính* mà thôi.» (Thánh nhân chi đạo, nhân nghĩa trung chính nhi dĩ hĩ 聖人之道,仁義中正而已矣).

Như vậy, chuẩn mực tối cao của con người tức là *trung, chính, nhân, nghĩa. Thông Thư* nói: «Trời lấy Dương để sinh ra vạn vật, lấy Âm để tựu thành vạn vật. Vật được sinh, đó là nhân ái; được tựu thành, đó là nghĩa. Cho nên thánh nhân ở trên cao, lấy nhân ái để dưỡng dục vạn vật, lấy nghĩa để chỉnh đốn vạn dân.»[22]

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «[Thánh nhân] xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương; đạo đất thì có nhu và cương; đạo người thì có nhân và nghĩa.» Tổng hợp lại mà xét, chúng ta phải lấy trung chính để uốn nắn bản thân,

[21] ***Thông Thư:* «Tính giả cương nhu thiện ác, trung nhi dĩ hĩ. Bất đạt, viết: Cương thiện vi nghĩa, vi trực, vi đoán, vi nghiêm nghị, vi cán cố. Ác vi mãnh, vi ải, vi cường lương. Nhu thiện vi thuận, vi tốn. Ác vi nhu nhược, vi vô đoán, vi tà nịnh. Duy trung dã giả, hoà dã, trúng tiết dã, thiên hạ chi đạt đạo dã, thánh nhân chi sự dã. Cố thánh nhân chủ giáo, tỷ nhân tự dị kỳ ác, tự chí kỳ trung nhi chỉ hĩ.»** 性者剛柔善惡,中而已矣.不達,曰:剛善爲義,爲直,爲斷,爲嚴毅,爲幹固.惡爲猛,爲隘,爲強梁.柔善爲順,爲巽.惡爲懦弱,爲無斷,爲邪佞.惟中也者,和也,中節也,天下之達道也,聖人之事也.故聖人主教,俾人自易其惡,自至其中而止矣.

[22] ***Thông Thư:* «Thiên dĩ Dương sinh vạn vật, dĩ Âm thành vạn vật. Vật sinh, nhân dã; thành, nghĩa dã. Cố thánh nhân tại thượng, dĩ nhân dục vạn vật, dĩ nghĩa chính vạn dân.»** 天以陽生萬物,以陰成萬物.物生,仁也;成,義也.故聖人在上,以仁育萬物,以義正萬民.

lấy nhân nghĩa để trị người; và phương pháp tu dưỡng để thành thánh nhân chính là tĩnh 靜. Theo chú thích của Chu Liêm Khê, «vô dục cho nên tĩnh» (vô dục cố tĩnh 無欲故靜). *Thông Thư* nói: «Hỏi: "Người ta có thể học làm thánh không?" Đáp: "Có thể." Hỏi: "Có nguyên tắc quan trọng gì chăng?" Ta trả lời là có, người ấy hỏi đó là gì, ta đáp: "Điều quan trọng là duy nhất. Cái duy nhất ấy chính là vô dục. Cái vô dục ấy lúc tĩnh thì hư không, lúc động thì ngay thẳng. Tĩnh và hư không thì sáng suốt, sáng suốt thì thông hiểu; động và ngay thẳng thì công bình, công bình thì phổ quát. Hễ sáng suốt, thông hiểu, công bình, phổ quát, thì thứ dân thành thánh nhân vậy!»[23]

Vô dục thì tĩnh hư và động trực. *Mạnh Tử* nói: «Nay bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót [mà đến cứu nó], chẳng phải vì họ quen biết cha mẹ nó, hay để làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay vì sợ mang tiếng bất nhân.»[24] Các Đạo học gia đời Tống và đời Minh thường trích dẫn câu văn này. Lòng trắc ẩn khiến người ta muốn cứu đứa bé, đó là *trực khởi* 直起. Từ lòng trắc ẩn dẫn tới hành vi cứu ngay đứa bé, đó là *trực động* 直動. *Trực khởi* và *trực động*, chẳng màng lợi hại đối với bản thân, chỉ cần cứu được đứa bé, đó là công bình. Cho nên Chu Liêm Khê nói «động và ngay thẳng thì công bình». Tuy nhiên, nếu «vì quen biết cha mẹ nó, hay để làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay vì sợ mang tiếng bất nhân» mà ta chạy đến cứu đứa bé, thì đó là *dục* 欲. Ý niệm ấy khởi lên không phải là *trực khởi*; hành vi cứu đứa bé không phải là *trực động*. Ý niệm và hành vi ấy có sự cân nhắc lợi hại đối với bản thân, nên gọi là tư dục. Ý niệm vô dục khởi lên đó là thánh hiền, còn ý niệm có tư dục khởi lên đó là cầm thú. Nếu trong tâm ta vô dục và tĩnh lặng thì tâm ta giống như gương sáng. Vô sự thì tĩnh hư, hữu sự thì động trực. *Thông Thư* nói: «Vắng lặng bất động tức là thành. Cảm động mà thông suốt tức là thần.» (Tịch nhiên bất động giả, thành dã. Cảm nhi toại thông giả, thần dã. 寂然不動者, 誠也. 感而遂通者, 神也). «Vắng lặng bất động» tức là tĩnh hư; «cảm động mà thông suốt» tức là động trực. Đó là điều mà các Đạo học gia đời Tống và đời Minh về sau thường thuyết

---

[23] *Thông Thư*: **«Thánh khả học hồ? Viết: Khả. Viết: Hữu yếu hồ? Viết hữu, thỉnh vấn yên. Viết: Nhất vi yếu, nhất giả vô dục dã. Vô dục tắc tĩnh hư động trực. Tĩnh hư tắc minh, minh tắc thông, động trực tắc công, công tắc phổ. Minh thông công phổ, thứ hĩ hồ!»** 聖可學乎?曰:可.曰:有要乎?曰有,請問焉.曰:一爲要,一者無欲也.無欲則靜虛動直.靜虛則明,明則通,動直則公,公則溥.明通公溥,庶矣乎!

[24] *Mạnh Tử*, **Công Tôn Sửu (thượng): «Kim nhân sạ kiến nhụ tử tương nhập vu tỉnh, giai hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm. Phi sở dĩ nạp giao vu nhụ tử chi phụ mẫu dã; phi sở dĩ yêu dự vu hương đảng bằng hữu dã; phi ố kỳ thanh nhi nhiên dã.»** 今人乍見孺子將入于井,皆有怵惕惻隱之心.非所以內交于孺子之父母也;非所以要譽于鄉黨朋友也;非惡其聲而然也.

giảng. Tuy nhiên Chu Liêm Khê chỉ đề cập *dục* như vậy; còn địa vị của *nhân dục* ở phương diện siêu hình và luân lý thì ông chưa từng nói rõ.

«Sáng suốt thì thông hiểu» (minh tắc thông), khi chúng ta vô dục và tĩnh lặng thì tâm chúng ta như gương sáng. Vắng lặng mà thường chiếu. Hễ sáng thì có thể như thế, không sáng thì không thể như thế. Về «công bình thì phổ quát» (công tắc phổ), *Thông Thư* nói: «Đạo của thánh nhân chỉ là chí công mà thôi. Có kẻ hỏi: "Vì sao nói thế?" Đáp: "Bởi trời đất chỉ là chí công mà thôi."» (Thánh nhân chi đạo, chí công nhi dĩ hĩ. Hoặc viết: Hà vị dã? Viết: Thiên địa chí công nhi dĩ hĩ. 聖人之道,至公而已矣.或曰:何謂也?曰:天地至公而已矣).

Trời đất chí công nên che chở tất cả, đó gọi là *phổ* 溥 (phổ quát, khắp nơi). Bởi công bình, nên như thế. Nếu không công bình thì có sự che chở riêng tư cho mỗi loài. Đạo của thánh nhân chỉ là chí công mà thôi. Cho nên, hễ sáng suốt, thông hiểu, công bình, và phổ quát, thì thứ dân trở thành thánh nhân vậy.

Muốn đạt tới cảnh giới «vô dục và tĩnh lặng» thì chúng ta cũng phải trải qua một giai đoạn đáng kể. *Thông Thư* chép: «Hồng Phạm nói: "Suy nghĩ phải thấu triệt. [...] Thấu triệt sẽ thánh thiện." Không suy nghĩ là căn bản. Suy nghĩ thông suốt là ứng dụng. Hơi lay động ở chỗ kia, thì chân thành động ở chỗ này. Không suy nghĩ mà chẳng gì không thông suốt, đó là thánh nhân. Nếu không suy nghĩ, thánh nhân không thể thông suốt cái tế vi. Nếu không thấu triệt, thánh nhân không thể thông suốt khắp nơi. Do đó, thông suốt khắp nơi phát sinh từ thông suốt cái tế vi; ứng dụng cái tế vi phát sinh từ suy nghĩ. Cho nên suy nghĩ là căn bản của công việc của thánh nhân và là sự lay động dẫn đến cát hung vậy.»[25]

Vô tư (không suy nghĩ) tức là vắng lặng bất động. Suy nghĩ thông suốt tức là cảm động mà thông suốt. Muốn đạt tới cảnh giới «không suy nghĩ mà chẳng gì không thông suốt» (vô tư nhi vô bất thông) thì trước tiên phải có công phu suy nghĩ. Nhưng cái công phu suy nghĩ ấy phải như thế

---

[25] ***Thông Thư*: «Hồng Phạm viết: "Tư viết duệ. [...] Duệ tác thánh." Vô tư, bản dã. Tư thông, dụng dã. Cơ động ư bỉ, thành động ư thử, vô tư nhi vô bất thông vi thánh nhân. Bất tư tắc bất năng thông vi; bất duệ tắc bất năng vô bất thông. Thị tắc vô bất thông sinh ư thông vi; dụng vi sinh ư tư. Cố tư giả, thánh công chi bản, nhi cát hung chi cơ dã.»** 洪範曰:"斯曰睿.[...]睿作聖." 無思.本也.思通,用也.幾動於彼,誠動於此,無思而無不通爲聖人.不思則不能通微;不睿則不能無不通.是則無不通生於通微;用微生於思.故思者,聖功之本,而吉凶之幾也.**– LAM chú: Nguyên văn trong Hồng Phạm là: «Ngũ sự: Nhất viết mạo, nhị viết ngôn, tam viết thị, tứ viết thính, ngũ viết tư. Mạo viết cung, ngôn viết tòng, thị viết minh, thính viết thông, tư viết duệ. Cung tác túc, tòng tác nghệ, minh tác triết, thông tác mưu, duệ tác thánh.»** 五事:一曰貌,二曰言,三曰視,四曰聽,五曰思.貌曰恭,言曰從

nào thì Chu Liêm Khê chưa hề nói rõ. Chúng ta có thể phỏng đoán rằng công phu ấy có lẽ là thường xuyên chú ý đến trạng thái trong tâm chúng ta, giống như *Mạnh Tử* nói «tất hữu sự yên» 必有事焉(luôn canh cánh bên lòng).[26]

Thái Cực Đồ Thuyết nói: «Thánh nhân hợp nhất đức của mình với trời đất, hợp nhất vẻ sáng của mình với mặt trời và mặt trăng, hợp nhất thứ tự của mình với bốn mùa, hợp nhất cát hung của mình với quỷ thần.» *Thông Thư* nói: «Thánh nhân chỉ có chân thành mà thôi. Chân thành là gốc của ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), là nguồn của trăm hạnh.» (Thánh thành nhi dĩ hĩ. Thành ngũ thường chi bản, bách hạnh chi nguyên dã. 聖誠而已矣. 誠五常之本,百行之源也).

Thành 誠(chân thành) là tính bản nhiên của nhân tính. Thánh nhân sở dĩ là thánh bởi vì đã trở về với tính bản nhiên của nhân tính. Điều mà Lý Ngao nói, các Đạo học gia kể từ Chu Liêm Khê về sau đã nhất trí chủ trương.

2. Thiệu Khang Tiết

Ở chương 3 (tiết 2) và chương 10 (tiết 4) trên đây, chúng ta thấy rằng các vĩ thư đời Hán đã phát triển những lý thuyết về Dịch. Những thuyết này đã nhập vào Đạo giáo và được truyền thụ không dứt. Đến đời Bắc Tống, những lý thuyết về Dịch cũng được đưa vào Đạo học, và gọi là cái học tượng số 象數. Trong lời tựa của *Dịch Số Câu Ẩn Đồ* 易數鉤

. 視曰明. 聽曰聰. 思曰睿. 恭作肅. 從作乂. 明作哲. 聰作謀. 睿作聖. (**Năm việc: 1- Dung mạo, 2- Nói năng, 3- Nhìn, 4- Nghe, 5- Suy nghĩ. Dung mạo phải kính cẩn, nói năng phải theo lý lẽ, nhìn phải sáng suốt, nghe phải tinh tế, suy nghĩ phải thấu triệt. Kính cẩn sẽ nghiêm túc, theo lý sẽ trật tự, sáng suốt sẽ khôn ngoan, tinh tế sẽ mưu lược, thấu triệt sẽ thánh thiện).**

26 **LAM chú: Câu «*Tất hữu sự yên*» 必有事焉 trích trong *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu, thượng), Mạnh Tử nói về việc nuôi dưỡng khí hạo nhiên. Ta cần tích luỹ việc nghĩa thì khí hạo nhiên mới sinh ra. Nguyên văn: «Tất hữu sự yên vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng dã.» 必有事焉勿正. 心勿忘. 勿助長也. Chu Hi giảng *chính* 正 là *dự kỳ* 預期(mong ngóng), ý nói việc nuôi dưỡng khí hạo nhiên chúng ta ắt luôn chú tâm đến, nhưng chớ mong ngóng hiệu quả, chớ quên nó, chớ thúc ép cho nó mau lớn. Cố Viêm Vũ bác bỏ giải thích này. Chẳng qua văn bản bị chép sai. Hai chữ *chính tâm* 正心 tức là chữ *vong* 忘 bị chép sai. Câu này lẽ ra phải là: «Tất hữu sự yên vật vong, vật vong, vật trợ trưởng dã.» 必有事焉勿忘. 勿忘. 勿助長也. (Trong tâm ắt có sự [nuôi dưỡng khí hạo nhiên], chớ quên, chớ quên, chớ thúc ép cho nó mau lớn). Xem: *Tứ Thư Độc Bản*, Tam Dân Thư Cục, Đài Loan, 1993, tr.367. James R. Ware (*The Sayings of Mencius*, New York, 1960, tr.65) dịch đúng ý của Cố Viêm Vũ: «Let it be constantly in your heart-and-mind, and do not engage in efforts to help it grow.» (Cứ để nó luôn trong lòng, chớ ép nó phát triển). Ở đây, Phùng Hữu Lan trích câu này là muốn nhấn mạnh ý nghĩa «luôn canh cánh bên lòng», chứ ông không quan tâm vấn đề nuôi dưỡng khí hạo nhiên.**

隱圖, Lưu Mục 劉牧 viết: «Dịch là gọi sự giao hoà giữa hai khí Âm và Dương. [...] Quẻ là do thánh nhân thiết lập sau khi quan sát các tượng. Tượng là cái tương ứng bên trên hình thể vật chất. Truy về nguồn gốc, ta thấy hình do tượng sinh ra, tượng do các số thiết lập. Nếu bỏ các số thì ta sẽ không thấy được gốc gác mà tứ tượng từ đó sinh ra.»[27]



Thiệu Ung (Thiệu Khang Tiết)

«Hình do tượng sinh ra, tượng do các số thiết lập.» Mọi vật trong thiên hạ đều là *hình* 形. Có *số* 數 rồi sau mới có *tượng* 象, có *tượng* rồi sau mới có *hình*. Vậy số là cái căn bản nhất. Như trên đã nói, các lý thuyết về Dịch trong vĩ thư đời Hán tuy cũng có khuynh hướng này, nhưng mãi đến đời Tống thì khuynh hướng này mới có sự biểu thị minh bạch.

Thái Cực Đồ của Chu Liêm Khê tức là *tượng học* 象學. Chu Liêm Khê có *tượng học* nhưng không có *số học* 數學. Chính Thiệu Khang Tiết 邵康節 mới có cả tượng học lẫn số học. *Tống Sử* (Đạo Học Truyện) chép: «Thiệu Ung 邵雍 tự là Nghiêu Phu 堯夫, tổ tiên quê quán ở Phạm Dương 范陽 (nay là phía nam của Bắc Kinh). Cha tên là Cổ 古, di cư đến Hành Chương 衡漳, rồi di cư đến Cộng Thành 共城 (nay là huyện Huy 輝 thuộc Hà Nam). Ung năm 30 tuổi đến Hà Nam; [cha mẹ qua đời], ông an táng cha mẹ bên bờ sông Y 伊, rồi trở thành dân Hà Nam.[28] [...] Lý Chi Tài 李之才 quê ở Bắc Hải, làm quan lệnh ở Cộng Thành; nghe tiếng Thiệu Ung hiếu học, nên có lần đến nhà tranh của Ung, hỏi: "Ông cũng nghe đến cái học về vật lý và tính mệnh ư?" Ung đáp: "Xin hân hạnh thụ giáo ngài." Ung bèn trở thành học trò của Chi Tài, học được Hà Đồ, Lạc Thư, bát quái của Mật Hi (tức Phục Hi), 64 quẻ, và các hình đồ, biểu tượng. Sự truyền dạy của Chi Tài có manh mối xa xôi. Nhưng Ung nghiên cứu sâu những điều kỳ lạ bí ẩn, ngộ được sự thần kỳ, hiểu sâu điều ẩn áo. Học vấn của ông uyên bác, đa phần là những điều ông tự đạt được. [...]

---

[27] *Dịch Số Câu Ẩn Đồ*: **«Phù Dịch giả, Âm Dương khí giao chi vị dã. [...] Quái giả, thánh nhân thiết chi, quan ư tượng dã. Tượng giả, hình thượng chi ứng. Nguyên kỳ bản tắc hình do tượng sinh, tượng do số thiết. Xả kỳ số tắc vô dĩ kiến tứ tượng sở do chi tông hĩ.»** 夫易者, 陰陽氣交之謂也. [...] 卦者, 聖人設之, 觀於象也. 象者, 形上之應. 原其本則形由象生, 象由數設. 捨其數則無以見四象所由之宗矣.

[28] **Derk Bodde chú: Không phải là tỉnh Hà Nam hiện nay, mà là thủ phủ của nó, tức nay là Lạc Dương. Sông Y từ phía nam chảy vào sông Hoàng Hà.**

Ông mất năm Hi Ninh thứ 10 (tức 1077) đời vua Thần Tông, thọ 67 tuổi. Vào những năm Nguyên Hựu (1086-1093) đời vua Triết Tông, ông được vua ban thuỵ hiệu là Khang Tiết 康節.»[29]

Cái học tượng số của Thiệu Ung do Lý Chi tài truyền dạy. Trình Minh Đạo viết bài minh trên mộ chí của Thiệu Ung cũng nói như thế. Lý Chi Tài thụ giáo Trần Đoàn, cho nên *Tống Sử* nói «sự truyền dạy của Chi Tài có manh mối xa xôi».

Hệ Từ Truyện nói: «Cho nên Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái. Bát Quái định cát hung, cát hung sinh ra sự nghiệp lớn.»[30] Vũ trụ luận của Thiệu Ung đại khái cũng suy diễn từ đó, nhưng ông dùng hình đồ và biểu tượng để thuyết minh. Ông nói: «Hình đồ tuy không có chữ viết, nhưng ta có thể nói suốt ngày mà không rời xa nó. Bởi vì nguyên lý của trời đất và vạn vật đều nằm cả trong đó.»[31] Đáng tiếc, các hình đồ của ông không còn lưu giữ được trong tác phẩm quan trọng của ông là *Hoàng Cực Kinh Thế* 皇極經世. Các hình đồ trong *Tống Nguyên Học Án* 宋元學案 phần lớn là rút từ *Dịch Học Khải Mông* 易學啓蒙 của Chu Hi. Trong các hình đồ này, hình đồ về thứ tự của Bát Quái (trong đó Âm Dương được xem là lưỡng nghi; Thái Dương, Thiếu Dương, Thái Âm, Thiếu Âm được xem là tứ tượng) thì khác với thuyết minh của Thiệu Ung trong thiên Quan Vật 觀物 của *Hoàng Cực Kinh Thế*. Sau đây, chúng ta sẽ lấy các hình đồ trong *Kinh Thế Chỉ Yếu* 經世指要 của Thái Trầm 蔡沈(1167-1230) và trong *Tống Nguyên Học Án* rồi phối hợp với thuyết minh trong thiên

---

[29] ***Tống Sử*** **(Đạo Học Truyện): «Thiệu Ung, tự Nghiêu Phu, kỳ tiên Phạm Dương nhân. Phụ Cổ, tỷ Hành Chương, hựu tỷ Cộng Thành. Ung niên tam thập du Hà Nam, táng kỳ thân Y thuỷ thượng, toại vi Hà Nam nhân. [...] Bắc Hải Lý Chi Tài, nhiếp Cộng Thành lệnh, văn Ung hiếu học, thường tạo kỳ lư, vị viết: "Tử diệc văn vật lý tính mệnh chi học hồ?" Ung viết: "Hạnh thụ giáo." Nãi sự Chi Tài, thụ Hà Đồ Lạc Thư Mật Hi bát quái, lục thập tứ quái đồ tượng. Chi Tài chi truyền, viễn hữu đoan tự. Nhi Ung thám trách sách ẩn, diệu ngộ thần kỳ, động triệt uẩn áo, uông dương hạo bác, đa kỳ sở tự đắc giả. [...] Hi Ninh thập niên tốt, niên lục thập thất. Nguyên Hựu trung, tứ thuỵ Khang Tiết.»** 邵雍, 字堯夫, 其先范陽人. 父古, 徙衡漳, 又徙共城. 雍年三十游河南, 葬其親伊水上, 遂爲河南人. [...] 北海李之才, 攝共城令, 聞雍好學, 常造其廬, 謂曰: "子亦聞物理性命之學乎?" 雍曰: "幸受教." 乃事之才, 受河圖洛書宓羲八卦, 六十四卦圖象. 之才之傳, 遠有端緒. 而雍探賾索隱, 妙悟神奇, 洞徹蘊奥, 汪洋浩博, 多其所自得者. [...] 熙寧十年卒, 年六十七. 元祐中, 賜謚康節.

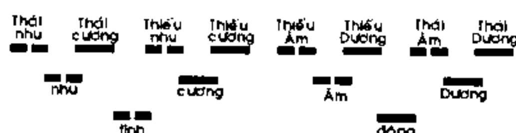
[30] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 11 của chương này.**

[31] **Quan Vật Thiên 觀物篇: «Đồ tuy vô văn, ngô chung nhật ngôn nhi vị thường ly hồ thị. Cái thiên địa vạn vật chi lý, tận tại kỳ trung hĩ.»** 圖雖無文, 吾終日言而未嘗離乎是. 蓋天地萬物之理, 盡在其中矣.

Quan Vật của *Hoàng Cực Kinh Thế* để khảo sát triết học của Thiệu Ung.

a. Thái Cực và Bát Quái

Kinh Thế Chỉ Yếu của Thái Trầm có hình đồ sau đây:



Hình đồ này có ba tầng, khi xem tầng giữa thì ta phải liên hệ với tầng dưới cùng. Thí dụ, hào Dương — (ở tầng giữa) hợp với hào động — (ở tầng dưới) thành ⚌ , đó là tượng của Dương; hào Âm - - (ở tầng giữa) hợp với hào động — (ở tầng dưới) thành ⚍ , đó là tượng của Âm. Khi xem tầng trên cùng thì ta phải liên hệ với hai tầng dưới. Thí dụ, hào Thái Dương — (ở tầng trên cùng) hợp với hào Dương — (ở tầng giữa) và hào động — (ở tầng dưới cùng) thành quẻ Càn ☰ , đó là tượng của Thái Dương; hào Thái Âm - - (ở tầng trên cùng) hợp với hào Dương — (ở tầng giữa) và hào động — (ở tầng dưới cùng) thành quẻ Đoài ☱ , đó là tượng của Thái Âm; hào Thiếu Dương — (ở tầng trên cùng) hợp với hào Âm - - (ở tầng giữa) và hào động — (ở tầng dưới cùng) thành quẻ Ly ☲ , đó là tượng của Thiếu Dương. Như vậy, thứ tự của Bát Quái là: 1- Càn, 2- Đoài, 3- Ly, 4- Chấn, 5- Tốn, 6- Khảm, 7- Cấn, 8- Khôn.

Thiệu Ung viết: «Trời sinh ra từ động; đất sinh ra từ tĩnh. Một động một tĩnh giao nhau, thì đạo của trời đất hoàn thành. Động khởi lên thì Dương sinh ra, động tới cùng tột thì Âm sinh ra. Một Âm một Dương giao nhau, thì cái dụng của trời hoàn thành. Tĩnh khởi lên thì nhu sinh ra, tĩnh tới cùng tột thì cương sinh ra. Một cương một nhu giao nhau, thì cái dụng của đất hoàn thành. Cái lớn của động gọi là Thái Dương; cái nhỏ của động gọi là Thiếu Dương; cái lớn của tĩnh gọi là Thái Âm; cái nhỏ của tĩnh gọi là Thiếu Âm. Thái Dương là mặt trời, Thái Âm là mặt trăng, Thiếu Dương là các sao, Thiếu Âm là [cũng] là các sao; mặt trời, mặt trăng, và các sao giao nhau, thì thể của trời hoàn thành. Thái nhu là nước, thái cương là lửa, thiếu nhu là đất; thiếu cương là đá; nước, lửa, đất, đá giao nhau, thì thể của đất hoàn thành.»[32]

[32] *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Thiên): «Thiên sinh ư động giả dã; địa sinh ư tĩnh giả dã. Nhất động nhất tĩnh giao, nhi thiên địa chi đạo tận chi hĩ. Động chi thuỷ tắc Dương sinh yên, động chi cực tắc Âm sinh yên. Nhất Âm nhất Dương giao, nhi thiên chi dụng tận chi hĩ. Tĩnh chi thuỷ tắc nhu sinh yên, tĩnh chi cực tắc cương sinh yên. Nhất cương nhất nhu giao, nhi địa chi dụng tận chi hĩ. Động chi đại giả vị chi Thái Dương; động chi tiểu giả vị chi Thiếu Dương; tĩnh chi đại giả vị chi Thái Âm; tĩnh chi tiểu giả vị chi Thiếu Âm. Thái Dương vi nhật, Thái Âm vi

Thái cương, thái nhu, thiếu cương sinh ra như thế nào thì Thiệu Ung chưa hề nói rõ. Theo logic của Thiệu Ung mà suy luận, thì tượng của động, cương, Dương đều là — ; tượng của tĩnh, nhu, Âm đều là ‐ ‐ . Phối hợp tầng giữa và tầng dưới cùng mà xem, ta thấy ở phương diện động thì trong động có tĩnh. Do đó, ở tầng trên cùng ở phương diện động thì có Thái Âm (tức cái lớn của tĩnh) và Thiếu Âm (tức cái nhỏ của tĩnh). Cùng một nguyên lý ấy, ở phương diện tĩnh thì trong tĩnh có động. Ở phương diện này cũng có thể nói: cái lớn của động gọi là thái cương; cái nhỏ của động gọi là thiếu cương; cái lớn của tĩnh gọi là thái nhu; cái nhỏ của tĩnh gọi là thiếu nhu.

Trong thiên Quan Vật của *Hoàng Cực Kinh Thế*, Thiệu Ung cũng nói đến Thái Cực rằng: «Đạo là Thái Cực.» (Đạo vi Thái Cực 道爲太極). Lại nói: «Tâm là Thái Cực.» (Tâm vi Thái Cực 心爲太極).

Ông còn nói rằng: «Thái Cực phân ra rồi thì lưỡng nghi thành lập. Dương đi xuống giao với Âm, Âm đi lên giao với Dương, sinh ra tứ tượng. Dương giao với Âm, Âm giao với Dương, thì sinh ra tứ tượng của trời. Cương giao với nhu, nhu giao với cương, thì sinh tứ tượng của đất. Từ đó, Bát Quái lập thành. Bát Quái tác động qua lại, rồi sau đó sinh ra vạn vật. Cho nên, một phân làm hai, hai phân làm bốn, bốn phân làm tám, tám phân làm 16, 16 phân làm 32, 32 phân làm 64. Cho nên [Thuyết Quái] nói: "[Sáu vạch được] phân làm hào Âm và hào Dương, được dùng lần lượt thành hào nhu và hào cương. Do đó sáu vị trí trong quẻ Dịch lập thành hình quẻ." Mười phân làm trăm, trăm phân làm nghìn, nghìn phân làm vạn. Giống như gốc cây có thân cây, thân cây có cành, cành có lá. Càng lớn thì càng ít, càng vi tế thì càng phức tạp. Hợp chúng lại thì thành một, mở rộng chúng ra thì thành vạn. Cho nên quẻ Càn để phân chúng, quẻ Khôn để hợp chúng, quẻ Chấn để tăng trưởng chúng, quẻ Tốn để giảm thiểu chúng. Tăng trưởng thì

---

nguyệt, Thiếu Dương vi tinh, Thiếu Âm vi thần; nhật nguyệt tinh thần giao, nhi thiên chi thể tận chi hĩ. Thái nhu vi thuỷ, thái cương vi hoả, thiếu nhu vi thổ, thiếu cương vi thạch; thuỷ hoả thổ thạch giao, nhi địa chi thể tận hĩ.» 天生於動者也；地生於靜者也. 一動一靜交,而天地之道盡之矣. 動之始則陽生焉,動之極則陰生焉. 一陰一陽交, 而天之用盡之矣. 靜之始則柔生焉,靜之極則剛生焉. 一剛一柔交,而地之用盡之矣. 動之大者謂之太陽; 動之小者謂之少陽;靜之大者謂之太陰;靜之小者謂之少陰. 太陽爲日, 太陰爲月, 少陽爲星,少陰爲辰;日月星辰交, 而天之體盡之矣. 太柔爲水,太剛爲火、少柔爲上,少剛爲石;水火土石交,而地之體盡矣.

phân chia, phân chia thì giảm thiểu, giảm thiểu thì hợp lại.»[33]

Thiệu Ung lại nói: «Thái Cực là Một và bất động. Thái Cực sinh ra hai; hai là thần. [...] Thần sinh ra số, số sinh ra tượng, tượng sinh ra vật dụng (*khí* 器).»[34]

Thiệu Ung lại nói: «Thái Cực bất động, đó là tính. Nó phát ra thì có thần; có thần thì có số; có số thì có tượng; có tượng thì có vật dụng (*khí* 器). Sự biến hoá của vật dụng thì quay trở về thần.»[35]

Thái Cực bất động, đó là tính. Nó phát ra thì có động tĩnh, và là thần. Sự phát ra của nó đại biểu là lưỡng nghi (Âm Dương), tứ tượng, cho đến Bát Quái, tức là tượng. Các số 1, 2, 4, 8, v.v... tức là số. Trời, đất, mặt trời, mặt trăng, đất, đá, v.v... đều là *khí* 器(vật dụng).

Thiệu Ung nói: «Thần không có phương hướng cố định và Dịch không có hình thể cố định. Nếu thần ngưng trệ ở một phương, thì thần không thể biến hoá; như thế đâu phải là thần. Nếu Dịch có hình thể cố định thì Dịch không thể biến và thông; như thế đâu phải là Dịch. Dịch tuy có hình thể, nhưng cái hình thể ấy là tượng. Giả lập các tượng để

---

33 *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Thiên): **«Thái Cực ký phân, lưỡng nghi lập hĩ. Dương há giao ư Âm, Âm thướng giao ư Dương, tứ tượng sinh hĩ. Dương giao ư Âm, Âm giao ư Dương, nhi sinh thiên chi tứ tượng. Cương giao ư nhu, nhu giao ư cương, nhi sinh địa chi tứ tượng. Ư thị Bát Quái thành hĩ. Bát Quái tương thác, nhiên hậu vạn vật sinh yên. Thị cố, nhất phân vi nhị, nhị phân vi tứ, tứ phân vi bát, bát phân vi thập lục, thập lục phân vi tam thập nhị, tam thập nhị phân vi lục thập tứ. Cố viết: Phân Âm phân Dương, diệt dụng nhu cương, Dịch lục vị nhi thành chương dã. Thập phân vi bách, bách phân vi thiên, thiên phân vi vạn. Do căn chi hữu cán, cán chi hữu chi, chi chi hữu diệp. Dũ đại tắc dũ thiểu, dũ tế tắc dũ phồn. Hợp chi tư vi nhất, diễn chi tư vi vạn. Thị cố Càn dĩ phân chi, Khôn dĩ hấp chi, Chấn dĩ trưởng chi, Tốn dĩ tiêu chi. Trưởng tắc phân, phân tắc tiêu, tiêu tắc hấp dã.»** 太極既分,兩儀立矣.陽下交於陰,陰上交於陽,四象生矣.陽交於陰,陰交於陽,而生天之四象.剛交於柔,柔交於剛,而生地之四象.於是八卦成矣.八卦相錯,然後萬物生焉.是故,一分爲二,二分爲四,四分爲八,八分爲十六,十六分爲三十二,三十二分爲六十四.故曰:分陰分陽,迭用柔剛,易六位而成章也.十分爲百,百分爲千,千分爲萬.猶根之有幹,幹之有枝,枝之有葉.愈大則愈少,愈細則愈繁.合之斯爲一,衍之斯爲萬.是故乾以分之,坤以翕之,震以長之,巽以消之.長則分,分則消,消則翕也.

34 *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Thiên): **«Thái Cực, nhất dã, bất động, sinh nhị, nhị tắc thần dã. [...] Thần sinh số, số sinh tượng, tượng sinh khí.»** 太極,一也,不動,生二,二則神也. [...] 神生數,數生象,象生器.

35 *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Thiên): **«Thái Cực bất động, tính dã. Phát tắc thần, thần tắc số, số tắc tượng, tượng tắc khí. Khí chi biến phục quy ư thần dã.»** 太極不動,性也.發則神,神則數,數則象,象則器.器之變復歸於神也.

thấy hình thể, nhưng Dịch vốn không có hình thể cố định.»[36]

Chữ *khí* 器 có nghĩa là một sự vật đặc thù, tức là *vật* 物. Sự bất đồng giữa khí vật và thần là: khí vật có tính cách quyết định, thí dụ vật này là vật này rồi thì nó không thể là vật kia. Nó tức là một hình thể cố định,

[36] *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Thiên): «*Thần vô phương nhi Dịch vô thể.*[a] Trệ ư nhất phương, tắc bất năng biến hoá, phi thần dã. Hữu định thể tắc bất năng *biến thông*,[b] phi Dịch dã. Dịch tuy hữu thể, thể giả tượng dã. Giả tượng dĩ kiến thể, nhi bản vô thể dã.» 神無方而易無體.滯於一方,則不能變化,非神也.有定體則不能變通,非易也.易雖有體,體者象也.假象以見體,而本無體也.– LAM chú: (a) Câu «*Thần vô phương nhi Dịch vô thể*» ở trong Hệ Từ Thượng: «Phạm vi thiên địa chi hoá nhi bất quá, khúc thành vạn vật nhi bất di, thông hồ trú dạ chi đạo nhi tri, cố *thần vô phương nhi Dịch vô thể*.» 範圍天地之化而不過,曲成萬物而不遺,通乎晝夜之道而知,故神無方而易無體.(Kinh Dịch bao quát sự biến hoá của trời đất mà không vượt quá chúng; cùng làm cho vạn vật hưng thịnh mà không để sót thứ nào; quán thông quy luật chuyển hoá giữa Âm Dương và có trí tuệ. Cho nên *thần không có phương hướng cố định và Dịch không có hình thể cố định*). Cao Hanh chú: *Phạm vi* 範圍 (động từ) = *bao quát* 包括.– *Quá* 過 = vượt quá.– *Khúc* 曲 = *câu* 俱 (đều, cùng).– *Thành* 成 = *thịnh* 盛.– *Di* 遺 = *lậu* 漏 (rò rỉ, lọt).– *Tri* 知 = *trí* 智.– Tiêu Tuần nói: «Đạo ngày và đêm tức là đạo Dương và Âm.» (Trú dạ chi đạo tức nhất Âm nhất Dương chi đạo dã 晝夜之道即一陰一陽之道也).– *Vô phương* 無方 = *vô định phương* 無定方 (không có phương hướng cố định).– *Vô thể* 無體 = *vô định thể* 無定體 (không có hình thể cố định).– Richard Wilhelm dịch: «Trong nó [tức Kinh Dịch] có những hình thể và các lĩnh vực của tất cả những biến hoá của trời đất mà không có gì thoát khỏi nó. Trong nó, vạn vật được thành tựu mà không sót thứ gì. Cho nên thông qua nó người ta có thể xâm nhập đạo của ngày đêm mà hiểu nó. Do đó *thần không ràng buộc với nơi chốn và Kinh Dịch không ràng buộc với hình thể*.» (In ihm sind die Formen und Bereiche aller Gestaltungen des Himmels und der Erde, so daß nichts ihm entgeht. In ihm sind alle Dinge ringsum vollendet, so daß ihrer keines fehlt. Darum kann man durch ihn den SINN von Tag und Nacht durchdringen, so daß man ihn versteht. Darum ist der Geist an keinen Ort gebunden und das Buch der Wandlungen an keine Gestalt). – James Legge dịch: «Thông qua Dịch, như thể trong một phạm vi, ngài (tức thánh nhân) thông hiểu sự chuyển hoá của trời đất không chút lỗi lầm. Bằng sự ứng biến, ngài hoàn thành bản chất của vạn vật mà không chừa ngoại lệ. Ngài hiểu đạo của ngày đêm và các hiện tượng liên quan; chính vì thế mà *hoạt động của ngài như thần, không bị địa phương qui định, trong khi đó những thay đổi mà ngài tạo ra thì không bị hạn chế ở bất cứ hình thể gì*.» (Through the Yi, he comprehends as in a mould or enclosure the transformations of heaven and earth without any error; by an ever-varying adaptation he completes the nature of all things without exception; he penetrates to a knowledge of the course of day and night and all other connected phenomena; it is thus that his operation is spirit-like, unconditioned by place, while the changes which he produces are not restricted to any form). (b) «Biến thông» là tính chất của Dịch. Hệ Từ Hạ nói: «Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu.» 易窮則變,變則通,通則久 (Dịch cùng thì biến, biến rồi thì thông, thông rồi thì lâu bền). Richard Wilhelm dịch: «Wenn eine Wandlung am Ende angelangt war, so veränderten sie. Durch Veränderung erreichten sie Zusammenhang. Durch Zusammenhang erreichten sie Dauer.» (Khi một biến dịch đến chỗ tận cùng thì họ [tức thánh nhân] sẽ biến đổi. Qua sự biến đổi, họ đạt được sự liên tục. Qua sự liên tục, họ đạt được sự lâu dài).– James Legge dịch: «When a series of changes has run all its course, another change ensues. When it obtains free course, it will continue long.» (Khi một loạt biến đổi đã hết thì một biến đổi khác tiếp nối. Khi nó thông suốt thì nó tiếp tục lâu dài).

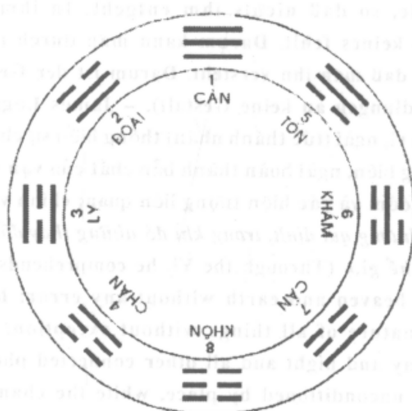
ngưng trệ ở một phương. Do đó Dịch chỉ nói đến tượng. Giả lập tượng để thấy thể. Bởi vì tượng là công thức, mà sự vật đặc thù thì noi theo công thức đó để sinh trưởng và tiến hành. Những hình đồ của Thiệu Ung đều nhằm biểu thị các tượng, tức là các công thức để sự vật sinh trưởng và tiến hành.

b. Tiên thiên đồ và những hình đồ khác

Thiệu Ung nói: «Một phân làm hai, hai phân làm bốn, bốn phân làm tám, tám phân làm 16, 16 phân làm 32, 32 phân làm 64.» Các tượng do các số 1 đến 8 sinh ra đã được biểu thị trong hình đồ trước. Còn các tượng do các số từ 8 đến 64 sinh ra chính là 64 quẻ Dịch. Nếu 64 quẻ được sắp xếp theo thứ tự nằm ngang như sau đây, thì hình đồ này gọi là Hoành Đồ 橫圖.



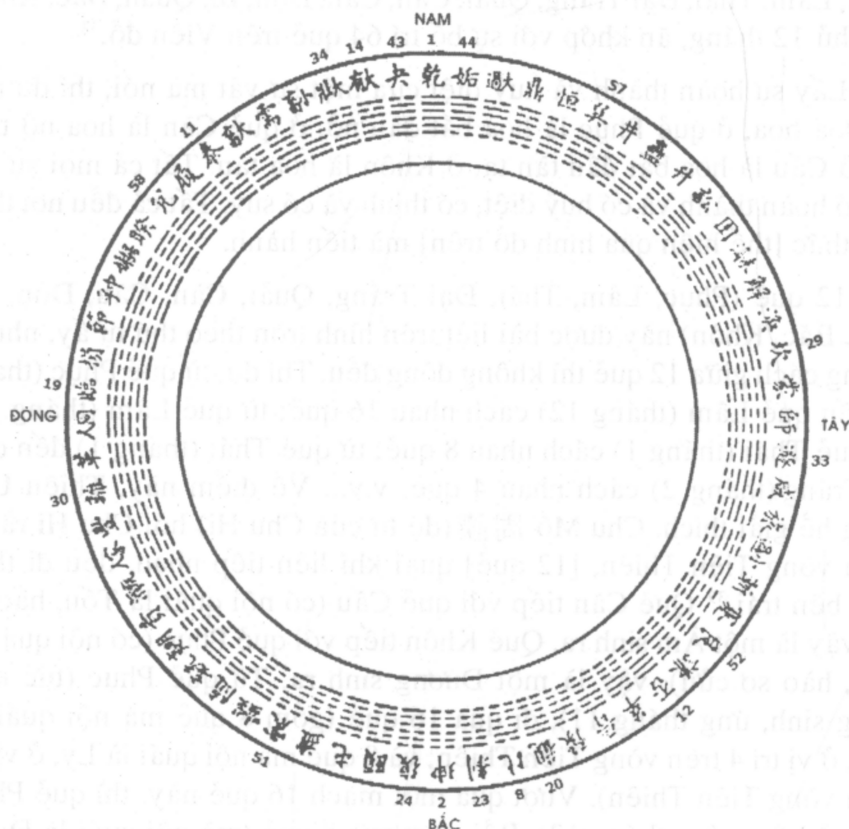
Bát Quái nếu sắp xếp theo các vị trí trên hình tròn sau đây, thì hình đồ này được gọi là Tiên Thiên Đồ 先天圖.



Thiệu Ung còn gọi hình đồ này là Tiên Thiên Bát Quái của Phục Hi, để phân biệt với hình đồ Bát Quái trong Thuyết Quái mà ông gọi là Hậu Thiên Bát Quái của Văn Vương.

Nếu 64 quẻ được sắp xếp theo thứ tự trên hình tròn sau đây, thì hình đồ này được gọi là Viên Đồ 圓圖.

Viên Đồ tức là hình đồ Tiên Thiên Bát Quái của Phục Hi mở rộng ra.[37] Nó tượng trưng công thức cho mọi sự vật sinh trưởng và tiến hành. Thí dụ, nói về sự biến hoá của bốn mùa trong năm. Trên hình tròn, quẻ Phục (tháng 11) ở phía dưới (tức là ở hướng bắc, theo quy ước cách vẽ



bản đồ của Trung Quốc). Hào sơ Dương của quẻ Phục là «nhất Dương sinh» ứng với nửa đêm Đông Chí. Dương phát triển dần lên; trên hình tròn Tiên Thiên này, nó tiến triển theo chiều kim đồng hồ, và ta có 6 quẻ: Phục ䷗ (tháng 11), Lâm ䷒ (tháng 12), Thái ䷊ (tháng 1), Đại Tráng ䷡ (tháng 2), Quải ䷪ (tháng 3), Càn ䷀ (tháng 4). Ở Càn thì Dương cực thịnh, lúc này là mùa hè, và Âm cũng bắt đầu sinh ra (gọi là «nhất Âm sinh»), tượng trưng bằng quẻ Cấu ䷫ (tháng 5) trên hình đồ. Lúc này ứng

[37] **LAM chú: Cái lõi của Viên Đồ chính là hình đồ Tiên Thiên Bát Quái. Ta thấy hình đồ có 8 phần, mỗi phần có 8 quẻ kép với nội quái giống nhau. Thí dụ 8 quẻ kép từ Càn đến Đoài đều có nội quái là Càn; 8 quẻ kép từ Đoài tới Ly đều có nội quái là Đoài, v.v...**

với Hạ Chí. Âm phát triển dần lên; trên hình tròn Tiên Thiên này, nó tiến triển theo chiều kim đồng hồ, và ta có 6 quẻ: Cấu ䷫ (tháng 5), Độn ䷠ (tháng 6), Bĩ ䷋ (tháng 7), Quan ䷓ (tháng 8), Bác ䷖ (tháng 9), Khôn ䷁ (tháng 10). Ở Khôn thì Âm cực thịnh, lúc này là mùa đông, và Dương cũng bắt đầu tái sinh. Đấy là thuyết Quái Khí của người đời Hán. 12 quẻ (Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Càn, Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn) làm chủ 12 tháng, ăn khớp với sự bố trí 64 quẻ trên Viên đồ.[38]

Lấy sự hoàn thành và huỷ diệt của một sự vật mà nói, thí dụ như một đoá hoa, ở quẻ Phục là hoa bắt đầu nở, ở quẻ Càn là hoa nở trọn vẹn, ở Cấu là hoa bắt đầu tàn tạ, ở Khôn là hoa tàn. Tất cả mọi sự vật đều có hoàn thành và có huỷ diệt, có thịnh và có suy. Tất cả đều noi theo công thức [thể hiện qua hình đồ trên] mà tiến hành.

12 quẻ (Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Càn, Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn) này được bài liệt trên hình tròn theo thứ tự ấy, nhưng khoảng cách giữa 12 quẻ thì không đồng đều. Thí dụ, từ quẻ Phục (tháng 11) đến quẻ Lâm (tháng 12) cách nhau 16 quẻ; từ quẻ Lâm (tháng 12) đến quẻ Thái (tháng 1) cách nhau 8 quẻ; từ quẻ Thái (tháng 1) đến quẻ Đại Tráng (tháng 2) cách nhau 4 quẻ, v.v... Về điểm này, Thiệu Ung không hề giải thích. Chu Mô 周謨 (đệ tử của Chu Hi) hỏi Chu Hi rằng: «Trên vòng Tiên Thiên, [12 quẻ] quái khí liên tiếp nhau, đều đi theo chiều bên trái.[39] Quẻ Càn tiếp với quẻ Cấu (có nội quái là Tốn, hào sơ lục), vậy là một Âm sinh ra. Quẻ Khôn tiếp với quẻ Phục (có nội quái là Chấn, hào sơ cửu), vậy là một Dương sinh ra. Từ quẻ Phục (tức một Dương sinh, ứng tháng 11), đi qua 16 quẻ (gồm 8 quẻ mà nội quái là Chấn, ở vị trí 4 trên vòng Tiên Thiên; và 8 quẻ mà nội quái là Ly, ở vị trí 3 trên vòng Tiên Thiên). Vượt qua một mạch 16 quẻ này, thì quẻ Phục gặp quẻ Lâm (ứng tháng 12). Rồi vượt qua 8 quẻ (mà nội quái là Đoài, ở vị trí 2 trên vòng Tiên Thiên) thì ta có quẻ Thái (ứng tháng 1). Rồi cách 4 quẻ, ta được quẻ Đại Tráng (ứng tháng 2). Rồi cách một quẻ là Đại Hữu, ta được quẻ Quải (ứng tháng 3). Quẻ Quải tiếp với quẻ Càn, quẻ Càn tiếp với quẻ Cấu. Từ quẻ Cấu một Âm sinh ra (ứng tháng 5).

---

[38] **LAM chú: Tính từ tháng 11 trở đi, các quẻ thiên tử trong 12 tháng là: Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Càn, Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn. 12 quẻ này làm chủ 12 tháng, nên gọi là quẻ thiên tử, cũng còn được gọi là *tích quái* 辟卦 (*tích* cũng có nghĩa là vua). Nếu lấy 12 quẻ này phân phối cho 12 tháng, thì quẻ Phục ở tháng 11, quẻ Càn ở tháng 4, quẻ Cấu ở tháng 5, quẻ Khôn ở tháng 10. Hiển nhiên ta thấy chúng tượng trưng sự thịnh suy của Âm Dương trong 12 tháng. Vì thế 12 quẻ này được lấy làm quẻ chủ (tích quái), tượng trưng cho Âm Dương tiêu trưởng trong một năm. Xin xem lại tiết 5 của chương 3 (quyển 2).**

[39] **LAM chú: Tức chiều của kim đồng hồ.**

Vượt qua 16 quẻ (gồm 8 quẻ mà nội quái là Tốn, ở vị trí 5 trên vòng Tiên Thiên; và 8 quẻ mà nội quái là Khảm, ở vị trí 6 trên vòng Tiên Thiên), thì ta được quẻ Độn (ứng tháng 6). Rồi vượt qua 8 quẻ (mà nội quái là Cấn, ở vị trí 7 trên vòng Tiên Thiên) thì ta có quẻ Bĩ (ứng tháng 7). Rồi cách 4 quẻ, ta được quẻ Quan (ứng tháng 8). Rồi cách một quẻ là Tỷ, ta được quẻ Bác (ứng tháng 9). Quẻ Bác tiếp với quẻ Khôn (tháng 10), quẻ Khôn tiếp với quẻ Phục (tháng 11). Đi hết vòng thì trở lại từ đầu, tuần hoàn mãi mà chẳng có đầu mối. 12 quẻ quái khí chuyển theo chiều bên trái, là 12 quẻ ứng với 12 tháng của một năm, đều có được trật tự ấy. Tuy nhiên kể từ lúc Âm hay Dương mới sinh, phải trải qua 16 quẻ thì mới được một tháng; rồi phải trải qua 8 quẻ thì mới được một tháng nữa. Cho đến chỗ cực điểm của Âm và Dương, chỉ trải qua 4 quẻ là được một tháng; rồi trải qua một quẻ, thì ba quẻ một mạch liên liếp nhau. Lúc ban đầu thì nó thưa ra như thế, lúc cuối thì nó sát lại nhau như thế. Sự dãn ra và co lại của Âm Dương phải chăng là lý lẽ đương nhiên?»[40]

Chu Hi đáp: «Khi xem kỹ cách thức mà các quẻ quái khí rải thưa ra và gom sát lại [trên hình đồ] Tiên Thiên, ta cũng từng suy nghĩ như vậy, nhưng ta chưa biết giải thích thế nào. Khi Âm hay Dương mới sinh ra, thì khí [Âm hay Dương] đặc và chậm, tuy nhiên lẽ ra không nên có sự rải

---

[40] **Hồ Phương Bình 胡方平, *Dịch Học Khải Mông Thông Thích* 易學啓蒙通釋, quyển thượng: «Tiên Thiên quái khí tương tiếp, giai thị tả tuyền. Cái Càn tiếp dĩ Tốn sơ Cấu quái, tiện thị nhất Âm sinh. Khôn tiếp dĩ Chấn sơ Phục quái, tiện thị nhất Dương sinh. Tự Phục quái nhất Dương sinh thập nhất nguyệt, tận Chấn tứ, Ly tam, nhất thập lục quái, nhiên Phục đắc Lâm quái thập nhị nguyệt. Hựu tận Đoài nhị, phàm bát quái, nhiên hậu đắc Thái quái chính nguyệt. Hựu cách tứ quái, đắc Đại Tráng nhị nguyệt. Hựu cách Đại Hữu nhất quái, đắc Quải tam nguyệt. Quải tiếp Càn, Càn tiếp Cấu. Tự Cấu quái nhất Âm sinh ngũ nguyệt, tận Tốn ngũ Khảm lục nhất thập lục quái, nhiên hậu đắc Độn quái lục nguyệt. Hựu tận Cấn thất, phàm bát quái, nhiên hậu đắc Bĩ quái thất nguyệt. Hựu cách tứ quái, đắc Quan bát nguyệt. Hựu cách Tỷ nhất quái, đắc Bác cửu nguyệt. Bác tiếp Khôn thập nguyệt, Khôn tiếp Phục. Chu nhi phục thuỷ, tuần hoàn vô đoan. Quái khí tả tuyền, nhi nhất tuế thập nhị nguyệt chi quái, giai đắc kỳ tự. Đãn Âm Dương sơ sinh, các lịch thập lục quái nhi hậu nhất nguyệt. Hựu lịch bát quái, tái đắc nhất nguyệt. Chí Âm Dương tương cực xứ, chỉ lịch tứ quái vi nhất nguyệt. Hựu lịch nhất quái, toại nhất tính tam quái tương tiếp. Kỳ sơ như thử nhi sơ, kỳ mạt như thử chi mật. Thử Âm Dương doanh súc đương nhiên chi lý dư?»** 先天卦氣相接,皆是左旋.蓋乾接以巽初姤卦,便是一陰生.坤接以震初復卦,便是一陽生.自復卦一陽生十一月,盡震四,離三,一十六卦,然復得臨卦十二月,又盡兌二,凡八卦,然後得泰卦正月.又隔四卦,得大壯二月.又隔大有一卦,得夬三月.夬接乾,乾接姤.自姤卦一陰生五月,盡巽五坎六一十六卦,然後得遯卦六月.又盡艮七,凡八卦,然後得否卦七月.又隔四卦,得觀八月.又隔比一卦,得剝九月.剝接坤十月,坤接復.週而復始,循環無端.卦氣左旋,而一歲十二月之卦,皆得其序.但陰陽初生,各歷十六卦而後一月.又歷八卦,再得一月.至陰陽將極處,只歷四卦爲一月.又歷一卦,遂一併三卦相接.其初如此之疏,其末如此之密.此陰陽盈縮當然之理歟?

thưa ra như vậy và sau đó không nên có sự gom sát lại như vậy [trên hình đồ]. Đại khái vị trí trên hình đồ này đều xuất phát một cách tự nhiên,[41] không nên nói rằng điều đó không thể giải thích được. Cần phải suy nghĩ thêm.»[42]

Về điểm này tuy Hồ Phương Bình có cố gắng giải thích, nhưng cũng gượng gạo.

c. Sự phát sinh của các sự vật đặc thù

Trên đây đã đề cập sự phát sinh của mặt trời, mặt trăng, các sao, nước, lửa, gỗ, đất, đá. Đó là cơ sở tạo thành cõi trời đất cụ thể. Từ cơ sở này, vạn vật phát sinh. Thiệu Ung nói: «Mặt trời tạo ra nóng; mặt trăng tạo ra lạnh; các sao tạo ra ngày và đêm. Nóng, lạnh, ngày, đêm giao nhau mà sự biến đổi của trời hoàn thành. Nước tạo ra mưa; lửa tạo ra gió; đất tạo ra sương móc; đá tạo ra sấm. Mưa, gió, sấm, sương móc giao nhau mà sự biến hoá của đất hoàn thành. Nóng biến đổi tính của vật; lạnh biến đổi tình của vật; ngày biến đổi hình của vật; đêm biến đổi thể của vật; tính, tình, hình, thể giao nhau mà tình cảm của động vật và thực vật hoàn thành. Sự chuyển hoá của mưa tạo ra loài biết chạy; sự chuyển hoá của gió tạo ra loài biết bay; sự chuyển hoá của sương móc tạo ra cây cỏ; sự chuyển hoá của sấm tạo ra cây cối; loài biết chạy, loài biết bay, cây cỏ, cây cối giao nhau mà sự đáp ứng của động vật và thực vật hoàn thành.»[43]

Sinh vật phân ra làm hai loài: động vật và thực vật; động vật phân ra hai loài: biết chạy và biết bay; thực vật phân ra làm hai loài: cây cỏ và cây cối (cây lấy gỗ). Mỗi một sự vật lại có tính, tình, hình, thể riêng.

---

[41] **Derk Bodde chú: Ý Chu Hi nói rằng các khoảng cách giữa các quẻ, tuy khó giải thích, nhưng các quẻ cách nhau theo thứ tự giảm dần là: 16, 8, 4, 2 , 1 quẻ.**

[42] **Hồ Phương Bình** 胡方平, ***Dịch Học Khải Mông Thông Thích*** 易學啓蒙通釋, **quyển thượng: «Sở khán Tiên Thiên quái khí doanh súc cực tử tế, mỗ diệc thường như thử lý hội lai, nhi vị đắc kỳ thuyết. Âm Dương sơ sinh, kỳ khí trung cố hoãn, nhiên bất ưng như thử chi sơ, kỳ hậu hựu khước như thử chi mật. Đại để thử đồ vị trí, giai xuất hồ tự nhiên, bất ưng vô thuyết. Đương cánh tư chi.»** 所看先天卦氣盈縮極仔細,某亦嘗如此理會來,而未得其說.陰陽初生,其氣中固緩,然不應如此之疏,其後又卻如此之密.大抵此圖位置,皆出乎自然,不應無說.當更思之.

[43] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Thiên): «Nhật vi thử; nguyệt vi hàn; tinh vi trú; thần vi dạ. Thử, hàn, trú, dạ giao nhi thiên chi biến tận chi hĩ. Thuỷ vi vũ; hoả vi phong; thổ vi lộ; thạch vi lôi. Vũ, phong, lôi, lộ giao nhi địa chi hoá tận chi hĩ. Thử biến vật chi tính; hàn biến vật chi tình; trú biến vật chi hình; dạ biến vật chi thể; tính, tình, hình, thể giao nhi động thực chi cảm tận chi hĩ. Vũ hoá vật chi tẩu; phong hoá vật chi phi; lộ hoá vật chi thảo; lôi hoá vật chi mộc; tẩu, phi, thảo, mộc giao nhi động thực chi ứng tận chi hĩ.»** 日爲暑;月爲寒;星爲晝;辰爲夜.暑,寒,晝,夜交而天之變盡之矣.水爲雨;火爲風;土爲露;石爲雷.雨,風,雷露交而地

Chúng tương ứng với sự biến đổi và chuyển hoá của trời đất.

d. Người và thánh nhân

Trong động vật, con người là tối linh. Trong con người, bậc hoàn thiện là thánh nhân. Thiệu Ung nói: «Người cũng là vật, thánh nhân cũng là người. [...] Người là hạng cao tột trong loài vật; thánh nhân là bậc cao tột trong loài người. [...] Tại sao? Ý nói thánh nhân có thể lấy một tâm xét vạn tâm, lấy một thân xét vạn thân, lấy một vật xét vạn vật, lấy một đời xét vạn đời. Lại nói thánh nhân có thể lấy tâm mình thay cho ý Trời, lấy miệng mình thay cho lời của Trời, lấy tay mình thay cho thợ của Trời, lấy thân mình thay cho sự việc của Trời. Lại nói thánh nhân có thể: trên thì biết thiên thời, dưới thì hiểu địa lý, giữa thì thấu triệt tình trạng sự vật, và soi chiếu thông suốt sự việc của con người. Lại nói thánh nhân có thể bao quát khắp trời đất, ra vào cõi tạo hoá, tới lui giữa xưa nay, thấu đạt trong ngoài của người và vật.»[44]

Sở dĩ thánh nhân được như vậy là vì ngài «lấy vật xem xét vật» (dĩ vật quan vật 以物觀物). Thiệu Ung nói: «Cái gọi là xem xét vật, không phải là lấy mắt để xem xét nó; không lấy mắt xem xét nó, mà lấy tâm xem xét nó; không lấy tâm xem xét nó, mà lấy lý xem xét nó. Vật trong thiên hạ, chẳng gì mà không có nguyên lý, chẳng gì mà không có tính, chẳng gì mà không có mệnh. Cái gọi là nguyên lý, ta phải xem xét đến cùng thì sau mới biết. Cái gọi là tính, ta phải xem xét đến cùng thì sau mới biết. Cái gọi là mệnh, ta phải đạt đến cùng thì sau mới biết. Ba cái biết này là cái biết chân chính của thiên hạ, thậm chí thánh nhân cũng không vượt ra ngoài chúng. Ai vượt ra ngoài chúng thì không thể gọi là thánh nhân. [...] Thánh nhân sở dĩ có thể tổng hợp tình huống của vạn vật, là vì thánh nhân có thể xem xét ngược lại. Cái gọi là xem xét ngược

---

之化盡之矣. 暑變物之性;寒變物之情;晝變物之形;夜變物之體;性, 情, 形, 體交而動植之感盡之矣. 雨化物之走;風化物之飛;露化物之草;雷化物之木;走, 飛, 草. 木交而動植之應盡之矣.

[44] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Thiên): «Nhân diệc vật dã, thánh nhân diệc nhân dã. [...] Nhân dã giả, vật chi chí giả dã; thánh dã giả, nhân chi chí giả dã. [...] Hà tai? Vị kỳ năng dĩ nhất tâm quan vạn tâm, nhất thân quan vạn thân, nhất vật quan vạn vật, nhất thế quan vạn thế giả yên. Hựu vị kỳ năng dĩ tâm đại Thiên ý, khẩu đại Thiên ngôn, thủ đại Thiên công, thân đại Thiên sự giả yên. Hựu vị kỳ năng dĩ thượng thức thiên thời, hạ tận địa lý, trung tận vật tình, thông chiếu nhân sự giả yên. Hựu vị kỳ năng dĩ di luân thiên địa, xuất nhập tạo hoá, tiến thoái cổ kim, biểu lý nhân vật giả yên.»** 人亦物也, 聖人亦人也. [...] 人也者, 物之至者也;聖也者, 人之至者也. [...] 何哉?謂其能以一心觀萬心, 一身觀萬身, 一物觀萬物, 一世觀萬世者焉. 又謂其能以心代天意, 口代天言, 手代天工, 身代天事者焉. 又謂其能以上識天時, 下盡地理, 中盡物情, 通照人事者焉. 又謂其能以彌綸天地, 出入造化, 進退古今, 表裏人物者焉.

lại tức là không lấy bản ngã để xem xét vật. Không lấy bản ngã xem xét vật, mà lất vật xem xét vật. Nếu đã có thể lấy vật xem xét vật, thì trong đó làm gì có bản ngã? Thức là ta cũng là người, người cũng là ta, ta và người đều là vật. Như vậy thánh nhân có thể lấy mắt của thiên hạ làm mắt của mình, thì mắt ấy chẳng nơi nào mà không thấy; lấy tai thiên hạ làm tai của mình, thì tai ấy chẳng điều gì mà không nghe; lấy miệng thiên hạ làm miệng của mình, thì miệng ấy chẳng điều gì mà không nói được; lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình, thì cái tâm ấy chẳng việc gì mà không mưu tính nổi. Sự xem xét thiên hạ ở cái thấy ấy, chẳng phải rộng ư? Sự nghe thấy thiên hạ ở cái nghe ấy, chẳng phải xa ư? Lời nói về thiên hạ ở sự bàn luận ấy, chẳng phải là cao ư? Sự mưu tính cho thiên hạ ở niềm vui ấy, chẳng phải là lớn ư? Cái thấy của thánh nhân rất rộng, cái nghe rất xa, sự bàn luận rất cao, niềm vui rất lớn. Có thể làm được các việc rất rộng, rất xa, rất cao, rất lớn, mà bên trong tâm không có một điều chi, lẽ nào không phải là bậc chí thần, chí thánh hay sao?»[45]

Thánh nhân lấy vô ngã mà đảm nhiệm sự việc, cho nên không làm mà việc gì cũng được làm (vô vi nhi vô bất vi 無爲而無不爲). Đó là chủ trương của Đạo gia, mà Thiệu Ung cũng ủng hộ. Lấy vô ngã mà đảm nhiệm sự việc, đó cũng là phương pháp tu dưỡng của cá nhân. Thiệu Ung

---

[45] *Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Thiên): «Phù sở dĩ vị chi quan vật giả, phi dĩ mục quan chi dã, phi quan chi dĩ mục, nhi quan chi dĩ tâm dã. Phi quan chi dĩ tâm, nhi quan chi dĩ lý dã. Thiên hạ chi vật, mạc bất hữu lý yên, mạc bất hữu tính yên, mạc bất hữu mệnh yên. Sở dĩ vị chi lý giả, cùng chi nhi hậu khả tri dã. Sở dĩ vị chi tính giả, tận chi nhi hậu khả tri dã. Sở dĩ vị chi mệnh giả, chí chi nhi hậu khả tri dã. Thử tam tri giả, thiên hạ chi chân tri dã, tuy thánh nhân vô dĩ quá chi dã. Nhi quá chi giả, phi sở dĩ vị chi thánh nhân dã. [...] Thánh nhân chi sở dĩ năng nhất vạn vật chi tình giả, vị kỳ thánh nhân chi năng phản quan dã. Sở dĩ vị chi phản quan giả, bất dĩ ngã quan vật dã. Bất dĩ ngã quan vật giả, dĩ vật quan vật chi vị dã. Ký năng dĩ vật quan vật, hựu an hữu ngã ư kỳ gian tai? Thị chi ngã diệc nhân dã, nhân diệc ngã dã, ngã dữ nhân giai vật dã. Thử sở dĩ năng dụng thiên hạ chi mục vi kỷ chi mục, kỳ mục vô sở bất quan hĩ. Dụng thiên hạ chi nhĩ vi kỷ chi nhĩ, kỳ nhĩ vô sở bất thính hĩ. Dụng thiên hạ chi khẩu vi kỷ chi khẩu, kỳ khẩu vô sở bất ngôn hĩ. Dụng thiên hạ chi tâm vi kỷ chi tâm, kỳ tâm vô sở bất mưu hĩ. Phù thiên hạ chi quan, kỳ ư kiến dã, bất diệc quảng hồ? Thiên hạ chi thính, kỳ ư văn dã, bất diệc viễn hồ? Thiên hạ chi ngôn, kỳ ư luận dã, bất diệc cao hồ? Thiên hạ chi mưu, kỳ ư lạc dã, bất diệc đại hồ? Phù kỳ kiến chí quảng, kỳ văn chí viễn, kỳ luận chí cao, kỳ lạc chí đại. Năng vi chí quảng, chí viễn, chí cao, chí đại chi sự, nhi trung vô nhất vi yên, khởi bất vị chí thần chí thánh giả hồ?» 夫所以謂之觀物者、非以目觀之也,非觀之以目,而觀之以心、非觀之以心、而觀之以理也.天下之物,莫不有理焉,莫不有性焉,莫不有命焉.所以謂之理者,窮之而後可知也.所以謂之性者,盡之而後可知也.所以謂之命者,至之而後可知也.此三知者,天下之眞知也,雖聖人無以過之也.而過之者,非所以謂之聖人也.[...] 聖人之所以能一萬物之情者,謂其聖人之能反觀也.所以謂之反觀者,不以我觀物也.不以我觀物者,以物觀物之謂也.旣能以物觀物,又安有我於其間哉?是之我亦人也,人亦我也

nói: «Lấy vật mà xem xét vật, đó là theo tính; lấy bản ngã mà xem xét vật, đó là theo tình. Tính thì công bằng và rõ ràng; tình thì thiên lệch và tối tăm.»[46]

Thiệu Ung lại nói: «Theo bản ngã mà xem xét tức là theo tình, theo tình thì bị che lấp, bị che lấp thì tối tăm. Theo vật mà xem xét tức là theo tính, theo tính thì có thần, có thần thì sáng rỡ.»[47]

Thiệu Ung lại nói: «Hễ tâm duy nhất và bất phân, thì có thể ứng phó với muôn vàn biến chuyển. Do đó mà quân tử hư tâm và bất động tâm vậy.»[48]

Thiệu Ung lại nói: «Lấy vật làm vui vật, lấy vật thương xót vật, đó là sự thể hiện trung dung vậy.»[49]

Thiệu Ung lại nói: «Khi học dưỡng tâm, điều đáng lo là không theo đường thẳng và không khử bỏ dục vọng. Hễ theo đường thẳng và chí thành, thì chỗ nào cũng thông. Đạo của trời đất chỉ có ngay thẳng mà thôi. Nên lấy ngay thẳng mà cầu đạo. Nếu dùng mưu trí toan tính và đi theo đường quanh co để cầu đạo, thì đó là che lấp trời đất và theo dục vọng, chẳng phải là nan khăn ư?»[50]

Lấy vật mà xem xét vật, có nghĩa là thấy cái đáng vui thì vui, thấy cái đáng buồn thì buồn. Bản tính phải thể hiện thẳng thắn nhưng tâm phải hư không và bất động. Về điểm này, Thiệu Ung đồng quan điểm với Chu Liêm

---

,我與人皆物也.此所以能用天下之目爲己之目,其目無所不觀矣.用天下之耳爲己之耳,其耳無所不聽矣.用天下之口爲己之口,其口無所不言矣.用天下之心爲己之心,其心無所不謀矣.夫天下之觀,其於見也,不亦廣乎?天下之聽,其於聞也,不亦遠乎?天下之言,其於論也,不亦高乎?天下之謀,其於樂也,不亦大乎?夫其見至廣,其聞至遠,其論至高,其樂至大.能爲至廣,至遠,至高,至大之事,而中無一爲焉,豈不謂至神至聖者乎?

46 ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Dĩ vật quan vật, tính dã; dĩ ngã quan vật, tình dã. Tính công nhi minh; tình thiên nhi ám.»** 以物觀物,性也;以我觀物,情也.性公而明;情偏而暗.

47 ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Nhậm ngã tắc tình, tình tắc tế, tế tắc hôn hĩ. Nhân vật tắc tính, tính tắc thần, thần tắc minh hĩ.»** 任我則情,情則蔽,蔽則昏矣.因物則性,性則神,神則明矣.

48 ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Tâm nhất nhi bất phân, tắc khả dĩ ứng vạn biến, thử quân tử sở dĩ hư tâm nhi bất động dã.»** 心一而不分,則可以應萬變,此君子所以虛心而不動也.

49 ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Dĩ vật hỉ vật, dĩ vật bi vật, thử phát nhi trung tiết dã.»** 以物喜物,以物悲物,此發而中節也.

50 ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Vi học dưỡng tâm, hoạn tại bất do trực đạo, khử lợi dục. Do trực đạo, nhậm chí thành, tắc vô sở bất thông. Thiên địa chi đạo, trực**

Khê, vì Liêm Khê nói «vô dục thì tĩnh hư, động trực».

Loài người có thánh nhân mà cũng có người thiện và người ác. Đó cũng là điều tất nhiên, Thiệu Ung nói: «Trời và người đối với nhau cũng giống như bên ngoài và bên trong. Trời có Âm và Dương; người có tà và chính. Nguyên do của tà và chính có quan hệ với sở thích của vua. Vua hiếu đức thì dân áp dụng sự chân chính; vua thích nịnh thì dân áp dụng thói gian tà. Nguyên do của tà và chính từ đó mà đến vậy. Dù vua thánh minh ở trên cao, cũng có thể có tiểu nhân, nhưng bọn chúng dở trò tiểu nhân cũng khó. Dù vua ngu hèn ở trên cao, cũng có thể có quân tử, nhưng người quân tử tỏ ra quân tử cũng khó. Tự thời xưa, khi vua thánh minh có nhiều, chưa có đời nào như đời Đường của vua Nghiêu, quân tử làm sao mà chẳng có nhiều? Thời ấy đâu phải là không có tiểu nhân, nhưng muốn dở trò tiểu nhân cũng khó, cho nên có nhiều quân tử vậy. Vì thế thời ấy tuy có bốn kẻ ác, nhưng chúng chẳng phóng túng làm ác. Tự thời xưa, khi vua ngu hèn có nhiều, chưa có đời nào như đời Thương của vua Trụ, tiểu nhân làm sao mà chẳng có nhiều? Thời ấy đâu phải là không có quân tử, nhưng tỏ ra quân tử cũng khó, cho nên có nhiều tiểu nhân vậy. Vì thế tuy thời ấy có ba người nhân đức, nhưng họ không thể toại nguyện làm thiện.»[51]

Kẻ ác có đầy trên đời, nhưng khi có vua anh minh cai trị thì ngài gạt bỏ bọn tiểu nhân khỏi những chức vụ quan trọng để triệt tiêu ảnh hưởng của chúng.

---

nhi dĩ, đương dĩ trực cầu chi. Nhược dụng trí số, do kính nhi cầu chi, thị khuất thiên địa nhi tuần nhân dục dã, bất diệc nan hồ?» 爲學養心，患在不由直道，去利欲．由直道，任至誠，則無所不通．天地之道，直而已，當以直求之．若用智數，由逕而求之，是屈天地而循人欲也，不亦難乎？

[51] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Nội Thiên): «Thiên dữ nhân tương vi biểu lý. Thiên hữu Âm Dương; nhân hữu tà chính. Tà chính chi do, hệ hồ thượng chi sở hiếu dã. Thượng hiếu đức tắc dân dụng chính; thượng hiếu nịnh tắc dân dụng tà. Tà chính chi do hữu tự lai hĩ. Tuy thánh quân tại thượng, bất năng vô tiểu nhân, thị nan kỳ vi tiểu nhân. Tuy dung quân tại thượng, bất năng vô quân tử, thị nan kỳ vi quân tử. Tự cổ thánh quân chi thịnh, vị hữu như Đường Nghiêu chi thế, quân tử hà kỳ đa da? Thời phi vô tiểu nhân dã, thị nan kỳ vi tiểu nhân, cố quân tử đa dã. Sở dĩ tuy hữu tứ hung, bất năng tứ kỳ ác. Tự cổ dung quân chi thịnh, vị hữu như Thương Trụ chi thế, tiểu nhân hà kỳ đa da? Thời phi vô quân tử dã, thị nan kỳ vi quân tử, cố tiểu nhân đa dã. Sở dĩ tuy hữu tam nhân, bất năng toại kỳ thiện.»** 天與人相爲表裏．天有陰陽；人有邪正．邪正之由，繫乎上之所好也．上好德則民用正；上好佞則民用邪．邪正之由有自來矣．雖聖君在上，不能無小人，是難其爲小人．雖庸君在上，不能無君子，是難其爲君子．自古聖君之盛，未有如唐堯之世，君子何其多耶？時非無小人也，是難其爲小人，故君子多也．所以雖有四凶，不能肆其惡．自古庸君之盛，未有如商

e. Niên biểu thế giới

Thiệu Ung nói: «Số của Dịch có tận cùng, trời đất có khởi đầu và kết thúc. Có kẻ hỏi: "Trời đất cũng có khởi đầu và kết thúc ư?" Đáp: "Đã có giảm đi và tăng trưởng, lẽ nào chẳng có khởi đầu và kết thúc? Trời đất tuy lớn, nhưng cũng là hình và khí, tức là hai vật."»[52]

Sự sinh trưởng và tiến hành của sự vật cụ thể đều noi theo công thức được thể hiện qua Viên Đồ 64 quẻ. Trời đất cũng là vật chất, nên sự sinh trưởng và tiến hành của trời đất cũng phải noi theo công thức đó. Hơn phân nửa quyển *Hoàng Cực Kinh Thế* là dựa theo công thức ấy mà tạo ra một niên biểu cho thế giới cụ thể. Trong niên biểu này, để tính toán thời gian, Thiệu Ung dùng các thuật ngữ: *nguyên* 元, *hội* 會, *vận* 運, *thế* 世.

Thiệu Ung nói: «Mặt trời đi qua *nguyên* của trời, mặt trăng đi qua *hội* của trời, các sao (tinh) đi qua *vận* của trời, các sao (thần) đi qua *thế* của trời.» (Nhật *Kinh Thiên* chi nguyên, nguyệt *Kinh Thiên* chi hội, tinh *Kinh Thiên* chi vận, thần *Kinh Thiên* chi thế. 日經天之元, 月經天之會, 星經天之運, 辰經天之世). Như vậy Thiệu Ung tính toán *nguyên* 元, *hội* 會, *vận* 運, *thế* 世 theo các thiên thể.

1 *nguyên* = 12 *hội*;
1 *hội* = 30 *vận*;
1 *vận* = 12 *thế*.

紂之世,小人何其多耶?時非無君子也.是難其爲君子,故小人多也.所以雖有三仁,不能遂其善.– **LAM chú: Đời vua Nghiêu có bốn kẻ ác (*tứ hung* 四凶) là: Hồn Đôn 渾敦 (tức Hoan Đâu 驩兜), Cùng Kỳ 窮奇 (tức Cộng Công 共工), Đào Ngột 檮杌 (tức Cổn 鯀), Thao Thiết 饕餮 (tức Tam Miêu 三苗). Theo kinh Thư (Thuấn điển), bốn kẻ này bị vua Thuấn trừng phạt: Lưu đày Hoan Đâu ở Sùng Sơn 崇山, lưu đày Cộng Công ở U Châu 幽州, trục xuất Tam Miêu khỏi đất Tam Nguy 三危, và giết Cổn. Đời Ân (Thương), vua Trụ 紂 hoang dâm tàn ác, nhưng đời này có ba người nhân đức (*tam nhân* 三仁) là: Tỉ Can 比干, Cơ Tử 箕子, và Vi Tử 微子. Tỉ Can là chú của vua Trụ, vì can gián Trụ mà bị moi tim. Cơ Tử là hiền thần, cũng can gián vua Trụ, bị vua bắt làm nô lệ, tuy không bị giết nhưng sợ bị hại nên giả điên cuồng. Vi Tử là anh vua Trụ, can gián Trụ không được nên bỏ nước mà đi. *Luận Ngữ* (Vi Tử) chép: «Vi Tử khứ chi, Cơ Tử vi chi nô, Tỉ Can gián nhi tử. Khổng Tử viết: "Ân hữu tam nhân yên."»** 微子去之,箕子爲之奴,比干諫而死.孔子曰:殷有三仁焉 **(Vi Tử bỏ nước mà đi, Cơ Tử bị làm nô lệ, Tỉ Can vì can gián hôn quân mà chết. Khổng Tử nói: Đời Ân [Thương] có ba người nhân đức vậy).**

52 ***Hoàng Cực Kinh Thế* (Quan Vật Ngoại Thiên): «Dịch chi số cùng, thiên địa thuỷ chung. Hoặc viết: Thiên địa diệc hữu thuỷ chung hồ? Viết: Ký hữu tiêu trưởng, khởi vô chung thuỷ? Thiên địa tuy đại, thị diệc hình khí, nãi nhị vật dã.»** 易之數窮,天地始終.或曰:天地亦有始終乎?曰:既有消長,豈無終始?天地雖大,是亦形氣,乃二物也.

Sở dĩ như thế, vì con của Thiệu Ung là Thiệu Bá Ôn 邵伯溫(1057-1134) nói trong *Tính Lý Đại Toàn* rằng: «Trong cuộc tiến hoá lớn, một *nguyên* giống như một năm.» (Nhất nguyên tại đại hoá chi trung, do nhất niên dã. 一元在大化中, 猶一年也). Một *nguyên* có 12 *hội* giống như 1 năm có 12 tháng; một *hội* có 30 *vận* giống như một tháng có 30 ngày;

nguyên (nhất)	*hội (nguyệt)*	*vận (tinh)*	*thế (thần)*	*năm*	*quẻ*	*sự kiện*
Nguyên thứ nhất (Giáp) 甲	Tý	1-30	1-360	1-10800	Phục ䷗	
	Sửu	31-60	361-720	10801-21600	Lâm ䷒	
	Dần	61-90	721-1080	21601-32400	Thái ䷊	Vận Kỷ 己 76: Khai vật 開物 (khai sinh vạn vật)
	Mão	91-120	1081-1440	32401-43200	Đại Tráng ䷡	
	Thìn	121-150	1441-1800	43201-54000	Quải ䷪	
	Tỵ	151-180	1801-2160	54001-64800	Càn ䷀	Vận Quý 癸 180; thần 2157: Đường Nghiêu 唐堯 cai trị
	Ngọ	181-210	2161-2520	64801-75600	Cấu ䷫	Các triều đại: Hạ, Ân, Chu, Tần, Lưỡng Hán, Lưỡng Tấn, Tam Quốc, Nam Bắc Triều, Tuỳ, Đường, Ngũ Đại, Tống
	Mùi	211-240	2521-2280	75601-86400	Độn ䷠	
	Thân	241-270	2281-3240	86401-97200	Bĩ ䷋	
	Dậu	271-300	3241-3600	97201-108000	Quan ䷓	
	Tuất	301-330	3601-3960	108001-118800	Bác ䷖	Vận Mậu 戊 315: Bế vật 閉物 (chấm dứt vạn vật)
	Hợi	331-360	3961-4320	118801-129600	Khôn ䷁	

Sự tiêu trưởng của một *nguyên* (theo Thiệu Bá Ôn)

một *vận* có 12 *thế* giống như một ngày có 12 giờ.[53] Thiệu Ung lấy khởi đầu và kết thúc của trời đất làm một *nguyên*; lấy 30 năm là một *thế*. Như vậy suy ra: 1 *nguyên* = 12 *hội* = 360 *vận* = 4.320 *thế* = 129.600 năm.

Phối hợp các đơn vị thời gian này với Viên Đồ 64 quẻ thì ta thấy trời đất bắt đầu ở quẻ Phục và kết thúc ở quẻ Khôn. Trong *Hoàng Cực Kinh Thế* có một bảng biểu (về sự tiêu trưởng của một *nguyên*) rất phức tạp, ở đây tôi thay bằng bảng biểu đơn giản hơn của Thiệu Bá Ôn trong *Tính Lý Đại Toàn*. (xem hình).

Chu Hi nói: «Trong *Hoàng Cực Xinh Thế*, Thiệu Ung nói: "Trời khai mở ở hội Tý; đất đóng lại ở hội Sửu; người sinh ra ở hội Dần."» (Thiệu Tử *Hoàng Cực Kinh Thế* thuyết: "Thiên khai ư Tý; địa tịch ư Sửu; nhân sinh ư Dần." 邵子皇極經世説 天開於子, 地闢於丑, 人生於寅). Tính toán về *nguyên*, Thiệu Ung dung thập can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý). Tính toán về *hội*, ông dùng 12 địa chi (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi). Trong bảng biểu trên đây, tôi lấy thí dụ một *nguyên* là *nguyên* Giáp.

Hội thứ nhất là Tý. *Hội* này có 30 *vận*, tức là 360 *thế* (bởi vì 1 *vận* = 12 *thế*), tức là 10.800 năm (bởi vì 1 *thế* = 30 năm). Thời này, một Dương bắt đầu sinh, biểu thị bằng hào sơ cửu quẻ Phục ䷗. Nếu lấy một năm để so sánh thì nó ứng với tháng 11 (tháng Tý); nếu lấy ngày và đêm để so sánh thì nó ứng với giờ Tý. «Thiên khai ư Tý» 天開於子 (trời khai mở ở hội Tý) tức là ở *hội* này.

Hội thứ hai là Sửu. *Hội* này cũng có 30 *vận*, hợp với hội Tý là 60 *vận*; cũng có 360 *thế*, hợp với hội Tý là 720 *thế*; cũng có 10.800 năm, hợp với hội Tý là 21.600 năm. Thời này, thêm một Dương sinh ra, biểu thị bằng hào cửu nhị quẻ Lâm ䷒. Nếu lấy một năm để so sánh thì nó ứng với tháng 12 (tháng Sửu); nếu lấy ngày và đêm để so sánh thì nó ứng với giờ Sửu. «Địa tịch ư Sửu» 地闢於丑 (đất đóng lại ở hội Sửu) tức là *ở hội* này.

Hội thứ ba là Dần. *Hội* này cũng có 30 *vận*, hợp với hai hội trên là 90 *vận*; cũng có 360 *thế*, hợp với hai hội trên là 1080 *thế*; cũng có 10.800 năm, hợp với hai hội trên là 32.400 năm. Thời này, thêm một Dương sinh ra, biểu thị bằng hào cửu tam quẻ Thái ䷊. Nếu lấy một năm để so sánh thì nó ứng với tháng 1 (tháng Dần); nếu lấy ngày và đêm để so sánh thì

[53] **LAM chú: 12 giờ âm lịch tương ứng giờ dương lịch: tý (23-01 giờ), sửu (01-03 giờ), dần (03-05 giờ), mão (05-07 giờ), thìn (07-09 giờ), tỵ (09-11 giờ), ngọ (11-13 giờ), mùi (13-15 giờ), thân (15-17 giờ), dậu (17-19 giờ), tuất (19-21 giờ), hợi (21-23 giờ).**

nó ứng với giờ Dần. Ở *vận* 16 (tức là *vận* Kỷ) của *hội* này, hợp với 60 *vận* của hai *hội* trên tức là *vận* thứ 76, thì «khai vật» 開物 (vạn vật sinh ra), trong đó cũng có con người, do đó Thiệu Ung nói «Nhân sinh ư Dần» 人生於寅 (con người sinh ra ở *hội* Dần) tức là ở *hội* này.

Cứ thế suy ra, đến *hội* thứ sáu, tức *hội* Tỵ, thì Dương cực thịnh, biểu thị bằng sáu hào Dương của quẻ Càn ䷀. Nền văn minh của nhân loại đến đây cũng cực thịnh. Đời Đường Nghiêu ở hội này, vua Nghiêu thi hành nền chính trị của thánh vương.

Đến *hội* thứ bảy, tức *hội* Ngọ, sau khi Dương cực thịnh thì Âm bắt đầu sinh ra, biểu thị bằng hào sơ lục quẻ Cấu ䷫. Tính ra, năm Hi Ninh nguyên niên (tức 1068 CN) đời Tống Thần Tông rơi vào thế thứ 2 của vận thứ 10 của hội này.

Tương tự như thế, đến *hội* thứ 11 tức *hội* Tuất, Âm dần thịnh lên, biểu thị bằng năm hào Âm của quẻ Bác ䷖. Ở *vận* thứ 15 của *hội* này (hợp với các *vận* ở trên, tức là *vận* thứ 315) thì «bế vật» 閉物 (chấm dứt vạn vật; vạn vật đều dứt tuyệt).

Đến *hội* thứ 12 tức *hội* Hợi, Âm cực thịnh, biểu thị bằng quẻ Khôn ䷁. Lúc này, tuổi thọ của trời đất chấm dứt. Một chu kỳ mới của trời đất lại khai mở. Trong đó người và vạn vật được sinh trưởng trở lại và rồi hoại diệt trở lại. Điều đó Dịch gọi là «Cùng tắc biến, biến tắc thông». Cứ thế mà tuần hoàn đến vô cùng.

Ở đây nói rằng thế giới này có thể hoại diệt, rồi sau đó một thế giới mới kế tiếp phát sinh. Cái ý tưởng này chưa từng xuất hiện trong tư tưởng Trung Quốc trước đó. Kể từ Tông Mật 宗密 lấy Câu Xá Luận 俱舍論 mà giảng về sự *thành* 成, *trụ* 住, *hoại* 壞, *không* 空 của thế giới, thì sau đó lý thuyết về phát sinh vũ trụ của các Đạo học gia mới hấp thu ảnh hưởng này. Thiệu Ung cũng chịu ảnh hưởng của Phật học, rồi lấy Âm Dương tiêu trưởng của 64 quẻ Dịch mà thuyết minh về niên biểu thế giới vậy.

f. Triết học về chính trị

Thế giới hiện nay tuy còn xa mới tới ngày mà trời đất huỷ diệt, nhưng nó cũng đã trải qua thời đại vàng son nhất. Thế giới hiện nay giống như một đoá hoa đã nở trọn vẹn, tuy nhuỵ và cánh hoa vẫn còn rực rỡ mà điềm tàn tạ đã vừa chớm. Cho nên, theo Thiệu Ung, thế giới hiện nay không giống như thời vàng son đã qua. Lấy chính trị mà nói thì nay chẳng bằng xưa. Thiệu Ung phân chia chính trị làm bốn loại, mà người cai trị

là: *hoàng* 皇, *đế* 帝, *vương* 王, *bá* 霸.

Thiệu Ung nói: «Dùng vô vi là hoàng. Dùng ân tín là đế. Dùng công chính là vương. Dùng trí lực là bá. Từ bá trở xuống là di địch (mọi rợ). Từ di địch trở xuống là cầm thú.»[54]

Thiệu Ung lại nói: «Khổng Tử khen ngợi sách *Chu Dịch* có từ Phục Hi và Hiên Viên (tức Hoàng Đế); ngài viết lời tựa cho *Kinh Thư* có từ Nghiêu và Thuấn; ngài san định *Kinh Thi* có từ Văn Vương và Vũ Vương; ngài tu sửa *Kinh Xuân Thu* có từ Hoàn Công và Văn Công. [Ngài khen Dịch] có từ Phục Hi và Hiên Viên (Hoàng Đế), vì ngài xem *tam hoàng* (Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế) là tổ. [Ngài viết lời tựa cho *Kinh Thư*] có từ Nghiêu và Thuấn, vì ngài xem *ngũ đế* (Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn) là tông. [Ngài san định *Kinh Thi*] có từ Văn Vương và Vũ Vương, vì ngài xem *tam vương* (Hạ Vũ, Thương Thang, Chu Văn Vương và Chu Vũ Vương) là con. [Ngài tu sửa *Kinh Xuân Thu*] có từ Hoàn Công và Văn Công, vì ngài xem *ngũ bá* (Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Tống Tương Công, Sở Trang Vương) là cháu.»[55]

Thiệu Ung lại nói: «Tam hoàng ứng với mùa xuân, ngũ đế ứng với mùa hạ, tam vương ứng với mùa thu, ngũ bá ứng với mùa đông, bảy nước (thời Chiến Quốc) ứng với cái tàn dư lạnh lẽo của mùa đông. Hán vương tài không đủ [so với bậc vương thời xưa], Tấn bá tài có dư [so với bậc bá thời xưa]. Các vua thời Tam quốc là bậc anh hùng trong hàng bá. Các vua của 16 nước là hạng tầm thường trong hàng bá. Các vua của đời Ngũ Đại phía nam là hạng vay mượn xe của hàng bá. Các vua của đời Ngũ Đại phía bắc là hạng ở đậu trong hàng bá. Các vua đời Tuỳ là con các vua đời Tấn. Các vua đời Đường là em các vua đời Hán. Các hạng bá của các quận cuối đời Tuỳ chỉ là lớp sóng thừa của sông Dương Tử và sông Hán. Các hạng bá của các trấn cuối đời Đường chỉ là ánh sáng thừa của mặt trời và mặt trăng.

---

[54] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên): «Dụng vô vi tắc hoàng dã. Dụng ân tín tắc đế dã. Dụng công chính tắc vương dã. Dụng trí lực tắc bá dã. Bá dĩ hạ tắc di địch. Di địch nhi hạ thị cầm thú dã.»** 用無爲則皇也.用恩信則帝也.用公止則王也.用智力則霸也.霸以下則夷狄.夷狄而下是禽獸也.

[55] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Nội Thiên): «Khổng Tử tán dịch, tự Hi Hiên nhi hạ, tự Thư tự Nghiêu Thuấn nhi hạ, san Thi tự Văn Vũ nhi hạ, tu Xuân Thu tự Hoàn Văn nhi hạ. Tự Hi Hiên nhi hạ, tổ *tam hoàng* dã. Tự Nghiêu Thuấn nhi hạ, tông *ngũ đế* dã. Tự Văn Vũ nhi hạ, tử *tam vương* dã. Tự Hoàn Văn nhi hạ, tôn *ngũ bá* dã.»** 孔子贊易,自犧軒而下,序書自堯舜而下,刪詩自文武而下,修春秋自桓文而下.自犧軒而下,祖三皇也.自堯舜而下,宗五帝也.自文武而下,子三王也.自桓文而下,孫五霸也.**– LAM chú: Mỗi thuật ngữ *tam hoàng, ngũ đế, tam vương, ngũ bá* đều có nhiều thuyết, ở đây tôi chọn các thuyết phổ thông, căn cứ vào từ điển *Từ Hải*.**

Các hạng bá của đời Hậu Ngũ Đại chỉ là những ngôi sao trước lúc trời mọc. Từ Đế Nghiêu đến nay, trên dưới hơn ba ngàn năm, trước sau hơn trăm đời, sách vở truyền lại có thể ghi chép rõ. Trong bốn biển, giữa Cửu Châu, trong đó [quốc gia] hoặc hợp hoặc tan, hoặc thịnh trị hoặc loạn lạc, hoặc hùng cường hoặc suy yếu, hoặc lãnh đạo hoặc phục tùng. Nhưng chưa hề có vua nào có thể thống nhất phong tục hơn một đời.»[56]

Từ đời Hán tới nay, nền vương trị tuy tối cao mà lại không hoàn bị. Như vậy, theo Thiệu Ung, thời đại hoàng kim của thế giới đã qua rồi.

*

---

[56] **_Hoàng Cực Kinh Thế_ (Quan Vật Nội Thiên): «Tam hoàng xuân dã, ngũ đế hạ dã, tam vương thu dã, ngũ bá đông dã, thất quốc đông chi dư liệt dã. Hán vương nhi bất túc, Tấn bá nhi hữu dư. Tam quốc bá chi hùng giả dã. Thập lục quốc bá chi tùng giả dã. Nam Ngũ Đại bá chi tá thặng dã. Bắc Ngũ Đại bá chi truyền xá dã. Tuỳ, Tấn chi tử dã. Đường, Hán chi đệ dã. Tuỳ quý chư quận chi bá, Giang Hán chi dư ba dã. Đường quý chư trấn chi bá, nhật nguyệt chi dư quang dã. Hậu Ngũ Đại chi bá, nhật vị xuất chi tinh dã. Tự Đế Nghiêu chí ư kim, thượng hạ tam thiên dư niên, tiền hậu bách hữu dư thế, thư truyền khả minh kỷ giả, tứ hải chi nội, Cửu Châu chi gian, kỳ gian hoặc hợp hoặc ly, hoặc trị hoặc huy, hoặc cường hoặc luy, hoặc xướng hoặc tuỳ, vị thuỷ hữu kiêm thế nhi năng nhất kỳ phong tục giả.»** 三皇春也, 五帝夏也, 三王秋也, 五霸冬也, 七國冬之餘冽也. 漢王而不足, 晉霸而有餘. 三國霸之雄者也. 十六國霸之叢者也. 南五代霸之借乘也. 北五代霸之傳舍也. 隋晉之子也. 唐漢之弟也. 隋季諸郡之霸, 日月之餘光也. 後五代之霸, 日未出之星也. 自帝堯至於今, 上下三千餘年, 前後百有餘世, 書傳可明紀者, 四海之內, 九州之間, 其間或合或離, 或治或隳, 或強或羸, 或唱或隨, 未始有兼世而能一其風俗者.

CHƯƠNG 12

TRƯƠNG HOÀNH CỪ VÀ NHỊ TRÌNH

1. Trương Hoành Cừ

Sống cùng thời và hơi trẻ hơn Chu Liêm Khê 周濂溪(1017-1073) và Thiệu Khang Tiết 邵康節(1011-1077) một chút, có các nhà Đạo học nổi tiếng là Trương Hoành Cừ 張横渠(1020-1077) tức Trương Tái 張載 và Nhị Trình, tức anh em Trình Minh Đạo 程明道(1032-1085) và Trình Y Xuyên 程伊川(1033-1108).

Tống Sử (Đạo Học Truyện) chép: «Trương Tái 張載 tự là Tử Hậu 子厚, người Trường An 長安, thuở nhỏ thích bàn luận việc binh. [...] Năm 21 tuổi, ông mang thư giới thiệu đến yết kiến Phạm Trọng Yêm 范仲淹(989-1052). Vừa gặp lần đầu, Trọng Yêm biết Tái là người tài có tư chất cao viễn, bèn nhắc nhở Tái: "Nhà Nho tự có danh phận và lễ giáo, đủ làm vui; cần chi đến việc binh?" Nhân đấy Trọng Yêm khuyên Tái đọc *Trung Dung*. Tái đọc sách ấy, cho là chưa đủ, bèn tìm hiểu Phật và Lão. Nhiều năm thâm cứu Phật và Lão, nhưng ông thấy không có sở đắc gì cả, bèn quay về học lục kinh (tức *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu*). [...] Ông cùng Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên bàn luận về tinh yếu của Đạo học, rồi trở nên tự tin, nói: "Đạo Nho của ta tự đủ, cần gì tìm cầu bàng môn tả đạo?" Từ đó ông vất bỏ các môn học khác, mà chuyên theo Nho học. [...] Trương Tái chuyên cổ học và gắng công rèn luyện, trở thành bậc thầy của nhân sĩ ở Quan Trung 關中 (vùng hạ lưu sông Vị ở Thiểm Tây); người đời gọi ông là "Hoành Cừ 横渠 tiên sinh" (ông thầy ở trấn Hoành Cừ, huyện Mi).»[1]

---

[1] ***Tống Sử*** **(Đạo Học Truyện): «Trương Tái, tự Tử Hậu, Trường An nhân, thiếu hỉ đàm binh. [...] Niên nhị thập nhất, dĩ thư yết Phạm Trọng Yêm, nhất kiến tri kỳ viễn khí. Nãi cảnh chi viết: "Nho giả tự hữu danh giáo khả lạc, hà sự ư binh?" Nhân khuyến độc Trung Dung. Tái độc kỳ thư, do dĩ vi vị túc. Hựu phỏng chư Thích, Lão, luỹ niên cứu cực kỳ thuyết, tri vô sở đắc, phản nhi cầu chi lục kinh. [...] Dữ Nhị Trình ngữ Đạo học chi yếu, hoán nhiên tự tín, viết: "Ngô đạo tự túc, hà sự bàng cầu?" Ư thị tận khí dị học, thuần như dã. [...] Tái cổ học lực hành, vi Quan Trung sĩ nhân tông sư, thế xưng vi Hoành Cừ tiên sinh.»** 張載字子厚.長安人.少喜談兵.[...] 年二十一.以書謁范仲淹.一見知其遠器.乃警之曰:"儒者自有名教可樂,何事兵?" 因勸讀中庸.載讀其書,猶以爲未足.又訪諸釋老,累年究極其說,知無所得,反而求之六經.

Theo Lã Đại Lâm 呂大臨(?-1090), chúng ta biết rằng Trương Tái mất năm Hi Ninh thứ 10 đời Tống Thần Tông (tức năm 1077). Ông trứ tác: *Chính Mông* 正蒙, Kinh học *Lý Quật* 經學理窟, và *Dịch Thuyết* 易說. Trong đó, *Chính Mông* là tác phẩm quan trọng nhất. Về hành trạng của Trương Tái, Lã Đại Lâm viết: «Mùa thu năm Hi Ninh thứ 9 (tức 1076), Hoành Cừ tiên sinh nằm ngủ thấy một giấc mộng kỳ lạ, bèn vội vàng viết thư cho đệ tử nói về việc ấy. Sau đó, ông tập hợp những lời đã giảng, viết thành sách gọi là *Chính Mông*. Đưa sách cho các đệ tử xem, ông nói: "Sách này là sở đắc của ta sau bao năm suy tư rốt ráo; lời lẽ của nó đương nhiên phù hợp với thánh nhân thuở trước.»[2] Như vậy, *Chính Mông* là sự kết tinh tư tưởng cả một đời của Trương Hoành Cừ.

a. Khí

Cái học của Hoành Cừ cũng bắt nguồn từ Dịch. Hệ Từ Thượng nói: «Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi.» 易有太極是生兩儀(Dịch có

[...] 與二程語道學之要，渙然自信，曰："吾道自足，何事旁求？" 於是盡棄異學，淳如也. [...] 載古學力行，爲關中士人宗師，世稱爲橫渠先生.– LAM chú: Theo Bàng Phác (*Trung Quốc Nho Học*, Đông Phương xuất bản trung tâm, 1997, tập I, tr.126) nguyên quán của Trương Tái là Đại Lương 大梁(nay là Khai Phong 開封, tỉnh Hà Nam 河南). Cha ông là Trương Địch 張迪, làm tri châu ở Phù Châu 涪州, qua đời tại nhiệm sở. Anh em ông còn bé, không thể trở về cố hương, nên trú ngụ ở trấn Hoành Cừ 橫渠, huyện Mi 郿 thuộc Phượng Tường 鳳翔 (nay là huyện Mi 眉, tỉnh Thiểm Tây 陝西). Về sau, ông nổi danh và luôn giảng dạy ở Hoành Cừ, nên người đời mới gọi ông là Hoành Cừ tiên sinh. Trương Tái đỗ tiến sĩ vào những năm Gia Hựu 嘉祐(1056-1063) đời vua Tống Nhân Tông 宋仁宗, và giữ nhiều chức quan như Tư Pháp Tham Quân ở Kỳ Châu 祁州, huyện lệnh của huyện Vân Nham 雲岩 thuộc Đan Châu 丹州, Phán quan ở Vị Châu 渭州, rồi làm việc trong Sùng Văn Viện 崇文院 và Thái Thường Lễ Viện 太常禮院. Năm 21 tuổi, Trương Tái cầu kiến Phạm Trọng Yêm, bấy giờ Trọng Yêm làm Kinh Lược An Phủ Phó Sứ tại Thiểm Tây.– Derk Bodde chú: Cuối đời, Trương Tái chuyên giảng học tại trấn Hoành Cừ. Về cuộc đời chi tiết của Trương Tái, có thể xem J. Percy Bruce, *Chu Hsi and his Masters (Chu Hi và các bậc thầy của ông)*, London, 1923, trang 50-55, nhất là bài của Werner Eichhorn: *Die Westinschrift der Chang Tsai (Bài Tây Minh của Trương Tái)*, in trong: *Abhandlung für die Kunde des Morgenlandes*, vol.22, no.7 (Leipzig, 1937), trang 1-9. Từ các bài viết này, chúng ta biết rằng Trương Tái dành phần lớn cuộc đời của ông để dạy học, tuy rằng ông có đảm nhiệm một vài chức quan, và ông thôi làm quan sau khi đụng độ với nhà cải cách Vương An Thạch (1021-1086). Ông là chú của Trình Hạo và Trình Di; bước ngoặt lớn trong đời ông là khi ông gặp họ năm 1056, và quan điểm của họ đã thay đổi ông. Ông sống nghèo, khi ông mất các đệ tử phải gom góp tiền bạc để mua áo quan cho ông.

[2] ***Y Lạc Uyên Nguyên Lục*** **伊洛淵源錄, quyển 6: «Hi Ninh cửu niên thu, tiên sinh cảm dị mộng, hốt dĩ thư chúc môn nhân, nãi tập sở lập ngôn, vị chi Chính Mông. Xuất thị môn nhân viết: "Thử thư dư lịch niên trí tư chi sở đắc, kỳ ngôn đãi dữ tiền thánh hợp."» 熙寧九年秋，先生感異夢，忽以書屬門人，乃集所立言，謂之正蒙，出示門人曰："此書予歷年致思所得，其言殆與前聖合." – Derk Bodde chú:** ***Y Lạc Uyên Nguyên Lục*** **được viết xong năm 1173 dưới sự chỉ đạo của Chu Hi. Đây là một nguồn tham khảo chính yếu về Đạo học trước thời Chu Hi.**

Thái Cực; Thái Cực sinh ra lưỡng nghi [là Âm và Dương]).[3] Hoành Cừ cũng nói: «Hai (tức lưỡng nghi) mà không thành lập thì Một (tức Thái Cực) không thể thấy. Một không thể thấy thì cái dụng của Hai (tức lưỡng nghi) dừng lại. Hai thể [của Thái Cực] thì hư và thực, động và tĩnh, tụ và tán, trong và đục; xét cho cùng chỉ là Một (tức Thái Cực) mà thôi.»[4]

Cái Một này tức là Thái Cực. Hoành Cừ nói tiếp: «Có Hai thì ắt có Một. Cái Một ấy là Thái Cực. [...] Một vật có hai thể; nó chẳng phải là Thái Cực ư?»[5]

Cái Một này Hoành Cừ cũng gọi là Thái Hoà 太和. Ông nói: «Thái Hoà cũng là [danh từ để gọi] Đạo. Bên trong nó hàm chứa tính chất tương tác giữa chìm và nổi, lên và xuống, động và tĩnh. Nó là khởi đầu của các lực phóng phát, mà các lực này tác động nhau, tạo ra sự hơn kém và co duỗi. [...] Cái không giống như "dã mã" 野馬 (hơi nước bốc lên) và sự giao hoà của Âm Dương, thì không đủ gọi là Thái Hoà. Ai luận về Đạo, hễ biết được điều này thì mới đáng gọi là biết Đạo; ai học Dịch, hễ hiểu được chỗ này thì mới đáng gọi là hiểu Dịch.»[6]

Hai chữ «dã mã» 野馬 trên đây, lấy trong *Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Hơi nước bốc lên, bụi bặm [bay trong ánh nắng], các sinh vật lấy hơi thở thổi vào nhau.» (Dã mã dã, trần ai dã, sinh vật chi dĩ tức tương xuy

---

[3] **LAM chú: Nguyên văn trong Hệ Từ Thượng là: «Thị cố Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái.» 是故易有太極, 是生兩儀. 兩儀生四象. 四象生八卦 (Cho nên, Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái).– Richard Wilhelm dịch: «Cho nên, trong Dịch có Thái Cực (=khởi đầu lớn). Thái Cực sinh lưỡng nghi (=hai sức mạnh cơ bản). Lưỡng nghi sinh tứ tượng (=bốn hình tượng). Tứ tượng sinh Bát Quái (tám quẻ).» (Darum gibt es in den Wandlungen den großen Uranfang. Dieser erzeugt die zwei Grundkräfte. Die zwei Grundkräfte erzeugen die vier Bilder. Die vier Bilder erzeugen die acht Zeichen).– James Legge dịch: «Cho nên, trong hệ thống của Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát Quái.» (Therefore in the system of the Yi there is the Grand Terminus, which produced the two elementary Forms. Those two Forms produced the Four emblematic Symbols, which again produced the eight Trigrams).**

[4] ***Chính Mông*: «Lưỡng bất lập tắc nhất bất khả kiến, nhất bất khả kiến tắc lưỡng chi dụng tức. Lưỡng thể giả, hư thực dã, động tĩnh dã, tụ tán dã, thanh trọc dã, kỳ cứu nhất nhi dĩ.»** 兩不立則一不可見, 一不可見則兩之用息. 兩體者, 虛實也, 動靜也, 聚散也, 清濁也, 其究一而已.

[5] ***Chính Mông*: «Hữu lưỡng tắc hữu nhất, thị Thái Cực dã. [...] Nhất vật nhi lưỡng thể, kỳ Thái Cực chi vị dư?»** 有兩則有一, 是太極也. [...] 一物而兩體, 其太極之謂歟?

[6] ***Chính Mông*: «Thái Hoà sở vị Đạo, trung hàm phù trầm thăng giáng động tĩnh tương cảm chi tính, thị sinh nhân ôn tương đãng thắng phụ khuất thân chi thuỷ. [...] Bất như dã mã, nhân ôn, bất túc vị chi Thái Hoà. Ngữ Đạo giả tri thử vị chi tri Đạo; học Dịch giả kiến thử, vị chi kiến Dịch.»** 太和所謂道, 中涵浮沉升降動靜相感之性, 是生絪縕相盪勝負屈伸之始. [...] 不如野馬, 絪縕, 不足謂之太和. 語道者知此謂之知道; 學易者見此謂之見

dã 野馬也,塵埃也,生物之以息相吹也). Tư Mã Bưu (mất năm 306 CN) chú: «Dã mã xuân nhật trạch trung du khí dã.» 野馬春日澤中遊氣也(Dã mã là hơi nước của ao đầm vào mùa xuân bốc lên). Cái mà gọi là Thái Hư tức là toàn thể khí. Khi khí ấy còn phân tán chưa tích tụ lại, thì khí ấy gọi là Thái Hư. Vì thế Hoành Cừ nói: «Thái Hư thì vô hình, là bản thể của khí.» (Thái Hư vô hình, khí chi bản thể 太虛無形,氣之本體). Lại nói: «Sự tụ và tán của khí đối với Thái Hư, giống như sự đóng băng và băng tan đối với nước. Hễ ta biết Thái Hư tức là khí, thì không phải là không có gì hết.»[7]

Cái Thái Hư mà chúng ta thấy tưởng như trống không chẳng có vật gì, chẳng qua đó là khí tán mà chưa tụ. Kỳ thực chẳng có cái gọi là vô. Cho nên Hoành Cừ nói: «Hễ ta biết Thái Hư tức là khí, thì không phải là không có gì hết.»

Cái tính chất «tương tác giữa chìm và nổi, lên và xuống, động và tĩnh» ở trong khí, nếu nói đơn giản, chỉ là hai tính Âm Dương. Trong một khí thì có hai tính này. Hoành Cừ nói: «Một vật mà có hai thể, đó là khí. Khí là một vật, thì khí có thần; khi ở hai thể, thì khí có sức chuyển hoá.»[8]

Một khí có hai tính chất Âm Dương, nên Hoành Cừ nói «một vật mà có hai thể». Khi khí là một, thì nó trong trẻo và thông suốt, không thể hình dung ra được nên gọi là có thần. Bởi vì trong một khí có hai tính chất Âm Dương, nên Hoành Cừ nói «nó là khởi đầu của các lực phóng phát, mà các lực này tác động nhau, tạo ra sự hơn kém và co duỗi». Sự tương tác này tức

---

易.– LAM chú: Hai chữ *nhân ôn* 絪縕 là lấy từ Hệ Từ Hạ: « Thiên địa *nhân ôn*, vạn vật hoá thuần. Nam nữ cấu tinh, vạn vật hoá sinh.» 天地絪縕,萬物化醇. 男女構精,萬物化生 (Trời đất giao hoà, vạn vật biến hoá đồng đều. Nam nữ giao hợp, vạn vật hóa sinh). Cao Hanh nói *nhân ôn* 絪縕 vốn là giả tá của 氤氳 (hai khí Âm Dương giao hoà).– *Thuần* 醇 là *thuần* 純 (thuần tuý), là *quân* 均 (đồng đều).– *Vạn vật hoá thuần* 萬物化醇 = sự biến hoá của vạn vật đồng đều. Richard Wilhelm dịch: «Khổng Tử nói: Trời đất giao tiếp, vạn vật biến hoá và có được hình dạng. Nam nữ hỗn hợp tinh, vạn vật biến hoá và được sinh ra.» (Der Meister sprach: Himmel und Erde kommen in Berührung, und alle Dinge gestalten sich und gewinnen Form. Das Männliche und Weibliche mischt seinen Samen, und alle Wesen gestalten sich und werden geboren).– James Legge dịch: «Có sự giao hoà của ảnh hưởng Âm Dương của trời đất; và sự biến hoá đa dạng thì tiến triển phong phú. Có sự truyền tinh giữa nam nữ; và sự biến hoá trong các sinh thể thì tiến triển.» (There is an intermingling of the genial influences of heaven and earth, and transformation in its various forms abundantly proceeds. There is an intercommunication of seed between male and female, and transformation in its living types proceeds).

7 ***Chính Mông*: «Khí chi tụ tán ư Thái Hư, do băng ngưng thích ư thuỷ. Tri Thái Hư tức khí tắc vô vô.»** 氣之聚散於太虛,猶冰凝釋於水. 知太虛即氣則無無.

8 ***Chính Mông*: «Nhất vật lưỡng thể, khí dã. Nhất cố thần, lưỡng cố hoá.»** 一物兩體,氣也. 一故神,兩故化.

là sự biểu hiện của hai tính chất Âm Dương, sinh ra vạn vật. Cho nên Hoành Cừ nói «khi khí ở hai thể, thì nó có sức chuyển hoá».

Hoành Cừ lại nói: «Khí tràn ngập [vũ trụ, gọi là] Thái Hư. Nó đi lên đi xuống và bay lan rộng ra, chưa từng dừng lại. [Tình trạng ấy] Dịch gọi là "hai khí Âm Dương giao hoà", Trang Tử gọi là "các sinh vật lấy hơi thở thổi vào nhau" và "hơi nước bốc lên"! Đó là cơ quan của hư thực và động tĩnh, là khởi đầu của Âm Dương và cương nhu. Dương trong trẻo thì nổi lên, Âm nặng đục thì chìm xuống. Âm Dương tác động nhau và tụ tán, tạo thành mưa gió, tuyết sương. Dù vạn vật thay đổi hình, dù sông núi tan ra hay kết tụ, dù cặn bã biến ra tro, thì tất cả đều theo nguyên lý ấy.»[9]

Trong khí có hai tính Âm Dương tương tác nhau, cho nên khí không thể dừng lại ở trạng thái Thái Hư, mà «nó đi lên đi xuống và bay lan rộng ra, chưa từng dừng lại». Khí có hai tính Âm Dương tương tác nhau, tạo ra sự hơn kém và co duỗi: Âm và Dương hoặc hơn hoặc kém, hoặc co hoặc duỗi. Khí tụ lại thì vật thành tựu, khí tán ra thì vật huỷ diệt. Hoành Cừ nói: «Hễ khí tụ thì *"cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta"* (ly minh đắc thi 離明得施) trở nên hữu hình; hễ khí không tụ thì *"cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta"* trở nên vô hình. Khi nó tụ lại, sao không nói là có [hình thể] tạm thời? Khi nó tán ra, sao nói không có gì cả? Cho nên khi thánh nhân ngước lên xem trời và cúi xuống xem đất, thì chỉ nói đến "nguyên do của tối và sáng", chứ không nói đến "nguyên do của có và không".»[10]

Trong *«ly minh đắc thi»* 離明得施 của đoạn văn trích trên đây, *«ly»* là mắt, *«ly minh đắc thi»* là: cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta. Khí tụ thì nó thành cái mà mắt ta thấy được, tức là hữu hình. Khí tán thì nó không thành cái mà mắt ta thấy được, tức là vô hình. Khí tụ thành vạn vật, vậy vạn vật là hiện tượng của khí tụ. Bởi khí tụ và tán bất định nên Hoành Cừ nói là «khách hình» 客形 (hình thể tạm thời):

9 ***Chính Mông*: «Khí dương nhiên Thái Hư, thăng giáng phi dương, vị thường chỉ tức, Dịch sở vị nhân ôn, Trang Sinh sở vị sinh vật dĩ tức tương xuy, dã mã giả dư! Thử hư thực, động tĩnh chi cơ, Âm Dương, cương nhu chi thuỷ. Phù nhi thướng giả Dương chi thanh, giáng nhi há giả Âm chi trọc, kỳ cảm ngộ tụ tán, vi phong vũ, vi tuyết sương. Vạn phẩm chi lưu hình, sơn xuyên chi dung kết, tao phách ổi tẫn, vô phi giáo dã.»** 氣坱然太虛、升降飛揚、未嘗止息，易所謂絪縕，莊生所謂生物以息相吹，野馬者歟！此虛實，動靜之機、陰陽剛柔之始．浮而上者陽之清，降而下者陰之濁，其感遇聚散，爲風雨、爲雪霜．萬品之流形、山川之融結，糟粕煨燼，無非教也.

10 ***Chính Mông*: «Khí tụ tắc ly minh đắc thi nhi hữu hình; khí bất tụ tắc ly minh bất đắc thi nhi vô hình. Phương kỳ tụ dã, an đắc bất vị chi *khách* (*)? Phương kỳ tán dã, an đắc cự vị chi vô? Cố thánh nhân ngưỡng quan phủ sát, đãn vân "tri u minh chi cố", bất vân "tri hữu vô chi cố".»** 氣聚則離明得施而有形；氣不聚則離明不得施而無形．方其聚也，安得不謂之客

«Thái Hư thì vô hình, nó là bản thể của khí. Khí lúc tụ lúc tán, biến hoá thành những hình thể tạm thời vậy.» (Thái Hư vô hình, khí chi bản thể, kỳ tụ kỳ tán, biến hoá chi khách hình nhĩ 太虛無形, 氣之本體, 其聚其散, 變化之客形爾).

b. Qui luật cho sự vật trong vũ trụ tuân theo

Khí tụ thì thành vạn vật; sự sinh ra vạn vật cũng theo một qui luật nhất định. Hoành Cừ nói: «[Vạn vật] sinh ra có trước có sau. Đó là *Thiên tự* (thứ tự của Trời). Nhỏ hay lớn, cao hay thấp; vạn vật cùng theo nhau và tạo hình cho nhau. Đó là *Thiên trật* (trật tự của Trời). Trời sinh vạn vật cũng có thứ tự, vạn vật đã thành hình rồi thì cũng có trật tự.»[11]

Hoành Cừ lại nói: «Khí của trời đất, tuy có tụ có tán, có công có thủ trăm đường, nhưng cái nguyên lý của nó thì xuôi thuận và không sai lầm.»[12]

Sự tụ tán và công thủ của khí tuy có trăm đường trăm nẻo khác nhau, nhưng chúng đều tuân theo một qui luật nhất định. Cho nên sự tạo sinh vạn vật có một thứ tự nhất định. Một vật khi được tạo thành rồi, thì nó là một kết cấu nhất định hay một tổ chức nhất định. Cái gọi là «thiên trật» 天秩 hay «thiên tự» 天序 ở đây tức là Lý 理. Sự tụ tán và công thủ của khí đều xuôi thuận theo Lý và không sai lầm. Theo thuyết này, ngoài Khí ra còn có Lý. Nếu lấy thuật ngữ của triết học Hi Lạp mà nói, thì *vật* là *chất* 質 (matter) và *Lý* là *thức* 式 (form). *Chất* nhập vào *thức*, tạo thành một vật cụ thể. Nhưng ở điểm này, Hoành Cừ chỉ nói sơ lược, chỉ mới nêu ra được manh mối. Phải đợi tới Chu Hi mới có sự trình bày đầy đủ.

c. Một số hiện tượng phổ biến trong vũ trụ

Sự tụ tán và công thủ của khí tuy có trăm đường trăm nẻo khác nhau, nhưng chúng đều tuân theo một qui luật nhất định. Cho nên trong vũ trụ có một số hiện tượng phổ biến. Hoành Cừ nói: «Khi khí ở trạng

?方其散也, 安得遽謂之無?故聖人仰觀俯察, 但云"知幽明之故", 不云"知有無之故".– LAM chú: (*) Chữ *khách* 客 này lẽ ra là *hữu* 有 thì mới phù hợp ý *«tri hữu vô chi cố»* ở sau. Nhưng Phùng Hữu Lan giữ nguyên, và hiểu *khách* là tạm thời (temporary). Tôi dịch theo ý của ông.

[11] *Chính Mông*: «Sinh hữu tiên hậu, sở dĩ vi thiên tự. Tiểu đại cao hạ, tương tịnh nhi tương hình yên, thị vị thiên trật. Thiên chi sinh vật dã hữu tự, vật chi ký hình dã hữu trật.» 生有先後, 所以爲天序. 小大高下, 相並而相形焉, 是謂天秩. 天之生物也有序, 物之既形也有秩 .– LAM chú: *Trật* 秩 và *tự* 序 đồng nghĩa, từ điển giảng là «thứ tự, trật tự».

[12] *Chính Mông*: «Thiên địa chi khí, tuy tụ tán, công thủ bách đồ, nhiên kỳ vi lý dã thuận nhi bất vọng.» 天地之氣, 雖聚散攻取百塗, 然其爲理也順而不妄.

thái hư vô ban đầu, thì nó lặng lẽ và vô hình. Khi nó cảm động và sinh sản, thì nó tụ lại và có hình tượng. Có hình tượng thì có cái đối ứng. Đối ứng ắt có hành động tương phản. Có tương phản thì có thù địch. Thù địch thì sẽ hoà và sẽ hết. Cho nên tình cảm yêu ghét cùng phát xuất từ Thái Hư, mà rốt cuộc thuộc về vật dục. Chợt sinh ra, chợt tựu thành; giữa chúng không có một khoảng hở nào. Thật là như thần vậy.»[13]

Âm Dương giao cảm, rồi chúng đi lên đi xuống và bay lan rộng ra. Khí tụ lại thì thành hình tượng và thành vật. Hễ có một vật thì ắt có một vật tương phản với nó, đứng ở vị trí đối địch với nó. Nhưng vật tương phản cũng có thể tương thành. Khi khí tán thì vật tương phản và đối địch sẽ cùng trở về Thái Hư đó gọi là hoà rồi sẽ hết (hoà nhi giải 和而解). Vật tương phản và đối địch thì sẽ có tình cảm thù ghét; vật tương hoà và tương thành thì có tình cảm yêu mến. Đó gọi là vật dục 物欲. Tuy nhiên các tình yêu ghét ấy (tức vật dục) đều phát xuất từ Thái Hư, rốt cuộc cũng trở về Thái Hư. Đó là một thứ hiện tượng phổ biến trong vũ trụ.

Hoành Cừ nói: «Vật không có cái lý cô lập. Bất kể thứ gì nếu không tỏ rõ là đồng hay dị, co hay duỗi, đầu hay cuối, thì tuy gọi là vật mà chẳng phải là vật. Để đạt được thành tựu thì vật phải có đầu và cuối. Nếu vật không có sự tương cảm giữa đồng và dị, có và không, thì vật không thể đạt được thành tựu. Không thể đạt được thành tựu, thì tuy gọi là vật mà chẳng phải là vật. Cho nên nói rằng do sự tương cảm giữa co và duỗi mà lợi ích sinh ra.»[14]

Hễ có một vật thì ắt có một vật tương phản với nó. Nếu có một vật lẻ loi, cô lập, thì vật ấy không thể thành một vật. Một sự vật sở dĩ gọi là một vật, một phần là vì nó có quan hệ tương phản với một vật khác trong vũ trụ. Cái quan hệ ấy cấu thành một phần của vật ấy. Vật không hề cô lập. Đó cũng là một hiện tượng phổ biến trong vũ trụ.

Hoành Cừ lại nói: «Trong những vật được tạo thành, chẳng có một

---

13 ***Chính Mông*: «Khí bản chi hư, tắc trạm bản vô hình. Cảm nhi sinh, tắc tụ nhi hữu tượng. Hữu tượng tư hữu đối, đối tất phản kỳ vi. Hữu phản tư hữu cừu, cừu tất hoà nhi giải. Cố ái ố chi tình, đồng xuất ư Thái Hư, nhi tốt quy ư vật dục. Thúc nhi sinh, hốt nhi thành, bất dung hữu hào phát chi gian, kỳ thần hĩ phù.»** 氣本之虛、則湛本無形. 感而生、則聚而有象. 有象斯有對、對必反其爲. 有反斯有仇、仇必和而解. 故愛惡之情、同出於太虛、而卒歸於物欲. 倏而生、忽而成、不容有毫髮之間、其神矣夫.

14 ***Chính Mông*: «Vật vô cô lập chi lý. Phi đồng dị khuất thân chung thuỷ dĩ phát minh chi, tắc tuy vật phi vật dã. Đắc hữu thuỷ tốt nãi thành, phi đồng dị hữu vô tương cảm, tắc bất kiến kỳ thành. Bất kiến kỳ thành, tắc tuy vật phi vật, cố viết khuất thân tương cảm nhi lợi sinh yên.»** 物無孤立之理. 非同異屈伸終始以發明之、則雖物非物也. 得有始卒乃成, 非同異有無相感, 則不見其成. 不見其成、則雖物非物, 故曰屈伸相感而利生焉.

vật nào giống nhau hoàn toàn. Từ đó có thể biết rằng vạn vật tuy nhiều, kỳ thực không một vật nào mà chẳng có Âm và Dương. Từ đó có thể biết rằng sự biến hoá của trời đất chỉ có hai đầu mối Âm Dương ấy mà thôi.»[15]

«Trong những vật được tạo thành, chẳng có một vật nào giống nhau hoàn toàn.» Đó cũng là một hiện tượng phổ biến trong vũ trụ. Hoành Cừ lại nói: «Khí bay đi hỗn loạn, hợp lại thành chất; sinh ra vô vàn khác biệt của người và vật; sự tuần hoàn không ngớt của hai đầu mối Âm Dương lập nên đại nghĩa của trời đất.»[16] Khí vốn hàm chứa hai tính Âm Dương, cho nên hễ chúng tụ thì thành vật; không vật nào mà không có Âm Dương. Tuy nhiên, Hoành Cừ chưa hề nói rõ tại sao «chẳng có một vật nào giống nhau hoàn toàn».

Hoành Cừ nói: «Thái Hư không thể không có khí. Khí không thể không tụ mà tạo thành vạn vật. Vạn vật không thể không tán mà trở về Thái Hư. Tuần hoàn xuất nhập, đều là bất đắc dĩ mà như thế.»[17]

Khí tán ra rồi thì sẽ tụ; tụ lại rồi thì sẽ tán. Khí tụ thì thành vật; tán ra thì vật huỷ diệt. Tuần hoàn như thế mãi không thôi. Đó cũng là một hiện tượng phổ biến trong vũ trụ.

d. Trương Hoành Cừ giảng thiên văn và địa lý

Chính Mông cũng giảng rõ về thiên văn và địa lý cũng như các phương diện của sự vật trong vũ trụ. Hoành Cừ nói: «Trái đất là khí Âm thuần, ngưng tụ ở giữa [vũ trụ]; bầu trời là khí Dương trôi nổi, vận chuyển xoay tròn ở phía ngoài. Đó là thể thông thường của bầu trời và trái đất. Tự bản thân các ngôi sao cố định (hằng tinh) thì bất động, nhưng chúng hoàn toàn gắn liền với bầu trời, nên chúng vận chuyển xoay tròn không ngừng với khí Dương trôi nổi. Mặt trời, mặt trăng, và năm hành tinh (kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ) chuyển động ngược với sự chuyển động của

---

15 ***Chính Mông*: «Tạo hoá sở thành, vô nhất vật tương tiếu giả. Dĩ thị tri vạn vật tuy đa, kỳ thực vô nhất vật vô Âm Dương giả. Dĩ thị tri thiên địa biến hoá, nhị đoan nhi dĩ.»** 造化所成, 無一物相肖者. 以是知萬物雖多, 其實無一物無陰陽者. 以是知天地變化, 二端而已.

16 ***Chính Mông*: «Du khí phân nhiễu, hợp nhi thành chất giả, sinh nhân vật chi vạn thù; kỳ Âm Dương lưỡng đoan tuần hoàn bất dĩ giả, lập thiên địa chi đại nghĩa.»** 游氣紛擾, 合而成質者, 生人物之萬殊; 其陰陽兩端循環不已者, 立天地之大義.

17 ***Chính Mông*: «Thái Hư bất năng vô khí. Khí bất năng bất tụ nhi vi vạn vật. Vạn vật bất năng bất tán nhi vi Thái Hư, tuần thị xuất nhập, thị giai bất đắc dĩ nhi nhiên dã.»** 虛不能無氣. 氣不能不聚而爲萬物. 萬物不能不散而爲太虛, 循是出入, 是皆不得已而然也.

bầu trời, mà bầu trời thì bao lấy trái đất.»[18]

Hoành Cừ lại nói: «Trái đất có lên và xuống, ngày có dài và ngắn. Trái đất tuy là vật ngưng tụ không tán, nhưng hai khí Âm Dương lên xuống trong nó, theo nhau mãi không thôi. Khi Dương ngày càng lên cao và đất ngày càng xuống thấp, thì Dương vơi; khi Dương ngày càng xuống và đất ngày càng tiến lên cao, thì Dương đầy. Đó là khí hậu lạnh nóng của một năm. Cho đến sự đầy vơi [của Dương] và sự lên xuống [của trái đất] tạo ra ngày và đêm, điều này có thể kiểm chứng qua sự lên xuống của thuỷ triều. Tuy nhiên giữa chúng có sự khác biệt nhỏ lớn; điều đó liên quan với ngày *sóc* (tức mồng một) và ngày *vọng* (tức 15 âm lịch hay ngày rằm) do mặt trời và mặt trăng tạo ra, mà nó vốn là sự tương cảm giữa tinh (tức Âm và Dương) của mặt trời và mặt trăng.»[19]

Ở đây chúng ta thấy sự luận bàn thiên văn và địa lý của Hoành Cừ rằng: Sở dĩ một năm có cái nóng là vì Dương (tức mặt trời) đi xuống, còn trái đất thì đi lên. Mặt của trái đất có nhiều khí Dương, nên nóng. Một năm có cái lạnh là vì Dương (tức mặt trời) đi lên, còn trái đất thì đi xuống. Mặt của trái đất có ít khí Dương, nên lạnh. Một năm có sự lên xuống như thế. Một ngày cũng có sự lên xuống như thế, tạo ra thuỷ triều. Trái đất đi lên thì thuỷ triều xuống; trái đất đi xuống thì thuỷ triều lên.

Hoành Cừ lại nói: «Âm tính ngưng tụ; Dương tính phát tán. Âm tụ lại thì Dương ắt tán nó ra, để cho thế của Âm Dương sẽ quân bình. Khi Dương tán ra bị Âm giữ lấy, thì chúng bám nhau tạo ra mưa xuống. Khi Âm bị Dương tóm lấy, thì chúng bồng bềnh thành mây bay lên. Cho nên mây tản mác ra Thái Hư, mà Âm bị gió thổi, nên nó thu liễm, tụ lại mà chưa tán ra. Hễ Âm khí ngưng tụ, thì Dương ở bên trong không xuất ra được, bèn cố kích động mà tạo ra sấm sét. Dương ở bên ngoài không

---

18 ***Chính Mông*: «Địa thuần Âm, ngưng tụ ư trung; thiên phù Dương, vận tuyền ư ngoại; thử thiên địa chi thường thể dã. Hằng tinh bất động, thuần hệ hồ thiên, dữ phù Dương vận tuyền nhi bất cùng giả dã. Nhật nguyệt ngũ tinh, nghịch thiên nhi hành, tịnh bao hồ địa giả dã.»** 地純陰，凝聚於中；天浮陽，運旋於外；此天地之常體也．恆星不動，純繫乎天，與浮陽運旋而不窮者也．日月五星逆天而行，并包乎天地者也．

19 ***Chính Mông*: «Địa hữu thăng giáng, nhật hữu tu đoản. Địa tuy ngưng tụ bất tán chi vật, nhiên nhị khí thăng giáng kỳ gian, tương tòng nhi bất dĩ dã. Dương nhật thướng, địa nhật giáng nhi hạ giả, hư dã; Dương nhật giáng, địa nhật tiến nhi thướng giả, doanh dã; thử nhất tuế hàn thử chi hậu dã. Chí ư nhất trú dạ chi doanh hư, thăng giáng, tắc dĩ hải thuỷ triều tịch nghiệm chi vi tín; nhiên gian hữu tiểu đại chi sai, tắc hệ nhật nguyệt sóc vọng, kỳ tinh tương cảm.»** 地有升降，日有修短．地雖凝聚不散之物，然二氣升降其間，相從而不已也．陽日上，地日降而下者，虛也；陽日降，地日進而上者，盈也；此一歲寒暑之候也．至於一晝夜之盈虛，升降，則以海水潮汐驗之爲信；然間有小大之差，則繫日月朔望，其精相感．

nhập vào trong được, bèn xoay chuyển vòng vòng không ngớt tạo ra gió. Sự tụ lại của Âm có xa và gần, có hư và thực, cho nên sấm gió có nhỏ và lớn, có mạnh bạo và hoà hoãn. Hễ hoà mà tán, thì tạo thành sương, tuyết, mưa, móc. Hễ không hoà mà tán, thì tạo thành khí dữ, gió thổi bụi mù. Âm thường tán ra và hoà hoãn, nhận lấy Dương và giao cảm với Dương, thì mưa gió điều hoà, lạnh nóng đúng mùa.»[20]

Hoành Cừ cũng có một vài khái niệm về vật lý học: «Âm thanh là do hình và khí áp đảo nhau mà thành. Hai khí tương tác, tạo ra âm thanh giống như thứ tiếng dội hay tiếng sấm. Hai hình tương tác, tạo ra âm thanh giống như thứ tiếng dùi trống đập vào mặt trống. Hình áp đảo khí, tạo ra âm thanh giống như thứ tiếng quạt lông phần phật hay tiếng tên bay vèo vèo. Khí áp đảo hình, tạo ra âm thanh giống như thứ tiếng nói con người hay tiếng tiêu tiếng sáo. Đó đều là khả năng tốt lành của mọi vật. Con người đã quen với chúng nên không chú ý xem xét chúng.»[21]

Hoành Cừ cũng có một vài khái niệm về sinh vật học: «Động vật có gốc từ trời, chúng do khí hô hấp mà dần dần tụ và tán. Thực vật có gốc từ đất, chúng do Âm Dương lên xuống mà dần dần tụ và tán. Khi vật mới sinh ra, khí nhập vào nó và dừng trong nó. Khi sự sống của vật đã tràn đầy, thì khí ngày càng trở ra và tản đi. Khi khí nhập vào vật thì gọi là thần 神, bởi vì khí duỗi ra. Khi khí trở ra thì gọi là quỷ 鬼, bởi vì khí quay về nguồn

---

[20] **_Chính Mông_: «Âm tính ngưng tụ; Dương tính phát tán. Âm tụ chi, Dương tất tán chi, kỳ thế quân. Tán Dương vi Âm luỵ, tắc tương trì vi vũ nhi giáng; Âm vi Dương đắc, tắc phiêu dương vi vân nhi thăng. Cố vân vật ban bố Thái Hư giả, Âm vi phong khu, liễm tụ nhi vị tán giả dã. Phàm Âm khí ngưng tụ, Dương tại nội giả bất đắc xuất, tắc phấn kích nhi vi lôi đình; Dương tại ngoại giả bất đắc nhập, tắc chu tuyền bất xả nhi vi phong. Kỳ tụ hữu viễn cận hư thực, cố lôi phong hữu tiểu đại bạo hoãn. Hoà nhi tán, tắc vi sương tuyết vũ lộ; bất hoà nhi tán, tắc vi lệ khí ế mai. Âm thường tán hoãn, thụ giao ư Dương, tắc phong vũ điều, hàn thử chính.»** 陰性凝聚；陽性發散. 陰聚之，陽必散之，其勢均. 散陽爲陰累，則相持爲雨而降；陰爲陽得，則飄揚爲雲而升. 故雲物班布太虛者，陰爲風驅，斂聚而未散者也. 凡陰氣凝聚，陽在内者不得出，則奮擊而爲雷霆；陽在外者不得入，則周旋不舍而爲風. 其聚有遠近虛實，故雷風有小大暴緩，和而散，則爲霜雪雨露；不和而散，則爲戾氣曀霾. 陰常散緩，受交於陽，則風雨調，寒暑正.

[21] **_Chính Mông_: «Thanh giả hình khí tương _yết_ (1) nhi thành. Lưỡng khí giả, cốc hưởng lôi thanh chi loại. Lưỡng hình giả, phù cổ khấu kích chi loại. Hình yết khí, vũ phiến _xao_ (2) thỉ chi loại. Khí yết hình nhân thanh sinh hoàng chi loại. Thị giai vật cảm chi lương năng, nhân giai tập chi nhi bất sát giả nhĩ.»** 聲者形氣相軋而成. 兩氣者，谷響雷聲之類. 兩形者，桴鼓叩擊之類. 形軋氣，羽扇敲矢之類. 氣軋形人聲笙簧之類. 是皆物感之良能，人皆習之而不察者爾. **– LAM chú: (1) _Từ Hải_ phiên thiết chữ 軋 là «ất kiết thiết, âm yết» 乙戛切音 揠, như vậy đọc là _yết_, nhưng thông thường chữ này vẫn bị đọc nhầm là _loát_ thí dụ như từ _khuynh loát_ 傾軋 (lẽ ra đọc là _khuynh yết_), mà từ điển _Mathews_ giảng: to subvert another from envy or jealousy (lật đổ, phá hoại ai do ganh tị hoặc ghen tuông). (2) Chữ _xao_ 敲 nên viết là _hao_ 嚆. _Hao thỉ_ 嚆矢 là tiếng tên bay vèo vèo, nghĩa bóng là dấu hiệu (hay điềm) báo trước.**

gốc.»[22]

Hoành Cừ lại nói: «Loài có hơi thở thì bắt nguồn từ trời; loài không có hơi thở thì bắt nguồn từ đất. Loài bắt nguồn từ trời thì không bị hạn chế ở tác dụng; loài bắt nguồn từ đất thì bị hạn chế ở nơi chốn. Đó là sự phân biệt giữa động vật và thực vật.»[23]

e. Lý thuyết về Tính

Hoành Cừ nói: «Người có hơi thở. Hơi thở là sự thể hiện của cứng và mềm chà xát nhau, của Càn và Khôn đóng mở. Khi ta thức tỉnh, thì *hình* 形 khai mở và *chí* 志 giao tiếp với bên ngoài; khi ta nằm mộng, thì *hình* 形 đóng lại và *khí* 氣 chuyên hoạt động ở bên trong. Cho nên khi thức tỉnh thì ta biết được cái mới mẻ đối với tai và mắt; khi ta nằm mộng thì ta bám theo những cái cũ ở trong cái tâm đã bị tập nhiễm lâu ngày.»[24]

Hoành Cừ lại nói: «Do Thái Hư mà có tên gọi là Trời (*Thiên* 天). Do sự biến hoá của khí mà có tên gọi là *Đạo* 道. Hợp Thái Hư với khí, thì có tên gọi là *tính* 性. Hợp tính với tri giác, thì có tên gọi là *tâm* 心.»[25]

Hoành Cừ lại nói: «Có hình rồi sau mới có cái tính của khí chất. Lấy điều thiện để quay về nó thì bản tính của trời đất còn giữ được. Cho nên cái

---

22 ***Chính Mông*****: «Động vật bản chư thiên, dĩ hô hấp vi tụ tán chi tiệm. Thực vật bản chư địa, dĩ Âm Dương thăng giáng vi tụ tán chi tiệm. Vật chi sơ sinh, khí dĩ chí nhi tư tức; vật sinh ký doanh, khí nhật phản nhi du tán. Chí chi vị thần, dĩ kỳ thân dã; phản chi vi quỷ, dĩ kỳ quy dã.»** 動物本諸天, 以呼吸爲聚散之漸. 植物本諸地, 以陰陽升降爲聚散之漸. 物之初生, 氣已至而滋息; 物生既盈, 氣日反而游散. 至之謂神, 以其伸也; 反之爲鬼, 以其歸也.

23 ***Chính Mông*****: «Hữu tức giả căn ư thiên, bất tức giả căn ư địa. Căn ư thiên giả bất trệ ư dụng, căn ư địa giả trệ ư phương. Thử động thực chi phân dã.»** 有息者根於天, 不息者根於地. 根於天者不滯於用, 根於地者滯於方. 暑動植之分也.

24 ***Chính Mông*****: «Nhân chi hữu tức, cái cương nhu tương ma, Càn Khôn hạp tịch chi tượng dã. Ngụ hình khai nhi chí giao chư ngoại dã; mộng hình bế nhi khí chuyên hồ nội dã. Ngụ sở dĩ tri tân ư nhĩ mục, mộng sở dĩ duyên cựu ư tập tâm.»** 人之有息, 蓋剛柔相摩, 乾坤闔闢之象也. 寤形開而志交諸外也; 夢形閉而氣專乎內也. 寤所以知新於耳目, 夢所以緣舊於習心.

25 ***Chính Mông*****: «Do Thái Hư, hữu thiên chi danh. Do khí hoá, hữu đạo chi danh. Hợp hư dữ khí, hữu tính chi danh. Hợp tính dữ tri giác, hữu tâm chi danh.»** 由太虛, 有天之名. 由氣化有道之名. 合虛與氣, 有性之名. 合性與知覺, 有心之名.

tính của khí chất là cái mà bậc quân tử không nhận là bản tính của mình.»[26]

Chu Hi bình đoạn văn trên rằng: «Thuyết về khí chất phát khởi từ Trương Tái và Nhị Trình, rất có công đối với cửa thánh, có sự hoàn bị cho kẻ hậu học. Trước Trương Tái và Nhị Trình chưa từng có ai nói đến khí chất. Cho nên khi thuyết này thành lập, thì thuyết của các triết gia khác bị vất bỏ.» (Khí chất chi thuyết, khởi ư Trương Trình, cực hữu công ư thánh môn, hữu bị ư hậu học. Tiền thử vị tằng hữu nhân thuyết đáo. Cố Trương Trình chi thuyết lập, tắc chư tử chi thuyết mẫn hĩ. 氣質之說起於張程, 極有功於聖門, 有被於後學. 前此未曾有人說到. 故張程之說立, 則諸子之說泯矣).

Vũ trụ luận của Chu Hi có khái niệm Lý và Khí. Cho nên trong tâm lý học và luân lý học của Chu Hi có hai loại tính: tính của trời đất (thiên địa chi tính) và tính của khí chất (khí chất chi tính). Vì thế Chu Hi nói: «Bàn về tính của trời đất tức là chuyên nói đến Lý; bàn về tính của khí chất tức là nói đến sự hỗn tạp giữa Lý và Khí.» (Luận thiên địa chi tính tắc chuyên chỉ Lý nhi ngôn; luận khí chất chi tính tắc dĩ Lý dữ Khí tạp nhi ngôn chi. 論天地之性則專指理而言;論氣質之性則以理與氣雜而言之).

Đối với Lý, Hoành Cừ chưa từng nói nhiều, mà chỉ nói: «Hợp Thái Hư với khí, thì có tên gọi là *tính*.» Ông còn nói rằng: «Thái Hư thì vô hình, nó là bản thể của khí.» Như vậy cái gọi là «hợp Thái Hư với khí» lẽ nào chẳng phải là «hợp khí với khí» hay sao? Hoành Cừ nói: «Cái bản tính thuộc về Trời thì thông suốt với Đạo. Sự hôn ám hay sáng sủa của khí không đủ để dứt tận bản tính ấy.»[27]

Hoành Cừ đã nói rằng: «Do Thái Hư mà có tên gọi là Trời (*Thiên* 天).» Như vậy Trời tức là Thái Hư. Thái Hư vốn là bản thể của khí, thế thì tại sao có thể nói bên ngoài khí lại có trời? Vũ trụ luận này của Hoành Cừ chính là nhất nguyên luận (monism) vậy. Tuy nhiên khi nói về tính, Hoành Cừ lại sơ ý chuyển sang nhị nguyên luận (dualism). Do đó, tuy thuyết về *tính của khí chất* của ông được các Đạo học gia về sau chấp nhận và sử dụng; nhưng do điểm đã nêu trên, trong hệ thống triết học của Hoành Cừ thuyết này khó có thể dung hoà với các phương diện khác của hệ thống.

---

[26] ***Chính Mông***: **«Hình nhi hậu hữu khí chất chi tính, thiện phản chi tắc thiên địa chi tính tồn yên. Cố khí chất chi tính, quân tử hữu phất tính giả yên.»** 形而後有氣質之性, 善反之則天地之性存焉. 故氣質之性, 君子有弗性者焉.

[27] ***Chính Mông***: **«Thiên sở tính giả thông cực ư Đạo, khí chi hôn minh bất túc dĩ tận chi.»** 天所性者通極於道, 氣之昏明, 不足以盡之.

Tuy nhiên, lấy một bộ phận khác trong hệ thống mà bàn luận, thì Hoành Cừ có thể duy trì thuyết này, vì nó không xung đột với các phương diện khác của hệ thống. Ông nói: «Hễ có hình trạng, đều là hữu thể. Hễ là hữu thể, đều là tượng. Hễ là tượng, đều là khí. Tính của khí vốn hư và thần, vậy thì thần và tính đều là cái cố hữu của khí.»[28]

Theo trên, khí cũng có tính của nó. Khí tụ thì thành người. Người cũng có được một phần của cái tính ấy. Hoành Cừ nói: «Thiên tính 天性 ở người giống y như tính của nước ở băng; đóng băng hay tan ra tuy khác nhau, nhưng chỉ có một vật.»[29]

Thiên tính tức là tính của khí. Hoành Cừ nói: «Lương năng 良能 (khả năng tốt lành) của Trời, về cơ bản, cũng là lương năng của chúng ta; nhưng chúng ta đã đánh mất nó.»[30]

Hoành Cừ lại nói: «Lặng lẽ và duy nhất là cái gốc của khí; công và thủ là cái dục của khí. Miệng và bụng đối với ẩm thực, mũi và lưỡi đối với mùi vị, đều là cái tính công và thủ. Người hiểu đức thì chỉ cần đủ no tấm thân mà thôi; chẳng để ham muốn và sở thích làm luỵ tâm của mình; chẳng lấy cái nhỏ làm hại cái lớn và chưa từng đánh mất cái gốc của mình vậy.»[31]

Khí tụ thì thành một cá nhân cụ thể. Khi người ấy xem tự thân mình là bản ngã, còn ngoài ra chẳng phải là bản ngã. Như thế, hắn tách ly khỏi toàn thể của khí hoặc Trời, và chuyên bám lấy cái nhu cầu cá nhân. Hoành Cừ gọi đó là sự công và thủ của tính, cũng là tính của khí chất. Nếu Hoành Cừ xem sự công và thủ của tính là cái tính của khí chất, thì có lẽ điều ấy không xung đột với các phương diện khác trong hệ thống triết học của ông. Tuy nhiên, Hoành Cừ không hề giải thích vì sao khi khí tụ lại thành vật thì vật không có cái tính của khí giống như ở người.

---

[28] ***Chính Mông*: «Phàm khả trạng, giai hữu dã. Phàm hữu, giai tượng dã. Phàm tượng, giai khí dã. Khí chi tính bản hư nhi thần, tắc thần dữ tính nãi khí sở cố hữu.»** 凡可狀,皆有也.凡有,皆象也.凡象,皆氣也.氣之性本虛而神,則神與性乃氣所固有.

[29] ***Chính Mông*: «Thiên tính tại nhân, chính do thuỷ tính chi tại băng, ngưng thích tuy dị, vi vật nhất dã»** 天性在人,正猶水性之在冰,凝釋雖異,爲物一也.

[30] ***Chính Mông*: «Thiên lương năng bản ngô lương năng, cố vi hữu ngã sở táng nhĩ.»** 天良能本吾良能,故爲有我所喪耳.

[31] ***Chính Mông*: «Trạm nhất khí chi bản; công thủ khí chi dục. Khẩu phúc ư ẩm thực, tỵ thiệt ư xú vị, giai công thủ chi tính dã. Tri đức giả thuộc yếm nhi dĩ, bất dĩ thị dục luỵ kỳ tâm, bất dĩ tiểu hại đại, vị táng bản yên nhĩ.»** 湛一氣之本;攻取氣之欲.口腹於飲食,鼻舌於臭味,皆攻取之性也.知德者屬厭而已,不以嗜欲累其心,不以小害大,未喪本焉耳.

f. Thiên nhân hợp nhất

Vấn đề tính của khí chất mà Hoành Cừ nêu ra vẫn còn là vấn đề tranh luận. Tuy nhiên trong luân lý học hay trong phương pháp tu dưỡng, ông rất chú trọng việc loại bỏ ranh giới giữa ngã và phi ngã, để cho cá thể và vũ trụ hợp nhất. Hoành Cừ nói: «Mở rộng tâm mình thì xem vật trong thiên hạ là một thể với mình. Nếu chưa là một thể với vật, thì tâm mình có cái ở bên ngoài. Tâm của người đời chỉ hạn hẹp ở kiến văn (tức cái mắt thấy tai nghe). Còn thánh nhân thấu triệt bản tính, không để cho kiến văn gông cùm tâm mình. Thánh nhân nhìn thiên hạ, thấy vật nào cũng là mình. Mạnh Tử nói tận tâm thì biết bản tính và biết Trời, là thế đó. Trời lớn nên chẳng có gì ở bên ngoài Trời, cho nên hễ có cái tâm bên ngoài vạn vật, thì tâm đó không đủ để hợp với thiên tâm. Cái hiểu biết do kiến văn là do giao tiếp với vật mà biết. Nó không phải là sự hiểu biết do đức tính. Sự hiểu biết do đức tính không bắt nguồn từ kiến văn.»[32]

Xem cái ngã của cá thể là ngã, ngoài ra là phi ngã, tức là lấy kiến văn mà gông cùm tâm mình. Thánh nhân phá vỡ cái gông cùm ấy, nên xem vật trong thiên hạ với mình là một thể, tức là phá vỡ ranh giới giữa ngã và phi ngã, cũng tức là xem vũ trụ là đại ngã. Trời rộng lớn, bao trùm cả thảy, không có thứ gì nằm bên ngoài Trời. Nếu ta tu dưỡng đạt được cảnh giới ấy tức là ta hợp nhất với Trời.

Hoành Cừ nói: «Tính là nguồn duy nhất của vạn vật, và chẳng phải là cái sở hữu riêng tư của ta. Chỉ có bậc đại nhân mới có thể thấu triệt được đạo ấy. Cho nên các ngài hễ tạo lập thì cùng tạo lập với tất cả, hễ biết thì biết tất cả, hễ yêu thì yêu khắp tất cả, hễ thành tựu thì không thành tựu cho riêng mình. Kẻ nào tự che lấp mình, thì không biết thuận với nguyên lý của ta, và rốt cuộc sẽ không làm được gì.»[33]

---

[32] ***Chính Mông*: «Đại kỳ tâm tắc năng thể thiên hạ chi vật. Vật hữu vị thể, tắc tâm vi hữu ngoại. Thế nhân chi tâm, chỉ ư văn kiến chi hiệp. Thánh nhân tận tính, bất dĩ kiến văn cốc kỳ tâm. Kỳ thị thiên hạ, vô nhất vật phi ngã. Mạnh Tử vị tận tâm tắc tri tính tri thiên dĩ thử. Thiên đại vô ngoại, cố hữu ngoại chi tâm, bất túc dĩ hợp thiên tâm. Kiến văn chi tri, nãi vật giao nhi tri, phi đức tính sở tri. Đức tính sở tri, bất manh ư kiến văn.»** 大其心則能體天下之物，物有未體，則心爲有外．世人之心，止於聞見之狹．聖人盡性，不以見聞梏其心．其視天下無一物非我．孟子謂盡心則知性知天以此．天大無外，故有外之心，不足以合天心．見聞之知，乃物交知，非德性所知．德性所知，不萌於見聞．

[33] ***Chính Mông*: «Tính giả, vạn vật chi nhất nguyên, phi hữu ngã chi đắc tư dã. Duy đại nhân vi năng tận kỳ đạo. Thị cố lập tất câu lập, tri tất chu tri, ái tất kiêm ái, thành bất độc thành. Bỉ tự tế tắc nhi bất tri thuận ngô lý giả, tắc diệc mạt như chi hà hĩ.»** 性者，萬物之一源，非有我之得私也．惟大人爲能盡其道．是故立必俱立，知必周知，愛必兼愛，成不獨成．彼自蔽則而不知順吾理者，則亦末如之何矣．

Đó chính là lấy công phu «sự nghiệp yêu thương» 愛之事業 (*work of love*, từ của Schopenhauer dùng) để phá nát sự che lấp của bản ngã, ngõ hầu đạt tới cảnh giới hợp nhất với vạn vật. Quả thực, Trương Hoành Cừ đã phát triển khuynh hướng của chủ nghĩa thần bí trong triết học của Mạnh Tử rồi vậy.

Về phương diện tri thức mà nói, sau khi đạt tới cảnh giới này, cái tri thức của con người mới thực là *chân tri* 眞知, không phải là cái tri thức bị hạn hẹp ở kiến văn, không phải là cái tri thức do giao tiếp ngoại vật mà có. Hoành Cừ nói: «Cái biết do chân thành và minh triết là cái biết lương thiện và đạo đức của Trời, chẳng phải là cái biết nhỏ nhặt do kiến văn.»[34]

Về *thành minh* 誠明 (chân thành và minh triết), Hoành Cừ nói: «Tác dụng khác nhau giữa Trời và người không đủ gọi là chân thành. Hiểu biết khác nhau giữa Trời với người không đủ gọi là minh triết. Cái gọi là chân thành và minh triết là giữa tính và thiên đạo không có sự sai biệt lớn nhỏ nào.»[35]

Do đấy mà xét, *thành* (chân thành) tức là cảnh giới Trời với người hợp nhất; *minh* (minh triết) tức là tri thức ta có được khi đạt tới cảnh giới đó. Nó là chân tri, chứ không phải là thứ tri thức nhỏ nhặt do kiến văn mà có.

Trong *Chính Mông* có một đoạn văn mà về sau hậu Nho gọi là *Tây Minh* 西銘: «Càn (trời) là cha, Khôn (đất) là mẹ; tấm thân nhỏ nhoi của ta tương hợp với trời đất mà đứng ở giữa. Cho nên cái khí lấp đầy trời đất là thân thể của ta. Cái thống lĩnh trời đất là bản tính của ta. Người dân là đồng bào của ta. Vạn vật là bè bạn của ta. Nhà vua là con cả của cha mẹ ta (tức trời đất). Quan đại thần là người quản lý việc nhà của con cả. Hãy tôn trọng bậc trưởng thượng, vì họ là bậc trưởng thượng [của trời đất] đáng cho mình tôn trọng; hãy thương xót trẻ mồ côi yếu đuối, vì chúng là trẻ thơ ấu [của trời đất] đáng cho mình thương. Thánh nhân hợp nhất với đức [của trời đất]; hiền nhân là bậc ưu tú [của trời đất]. Trong thiên hạ những kẻ già yếu, tàn tật, không anh em, già không con, già không vợ, già không chồng, đều là anh em của ta; họ chật vật khốn khổ mà không biết than thở cùng ai. [Kẻ khá giả] tuỳ thời mà bảo bọc những kẻ đáng thương ấy, đó là thể hiện lòng tôn kính [cha trời mẹ đất]; [kẻ khốn đốn] vui với mệnh trời, không lo buồn tủi phận, đó là thể hiện lòng

[34] ***Chính Mông*: «Thành minh sở tri, nãi thiên đức lương tri, phi văn kiến tiểu tri nhi dĩ.»** 誠明所知,乃天德良知,非聞見小知而已.

[35] ***Chính Mông*: «Thiên nhân dị dụng, bất túc dĩ ngôn thành. Thiên nhân dị tri, bất túc dĩ tận minh. Sở vị thành minh giả, tính dữ thiên đạo, bất kiến hồ tiểu đại chi biệt dã.»** 天人異用,不足以言誠.天人異知,不足以盡明.所謂誠明者,性與天道,不見乎小大之别也

chí hiếu với [cha trời mẹ đất]. Làm trái lệnh cha mẹ là phẩm hạnh của đứa con ngỗ nghịch. Kẻ làm hại điều nhân gọi là tặc. Kẻ gây ác là hạng bất tài. Ai giữ được nguyên hình sắc như thuở ban đầu mới là giống hệt cha trời mẹ đất. Ai hiểu được sự biến hoá của sự vật tức là nối được sự nghiệp của cha trời; ai nghiên cứu đến tận cùng cái thần diệu của sự vật, là nối được chí lớn của cha trời. Cẩn thận khi ở một mình, dù ở chỗ khuất vắng mà không làm điều hổ thẹn với lương tâm, đó là một hiếu tử không làm nhục cha trời. Luôn gìn giữ tâm và nuôi dưỡng tính, đó là hiếu tử không biếng lười của cha trời. Ghét rượu [vì rượu làm loạn tâm tính], đó là sự quan tâm ông Vũ đến công lao dưỡng dục của cha trời mẹ đất. Nuôi dưỡng anh tài là ban ân đức cho đồng loại [thể hiện đạo hiếu] của Dĩnh Khảo Thúc [đối với cha trời mẹ đất]. Tận tâm chí hiếu để cha mẹ vui lòng, đó là công của vua Thuấn. Không chạy trốn [số mệnh] mà chỉ đợi bị giết, đó là Thân Sinh cung kính [thiên mệnh] vậy. Giữ gìn toàn vẹn thân thể do cha mẹ sinh ra cho đến lúc chết, đó là Tăng Sâm. Một mực vâng lời cha, đó là Bá Kỳ. [Cha trời mẹ đất cho ta] phú quý hạnh phúc, là làm dầy dặn cuộc sống của ta; cho ta nghèo hèn lo buồn, tức là cho ngọc quý để ta mài giũa vậy. Khi còn sống, ta cứ thuận theo Trời mà hành sự; khi ta chết, ta cảm thấy thanh thản an bình.»[36]

Bài *Tây Minh* nói rõ thái độ của Hoành Cừ đối với vũ trụ và vạn vật trong vũ trụ. Thể của chúng ta tức là thể của vũ trụ; tính của chúng ta tức là tính của vũ trụ. Chúng ta phải xem vũ trụ là cha mẹ, cũng phải phụng sự vũ trụ như phụng sự cha mẹ, phải xem mọi người trong thiên hạ đều là anh em của mình, phải xem vạn vật trong thiên hạ đều là đồng

---

[36] **_Chính Mông_: «Càn xưng phụ, Khôn xưng mẫu; dư tư miểu yên, nãi hỗn nhiên trung xử.[1] Cố _thiên địa chi tắc_,[2] ngô kỳ thể; thiên địa chi soái, ngô kỳ tính; dân ngô _đồng bào_;[3] vật ngô _dữ_[4] dã. Đại quân giả, ngô phụ mẫu _tông tử_;[5] kỳ đại thần, tông tử chi gia tướng dã. Tôn cao niên sở dĩ trưởng kỳ trưởng, từ cô nhược sở dĩ ấu kỳ ấu, thánh kỳ hợp đức, hiền kỳ tú dã. Phàm thiên hạ _bì lung_[6] tàn tật, _quỳnh độc quan quả_,[7] giai ngô huynh đệ chi _điên liên nhi vô cáo_[8] giả dã. Ư thời bảo chi, tử chi _dực_[9] dã, lạc thả bất ưu, thuần hồ hiếu giả dã. _Vi viết bội đức_,[10] _hại nhân viết tặc_,[11] _tế_[12] ác giả bất tài, _kỳ tiễn hình, duy tiếu giả dã_.[13] Tri hoá tắc _thiện thuật_ kỳ sự, cùng thần tắc _thiện kế_ kỳ chí.[14] Bất _quý ốc lậu_ vi vô _thiểm_, tồn tâm dưỡng tính vi _phỉ giải_.[15] _Ố chỉ tửu, Sùng Bá_ tử chi _cố dưỡng_;[16] dục anh tài, Dĩnh Phong Nhân chi tích loại.[17] Bất thỉ lao nhi để dự, Thuấn kỳ công dã.[18] Vô sở đào nhi đãi phanh, Thân Sinh kỳ cung dã.[19] Thể kỳ thụ nhi quy toàn giả, Sâm hồ;[20] dũng ư tòng nhi thuận lệnh giả, Bá Kỳ dã.[21] Phú quý phúc trạch, tương hậu ngô chi sinh dã; _bần tiện ưu thích, dung ngọc nhữ ư thành dã_.[22] Tồn ngô thuận sự, một ngô ninh dã.»** 乾稱父，坤稱母；予玆藐焉，乃混然中處. 故天地之塞，吾其體；天地之帥吾其性，民吾同胞；物吾與也. 大君者，吾父母宗子；其大臣，宗子之家相也. 尊高年所以長其長，慈孤弱所以幼其幼，聖其合德，賢其秀也. 凡天下疲癃殘疾，惸獨鰥寡，皆吾兄弟之顚連而無告者也. 於時保之，子之翼也，樂且不憂，純乎孝者也. 違曰悖德，害仁曰賊，濟惡者不才，其踐形，惟肖者也. 知化則善述其事，窮神則善繼其志. 不愧屋漏爲無忝，存心養性爲匪懈. 惡旨酒，崇伯子之顧

養;育英才,潁封人之錫類.不弛勞而底豫,舜其功也.無所逃而待烹,申生其恭也.體其受而歸全者,參乎;勇於從而順令者,伯奇也.富貴福澤,將厚吾之生也;貧賤憂戚,庸玉女於成也.存吾順事,没吾寧也.– LAM chú: Bài này vốn là đoạn văn đầu của thiên Càn Xứng 乾稱 trong *Chính Mông*. Trương Tái chép đoạn đầu thiên này vào vách tường phía tây nơi thư phòng (ông đặt tên là *Đính Ngoan* 訂頑); rồi chép đoạn cuối thiên này vào vách tường phía đông (ông đặt tên là *Biếm Ngu* 砭愚). Trình Di thấy thế, đổi *Đính Ngoan* thành *Tây Minh*, và đổi *Biếm Ngu* thành *Đông Minh*. Về sau, Chu Hi tách bài *Tây Minh* này ra thành một bài độc lập và chú giải nó. Bài *Tây Minh* của Trương Tái và *Thái Cực Đồ Thuyết* của Chu Liêm Khê là hai áng văn bất hủ của Tống Nho. Vì lẽ đó, tôi chú giải kỹ các từ ngữ như sau: (1) *«Càn vi phụ, [...] nãi hỗn nhiên trung xử»* tóm tắt toàn nội dung của bài này. Ý tưởng «Càn là cha, Khôn là mẹ» phát xuất từ *Thuyết Quái*. Chu Hi chú: «Con người phú bẩm khí từ trời, được ban hình thể từ đất. Cái thân thể nhỏ bé của ta đứng trong đó, chính là đạo làm con vậy.» (Nhân bẩm khí ư thiên, phú hình ư địa, dĩ miểu nhiên chi thân nhi vị hồ trung, tử đạo dã. 人稟氣於天.賦形於地.以藐然之身而位乎中.子道也). *Hỗn nhiên trung xử* = ý nói tương hợp với trời đất mà đứng ở giữa trời đất. (2) *Thiên địa chi tắc* = cái lấp đầy trời đất, tức là khí. Khí tụ thì sinh người và vật. *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu, thượng) nói đó là khí hạo nhiên, lấp đầy trời đất: «Kỳ vi khí dã, chí đại chí cương, dĩ trực dưỡng nhi vô hại, tắc tắc ư thiên địa chi gian.» 其爲氣也,至大至剛,以直養而無害,則塞於天地之間(Đó là khí; khí ấy rất lớn rất cứng, nuôi dưỡng khí thì vô hại, nên khí ấy lấp đầy trời đất). (3) *Đồng bào* 同胞 = cùng một ruột của mẹ sinh ra. Thí dụ anh em ruột gọi là *bào huynh, bào đệ*. Anh em cùng cha khác mẹ thì gọi là anh em *dị bào*. Câu *«dân ngô đồng bào»* ý nói dân là anh em của ta, cùng một mẹ sinh ra. Cũng từ ý này mà người lãnh đạo quốc gia gọi dân chúng là đồng bào, và dân chúng thường xem nhau là *tứ hải giai huynh đệ* (người trong bốn biển đều là anh em). (4) *Dữ* 與 = bạn bè (*đảng dữ* 黨與, *đồng bạn* 同伴). (5) *Tông tử* 宗子 = con trai cả (đích trưởng tử 嫡長子) có quyền thừa kế. (6) *Bì lung* 疲癃 = già yếu nhiều bệnh (*lão suy đa bệnh* 老衰多病). (7) *Quỳnh* 惸 = người trơ trọi không anh em; *độc* 獨 = già không con; *quan* 鰥 = già không vợ; *quả* 寡 = già không chồng. *Mạnh Tử* (Lương Huệ Vương, hạ) chép: «Lão nhi vô thê viết quan, lão nhi vô phu viết quả, lão nhi vô tử viết độc, ấu nhi vô phụ viết cô. Thử tứ giả, thiên hạ chi cùng dân nhi vô cáo giả.» 老而無妻曰鰥,老而無夫曰寡,老而無子曰獨,幼而無父曰孤.此四者.天下之窮民而無告也 (Già không vợ gọi là *quan*, già không chồng gọi là *quả*, già không con gọi là *độc*, nhỏ không cha gọi là *cô*. Bốn hạng này là những dân cùng khổ trong thiên hạ, có khổ cũng không biết kể lể với ai). (8) *Điên liên nhi vô cáo* 顚連而無告 = chật vật khốn khổ không biết kể lể than thở với ai. (9) *Dực* 翼 = cung kính. Chu Hi chú: «Uý thiên dĩ tự bảo giả, do kỳ kính thân chi chí dã; lạc thiên nhi bất ưu giả, do kỳ ái thân chi chí dã.» 畏天以自保者猶其敬親之至也;樂天而不憂者猶其愛親之至也 (Sợ trời mà tự bảo vệ mình, giống như mình tôn kính cha mẹ rất mực; vui với mệnh trời mà chẳng lo buồn, giống như mình yêu cha mẹ rất mực vậy). (10) *Vi* 違 = làm trái [lệnh cha mẹ]; *bội* 悖 = ngỗ nghịch. *Vi viết bội đức* 違曰悖德 = làm trái lệnh cha mẹ là phẩm hạnh của đứa con ngỗ nghịch. (11) *Hại nhân viết tặc* = kẻ hại điều nhân thì gọi là tặc. *Mạnh Tử* (Lương Huệ Vương, hạ): «Tặc nhân giả vị chi tặc, tặc nghĩa giả vị chi tàn.» 賊仁者謂之賊,賊義者謂之殘(Kẻ làm hại điều nhân thì gọi là tặc; kẻ làm hại điều nghĩa thì gọi là tàn). (12) *Tế* 濟 = tạo thành (*thành* 成). *Tế ác giả bất tài* = kẻ gây ác là hạng bất tài. (13) *Tiễn hình* 踐形 = giữ được nguyên hình sắc như thuở ban đầu. *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Hình sắc, thiên tính dã. Duy thánh nhân nhiên hậu khả dĩ tiễn hình.» 形色.天性也.惟聖人然後可以踐形(Hình sắc của con người là thiên tính. Chỉ có thánh nhân mới có thể giữ được nguyên hình sắc như thuở ban đầu). Ý nói phàm phu bị vật dục che lấp nên không còn giữ nguyên hình sắc thuở sơ sinh. *Tiếu* 肖 = giống hệt (ở đây là giống hệt cha mẹ). *Kỳ tiễn hình, duy tiếu giả dã* = ai giữ được nguyên hình sắc như thuở ban đầu mới là giống hệt cha trời mẹ đất. (14) *Cùng thần* và *tri hoá* lấy từ Hệ Từ Hạ: «Cùng thần tri hoá, đức chi thịnh dã.» 窮神知化,德之盛也(Hễ

loại với mình, cũng phải đối đãi với vạn vật như đối đãi với đồng loại của mình.

Về sau, một đệ tử của Trình Tử chê rằng chủ trương của Hoành Cừ trong bài *Tây Minh* không khác gì thuyết kiêm ái của Mặc Tử. Trình Tử phản bác rằng chủ trương trong *Tây Minh* là: «Lý tuy chỉ có một, nhưng phân ra thì khác biệt; cho nên chủ trương của Hoành Cừ khác với thuyết kiêm ái của Mặc Tử.» (Lý nhất phân thù, cố dữ Mặc Tử kiêm ái chi thuyết bất đồng 理一分殊,故與墨子兼愛之說不同).

Chu Hi nói thêm rằng: «Khi xem Càn là cha, Khôn là mẹ, và điều này áp dụng cho tất cả các loài có sự sống, thì đó là ý của câu "Lý là một". Nhưng trong loài người và loài động vật có huyết mạch, mỗi thứ xem cha

---

nghiên cứu đến tận cùng cái thần diệu của sự vật, ta hiểu được sự biến hoá của chúng; đó là thịnh đức). *Thiện thuật* và *thiện kế* lấy từ *Trung Dung*: «Phù hiếu giả, thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã.» 夫孝者,善繼人之志, 善述人之事者也(Hiếu thảo là nối được chí lớn của cha, tiếp tục được sự nghiệp hãy còn dang dở của cha). *Tri hoá tắc thiện thuật kỳ sự, cùng thần tắc thiện kế kỳ chí* = hiểu được sự biến hoá của sự vật tức là nối nghiệp cha trời, nghiên cứu đến tận cùng cái thần diệu của sự vật, là nối được chí lớn của cha trời. (15) *Quý* 愧 = hổ thẹn. *Ốc lậu* 屋漏 = chỗ khuất vắng trong nhà. *Thiểm* 忝 = nhục nhã. *Phỉ giải* 匪懈 = không biếng lười. *Bất quý ốc lậu vi vô thiểm, tồn tâm dưỡng tính vi phỉ giải* = cẩn thận ở một mình, dù ở chỗ khuất vắng mà không làm điều hổ thẹn với lương tâm, đó là một hiếu tử không làm nhục cha trời. (16) *Ố chỉ tửu* 惡旨酒 = ghét rượu (vì rượu làm loạn tâm tính). Sùng Bá 崇伯 = bá tước của nước Sùng, tức là ông Cổn 鯀; *Sùng Bá tử* = người con của bá tước nước Sùng, tức là ông Vũ 禹. *Mạnh Tử* (Ly Lâu, hạ) chép: «Vũ ố chỉ tửu nhi hiếu thiện ngôn.» 禹惡旨酒而好善言(Ông Vũ ghét rượu, chỉ thích lời nói tốt lành). *Cố dưỡng* 顧養 = quan tâm đến sự dưỡng dục [của cha mẹ]. *Ố chỉ tửu, Sùng Bá tử chi cố dưỡng* = ghét rượu [vì rượu làm loạn tâm tính], đó là sự quan tâm của ông Vũ đến công dưỡng dục của cha mẹ. (17) *Dĩnh Phong Nhân* 潁封人 = Dĩnh Khảo Thúc 潁考叔(?-712 TCN), người nước Trịnh thời Xuân Thu, làm chức phong nhân 封人(quan quản lý đất đai) ở Dĩnh Cốc 潁谷(nay là huyện Đăng Phong 登封, tỉnh Hà Nam 河南). *Tích loại* 錫類 = ban ân đức cho đồng loại. *Tả Truyện* (Ẩn Công nguyên niên): «Dĩnh Khảo Thúc thuần hiếu dã, ái kỳ mẫu thi cập Trang Công.» 潁考叔純孝也, 愛其母施及莊公 (Dĩnh Khảo Thúc là người chí hiếu, lòng yêu mẹ của ông cảm hoá được Trang Công). Dĩnh Khảo Thúc làm chức quan phong nhân, đến ra mắt vua Trịnh Trang Công. Vua ban thức ăn, Khảo Thúc không ăn tại chỗ, nói rằng sẽ đưa lộc vua về dâng mẹ ăn. Trịnh Trang Công xúc động than: «Nhĩ hữu mẫu di, ê ngã độc vô.» 爾有母遺, 繄我獨無(Ngươi còn mẹ để dâng lễ vật, riêng ta không mẹ). Mẹ của Trang Công là Khang thị 姜氏, thương Thúc Đoạn 叔段(là em của Trang Công) hơn Trang Công, bởi vì lúc sinh Trang Công bà sinh ngược, rất đau đớn, nên ghét bỏ Trang Công. Khang Thị âm mưu lật đổ Trang Công để đưa Thúc Đoạn lên ngôi. Trang Công phá được âm mưu này, oán hận mẹ, bèn lưu đày mẹ đến Thành Dĩnh 城潁(nay là huyện Lâm Dĩnh 臨潁, tỉnh Hà Nam), và thề độc: «Bất cập hoàng tuyền, vô tương kiến dã.» 不及黃泉無相見也(Chừng nào đến suối vàng thì mới gặp nhau = Đến chết mới gặp nhau). Cũng nhân chuyện này mà Khảo Thúc đến cảm hoá Trang Công. Nghe vua than thở, Khảo Thúc vờ hỏi lý do. Vua nói rất hối hận vì đã thề độc và đày mẹ. Khảo Thúc bày kế, đào một địa đạo, coi như là suối vàng, để hai mẹ con nhận nhau, hoá giải lời thề. *Dục anh tài, Dĩnh Phong Nhân chi tích loại* = nuôi dưỡng anh tài là ban ân đức cho đồng loại, [thể hiện đạo hiếu] của Dĩnh Khảo Thúc [đối với cha trời mẹ đất]. (18) *Bất thỉ lao* 不弛勞 = cố

mẹ mình là cha mẹ mình, xem con mình là con mình, vậy thì chẳng phải là Lý phân ra khác biệt ư? Do đó, tuy xem thiên hạ như một nhà, tuy xem Trung Quốc như một người, nhưng chúng ta không rơi vào sự sai lầm của kiêm ái. Khác nhau vô vàn nhưng xuyên suốt là một, vậy thì tuy tình cảm thân sơ khác nhau, tuy đẳng cấp sang hèn khác nhau, nhưng chúng ta không bị gông cùm bởi lòng ích kỷ riêng tư. Đó là đại ý của bài *Tây Minh* vậy. Xem xét nó chúng ta suy ra rằng tình yêu sâu dày đối với cha mẹ được mở rộng lên thành lòng chí công vô ngã và do bởi sự chân thành phụng sự cha mẹ mà hiểu rõ đạo phụng sự Trời. Không có gì mà không phù hợp cái gọi là "phân ra thì khác biệt nhưng rốt cuộc chỉ là một lý" vậy.»[37]

Lập luận trên đây dựa trên sự khác biệt giữa tình yêu vô đẳng cấp (của Mặc Tử) và tình yêu theo đẳng cấp. Tuy nhiên, lập luận của Hoành Cừ chính là theo khuynh hướng chủ nghĩa thần bí của Mạnh Tử mà suy

---

hết sức, toàn tâm toàn lực. *Để dự* 底豫= rất vui vẻ (*trí lạc* 致樂). *Mạnh Tử* (Ly Lâu, thượng): «Thuấn tận sự thân chi đạo nhi Cổ Tẩu để dự nhi thiên hạ hoá.» 舜盡事親之道而瞽瞍底豫而天下化(Vua Thuấn chí hiếu, cha ông là Cổ Tẩu vui lòng; việc ấy cảm hoá được thiên hạ). *Bất thỉ lao nhi để dự, Thuấn kỳ công dã* = Tận tâm chí hiếu để cha mẹ vui lòng, đó là công của vua Thuấn. (19) *Đãi phanh* 待烹= chờ bị giết. Tấn Hiến Công 晉獻公nghe lời dèm pha, muốn giết thế tử là Thân Sinh 申生. Thân Sinh không chạy trốn, cung kính lạy vua và tự treo cổ chết. Vua cho tên thuỵ là Cung 恭. *Vô sở đào nhi đãi phanh, Thân Sinh kỳ cung dã* = không chạy trốn mà chỉ đợi bị giết, đó là Thân Sinh cung kính mệnh cha vậy. (20) *Thể kỳ thụ* = thân thể nhận lĩnh từ cha mẹ. *Quy toàn* = giữ gìn toàn vẹn cho đến lúc chết. *Sâm* = Tăng Sâm 曾參. *Lễ Ký* (Tế Nghĩa) chép: «Phụ mẫu toàn nhi sinh chi, tử toàn nhi quy chi, khả vị hiếu hĩ; bất khuy kỳ thể, bất nhục kỳ thân, khả vị toàn.» 父母全而生之, 子全而歸之, 可謂孝矣; 不虧其體, 不辱其親, 可謂全(Cha mẹ sinh con lành lặn, con trở về lành lặn, đó là hiếu vậy. Không làm thương tổn thân thể, không làm nhục cha mẹ, đó cũng gọi là toàn vẹn). *Thể kỳ thụ nhi quy toàn giả, Sâm hồ* = giữ gìn toàn vẹn thân thể do cha mẹ sinh ra cho đến lúc chết, đó là Tăng Sâm. (21) Bá Kỳ 伯奇là người đời Chu, con của Cát Phủ 吉甫, bị cha đuổi đi. Cát Phủ là cha hiền, dạy con nghiêm khắc. Bá Kỳ là con hiếu, vâng lệnh cha không dám cãi. *Dũng ư tòng nhi thuận lệnh giả, Bá Kỳ dã* = một mực vâng lời cha, đó là Bá Kỳ. (22) *Dung ngọc nhữ* 庸玉女(汝)= cho ngươi ngọc quý. *Bần tiện ưu thích, dung ngọc nhữ ư thành dã* = nghèo hèn lo buồn là ngọc quý trời cho ngươi để mài giũa. Ý nói khi con người sống trong nghịch cảnh thì đó là dịp rèn luyện tu dưỡng để đạt được thành tựu tối cao.

[37] **Chu Hi, *Tây Minh Chú:* «Cái dĩ Càn vi phụ, dĩ Khôn vi mẫu, hữu sinh chi loại, vô vật bất nhiên, sở vị lý nhất dã. Nhi nhân vật chi sinh, huyết mạch chi thuộc, các thân kỳ thân, các tử kỳ tử, tắc kỳ phân diệc an đắc nhi bất thù tai? Tắc tuy thiên hạ nhất gia, Trung Quốc nhất nhân, nhi bất lưu kiêm ái chi tệ. Vạn thù nhi nhất quán, tắc tuy thân sơ dị tình, quý tiện dị đẳng, nhi bất cốc ư vị ngã chi tư. Thử Tây Minh chi đại chỉ dã. Quan kỳ suy thân thân chi hậu, dĩ đại vô ngã chi công, nhân sự thân chi thành, dĩ minh sự thiên chi đạo. Cái vô thích nhi phi sở vị phân thù nhi suy lý nhất dã.»** 蓋以乾爲父, 以坤爲母, 有生之類, 無物不然, 所謂理一也. 而人物之生, 血脈之屬, 各親其親, 各子其子, 則其分亦安得而不殊哉? 則雖天下一家, 中國一人, 而不流兼愛之弊. 萬殊而一貫, 則雖親疏異情, 貴賤異等, 而不牿於爲我之私. 此西銘之大指也. 觀其推親親之厚, 以大無我之公, 因事親之誠, 以明事天之道. 蓋無適而非所謂分殊而推理一也.

rộng ra. Nó hoàn toàn khác với thuyết kiêm ái của Mặc Tử vốn dựa trên chủ nghĩa công lợi, chứ nó không chỉ có điểm khác biệt như Chu Hi đã nêu ra mà thôi.

g. Phê bình Phật giáo và Đạo giáo

Cuối bài *Tây Minh* nói: «Khi còn sống, ta cứ thuận theo Trời mà hành sự; khi ta chết, ta cảm thấy thanh thản an bình.» Câu này thể hiện thái độ của Đạo học gia đối với sự sống và sự chết. Nó khác với quan điểm của Phật giáo và Đạo giáo. Hoành Cừ nói: «Thái Hư không thể không có khí; khí không thể không tụ mà tạo thành vạn vật; vạn vật không thể không tán mà trở lại thành Thái Hư. Tuần hoàn xuất nhập như vậy là một chu kỳ không tránh được. Do đó thánh nhân là bậc thấu triệt cái đạo trong chu kỳ ấy, thể hội nó mà không luỵ vì nó, và tồn thần đến mức tối cao. Kẻ [theo Phật giáo] nói về tịch diệt (tức niết bàn), cho rằng một đi không trở lại. Kẻ [theo Đạo giáo] truy cầu trường sinh và chấp hữu, [cho rằng] vật không biến hoá. Hai hạng này tuy có sự cách biệt quan điểm, nhưng họ giống nhau ở chỗ lời nói mất đạo lý. [...] Khí tụ cũng là thể của ta, khí tán cũng là thể của ta. Ai biết được chết không phải là mất đi thì ta có thể nói về bản tính với họ.»[38]

Hoành Cừ lại nói: «Hễ thấu triệt bản tính rồi thì biết khi sống chẳng có gì được và khi chết chẳng có gì mất.»[39]

Phật giáo mong cầu không tái sinh, tức là «nói về tịch diệt (tức niết bàn), cho rằng một đi không trở lại». Đạo giáo mong cầu sống lâu, tức là «truy cầu trường sinh và chấp hữu, cho rằng vật không biến hoá». Bởi khí tụ hay tán cũng đều là thể của ta, nếu biết «khi sống chẳng có gì được» thì cần chi phải cầu không tái sinh? và nếu biết «khi chết chẳng có gì mất» thì cần chi phải cầu trường sinh? Chúng ta không cầu niết bàn hay trường sinh; chỉ cần sống ngày nào thì làm tròn bổn phận của ngày

---

[38] **_Chính Mông_: «Thái Hư bất năng vô khí; khí bất năng bất tụ nhi vi vạn vật; vạn vật bất năng bất tán nhi vi Thái Hư. Tuần thị xuất nhập, thị giai bất đắc dĩ nhi nhiên dã. Nhiên tắc thánh nhân tận đạo kỳ gian, kiêm thể nhi bất luỵ giả, tồn thần kỳ chí hĩ. Bỉ ngữ tịch diệt giả, vãng nhi bất phản; tuẫn sinh chấp hữu giả, vật nhi bất hoá; nhị giả tuy hữu gian hĩ; dĩ ngôn hồ thất đạo tắc quân yên. [...] Tụ diệc ngô thể, tán diệc ngô thể; tri tử chi bất vong giả, khả dữ ngôn tính hĩ.»** 太虛不能無氣;氣不能不聚而爲萬物;萬物不能不散而爲太虛.循是出入,是皆不得已而然也.然則聖人盡道其間,兼體而不累者,存神其至矣.彼語寂滅者,往而不反;徇生執有者,物而不化;二者雖有間矣;以言乎失道則均焉.[...]聚亦吾體,散亦吾體;知死之不亡者,可與言性矣.

[39] **_Chính Mông_: «Tận tính nhiên hậu tri sinh vô sở đắc; tắc tử vô sở táng.»** 盡性然後知生無所得;則死無所喪.

ấy, chừng nào chết thì trở về Thái Hư. Đó gọi là: «Khi còn sống, ta cứ thuận theo Trời mà hành sự; khi ta chết, ta cảm thấy thanh thản an bình.» Đó là thái độ của Nho gia đối với vấn đề sống chết mà Đạo học gia cũng ủng hộ. Cho nên tuy Đạo học gia chịu ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo mà lại bài xích họ, và cứ khăng khăng tự gọi mình là Nho gia.

2. Trình Minh Đạo và Trình Y Xuyên

Tuy Liêm Khê, Thiệu Ung, Hoành Cừ đều là những Đạo học gia có ảnh hưởng mạnh, nhưng sự thành lập chính xác Đạo học đời Tống và đời Minh phải kể từ anh em Trình Minh Đạo 程明道(tức Trình Hạo 程顥, 1032-1085) và Trình Y Xuyên 程伊川(tức Trình Di 程頤, 1033-1108).

Tống Sử (Đạo Học Truyện) chép: «Khi [Chu Đôn Di] làm chức duyện ở Nam An, thì Trình Hướng (1006-1090) làm chức thông phán quân sự. Hướng thấy Đôn Di là người có khí mạo phi thường. Khi nói chuyện với Đôn Di, Hướng biết Di là người do học mà biết đạo, bèn kết bạn với Di, rồi bảo hai con là Trình Hạo và Trình Di đến học Đôn Di. Đôn Di thường bảo hai anh em họ hãy tìm xem niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hồi ở đâu và các ngài vui về điều gì. Cái học của anh em họ Trình bắt nguồn từ đó vậy.»[40]

Về Trình Hạo, *Tống Sử* chép: «Trình Hạo, tự là Bá Thuần. Gia đình vốn ở Trung Sơn, sau di cư đến Khai Phong, rồi đến Hà Nam. [...] Tư chất của Hạo vượt quá người khác, nuôi dưỡng sung mãn đạo lý, hoà khí thể hiện ở diện mạo lẫn sau lưng.[41] [...] Khoảng mười lăm mười sáu tuổi, ông cùng với em là Trình Di, nghe tiếng Chu Đôn Di ở Nhữ Nam luận về sự học, bèn chán thói học tập khoa cử, rồi nhiệt tâm lập chí cầu đạo. Hơn mười năm trôi dạt ở các môn phái, ra vào nơi học thuyết của Lão Tử và

---

40 *Tống Sử* (Đạo Học Truyện): «[Chu Đôn Di] duyện Nam An thời, Trình Hướng thông phán quân sự, thị kỳ khí mạo phi thường nhân. Dữ ngữ, tri kỳ vi học tri đạo. Nhân dữ vi hữu, sử nhị tử Hạo Di vãng thụ nghiệp yên. Đôn Di mỗi lệnh tầm Khổng Nhan lạc xứ, sở lạc hà sự. Nhị Trình chi học nguyên lưu hồ thử hĩ.» [周敦頤] 掾南安時.程珦通判軍事.視其氣貌非常人.與語.知其爲學知道.因與爲友.使 亻顥頤往受業焉.敦頤每令尋孔顏樂處.所樂何事.二程之學源流乎此矣.– LAM chú: Chữ 顥 thường bị đọc nhầm là «hiệu» (thí dụ: Thôi Hiệu 崔顥, tác giả bài *Hoàng Hạc Lâu*). Từ điển *Từ Hải* phiên thiết 顥 là «hà lão thiết, âm hạo, hạo vận» 何老切音皓皓韻, vậy chính âm là «hạo». *Từ Hải* nói chữ 顥 cũng viết là 皓 hay 暠, *Thuyết Văn* giảng là *bạch mạo* 白貌(mặt trắng).– Niềm vui của Khổng Tử và Nhan Hồi chính là *an bần lạc đạo* 安貧樂道, thể hiện qua hai câu sau trong *Luận Ngữ:* (1) Thuật Nhi: «Tử viết: Phạn sơ thực ẩm thuỷ, khúc quăng nhi chẩm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân.» 子曰:飯疏食飲水.曲肱而枕之.樂亦在其中矣.不義而富且貴,於我如浮雲(Khổng Tử nói: Ăn cơm xoàng, uống nước lã, co cánh tay gối đầu. Trong cảnh đó cũng có niềm vui. Làm điều bất nghĩa mà giàu sang, thì cái

Thích Ca, hai ông bèn quay về tìm ở lục kinh (tức *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu*) rồi sau mới đắc đạo. [...] Khi Trình Hạo mất, các sĩ đại phu dù có quen biết ông hay không, ai ai cũng đau xót. Văn Ngạn Bác (1006-1097) gom lấy dư luận bấy giờ mà ghi trên bia mộ của ông là "Minh Đạo tiên sinh" (bậc thầy hiểu đạo).»[42]

Về Trình Di, *Tống Sử* chép: «Trình Di, tự là Chính Thúc. [...] Ông đọc khắp các sách. Cái học của ông vốn ở chân thành. Ông lấy *Đại Học, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Trung Dung* làm tôn chỉ, rồi thấu đạt ở lục kinh. Hành động, cử chỉ, nói năng, im lặng, ông một mực bắt chước thánh nhân. Chưa đạt tới thánh nhân thì cố gắng không thôi. Do đó ông bình chú *Kinh Dịch* và *Xuân Thu Truyện* để truyền lại cho đời. [...] Người đời

---

giàu sang ấy ta xem như mây nổi). (2) Ung Dã: «Tử viết: Hiền tai, Hồi dã. Nhất đan thực, nhất biều ẩm, tại lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hồi dã bất cải kỳ lạc. Hiền tai, Hồi dã.» 子曰：賢哉，回也．一簞食，一瓢飲，在陋巷，人不堪其憂，回也不改其樂．賢哉回也 **(Khổng Tử nói: Nhan Hồi hiền vậy thay! Một giỏ cơm, một bầu nước, ở trong ngõ hẻm tồi tàn, kẻ khác không kham nổi cảnh khổ đó, mà Hồi thì chẳng đổi niềm vui. Hồi hiền vậy thay!).**

41 **Derk Bodde chú: Ý này lấy từ *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Quân tử sở tính, nhân nghĩa lễ trí căn ư tâm. Kỳ sinh sắc dã, tuý nhiên *kiến* (=hiện) ư diện, ang ư bối, thi ư tứ thể, tứ thể bất ngôn nhi dụ.»** 君子所性，仁義禮智根於心．其生色也，睟然見(現)於面，盎於背，施於四體，四體不言而喻 **(Bản tính của người quân tử có nhân, nghĩa, lễ, trí. [Các đức ấy] gốc ở tâm, khi phát ra thì hiện rõ ở sắc diện, chiếu ở lưng, thể hiện ở tứ chi. Quân tử không cần nói ra, tứ chi đã hiện các đức ấy rồi).**

42 ***Tống Sử* (Đạo Học Truyện): «Trình Hạo, tự Bá Thuần, thế cư Trung Sơn, hậu tòng Khai Phong tỷ Hà Nam. [...] Hạo tư tính quá nhân, sung dưỡng hữu đạo, hoà tuý chi khí, ang ư diện bối. [...] Tự thập ngũ lục thời, dữ đệ Di văn Nhữ Nam Đôn Di luận học, toại yếm khoa cử chi tập, khái nhiên hữu cầu đạo chi chí. Phiếm lạm ư chư gia, xuất nhập ư Lão Thích giả kỷ thập niên, phản cầu chư lục kinh nhi hậu đắc chi. [...] Hạo chi tử, sĩ đại phu thức dữ bất thức, mạc bất ai thương yên. Văn Ngạn Bác thái chúng luận đề kỳ mộ viết: Minh Đạo tiên sinh.»** 程顥，字伯淳，世居中山，後從開封徙河南．[...] 顥資性過人，充養有道，和粹之氣，盎於面背．[...] 自十五六時，與弟頤聞汝南敦頤論學，遂厭科舉之習，慨然有求道之志，泛濫於諸家，出入於老釋者幾十年，返求諸六經而後得之．[...] 顥之死，士大夫識與不識，莫不哀傷焉．文彥博采衆論題其墓曰：明道先生．**– LAM chú: Có lẽ *Tống Sử* chép theo lời của Trình Di viết về anh: «Tiên sinh vi học, tự thập ngũ lục thời, văn Nhữ Nam Chu Mậu Thúc luận đạo, toại yếm khoa cử chi nghiệp, khái nhiên hữu cầu đạo chi chí, vị tri kỳ yếu, phiếm lạm ư chư gia, xuất nhập Lão Thích giả kỷ thập niên, phản cầu lục kinh nhi hậu đắc chi.»** 先生爲學，自十五六時，聞汝南周茂叔論道，遂厭科舉之業，慨然有求道之志，未知其要，泛濫於諸家，出入老釋者幾十年，返求六經而後得之 **(Thầy [tức Minh Đạo] học đạo, khoảng mười lăm mười sáu tuổi, nghe tiếng Chu Mậu Thúc [tức Chu Đôn Di] ở Nhữ Nam luận về đạo, bèn chán nghiệp khoa cử, rồi nhiệt tâm lập chí cầu đạo, nhưng chưa biết sự tinh yếu. Hơn mười năm trôi dạt ở các môn phái, ra vào nơi học thuyết của Lão Tử và Thích Ca, thầy bèn quay về tìm ở lục kinh rồi sau mới đắc đạo). Xem: *Minh Đạo Tiên Sinh Hành Trạng*** 明道先生行狀 **chép trong *Hà Nam Trình Thị Văn Tập*** 河南程氏文集 **(quyển 11). Tuy nói chán nghiệp khoa cử, kỳ thực Trình Hạo năm 25 tuổi đỗ tiến sĩ và bắt đầu làm một**

gọi ông là “Y Xuyên tiên sinh”.»[43]

Anh em họ Trình cùng học một thầy là Chu Liêm Khê, cùng là bạn của Thiệu Ung, và cùng gọi Hoành Cừ là chú. Học thuyết của anh em ông được đa số người xưa xem là cái học riêng của một nhà. Cho nên những lời của hai ông chép trong *Nhị Trình Di Thư* 二程遺書 đều không phân biệt là của riêng ông nào. Tuy nhiên, ngày nay, người ta dần thấy rõ cái học của hai ông không phải là thống nhất, mà nó có thể tách ra làm hai phái dựa theo sự phân chia hai phái của Đạo học đời Tống và đời Minh là phái Trình Chu 程朱 (tức phái Lý học 理學) và phái Lục Vương 陸王 (tức phái Tâm học 心學).

Trình Y Xuyên (Trình Di) mở đường cho phái Trình Chu (tức phái Lý học) và Trình Minh Đạo (Trình Hạo) mở đường cho phái Lục Vương (tức phái Tâm học). Phái Trình Chu 程朱 (tức phái Lý học 理學) theo chủ trương của Trình Di và Chu Hi (1130-1200). Phái Lục Vương 陸王 (tức phái Tâm học 心學) theo chủ trương của Lục Cửu Uyên 陸九淵 (1139-1193) và Vương Thủ Nhân 王守仁 (1472-1528), mà tiên phong là

---

chức quan ở địa phương. Những năm Hi Ninh (1068-1077) đời Tống Thần Tông, Trình Hạo được tiến cử làm chức Thái tử trung duẫn 太子中允, quyền Giám sát ngự sử 權監察御史. Bấy giờ Vương An Thạch bắt đầu áp dụng biến pháp. Trình Hạo bất đồng quan điểm với Vương, bèn thượng sớ phê bình biến pháp, nhưng vua thuyên chuyển Trình Hạo đi trấn nhậm nhiều nơi xa xôi (làm thiêm thư, phán quan quận Trấn Ninh, tri huyện Phù Câu). Thần Tông mất, Triết Tông kế vị, dùng Tư Mã Quang (của Cựu đảng) chấp chính, Trình Hạo được triệu về kinh đô, làm chức Tông chính thừa, nhưng chẳng bao lâu thì mất. Xem: Bàng Phác, *Trung Quốc Nho Giáo*, tập 2, tr.131.

43 ***Tống Sử*** **(Đạo Học Truyện): «Trình Di, tự Chính Thúc. [...] Di ư thư vô sở bất độc. Kỳ học bản ư thành; dĩ Đại Học, Ngữ, Mạnh, Trung Dung vi tiêu chỉ, nhi đạt ư lục kinh. Động chỉ ngữ mặc, nhất dĩ thánh nhân vi sư, kỳ bất chí hồ thánh nhân bất chỉ dã. Ư thị trứ Dịch, Xuân Thu truyện, dĩ truyền ư thế. [...] Thế xưng vi Y Xuyên tiên sinh.» 程頤, 字正叔. [...] 頤於書無所不讀. 其學本於誠; 以大學, 語, 孟, 中庸爲標旨, 而達於六經. 動止語默, 一以聖人爲師, 其不至乎聖人不止也. 於是著易, 春秋傳, 以傳於世. [...] 世稱伊川先生. – LAM chú: Năm 27 tuổi, Trình Di thi đình, nhưng thi hỏng. Các quan đại thần nhiều lần tiến cử, nhưng ông chán, không ra làm quan, chỉ thu nạp đệ tử và dạy học tại Lạc Dương. Sau khi anh là Trình Hạo mất, do phe cánh của Tư Mã Quang tiến cử, ông giữ chức hiệu thư lang trong Bí thư tỉnh, làm huấn đạo cho vua Triết Tông. Sau đó vì chống Thục đảng của Tô Thức, ông bị biếm đi trấn nhậm nơi xa, trở về Lạc Dương, quản lý Quốc tử giám ở Tây Kinh. Những năm Thiệu Thánh (1094-1097), Tân đảng đắc thế, bãi truất Cựu đảng, Trình Di bị thải hồi điền viên. Khi Tống Huy Tông lên ngôi bèn phục chức quan cho ông, nhưng không lâu sau đó ông bị truất, đệ tử của ông bị giải tán. Khi ông mất, nhiều đệ tử sợ liên luỵ không đến dự tang lễ. Đến năm Thuần Hựu nguyên niên (1241) đời vua Tống Lý Tông, ông được vua phong là Y Dương Bá, anh ông được phong là Hà Nam Bá, cùng được thờ phụng ở miếu Khổng Tử. Xem: Bàng Phác, sđd., tập 2, tr.133.**

Trình Hạo.

Mặc dù chủ trương anh em ông khác nhau, nhưng hai ông cùng đề cập chung các vấn đề. Sau đây, tôi tách bạch thuyết của hai ông theo từng vấn đề để so sánh.

a. Thiên lý

Trong Đạo học, hai khái niệm Lý và Khí rất quan trọng (xin xem lại tiết 2 của chương 11 ngay trên đây). Trong Đạo học gia, người xác lập khái niệm Khí trong Đạo học là Trương Hoành Cừ; còn khái niệm Lý thì chính Chu Liêm Khê đã đề xuất trong *Thông Thư* (chương: Lý, Tính, Mệnh) của ông. Thiệu Ung cũng đề cập khái niệm Lý của sự vật trong của *Hoàng Cực Kinh Thế* (thiên Quan Vật). Hoành Cừ cũng nói trong *Chính Mông* rằng: «Khí của trời đất, tuy có tụ có tán, có công có thủ trăm đường, nhưng cái nguyên lý của nó thì xuôi thuận và không sai lầm.»[44] Tuy các nhà ấy đã đề cập Lý, nhưng người xác lập địa vị của Lý trong Đạo học chính là anh em họ Trình. Anh em họ Trình tuy đề cập Lý và thiên lý, nhưng họ chưa hề nói rõ ý nghĩa của chúng. Trong ngữ lục của họ, tức *Nhị Trình Di Thư*, có mấy điều liên quan đến Lý như sau:

– «Về thiên lý, cái đạo lý này thật là vô cùng. Nó không tồn tại vì vua hiền là Nghiêu; nó chẳng mất đi vì vua ác là Kiệt. Con người có được nó, thì hành động lớn lao không làm nó tăng thêm, sự cư trú khốn cùng không khiến nó giảm đi. Vậy sao có thể nói nó là còn, mất, tăng, giảm? Nó vốn không hề có khiếm khuyết; trăm lý lẽ đều hoàn bị.»[45]

– «Nếu ta không thể tự xem xét bản thân mình, thì thiên lý giảm đi. Về thiên lý, trăm lý đều có đủ [trong ta]. Nó vốn không hề có khiếm khuyết. Cho nên quay về xem xét bản thân thì ta đạt được sự chân thành.»[46]

---

[44] ***Chính Mông***: **«Thiên địa chi khí, tuy tụ tán, công thủ bách đồ, nhiên kỳ vi lý dã thuận nhi bất vọng.»** 天地之氣、雖聚散攻取百塗，然其爲理也順而不妄.

[45] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thiên lý vân giả, giá nhất cá đạo lý, cánh hữu thậm cùng dĩ. Bất vi Nghiêu tồn, bất vi Kiệt vong. Nhân đắc chi giả, cố đại hành bất gia, cùng cư bất tổn. Giá thượng đầu cánh chẩm sinh thuyết đắc tồn vong gia giảm. Thị đà nguyên vô thiểu khiếm, bách lý câu bị.»** 天理云者，這一個道理、更有甚窮已. 不爲堯存，不爲桀亡. 人得之者、故大行不加、窮居不損. 這上頭更怎生說得存亡加減. 是佗元無少欠. 百理俱備.

[46] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Bất năng phản cung, thiên lý giảm hĩ. Thiên lý vân giả, bách lý câu bị, nguyên vô thiểu khiếm, cố *phản thân nhi thành*.»** 不能反躬、天理滅矣. 天理云者、百理俱備、元無少欠、故反身而誠.– **LAM chú: Câu *«Phản thân nhi thành»* lấy trong *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Vạn vật giai bị ư ngã hĩ. *Phản thân nhi thành*, lạc mạc đại yên.»** 萬物皆備於我矣. 反身而誠樂莫大焉 **([Cái Lý của] vạn vật đều có đủ trong tâm ta. Nếu ta quay về xem xét bản thân thì ta đạt được sự chân thành; như vậy còn niềm vui nào hơn).**

– «Vạn vật đều có đủ trong ta. Điều ấy không chỉ áp dụng cho người, mà còn áp dụng cho vật nữa. Tất cả đều từ Lý ấy mà ra. Chỉ có vật là không thể suy diễn nó ra, còn con người thì có thể. Tuy có thể suy diễn được nó, nhưng chẳng có khi nào nó tăng thêm một phân. Tuy không thể suy diễn được nó, nhưng chẳng có khi nào nó giảm đi một phân. Trăm lý đều tồn tại khắp nơi. Nào phải khi vua Nghiêu trọn đạo làm vua, thì [cái lý của] đạo làm vua tăng thêm nhiều. Nào phải khi vua Thuấn trọn đạo làm con, thì [cái lý của] đạo làm con tăng thêm nhiều. Các lý xưa nay đều vốn như thế.»[47]

– «Lý trong thiên hạ chỉ là một Lý mà thôi. Cho nên dù trải rộng khắp bốn biển thì Lý cũng có một chuẩn mực. Dù chất vấn nó trước trời đất hay khảo sát nó ở tam vương (Đại Vũ, Thành Thang, Vũ Vương) thì nó vẫn là cái Lý không thay đổi.»[48]

– «Cái nghĩa lý ấy, *người nhân thấy nó thì gọi là nhân, người trí thấy nó thì gọi là trí, người bình thường ngày ngày dùng nó mà không biết, cho nên đạo người quân tử thì hiếm người biết.* Cái ấy không ít đi cũng không dư thừa ra; vấn đề chỉ là người ta nhìn nó mà không thấy.»[49]

– «*Lặng lẽ bất động, khi được tác động thì thông suốt.* Đó là thiên lý. Nó đầy đủ mà không khiếm khuyết. Chẳng phải vì vua Nghiêu hiền mà nó

---

[47] *Nhị Trình Di Thư:* **«Vạn vật giai bị ư ngã. Bất độc nhân nhĩ, vật giai nhiên, đô tự giá lý xuất khứ. Chỉ thị vật bất năng suy, nhân tắc năng suy chi. Tuy năng suy chi, kỷ thời thiêm đắc nhất phân. Bất năng suy chi, kỷ thời giảm đắc nhất phân. Bách lý câu tại bình phô phóng trước. Kỷ thời đạo Nghiêu tận quân đạo, thiêm đắc ta quân đạo đa. Thuấn tận tử đạo, thiêm đắc ta tử đạo đa. Nguyên lai y cựu.»** 萬物皆備於我. 不獨人爾, 物皆然, 都自這裏出去. 只是物不能推, 人則能推之. 雖能推之, 幾時添得一分. 不能推之, 幾時減得一分. 百理俱在平鋪放著. 幾時道堯盡君道, 添得些君道多. 舜盡子道, 添得些子道多. 元來依舊.

[48] *Nhị Trình Di Thư:* **«Lý tại thiên hạ chỉ thị nhất cá lý, cố suy chí tứ hải nhi chuẩn. Tu thị chất chư thiên địa, khảo chư tam vương bất dịch chi lý.»** 理在天下只是一個理, 故推至四海而準. 須是質諸天地, 考諸三王不易之理.

[49] *Nhị Trình Di Thư:* **«Giá cá nghĩa lý, *nhân giả hựu khán tố nhân liễu dã, tri giả hựu khán tố tri liễu dã, bách tính hựu nhật dụng nhi bất tri, thử sở dĩ quân tử chi Đạo tiển hĩ.* Thử cá diệc bất thiểu diệc bất thặng, chỉ thị nhân khán tha bất kiến.»** 這個義理, 仁者又看做仁了也, 知者又看做知了也, 百姓又日用而不知, 此所以君子之道鮮矣. 此個亦不少亦不剩, 只是人看他不見. **– LAM chú: Ý này lấy từ Hệ Từ Thượng: «Nhân giả kiến chi vị chi nhân, tri giả kiến chi vị chi tri. Bách tính nhật dụng nhi bất tri, cố quân tử chi đạo tiển hĩ.»** 仁者見之謂之仁, 知者見之謂之知. 百姓日用而不知. 故君子之道鮮矣 **(Người nhân thấy Đạo thì cho là nhân. Người trí thấy Đạo thì cho là trí. Người bình thường ngày ngày vận dụng Đạo mà không biết. Cho nên đạo người quân tử thì hiếm người biết).** *Tri giả* 知者 = *trí giả* 智者. **Chữ** 鮮 **có hai âm: 1.** *tiển* **= ít, hiếm (thí dụ:** *Phú nhi bất kiêu giả tiển* 富而不驕者鮮 **= kẻ giàu mà không kiêu căng thì hiếm); 2.** *tiên* **= tươi (nghĩa gốc là** *sinh ngư* 生魚 **= cá tươi).**

còn, chẳng phải vì vua Kiệt ác mà nó mất. Cha với con, vua với bầy tôi; các lý thường hằng ấy không đổi. Chúng có thể được tác động thế nào? Bởi vì bất động, nên nói chúng lặng lẽ. Tuy bất động, nhưng chúng có thể được tác động để thông suốt. Cái tác động ấy chẳng phải từ bên ngoài.»[50]

Các lời dẫn trên đây, trong *Nhị Trình Di Thư* ghi là «nhị tiên sinh ngữ» 二先生語(lời của hai thầy), nhưng không rõ là ai trong hai người. Còn ghi chú rõ là lời của Trình Y Xuyên nói thì có mấy câu sau đây:

– «*Lặng lẽ bất động, khi được tác động thì thông suốt.* Đó là nói đến các sự việc trong cõi người ta. Nếu luận về Đạo thì muôn ngàn Lý đều đầy đủ [ở chúng], nên người ta không thể nói là chúng bị tác động hay không bị tác động.»[51]

Richard Wilhelm dịch: «Người nhân phát hiện ra nó (Đạo) nên gọi nó là nhân. Người trí phát hiện ra nó nên gọi nó là trí. Dân chúng sử dụng nó hằng ngày mà chẳng biết gì về nó; bởi vì ñaïo cuûa ngöôøi quaân töû thì hieám » (Der Gütige entdeckt ihn und nennt ihn gütig. Der Weise entdeckt ihn und nennt ihn weise. Das Volk gebraucht ihn Tag für Tag und weiß nichts von ihm; denn der SINN des Edlen ist selten). James Legge dịch: «Người nhân thấy nó và gọi nó là nhân. Người trí thấy nó và gọi nó là trí. Thường dân tuy hằng ngày hành xử theo nó nhưng không biết nó. Do đó Đạo của sự vật mà người quân tử thấy thì ít người nhìn thấy.» (The benevolent see it and call it benevolence. The wise see it and call it wisdom. The common people, acting daily according to it, yet have no knowledge of it. Thus it is that the course of things, as seen by the superior man, is seen by few).

50 ***Nhị Trình Di Thư: «Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông*** **giả, thiên lý cụ bị, nguyên vô thiểu khiếm. Bất vi Nghiêu tồn, bất vi Kiệt vong. Phụ tử quân thần, thường lý bất dịch, hà hội động lai. Nhân bất động, cố ngôn tịch nhiên. Tuy bất động, cảm tiện thông, cảm phi tự ngoại dã.»** 寂然不動,感而遂通者,天理具備,元無少欠.不爲堯存,不爲桀亡.父子君臣,常理不易,何會動來.因不動,故言寂然.雖不動感便通,感非自外也.**– LAM chú: Ở đây Nhị Trình nói về Thiên lý bằng cách mượn chữ trong Hệ Từ Thượng nói về Dịch: «*Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông* thiên hạ chi cố.»** 寂然不動、感而遂通天下之故. **Richard Wilhelm dịch: «Chúng tĩnh và bất động. Nhưng nếu chúng được tác động, chúng xuyên suốt mọi sự cố trong thiên hạ.» (Stille sind sie und bewegen sich nicht. Werden sie aber angeregt, so durchdringen sie alle Verhältnisse unter dem Himmel). *Chúng* ở đây tức là *các biến dịch* (die Wandlungen). James Legge dịch: «Nó tĩnh lặng và bất động, nhưng khi được tác động nó xuyên suốt mọi hiện tượng và sự cố trong thiên hạ.» (It is still and without movement; but, when acted on, it penetrates forthwith to all phenomena and events under the sky). *Nó* ở đây tức là *Dịch*. Tuy nhiên, khác với Wilhelm và Legge, Cao Hanh cho rằng ngữ cảnh này nói về bói dịch. *Cảm*** 感 **tức là người bói có lòng thành khẩn. Cao Hanh chú: «Người dùng *Kinh Dịch* để bói, lấy lòng thành mà cảm đến nó, thì *Kinh Dịch* có thể [trả lời] thông suốt sự việc trong thiên hạ.» (Nhân dụng Dịch Kinh chiêm sự, dĩ thành cảm chi, tắc Dịch Kinh năng thông thiên hạ chi sự** 人用易經占事,以誠感之,則易經能通天下之事**).**

51 ***Nhị Trình Di Thư: «Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông*. Thử dĩ ngôn nhân phần thượng sự. Nhược luận đạo tắc vạn lý giai cụ, cánh bất thuyết cảm dữ vị cảm.»** 寂然不動、感而遂通.此言人分上事.若論道則萬理皆具,更不說感與未感.

– «Đối với mọi vật trong thiên hạ, chúng ta đều có thể lấy Lý mà soi xét chúng. Có vật thì có nguyên tắc. Mỗi một vật phải có cái Lý của nó.»[52]

«[Lý thì] hư vô lặng lẽ, không có hình tích gì, nhưng muôn ngàn hiện tượng trong vũ trụ đều có đủ trong Lý. Chưa ứng thì nó không đến trước, ứng rồi thì nó không đến sau. Giống như cái cây cao trăm thước, từ gốc đến cành và lá đều nhất quán, không thể nói rằng phần cây ở trên mặt đất là vô hình vô ảnh; và không thể nói rằng chúng đợi người ta sắp xếp thứ tự để cho đúng đường lối. Nếu có một đường lối như thế, thì chỉ có một đường lối duy nhất mà thôi.»[53]

– «Hễ có vật thì ắt có nguyên tắc. Làm cha thì phải hiền từ, làm con thì phải hiếu, làm vua thì phải nhân ái, làm bầy tôi thì phải tôn kính vua. Không có sự vật nào mà không có vị trí riêng của nó. Được vị trí ấy thì an bình, mất vị trí ấy thì loạn. Thánh nhân vì thế có thể khiến cho vạn vật được yên ổn xuôi thuận, chứ không tạo tác nguyên tắc cho vật. Ngài chỉ để cho mỗi thứ ở đúng vị trí của nó mà thôi.»[54]

Từ các trích dẫn trên đây, ta thấy:

Điểm thứ nhất: Cái gọi là Lý thì tồn tại mãi mãi, không tăng cũng không giảm. Người ta dù biết hay không biết nó, dù nói nó tồn tại hay không tồn tại, thì điều ấy chẳng quan hệ gì. Chẳng phải vì vua Nghiêu hiền đức thi hành đúng đạo làm vua mà cái Lý của đạo làm vua tăng thêm; tức là nếu không có vua Nghiêu thì cái Lý của đạo làm vua vẫn thế, không bị giảm đi chút xíu nào, chẳng qua là «người ta nhìn nó mà không thấy». Cho nên trên đây nói: «Trăm lý đều tồn tại khắp nơi.»

Điểm thứ hai: Lý vốn bất biến. Cho nên trên đây nói: «Lý trong thiên hạ chỉ là một Lý mà thôi. Cho nên dù trải rộng khắp bốn biển thì

---

52 *Nhị Trình Di Thư:* **«Thiên hạ vật giai khả dĩ lý chiếu, hữu vật tất hữu tắc, nhất vật tu hữu nhất lý.»** 天下物皆可以理照,有一物必有則,一物須有一理.

53 *Nhị Trình Di Thư:* **«Xung mạc vô trẫm, vạn tượng sâm nhiên dĩ cụ. Vị ứng bất thị tiên, dĩ ứng bất thị hậu. Như bách xích chi mộc, tự căn bản chí chi diệp, giai thị nhất quán, bất khả đạo thổ diện nhất đoạn sự vô hình vô triệu, khước đãi nhân thi an bài, dẫn nhập lai giáo nhập đồ triệt. Ký thị đồ triệt, khước chỉ thị nhất cá đồ triệt.»** XX沖漠無朕.萬象森然已具.未應不是先,已應不是後.如百尺之木,自根本至枝葉,皆是一貫,不可道士面一段事無形無兆,卻待人施安排,引入來教入塗轍.既是塗轍,卻只是一個塗轍.

54 *Nhị Trình Di Thư:* **«Phù hữu vật tất hữu tắc. Phụ chỉ ư từ, tử chỉ ư hiếu, quân chỉ ư nhân, thần chỉ ư kính. Vạn vật thứ sự, mạc bất các hữu kỳ sở. Đắc kỳ sở tắc an, thất kỳ sở tắc bội. Thánh nhân sở dĩ năng sử vạn vật thuận trị, phi năng vi vật tác tắc dã, duy chỉ chi các ư kỳ sở nhi dĩ.»** 夫有物必有則.父止於慈,子止於孝,君止於仁,臣止於敬.萬物庶事,莫不各有其所.得其所則安,失其所則悖.聖人所以能使萬物順治,非能爲物作則也,惟止之各於其所而已.

Lý cũng có một chuẩn mực.» Vua Nghiêu trọn đạo làm vua thì Lý ấy cũng chỉ có một; vua Thuấn trọn đạo làm con thì Lý ấy cũng có một. Cho nên «trải rộng khắp bốn biển thì Lý cũng có một chuẩn mực».

Điểm thứ ba: Trăm lý đều có đầy đủ trong tâm chúng ta, nên trên đây nói: «Về thiên lý, trăm lý đều có đủ [trong ta]. Nó vốn không hề có khiếm khuyết. Cho nên quay về xem xét bản thân thì ta đạt được sự chân thành.» Cái gọi là «vạn vật đều có đủ trong ta» (vạn vật giai bị ư ngã) có nghĩa là cái Lý của vạn vật đều có đủ trong ta. Không riêng con người chỉ có «cái Lý của vạn vật», mà chính vật cũng có như vậy. Tuy nhiên, người ta có thể ứng dụng Lý ấy mà vật thì không thể ứng dụng Lý ấy.

Điểm thứ tư: Lý ấy thì không tăng, không giảm, không biến, không động. Nên trên đây nói nó «lặng lẽ bất động». Tâm của con người có đủ các lý để ứng với vạn sự, nên trên đây nói: «Lặng lẽ bất động, khi được tác động thì thông suốt.» (Tịch mịch bất động, cảm nhi toại thông). Tuy nhiên, câu nói ấy chỉ liên quan đến sự việc trong cõi người ta. Về phương diện vũ trụ mà nói, thời gian trước khi các Lý được thể hiện cụ thể thì không xảy ra trước, thời gian sau các Lý được thể hiện cụ thể rồi thì không xảy ra sau. Từ một Lý đến sự thể hiện cụ thể của nó giống như cái cây cao trăm thước, từ gốc đến cành và lá đều nhất quán, không thể nói rằng phần cây ở trên mặt đất là vô hình vô ảnh; và không thể nói rằng chúng đợi người ta sắp xếp thứ tự để cho đúng đường lối. Sở dĩ như vậy là vì Lý hoàn toàn độc lập với các tạo tác của con người, nên gọi là Thiên lý.

Điểm cuối: Dường như các Lý của sự vật thể hiện cái mà sự vật phải ra như thế. Thánh nhân không tạo ra các Lý này, mà ngài cứ để cho mỗi vật ở đúng vị trí của nó, tức là khiến cho mọi vật trở thành cái mà nó phải thành.

Kiến giải của Trình Di đối với Lý là như thế, bởi vì các trích dẫn trên đây nêu rõ là của ông nói, và chúng đều có thể giải thích được. Còn như kiến giải của Trình Hạo đối với Lý có phải như thế hay không thì chúng ta không thể đoán định được, bởi vì các trích dẫn còn lại trên đây không nêu rõ là của ai trong anh em họ Trình.

Nếu chuyên lấy những lời được ghi rõ là của Trình Hạo nói trong *Nhị Trình Di Thư* mà xét, thế thì kiến giải của Trình Hạo về Lý khác với kiến giải của Trình Di. Chẳng hạn như Trình Hạo nói:

– «Cái Lý của trời đất và vạn vật là: chẳng có một thứ nào độc lập, mỗi thứ phải có cái đối lập. Chúng đều tự nhiên như thế, chứ chẳng có sự an bài nào cả. Mỗi đêm tôi nghĩ đến điều này, [lòng vui đến nỗi] "chân

tay tự nhiên múa máy mà chẳng biết".»[55]

– «Kinh Thi nói: "Trời sinh các dân; có vật thì có nguyên tắc." [...] Vạn vật đều có cái Lý của chúng. Thuận theo thì dễ, nghịch lại thì khó. Nếu mỗi thứ cứ tuân theo cái Lý của mình, thì đâu cần phải lao nhọc sức lực của mình?»[56]

– «Trời sinh ra vạn vật, có dài có ngắn, có lớn có nhỏ. Quân tử được cái lớn trong đó, sao chúng ta lại ép cái nhỏ cũng phải trở thành cái lớn? Lẽ trời (Thiên lý) là thế, lẽ nào chúng ta làm trái lại ư?»[57]

– «Người ta thuần hoá bò và mắc ngựa vào xe, làm như thế là dựa theo bản tính của chúng. Sao họ không mắc bò vào xe và thuần hoá ngựa? Vì cái Lý của chúng không thể như thế.»[58]

Theo các trích dẫn trên, cái mà Trình Hạo gọi là Lý dường như ám chỉ một thứ xu thế tự nhiên, tức là xu thế tự nhiên của vật. Cái Lý của trời đất và vạn vật tức là xu thế tự nhiên của trời đất và vạn vật. Cao đệ của anh em họ Trình là Tạ Lương Tá 謝良佐(1050-1103) nói: «Trong cái gọi là *cách vật cùng lý* (khảo sát sự vật và thấu triệt Lý của chúng), chúng ta phải nhận thấy rằng thiên lý là cái đầu tiên cần đạt được. Cái gọi là thiên lý chính là đạo lý tự nhiên, không có mảy may nhân tạo nào.

---

[55] *Nhị Trình Di Thư:* «Thiên địa vạn vật chi lý, vô độc tất hữu đối, giai tự nhiên nhi nhiên, phi hữu an bài dã. Mỗi trung dạ dĩ tư, *bất tri thủ chi vũ chi, túc chi đạo chi dã.*» 天地萬物之理, 無獨必有對, 皆自然而然, 非有安排也. 每中夜以思, 不知手之舞之, 足之蹈之也.– LAM chú: Câu cuối «*bất tri thủ chi vũ chi, túc chi đạo chi dã*» lấy ý từ *Mạnh Tử* (Ly Lâu, thượng): «Nhân chi thực, sự thân thị dã. Nghĩa chi thực, tòng huynh thị dã. Trí chi thực, tri tư nhị giả phất khứ thị dã. Lễ chi thực, tiết văn tư nhị giả thị dã. Nhạc chi thực, lạc tư nhị giả, lạc tắc sinh hĩ; sinh tắc ô khả dĩ dã; ô khả dĩ, tắc bất tri túc chi đạo chi, thủ chi vũ chi.» 仁之實, 事親是也. 義之實, 從兄是也. 智之實, 知斯二者弗去是也. 禮之實, 節文斯二者是也. 樂之實, 樂斯二者. 樂則生矣; 生則惡可已也; 惡可已, 則不知足之蹈之, 手之舞之 (Cái đích thực của nhân là thờ cha mẹ. Cái đích thực của nghĩa là thuận kính anh. Cái đích thực của trí là biết hai điều [hiếu và đễ] ấy mà chẳng bỏ qua. Cái đích thực của lễ là tiết chế và tô điểm hai điều ấy. Cái đích thực của nhạc là vui ở hai điều ấy. Hễ mình vui thì hai điều ấy phát sinh thêm. Phát sinh thêm thì sao dứt được? Không dứt được nên [mình vui] chân bước tay múa may mà mình chẳng biết).

[56] *Nhị Trình Di Thư:* «Thi viết: "Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc." [...] Vạn vật giai hữu lý. Thuận chi tắc dị, nghịch chi tắc nan. Các tuần kỳ lý, hà lao ư kỷ lực tai?» 詩曰: "天生蒸民, 有物有則." [...] 萬物皆有理. 順之則易, 逆之則難. 各循其理, 何勞於己力哉?

[57] *Nhị Trình Di Thư:* «Phù thiên chi sinh vật dã, hữu trường hữu đoản, hữu đại hữu tiểu. Quân tử đắc kỳ đại hĩ, an khả sử tiểu giả diệc đại hồ? Thiên lý như thử, khởi khả nghịch tai?» 夫天之生物也, 有長有短, 有大有小. 君子得其大矣, 安可使小者亦大乎? 天理如此, 豈可逆哉?

[58] *Nhị Trình Di Thư:* «Phục ngưu thừa mã, giai nhân kỳ tính nhi vi chi. Hồ bất thừa ngưu phục mã hồ? Lý chi sở bất khả.» 服牛乘馬, 皆因其性爲之. 胡不乘牛服馬乎? 理之所不可.–

Nay bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót [mà đến cứu nó]. Vừa chợt thấy đứa bé sắp rơi xuống giếng mà lòng bỗng sợ hãi, đó gọi là *thiên lý* vậy. Nếu vì muốn làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay vì do quen biết cha mẹ nó, hay vì sợ mang tiếng bất nhân, mà đến cứu nó, thì đó là *nhân dục* vậy. [...] Làm việc gì với dụng ý riêng, cố ý tạo tác công việc, đó gọi là nhân dục thúc đẩy. [...] Cái gọi là Thiên (Trời), chỉ là Lý mà thôi. Nó chỉ là các hành vi tự nhiên như nhìn, nghe, cử động. Tất cả hành vi tự nhiên ấy đều thuộc về Trời. "*Trời ban mệnh cho người có đức, nên có năm loại phẩm phục và năm huy hiệu phân biệt; trời phạt kẻ có tội, nên có năm hình phạt và năm loại lao dịch.*" Trong các thứ ấy chẳng có gì là do người làm cả. Người học đạo cần hiểu rằng thiên lý tức là đạo lý tự nhiên, hễ dời đổi thì không được. [...] Thầy Minh Đạo từng nói: "Cái học của ta tuy có chỗ nhận lĩnh từ người khác, nhưng hai chữ *thiên lý* thì tự ta đưa ra."»[59]

Theo trên, cái gọi là thiên lý tức là một thứ xu thế tự nhiên. Cuối đoạn trên dẫn lời Trình Hạo, có thể nhận thấy rằng lời của Tạ Lương Tá dựa trên ý của Trình Hạo. Câu «Làm việc gì với dụng ý riêng, cố ý tạo tác công việc, đó gọi là nhân dục thúc đẩy» cũng nhất trí với tinh thần của *Định Tính Thư* 定性書 của Trình Hạo (sẽ luận sau đây, mục ***g***).

Nhị Trình Di Thư chép: «Vạn vật chỉ là một thiên lý, tại sao ta lại

---

LAM chú: *Phục ngưu thừa mã* lấy từ Hệ Từ Hạ: «Phục ngưu thừa mã, dẫn trọng trí viễn, dĩ lợi thiên hạ, cái thủ chư Tuỳ.» 服牛乘馬，引重致遠，以利天下，蓋取諸隨 (Đánh xe trâu, xe ngựa; chở các thứ nặng nề đến nơi xa xôi đem lợi cho thiên hạ. Ý này lấy từ tượng của quẻ Tuỳ). Cao Hanh chú: «*Phục* và *thừa* đều là ngồi xe.» (Phục thừa giai giá dã 服乘皆駕也). Nhưng theo ngữ cảnh của câu trích từ *Nhị Trình Di Thư* trên đây, có lẽ hiểu như Richard Wilhelm lại đúng hơn: «*Họ thuần hoá bò và mắc ngựa vào xe.* Do đó vật nặng có thể được kéo đi và người ta có thể đi đến nơi xa để làm lợi cho thiên hạ. Có lẽ họ lấy ý này từ quẻ Tuỳ.» (Sie zähmten das Rind und spannten das Pferd ein. So konnten schwere Lasten gezogen und ferne Gegenden erreicht werden, um der Welt zu nützen. Das entnahmen sie wohl dem Zeichen: die Nachfolge).

59 ***Thượng Thái Ngữ Lục* 上蔡語錄: «Sở vị cách vật cùng lý, tu thị nhận đắc thiên lý thuỷ đắc. Sở vị thiên lý giả, tự nhiên để đạo lý, vô hào phát đỗ soạn. Kim nhân sạ kiến nhụ tử tương nhập ư tỉnh, giai hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm. Phương sạ kiến thời, kỳ tâm truật dịch, tức sở vị thiên lý dã. Yêu dự ư hương đảng bằng hữu, nội (nạp) giao ư nhụ tử phụ mẫu, ố kỳ thanh nhi nhiên, tức nhân dục nhĩ. [...] Nhậm tư dụng ý, đỗ soạn dụng sự, sở vị nhân dục tứ hĩ. [...] Sở vị thiên giả, lý nhi dĩ. Chỉ như thị thính động tác, nhất thiết thị thiên. *Thiên mệnh hữu đức, tiện ngũ phục ngũ chương; thiên thảo hữu tội, tiện ngũ hình ngũ dụng.* Hồn bất thị đỗ soạn tố tác lai. Học giả chỉ tu minh thiên lý thị tự nhiên đích đạo lý, di dịch bất đắc. [...] Minh Đạo thường viết: "Ngô học tuy hữu sở thụ, thiên lý nhị tự, khước thị tự gia niêm xuất lai."»** 所謂格物窮理，須是認得天理始得．所謂天理者，自然底道理，無毫髮杜撰．今人乍見孺子將入於井，皆有怵惕惻隱之心．方乍見時，其心怵惕，即所謂天理也．要譽於鄉黨朋友

can dự vào? Thậm chí như nói: "*Trời phạt kẻ có tội, nên có năm hình phạt và năm loại lao dịch; trời ban mệnh cho người có đức, nên có năm loại phẩm phục và năm huy hiệu phân biệt.*" Đó chỉ là thiên lý tự nhiên mà phải như thế. Hễ con người can dự vào, thì sự can dự ấy là chính tư ý. Có thiện, có ác. Theo Lý, thiện gây ra sự vui mừng, nên có năm loại phẩm phục tự có thứ bậc [đánh giá mức độ thiện], để làm vinh hiển [người có đức]. Theo Lý, ác gây ra sự tức giận, nên [kẻ có tội] bị dứt tuyệt ở Lý, do đó mà có năm hình phạt và năm loại lao dịch. Nhưng tại sao người ta để tâm mừng giận ở giữa chúng?»[60]

Không rõ lời trên là của Trình Hạo hay Trình Di, nhưng đại ý của nó tương đồng với ý kiến của Tạ Lương Tá, và cũng nhất trí với tinh thần của *Định Tính Thư* 定性書, cho nên có lẽ nó là lời của Trình Hạo.

Ít nhất có một điểm có thể xác định (về anh em họ Trình). Trong *Nhị Trình Di Thư*, những điều bàn về Thiên lý hay Lý gán cho Trình Hạo nói thì không cho rằng Lý lìa vật và tồn tại độc lập; còn những lời gán cho Trình Di nói thì lại chú trọng điểm ấy. Cái mà Trình Di gọi là Lý thì đại khái giống như cái mà triết học Hi Lạp gọi là *khái niệm* hay *hình thức*. Về sau, phái Lý học trong Đạo học đều chủ trương như thế. Chủ trương của

---

,內交於孺子之父母, 惡其聲而然, 即人欲耳. [...] 任私用意, 杜撰用事, 所謂人欲肆矣. [...] 所謂天者, 理而已. 只如視聽動作, 一切是天. 天命有德, 便五服五章; 天討有罪, 便五刑五用. 渾不是杜撰做作來. 學者只須明天理是自然的道理, 移易不得. [...] 明道嘗曰: "吾學雖有所受, 天理二字, 卻是自家拈出來." – LAM chú: Câu «*Thiên mệnh hữu đức, tiện ngũ phục ngũ chương; thiên thảo hữu tội, tiện ngũ hình ngũ dụng.*» 天命有德, 便五服五章; 天討有罪, 便五刑五用 ở trong *Thư Kinh* (Ngu Thư - Cao Dao Mô). *Ngũ hình* 五刑 có nhiều thuyết khác nhau. Thông thường *ngũ hình* là: 1- *Mặc* 墨 (thích chữ vào trán), 2- *Tỵ* 劓 (cắt mũi), 3- *Phí* 剕 (cắt gân gót chân), 4- *Cung* 宮 (thiến), 5- *Đại tích* 大辟 (tử hình). Nhưng *Hán Thư* (Hình Pháp Chí) quy định là: 1-*Kình* 黥 (thích chữ vào trán), 2- *Tỵ* 劓 (cắt mũi), 3- *Trảm tả hữu chỉ* 斬左右趾 (chặt hai bàn chân), 4- *Kiêu thủ* 梟首 (chặt đầu bêu giữa chợ), 5- *Trư cốt nhục* 菹骨肉 (bằm xương thịt). Còn *Tuỳ Thư* (Hình Pháp Chí) quy định là: 1-*Tử* 死 (tử hình), 2- *Lưu* 流 (lưu đày), 3- *Đồ* 徒 (giam cầm và lao động khổ sai), 4- *Trượng* 杖 (đánh bằng gậy), 5- *Si* 笞 (đánh bằng roi). (Xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.1653).

60 *Nhị Trình Di Thư:* «Vạn vật chỉ thị nhất cá thiên lý, kỷ hà dự yên? Chí như ngôn: "*Thiên thảo hữu tội, ngũ hình ngũ dụng tai; thiên mệnh hữu dức, ngũ phục ngũ chương tai.*" Thử đô chỉ thị thiên lý tự nhiên đương như thử, nhân kỷ thời dự; dự tắc tiện thị tư ý. Hữu thiện hữu ác, thiện tắc lý đương hỉ, như ngũ phục tự hữu nhất cá thứ dệ, dĩ chương hiển chi. Ác tắc lý đương nộ, bỉ tự tuyệt ư lý, cố ngũ hình ngũ dụng, hạt thường dung tâm hỉ nộ ư kỳ gian tai?» 萬物只是一個天理, 己何與焉? 至如言: "天討有罪, 五刑五用哉; 天命有德, 五服五章哉." 此都只是天理自然當如此, 人幾時與; 與則便是私意. 有善有惡, 善則理當喜, 如五服自有一個次第, 以章顯之. 惡則理當怒, 彼自絕於理, 故五刑五用, 曷嘗容心喜怒於其間哉?

phái này dường như chịu ảnh hưởng của cái gọi là Tượng số học. Trong triết học Hi Lạp, Plato chịu ảnh hưởng của học phái Pythagore, lập nên thuyết về *khái niệm*. Bởi vì số có tính chất trừu tượng, lìa sự vật cụ thể, và tồn tại độc lập. Plato bị điều ấy ám ảnh, nên xem khái niệm cũng có tính chất độc lập ấy. Ngoài thế giới cụ thể, còn có một thế giới của khái niệm, lìa không gian và thời gian mà tồn tại mãi mãi. Phái Lý học trong Đạo học cũng chịu ảnh hưởng của cái gọi là Tượng số học, mà phân biệt Khí với Lý. Khí là *chất* 質 (matter) và Lý là *thức* 式 (form), như trên đây đã nói. *Chất* thì ở trong không gian và thời gian, làm *nguyên chất* 原質 (chất liệu nguyên sơ) cho sự vật cụ thể, và nó có thể *biến, hoá, thành, huỷ* được. *Thức* thì không ở trong không gian và thời gian, không biến hoá mà tồn tại mãi mãi. Nói theo thuật ngữ của Đạo học gia, thì Khí cùng tất cả sự vật cụ thể là Hình Nhi Hạ 形而下, Lý là Hình Nhi Thượng 形而上.

Cái mà Trình Hạo gọi là Lý và Thiên lý, tức là xu thế tự nhiên của sự vật cụ thể, nó không lìa sự vật mà có. Về sau, phái Tâm học trong Đạo học cũng không cho rằng Lý lìa sự vật mà có. Do đó, trên đây tôi đã nói rằng Trình Minh Đạo (Trình Hạo) là người mở đường cho phái Tâm học còn Trình Y Xuyên (Trình Di) là người mở đường cho phái Lý học. Hai anh em họ Trình đã khai mở hai học phái lớn trong tư tưởng của một thời đại, có thể nói đó là một sự kiện rất hiếm có vậy.

b. Phê bình Phật giáo

Hễ hiểu Thiên lý rồi, chúng ta cần phải thuận theo nó mà hành động. Nhị Trình cho rằng người ta chớ như người theo Phật, vì họ không thuận theo Thiên lý, tức là họ có sự tạo tác theo ý riêng tư. Trình Hạo nói: «Thánh nhân [của đạo Nho] rất công tâm, thấu triệt Lý của trời đất và vạn vật, nên để cho mỗi vật làm phận sự của nó. Còn nhà Phật thì làm tất cả theo lòng riêng của bản thân. Họ làm sao tương đồng với thánh nhân? Thánh nhân noi theo Lý, cho nên cái mà ngài làm thì bình thường, thẳng thắn, và dễ làm. Tạo tác ra điều dị đoan, dù lớn hay nhỏ, cũng đều phí sức, chẳng được tự nhiên. Cho nên họ thật cách xa thánh nhân vậy.»[61]

---

[61] *Nhị Trình Di Thư:* **«Thánh nhân trí công tâm, tận thiên địa vạn vật chi lý, các đương kỳ phận. Phật thị tổng vi nhất kỷ chi tư, thị an đắc đồng hồ? Thánh nhân tuần lý, cố bình trực nhi dị hành. Dị đoan tạo tác, đại tiểu đại phí lực, phi tự nhiên dã, cố thất chi viễn.»** 聖人致公心, 盡天地萬物之理, 各當其分. 佛氏總爲一己之私, 是安得同乎?聖人循理, 故平直而易行. 異端造作, 大小大費力, 非自然也, 故失之遠.

Trình Di cũng nói tương tự: «Đối với cái học của nhà Phật, thực sự ta không thể nói là họ không biết gì, vì họ quá cao thâm. Tuy nhiên, xét cho cùng, họ rơi vào một quy mô tự tư tự lợi. Tại sao lại nói thế? Giữa cõi trời đất, hễ có sinh thì có tử, hễ có vui thì có buồn. Hễ đạo Phật ở đâu thì nơi đó chúng ta phải tìm kiếm một chỗ phi lý. Khi họ nói thoát sinh tử, diệt phiền não, thì rốt cuộc cũng là tự tư tự lợi.»[62]

Lại nói: «Nhà Phật muốn vất bỏ thế sự, chẳng màng đến chúng. Việc ấy có hợp với hữu chăng? Có hợp với vô chăng? Nếu hợp với hữu, thế sự bị vất bỏ thế nào? Nếu hợp với vô, thì tự nhiên thế sự sẽ là vô, vậy có cái gì để vất bỏ? Những kẻ ẩn tu [Phật giáo], mong tìm yên tĩnh, bèn bước sâu vào chốn núi rừng. Đó là vì họ không hiểu được Lý.»[63]

Nhà Phật không hiểu được Lý, vậy giáo lý của họ cũng không hợp với Lý.

c. Hình nhi thượng và hình nhi hạ

Anh em họ Trình có kiến giải khác nhau về Lý. Điều ấy thấy rõ trong kiến giải của họ về *hình nhi thượng* và *hình nhi hạ*. Trình Hạo không cho rằng Lý lìa vật mà tồn tại, nên ông không chú trọng lắm sự phân biệt hình nhi thượng và hình nhi hạ. Trình Hạo nói: «Hệ Từ nói: "Cái ở trên hình gọi là Đạo; cái ở dưới hình gọi là khí vật." Lại nói: "[Thánh nhân] xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương, đạo đất thì có nhu và cương, đạo người thì có nhân và nghĩa." Lại nói: "Một Âm và một Dương gọi là Đạo." Âm Dương cũng là hình nhi hạ, nhưng chúng được gọi là Đạo. Lời này cho thấy sự phân biệt rất rõ giữa cái trên hình và cái

---

[62] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thích thị chi học, hựu bất khả đạo tha bất tri, diệc tẫn cực hồ cao thâm. Nhiên yếu chi tốt quy hồ tự tư tự lợi chi quy mô. Hà dĩ ngôn chi? Thiên địa chi gian, hữu sinh tiện hữu tử, hữu lạc tiện hữu ai. Thích thị sở tại, tiện tu mịch nhất cá tiêm gian đả ngoa xứ. Ngôn miễn sinh tử, tề phiền não, tốt quy hồ tự tư.»** 釋氏之學,又不可道他不知,亦儘極乎高深.然要之卒歸乎自私自利之規模.何以言之?天地之間,有生便有死,有樂便有哀.釋氏所在,便須覓一個纖姦打訛處.言免生死,齊煩惱,卒歸乎自私.

[63] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thích thị yếu bính sự bất vấn. Giá sự thị hợp hữu da? Hợp vô da? Nhược thị hợp hữu, hựu an khả bính? Nhược thị hợp vô, tự nhiên vô liễu, cánh bính thập ma? Bỉ phương ngoại giả, cẩu thả vụ tĩnh, nãi viễn tích sơn lâm chi gian, cái phi lý minh giả dã.»** 釋氏要屏事不問.這事是合有耶?合無耶?若是合有,又安可屏?若是合無,自然無了.更屏什么?彼方外者,苟且務靜,乃遠迹山林之間,蓋非理明者也.

dưới hình. Âm Dương vốn là Đạo. Người ta cần im lặng mà biết nó.»[64]

Nhị Trình Di Thư nói: «Hoạt động của trời cao chẳng có âm thanh và mùi hơi; bản thể của nó gọi là Dịch; Lý của nó gọi là Đạo; tác dụng của nó gọi là Thần; mệnh của nó đối với người gọi là Tính; noi theo tính gọi là Đạo, tu Đạo gọi là Giáo. Trong đó, Mạnh Tử lại còn phát huy ra [khái niệm về] khí hạo nhiên. Có thể gọi là triệt để rồi vậy. Cho nên nói Thần như ở trên nó, như ở bên trái và bên phải nó. Việc dù lớn hay nhỏ, nhưng chỉ nói: "Chân thành không thể bị đè nén là thế đấy". Thấu triệt trên và dưới chẳng qua là như thế. Hình nhi thượng là Đạo, hình nhi hạ là khí vật (*khí* 器). Tuy nói như thế, nhưng khí vật cũng là Đạo. Đạo cũng là

---

[64] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Hệ Từ viết: "*Hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí.*" Hựu viết: "*Lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa.*" Hựu viết: "*Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo.*" Âm Dương diệc hình nhi hạ giả dã, nhi viết Đạo giả, duy thử ngữ tiệt đắc thượng hạ tối phân minh. Nguyên lai chỉ thử thị Đạo, yếu tại nhân mặc nhi thức chi dã.»** 繫辭曰:是故形而上者謂之道、形而下者謂之器. 又曰:立天之道曰陰與陽, 立地之道曰柔與剛, 立人之道曰仁與義. 又曰:一陰一陽之謂道. 陰陽亦形而下者也, 而曰道者, 惟此語截得上下最分明. 元來只此是道, 要在人默識之也. **–LAM chú: (1) Hệ Từ Thượng: «Thị cố *hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí.*»** 是故形而上者謂之道、形而下者謂之器 **(Cho nên cái ở trên hình gọi là Đạo. Cái ở dưới hình gọi là khí vật). Chữ *khí* 器 ở đây là *vật* 物. Cao Hanh chú: «Hình nhi thượng như: tư tưởng, học thuật, lý luận, phương pháp, chế độ, v.v... Hình nhi hạ như: thiên địa, động vật, thực vật, khí giới, v.v... Ở đây nói mọi thứ trong trời đất được phân làm hai loại: *Đạo* 道 và *khí* 器.» Khổng Dĩnh Đạt chú: «Đạo là tên gọi cái không hình thể; hình là tên gọi cái có vật chất. Nói chung, cái có sinh ra từ cái không; hình được lập từ Đạo. Cho nên Đạo có trước, hình có sau; Đạo ở trên hình, hình ở dưới Đạo. Cho nên từ bên ngoài hình trở lên gọi là Đạo; từ bên trong hình trở xuống gọi là khí vật.» (Đạo giả, thị vô thể chi danh; hình thị hữu chất chi xưng. Phàm hữu tòng vô nhi sinh, hình do Đạo nhi lập, thị tiên Đạo nhi hậu hình, thị Đạo tại hình chi thượng, hình tại Đạo chi hạ. Cố tự hình ngoại dĩ thượng giả vị chi Đạo dã; tự hình nội nhi hạ giả vị chi khí dã** 道者, 是無體之名;形是有質之稱. 凡有從無而生, 形由道而立. 是先道而後形, 是道在形之上, 形在道之下, 故自形外已上者謂之道也;自形內而下者謂之器也**). Richard Wilhelm dịch: «Do đó: Cái bên trên hình thể gọi là Đạo. Cái ở trong hình thể gọi là đồ vật.» (Darum: Was oberhalb der Form ist, heißt der SINN, was innerhalb der Form ist, heißt das Ding). James Legge dịch: «Do đó, tồn tại cái đi trước hình thể vật chất mà ta gọi là một phương pháp lý tưởng; tồn tại cái đi sau hình thể vật chất mà ta gọi là một vật nhất định.» (Hence that which is antecedent to the material form exists, we say, as an ideal method, and that which is subsequent to the material form exists, we say, as a definite thing). (2) Thuyết Quái: «Thị dĩ *lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa.*»** 是以立天之道曰陰與陽, 立地之道曰柔與剛, 立人之道曰仁與義 **(Cho nên, các ngài xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương, đạo đất thì có nhu và cương, đạo người thì có nhân và nghĩa). Richard Wilhelm dịch: «Do đó các ngài lập đạo trời và gọi nó là Âm Dương. Các ngài lập đạo đất và gọi nó là cái mềm và cái cứng. Các ngài lập đạo người và gọi nó là nhân và nghĩa.» (Darum stellten sie den SINN des Himmels fest und nannten ihn: das Dunkle und das Lichte. Sie stellten den SINN der Erde fest und nannten ihn: das Weiche und**

khí vật. Hễ ta cho rằng Đạo đang tồn tại, thì điều đó không can hệ với hiện tại và tương lai, với ta và người khác.»[65]

Tuy lời trên không được ghi rõ là do Trình Hạo hay Trình Di nói, nhưng có lẽ là do Trình Hạo nói, bởi vì đại ý của nó tương đồng với đại ý của câu trích dẫn ngay bên trên. Âm và Dương là hai khí có sự thịnh, suy, tiêu, trưởng; cho nên cũng là hình nhi hạ. Tuy nhiên, Trình Hạo nói Âm Dương vốn là Đạo. Hình nhi thượng là Đạo, hình nhi hạ là khí vật (*khí* 器). Tuy nói như thế, nhưng khí vật cũng là Đạo. Đạo cũng là khí vật. Do đó phái Tâm học về sau không phân biệt hình nhi thượng và hình

---

das Feste. Sie stellten den SINN des Menschen fest und nannten ihn: die Liebe und die Gerechtigkeit). James Legge dịch: «Trong chúng, các ngài bày ra đạo trời, gọi các hào là Âm và Dương; và đạo đất, gọi các hào là nhu và cương; và đạo người, dưới các danh là nhân và nghĩa.» (They exhibited in them the way of heaven, calling the lines yin and yang; the way of earth, calling them the weak or soft and the strong or hard; and the way of men, under the names of benevolence and righteousness). (3) Hệ Từ Thượng: "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo." --陰一陽之謂道(Một Âm và một Dương gọi là Đạo). Richard Wilhelm dịch: «Cái để cho hiện ra lúc thì tối (Âm) lúc thì sáng (Dương), chính là Đạo.» (Was einmal das Dunkle und einmal das Lichte hervortreten läßt, das ist der SINN). James Legge dịch: «Chuyển động liên tiếp của các hoạt động tích cực và không tích cực tạo thành cái gọi là đường đi của vạn vật.» (The successive movement of the inactive and active operations constitutes what is called the course of things).

65 ***Nhị Trình Di Thư*: «Cái thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, kỳ thể tắc vị chi Dịch, kỳ Lý tắc vị chi Đạo, kỳ dụng tắc vị chi thần, kỳ mệnh ư nhân tắc vị chi tính, suất tính tắc vị chi Đạo, tu Đạo tắc vị chi giáo. Mạnh Tử tại kỳ trung, hựu phát huy xuất hạo nhiên chi khí, khả vị tận hĩ. Cố thuyết thần như tại kỳ thượng, như tại kỳ tả hữu. Đại tiểu nghi sự nhi chỉ viết "thành chi bất khả yểm như thử phù". Triệt thượng triệt hạ bất quá như thử. Hình nhi thượng vi Đạo, hình nhi hạ vi khí; tu trước như thử thuyết. Khí diệc Đạo. Đạo diệc khí; đãn đắc Đạo tại, bất hệ kim dữ hậu, kỷ dữ nhân.»** 蓋上天之載,無聲無臭,其體則謂之易,其理則謂之道,其用則謂之神,其命於人則謂之性,率性則謂之道,修道則謂之教.孟子在其中,又發揮出浩然之氣,可謂盡矣.故說神如在其上,如在其左右.大小疑事而只曰"誠之不可掩如此夫".徹上徹下不過如此.形而上爲道,形而下爲器;須著如此說.器亦道.道亦器.但得道在,不繫今與後,己與人.**– LAM chú: Câu «*Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú*» vốn từ *Thi Kinh*, được *Trung Dung* trích dẫn ở chương 33, James Legge dịch: «Việc làm của trời cao chẳng có âm thanh và mùi hơi.» (The doings of the supreme Heaven have neither sound nor smell). Câu «*Kỳ mệnh ư nhân tắc vị chi tính, suất tính tắc vị chi Đạo, tu Đạo tắc vị chi giáo*» bắt nguồn từ *Trung Dung* (chương 1): «Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo.»** 天命之謂性、率性之謂道、修道之謂教**(Mệnh trời gọi là tính; noi theo tính gọi là Đạo; tu sửa theo Đạo gọi là giáo). James Legge dịch: «Cái mà trời phú cho ta thì gọi là bản tính; sự noi theo bản tính thì gọi là con đường bổn phận; sự tu sửa của con đường này thì gọi là giáo huấn.» (What Heaven has conferred is called the nature; an accordance with this nature is called the path of duty; the regulation of this path is called instruction). Câu «*Thành chi bất khả yểm như thử phù*» trong *Trung Dung* (chương 16), James Legge dịch: «Sự bộc lộ của chân thành không thể bị đè nén là thế đấy!» (Such is the impossibility of repressing the outgoings of sincerity!).**

nhi hạ; điều ấy khác xa phái Lý học.

Trình Di rất chú trọng sự phân biệt giữa hình nhi thượng và hình nhi hạ. Ông nói: «Một Âm một Dương gọi là Đạo. Đạo không phải là Âm và Dương, sở dĩ một Âm một Dương [tương tác] nên gọi là Đạo.»[66]

Lại nói: «Lìa bỏ Âm Dương thì không có Đạo; bởi vì Âm Dương là Đạo. Âm Dương là khí. Khí thuộc hình nhi hạ, Đạo thuộc hình nhi thượng. Hình nhi thượng thì bí mật.»[67]

Hình nhi thượng và hình nhi hạ vốn là hai từ ngữ trong Hệ Từ Thượng. Theo ý nghĩa mà Lý học gia gán cho chúng thì hình nhi hạ là khí vật, tức là sự vật cụ thể trong thời gian và không gian; còn hình nhi thượng là Đạo, tức là cái Lý trừu tượng, tồn tại mãi mãi, vượt trên cả thời gian và không gian. Hình nhi thượng được thấy ở hình nhi hạ. Không có khí vật của hình nhi hạ thì ta không thấy cái Đạo của hình nhi thượng. Cho nên Trình Di nói: «Lìa bỏ Âm Dương thì không có Đạo.» Nhưng Đạo là sự tương tác giữa một Âm và một Dương. Sự tương tác ấy không phải là Âm Dương, cho nên Trình Di nói: «Đạo không phải là Âm và Dương.» Ở đây chú trọng sự phân biệt giữa hình nhi thượng và hình nhi hạ. Phái Lý học đều như thế cả. Ý nghĩa mà các Lý học gia gán cho hình nhi thượng và hình nhi hạ thì đến Chu Hi mới trở nên hoàn bị.

Nhị Trình Di Thư nói: «Ngày nay các anh phải tự hiểu rõ Lý, như thế sẽ không phạm lỗi lầm. Phải phân biệt rõ hình nhi thượng với hình nhi hạ vậy.»[68]

Không rõ câu này là của Trình Hạo hay Trình Di, nhưng có lẽ nó do Trình Di nói.

d. Khí

Trình Hạo ít nói về Khí nhưng Trình Di thì nói nhiều. Theo Trình Di, vật bắt đầu có là do Khí hoá ra. Ông nói: «Vẫn thạch (đá từ không gian rơi xuống trái đất) không có sự truyền giống, mà nó từ Khí truyền xuống; kỳ

---

[66] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo. Đạo phi Âm Dương dã, sở dĩ nhất Âm nhất Dương giả Đạo dã.»** 一陰一陽之謂道.道非陰陽也,所以一陰一陽者道也.

[67] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Ly liễu Âm Dương tiện vô Đạo; sở dĩ Âm Dương giả thị Đạo dã. Âm Dương, khí dã. Khí thị hình nhi hạ giả, Đạo thị hình nhi thượng giả; hình nhi thượng giả, tắc thị mật dã.»** 離了陰陽便無道;所以陰陽者是道也.陰陽.氣也.氣是形而下者,道是形而上者;形而上者,則是密也.

[68] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Kim nhật tu thị tự gia ngôn hạ chiếu đắc lý phân minh, tắc bất tẩu tác, hình nhi thượng hình nhi hạ giả, diệc tu cánh phân minh tu đắc.»** 今日須是自家言下照得理分明,則不走作,形而上形而下者,亦須更分明須得.

d. Khí

Trình Hạo ít nói về Khí nhưng Trình Di thì nói nhiều. Theo Trình Di, vật bắt đầu có là do Khí hoá ra. Ông nói: «Vẫn thạch (đá từ không gian rơi xuống trái đất) không có sự truyền giống, mà nó từ Khí truyền xuống; kỳ lân cũng không có sự truyền giống, mà nó cũng do Khí hoá ra. Người dân lúc sơ sinh cũng như thế. Thậm chí khi bờ biển lộ ra bãi cát, thì có trăm loài cầm thú và thảo mộc, không truyền giống mà sinh ra. [...] Nhưng từ khi có nhân loại rồi, thì không có người do Khí hoá ra nữa.»[69]

Sự hình thành hay huỷ diệt của một vật cụ thể là do Khí tụ hay tán. Trình Di chưa hề nói rõ, nhưng có lẽ ông cũng mượn ý này của Trương Tái. Nhưng điểm khác biệt của hai ông là: Trình Di cho rằng hễ Khí mà tán thì nó trở về không; hễ Khí tụ lại thì nó tạo ra sự sống mới.

Trình Di nói: «Nếu nói rằng cái Khí đã trở về lại sẽ trở thành cái Khí dãn ra, và nói rằng sự dãn ra này ắt phải dựa vào cái Khí cũ, vậy thì lý thuyết này không phù hợp với sự biến hoá của trời đất. Sự biến hoá của trời đất là sự sinh sôi tự nhiên mãi mãi. Cần chi mà phải dựa vào các hình thể đã chết, dựa vào cái Khí đã trở về, để tạo sinh và biến hoá vạn vật? Lấy thí dụ gần là ngay bản thân chúng ta. Sự đóng mở qua lại của Khí có thể thấy ở hơi thở ra vào lỗ mũi. Việc gì mà phải hít vào cái hơi mà ta mới thở ra? Khí thì sinh ra tự nhiên vậy. Cái không khí mà con người hít thở sinh ra từ khí chân nguyên. Khí của trời cũng tự nhiên sinh sôi mãi mãi.»[70]

Trình Di lại nói: «Khi vật phân tán, thì Khí của nó dứt tận, và không quay trở về cái Lý bản nguyên. Trời đất như cái hoả lò lớn, mà sinh vật bị nấu chảy hết sạch trong đó. Huống hồ cái Khí đã tán rồi, lẽ nào lại khôi phục lại? Trời đất tạo hoá vạn vật, dùng lại cái Khí đã phân

[69] *Nhị Trình Di Thư:* **«Vẫn thạch vô chủng, chủng ư Khí, lân diệc vô chủng, diệc Khí hoá. Quyết sơ sinh dân diệc như thị. Chí như hải tân lộ xuất sa than, tiện hữu bách chủng cầm thú thảo mộc, vô chủng nhi sinh. [...] Nhược dĩ hữu nhân loại, tắc tất vô Khí hoá chi nhân.»** 隕石無種，種於氣，麟亦無種，亦氣化．厥初生民亦如是．至如海濱露出沙灘，便有百種禽獸草木，無種而生．[...] 若已有人類，則必無氣化之人．

[70] *Nhị Trình Di Thư:* **«Nhược vị ký phản chi Khí, phục tương vi phương thân chi Khí, tất tư ư thử, tắc thù dữ thiên địa chi hoá bất tương tự. Thiên địa chi hoá, tự nhiên sinh sinh bất cùng, cánh hà phục tư ư ký tễ chi hình, ký phản chi Khí, dĩ vi tạo hoá. Cận thủ chư thân, kỳ khai hạp vãng lai kiến chi tỵ tức. Nhiên bất tất tu giả hấp phục nhập dĩ vi hô. Khí tắc tự nhiên sinh. Nhân Khí chi sinh, sinh ư chân nguyên. Thiên chi Khí diệc tự nhiên sinh sinh bất cùng.»** 若謂既返之氣，復將爲方伸之氣，必資於此，則殊與天地之化不相似．天地之化，自然生生不窮，更何復資於既斃之形，既返之氣，以爲造化．近取諸身，其開闔往來見之鼻息．然不必須假吸復入以爲呼．氣則自然生．人氣之生，生於眞元．天之氣亦自然生生不窮．

Cái gọi là *chân nguyên* 眞元 cũng là Khí. Trình Di nói: «Khí chân nguyên là cái do Khí sinh ra. Nó không lộn lạo với *ngoại khí* 外氣 (khí bên ngoài), mà nó chỉ lấy *ngoại khí* để hàm dưỡng thôi. [...] Con người sống trong Khí của trời đất không khác gì cá sống trong nước.»[72]

Con người sống trong Khí của trời đất. Cái không khí mà họ hít thở chính là *ngoại khí* (khí bên ngoài). Cái không khí mà con người hít thở sinh ra từ khí chân nguyên, chứ nó không phải là khí chân nguyên. Nhưng tính chất của khí chân nguyên như thế nào thì Trình Di không nói rõ.

e. Tính

Trình Hạo nói rất ít về *Tính* 性. Ông nói: «Sự tự nhiên của trời thì gọi là thiên đạo (đạo trời). Cái mà trời phó thác cho vạn vật thì gọi là thiên mệnh (mệnh trời).»[73]

Lại nói: «Một Âm [tương tác với] một Dương thì gọi là Đạo. Đó là Đạo tự nhiên. Sự kế tiếp [giữa Âm Dương] là thiện. Đạo xuất hiện thì hữu dụng. *Nguyên* (khởi đầu lớn) là cái đứng đầu mọi điều thiện. Cái tạo thành [vạn vật] là tính. Mỗi thứ loại trong vạn vật cần làm đúng cái tính đã ấn định cho mình.»[74]

Ở đây Trình Hạo muốn nói tính là cái mà con người nhận được từ Đạo, tức là cái từ Đạo xuất ra, cũng có thể nói là cái mà trời phú bẩm

---

72 *Nhị Trình Di Thư:* **«Chân nguyên chi Khí, Khí chi sở do sinh. Bất dữ ngoại Khí tương tạp, đãn dĩ ngoại Khí hàm dưỡng nhi dĩ. [...] Nhân cư thiên địa Khí trung dữ ngư tại thuỷ vô dị.»** 眞元之氣, 氣之所由生. 不與外氣相雜, 但以外氣涵養而已. [...] 人居天地氣中與魚在水無異.

73 *Nhị Trình Di Thư:* **«Ngôn thiên chi tự nhiên giả, vị chi thiên đạo. Ngôn thiên chi phó dữ vạn vật giả, vị chi thiên mệnh.»** 言天之自然者, 謂之天道. 言天之付與萬物者, 謂之天命.

74 *Nhị Trình Di Thư:* **«Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, tự nhiên chi Đạo dã. Kế chi giả thiện dã. Xuất Đạo tắc hữu dụng, nguyên giả thiện chi trưởng dã. Thành chi giả khước chỉ thị tính, các chính tính mệnh giả dã.»** 一陰一陽之謂道, 自然之道也. 繼之者善也. 出道則有用, 元者善之長也. 成之者卻只是性, 各正性命者也.– **LAM chú: (1) Ở đây Trình Hạo mượn ý Hệ Từ Thượng: «Kế chi giả thiện dã, thành chi giả tính dã.»** 繼之者善也, 成之者性也 **(Cái kế tiếp là thiện; cái tạo thành [vạn vật] là tính).** ***Tính*** 性, **theo** ***Trung Dung*****, là** ***Thiên mệnh*** 天命: **«Thiên mệnh chi vị tính.»** 天命之謂性 **(Thiên mệnh gọi là tính). Tức vạn vật được tạo thành là do Thiên mệnh (= tính); do đó Hệ Từ Thượng cũng nói thánh nhân** ***«lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu»*** 樂天知命故不憂 **(vui với Trời và hiểu mệnh Trời, nên không lo buồn).** ***Trung Dung*** **lại nói: «Suất tính chi vị Đạo.»** 率性之謂道 **(Thuận theo tính gọi là Đạo). (*Suất*** 率 **=** ***tuần*** 循 **= thuận theo). Đạo là Âm Dương tương tác (Âm kế tiếp Dương, Dương kế tiếp Âm). Cái này kế tiếp cái kia, chính là Đạo, là thuận theo Thiên mệnh, cho nên gọi là** ***thiện*** 善 **(tốt lành). Richard Wilhelm dịch: «Cái kế tục thì tốt. Cái hoàn thành là bản tính.» (Als Fortsetzender ist er gut. Als Vollender ist er das Wesen). James Legge dịch: «Cái kế tiếp như là kết quả sự chuyển động của chúng là điều thiện; cái thể hiện trong sự thành tựu của nó**

cho. Xét từ quan điểm "*tính là cái trời phú bẩm cho người*", thì ta gọi nó là mệnh. Xét từ quan điểm "*mệnh là cái mà người nhận được từ trời để được sinh tồn*", thì ta gọi nó là tính.

Nhị Trình Di Thư cũng nói rằng: «Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính. Tính tức là khí, khí tức là tính, là cái lúc sinh ra vốn thế. Con người được phú bẩm khí, theo lý thì có thiện có ác. Nhưng điều này không có nghĩa là trong tính vốn có hai vật đối lập [thiện và ác] sinh ra. Có người từ nhỏ đã thiện, có người từ nhỏ đã ác, đó là sự tự nhiên của việc phú bẩm khí. Thiện cố nhiên là tính, nhưng ác cũng không thể không gọi là tính. Bởi vì "cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính". Chúng ta không thể nói gì về cái trước khi "con người sinh ra thì tĩnh". Khi ta nói về tính thì cái tính ấy không phải là cái tính ban đầu. Cái tính mà người ta nói chỉ là "sự kế tiếp nó là thiện" (kế chi giả thiện dã), Mạnh Tử nói bản tính con người là thiện, là như thế. Nói rằng "sự kế tiếp nó là thiện" giống như nói rằng nước chảy xuống chỗ thấp. Đều là nước cả, nhưng có

---

là bản tính của con người và sự vật.» (That which ensues as the result of their movement is goodness; that which shows it in its completeness is the natures of men and things). (2) Câu «*Nguyên giả thiện chi trưởng dã*» lấy từ Văn Ngôn quẻ Càn: «Nguyên giả thiện chi trưởng dã, hanh giả gia chi hội dã, lợi giả nghĩa chi hoà dã, trinh giả sự chi cán dã.» 元者善之長也,亨者嘉之會也,義之和也,貞者事之干也 (Nguyên là cái đứng đầu mọi điều thiện. Hanh là sự tập hợp mọi vẻ đẹp. Lợi là cái hoà theo điều nghĩa. Trinh là cốt cán của mọi việc). James Legge dịch: «Cái gọi là *nguyên* [ở Càn] (cái vĩ đại và tạo sinh) ở người là đức tính chính yếu và đầu tiên của điều thiện. Cái gọi là *hanh* (xuyên thấu) là sự tập hợp những điều tốt đẹp. Cái gọi là *lợi* là sự hài hoà của mọi cái đúng. Và cái gọi là *trinh* (đúng và vững chắc) là khả năng hành động.» (What is called [under Khien] 'the great and originating' is [in man] the first and chief quality of goodness; what is called 'the penetrating' is the assemblage of excellences; what is called 'the advantageous' is the harmony of all that is right; and what is called 'the correct and firm' is the faculty of action). (3) Câu «*Các chính tính mệnh*» lấy từ Thoán Truyện quẻ Càn: «Càn đạo biến hoá, các chính tính mệnh, bảo hợp thái hoà, nãi lợi trinh.» 乾道變化、各正性命,保合太和,乃利貞. Richard Wilhelm dịch: «Đạo Trời biến hoá và định hình vạn vật, để cho mỗi vật có được cái bản tính đúng đắn đã ấn định cho nó, rồi nó [tức đạo trời] gìn giữ chúng phù hợp với thái hoà. Như thế nó tự cho thấy thuận lợi thông qua kiên trinh.» (Der Lauf des Schöpferischen verändert und gestaltet die Wesen, bis jedes seine rechte, ihm bestimmte Natur erlangt, dann bewahrt er sie in Überstimmung mit dem großen Gleichmaß. So zeigt er sich fördernd durch Beharrlichkeit). James Legge dịch: «Phương pháp của Càn là biến đổi và chuyển hoá, để cho mọi thứ có được bản tính đúng đắn của nó mà ý trời đã định; rồi các điều kiện của sự hài hoà lớn được bảo tồn trong sự hợp nhất. Kết quả là cái thuận lợi, đúng đắn, vững chắc.» (The method of Khien is to change and transform, so that everything obtains its correct nature as appointed by the mind of Heaven; and thereafter the conditions of great harmony are preserved in union. The result is what is advantageous, and correct and firm).

khi nước chảy thẳng ra biển mà không ngưng trệ, và như thế nó chẳng phiền tới sức người làm gì; cũng có khi nước chảy chưa xa thì đã bị đục dần; cũng có khi nước chảy thật xa thì mới bị đục. Nước có khi đục nhiều, có khi đục ít. Trong đục tuy bất đồng, nhưng không thể xem nước đục không phải là nước. Như thế, con người không thể không tốn thêm công sức làm trong trẻo nó. Cho nên dùng sức mạnh gấp thì nước mau trong, dùng sức chậm chạp thì nước chậm trong. Khi nước trở nên trong trẻo rồi, thì nó đâu khác gì với thứ nước thuở ban sơ. Cũng đừng lấy nước trong hoán đổi với nước đục, cũng đừng loại bỏ nước đục đi và xếp nó vào một xó nào đó.»[75]

---

[75] *Nhị Trình Di Thư*: **«Sinh chi vị tính, tính tức khí, khí tức tính, sinh chi vị dã. Nhân sinh khí bẩm, lý hữu thiện ác, nhiên bất thị tính trung nguyên hữu thử lưỡng vật tương đối nhi sinh dã. Hữu tự ấu nhi thiện, hữu tự ấu nhi ác, thị khí bẩm tự nhiên dã. Thiện cố tính dã, nhiên ác diệc bất khả bất vị chi tính dã. Cái sinh chi vị tính, nhân sinh nhi tĩnh dĩ thượng bất dung thuyết, tài thuyết tính thời, tiện dĩ bất thị tính dã. Phàm nhân thuyết tính, chỉ thị thuyết "kế chi giả thiện dã", Mạnh Tử ngôn nhân tính thiện, thị dã. Phù sở vị kế chi giả thiện dã, do thuỷ lưu nhi tựu hạ dã. Giai thuỷ dã, hữu lưu nhi chí hải, chung vô sở ô, thử hà phiền nhân lực chi vi dã. Hữu lưu nhi vị viễn, cố dĩ tiệm trọc; hữu xuất nhi thậm viễn, phương hữu sở trọc; hữu trọc chi đa giả, hữu trọc chi thiểu giả; thanh trọc tuy bất đồng, nhiên bất khả dĩ trọc giả bất vi thuỷ dã. Như thử, tắc nhân bất khả dĩ bất gia trừng trị chi công. Cố dụng lực mẫn dũng tắc tật thanh, dụng lực đãi hoãn tắc trì thanh. Cập kỳ thanh dã, tắc khước chỉ thị nguyên sơ thuỷ dã. Diệc bất thị tương thanh lai hoán khước trọc, diệc bất thị thủ xuất trọc lai, trí tại nhất ngung dã.»** 生之謂,性息氣,氣息性,生之謂也.人生氣稟,理有善惡,然不是性中元有此兩物相對而生也.有自幼而善,有自幼而惡,是氣稟自然也.善固性也,然惡亦不可不謂之性也.蓋生之謂性,人生而靜以上不容說,才說性時,便已不是性也.凡人說性,只是說繼之者善也,孟子言人性善,是也.夫所謂繼之者善也,猶水流而就下也.皆水也,有流而至海,終無所污,此何煩人力之爲也.有流而未遠,故以漸濁;有出而甚遠,方有所濁;有濁之多者,有濁之少者;清濁雖不同,然不可以濁者不爲水也.如此,則人不可以不加澄治之功.故用力敏勇則疾清,用力怠緩則遲清.及其清也,則卻只是元初水也.亦不是將清來換卻濁,亦不是取出濁來,置在一隅也.**– LAM chú: Câu «Sinh chi vị tính» lấy từ *Mạnh Tử*, (Cáo Tử, thượng): «Cáo Tử viết: "Sinh chi vị tính." Mạnh Tử viết: "Sinh chi vị tính dã, do bạch chi vị bạch dư? Viết: "Nhiên." "Bạch vũ chi bạch dã, do bạch tuyết chi bạch; bạch tuyết chi bạch, do bạch ngọc chi bạch dư? Viết: "Nhiên." "Nhiên tắc khuyển chi tính, do ngưu chi tính; ngưu chi tính, do nhân chi tính dư?"»** 告子曰: "生之謂性." 孟子曰: "生之謂性也,猶白之謂白歟?" 曰: "然." "白羽之白也,猶白雪之白;白雪之白猶白玉之白歟?" 曰: "然." "然則犬之性,猶牛之性;牛之性,猶人之性歟?" **(Cáo Tử nói: "Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính." Mạnh Tử hỏi: "Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính, vậy cái gì trắng đều gọi là trắng sao?" Cáo Tử đáp: "Phải." Mạnh Tử hỏi: "Vậy màu trắng của lông vũ trắng giống như màu trắng của tuyết trắng, màu trắng của tuyết trắng giống như màu trắng của ngọc trắng sao?" Cáo Tử đáp: "Phải." Mạnh Tử hỏi: "Vậy cái tính của chó giống như cái tính của trâu, cái tính của trâu giống như cái tính của người sao?").**

Đoạn trên đây trong *Nhị Trình Di Thư* không thấy ghi chú là của Trình Hạo hay Trình Di, nhưng trong *Chu Tử Văn Tập* 朱子文集(quyển 67) cũng có đoạn này, ghi là thuyết của Trình Hạo luận về tính. Đại ý của đoạn văn trên là: con người là một vật cụ thể, sự sống của con người dựa vào khí. Cái khí ấy là khí được phú bẩm. Ngoài ra, con người còn nhận được từ Đạo cái gọi là tính. Sau khi chúng ta sinh ra, cái tính này lộn lạo với cái khí được phú bẩm. Khi một vật cụ thể được tạo thành rồi thì chúng ta mới có thể nói đến tính của nó. Cho nên, xét về bản thể thì nhân tính vốn chí thiện; nhưng khi con người sinh ra thì dựa vào khí. Do đó khi nói đến nhân tính tức là ta nói đến cái tính đã được khí bẩm. Cho nên trên đây họ Trình nói: «Tính tức là khí, khí tức là tính.»

Lễ Ký (Nhạc Ký) chép: «Con người khi ra đời thì tĩnh, đó là tính trời. Cảm ở ngoại vật mà động, đó là lòng dục của tính.»[76] Hệ Từ Thượng nói: «Một Âm [tương tác với] một Dương thì gọi là Đạo. Cái kế tiếp là thiện; cái tạo thành [vạn vật] là tính.»[77] Hễ nói đến tính thiện, tức là nói đến cái tính trước khi tạo thành vạn vật. Cho nên họ Trình nói: «Chúng ta không thể nói gì về cái trước khi "con người sinh ra thì tĩnh". Khi ta nói về tính thì cái tính ấy không phải là cái tính ban đầu. Cái tính mà người ta nói chỉ là "sự kế tiếp nó là thiện".» Con người được phú bẩm khí, theo lý thì có thiện có ác, giống như nước có trong có đục. Cho nên con người cần tốn thêm công sức làm trong trẻo nó, để cho tính trở về trạng thái của nó trước khi con người sinh ra.

Trình Di nói: «Nó ở trời thì gọi là mệnh, ở nghĩa thì gọi là lý, ở người thì gọi là tính, làm chủ ở thân thể thì gọi là tâm. Tâm vốn thiện; do tư lự mà phát ra thì tâm có khi thiện, có khi không thiện. Nếu phát ra rồi thì có thể gọi là tình, không thể gọi là tâm.»[78]

---

76 ***Lễ Ký*** **(Nhạc Ký): «Nhân sinh nhi tĩnh, thiên chi tính dã. Cảm ư vật nhi động, tính chi dục dã.»** 人生而靜，天之性也．感於物而動，性之欲也．

77 **Hệ Từ Thượng: «Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo. Kế chi giả thiện dã. Thành chi giả tính dã.»** 一陰一陽之謂道，自然之道也．繼之者善也．繼之者善也，成之者性也.

78 ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Tại thiên vi mệnh, tại nghĩa vi lý, tại nhân vi tính, chủ ư thân vi tâm. Tâm bản thiện; phát ư tư lự, tắc hữu thiện hữu bất thiện. Nhược ký phát tắc khả vị chi tình, bất khả vị chi tâm.»** 在天為命，在義為理，在人為性，主於身為心．心本善；發於思慮，則有善有不善．若既發則可謂之情，不可謂之心．

Trình Di lại nói: «Mạnh Tử rất đúng khi nói nhân tính vốn thiện. Tuân Tử và Dương Hùng chẳng biết về tính. Mạnh Tử sở dĩ nổi trội hẳn chư Nho là vì đã làm rõ được tính. Tính luôn thiện; cái không thiện là *tài* 才. Tính tức là lý. Cái lý này duy nhất, từ Nghiêu và Thuấn cho đến kẻ bình dân đi trên đường. Tài phú bẩm từ khí; khí có trong có đục, kẻ được phú bẩm tài từ khí trong thì hiền, được phú bẩm từ khí đục thì ngu.»[79]

Trình Di lại nói: «Tính xuất phát từ trời; tài xuất phát từ khí. Khí trong thì tài trong, khí đục thì tài đục. [...] Thí dụ đối với cây gỗ, cong hay thẳng là tính. Cái có thể làm bánh xe hay càng xe, có thể làm rường hay cột, có thể làm đà tròn hay đà vuông (để lợp ngói), chính là tài. Tài thì có thiện và không thiện; còn tính thì luôn thiện»[80]

Tính là cái mà con người nhận được từ lý. Lý thì luôn thiện. Tuy nhiên một cá nhân cụ thể đã thành một con người cụ thể rồi thì ắt phải dựa vào khí. Khí thì có trong có đục, nên có hạng người hiền và có hạng người ngu. Về phương diện bẩm thụ khí này của con người, Trình Di gọi là *tài* 才. *Tài* ý nghĩa là *tài liệu* 材料. Khi nó phát ra rồi thì gọi là tình 情. Lòng nhân là tính. Trắc ẩn thì thuộc về ái, tức là tình, không phải là tính. Căn cứ lòng trắc ẩn của một người, mà ta biết người đó có lòng nhân. Bởi vì tính không thể nhìn thấy; có thể nhìn thấy nó là khi nó phát ra, tức là tình. Về sau, Chu Hi càng phát huy thêm điểm này.

---

79 ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Mạnh Tử ngôn nhân tính thiện thị dã. Tuy Tuân Dương diệc bất tri tính dã. Mạnh Tử sở dĩ độc xuất chư Nho giả, dĩ năng minh tính dã, tính vô bất thiện; nhi hữu bất thiện giả, tài dã. Tính tức thị lý, lý tắc tự Nghiêu Thuấn chí ư đồ nhân nhất dã. Tài bẩm ư khí; khí hữu thanh trọc, bẩm kỳ thanh giả vi hiền, bẩm kỳ trọc giả vi ngu.»** , 孟子言人性善是也. 雖荀揚亦不知性也. 孟子所以獨出諸儒者, 以能明性也, 性無不善; 而有不善者, 才也. 性即是理, 理則自堯舜至於塗人一也. 才稟於氣; 氣有清濁, 稟其清者爲賢, 稟其濁者爲愚. ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Mạnh Tử ngôn nhân tính thiện thị dã. Tuy Tuân Dương diệc bất tri tính dã. Mạnh Tử sở dĩ độc xuất chư Nho giả, dĩ năng minh tính dã, tính vô bất thiện; nhi hữu bất thiện giả, tài dã. Tính tức thị lý, lý tắc tự Nghiêu Thuấn chí ư đồ nhân nhất dã. Tài bẩm ư khí; khí hữu thanh trọc, bẩm kỳ thanh giả vi hiền, bẩm kỳ trọc giả vi ngu.»** , 孟子言人性善是也. 雖荀揚亦不知性也. 孟子所以獨出諸儒者, 以能明性也, 性無不善; 而有不善者, 才也. 性即是理, 理則自堯舜至於塗人一也. 才稟於氣; 氣有清濁, 稟其清者爲賢, 稟其濁者爲愚.

80 ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Tính xuất ư thiên; tài xuất ư khí. Khí thanh tắc tài thanh, khí trọc tắc tài trọc. [...] Thí do mộc yên, khúc trực giả, tính dã. Khả dĩ vi luân viên, khả dĩ vi lương đống, khả dĩ vi viên giác giả, tài dã. Tài tắc hữu thiện dữ bất thiện; tính tắc vô bất thiện.»** 性出於天; 才出於氣. 氣清則才清, 氣濁則才濁. [...] 譬猶木焉, 曲直者, 性也. 可以爲輪轅, 可以爲梁棟, 可以爲榱桷者, 才也. 才則有善有不善; 性則無不善.

f. Sự tiêu trưởng của Âm Dương và thiện ác

Trình Hạo chưa hề nói nhiều về sự bẩm thụ khí. Tuy nhiên, về căn nguyên của ác thì ông nói: «Thiện và ác trong thiên hạ đều là thiên lý. Kẻ gọi là ác chẳng phải vốn ác; chỉ vì hoặc là thái quá hoặc là bất cập mà ra như thế, như loại người mà Dương Chu và Mặc Địch nói.»[81]

Anh em họ Trình đều xem cái ác cũng là cái ắt có trong thế giới. Trình Hạo nói: «Sự vật có thiện có ác, đều là thiên lý. Trong thiên lý, vật phải có đẹp có xấu. Đặc tính của vật là chúng không bằng nhau. Cái mà chúng ta cần xem xét, tức là chúng ta không thể tự nhập vào ác, trở thành một vật.»[82]

Trình Hạo lại nói: «Vạn vật chẳng cái nào mà không có đối lập; một Âm một Dương, một thiện một ác; Dương trưởng thì Âm tiêu, thiện tăng thì ác giảm. Cái lý ấy suy rộng ra bao xa? Người ta cần biết điều ấy.»[83]

Trình Di nói: «[Vạn vật] trong trời đất đều có sự đối lập, có Âm ắt có Dương, có thiện ắt có ác. Khí quân tử và khí tiểu nhân thường quân bình (tức là khí quân tử chiếm 5 phần, khí tiểu nhân chiếm 5 phần), không thể hoàn toàn sinh ra quân tử cả. Nếu khí quân tử chiếm 6 phần thì đời yên trị, khí tiểu nhân chiếm 6 phần thì đời loạn; nếu khí quân tử chiếm 7 phần thì đời thịnh trị, khí tiểu nhân chiếm 7 phần thì đời đại loạn. [...] Thậm chí vào đời Nghiêu và Thuấn, nhưng trong gia đình họ lại có khí dữ ngược ngạo, nên sinh [con hư hỏng là] Đan Chu và Thương Quân. Tại triều đình thì có bốn kẻ ác, lâu ngày không trừ khử được.»[84]

---

[81] *Nhị Trình Di Thư:* **«Thiên hạ thiện ác giai thiên lý. Vị chi ác giả phi bản ác; đãn hoặc quá hoặc bất cập tiện như thử, như Dương Mặc chi loại.»** 天下善惡皆天理.謂之惡者非本惡;但或過或不及便如此,如楊墨之類.

[82] *Nhị Trình Di Thư:* **«Sự hữu thiện hữu ác, giai thiên lý dã. Thiên lý trung, vật tu hữu mỹ ác. Cái vật chi bất tề, vật chi tình dã. Đãn đương sát chi, bất khả tự nhập ư ác, lưu ư nhất vật.»** 事有善有惡,皆天理也.天理中,物須有美惡.蓋物之不齊,物之情也.但當察之,不可自入於惡,流於一物.

[83] *Nhị Trình Di Thư:* **«Vạn vật mạc bất hữu đối; nhất Âm nhất Dương, nhất thiện nhất ác; Dương trưởng tắc Âm tiêu, thiện tăng tắc ác giảm. Tư lý dã, suy chi kỳ viễn hồ? Nhân chỉ yếu tri thử nhĩ.»** 萬物莫不有對;一陰一陽,一善一惡;陽長則陰消,善增則惡減.斯理也,推之其遠乎?人只要知此耳.

[84] *Nhị Trình Di Thư:* **«Thiên địa chi gian giai hữu đối, hữu Âm tắc hữu Dương, hữu thiện tắc hữu ác. Quân tử tiểu nhân chi khí thường đình, bất khả đô sinh quân tử. Đãn lục phân quân tử tắc trị, lục phân tiểu nhân tắc loạn. Thất phân quân tử tắc đại trị, thất phân tiểu nhân tắc đại loạn. [...] Tuy Nghiêu Thuấn chi thế, nhiên cư kỳ gia, quai lệ chi khí, diệc sinh Chu Quân. Tại triều tắc hữu tứ hung, cửu nhi bất khử.»** 天地之間皆有對,有陰則有陽,有善則有惡.君子小人之氣常停,不可都生君子.但六分君子則治,六分小人則亂

Một sự vật cụ thể có thành thì có hoại. Sự biến đổi ấy là do lý. *Nhị Trình Di Thư* nói: «Thuyết về sự thịnh suy của *lý* có liên quan gì với thuyết về *kiếp* (kalpas) của nhà Phật? [...] Nhà Phật nói về kiếp là thành, trụ, hoại, không. Họ nói về thành và hoại thì ta có thể chấp nhận được, còn về trụ và không thì ta không thể chấp nhận được. Thí dụ một đứa trẻ vừa mới sinh ra đời, thì nó mỗi ngày một lớn. Như vậy không thể có tình trạng trụ lại. Về cơ bản, chỉ có cái lý giảm, tăng, đầy, vơi; ngoài ra chẳng có gì khác.»[85]

Trình Di nói: «Xét về lịch đại, đời Nghiêu Thuấn và ba đời Hạ, Thương, Chu là thịnh, còn các đời sau là suy. Xét về một đời [như đời Chu], các vua Văn, Vũ, Thành, Khang là thịnh; các vua U, Lệ, Bình, Hoàn là suy. Xét về một ông vua [như Đường Huyền Tông, tại vị 712-755], các năm Khai Nguyên (713-741) là thịnh, các năm Thiên Bảo (742-755) là suy. Xét về một năm, mùa xuân và hạ là thịnh, mùa thu và đông là suy. Xét về

七分君子則大治,七分小人則大亂. [...] 雖堯舜之世,然居其家,乖戾之氣,亦生朱均.在朝則有四凶,久而不去.– **LAM chú: (1) Từ điển *Từ Bá* giảng: *đình* 停 là *bình quân* 平均, như nói *đình phân* 停分 = *quân phân* 均分 (chia đều mỗi bên một nửa: *các cứ nhất bán* 各據一半). Trong ngữ cảnh này, *thường đình* tức là khí quân tử chiếm 5 phần, khí tiểu nhân chiếm 5 phần; nếu chiếm 6 phần thì trị hoặc loạn, nếu chiếm 7 phần thì đại trị hoặc đại loạn. (2) Con của vua Nghiêu tên là Chu 朱, được phong cho đất Đan Uyên 丹淵, nên gọi là Đan Chu 丹朱. Chu là đứa con hư hỏng, nên vua Nghiêu truyền ngôi cho ông Thuấn. Con của vua Thuấn tên là Quân 均, được phong cho đất Thương 商, nên gọi là Thương Quân 商均. Quân là đứa con hư hỏng, nên vua Thuấn truyền ngôi cho ông Vũ 禹. Chế độ nhường ngôi này gọi là *thiện nhượng* 禪讓 (truyền ngôi cho người hiền chứ không truyền cho con: *truyền hiền bất truyền tử* 傳賢不傳子). Chính vua Nghiêu khai sáng chế độ truyền ngôi này. Theo *Kinh Thư - Nghiêu Điển*, vua Nghiêu gả hai ái nữ là Nga Hoàng 娥皇 và Nữ Anh 女英 cho ông Thuấn 舜 rồi thiện nhượng cho ông Thuấn. Vua Thuấn đặt quốc hiệu là Ngu 虞, định đô ở Bồ Bản 蒲阪 (tức nơi mà nay là Vĩnh Tế 永濟 ở Sơn Tây 山西). Ông Ngu trị thuỷ thành công nên vua Thuấn thiện nhượng cho ông Ngu. Vua Ngu đặt quốc hiệu là Hạ 夏. Đời nhà Hạ (2183-1752 TCN) định đô lần lượt ở Thang Địch 湯翟 (nay là huyện Ngu 禹 ở Hà Nam 河南), An Ấp 安邑 (nay là An Ấp 安邑 ở Sơn Tây 山西), Dương Thành 陽城 (nay là Đăng Phong 登封 ở Hà Nam 河南). Sau khi vua Ngu chết, dân chúng cảm ân đức của vua nên lập con của vua là Khải 啓 nối ngôi. Chế độ *thiện nhượng* bị bỏ và chế độ *quân chủ thế tập* 君主世襲 (nối đời làm vua) bắt đầu từ đấy. (3) Bốn kẻ ác (*tứ hung* 四凶) đời vua Nghiêu là: Hỗn Đôn 渾敦 (tức Hoan Đâu 驩兜), Cùng Kỳ 窮奇 (tức Cộng Công 共工), Đào Ngột 檮杌 (tức Cổn 鯀), Thao Thiết 饕餮 (tức Tam Miêu 三苗). (Xin xem thêm giải thích *tứ hung* và *tam nhân* ở chú thích 51 của chương 11 ngay trước đây).**

85 ***Nhị Trình Di Thư*: «Lý chi thịnh suy chi thuyết, dữ Thích thị sơ kiếp chi ngôn như hà? [...] Bỉ kỳ ngôn thành trụ hoại không. Viết: thành hoại tắc khả, trụ dữ không tắc phi dã. Như tiểu nhi ký sinh, diệc nhật nhật trưởng hành, nguyên bất hội trụ, đà bản lý chỉ thị nhất cá tiêu trưởng doanh khuy nhĩ, cánh một biệt sự.»** 理之盛衰之說,與釋氏初劫之言如何? [...] 彼其言成住壞空.曰:成壞則可,住與空則非也.如小兒既生,亦日日長行,元不曾住,佗本理只是一個消長盈虧耳,更沒別事.

một tháng, thượng tuần là thịnh, hạ tuần là suy. Xét về một ngày, giờ Dần và giờ Mão là thịnh, giờ Tuất và giờ Hợi là suy. Một đời người cũng có thịnh suy như vậy. Như trong 100 năm của đời người, 50 năm đầu là thịnh, 50 năm sau là suy. Nhưng có khi suy rồi thịnh trở lại, có khi suy rồi không thịnh trở lại. [...] Nếu luận về cuộc tiến hoá lớn của trời đất mà nói tổng quát, thì phải có cái lý [sau khi thịnh thì] ngày càng suy.»[86]

Thuyết trên đây tương đồng với thuyết của Thiệu Khang Tiết (xin xem lại tiết 2 của chương 11 ngay trên đây). Có lẽ anh em họ Trình đã thuật lại thuyết của Thiệu Khang Tiết.

g. Trình Minh Đạo nói về phương pháp tu dưỡng

Trình Hạo cho rằng con người cùng một thể với thiên địa vạn vật, nhưng phần lớn chúng ta chấp cái cá thể này là ngã, nên cái ngã ấy tách lìa thế giới. Mục đích tu dưỡng của chúng ta là phá vỡ cái ngăn cách giữa ngã và thế giới để trở về cảnh giới thiên địa vạn vật cùng một thể.

Trình Hạo nói: «Đức lớn của trời đất là ban cho sự sống. Trời đất giao hoà, vạn vật biến hoá đồng đều. Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính. Ý nghĩa về sự sống của vạn vật đáng cho ta xem xét nhất. *Nguyên* (khởi đầu lớn) là cái đứng đầu mọi điều thiện. Nó được gọi là nhân ái. Lòng nhân ái ấy với trời đất là một vật, nhưng tại sao con người lại đặc biệt xem nó là nhỏ bé?»[87]

---

86 ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thả dĩ lịch đại ngôn chi, nhị đế tam vương vi thịnh, hậu thế vi suy. Nhất đại ngôn chi, Văn, Vũ, Thành, Khang vi thịnh; U, Lệ, Bình, Hoàn vi suy. Dĩ nhất quân ngôn chi, Khai Nguyên vi thịnh, Thiên Bảo vi suy. Dĩ nhất tuế tắc xuân hạ vi thịnh, thu đông vi suy. Dĩ nhất nguyệt tắc thượng tuần vi thịnh, hạ tuần vi suy. Dĩ nhất nhật tắc Dần Mão vi thịnh, Tuất Hợi vi suy. Nhất thời diệc nhiên. Như nhân sinh bách niên, ngũ thập dĩ tiền vi thịnh, ngũ thập dĩ hậu vi suy. Nhiên hữu suy nhi phục thịnh giả, hữu suy nhi bất phục phản giả. [...] Nhược luận thiên địa đại vận, cử kỳ đại thể nhi ngôn, tắc hữu nhật suy tước chi lý.»** 且以歷代言之，二帝三王爲盛，後世爲衰．一代言之，文武成康爲盛，幽厲平桓爲衰．以一君言之，開元爲盛，天寶爲衰．以一歲則春夏爲盛，秋冬爲衰．以一月則上旬爲盛，下旬爲衰．以一日則寅卯爲盛，戌亥爲衰．一時亦然．如人生百年，五十以前爲盛，五十以後爲衰．然有衰而復盛者，有衰而不復反者．[...] 若論天地大運，舉其大體而言，則有日衰削之理．

87 ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thiên địa chi đại đức viết sinh. Thiên địa nhân ôn, vạn vật hoá thuần. Sinh chi vị tính. Vạn vật chi sinh ý tối khả quan, thử nguyên giả thiện chi trưởng dã, tư sở vị nhân dã. Nhân dữ thiên địa nhất vật dã, nhi nhân đặc tự tiểu chi, hà tai?»** 天地之大德曰生．天地絪縕，萬物化醇．生之謂性．萬物之生意最可觀，此元者善之長也，斯所謂仁也．仁與天地一物也，而人特自小之，何哉？ **– LAM chú: Hai câu «Thiên địa chi đại đức viết sinh» và «Thiên địa nhân ôn, vạn vật hoá thuần» đều lấy từ Hệ Từ Hạ. Câu «Nguyên giả thiện chi trưởng dã» lấy từ Văn Ngôn quẻ Càn. Câu «Sinh chi vị tính» lấy từ *Mạnh Tử* (Cáo Tử, thượng).**

Trình Hạo lại nói: «Sách y học nói chân tay tê liệt là bất nhân; đó là câu nói rất hay về tình trạng ấy. Người có lòng nhân thì xem thiên địa vạn vật là một thể, chẳng cái gì không là ta. Nhận thức được chúng là ta, nơi nào mà ta chẳng đến? Nếu không nhận thức chúng ở nơi ta, tự chúng với ta chẳng liên quan. Giống như chân tay tê liệt, khí không thông, chúng đều không thuộc về ta. Cho nên bố thí rộng khắp và giúp đỡ dân chúng, đó là công dụng của thánh nhân.»[88]

Vũ trụ là một giòng chảy lớn của sự sống và là lòng nhân ái vĩ đại. Người có đức nhân thì có thể hợp nhất thành một thể với thiên địa và vạn vật. Về phương pháp đạt tới cảnh giới ấy, Trình Hạo nói: «Người tu học trước tiên phải hiểu đức *nhân* 仁 (nhân ái). Người nhân thì hồn nhiên cùng một thể với vạn vật. Nghĩa, lễ, trí, tín đều là nhân. Hễ hiểu được lý này, thì hãy lấy *thành* 誠 và *kính* 敬 để nuôi dưỡng nó; có thế thôi. Không cần phải phòng bị kiểm tra, không cần phải tìm kiếm tới cùng. Nếu tâm lười nhác, thì phải có phòng bị; nếu tâm không lười nhác, thì phòng bị làm gì? Nếu chưa có được lý, thì cần phải tìm kiếm tới cùng. Nuôi dưỡng nó lâu ngày thì tự sáng tỏ, cần chi tìm kiếm tới cùng? Đạo này không đối lập với vạn vật; ngay đến chữ "lớn" cũng không đủ nói rõ được nó. Cái dụng của trời đất đều là cái dụng của ta. Mạnh Tử nói [cái lý của] vạn vật đều có đủ trong tâm ta; ta cần quay về xem xét bản thân để đạt được sự chân thành; đó là niềm vui lớn. Nếu quay về xem xét bản thân mà chưa đạt được sự chân thành, thì điều đó giống như có hai vật đối nhau. Như thế, nếu đem ngã hợp với phi ngã, rốt cuộc sẽ không hợp được, thế thì làm sao vui được? Ý tứ của bài Đính Ngoan (tức Tây Minh) nói đầy đủ về cái thể này. Lấy ý niệm đó mà nuôi dưỡng nó, rốt cuộc đâu còn việc gì cần làm nữa. Nếu phải có việc cần làm, thì chớ dừng lại, lòng chớ quên, chớ giúp sức cho nó mau lớn, chớ bao giờ gắng dùng một lực dù thật nhỏ bé. Đó là phép nuôi dưỡng nó vậy. Hễ nuôi dưỡng được thì sẽ có được, bởi vì cái lương tri và lương năng chưa bị chôn mất. Chính vì ta chưa trừ bỏ cái tâm quen thói cũ, nên phải nuôi dưỡng và luyện tập cái tâm ấy, lâu ngày sẽ bỏ được thói quen cũ. Cái lý này thật giản dị, chỉ lo chúng ta không giữ được nó mà thôi. Đã có thể hợp nhất thành một thể

[88] *Nhị Trình Di Thư*: **«Y thư ngôn thủ túc nuy tý vi bất nhân; thử ngôn tối thiện danh trạng. Nhân giả dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể, mạc phi kỷ dã. Nhận đắc vi kỷ, hà sở bất chí? Nhược bất hữu chư kỷ, tự bất dữ kỷ tương can. Như thủ túc bất nhân, khí dĩ bất quán, giai bất thuộc kỷ. Cố bác thi tế chúng, nãi thánh nhân chi công dụng.»** 醫書言手足痿痹爲不仁;此言最善名狀.仁者以天地萬物爲一體,莫非己也.認得爲己,何所不至?若不有諸己,自不與己相干.如手足不仁,氣以不貫,皆不屬己.故博施濟衆,乃聖人之功用.

với vạn vật mà vui, thì cũng không lo không thể giữ được nó.»[89]

Trình Hạo lại nói: «Người tu học không cần tìm kiếm đâu xa. Hãy nhận lấy nó ở gần ngay thân mình. Chỉ cần hiểu rõ thiên lý và kính cẩn mà thôi. Đó là chỗ giản dị. [...] Cho nên có đạo có lý, trời và người là một, không có phân biệt. Khí hạo nhiên cũng là khí của chúng ta. Nuôi dưỡng khí ấy thì vô hại, nên khí ấy lấp đầy trời đất. Cái Một ấy bị tư tâm che lấp, thì ta sẽ tự mãn và không khiêm hư, chỉ biết được cái nhỏ nhoi của mình. "*Tư tưởng không tà vạy; luôn kính cẩn*" (Tư vô tà, vô bất kính). Chỉ với hai câu này [trong Kinh Thi], chúng ta cứ noi theo đó mà thi hành, thì làm sao có sai lầm. Sai lầm đều do bất kính và bất chính mà ra.»[90]

---

89 *Nhị Trình Di Thư*: «Học giả tu tiên thức nhân, nhân giả hồn nhiên dữ vật đồng thể, nghĩa lễ trí tín giai nhân dã. Thức đắc thử lý, dĩ thành kính tồn chi nhi dĩ; bất tu phòng kiểm, bất tu cùng sách. Nhược tâm giải, tắc hữu phòng; tâm cẩu bất giải, hà phòng chi hữu? Lý hữu vị đắc, cố tu cùng sách; tồn cửu tự minh, an đãi cùng sách? Thử đạo dữ vật vô đối, đại bất túc dĩ minh chi. Thiên địa chi dụng, giai ngã chi dụng. Mạnh Tử ngôn vạn vật giai bị ư ngã, tu phản thân nhi thành, nãi vi đại lạc. Nhược phản thân vị thành, tắc do thị nhị vật hữu đối, dĩ kỷ hợp bỉ, chung vị hữu chi, hựu an đắc lạc? Đính Ngoan ý tứ nãi bị ngôn thử thể, dĩ thử ý tồn chi, cánh hữu hà sự. Tất hữu sự yên, nhi vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng, vị thường trí tiêm hào chi lực, thử kỳ tồn chi chi đạo. Nhược tồn đắc tiện hợp hữu đắc, cái lương tri lương năng, nguyên bất táng thất, dĩ tích nhật tập tâm vị trừ, khước tu tồn tập thử tâm, cửu tắc khả đoạt cựu tập. Thử lý chí ước, duy hoạn bất năng thủ. Ký năng thể chi nhi lạc, diệc bất hoạn bất năng thủ dã.» 學者須先識仁,仁者渾然與物同體,義禮智信皆仁也.識得此理,以誠敬存之而已;不須防檢,不須窮索.若心懈,則有防;心苟不懈,何防之有?理有未得,故須窮索;存久自明,安待窮索?此道與物無對,大不足以明之.天地之用,皆我之用.孟子言萬物皆備於我,須反身而誠,乃為大樂.若反身未誠,則猶是二物有對,以己合彼,終未有之,又安得樂?訂頑意思乃備言此體,以此意存之,更有何事.必有事焉,而勿正,心勿忘,勿助長,未嘗致纖毫之力,此其存之之道.若存得便合有得,蓋良知良能,元不喪失,以昔日習心未除,卻須存習此心,久則可奪舊習.此理至約,惟患不能守.既能體之而樂,亦不患不能守也.– LAM chú: Xin xem lại chú thích 26 của chương 11 ngay trên đây về câu «Tất hữu sự yên vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng dã» 必有事焉勿正,心勿忘,勿助長也.

90 *Nhị Trình Di Thư*: «Học giả bất tất viễn cầu, cận thủ chư thân, chỉ minh thiên lý, kính nhi dĩ hĩ, tiện thị ước xứ. [...] Cố hữu đạo hữu lý, thiên nhân nhất dã, cánh bất phân biệt. Hạo nhiên chi khí, nãi ngô khí dã. Dưỡng nhi bất hại, tắc tắc hồ thiên địa. *Nhất vi tư tâm sở tế, tắc khảm nhiên nhi nỗi, tri kỳ tiểu dã*. Tư vô tà, vô bất kính, chỉ thử nhị cú, tuần nhi hành chi, an đắc hữu sai. Hữu sai giả giai do bất kính bất chính dã.» 學者不必遠求,近取諸身,只明天理,敬而已矣,便是約處. [...] 故有道有理,天人一也,更不分別.浩然之氣,乃吾氣也.養而不害,則塞乎天地.一為私心所蔽,則欿然而餒,知其小也.思無邪,無不敬,只此二句,循而行之,安得有差.有差者皆由不敬不正也.– Câu «*Nhất vi tư tâm sở tế, tắc khảm nhiên nhi nỗi, tri kỳ tiểu dã*» dường như sót chữ *bất* 不 trước *khảm nhiên nhi nỗi*; bởi vì *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh 2000, trang 864 và 1108) giảng: *Khảm nhiên* = bất tự mãn 不自滿; *nỗi* = tâm hư 心虛. Tôi theo mạch văn mà dịch. Derk Bodde bỏ qua câu này.

Chúng ta cần biết rằng thiên địa vạn vật với chúng ta vốn là một thể. Sau khi biết được cái lý ấy rồi, thì hãy ghi nhớ mãi không quên, bất cứ làm việc gì thì cũng lấy cái tâm ấy mà làm. Đó gọi là lấy thành và kính mà nuôi dưỡng nó. Nói như Mạnh Tử là «phải có việc cần làm». Lâu ngày chầy tháng thì sẽ đạt tới cảnh giới hợp nhất thành một thể với vạn vật. Ngoài việc ấy ra thì không cần phòng bị kiểm tra, không cần phải tìm kiếm tới cùng. Nếu phòng bị kiểm tra và tìm kiếm tới cùng, thì đó là «trợ trưởng» (giúp sức cho nó mau lớn).

Nhị Trình Di Thư nói: «Người tu học cần kính cẩn giữ gìn cái tâm ấy, không thể gấp rút. Phải vun bồi sâu dày và bơi lặn trong đó, thì sau mới có thể tự đắc đạo. Nếu gấp rút mong cầu nó, thì đó chỉ là tư tâm vị kỷ, rốt cuộc không đủ để đạt đạo.»[91]

Hễ gấp rút mong cầu hiệu quả tức khắc, thì đó chỉ là tư tâm; ta cần trừ bỏ nó. Phải có việc canh cánh bên lòng, nhưng đừng giúp sức cho nó mau lớn. Ngoài điều ấy ra, chớ dùng một lực dù cỏn con để giúp nó. Lâu ngày sẽ đạt được cảnh giới đồng nhất thể với thiên địa vạn vật. Phương pháp này thực là giản dị. Mặc dù trong *Nhị Trình Di Thư* không nêu rõ câu trích trên là của Trình Hạo, nhưng Trình Hạo cũng có thể nói lời như thế.

Nếu chúng ta có thể thuận theo sự tự nhiên của thiên lý, đừng xen lẫn tư ý vào đó, thì tâm chúng ta có thể hư không như đài gương sáng. Một vật đến trước gương thì hình dung và trạng thái của vật sẽ được phản chiếu thành ảnh trong gương, vật nào ra vật đó. Gương không từ chối phản chiếu sự vật, nhưng bản thân gương thì bất động.

Có lần Trình Hạo phúc đáp thư của Trương Hoành Cừ rằng: «Cháu nhận được thư chú, nói rằng chú định tính nhưng chưa thể khiến nó bất động, bởi còn luỵ ở ngoại vật. Chú là bậc hiền, suy tư về vấn đề này đã chín. Chú còn mong đợi gì lời nói của đứa cháu nhỏ này? Nhưng cháu cũng từng suy tư về vấn đề ấy, xin phép trình bày chú xem. Cái gọi là *định* 定, thì động cũng định, tĩnh cũng định, nó không nghinh đón cái gì, và cũng không có ngoài hay trong. Nếu xem ngoại vật là bên ngoài, rồi tự dẫn dắt mình theo nó, thế là ta xem tính của ta có trong và ngoài. Nếu xem tính của ta là cái tuỳ theo ngoại vật, vậy đang lúc nó ở ngoài thì cái gì ở bên trong? Đó là có ý muốn dứt tuyệt sự lôi cuốn từ bên ngoài, chứ không biết rằng tính không có trong hay ngoài. Nếu đã xem trong và ngoài là hai căn

---

[91] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Học giả tu kính thủ thử tâm, bất khả cấp bách. Đương tài bồi thâm hậu, hàm vịnh ư kỳ gian, nhiên hậu khả dĩ tự đắc. Đãn cấp bách cầu chi, chỉ thị tư kỷ, chung bất túc dĩ đạt đạo.»** 學者須敬守此心，不可急迫．當栽培深厚，涵泳於其間，然後可以自得．但急迫求之，只是私己，終不足以達道．

bản, thì còn nói thế nào là định nữa? Đạo thường của trời đất là lấy tâm trời đất phổ cập vạn vật mà không có tư tâm. Đạo thường của thánh nhân là lấy tình của mình thuận theo vạn vật mà không có tình riêng. Cho nên cái học của người quân tử chẳng gì bằng rộng mở mà rất công bằng. Hễ vật đến thì thuận ứng. Kinh Dịch nói: "Trinh cát hối vong, đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư." 貞吉悔亡,憧憧往來,朋從爾思(Kiên trì thì tốt, hối tiếc biến mất; băn khoăn lo lắng; qua lại không yên. Chỉ có bạn bè của anh sẽ theo anh và suy nghĩ cùng anh).[92] Nếu cứ khư khư trừ bỏ sự lôi cuốn từ bên ngoài, thì sẽ thấy hễ diệt bên đông nó sẽ sinh bên tây. Chẳng những không có ngày giờ để diệt trừ hết, mà cái đầu mối của nó thì vô cùng, không thể diệt trừ cho hết. Tình cảm con người, ai cũng có sự che lấp, nên không thể thích ứng với Đạo. Phần lớn lỗi lầm là ở lòng riêng tư và sự dụng trí. Có lòng riêng tư thì không thể lấy hữu vi để đáp ứng ngoại vật; có sự dụng trí thì không thể xem giác ngộ là tự nhiên. Nay lấy lòng ghét ngoại vật để cầu sự soi sáng vào chỗ không có vật, thì khác gì xoay lưng vào gương mà mong nó soi sáng vậy. Kinh Dịch nói: "Cấn kỳ bối bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình bất kiến kỳ nhân." 艮其背不獲其身,行其庭,不見其人(Giữ yên cái lưng để thân thể không cảm giác. Đi vào sân và không thấy người của mình).[93] Mạnh Tử cũng nói: "Cái đáng ghét ở kẻ trí

[92] LAM chú: Đây là hào cửu tứ quẻ Hàm.– Chu Hi phiên thiết 憧憧 là *«xương dung phản, hựu âm đồng»* 昌容反又音同; như vậy đọc là *xung xung* hoặc *đồng đồng*. Bản *Bạch Thư Hệ Từ* chép là *dồng dồng* 童童. Vương Túc giảng: *«Đồng đồng* 憧憧 = dáng đi lại tấp nập không ngừng» (vãng lai bất tuyệt mạo 往來不絕貌). *Thuyết Văn* giảng: «Đồng là ý chưa định» (Đồng, ý bất định dã 憧,意不定也). Ngu Phiên giảng: «Đồng là trầm tư suy nghĩ.» (Đồng, hoài tư lự dã 憧,懷思慮也). *Bằng* 朋 = bạn bè. *Nhĩ* 爾 = mi, ngươi. *Tư* 思 = tư tưởng. Richard Wilhelm dịch: «Kiên trì mang lại may mắn. Hối hận biến mất. Nếu một người băn khoăn tư lự, thì chỉ có bạn bè của hắn mới theo hắn; tức là những người mà hắn đã hướng tư tưởng hữu thức của hắn đến họ.» (Beharrlichkeit bringt Heil. Die Reue schwindet. Wenn man aufgeregt hin und her denkt, so folgen nur die Freunde, auf die man bewußte Gedanken richtet).

[93] LAM chú: Richard Wilhelm dịch: «Hắn giữ yên cái lưng để cho không còn cảm giác thân thể nữa. Hắn đi vào sân và không thấy người của mình.» (Stillehalten seines Rückens, so daß er seinen Leib nicht mehr empfindet. Er geht in seinen Hof und sieht nicht seine Menschen). *Tính Mệnh Khuê Chỉ* của Doãn Chân Nhân chép: «Cấn kỳ bối bất hoạch kỳ thân; Thánh nhân dĩ thử tẩy tâm thoái tàng ư mật.» 艮其背不獲其身;聖人以此洗心退藏於密. Câu trước là quái từ quẻ Cấn; câu sau trong tiết 11-2 của Hệ Từ Thượng. Đạo gia đời Đường và đời Tống gọi là đây là công phu Mộc Dục 沐浴(tắm rửa), thời nay gọi là phép Cấn Bối 艮背. Tất cả đều do đạo lý này: Tâm thuộc *hoả* mà ẩn tàng trong *thuỷ* của lưng (Đốc Mạch); đó là ý nghĩa của *tẩy* (rửa). Tâm ở phía trước mà ẩn tàng nơi sau lưng; đó là nghĩa của *thoái* (lui). Do đó đạo gia phải hàng phục Tâm, câu thúc nó rất cẩn thận. Vậy tạm thời đem Tâm hoả từ phương Nam mà tàng trữ ở Bối thuỷ phương Bắc. Thuỷ hoả hỗ tương giao dưỡng, tự nhiên niệm lự không sinh. Bạch Ngọc Thiềm nói «Tẩy Tâm địch lự vi mộc dục» 洗心滌慮爲沐浴(Mộc dục là Tẩy Tâm, là rửa sạch niệm lự) là như thế.

là sự xuyên tạc của họ." Xem bên ngoài là sai, bên trong là đúng, thì chi bằng quên cả trong và ngoài. Quên cả trong và ngoài thì trong sáng vô sự. Vô sự thì định, định thì sáng, sáng thì còn có sự ứng vật nào làm luỵ ta nữa? Thánh nhân vui mừng, vì thấy vật đáng vui mừng. Thánh nhân giận, vì thấy vật đáng giận. Cái mừng và giận của thánh nhân không ràng buộc ở tâm mà ràng buộc ở vật. Như thế lẽ nào thánh nhân không ứng vật sao? Vậy thì sao lại xem việc đi theo cái bên ngoài là sai, mà tìm cái bên trong xem là phải? Nay lấy sự mừng giận của lòng riêng tư và sự dụng trí mà so với sự mừng giận chính đáng của thánh nhân thì thấy nó khác nhau thế nào? Tình cảm của con người dễ bộc phát mà khó khống chế, nhất là sự giận dữ. Nếu đang giận mà có thể quên ngay cái giận để xem rõ lẽ phải trái, thì cũng có thể thấy rằng sự lôi cuốn từ bên ngoài không đáng ghét, mà đối với Đạo thì cũng có thể nghĩ thấu hơn phân nửa vậy.»[94]

---

[94] ***Minh Đạo Văn Tập:*** **«Thừa giáo dụ dĩ định tính vị năng bất động, do luỵ ư ngoại vật. Thử hiền giả lự chi thục hĩ. Thượng hà sĩ tiểu tử chi ngôn. Nhiên thường tư chi hĩ, cảm cống kỳ thuyết ư tả hữu. Sở vị định giả, động diệc định, tĩnh diệc định, vô tương nghinh, vô nội ngoại. Cẩu dĩ ngoại vật vi ngoại, khiên kỷ nhi tòng chi, thị dĩ kỷ tính vi hữu nội ngoại dã. Thả dĩ kỷ tính vi tuỳ vật ư ngoại, tắc đương kỳ tại ngoại thời, hà giả vi tại nội? Thị hữu ý ư tuyệt ngoại dụ, nhi bất tri tính chi vô nội ngoại dã. Kỳ dĩ nội ngoại vi nhị bản, tắc hựu ô khả cự ngữ định tai? Phù thiên địa chi thường, dĩ kỳ tâm phổ vạn vật nhi vô tâm. Thánh nhân chi thường, dĩ kỳ tình thuận vạn vật nhi vô tình. Cố quân tử chi học, mạc nhược khuếch nhiên nhi đại công, vật lai nhi thuận ứng. Dịch viết: "Trinh cát hối vong, đồng đồng vãng lai, bằng tòng nhĩ tư." Cẩu qui qui ư ngoại dụ chi trừ, tương kiến diệt ư đông nhi sinh ư tây dã. Phi duy nhật chi bất túc, cố kỳ đoan vô cùng, bất khả đắc nhi trừ dã. Nhân chi tình các hữu sở tế, cố bất năng thích Đạo. Đại suất hoạn tại tự tư nhi dụng trí. Tự tư tắc bất năng dĩ hữu vi vi ứng tích; dụng trí tắc bất năng dĩ minh giác vi tự nhiên. Kim dĩ ố ngoại vật chi tâm nhi cầu chiếu vô vật chi địa, thị phản giám nhi sách chiếu dã. Dịch viết: "Cấn kỳ bối bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình bất kiến kỳ nhân." Mạnh thị diệc viết: "Sở ố ư trí giả, vi kỳ tạc dã." Dữ kỳ phi ngoại nhi thị nội, bất nhược nội ngoại chi lưỡng vong dã. Lưỡng vong tắc trừng nhiên vô sự hĩ. Vô sự tắc định, định tắc minh, minh tắc thượng hà ứng vật chi vi luỵ tai? Thánh nhân chi hỉ, dĩ vật chi đương hỉ. Thánh nhân chi nộ, dĩ vật chi đương nộ. Thị thánh nhân chi hỉ nộ, bất hệ ư tâm nhi hệ ư vật dã. Thị tắc thánh nhân khởi bất ứng ư vật tai? Ô đắc dĩ tòng ngoại giả vi phi, nhi cánh cầu tại nội giả vi thị dã. Kim dĩ tự tư dụng trí chi hỉ nộ, nhi thị thánh nhân hỉ nộ chi chính, vi hà như tai? Phù nhân chi tình, dị phát nhi nan chế giả, duy nộ vi thậm. Năng ư nộ thời, cự vong kỳ nộ, nhi quan lý chi thị phi, diệc khả kiến ngoại dụ chi bất túc ố, nhi ư Đạo diệc tư quá bán hĩ.»** 承教諭以定性未能不動，猶累於外物，此賢者慮之熟矣，尚何俟小子之言，然嘗思之矣，敢貢其說於左右，所謂定者，動亦定，靜亦定，無將迎，無內外，苟以外物爲外，牽己而從之，是以己性爲有內外也，且以己性爲隨物於外，則當其在外時，何者爲在內？是有意於絕外誘、不知性之無內外也，既以內外爲二本，則又烏可遽語定哉？夫天地之常，以其心普萬物而無心，聖人之常，以其情順萬物而無情，故君子之學，莫若廓然而大公，物來而順應，易曰："貞吉悔亡，憧憧往來，朋從爾思。" 苟規規於外誘之除，將見滅於東而生於西也，非惟日之不足，顧其端無窮，不可得而除也，人之情各有所蔽，故不能適道，大率患在自私而用智，自私

Khổng Tử từng khen Nhan Hồi là «bất thiên nộ»[95] 不遷怒 (không giận lây). Trình Di luận về lời ấy rằng: «Chúng ta phải hiểu vì sao Nhan Hồi không giận lây. Giống như vua Thuấn diệt bốn kẻ ác, thì cái giận của ngài nhắm vào bọn chúng, nhưng vua Thuấn sao lại can dự vào? Bởi vì bốn kẻ ấy có cái đáng giận nên ngài giận. Cái tâm của thánh nhân vốn chẳng có sân giận. Thí dụ như gương sáng: vật đẹp đặt trước gương thì ảnh phản chiếu đẹp; vật xấu đặt trước gương thì ảnh phản chiếu xấu. Chứ gương chẳng có lòng ưa ghét. Người đời thì giận chuyện trong nhà nhưng sắc giận còn mang ra ngoài chợ. [...] Còn thánh nhân thì do ở sự vật mà giận chứ trong lòng chưa hề có sân giận. [...] Quân tử thì sai khiến vật, tiểu nhân thì bị vật sai khiến. Nay giả sử có người thấy sự việc đáng mừng hay đáng giận thì tự để mình đồng nhất phần nào với sự mừng hay giận ấy. Đó cũng là tự làm nhọc mình. Tâm của thánh nhân thì như nước tĩnh lặng.»[96]

Trang Tử nói: «Bậc chí nhân dụng tâm như chiếc gương soi: không từ chối cũng không nghinh đón ngoại vật soi vào, đáp ứng với ngoại vật nhưng không tàng chứa hình ảnh của chúng, cho nên thắng mọi vật và

則不能以有爲爲應跡;用智則不能以明覺爲自然.今以惡外物之心而求照無物之地,是反鑑而索照也.易曰:"艮其背不獲其身,行其庭,不見其人." 孟氏亦曰:"所惡於智者,爲其鑿也." 與其非外而是內,不若內外之兩忘也.兩忘則澄然無事矣.無事則定,定則明,明則尚何應物之累哉?聖人之喜,以物之當喜.聖人之怒,以物之當怒.是聖人之喜怒,不繫於心而繫於物也.是則聖人豈不應於物哉?烏得以從外者爲非,而更求在內者爲是也.今以自私用智之喜怒,而視聖人喜怒之正,爲何如哉?夫人之情,易發而難制者,惟怒爲甚.能於怒時,遽忘其怒,而觀理之是非,亦可見外誘之不足惡,而於道亦思過半矣.

95 **LAM chú: *Luận Ngữ* (Ung Dã): «Nhan Hồi giả hiếu học, bất thiên nộ, bất nhị quá.»** 顏回者好學,不遷怒,不二過 **(Nhan Hồi hiếu học, không giận lây kẻ khác, không tái phạm lỗi lầm).**

96 ***Nhị Trình Di Thư:* «Tu thị lý hội đắc nhân hà bất thiên nộ. Như Thuấn chi tru tứ hung, nộ tại tứ hung, Thuấn hà dữ yên. Cái nhân thị nhân hữu khả nộ chi sự nhi nộ chi, thánh nhân chi tâm, bản vô nộ dã. Thí như minh kính, hảo vật lai thời, tiện kiến thị hảo; ố vật lai thời, tiện kiến thị ố; kính hà thường hữu hảo ố dã. Thế chi nhân cố hữu nộ ư thất nhi sắc ư thị. [...] Nhược thánh nhân nhân vật nhi vị thường hữu nộ. [...] Quân tử dịch vật, tiểu nhân dịch ư vật. Kim nhân kiến hữu khả hỉ khả nộ chi sự, tự gia trước nhất phân bồi phụng tha, thử diệc lao hĩ. Thánh nhân tâm như chỉ thuỷ.»** 須是理會得因何不遷怒.如舜之誅四凶,怒在四凶,舜何與焉.蓋因是人有可怒之事而怒之,聖人之心,本無怒也.譬如明鏡,好物來時,便見是好;惡物來時,便見是惡;鏡何嘗有好惡也.世之人固有怒於室而色於市.[...] 若聖人因物而未嘗有怒.[...] 君子役物,小人役於物.今人見有可喜可怒之事,自家著一分陪奉他,此亦勞矣.聖人心如止水.

không làm ai thương tổn.»[97] Đạo học gia cũng nói sự dụng tâm của chúng ta cũng nên như thế. Nhưng điểm khác biệt là: tâm của Đạo học gia (neo-confucianist) ứng vật mà không bao lấy tình cảm bên trong; còn phương pháp Đạo gia (taoist) ứng phó tình cảm là lấy lý mà chuyển hoá tình cảm (xin xem lại quyển I, tiết 6 của chương 10).

Kẻ có thể lấy lý chuyển hoá tình, tự bản thân không có tình cảm. Còn Đạo học gia chủ trương tình cảm cũng có thể có, nhưng khi chúng ta có tình cảm thì đừng xem tình cảm ấy là tự ngã. Khi thấy chuyện đáng mừng hay đáng giận thì thánh nhân cũng có tình cảm mừng giận, nhưng chẳng phải thánh nhân vốn có mừng giận mà là chính sự việc ấy đáng mừng hay đáng giận nên thuận ứng. Khi sự việc ấy qua đi thì sự mừng giận cũng mất. Vì thế Nhan Hồi không giận lây. Người bình thường có chuyện đáng giận thì giận, nhưng khi chuyện ấy qua rồi mà lòng vẫn còn giận. Đó gọi là giận lây. Trên đây, Trình Hạo nói: «Đạo thường của thánh nhân là lấy tình của mình thuận theo vạn vật mà không có tình riêng.» Ý này cũng giống như Thiệu Ung nói: «Lấy vật làm vui vật, lấy vật thương xót vật, đó là sự thể hiện trung dung vậy.»[98] Phương pháp như thế là do không có lòng riêng tư, không có dụng trí. Không có lòng riêng tư, tức là «rộng mở mà rất công bằng»; không có dụng trí, tức là «vật đến thì thuận ứng». Nếu được như thế thì tâm của chúng ta tịch nhiên thường chiếu (vắng lặng và luôn soi sáng).

Có thể tu dưỡng đến cảnh giới tối cao hợp thành một thể với thiên địa vạn vật, thì tính của chúng ta được phát triển rất lớn. Đó gọi là *tận tính* 盡性. Trình Hạo nói: «Cùng lý, tận tính, cho đến thiên mệnh. Ba việc này đạt được cùng lúc, chứ chúng vốn không có thứ tự. Không thể xem cùng lý là vấn đề chỉ để biết. Nếu quả thực đã cùng được lý, thì tính và mệnh cũng được giải quyết xong.»[99]

Về câu chót trên đây, Trình Hạo nói: «Người tu học trước tiên phải hiểu đức *nhân* 仁 (nhân ái).» và: «Hễ hiểu được lý này, thì hãy lấy *thành* 誠 và *kính* 敬 để nuôi dưỡng nó; có thế thôi.» Nuôi dưỡng nó mãi, thì sẽ

---

[97] ***Trang Tử*** **(Ứng Đế Vương): «Chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng, cố năng thắng vật nhi bất thương.»** 至人之用心若鏡,不將不迎,應而不藏,故能勝物而不傷.

[98] ***Hoàng Cực Kinh Thế*** **(Quan Vật Ngoại Thiên, hạ): «Dĩ vật hỉ vật, dĩ vật bi vật, thử phát nhi trung tiết dã.»** 以物喜物,以物悲物,此發而中節也.

[99] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Cùng lý tận tính dĩ chí ư mệnh. Tam sự nhất thời tịnh liễu, nguyên vô thứ tự. Bất khả tương cùng lý tác tri chi sự. Nhược thực cùng đắc lý, tắc tính mệnh diệc khả liễu.»** 窮理盡性以至於命.三事一時並了,元無次序.不可將窮理作知之事.若實窮得理,則性命亦可了.

đạt tới cảnh giới hợp thành một thể với thiên địa vạn vật, tức là cùng lý và cũng là tận tính và chí mệnh. Cho nên ông nói: «Không thể xem cùng lý là vấn đề chỉ để biết. Nếu quả thực đã cùng được lý, thì tính và mệnh cũng được giải quyết xong.»

h. Trình Y Xuyên nói về phương pháp tu dưỡng

Phương pháp tu dưỡng của Trình Di chú trọng cùng lý, nhưng lời ông giảng về cùng lý thì gần với vấn đề chỉ để biết. Trình Di nói: «Sự hàm dưỡng tinh thần là ở kính cẩn; sự tiến bộ của học vấn là ở trí tri.»[100]

Về công hiệu của sự kính cẩn, Trình Di nói: «Kính cẩn để làm ngay thẳng bên trong. Làm chủ bên trong thì sẽ đạt được *hư* 虛 (hư không) và tự nhiên tâm sẽ tĩnh lặng. Như vậy, làm sao đạt được *hư*? Ắt phải luôn có việc canh cánh bên lòng, cần phải lấy kính cẩn để làm việc ấy. Đạo này cực kỳ đơn giản, cực kỳ dễ dàng, lại bớt công sức. Dù nói điều ấy, ta gần với lời luận bàn của người thường, nhưng nắm giữ nó lâu dài thì sẽ có sự khác biệt.»[101]

Trình Di lại nói: «Lã Dữ Thúc từng hỏi ta cách tránh cho tâm bị nhiễu loạn, ta đáp sở dĩ tâm nhiễu loạn vì nó vô chủ. Nếu lấy kính cẩn làm chủ nó, thì tự nhiên hết nhiễu loạn, ví như lấy một bình đầy nước ném vào nước. Bên trong bình đã đầy, dù nước sông hồ cũng không thể vào được.»[102]

Hễ kính thì trong tâm sẽ hư không. Tóm lại, kính tức là công phu mà Mạnh Tử nói là «luôn có việc canh cánh bên lòng». Liêm Khê chủ về tĩnh, anh em họ Trình chủ về kính. Kính và tĩnh khác nhau. Trình Di nói: «Hễ kính thì tự hư tĩnh, nhưng không thể gọi hư tĩnh là kính.»[103]

---

[100] *Nhị Trình Di Thư:* «Hàm dưỡng tu dụng kính; tiến học tắc tại trí tri.» 涵養須用敬,進學則在致知.

[101] *Nhị Trình Di Thư:* «Kính dĩ trực nội, hữu chủ ư nội tắc hư, tự nhiên vô phi tịch chi tâm, như thị tắc an đắc bất hư. Tất hữu sự yên, tu bả kính lai tố kiện sự trứ. Thử đạo tối thị giản, tối thị dị, hựu tỉnh công phu, vi thử ngữ duy cận tự thường nhân sở luận, nhiên trì chi cửu tất biệt.» 敬以直內,有主於內則虛,自然無非僻之心,如是則安得不虛.必有事焉,須把敬來做件事著.此道最是簡,最是易,又省功夫,爲此語惟近似常人所論,然持之久必別.

[102] *Nhị Trình Di Thư:* «Lã Dữ Thúc thường vấn vi tư lự phân nhiễu, mỗ đáp dĩ đãn vi tâm vô chủ. Nhược chủ ư kính, tắc tự nhiên bất phân nhiễu, thí như dĩ nhất hồ thuỷ, đầu ư thuỷ trung, hồ trung ký thực, tuy giang hồ chi thuỷ, bất năng nhập hĩ.» 呂與叔嘗問爲思慮紛擾,某答以但爲心無主.若主於敬,則自然不紛擾,譬如以一壺水,投於水中,壺中既實,雖江湖之水,不能入矣.

[103] *Nhị Trình Di Thư:* «Kính tắc tự hư tĩnh, bất khả bả hư tĩnh hoán tố kính.» 敬則自虛靜,不可把虛靜喚做敬.

Trình Di lại nói: «Nói đến *tĩnh* thì rơi vào thuyết của nhà Phật. Nên ta dùng chữ *kính* chứ không dùng chữ *tĩnh*. Khi nói đến chữ *tĩnh* thì kết quả là *vong* (quên). Mạnh Tử viết: "Nếu phải có việc cần làm, thì chớ dừng lại, lòng chớ quên, chớ giúp sức cho nó mau lớn." Nếu phải có việc cần làm, thì tâm không quên. Ta không dừng lại và không giúp sức cho nó mau lớn.»[104]

Trong *Định Tính Thư*, Trình Hạo cũng nói đến *định* chứ không nói đến *tĩnh*, bởi vì tĩnh thì đối đãi với động, còn định thì tóm lấy cả động và tĩnh.

Một phương diện khác trong phương pháp tu dưỡng của Trình Di tập trung vào hai thuật ngữ *trí tri* 致知 và *cách vật* 格物 của sách *Đại Học*. Ông nói: «Có người hỏi cách tu dưỡng trước hết là gì? Đáp: Trước hết chẳng gì ngoài chính tâm và thành ý. Thành ý là ở tại trí tri. Trí tri là ở tại cách vật. Cách có nghĩa là đến, như chữ *cách* trong câu "tổ khảo lai cách" (tổ tiên đến) [trong Kinh Thư]. Một vật có một lý, mà ta phải xét tới cùng cái lý của nó. Cùng lý cũng có nhiều đường, hoặc đọc sách giảng rõ nghĩa lý, hoặc luận nhân vật cổ kim, phân biệt cái đúng cái sai của họ; hoặc ứng vật và tiếp vật mà ở chỗ đúng đắn của nó; mấy việc ấy đều là cùng lý. Có người hỏi cách vật phải khảo sát từng vật, hay là chỉ khảo sát một vật mà muôn lý đều biết. Đáp: Làm sao mong hiểu thông tất cả trong một lúc. Ngay cả Nhan Hồi còn không dám nói chỉ khảo sát một vật, mà rồi thông mọi lý. Cần phải hôm nay khảo sát một việc, ngày mai khảo sát một việc nữa. Luyện tập lâu ngày thì tự nhiên có chỗ thông suốt hết thảy vậy.»[105]

---

[104] ***Nhị Trình Di Thư*****: «Tài thuyết tĩnh tiện nhập ư Thích thị chi thuyết dã. Bất dụng tĩnh tự, chỉ dụng kính tự. Tài thuyết trước tĩnh tự tiện thị vong dã. Mạnh Tử viết: "Tất hữu sự yên, nhi vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng dã." Tất hữu sự yên tiện thị tâm vật vong, vật chính, tiện thị vật trợ trưởng.»** 纔說靜便入於釋氏之說也.不用靜字,只用敬字.纔說著靜字便是忘也.孟子曰:"必有事焉,而勿正,心勿忘,勿助長也." 必有事焉便是心勿忘,勿正,便是勿助長.

[105] ***Nhị Trình Di Thư*****: «Hoặc vấn tiến tu chi thuật hà tiên. Viết: Mạc tiên ư chính tâm thành ý. Thành ý tại trí tri. Trí tri tại cách vật. Cách, chí dã, như tổ khảo lai cách chi cách. Phàm nhất vật thượng hữu nhất lý, tu thị cùng trí kỳ lý. Cùng lý diệc đa đoan, hoặc độc thư giảng minh nghĩa lý, hoặc luận cổ kim nhân vật, biệt kỳ thị phi; hoặc ứng vật tiếp vật nhi xử kỳ đáng; giai cùng lý dã. Hoặc vấn cách vật tu vật vật cách chi, hoàn chỉ cách nhất vật nhi vạn lý giai tri. Viết: Chẩm sinh tiện hội cai thông. Nhược chỉ cách nhất vật, tiện thông chúng lý, duy Nhan Tử diệc bất cảm như thử đạo. Tu thị kim nhật cách nhất kiện, minh nhật hựu cách nhất kiện. Tích tập ký cửu, nhiên hậu thoát nhiên tự hữu quán thông xứ.»** 或問進修之術何先.曰:莫先於正心誠意.誠意在致知.致知在格物.格,至也,如祖考來格之格.凡一物上有一理,須是窮致其理.窮理亦多端,或獨書講明義理,或論古今人物,別其是非;或應物接物而處其當;皆窮理也.或問格物須物物格之,還只格一物而萬理皆知.曰:怎生便會該通.若只格一物,便通眾理,惟顏子亦不敢如此道.須是今日格一件,明日又格一件.積習既久,然後脫然自有貫通處.

Công phu cách vật là khiến ta hiểu đúng cái lý của sự vật. Có hiểu đúng thì mới hành động được. Trình Di nói: «Hiểu đúng về lý là nhận thức đúng về cái đúng và cái sai. Hễ có được sự hiểu đúng về lý thì tự nhiên có sự phân biệt ở tâm. Cái tai nghe miệng nói không thể hiện đúng sự nhận thức đúng của tâm. Nếu thể hiện đúng, thì nó không chịu yên ở chỗ không yên. [...] Đạp nước và lửa, thì ai cũng tránh, đó là sự nhận thức đúng. Người ta khi gần gũi điều bất thiện thì phải có cái tâm như khi mò vào nước sôi, thế thì tự nhiên phân biệt. Ngày xưa có kẻ từng bị thương vì cọp vồ. Khi người ta nói đến cọp, đứa trẻ nhỏ cũng sợ, nhưng cái sợ ấy sao bằng cái sợ của kẻ từng bị cọp vồ, thần sắc của hắn khiếp sợ; sợ hãi thật sự. Đó là một thí dụ về sự nhận thức đúng.»[106]

Công phu cách vật là để chúng ta thấy được cái lý chân thực của sự vật. Trình Di nói: «Có cái cần biết thì biết, biết xong thì xong. Cần phải xem cái biết là gốc. Khi biết sâu thì hành động sẽ đạt. Không biết đúng thì không thể thi hành. Biết mà không thể thi hành thì đó là cái biết nông cạn. Đói mà không ăn thức dơ bẩn, không đạp lên nước lửa, đó là biết vậy. Người ta làm điều bất thiện, chỉ vì không biết đó thôi.»[107] Đó là thuyết tri hành hợp nhất của Trình Di.

Cách vật lâu ngày thì sẽ có chỗ quán thông. Bởi vì trong tâm chúng ta có đủ các lý. Cho nên hễ cùng lý của vật thì cũng là cùng lý trong tâm chúng ta. Trình Di nói: «Có người hỏi: khi quan sát ngoại vật với bản thân ta, ta có nên thấy ngoại vật rồi và quay về tìm ở bản thân không? Đáp: Không cần nói như thế, vật và ngã cùng một lý, hễ hiểu cái kia thì

---

[106] *Nhị Trình Di Thư*: «Thực lý giả, thực kiến đắc thị, thực kiến phi. Phàm thực lý đắc chi ư tâm tự biệt. Nhược nhĩ văn khẩu đạo giả, tâm thực bất kiến. Nhược kiến đắc, tất bất khẳng an ư sở bất an. [...] Đạo thuỷ hoả tắc nhân giai tị chi, thị thực kiến đắc. Tu hữu cận bất thiện như thám thang chi tâm, tắc tự nhiên biệt. Tích nhược kinh thương ư hổ giả, tha nhân ngữ hổ, tắc tuy tam xích đồng tử, giai tri hổ chi khả uý, chung bất tự tằng kinh thương giả, thần sắc nhiếp cụ, chí thành uý chi, thị thực kiến đắc dã.» 實理者,實見得是,實見非.凡實理得之於心自別.若耳聞口道者,心實不見.若見得,必不肯安於所不安.[...] 蹈水火則人皆避之,是實見得.須有近不善如探湯之心,則自然別.昔若經傷於虎者,他人語虎,則雖三尺童子,皆知虎之可畏,終不自曾經傷者,神色懾懼,至誠畏之,是實見得也.

[107] *Nhị Trình Di Thư*: «Tri chí tắc đương chí chi, tri chung tắc đương toại chung chi. Tu dĩ tri vi bản. Tri chi thâm tắc hành chi tất chí. Vô hữu tri nhi bất năng hành giả. Tri nhi bất năng hành, chỉ thị tri đắc thiển. Cơ nhi bất thực ô uế, nhân nhi bất đạo thuỷ hoả, chỉ thị tri. Nhân vi bất thiện, chỉ vi bất tri.» 知至則當至之,知終則當遂終知.須以知爲本.知之深則行之必至.無有知而不能行者.知而不能行,只是知得淺.飢而不食烏喙,人而不蹈水火,只是知.人爲不善,只爲不知.

biết cái này. Đó là đạo hợp nhất ngoài với trong vậy.»[108]

Chỉ có thế thôi, cho nên hễ cùng được lý, thì tuyệt đỉnh công phu ấy cũng có thể khiến ta bỗng nhiên giác ngộ toàn thể tâm ta. Cái tâm ấy là tâm của trời đất. Trình Di nói: «Tâm của một người là tâm của trời đất; lý của một vật là lý của vạn vật. Sự vận chuyển của một ngày là sự vận chuyển của một năm.»[109]

Trình Di lại nói: «Cùng lý, tận tính, chí mệnh, chỉ là một việc. Hễ cùng lý thì tận tính; hễ tận tính thì chí mệnh.»[110]

Ở đây anh em họ Trình nói cùng vấn đề cùng lý nhưng hàm nghĩa thì khác.

Từ các đoạn trích dẫn trên, chúng ta có thể thấy rằng về phương pháp tu dưỡng thì anh em họ Trình cũng là người tiên phong của hai phái Tâm học và Lý học về sau. Sự hàm dưỡng phải dùng kính cẩn, Trình Hạo cũng nói vậy, nhưng ông cho rằng trước tiên phải hiểu lý rồi sau mới thành và kính mà nuôi dưỡng nó. Ở đây Trình Hạo khái quát cái mà phái Tâm học về sau gọi là «tiên lập hồ kỳ đại giả» 先立乎其大者(trước hết phải xác lập cái trọng đại của nó). Trình Di một mặt thì dùng kính cẩn mà hàm dưỡng, không để cái tâm sái quấy sinh ra; một mặt thì cách vật dần dần, hôm nay rồi ngày mai, để mong đạt được chỗ quán thông. Lý thuyết này về sau được Chu Hi phát huy, mà chương sau đây sẽ nói rõ.

---

108 *Nhị Trình Di Thư:* **«Vấn quan vật sát kỷ, hoàn nhân kiến vật phản cầu chư thân phủ. Viết: Bất tất như thử thuyết, vật ngã nhất lý, tài minh bỉ, tức hiểu thử, hợp nội ngoại chi đạo dã.»** 問觀物察己,還因見物反求諸身否.曰:不必如此說,物我一理,纔明彼,即曉此,合內外之道也.

109 *Nhị Trình Di Thư:* **«Nhất nhân chi tâm tức thiên địa chi tâm. Nhất vật chi lý tức vạn vật chi lý. Nhất nhật chi vận tức nhất tuế chi vận.»** 一人之心即天地之心,一物之理即萬物之理.一日之運即一歲之運.

110 *Nhị Trình Di Thư:* **«Cùng lý tận tính chí mệnh, chỉ thị nhất sự. Tài cùng lý tiện tận tính; tài tận tính tiện chí mệnh.»** 窮理盡性至命,只是一事.纔窮理便盡性;纔盡性便至命.

CHƯƠNG 13

CHU HI

Trong số các Đạo học gia, Chu Hi (1130-1200) là người tổng hợp các học thuyết của Chu Đôn Di, Thiệu Ung, Trương Tái, Nhị Trình, và lập thành phái Lý học. *Tống Sử* (Đạo Học Truyện) chép: «Chu Hi 朱熹, tự là Nguyên Hối 元晦 hay Trọng Hối 仲晦, người quê ở Vụ Nguyên 婺源, thuộc Huy Châu 徽州 (nay thuộc Giang Tây). [...] Chu Hi học khắp ở kinh truyện, lại còn quảng giao với các nhân sĩ học thức bấy giờ. Lý Đồng 李侗 (1088-1158) ở Diên Bình đã già, từng học La Tòng Ngạn 羅從彥 (1072-1135). Chu Hi [làm chủ bạ ở] Đồng An, sau bỏ về. [Lý Đồng ẩn cư] không xa vài trăm dặm, Chu Hi bèn đến học Lý Đồng. [...] Hoàng Cán 黃榦 (là đệ tử của Chu Hi) nói: "Nền chính thống của Đạo đợi người rồi mới truyền. Từ đời Chu đến nay, nhận nhiệm vụ truyền Đạo không quá vài người, mà kẻ có thể khiến cho Đạo rực rỡ chỉ có một hai người thôi. Từ Khổng Tử về sau, có Tăng Tử và Tử Tư kế thừa được sự vi diệu của Đạo, cho đến Mạnh Tử mới bắt đầu nổi bật. Từ Mạnh Tử về sau, có Chu Đôn Di, anh em họ Trình, Trương Tái nối được giòng đã đứt của Đạo, cho đến Chu Hi mới bắt đầu nổi bật."»[1]

Theo *Tống Sử*, Chu Hi mất năm Khánh Nguyên 慶元 thứ 6 đời Tống Ninh Tông 宋寧宗 (tức Triệu Khoách 趙擴, tại vị 1195-1224), thọ 71 tuổi. Ông mất 100 năm sau khi Trình Di mất. Ông học Lý Đồng; Đồng học La Tòng Ngạn; Ngạn học Dương Thời 楊時 (1053-1135); Thời học anh

---

[1] **_Tống Sử_ (Đạo Học Truyện): «Chu Hi, tự Nguyên Hối, nhất tự Trọng Hối, Huy Châu, Vụ Nguyên nhân. [...] Hi chi học, ký bác cầu chi kinh truyện, phục biến giao đương thời hữu thức chi sĩ. Diên Bình Lý Đồng lão hĩ, thường học ư La Tòng Ngạn; Hi quy tự Đồng An, bất viễn số bách lý, đồ bộ vãng tòng chi. [...] Hoàng Cán viết: "Đạo chi chính thống, đãi nhân nhi hậu truyền. Tự Chu dĩ lai, nhậm truyền Đạo chi trách giả, bất quá số nhân. Nhi kỳ năng sử tư Đạo chương chương giảo trứ giả, nhất nhị nhân nhi chỉ nhĩ. Do Khổng Tử nhi hậu, Tăng Tử, Tử Tư kế kỳ vi, chí Mạnh Tử nhi thuỷ trứ. Do Mạnh Tử nhi hậu, Chu Trình Trương Tử kế kỳ tuyệt, chí Hi nhi thuỷ trứ."»** 朱熹,字元晦,一字仲晦,徽州,婺源人. [...] 熹之學,既博求之經傳,復遍交當時有識之士.延平李侗老矣,嘗學於羅從彥;熹歸自同安,不遠數百里,徒步往從之. [...] 黃榦曰:"道之正統,待人而後傳.自周以來,任傳道之責者,不過數人.而其能使斯道章章較著者,一二人而止耳.由孔子而後,曾子子思繼其微,至孟子而始著.由孟子而後,周程張子繼其絕,至熹而始著."

em họ Trình. Do đó Chu Hi tự nhận cái học của ông nối tiếp sự truyền thừa của anh em họ Trình. Trong lời tựa của *Đại Học Chương Cú*, Chu Hi viết: «Ở Hà Nam xuất hiện hai phu tử họ Trình, tiếp nối được chân truyền của Mạnh Tử. [...] Hi này không mẫn tiệp, nhưng cũng hân hạnh hưởng được sự giáo dục của hai ngài do các vị khác truyền lại.»[2]

1. Lý và Thái Cực

Hình nhi thượng học của Chu Hi lấy *Thái Cực Đồ Thuyết* của Chu Liêm Khê làm cốt cán, rồi dung hợp với số học của Thiệu Ung, thuyết về Khí của Trương Tái, hình nhi thượng và hình nhi hạ cũng như thuyết về Lý và Khí của anh em họ Trình. Cho nên cái học của Chu Hi có thể nói là tập đại thành các Đạo học gia về trước. Về sự phân biệt Đạo 道 thuộc hình nhi thượng và Khí 器 (khí vật) thuộc hình nhi hạ, Chu Hi nói: «Có vật và có hình tượng, tức là Khí 器 (khí vật); cái tạo ra Lý của Khí tức là Đạo.»[3]



Chu Hi

Cái gọi là Đạo 道 ở đây ám chỉ một nguyên lý hay khái niệm trừu tượng; còn Khí 器 ám chỉ một sự vật cụ thể. Chu Hi nói: «Cái thuộc hình nhi thượng và không có hình ảnh là cái Lý này. Cái thuộc hình nhi hạ và có tình trạng là cái Khí (khí vật) này.»[4]

Chu Hi lại nói: «Vô Cực là Thái Cực. [Lời ấy của Chu Đôn Di] không có nghĩa là có một vật (tức Thái Cực) rực rỡ ở trong đó. Nó chỉ có nghĩa rằng ngay thuở ban sơ đều không có một vật, mà chỉ có cái Lý ấy thôi. [...] Vì Lý có nhiều, nên vật cũng có nhiều.»[5]

Nếu nói theo thuật ngữ triết học hiện đại, cái gọi là hình nhi thượng

[2] ***Đại Học Chương Cú Tự:*** **«Hà Nam Trình thị lưỡng phu tử xuất, nhi hữu dĩ tiếp hồ Mạnh thị chi truyền. [...] Tuy dĩ Hi chi bất mẫn, diệc hạnh tư thục nhi dữ hữu văn yên.»** 河南程氏兩夫子出,而有以接乎孟氏之傳. [...] 雖以熹之不敏,亦幸私淑而與有聞焉.

[3] **Dữ Lục Tử Tĩnh Thư** 與陸子靜書: **«Phàm hữu vật hữu tượng giả, tức khí dã; sở dĩ vi thị khí chi lý giả, tắc Đạo dã.»** 凡有物有象者,即器也;所以爲是器之理者,則道也.

[4] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Hình nhi thượng giả, vô hình vô ảnh thị thử lý. Hình nhi hạ giả, hữu tình hữu trạng thị thử khí.»** 形而上者無形無影是此理.形而下者有情有狀是此器.

[5] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Vô Cực nhi Thái Cực, bất thị thuyết hữu cá vật sự, quang huy huy địa tại ná lý. Chỉ thị thuyết đương sơ giai vô nhất vật, chỉ hữu thử lý nhi dĩ. [...] Duy kỳ lý hữu hứa đa, cố vật hữu hứa đa.»** 無極而太極,不是說有個物事,光輝輝地在那裏.只是說當初皆無一物,只有此理而已. [...] 惟其理有許多,故物有許多.

là cái *tiềm tồn* 潛存 (subsist: tồn tại mà tiềm ẩn) vượt trên không gian và thời gian; cái gọi là hình nhi hạ là cái *tồn tại* 存在 (exist) trong không gian và thời gian. Cái vượt trên không gian và thời gian thì không thể thấy được hình tượng, cho nên cái gọi là Thái Cực không có nghĩa là có một sự vật rực rỡ ở trong đó. Chu Hi nói: «Vô Cực là Thái Cực. [Lời ấy] chỉ có nghĩa là vô hình nhưng có Lý.» (Vô Cực nhi Thái Cực, chỉ thị thuyết vô hình nhi hữu lý 無極而太極,只是說無形而有理).

«Vì Lý có nhiều, nên vật cũng có nhiều.» Không có Lý ấy thì sẽ không thể có vật ấy. Chu Hi nói: «Khi một vật được tạo ra, thì trong nó có một Lý nào đó. Đối với vạn vật được tạo ra trong vũ trụ, trong mỗi vật cũng đều có một Lý nào đó.»[6]

Không những vạn vật trong trời đất mỗi thứ đều có Lý, mà chính con người cũng vậy. *Ngữ Lục* chép: «Hỏi: "Vật khô héo cũng có tính, nói vậy là sao?" Đáp: "Đó là chúng vốn có một Lý như thế. Cho nên nói: Trong trời đất không có vật nào là ở ngoài tính.[7] Nhân lúc bước trên bậc thềm, thầy nói: Gạch của bậc thềm này có cái Lý của gạch. Nhân lúc ngồi ghế, thầy nói: Ghế trúc này có cái Lý của ghế trúc."»[8]

Ngữ Lục chép: «Hỏi: "Lý là cái mà người và vật cùng nhận được từ trời. Như vật vô tình cũng có Lý hay chăng?" Đáp: "Cố nhiên là có Lý, giống như thuyền chỉ có thể đi trên nước, xe chỉ có thể chạy trên bộ."»[9]

Vật trong trời đất, bất kể là thiên nhiên hay nhân tạo, đều có cái Lý khiến cho nó phải như thế. Cái Lý ấy đã có trước khi vật được tạo ra. Chu Hi nói: «Xét về phương diện Lý, tuy chưa có vật nhưng đã có Lý của vật rồi. Tuy nhiên cũng chỉ có cái Lý ấy, ngay cả khi chưa thực có cái vật ấy.»[10]

---

6 **_Chu Tử Ngữ Loại:_ «Tố xuất ná sự, tiện thị giá lý hữu ná Lý. Phàm thiên địa sinh xuất ná vật, tiện đô thị ná lý hữu ná Lý.»** 做出那事,便是這裏有那理.凡天地生出那物,便都是那裏有那理.

7 **Derk Bodde chú: Ở đây rõ ràng Tính được xem như Lý.**

8 **_Chu Tử Ngữ Loại:_ «Vấn: "Khô cảo chi vật diệc hữu tính, thị như hà?" Viết: "Thị tha hợp hạ hữu thử lý. Cố vân: thiên hạ vô tính ngoại chi vật. Nhân hành giai, vân: Giai chuyên tiện hữu chuyên chi lý. Nhân toạ, vân: Trúc ỷ tiện hữu trúc ỷ chi lý."»** 問:"枯槁之物亦有性,是如何?" 曰:"是他合下有此理.故云:天下無性外之物.因行階,云:階磚便有磚之理.因坐,云:竹椅便有竹椅之理."

9 **_Chu Tử Ngữ Loại:_ «Vấn: "Lý thị nhân vật đồng đắc ư thiên giả. Như vật chi vô tình giả, diệc hữu lý phủ?" Viết: "Cố thị hữu lý, như chu chỉ khả hành chi ư thuỷ, xa chỉ khả hành chi ư lục."»** 問:"理是人物同得於天者.如物之無情者,亦有理否?" 曰:"固是有理,如舟只可行之於水,車只可行之於陸."

10 **_Chu Văn Công Văn Tập_ (Đáp Lưu Thúc Văn Thư): «Nhược tại Lý thượng khán, tắc tuy vị hữu vật nhi dĩ hữu vật chi Lý. Nhiên diệc đãn hữu kỳ Lý nhi dĩ, vị thường thực hữu thị vật dã.»** 若在理上看,則雖未有物而已有物之理.然亦但有其理而已,未嘗食有是物也.

Như lúc chưa có thuyền và xe, thì đã có cái Lý của thuyền và xe hay khái niệm về thuyền và xe rồi. Nhưng bấy giờ chỉ có khái niệm chứ chưa có vật thực. Nên Chu Hi nói: «Tuy nhiên cũng chỉ có cái Lý ấy, ngay cả khi chưa thực có cái vật ấy.» Cái gọi là phát minh ra thuyền và xe chẳng qua là phát hiện ra cái Lý của thuyền và xe, rồi dựa theo Lý ấy mà tạo ra thuyền và xe trong thực tế. Cho nên hễ có vật, bất kể là thiên nhiên hay nhân tạo, thì cái Lý của nó đều đã có trong thế giới của Lý thuộc hình nhi thượng. Do đó, thế giới của Lý thuộc hình nhi thượng quả thực vốn là một thế giới cực kỳ hoàn toàn. *Ngữ Lục* chép: «Người họ Từ hỏi: "Khi trời đất chưa phân, thì bên dưới đã có nhiều vật chưa?" Đáp: "Chỉ có cái Lý cho vạn vật. Trời đất sinh ra vạn vật muôn ngàn năm, xưa nay không có nhiều hơn vật."»[11]

Ý nói có nhiều vật tiềm ẩn trong vũ trụ; tuy vật chưa xuất hiện nhưng cái Lý của nó đã có rồi. Hễ có một Lý thì có vật tương ứng với nó, hễ không có một Lý nào đó thì vật tương ứng với nó sẽ không có.

Cái Lý của một sự vật là cái hình thức rất hoàn toàn của sự vật ấy, cũng là tiêu chuẩn tối cao của nó. Đó là ý nghĩa của chữ Cực 極. *Ngữ Lục* chép: «Tất cả sự vật đều có một Cực, đó là cái tột cùng của đạo lý. Tưởng Nguyên Tiến nói: "Như lòng nhân ái của vua, sự tôn kính của bầy tôi đối với vua, đó là Cực." Chu Tử đáp: "Đó là cái Cực của một sự hay một vật. Còn cái Lý của cả thảy thiên địa vạn vật chính là Thái Cực. Thái Cực vốn không có cái danh này, chỉ là [chúng ta] gọi để biểu thị nó thôi."»[12]

Thái Cực chính là sự tổng hoà của các Lý của vạn vật trong trời đất, và cũng là tiêu chuẩn tối cao của vạn vật và trời đất. Chu Hi nói: «Thái Cực chỉ là cái đạo lý chí thiện hết sức tốt đẹp. [...] Cái mà Chu Đôn Di gọi là Thái Cực là để biểu thị sự vô cùng tốt lành của người và vật trong trời đất.»[13]

---

[11] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Từ vấn: "Thiên địa vị phán thời, hạ diện hứa đa đô dĩ hữu phủ?" Viết: "Chỉ thị đô hữu thử lý, thiên địa sinh vật thiên vạn niên, cổ kim chỉ bất ly hứa đa vật."»** 徐問："天地未判時，下面許多都已有否？" 曰："只是都有此理，天地生物千萬年，古今只不離許多物."

[12] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Sự sự vật vật giai hữu cá Cực, thị đạo lý chi cực chí. Tưởng Nguyên Tiến viết: "Như quân chi nhân, thần chi kính, tiện thị Cực." Tiên sinh viết: "Thử thị nhất sự nhất vật chi Cực. Tổng thiên địa vạn vật chi Lý, tiện thị Thái Cực. Thái Cực bản vô thử danh, chỉ thị cá biểu đức."»** 事事物物皆有個極，是道理之極至.蔣元進曰："如君之仁，臣之敬，便是極." 先生曰："此是一事一物之極.總天地萬物之理，便是太極.太極本無此名，只是個表德."

[13] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Thái Cực chỉ thị cá cực hảo chí thiện đích đạo lý. [...] Chu Tử sở vị Thái Cực, thị thiên địa nhân vật vạn thiện chí hảo đích biểu đức. »** 太極只是個極好至善的道理. [...] 周子所謂太極，是天地人物萬善至好的表德.

Nói thế, tức Thái Cực là tiêu chuẩn tối cao của vạn vật trong trời đất, tức là cái mà Plato gọi là «the Idea of the Good» (khái niệm thiện hảo) còn Aristotle gọi là «God» (thượng đế).

Thái Cực chính là sự tổng hoà của các Lý của vạn vật trong trời đất, cho nên mọi Lý đều có đủ trong Thái Cực. *Chu Tử Ngữ Loại* chép: «Thái Cực có đủ các Lý của ngũ hành và Âm Dương, chứ không phải là một vật rỗng không. Khi nói Thái Cực giống như không, thì điều ấy tương tự nhà Phật nói về Tính. Chu Tử lại nói: Nhà Phật chỉ thấy cái vỏ bên ngoài, chứ không thấy được các Lý ở bên trong sự vật. Họ xem quan hệ giữa vua và bề tôi cũng như quan hệ giữa cha và con đều là hư ảo và sai lầm.»[14]

Chu Hi lại nói: «Có người tên là Lý Bá Văn, đã từng học Phật, tự cho mình có chút sở đắc, biện luận nhiều năm, chẳng chịu thua ai chút nào. Gần đây hắn đến thăm tôi, lại giở lý thuyết cũ của hắn ra nói. Chu Hi tôi nhân đó mới hỏi hắn câu "thiên mệnh gọi là tính". Câu ấy phải chăng có ý nói tính là không và trong nó chẳng có một pháp nào hết? Hay là nói muôn vạn Lý đều có đủ trong nó? Nếu là không, thì Phật thắng; còn nếu có thực, thì Nho đúng. Vấn đề này cũng có thể quyết định mà không đợi lời lẽ của hai bên.»[15]

Chu Hi lại nói: «Thái Cực, là Đạo thuộc hình nhi thượng. Âm Dương là Khí thuộc hình nhi hạ. Do đó, từ phương diện hiển hiện mà xem nó, thì tuy động tĩnh không đồng thời, Âm Dương không đồng vị, nhưng Thái Cực thì chỗ nào cũng có. Từ phương diện tế vi mà xem nó, thì tuy Thái Cực trống không, thâm sâu, vi tế, không hiển lộ, nhưng các Lý của động

---

[14] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Thái Cực thị ngũ hành Âm Dương chi lý giai hữu, bất thị không đích vật sự. Nhược thị không thời, như Thích thị thuyết tính tương tự. Hựu viết: Thích thị chỉ kiến đắc cá bì xác, lý diện hứa đa đạo lý, tha khước bất kiến. Tha giai dĩ quân thần phụ tử vi ảo vọng.»** 太極是五行陰陽之理皆有,不是空的物事.若是空時,如釋氏說性相似.又曰:釋氏只見皮殼,裏面許多道理,他卻不見.他皆以君臣父子爲幻妄.

[15] ***Chu Văn Công Văn Tập*** **(Đáp Trương Kính Phu Thư): «Thử hữu Lý Bá Văn giả, cựu thường học Phật, tự dĩ học hữu sở kiến, biện luận luỹ niên, bất khẳng thiểu khuất. Cận thường lai phỏng, phục lý tiền ngữ. Hi nhân vấn thiên mệnh chi vị tính, thử cú vị không vô nhất pháp da? Vị vạn lý tất cụ da? Nhược không, tắc Phù Đồ thắng; quả thực, tắc Nho giả thị. Thử diệc bất đãi lưỡng ngôn nhi quyết hĩ.»** 此有李伯閒者,舊嘗學佛,自以學有所見,辯論累年,不肯少屈.近嘗來訪,復理前語.熹因問天命之謂性,此句謂空無一法耶?謂萬理畢具耶?若空,則浮屠勝;果實,則儒者是.此亦不待兩言而決矣.

tĩnh và Âm Dương đều có đủ trong Thái Cực.»[16]

«Từ phương diện hiển hiện mà xem nó» tức là tại sự vật cụ thể mà xem nó. «Từ phương diện tế vi mà xem nó» tức là từ phương diện bản thể của Thái Cực mà xem nó. Thái Cực không có hình tượng, mà trong nó có đủ vạn Lý, nên Chu Hi nói: «Tuy Thái Cực trống không, thâm sâu, vi tế, không hiển lộ, nhưng các Lý của động tĩnh và Âm Dương đều có đủ trong Thái Cực.» Ở đây, Chu Hi nêu ra sự bất đồng giữa Đạo học và Phật học, mà tiết 7 sau đây sẽ nói kỹ hơn.

Thái Cực tồn tại vĩnh viễn. Chu Hi nói: «Sau khi có Lý này, mới có Khí 氣 này. Đã có Khí này, sau đó Lý này mới có chỗ an nghỉ. Lớn như trời đất, nhỏ như con dế con kiến, tất cả sinh vật đều đúng như thế. [...] Nếu ta muốn dùng một chữ để gọi Lý, thì không thể lấy chữ *hữu* hay *vô* mà luận, bởi vì khi trời đất chưa có thì Lý vốn đã như thế rồi.»[17]

Trước tiên đã có Lý, rồi sau mới sinh ra các vật cụ thể (lớn thì như trời đất, nhỏ thì như con dế con kiến). Lý không thể lấy chữ *hữu* hay *vô* mà luận, bởi vì Lý tồn tại vĩnh viễn. Thái Cực là toàn thể của Lý, và vì lẽ đó mà Thái Cực vượt trên cả không gian và thời gian. Chu Hi nói: «Thái Cực không có nơi chốn nhất định, không có hình thể, và không có địa điểm để dừng lại.»[18]

Thái Cực cũng không có động và tĩnh. Chu Hi nói: «Hỏi: "Thái Cực Đồ nói: [...] Thái Cực động thì sinh Dương, động cực điểm thì tĩnh; tĩnh thì sinh Âm. Thái Cực là Lý; Lý làm sao mà động và tĩnh? Hữu hình thì có động và tĩnh; Thái Cực thì vô hình, e rằng ta không thể lấy động và tĩnh mà nói tới nó. Nam Hiên nói: 'Thái Cực không thể không động và

---

[16] *Thái Cực Đồ Thuyết Chú:* **«Thái Cực, hình nhi thượng chi Đạo dã. Âm Dương, hình nhi hạ chi Khí dã. Thị dĩ tự kỳ trứ giả nhi quan chi, tắc động tĩnh bất đồng thời, Âm Dương bất đồng vị, nhi Thái Cực vô bất tại yên. Tự kỳ vi giả nhi quan chi, tắc xung mục vô trẫm, nhi động tĩnh Âm Dương chi Lý, dĩ tất cụ ư kỳ trung hĩ.»** 太極，形而上之道也.陰陽，形而下之器也.是以自其著之而觀之，則動靜不同時，陰陽不同位，而太極無不在焉.自其微者而觀之.則沖穆無朕，而動靜陰陽之理，已悉具於其中矣.– **LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: *Xung* 沖 dùng thông với *chung* 盅 nghĩa là *không hư* 空虛 (trống rỗng); *mục* 穆 là *thâm viễn u vi* 深遠幽微 (thâm sâu, xa xôi, u tối, nhỏ nhặt); *trẫm* 朕 là *trẫm triệu* 朕兆 (điềm báo trước).**

[17] *Chu Văn Công Văn Tập* **(Đáp Dương Chí Nhân Thư): «Hữu thử Lý hậu, phương hữu thử Khí. Ký hữu thử Khí, nhiên hậu thử Lý hữu an đốn xứ. Đại nhi thiên địa, tế nhi lâu nghĩ, kỳ sinh giai thị như thử. [...] Yếu chi Lý chi nhất tự, bất khả dĩ hữu vô luận, vị hữu thiên địa chi thời, tiện dĩ như thử liễu dã.»** 有此理後，方有此氣.既有此氣，然後此理有安頓處.大而天地，細而螻蟻，其生皆是如此. [...] 要之理之一字，不可以有無論，未有天地之時，便已如此了也.

[18] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Thái Cực vô phương sở, vô hình thể, vô địa vị khả đốn phóng.»** 太極無方所，無形體，無地位可頓放.

tĩnh'. Tôi chưa hiểu ý của ông ta." Đáp: "Bởi vì có các Lý của động và tĩnh, nên Khí có động và tĩnh. Nếu không có các Lý của động và tĩnh, thì Khí tự nó có động và tĩnh hay sao?"»[19]

Ngữ Lục chép: «Bởi có cái Lý của động, nên có thể động mà sinh Dương; bởi có cái Lý của tĩnh, nên có thể tĩnh mà sinh Âm. Đã động, thì Lý lại ở trong động; đã tĩnh, thì Lý lại ở trong tĩnh. Hỏi: "Động tĩnh là Khí. Vậy phải chăng cái Lý ấy làm chủ của Khí nên Khí có thể hoạt động như thế?" Đáp: "Đúng vậy."»[20]

«Động tĩnh là Khí.» Trong Thái Cực có cái Lý của động và cái Lý của tĩnh, cho nên Khí có cái gốc là Lý để có những biểu hiện động và tĩnh. Cái động tức là Dương, cái tĩnh tức là Âm. Âm Dương cũng thuộc hình nhi hạ. Chu Hi nói: «Hễ nói đến Khí 氣 tức là nói đến sự vật cụ thể; nó gọi là hình nhi hạ.» (Ký viết Khí tiện thị hữu cá vật sự; thử vị hình nhi hạ giả 既曰氣便有個物事;此謂形而下者). Các Lý của động tĩnh thuộc hình nhi thượng thì không động cũng không tĩnh, cho nên trên đây nói «không thể lấy động và tĩnh mà nói về chúng».

Mỗi một sự vật không những có đủ cái Lý để nó trở thành như thế, mà trong nó còn có đủ toàn thể Thái Cực. *Chu Tử Ngữ Loại* chép: «Hỏi: "Chương Lý-Tính-Mệnh [trong *Thông Thư* của Chu Đôn Di] chú thích rằng: 'Từ gốc của nó đến ngọn, thực chất là một Lý nhưng vạn vật phân nó ra để làm thể. Cho nên vạn vật mỗi thứ đều có một Thái Cực.' Như thế thì Thái Cực có sự phân cắt ra hay sao?" Đáp: "Cơ bản là chỉ có một Thái Cực thôi, nhưng vạn vật mỗi thứ đều có sự bẩm thụ, rồi tự mỗi thứ có đầy đủ một Thái Cực. Giống như trăng trên trời chỉ có một mà thôi, nhưng nó soi sáng khắp sông hồ, tuỳ theo nơi mà hiện, nhưng không thể

---

[19] ***Chu Văn Công Văn Tập*** **(Đáp Trịnh Tử Thượng Thư): «Vấn: "Thái Cực Đồ viết: [...] Thái Cực động nhi sinh Dương, động cực nhi tĩnh; tĩnh nhi sinh Âm. Thái Cực Lý dã, Lý như hà động tĩnh? Hữu hình tắc hữu động tĩnh; Thái Cực vô hình, khủng bất khả dĩ động tĩnh ngôn. Nam Hiên vân: Thái Cực bất năng vô động tĩnh, vị đạt kỳ ý." Viết: "Lý hữu động tĩnh, cố Khí hữu động tĩnh. Nhược Lý vô động tĩnh, tắc Khí hà tự nhi hữu động tĩnh hồ?"»** 問:"太極圖曰:[...] 太極動而生陽,動極而靜;靜而生陰.太極理也,理如何動靜?有形則有動靜;太極無形,恐不可以動靜言.南軒云:太極不能無動靜,未達其意." 曰:"理有動靜,故氣有動靜.若理無動靜,則氣何自而有動靜乎?"

[20] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Hữu giá động chi Lý, tiện năng động nhi sinh Dương; hữu giá tĩnh chi Lý, tiện năng tĩnh nhi sinh Âm. Ký động, tắc Lý hựu tại động chi trung; ký tĩnh, tắc Lý hựu tại tĩnh chi trung. Viết: Động tĩnh thị Khí dã, hữu thử Lý vi Khí chi chủ, Khí tiện năng như thử phủ? Viết: Thị dã.»** 有這動之理,便能動而生陽;有這靜之理,便能靜而生陰.既動,則理又在動之中;既靜,則理又在靜之中.曰:動靜是氣也,有此理爲氣之主,氣便能如此否?曰:是也.

nói mặt trăng đã bị phân cắt."»[21]

Do đó, trong tất cả sự vật, ngoài cái Lý khiến cho mỗi thứ trở nên như thế, còn có một Thái Cực, tức là toàn thể các Lý. Cái Thái Cực trong một vật không phải là một phần được cắt ra từ Thái Cực, mà nó chính là Thái Cực, giống như mặt trăng soi chiếu y nhau trên vạn con sông, nhưng chỉ có một mặt trăng mà thôi. Đó là cái mà Hoa Nghiêm Tông gọi là «cảnh giới cái lưới của thần Indra». Nó cũng tương tự thuyết của Thiên Thai Tông cho rằng mỗi sự vật đều là toàn thể Như Lai tạng, mà trong đó có đầy đủ tính của mọi pháp (nhất nhất pháp tính). Ở điểm này, Chu Hi chịu ảnh hưởng của Hoa Nghiêm Tông và Thiên Thai Tông. Tuy nhiên, cái cảnh giới mà Hoa Nghiêm Tông gọi là «cái lưới của thần Indra» chính là trong một sự vật cụ thể hàm chứa tất cả sự vật cụ thể. Còn cái mà Thiên Thai Tông gọi là «nhất nhất pháp tính» tức là tiềm năng của mỗi sự vật. Chu Hi nói mỗi một sự vật cụ thể đều có một Thái Cực, tức là cái Lý của mọi sự vật. Cái Lý của mọi sự vật này không hề là mọi sự vật, cũng không phải là tiềm năng của mọi sự vật. Cái Lý của một loại sự vật vì sao mà đồng thời có thể xuất hiện ở trong mọi cá thể thuộc loại sự vật ấy? Điểm này Chu Hi chưa hề nói rõ. Chúng ta có thể suy ra từ ẩn dụ «nguyệt ấn vạn xuyên» 月印萬川 (trăng in bóng trên vạn con sông) của Chu Hi.

2. Khí

Trong thế giới của hình nhi thượng chỉ có Lý. Còn sự cấu thành sự vật trong thế giới cụ thể của hình nhi hạ thì phải dựa vào Khí 氣. Lý là cái mà triết học Hi Lạp gọi là *form* (hình thức), còn Khí là cái mà triết học Hi Lạp gọi là *matter* (tài liệu hay chất liệu).

Chu Hi nói: «Giữa trời đất có Lý 理 và có Khí 氣. Lý là Đạo thuộc hình nhi thượng, là gốc sinh ra vạn vật. Khí 氣 là Khí 器 (khí vật, vật chất) thuộc hình nhi hạ, là công cụ sinh ra vạn vật. Do đó khi được sinh ra, người và vật phải bẩm thụ cái Lý này, rồi sau mới có tính; phải bẩm

---

[21] *Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Lý Tính Mệnh chương chú vân: 'Tự kỳ bản nhi chi mạt, tắc nhất Lý chi thực, nhi vạn vật phân chi dĩ vi thể, cố vạn vật các hữu nhất Thái Cực.' Như thử, tắc thị Thái Cực hữu phân liệt hồ?" Viết: "Bản chỉ thị nhất Thái Cực, nhi vạn vật các hữu bẩm thụ, hựu tự các toàn cụ nhất Thái Cực nhĩ. Như nguyệt tại thiên, chỉ nhất nhi dĩ; cập tán tại giang hồ, tắc tuỳ xứ nhi kiến (hiện), bất khả vị nguyệt dĩ phân dã."» 問: "理性命章註云: '自其本而之末,則一理之實,而萬物分之以爲體,故萬物各有一太極.' 如此,則是太極有分裂乎?" 曰: "本只是一太極,而萬物各有稟受,又自各全具一太極爾.如月在天,只一而已;及散在江湖,則隨處而見(現),不可謂月已分也."

thụ cái Khí 氣 này, rồi sau mới có hình.»[22]

Chu Hi lại nói: «Có lẽ Khí này tuỳ thuộc vào Lý mà hoạt động. Khi Khí này ngưng tụ, thì Lý cũng ở tại đó. Khí có thể ngưng kết và tạo tác, nhưng Lý thì không tình ý, không toan tính, không tạo tác. Chỗ nào Khí này ngưng tụ thì Lý ở trong đó. Hơn nữa, trong trời đất có người, vật, cây cỏ, cầm thú, sự sinh ra chúng đều thông qua truyền giống. Không có sự truyền chủng thì không có sự vật nào sinh ra được. Điều này đều do Khí. Còn Lý chỉ là một thế giới bao la và trong sạch, không có hình tích, nên không thể tạo tác. Khí 氣 thì có thể tác dụng dần dần và ngưng tụ sinh ra vật. Chỉ khi có Khí này, thì Lý ở trong đó.»[23]

Thế giới của Lý là thế giới bao la, trong sạch, và không có hình tích. Ở trong đó, Lý không tình ý, không toan tính, không tạo tác. Do đó Lý vượt trên không gian và thời gian mà tồn tại vĩnh cửu. Còn cái thế giới cụ thể thì do Khí 氣 tạo tác, mà sự tạo tác này phải dựa vào Lý. Thí dụ con người lấy vật liệu như gạch, đá, gỗ, ngói, v.v... để xây dựng một ngôi nhà. Các vật liệu xây dựng ấy chính là Khí 器 thuộc hình nhi hạ, là công cụ để kiến trúc ngôi nhà. Còn hình thức của ngôi nhà chính là Lý thuộc hình nhi thượng, là gốc để kiến trúc ngôi nhà. Khi ngôi nhà hoàn tất, thì Lý (tức là hình thức của ngôi nhà) cũng ở tại ngôi nhà đó.

Nói theo lô-gic thì Lý có một thế giới riêng; nói theo thực tế thì Lý nằm trong sự vật cụ thể. Chu Hi nói: «"Lý được phát hiện trong Khí 氣 như thế nào?" Đáp: "Thí dụ như Âm Dương và ngũ hành tương tác nhau nhưng không mất trật tự, đấy là do Lý. Nếu Khí không kết tụ, thì Lý

---

[22] *Chu Văn Công Văn Tập* (Đáp Hoàng Đạo Phu Thư): **«Thiên địa chi gian hữu Lý hữu Khí. Lý dã giả, hình nhi thượng chi Đạo dã, sinh vật chi bản dã. Khí dã giả, hình nhi hạ chi Khí dã, sinh vật chi cụ dã. Thị dĩ nhân vật chi sinh, tất bẩm thử Lý, nhiên hậu hữu tính, tất bẩm thử Khí, nhiên hậu hữu hình.»** 天地之間有理有氣.理也者,形而上之道也,生物之本也.氣也者,形而下之器也,生物之具也.是以人物之生,必稟此理,然後有性,必稟此氣,然後有形.

[23] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Nghi thử Khí thị y bàng giá Lý hành. Cập thử Khí chi tụ, tắc Lý diệc tại yên. Cái Khí tắc năng ngưng kết tạo tác, Lý khước vô tình ý, vô kế độ, vô tạo tác. Chỉ thử Khí ngưng tụ xứ, Lý tiện tại kỳ trung. Thả như thiên địa gian nhân vật thảo mộc cầm thú, kỳ sinh dã, mạc bất hữu chủng, định bất hội vô chủng tử bạch địa sinh xuất nhất cá vật sự. Giá cá đô thị Khí, nhược Lý tắc chỉ thị cá tịnh khiết không khoát đích thế giới, vô hình tích, tha khước bất hội tạo tác. Khí tắc năng uấn nhưỡng ngưng tụ sinh vật dã. Đãn hữu thử Khí, tắc Lý tiện tại kỳ trung.»** 疑此氣依傍這理行.及此氣之聚,則理亦在焉.蓋氣則能凝結造作,理卻無情意,無計度,無造作.只此氣凝聚處,理便在其中.且如天地間人物草木禽獸,其生也,莫不有種,定不會無種子白地生出一個物事.這個都是氣,若理則只是個淨潔空闊的世界,無形跡,他卻不會造作.氣則能醞釀凝聚生物也.但有此氣,則理便在其中.

cũng không có chỗ để dựa vào."»[24]

Chu Hi lại nói: «Lý tiếp xúc Âm Dương, giống như người cưỡi ngựa vậy.»[25]

Khí 氣 không kết tụ, thì Lý không có chỗ dựa vào; tức là Lý không thể biểu hiện như một vật cụ thể. Trong sự vật cụ thể có trật tự, thì đó chính là chỗ phát hiện Lý ở trong Khí 氣.

Về sự có trước sau của Lý và Khí, Chu Hi nói: «Khi chưa có sự vật ấy thì đã có trước cái Lý của nó. Thí dụ như khi chưa có vua ấy và bầy tôi ấy, thì đã có trước cái Lý giữa vua và bầy tôi. Chưa có cha ấy và con ấy, thì đã có trước cái Lý của cha và con. Không thể nào không có trước Lý, mà phải đợi có vua ấy bầy tôi ấy, cha ấy con ấy, rồi cái Lý của họ mới nhập vào bên trong mối quan hệ đó.»[26]

Chu Hi lại nói: «Thái Cực chỉ là cái Lý của trời đất và vạn vật. Về trời đất mà nói, thì trong trời đất vốn có Thái Cực; về vạn vật mà nói, trong mỗi loài mỗi thứ đều vốn có Thái Cực. Khi chưa có trời đất thì đã có trước cái Lý ấy rồi.»[27]

Chu Hi lại nói: «Khi chưa có trời đất thì đã có trước cái Lý ấy rồi. Có Lý ấy rồi mới có trời đất; nếu không có Lý ấy, thì không có trời đất, không có người, không có vật, đều không có gì cả. Có Lý ấy rồi, thì có Khí 氣 lưu hành, sinh ra vạn vật.»[28]

---

[24] *Chu Tử Ngữ Loại:* «"Lý tại Khí trung phát hiện xứ như hà?" Viết: "Như Âm Dương ngũ hành thác tống bất thất điều tự, tiện thị Lý. Nhược Khí bất kết tụ thời, Lý diệc vô sở phụ trứ."» "理在氣中發現處如何?" 曰: "如陰陽五行錯綜不失條緒,便是理.若氣不結聚時,理亦無所附著."

[25] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Lý đáp tại Âm Dương thượng, như nhân khoá mã tương tự.» 理搭在陰陽上,如人跨馬相似.

[26] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Vị hữu giá sự, tiên hữu giá Lý. Như vị hữu quân thần, dĩ tiên hữu quân thần chi Lý; vị hữu phụ tử, dĩ tiên hữu phụ tử chi Lý. Bất thành nguyên vô thử lý, trực đãi hữu quân thần phụ tử, khước tuyền tương đạo lý nhập tại lý diện.» 未有這事,先有道理.如未有君臣,已先有君臣之理;未有父子,已先有父子之理.不成元無此理,直待有君臣父子,卻旋將道理入在裏面.

[27] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Thái Cực chỉ thị thiên địa vạn vật chi Lý. Tại thiên địa ngôn, tắc thiên địa trung hữu Thái Cực; tại vạn vật ngôn, tắc vạn vật trung các hữu Thái Cực. Vị hữu thiên địa chi tiên, tất cánh thị tiên hữu thử Lý.» 太極只是天地萬物之理.在天地言,則天地中有太極;在萬物言,則萬物中各有太極.未有天地之先,畢竟是先有此理.

[28] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Vị hữu thiên địa chi tiên, tất cánh dã chỉ thị Lý. Hữu thử Lý, tiện hữu thử thiên địa; nhược vô thử Lý, tiện diệc vô thiên địa, vô nhân vô vật, đô vô cai tái liễu! Hữu Lý, tiện hữu Khí lưu hành, phát dục vạn vật.» 未有天地之先,畢竟也只是理.有此理,便有此天地;若無此理,便亦無天地,無人無物,都無該載了.有理便有氣流行,發育萬物.

Chu Tử Ngữ Loại chép: «Hỏi: "Lý có trước hay là Khí 氣 có trước?" Đáp: "Lý chưa từng xa lìa Khí. Nhưng Lý thuộc hình nhi thượng, còn Khí thuộc hình nhi hạ. Từ phương diện hình nhi thượng và hình nhi hạ mà nói, lẽ nào chẳng có trước và sau?"»[29]

Chu Tử Ngữ Loại chép: «Có người hỏi: "Phải có Lý trước, rồi sau có Khí, tại sao?" Đáp: "Điều này vốn không thể nói trước hay sau. Tuy nhiên, muốn suy luận từ đâu nó tới, thì phải nói Lý có trước."»[30]

Theo hệ thống của Chu Hi mà nói, một Lý ắt phải có trước một sự vật cá thể tương ứng nào đó. Bởi vì nếu không có cái Lý này thì sẽ không có sự vật cụ thể ấy. Tuy nhiên, về vấn đề giữa Lý và cái Khí 氣 phổ thông, cái nào có trước, thì chúng ta có thể xét theo hai phương diện: (1) Theo sự thực, hễ có Lý tức có Khí 氣; đó gọi là «động tĩnh vô đoan, Âm Dương vô thuỷ» 動靜無端,陰陽無始 (động tĩnh không có đầu mối, Âm Dương không có khởi đầu). (2) Theo lô-gic, thì ta «phải nói Lý có trước»; bởi vì Lý vượt trên không gian và thời gian mà bất biến, còn Khí 氣 ở trong không gian và thời gian mà biến hoá.

Toàn thể Lý là Thái Cực. Chu Liêm Khê nói trong *Thái Cực Đồ Thuyết* rằng «Vô Cực nhi Thái Cực» (Vô Cực cũng là Thái Cực). Chu Hi nói: «Chu Đôn Di sở dĩ gọi nó là Vô Cực, chính vì nó không có nơi chốn cố định, không có hình trạng. Bởi vì ngài cũng thấy rằng nó có trước sự vật hữu hình, nhưng nó chưa từng ngưng lại sau khi sự vật hữu hình đã tồn tại. Bởi vì ngài cũng thấy rằng nó ở ngoài Âm Dương, nhưng nó chưa từng không hoạt động trong Âm Dương. Bởi vì ngài cũng thấy rằng nó quán thông tất cả, nơi nào cũng có nó, nhưng khởi đầu thì không có âm thanh, mùi, ảnh, tiếng dội, để có thể nói về nó.»[31]

---

[29] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Vấn: "Tiên hữu Lý, ức tiên hữu Khí?" Viết: "Lý vị thường ly hồ Khí. Nhiên Lý hình nhi thượng giả, Khí hình nhi hạ giả. Tự hình nhi thượng hạ ngôn, khởi vô tiên hậu."»** 問: "先有理,抑先有氣?" 曰: "理未嘗離乎氣.然理形而上者,氣形而下者.自形而上下言豈無先後."

[30] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Hoặc vấn: "Tất hữu thị Lý, nhiên hậu hữu thị Khí, như hà?" Viết: "Thử bản vô tiên hậu chi khả ngôn. Nhiên tất dục suy kỳ sở tòng lai, tắc tu thuyết tiên hữu thị Lý."»** 或問: "必有是理,然後有是氣,如何?" 曰: "此本無先後之可言.然必欲推其所從來,則須說先有是理."

[31] *Chu Văn Công Văn Tập* **(Đáp Lục Tử Tĩnh Thư): «Chu Tử sở dĩ vị chi Vô Cực, chính dĩ kỳ vô phương sở, vô hình trạng, dĩ vi tại vô vật chi tiền, nhi vị thường bất lập ư hữu vật chi hậu. Dĩ vi tại Âm Dương chi ngoại, nhi vị thường bất hành hồ Âm Dương chi trung. Dĩ vi thông quán toàn thể, vô hồ bất tải, tắc hựu sơ vô thanh xú ảnh hưởng chi khả ngôn dã.»** 周子所以謂之無極,正以其無方所,無形狀,以爲在無物之前,而未嘗不立於有物之後.以爲在陰陽之外,而未嘗不行乎陰陽之中.以爲通貫全體,無乎不在,則又初無聲臭影響之可言也.

Lời nói trên luôn được Đạo học gia nói để hình dung cái gọi là Đạo. Tuy nhiên theo những gì đã trình bày trên đây thì ta thấy Chu Hi đã bổ sung nhiều vào nội dung đó.[32]

3. Sự sinh thành của trời đất và vạn vật

Trong Thái Cực có cái Lý của động và cái Lý của tĩnh. Khí 氣 nhân các Lý này mà có sự động và tĩnh trong thực tế. Cái động của Khí lưu hành và tạo ra khí Dương, cái tĩnh của Khí ngưng tụ và tạo ra khí Âm. Chu Hi dựa theo *Thái Cực Đồ Thuyết* của Liêm Khê mà nói rằng: «Một động một tĩnh, tương tác làm gốc của nhau, động rồi tĩnh, tĩnh rồi động, mở đóng qua lại, không ngưng nghỉ. Phân ra Âm và Dương, lập thành lưỡng nghi. Lưỡng nghi là trời đất, ý nghĩa của nó khác với ý nghĩa của lưỡng nghi trong quẻ Dịch. [...] [Khi trời đất ở trạng thái] hỗn độn chưa phân, hai khí Âm Dương hỗn hợp và u ám. Khi [trời đất đã] phân ra rồi, ở chính giữa nó phóng ra sự sáng rỡ rộng khắp, và lưỡng nghi bắt đầu thành lập. Thiệu Khang Tiết xem 129.600 năm là một nguyên 元. Vậy thì một chu kỳ 129.600 năm trước là một sự mở ra và đóng lại lớn (nhất cá đại tịch hạp). Trở về trước nữa cũng như thế. Động và tĩnh không có đầu mối, Âm và Dương không có khởi đầu. [Trong quy trình bất tận này] cái nhỏ là hình ảnh của cái lớn, như chỉ có thể thấy qua [sự luân phiên của] ngày và đêm. [...] Sự biến đổi của Dương và sự hợp lại của Âm sinh ra thuỷ, hoả, mộc, kim, thổ. Khí Âm Dương là chất liệu sinh ra ngũ hành; trong các vật được sinh ra trong trời đất, thì ngũ hành sinh ra đầu tiên. Đất tức là thổ, thổ thì bao hàm nhiều loại kim và mộc. Giữa cõi trời đất, có việc gì mà không có ngũ hành? Ngũ hành và Âm Dương, bảy thứ này hỗn hợp, thì sinh ra tài liệu cho vạn vật. Ngũ hành phân bố xuôi thuận, bốn mùa vận hành. Kim, mộc, thuỷ, hoả phân ra thuộc xuân, hạ, thu, đông. Thổ thì làm hưng vượng bốn mùa.»[33]

---

[32] **Phùng Hữu Lan chú: Chu Liêm Khê nói: «Thái Cực động nhi sinh Dương, động cực nhi tĩnh; tĩnh nhi sinh Âm.» 太極動而生陽，動極而靜；靜而生陰 (Thái Cực động thì sinh Dương, động cực điểm thì tĩnh; tĩnh thì sinh Âm). Câu nói này không phù hợp với hệ thống của Chu Hi. Trong hệ thống của Chu Hi, chúng ta chỉ có thể nói rằng Thái Cực có cái Lý của động, do đó Khí động thì thành khí Dương; Thái Cực có cái Lý của tĩnh, do đó Khí tĩnh thì thành khí Âm. Theo hệ thống của Chu Hi mà nói, thì Thái Cực của Liêm Khê cũng thuộc hình nhi hạ. Cho nên câu «Vô Cực nhi Thái Cực» của Liêm Khê quả thực gần với thuyết của Lão Tử (chương 40): «Thiên địa vạn vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô.» 天地萬物生於有，有生於無 (Trời đất và vạn vật sinh ra từ hữu, hữu sinh ra từ vô). Lục Tượng Sơn 陸象山 (tức Lục Cửu Uyên 陸九淵, 1139-1193) đã sớm chỉ ra điểm này. Chu Hi tuy dùng thuyết của Liêm Khê, nhưng sự giải thích của ông khác với nguyên ý của Liêm Khê.**

[33] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Nhất động nhất tĩnh, hỗ vi kỳ căn, động nhi tĩnh, tĩnh nhi động, tịch hạp vãng lai, cánh vô hưu tức. Phân Âm phân Dương, lưỡng nghi lập yên. Lưỡng nghi thị thiên địa, dữ hoạch**

Chu Hi xem Âm Dương là Khí 氣, ngũ hành là Chất 質; nên nói: «Âm Dương là Khí, ngũ hành là Chất. Bởi có cái Chất này, nên mới khiến cho sự vật xuất hiện.»[34]

Chu Hi lại nói: «Cái trong trẻo của Khí là Khí, còn cái vẩn đục của nó là Chất.»[35]

Khí 氣 là tài liệu sinh ra sự vật. Trong sự sống của một vật cụ thể, Khí là tài liệu, Lý là hình thức. Danh từ «tài liệu» này, Plato và Aristotle gọi là *matter* (vật chất, vật liệu). Cái gọi là Chất tức là tài liệu có thể thấy được. Chu Hi nói: «Khi trời đất mới khai mở, chỉ có khí Âm và khí Dương. Mỗi khí này vận hành, chà xát tới lui. Chà xát gấp rút thì nó thúc đẩy ra nhiều cặn bã. Chất cặn bã này ở bên trong, không chỗ thoát ra ngoài, bèn kết lại thành đất ở trung ương. Phần trong trẻo của Khí thì làm trời, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, nhưng chỉ ở bên ngoài, và luôn vận chuyển xoay vòng. Đất chỉ ở trung ương và bất động, chứ không ở phía dưới.»[36]

---

quái lưỡng nghi ý tứ hựu biệt. [...] Hỗn luân vị phán, Âm Dương chi khí, hỗn hợp u ám. Cập kỳ ký phân, trung gian phóng đắc khoan khoát quang lãng, nhi lưỡng nghi thuỷ lập. Khang Tiết dĩ sthập nhị vạn cửu thiên lục bách niên vi nhất nguyên, tắc thị thập nhị vạn cửu thiên lục bách niên chi tiền, hựu thị nhất cá đại tịch hạp. Cánh dĩ thượng diệc phục như thử. Trực thị động tĩnh vô đoan, Âm Dương vô thuỷ. Tiểu giả đại chi ảnh, chỉ trú dạ tiện khả kiến. [...] Dương biến Âm hợp nhi sinh thuỷ, hoả, mộc, kim, thổ. Âm Dương khí dã, sinh thử ngũ hành chi chất, thiên địa sinh vật, ngũ hành độc tiên. Địa tức thị thổ, thổ tiện bao hàm hứa đa kim mộc chi loại. Thiên địa chi gian, hà sự nhi phi ngũ hành? Ngũ hành Âm Dương, thất giả cổn hợp, tiện thị sinh vật đích tài liệu. Ngũ hành thuận bố, tứ thời hành yên. Kim mộc thuỷ hoả phân thuộc xuân hạ thu đông, thổ tắc ký vượng tứ quý.» 一動一靜,互爲其根,動而靜,靜而動,闢闔往來,更無休息.分陰分陽,兩儀立焉 兩儀是天地,與畫卦兩儀意思又别.[...] 渾淪未判,陰陽之氣,混合幽暗.及其既分,中間放得寬闊光朗,而兩儀始立.康節以十二萬九千六百年爲一元,則是 十二萬九千六百年之前,又是一個大闢闔.更以上亦復如此.直是動靜無端,陰陽無始.小者大之影,只晝夜便可見.[...] 陽變陰合而生水,火,木,金,土.陰陽氣也,生此五行之質,天地生物,五行獨先.地即是土,土便包含許多金木之類.天地之間,何事而非五行?五行陰陽,七者滾合,便是生物的材料.五行順布,四時行焉.金木水火分屬春夏秋冬,土則寄旺四季.

34 *Chu Tử Ngữ Loại:* «Âm Dương thị khí, ngũ hành thị chất. Hữu giá ,chất, sở dĩ tố đắc vật sự xuất lai.» 陰陽是氣,五行是質.有這質,所以做得物事出來.

35 *Chu Tử Ngữ Loại:* «Khí chi thanh giả vi Khí, trọc giả vi Chất.» 氣之清者爲氣,濁者爲質.

36 *Chu Tử Ngữ Loại:* «Thiên địa sơ khai chỉ thị Âm Dương chi khí. Giá nhất cá khí vận hành, ma lai ma khứ, ma đắc cấp liễu, tiện tạt hứa đa tra chỉ; lý diện vô xứ xuất, tiện kết thành cá địa tại trung ương. Khí chi thanh giả tiện vi thiên, vi nhật nguyệt, vi tinh thần, chỉ tại ngoại, thường chu hoàn vận chuyển. Địa tiện chỉ tại trung ương bất động, bất thị tại hạ.» 天地初開只是陰陽之氣.這一個氣運行,磨來磨去,磨得急了,便挼許多渣滓;裏面無處出,便結成個地在中央.氣之清者便爲天,爲日月,爲星辰,只在外,常周環運轉.地便只在中央月動,月是在下.

Cái gọi là đất tức là cặn bã. Khi cặn bã bị thúc ép ra, lúc đầu thì tinh tế sau đó thì thô kệch. Chu Hi nói: «Đại khái, trong sự sinh ra vạn vật trong vũ trụ thì cái trong và nhẹ sinh trước, cái nặng và đục sinh sau. "*Trước tiên, ở trời, nước sinh ra; rồi thứ nhì, ở trên đất, lửa sinh ra.*" Trong ngũ hành thì hai vật ấy (tức thuỷ và hoả) là trong trẻo nhất và nhẹ nhàng nhất; kim và mộc thì nặng hơn thuỷ và hoả, còn thổ thì lại nặng hơn kim và mộc.»[37]

Chu Tử Ngữ Loại chép: «Lúc khởi đầu, trời đất còn hỗn độn chưa phân ra. Tôi nghĩ rằng chỉ có hai thứ nước và lửa. Cặn cáu của nước lắng thành đất. Nay lên trên cao mà quan sát, chúng ta thấy các rặng núi có tình trạng chập chùng giống như sóng nước. Đó là do nước trôi dạt mà như thế. Có điều chúng ta không biết cái cặn cáu ấy ngưng kết hồi nào, chỉ biết lúc đầu thì nó rất mềm, về sau thì nó rất cứng. Có người hỏi: "Thầy có nghĩ rằng nó tương tự cách thức thuỷ triều đẩy cát lên?" Đáp: "Đúng vậy. Cái rất nặng đục của nước thì thành đất. Cái rất trong trẻo của lửa thì thành các thứ như gió, sấm, chớp, mặt trời, các ngôi sao."»[38]

Ở đây Chu Hi nói trong ngũ hành thì thuỷ và hoả sinh ra trước, kế đó là kim và mộc, sau cùng là thổ. Có thổ thì tạo thành trái đất, cấu thành thế giới cụ thể. Cái thế giới cụ thể này cũng là một Khí 器 (khí vật), tức cũng là một vật cụ thể. Mà vật cụ thể thì có thành có huỷ, nên thế giới cụ thể này cũng có tạo thành và có huỷ diệt. *Chu Tử Ngữ Loại* chép: «Trước khi có Thái Cực, phải có một thế giới; giống y như đêm tối của hôm qua và ban ngày của hôm nay vậy. [Sự tương tác giữa] Âm Dương cũng là một sự đóng lại và mở ra lớn. Có người lại hỏi: "Nay chúng ta suy luận tình trạng trước khi có Thái Cực là như thế, từ nay về sau cũng lại có trường hợp như thế không?" Đáp: "Cố nhiên. Trình Tử nói: 'Động và tĩnh không có đầu mối, Âm và Dương không có khởi đầu.'

37 *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Đại để thiên địa sinh vật, tiên hữu khinh thanh dĩ cập trọng trọc. "Thiên nhất sinh thuỷ, địa nhị sinh hoả", nhị vật tại ngũ hành trung tối khinh thanh; kim mộc phục trọng ư thuỷ hoả, thổ hựu trọng ư kim mộc.»** 大抵天地生物,先有輕清以及重濁. "天一生水,地二生火", 二物在五行中最輕清;金木復重於水火,土又重於金木.

38 *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Thiên địa thuỷ sơ, hỗn độn vị phân thời, tưởng chỉ hữu thuỷ hoả nhị giả. Thuỷ chi tra chỉ tiện thành địa. Kim đăng cao nhi vọng, quần sơn giai vi ba lãng chi trạng, tiện thị thuỷ phiếm như thử. Chỉ bất tri nhân thậm ma thời ngưng liễu, sơ gian cực nhuyễn, hậu lai phương ngưng đắc ngạnh. Vấn: "Tưởng đắc như triều thuỷ dũng khởi sa tương tự?" Viết: "Nhiên. Thuỷ chi cực trọc tiện thành địa, hoả chi cực thanh tiện thành phong đình lôi điện nhật tinh chi thuộc."»** 天地始初,混沌未分時,想只有水火二者.水之渣滓便成地.今登高而望,群山皆爲波浪之狀,便是水泛如此.只月知因甚麼時凝了,初間極軟,後來方凝得硬.問:"想得如潮水湧起沙相似?" 曰:"然.水之極濁便成地,火之極清便成風霆雷電日星之屬."

Lời này thấy rất rõ ràng."»[39]

Chu Tử Ngữ Loại còn chép: «Hỏi: "Động và tĩnh không có đầu mối, Âm và Dương không có khởi đầu, [nghĩa là sao?]" Đáp: "Có nghĩa là chúng ta không thể nói rằng [sự tương tác giữa Âm Dương] có khởi đầu. Bởi vì trước "cái khởi đầu" đó thì đã có một cái gì đó rồi. Chính trong cách thức đó mà toàn thể vũ trụ một khi đã được tạo ra rồi thì sau đó bị huỷ diệt; rồi lại được tái tạo trở lại. Cái [quy trình] đó làm sao mà cùng tận cho được?"»[40]

Câu nói lạ lùng «trước khi có Thái Cực» ở đây ý nói «trước khi có thế giới cụ thể». Trước khi thế giới cụ thể này được tạo thành thì đã có một thế giới cụ thể khác rồi. Sau khi cái thế giới cụ thể này đã hoại rồi thì sẽ có một thế giới cụ thể mới. Tuần hoàn như vậy mãi không thôi.[41]

Trong thế giới cụ thể này, sự sinh ra của mỗi loài sinh vật đều bắt đầu bằng *khí hoá* 氣化 rồi sau đó là *hình sinh* 形生.

Chu Hi nói về *khí hoá* 氣化 rằng: «Thuở ban đầu của vũ trụ, nhân loại được tạo ra như thế nào? Tự Khí ấy chưng kết thành hai cá nhân. [...] Mỗi cá nhân ấy giống như con rận trên thân người hiện nay, nó tự nhiên

---

[39] *Chu Tử Ngữ Loại*: **«Thái Cực chi tiền, tu hữu thế giới lai, chính như tạc nhật chi dạ, kim nhật chi trú nhĩ. Âm Dương diệc nhất đại hạp tịch dã. Hựu vấn: "Kim suy Thái Cực dĩ tiền như thử, hậu lai hựu tu như thử." Viết: "Cố nhiên. Trình Tử vân: 'Động tĩnh vô đoan, Âm Dương vô thuỷ.' Thử ngữ kiến đắc phân minh."»** 太極之前，須有世界來，正如昨日之夜，今日之晝耳．陰陽亦一大闔闢也．又問："今推太極以前如此，後來又須如此？" 曰："固然．程子云：'動靜無端，陰陽無始．' 此語見得分明．"

[40] *Chu Tử Ngữ Loại*: **«Vấn: "Động tĩnh vô đoan, Âm Dương vô thuỷ". Viết: "Giá bất khả thuyết đạo hữu cá thuỷ. Tha ná hữu thuỷ chi tiền, tất cánh thị cá thậm ma. Tha tự thị tố nhất phiên thiên địa liễu, hoại liễu hậu, hựu nhẫm địa tố khởi lai, ná cá hữu thậm cùng tận."»** 問："動靜無端，陰陽無始．" 曰："這不可說道有個始．他那有始之前，畢竟是個甚麼．他已是做一番天地了，壞了後，又恁地做起來，那個有甚窮盡．"

[41] **Phùng Hữu Lan chú: Trong *Chu Tử Ngữ Loại* chép một câu khác với ý kiến trên đây: «Hỏi: "Từ khai thiên lập địa đến nay chưa đầy một ngàn năm, chẳng biết trước đó vũ trụ thế nào?" Đáp: "Trước đó vũ trụ cũng rõ ràng sáng sủa như thế này." Lại hỏi: "Trời đất có thể hoại diệt không?" Đáp: "Không thể hoại diệt. Nhưng rồi sẽ đến lúc nhân loại trở nên hết sức vô đạo, bấy giờ đồng loạt bị rơi vào tình trạng hỗn độn, người và vật đều bị tận diệt, để tái tạo một thế giới mới."» (Vấn: "Tự khai tịch dĩ lai, chí kim vị vạn niên, bất tri dĩ tiền như hà?" Viết: "Dĩ tiền diệc tu như thử nhất phiên minh bạch lai." Hựu vấn: "Thiên địa hội hoại phủ?" Viết: "Bất hội hoại. Chỉ thị tương tương nhân vô đạo cực liễu, tiện nhất tề đả hợp, hỗn độn nhất phiên, nhân vật đô tận, hựu trùng tân khởi."** 問："自開闢以來，至今未萬年，不知以前如何？" 曰："以前亦須如此一番明白來．" 又問："天地會壞否？" 曰："不會壞．只是相將人無道極了，便一齊打合，混沌一番，人物都盡，又重新起．") **Ở đây nói trời đất không bị hoại diệt mà chỉ có người và vật bị tiêu diệt thôi. Ý này khác với các ý đã nêu trên.**

mà biến hoá ra.»[42]

Chu Hi nói về *hình sinh* 形生 rằng: «Khí hoá là một cá nhân ban đầu không có sự truyền giống, mà tự sinh ra. Hình sinh tức là sau khi có một cá nhân ấy rồi, thì các cá nhân [truyền giống với nhau] sinh ra hoài không dứt.»[43]

Nguồn gốc nhân loại là như thế, mà nguồn gốc các chủng loại sinh vật khác thì cũng như thế.

4. Tính của người và tính của vật

Chu Hi nói: «Con người sở dĩ sinh ra, là do Lý hợp với Khí mà thôi. Thiên Lý thì mênh mang không cùng. Tuy nhiên, nếu không có Khí ấy, dù có Lý thì Lý ấy cũng không có chỗ bám vào. Cho nên hai khí Âm Dương giao cảm, ngưng kết sinh tụ, rồi sau Lý ấy có chỗ nương vào. Con người có ngôn ngữ, động tác, suy nghĩ, mưu tính, đều do Khí cả, còn Lý thì nằm ở trong Khí.»[44]

Lý hợp với Khí thì thành cá nhân cụ thể. Trong Khí có Lý, đó là tính 性. Không chỉ con người có tính mà sự vật cũng có tính nữa. Trạm Nhiên (711-782) của Thiên Thai Tông gọi là «vô tình hữu tính» 無情有性 (ngay cả sự vật vô tình cũng có tính).[45] Về điểm này có lẽ Chu Hi chịu ảnh hưởng của Trạm Nhiên, ông nói: «Trong thiên hạ chẳng có vật nào mà không có tính. Hễ có vật ấy, thì có tính ấy; hễ không có vật ấy, thì không có tính ấy.»[46]

Tính của một vật tức là Lý của vật đó. *Ngữ Lục* chép: «Hỏi: "Tại sao

---

[42] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Thiên địa chi sơ, như hà thảo cá nhân chủng. Tự thị khí chưng kết thành lưỡng cá nhân. [...] Ná cá cá nhân tiện như nhi kim nhân thân thượng sắt, thị tự nhiên biến hoá xuất lai.» 天地之初，如何討個人種．自是氣蒸結成兩個人．[...] 那個個人便如而今人身上蝨，是自然變化出來．

[43] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Khí hoá thị đương sơ nhất cá nhân vô chủng, hậu tự sinh xuất lai để. Hình sinh khước thị hữu thử nhất cá nhân, hậu nãi sinh sinh bất cùng để.» 氣化是當初一個人無種，後自生出來底．形生卻是有此一個人，後乃生生不窮底．

[44] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Nhân chi sở dĩ sinh, Lý dữ Khí hợp nhi dĩ. Thiên Lý cố hạo hạo bất cùng, nhiên phi thị Khí, tắc tuy hữu thị Lý nhi vô sở thấu bạc. Cố tất nhị Khí giao cảm, ngưng kết sinh tụ, nhiên hậu thị Lý hữu sở phụ trứ. Phàm nhân chi năng ngôn ngữ động tác, tư lự doanh vi, giai Khí dã, nhi Lý tồn yên.» 人之所以生，理與氣合而已．天理固浩浩不窮，然非是氣，則雖有是理而無所湊泊．故必二氣交感，凝結生聚，然後是理有所附著．凡人之能言語動作，思慮營為，皆氣也，而理存焉．

[45] Xin xem lại Chương 9 (tiết 1, mục 9) của quyển 2.

[46] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Thiên hạ vô vô tính chi vật. Cái hữu thử vật, tắc hữu thử tính; vô thử vật, tắc vô thử tính.» 天下無無性之物．蓋有此物，則有此性；無此物，則無此性．

vật khô héo cũng có tính?" Đáp: "Là vì ngay từ đầu chúng đã có Lý."»[47]

Ngữ Lục cũng chép: «Hỏi: "Tôi từng thấy thầy trả lời thư của Dư Phương Thúc rằng vật khô héo cũng có Lý. Tôi không biết tại sao vật khô héo, ngói, đá sỏi cũng có Lý?" Đáp: "Thí dụ các vị thuốc như đại hoàng và phụ tử cũng là thứ khô héo. Nhưng đại hoàng không thể là phụ tử, phụ tử không thể là đại hoàng."»[48]

Trên đây đã nói rằng một vật có một Thái Cực. Trong mỗi một vật đều có toàn thể Thái Cực. Trong một vật, cái Lý khiến vật đó phải ra vật đó có thể biểu hiện; nhưng toàn thể Thái Cực thì không thể biểu hiện được bởi vì cái Khí 氣 mà vật ấy bẩm thụ đã che lấp Thái Cực.

Ngữ Lục chép: «Hỏi: "Người và vật đều bẩm thụ Lý của trời đất mà có tính, đều bẩm thụ Khí 氣 của trời đất mà có hình. [...] Ở vật mà nói, tôi không biết cái Lý mà vật bẩm thụ là bất toàn, hay là do sự che lấp tối tăm của khí bẩm nên vật mới ra như thế?" Đáp: "Đơn giản là cái Khí mà vật bẩm thụ bị hạn chế, nên cái Lý tương ứng của nó cũng bị hạn chế. Thí dụ như chó và ngựa, hình và khí của chúng như thế, nên chúng chỉ có thể được như thế." Lại hỏi: "Mỗi vật đều có đủ một Thái Cực, tức là Lý ấy không bất toàn?" Đáp: "Nói nó là hoàn toàn cũng được; nói nó là thiên lệch cũng được. Lấy Lý mà nói, thì nó không bất toàn; lấy Khí mà nói, thì nó không thể không thiên lệch."»[49]

Chu Hi nói: «Từ một Khí mà nói, thì người và vật đều nhận lĩnh Khí ấy mà sinh ra; từ phương diện tinh và thô mà nói, thì người được cái

[47] **_Chu Tử Ngữ Loại:_ «Vấn: "Khô cảo chi vật diệc hữu tính thị như hà?" Viết: "Thị tha hợp hạ hữu thử Lý."»** 問："枯槁之物亦有性是如何？" 曰："是他合下有此理."

[48] **_Chu Tử Ngữ Loại:_ «Vấn: "Tằng kiến đáp Dư Phương Thúc thư, dĩ vi khô cảo hữu Lý. Bất tri khô cảo ngoã lịch, như hà hữu Lý?" Viết: "Thả như đại hoàng, phụ tử, diệc thị khô cảo. Nhiên đại hoàng bất khả vi phụ tử, phụ tử bất khả vi đại hoàng."»** 問："曾見答余方叔書,以爲枯槁有理.不知枯槁瓦礫,如何有理？" 曰："且如大黃,附子,亦是枯槁.然大黃不可爲附子,附子不可爲大黃."

[49] **_Chu Tử Ngữ Loại:_ «Vấn: "Nhân vật giai bẩm thiên địa chi Lý dĩ vi tính, giai thụ thiên địa chi Khí dĩ vi hình. [...] Nhược tại vật ngôn chi, bất tri thị sở bẩm chi Lý tiện hữu bất toàn da, diệc thị duyên Khí bẩm chi hôn tế cố như thử da?" Viết: "Duy kỳ sở thụ chi Khí chỉ hữu hứa đa, cố kỳ Lý diệc chỉ hữu hứa đa. Như khuyển mã, tha giá hình Khí như thử, cố chỉ hội đắc như thử sự." Hựu vấn: "Vật vật cụ nhất Thái Cực, tắc thị Lý vô bất toàn dã." Viết: "Vị chi toàn diệc khả, vị chi thiên diệc khả. Dĩ Lý ngôn chi, tắc vô bất toàn; dĩ Khí ngôn chi, tắc bất năng vô thiên."»** 問："人物皆稟天地之理以爲性,皆受天地之氣以爲形. [...] 若在物言之,不知是所稟之理便有不全耶?亦是緣氣稟之昏蔽故如此耶？" 曰："惟其所受之氣只有許多,故其理亦只有許多.如犬馬,他這形氣如此,故只會得如此事." 又問："物物具一太極,則是理無不全也." 曰："謂之全亦可,謂之偏亦可.以理言之,則無不全;以氣言之,則不能無偏."

ngay ngắn và thông suốt của Khí ấy, vật có được cái thiên lệch và bị bế tắc của Khí ấy. Chỉ có người đạt được cái ngay ngắn của Khí ấy, nên Lý ấy thông suốt và không bị bế tắc; vật có được cái thiên lệch của Khí ấy, nên Lý ấy bế tắc và không tri giác. [...] Loài có tri giác trong vạn vật chẳng qua là có được một con đường thông suốt, thí dụ như con quạ biết hiếu, con rái cá biết cúng tế; còn con chó chỉ biết giữ nhà, trâu bò chỉ biết cày ruộng mà thôi.»[50]

Cái Khí mà vật nhận lĩnh vốn chẳng bất toàn, nhưng sự bẩm thụ Khí bị thiên lệch và bế tắc, cho nên Lý không thể hoàn toàn hiển hiện, mà có vẻ thiên lệch. «Như ở chó và ngựa, hình và khí của chúng như thế, nên chúng chỉ có thể được như thế.» Tức là cái Lý khiến chúng thành chó và ngựa có được sự biểu hiện. Khi Chu Hi nói «cái Khí mà vật bẩm thụ bị hạn chế, nên cái Lý tương ứng của nó cũng bị hạn chế», thì dựa theo hệ thống của ông chúng ta hiểu ông muốn nói rằng Lý cũng chỉ có thể biểu hiện theo sự hạn chế của Khí mà thôi.

Về nguyên nhân của cái ác trong thế giới cụ thể này, *Ngữ Lục* chép: «Hỏi: "Lý chẳng phải bất thiện, nhưng tại sao Khí có sai biệt giữa trong và đục?" Đáp: "Bởi vì nếu chỉ nói đến Khí, thì tự nó có lạnh có nóng, có thơm có thối."»[51]

Ngữ Lục cũng chép: «Hai khí Âm Dương và ngũ hành thoạt đầu chưa từng bất chính. Chỉ vì chúng lộn lạo tới lui mà trở nên bất chính.»[52]

Lý thì hoàn toàn và chí thiện, nhưng khi thực hiện ở Khí thì nó bị

---

[50] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Tự nhất khí nhi ngôn chi, tắc nhân vật giai thụ thị Khí nhi sinh; tự tinh thô nhi ngôn, tắc nhân đắc kỳ Khí chi chính thả thông giả, vật đắc kỳ Khí chi thiên thả tắc giả. Duy nhân đắc kỳ chính, cố thị Lý thông nhi vô sở tắc; vật đắc kỳ thiên, cố thị Lý tắc nhi vô sở tri. [...] Vật chi gian hữu tri giả, bất quá chỉ thông đắc nhất lộ, như ô chi tri hiếu, thát chi tri tế, khuyển đãn năng thủ ngự, ngưu đãn năng canh nhi dĩ.»** 自一氣而言之,則人物皆受是氣而生;自精粗而言,則人得其氣之正且通者,物得其氣之偏且塞者.惟人得其正,故是理通而無所塞;物得其偏,故是理塞而無所知. [...] 物之間有知者,不過只通得一路.如烏之知孝,獺之知祭,犬但能守禦,牛但能耕而已.– **LAM chú: Người Trung Quốc cho rằng con quạ biết đem mồi nuôi cha mẹ nó. Rái cá biết cúng tế thần, điều này được chép trong *Lễ Ký* (Nguyệt Lệnh): «Đông phong giải đống, trập trùng thuỷ chấn, ngư thướng băng, thát tế ngư, hồng nhạn lai.»** 東風解凍,蟄蟲始振,魚上冰,獺祭魚,鴻雁來 **(Gió đông làm tan băng, loài trùng ngủ đông bắt đầu cựa mình, cá nhảy lên mặt băng, rái cá bắt cá tế thần, vịt trời bay về).**

[51] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Vấn: "Lý vô bất thiện, tắc Khí hồ hữu thanh trọc chi thù?" Viết: "Tài thuyết trứ Khí, tiện tự hữu hàn hữu nhiệt, hữu hương hữu xú."»** 問:"理無不善,則氣胡有清濁之殊?"曰:"才說著氣,便自有寒有熱,有香有臭."

[52] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Nhị khí ngũ hành, thuỷ hà thường bất chính. Chỉ cổn lai cổn khứ, tiện hữu bất chính.»** 二氣五行,始何嘗不正.只滾來滾去,便有不正.

Khí làm vướng bận, cho nên nó không thể hoàn toàn. Thí dụ như khái niệm «tròn» thì vốn là tròn trịa hoàn toàn nhưng khi thực hiện ở vật chất để tạo thành một vật cụ thể hình tròn thì sự tròn trịa của nó không thể là một sự tròn trịa tuyệt đối. Sự không hoàn toàn của thế giới thực tế đều do Khí làm cho vướng bận.

Khí 氣 là như thế, cho nên con người có kẻ bẩm thụ phần trong trẻo của Khí, có kẻ bẩm thụ phần vẩn đục của Khí. Chu Hi nói: «Về sự bẩm thụ của con người mà nói, thì có sự khác biệt giữa u tối và sáng láng, trong trẻo và vẩn đục.»[53]

Người được phú bẩm phần trong trẻo sáng láng của Khí thì thành bậc thánh nhân, kẻ được phú bẩm phần u tối và vẩn đục của Khí thì thành hạng ngu xuẩn. Lý thuyết ấy của Chu Hi có thể giải quyết hoàn toàn vấn đề «tính thiện và tính ác» vốn được Nho gia tranh luận kể từ Mạnh Tử và Tuân Tử đến nay.

Ngữ Lục chép: «Hoàng Đạo Phu hỏi: "Ai bắt đầu đưa ra thuyết về khí chất?" Đáp: "Thuyết về khí chất phát khởi từ Trương Tái và Nhị Trình, rất quan trọng đối với cửa thánh, và có sự bồi bổ cho kẻ hậu học. Đọc thuyết ấy khiến người ta hết sức cảm kích Trương Tái và Nhị Trình, vì trước đó chưa ai từng nói như thế. Thí dụ như Hàn Dũ (tức Thoái Chi), trong bài *Nguyên Tính* đã nói đến tam phẩm (ba tầng bậc của tính). Nói vậy cũng đúng, nhưng chưa hề nói rõ ràng cái đó là tính khí chất. Tính ở chỗ nào mà có ba tầng bậc vậy? Mạnh Tử nói tính thiện, nhưng chỉ nói được gốc gác của nó, chứ chưa hề nói đến tính khí chất. Như thế cũng chưa phân biệt rõ ràng. Các triết gia khác thì nói tính ác hoặc nói trong tính có lẫn lộn thiện và ác. Giá mà thuyết của Trương Tái và Nhị Trình sớm xuất hiện, thì mấy thứ lý thuyết ấy chẳng cần phải tranh nhau làm gì. Cho nên khi thuyết của Trương Tái và Nhị Trình thành lập rồi, thì thuyết của các triết gia khác bị vất bỏ. Nhân đây nêu ra lời của Trương Hoành Cừ: 'Có hình rồi sau mới có cái tính của khí chất. Lấy điều thiện để quay về nó thì bản tính của trời đất còn giữ được. Cho nên cái tính của khí chất là cái mà bậc quân tử không nhận là bản tính của mình.' Lại nêu ra lời của Trình Minh Đạo rằng: 'Luận về tính mà không luận về Khí, thế là không đủ; luận về Khí mà không luận về tính, thế là không rõ. Hai việc ấy đều không đúng.' Hơn nữa, nếu như nói rằng nhân 仁, nghĩa 義, lễ 禮, trí 智 là tính, thế thì tại sao trên đời lại có kẻ chẳng ra cái thứ gì? Đó chỉ là do sự khí bẩm mà như thế. Nếu ta không luận về Khí ấy, thì đạo lý ấy sẽ không trọn

---

[53] *Chu Tử Ngữ Loại*: **«Tựu nhân chi sở bẩm nhi ngôn, hựu hữu hôn minh thanh trọc chi dị.»** 就人所稟之言,又有昏明清濁之異.

vẹn, cho nên thiếu sót. Nhưng nếu chỉ luận về khí bẩm, thì có người thiện, có người ác; trong khi đó không luận về chỗ khởi nguyên chỉ có đạo lý ấy; thì như vậy lại không rõ ràng. kể từ Khổng Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử hiểu được đạo lý ấy rồi, về sau [mãi đến Trương Tái và Nhị Trình] chẳng có ai nói đến đạo lý ấy nữa." Khiêm Chi hỏi: "Khí của trời đất đang lúc nhá nhem sáng tối, thì Lý của trời đất cũng có theo đó mà nhá nhem sáng tối không?" Viết: "Lý không thay đổi, chỉ có Khí mới thay đổi như thế."»[54]

Ở đây tuy Chu Hi nói là thuật lại thuyết của Trương Tái và Nhị Trình, nhưng tính của khí chất mà Chu Hi giảng lại căn cứ trên hệ thống triết học của Chu Hi, và hoàn chỉnh hơn thuyết của Trương Tái và Nhị Trình.

Trên đây, Chu Hi nói: «Con người có ngôn ngữ, động tác, suy nghĩ, mưu tính, đều do Khí cả.» *Ngữ Lục* chép: «Hỏi: "Chỗ linh diệu [của con người] là tâm, hay là tính?" Đáp: "Chỗ linh diệu [của con người] chỉ là

---

[54] **_Chu Tử Ngữ Loại_: «Đạo Phu vấn: "Khí chất chi thuyết, thuỷ ư hà nhân?" Viết: "Thử khởi ư Trương Trình. Mỗ dĩ vi cực hữu thiết ư thánh môn, hữu bổ ư hậu học. Độc chi sử nhân thâm hữu cảm ư Trương Trình, tiền thử vị tằng hữu nhân thuyết đáo thử. Như Hàn Thoái Chi Nguyên Tính trung thuyết tam phẩm, thuyết đắc dã thị, đãn bất tằng phân minh thuyết thị khí chất chi tính nhĩ. Tính ná lý hữu tam phẩm lai? Mạnh Tử thuyết tính thiện, đãn thuyết đắc bản nguyên xứ, hạ diện khước bất tằng thuyết đắc khí chất chi tính, sở dĩ diệc phí phân sơ. Chư tử thuyết tính ác dữ thiện ác hỗn. Sử Trương Trình chi thuyết tảo xuất, tắc giá hứa đa thuyết thoại, tự bất dụng phân tranh. Cố Trương Trình chi thuyết lập, tắc chư tử chi thuyết mẫn hĩ. Nhân cử Hoành Cừ: 'Hình nhi hậu hữu khí chất chi tính. Thiện phản chi, tắc thiên địa chi tính tồn yên. Cố khí chất chi tính, quân tử hữu phất tính giả yên.' Hựu cử Minh Đạo vân: 'Luận tính bất luận Khí, bất bị; luận Khí bất luận tính, bất minh. Nhị chi tắc bất thị.' Thả như chỉ thuyết cá nhân, nghĩa, lễ, trí thị tính, thế gian khước hữu sinh xuất lai tiện vô trạng để thị như hà? Chỉ thị khí bẩm như thử. Nhược bất luận ná Khí, giá đạo lý tiện bất chu tạp, sở dĩ bất bị. Nhược chỉ luận khí bẩm, giá cá thiện, giá cá ác, khước bất luận ná nhất nguyên xứ chỉ thị giá cá đạo lý, hựu khước bất minh. Thử tự Khổng Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử lý hội đắc hậu, đô vô nhân thuyết giá đạo lý." Khiêm Chi vấn: "Thiên địa chi Khí, đương kỳ hôn minh bác tạp chi thời, tắc kỳ Lý diệc tuỳ nhi hôn minh bác tạp phủ?" Viết: "Lý khước chỉ nhẫm địa, chỉ thị Khí tự như thử."»** 道夫問："氣質之說，始於何人？" 曰："此起於張程．某以爲極有功於聖門，有補於後學．讀之使人深有感於張程，前此未曾有人說到此．如韓退之原性中說三品，說得也是，但不曾分明說是氣質之性耳．性那裏有三品來？孟子說性善，但說得本原處，下面卻不曾說得氣質之性，所以亦費分疏．諸子說性惡與善惡混．使張程之說早出，則這許多說話，自不用紛爭．故張程之說立，則諸子之說泯矣．因舉橫渠：'形而後有氣質之性．善反之，則天地之性存焉．故氣質之性，君子有弗性者焉．' 又舉明道云：'論性不論氣，不備；論氣不論性，不明．二之則不是．' 且如只說個仁，義，禮，智是性，世間卻有生出來便無狀底是如何？只是氣稟如此．若不論那氣，這道理便不周匝，所以不備．若只論氣稟，這個善，這個惡，卻不論那原處只是這個道理，又卻不明．此自孔子，曾子，子思，孟子理會得後，都無人說這道理．" 謙之問："天地之氣，當其昏明駁雜之時，則其理亦隨而昏明駁雜否？" 曰："理卻只恁地，只是氣自如此．"

tâm, không phải là tính. Tính chỉ là Lý."»[55]

Ngữ Lục cũng chép: «Hỏi: "Tri giác là cái linh diệu của tâm cho nên như thế, hay là tri giác do Khí tạo ra?" Đáp: "Không chỉ riêng do Khí, bởi vì trước khi có [Khí thì có] cái Lý của tri giác rồi. Nhưng Lý này không tạo ra tri giác. Khi Khí tụ lại thành hình, thì Lý và Khí hợp lại, nên mới tạo ra tri giác. Thí dụ như ánh sáng của cây đuốc này, nhân có dầu mỡ nên mới có nhiều ánh sáng."»[56]

Tất cả mọi sự vật đều có cái Lý riêng của nó. Cho nên tri giác cũng có cái Lý của tri giác. Nhưng Lý này cũng chỉ là Lý mà thôi. Phải đến khi Lý và Khí hợp lại, thì bấy giờ tri giác mới là một khả năng cụ thể. Mọi sự vật cụ thể đều sinh ra do tài liệu hợp với hình thức. Lý phải hợp với Khí thì mới có thể biểu hiện. Giống như ánh sáng cây đuốc phải nhờ vào dầu mỡ. Mọi tri giác và tư lự của chúng ta bởi đã nằm trong thế giới cụ thể này, cho nên chúng là sự vật sinh ra sau khi Lý và Khí hợp lại. Cái tri giác và tư lự của chúng ta tức là chỗ linh diệu của chúng ta. Chu Hi nói: «Chỗ linh diệu [của con người] chỉ là tâm, không phải là tính. Tính chỉ là Lý.» Bởi vì tâm có thể có hoạt động cụ thể, còn Lý thì không thể như thế.

Về mối quan hệ giữa tâm 心, tính 性, tình 情, Chu Hi nói: «Về tính, tình, tâm, chỉ có Mạnh Tử là giảng tốt nhất. Nhân ái là tính, lòng trắc ẩn là tình. Tình phải phát ra từ tâm. Tâm thống nhất tính và tình. Tính chỉ là cái để hợp [với tình] như thế; nó chỉ là Lý, chứ không phải là một vật. Nếu nó là một vật, thì ắt đã có thiện, cũng phải có ác. Tuy nhiên, tính không phải là vật mà chỉ là Lý, cho nên nó toàn thiện.»[57]

Tính không phải là một sự vật cụ thể, nên nó toàn thiện. Tình là sự

---

55 *Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Linh xứ thị tâm, ức thị tính?" Viết: "Linh xứ chỉ thị tâm, bất thị tính. Tính chỉ thị Lý."» 問："靈處是心，抑是性？" 曰："靈處只是心，不是性.性只是理."

56 *Chu Tử Ngữ Loại*: «Vấn: "Tri giác thị tâm chi linh cố như thử, ức Khí chi vi da?" Viết: "Bất chuyên thị Khí, thị tiên hữu tri giác chi Lý. Lý vị tri giác, Khí tụ thành hình, Lý dữ Khí hợp, tiện năng tri giác. Thí như giá chúc hoả, thị nhân đắc giá chỉ cao, tiện hữu hứa đa quang diễm."» 問："知覺是心之靈固如此，抑氣之爲耶？" 曰："不專是氣，是先有知覺之理.理未知覺，氣聚成形，理與氣合，便能知覺.譬如這燭火，是因得這脂膏，便有許多光燄."

57 *Chu Tử Ngữ Loại*: «Tính, tình, tâm, duy Mạnh Tử thuyết đắc hảo. Nhân thị tính, trắc ẩn thị tình, tu tòng tâm thượng phát xuất lai. *Tâm thống tính tình giả dã*. Tính chỉ thị hợp như thử để, chỉ thị Lý, phi hữu cá vật sự. Nhược thị hữu để vật sự, tắc kỳ hữu thiện, diệc tất hữu ác. Duy kỳ vô thử vật, chỉ thị Lý, cố vô bất thiện.» 性,情,心惟孟子說得好.仁是性,惻隱是情,須從心上發出來.心統性情者也.性只是合如此底,只是理,非有個物事.若是有底物事,則既有善,亦必有惡.惟其無此物,只是理,故無不善.

vật thuộc thế giới cụ thể, nên nó phải phát ra từ tâm. Tính là Lý ở trong Khí, cho nên cũng có thể nói là ở trong tâm. Vì thế Chu Hi nói tâm thống nhất tính và tình.

Về tâm 心, tính 性, tình 情, và tài 才, Chu Hi nói: «Tính là Lý của tâm. Tình là cái động của tâm. Tài 才 là cái mà qua nó tình có thể bày tỏ theo một cách nào đó. Tình và tài hết sức gần gũi nhau. Nhưng khi nào gặp ngoại vật thì tình mới phát ra, và đường lối của nó thì khúc khuỷu [tuỳ theo vật]. Tài là cái mà qua nó tình có thể bày tỏ theo cách đó. Dù ngàn đầu vạn mối, tình đều phát ra từ tâm.»[58]

Chu Hi lại nói: «Tài là sức mạnh của tâm. Nó có khí lực để hoạt động. Tâm là cái làm chủ và quản lý. Điểm này là cái to tát của tâm. Tâm giống như nước. Tính giống như Lý của nước. Tính đứng yên như sự yên tĩnh của nước; tình thi hành như sự xao động của nước. Lòng dục là cái làm cho nước chảy đến mức tràn bờ. Tài là khí lực của nước, có thể khiến nước chảy. Nhưng giòng nước chảy có nhanh có chậm, là do sự bất đồng của tài. Trình Y Xuyên nói: "Tính thì phú bẩm ở trời, tài thì phú bẩm ở Khí." Đúng như thế. Chỉ có tính là nhất định; còn tình với tâm với tài đều hợp theo Khí.»[59]

Cái Lý mà con người được phú bẩm thì như nhau, nên Chu Hi nói «chỉ có tính là nhất định». Còn Khí 氣 thì trong trẻo và vẩn đục khác nhau; cho nên ở phương diện này, nhân loại có các hạng người khác nhau. «Lòng dục là cái làm cho nước chảy đến mức tràn bờ». Đạo học gia xem lòng dục đối đãi với Lý, hay xem nhân dục đối đãi với thiên lý. Sau đây tôi sẽ nói rõ.

---

58 *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Tính giả, tâm chi Lý; tình giả, tâm chi động. Tài tiện thị ná tình chi hội nhẫm địa giả. Tình dữ tài tuyệt tương cận. Đãn tình thị ngộ vật nhi phát, lộ mạch khúc chiết nhẫm địa khứ để; tài thị ná hội như thử đích. Yếu chi, thiên đầu vạn tự, giai thị tòng tâm thượng lai.»** 性者，心之理；情者，心之動。才便是那情之會恁地者。情與才絕相近。但情是遇物而發，路陌曲折恁地去底；才是那會如此的。要之，千頭萬緒，皆是從心上來。

59 *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Tài thị tâm chi lực, thị hữu khí lực khứ tố để. Tâm thị quản nhiếp chủ tể giả, thử tâm chi sở dĩ vi đại dã. Tâm thí thuỷ dã; tính, thuỷ chi Lý dã. Tính sở dĩ lập hồ thuỷ chi tĩnh, tình sở dĩ hành hồ thuỷ chi động, dục tắc thuỷ chi lưu nhi chí ư lạm dã. Tài giả, thuỷ chi khí lực, sở dĩ năng lưu giả. Nhiên kỳ lưu hữu cấp hữu hoãn, tắc thị tài chi bất đồng. Y Xuyên vị "tính bẩm ư thiên, tài bẩm ư Khí", thị dã. Chỉ hữu tính thị nhất định, tình dữ tâm dữ tài, tiện hợp trứ Khí liễu.»** 才是心之力，是有氣力做底。心是管攝主宰者，此心之所以為大也。心譬水也；性，水之理也。性所以立乎水之靜，情所以行乎水之動，欲則水之流而至於濫也。才者，水之氣力，所以能流者。然其流有急有緩，則是才之不同。伊川謂性稟於天，才稟於氣，是也。只有性是一定。情與心與才，便合著氣了。

5. Đạo đức và phương pháp tu dưỡng

Trong các Lý khách quan có nguyên lý đạo đức. Tính của chúng ta tức là tổng hợp của các Lý khách quan, nên trong đó cũng có nguyên lý đạo đức, tức là nhân, nghĩa, lễ, trí. Chu Hi nói: «Nhân, nghĩa, lễ, trí, đó là tính vậy. Tính không có hình ảnh nên không thể chạm được; trong nó chỉ có Lý. Chỉ có tình là thấy được, đó là: lòng trắc ẩn, sự hổ thẹn , lòng từ nhượng (cung kính và nhún nhường), và phân biệt thị phi.»[60]

Chu Hi lại nói: «Tâm sở dĩ có thể làm được nhiều là vì nó có đủ các đạo lý. Lại nói: Làm sao chúng ta có thể thấy bốn đức (nhân, nghĩa, lễ, trí)? Thấy ai có lòng trắc ẩn thì biết người đó có lòng nhân; thấy ai hổ thẹn thì biết người đó có nghĩa.»[61]

Lý thuộc hình nhi thượng, là thứ trừu tượng, không có hình dáng và dấu vết để cho ta truy tìm. Tuy nhiên, bởi vì chúng ta có những thứ tình cảm như trắc ẩn, hổ thẹn, từ nhượng, phân biệt thị phi, cho nên có thể suy ra rằng trong tính của chúng ta có cái Lý của trắc ẩn (tức là nhân), cái Lý của hổ thẹn (tức là nghĩa), cái Lý của từ nhượng (tức là lễ), và cái Lý của phân biệt thị phi (tức là trí). Bởi vì mỗi sự vật đều có cái Lý của nó. Nếu không có cái Lý đó thì nó không thể tồn tại.

Trong tính của chúng ta chẳng những có nhân, nghĩa, lễ, trí, mà còn

---

[60] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Nhân nghĩa lễ trí, tính dã. Tính vô hình ảnh khả dĩ mô sách, chỉ thị hữu giá Lý nhĩ. Duy tình nãi khả đắc nhi kiến, trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi, thị dã.»** 仁,義,禮,智,性也.性無形影可以摸索,只是有這理耳.惟情乃可得而見,惻隱,羞惡,辭讓,是非,是也.

[61] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Tâm chi sở dĩ hội tố hứa đa, cái cụ đắc hứa đa đạo lý. Hựu viết: Hà dĩ kiến đắc hữu thử tứ giả? Nhân kỳ trắc ẩn, tri kỳ hữu nhân; nhân kỳ tu ố, trí kỳ hữu nghĩa.»** 心之所以會做許多,蓋具得許多道理.又曰:何以見得有此四者?因其惻隱,知其有仁;因其羞惡,知其有義.– **LAM chú: Ở đây Chu Hi giảng theo *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu, thượng): «Do đó mà xét, hễ không có lòng trắc ẩn thì chẳng là người; không có lòng hổ thẹn thì chẳng là người; không có lòng từ nhượng (cung kính và nhún nhường) thì chẳng là người; không có lòng phân biệt đúng sai thì chẳng là người. Lòng trắc ẩn là đầu mối của nhân; lòng hổ thẹn là đầu mối của nghĩa; lòng từ nhượng là đầu mối của lễ; lòng biết đúng sai là đầu mối của trí. Người ta có bốn đầu mối ấy, cũng như có tứ chi. Đã có bốn đầu mối ấy mà bảo rằng không thể làm được [nhân, nghĩa, lễ, trí], tức là tự hại mình vậy.» (Do thị quan chi, vô trắc ẩn chi tâm, phi nhân dã; vô tu ố chi tâm, phi nhân dã; vô từ nhượng chi tâm, phi nhân dã; vô thị phi chi tâm, phi nhân dã. Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã; tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã; từ nhượng chi tâm, lễ chi đoan dã; thị phi chi tâm, trí chi đoan dã. Nhân chi hữu thị tứ đoan dã, do kỳ hữu tứ thể dã. Hữu thị tứ đoan nhi tự vị bất năng giả, tự tặc giả dã.** 猶是觀之:無惻隱之心,非人也;無羞惡之心,非人也;無辭讓之心,非人也;無是非之心;非人也.惻隱之心仁之端也;羞惡之心義之端也;辭讓之心禮之端也;是非之心智之端也.人之有是四端也,猶其有四體也有是四端而自謂不能者自賊者也).

có toàn thể Thái Cực. Nhưng do sự che lấp của khí bẩm mà Thái Cực không thể hiển lộ hoàn toàn được. Thánh nhân là bậc có thể trừ khử sự che lấp của khí bẩm, nên toàn thể Thái Cực bên trong ngài hiển lộ ra hoàn toàn. Chu Hi nói: «Có cái Lý ấy rồi sau có cái Khí ấy; có cái Khí ấy tức là đã có cái Lý ấy. Nhưng ai bẩm thụ phần trong trẻo của Khí thì thành thánh nhân và hiền nhân, giống như ngọc báu ở trong nước trong trẻo mát lạnh vậy; còn ai bẩm thụ phần vẩn đục của Khí thì thành kẻ ngu xuẩn và kẻ hư hỏng, giống như ngọc nằm trong nước đục vậy. Cái gọi là "làm sáng đức sáng" chính là lấy ngọc báu ra khỏi nước đục và làm cho nó sạch sẽ. Các vật khác cũng có cái Lý đó, và lại cũng giống như ngọc báu rơi vào chỗ nước dơ bẩn đục ngầu vậy.»[62]

Chu Hi lại nói: «Khổng Tử gọi là "khắc kỷ phục lễ" 克己復禮 (kiềm chế bản thân, tuân theo lễ),[63] *Trung Dung* gọi là "trí trung hoà; tôn đức tính; đạo vấn học" 致中和,尊德性,道問學(hãy đạt tới trung và hoà; tôn trọng đức tính [mà trời phú cho]; luôn hỏi han học tập),[64] *Đại Học*

---

[62] **_Chu Tử Ngữ Loại:_ «Hữu thị Lý nhi hậu hữu thị Khí, hữu thị Khí tắc tất hữu thị Lý. Đãn bẩm Khí chi thanh giả, vi thánh vi hiền, như bảo châu tại thanh lãnh thuỷ trung; bẩm Khí chi trọc giả, vi ngu vi bất tiếu, như châu tại trọc thuỷ trung. Sở vị minh minh đức giả, thị tựu trọc thuỷ trung khai thức thử châu dã. Vật diệc hữu thị Lý, hựu như bảo châu lạc tại chí ô trọc xứ.»** 有是理而後有是氣,有是氣則必有是理.但稟氣之清者,爲聖爲賢,如寶珠在清冷水中;稟氣之濁者,爲愚爲不肖,如珠在濁水中.所謂明明德者,是就濁水中揩拭此珠也.物亦有是理,又如寶珠落在至汙濁處.**– LAM chú: Ba chữ «_minh minh đức_»** 明明德 **(làm sáng cái đức sáng: to illustriate illustrious virtue) lấy từ đầu sách _Đại Học_.**

[63] **LAM chú: _Luận Ngữ_ (Nhan Uyên): «Nhan Uyên vấn "nhân", Tử viết: "Khắc kỷ phục lễ, vi nhân. Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ quy nhân yên. Vi nhân do kỷ, nhi do nhân hồ tai?"»** 顏淵問仁,子曰:克己復禮,爲仁.一日克己復禮,天下歸仁焉.爲仁由己,而由人乎哉? **(Nhan Uyên hỏi về nhân, Khổng Tử nói: _Khắc kỷ phục lễ_ [kiềm chế bản thân, tuân theo lễ] là nhân. Một ngày _khắc kỷ phục lễ_, thiên hạ trở về nhân. Làm điều nhân là do mình, chứ do người sao?)**

[64] **LAM chú: _Trung Dung_ (chương 1): «Hỉ, nộ, ai, lạc chi vị phát vị chi _trung_, phát nhi giai trúng tiết vị chi _hòa_. Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã. Hòa dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã. _Trí trung hòa_, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên.»** 喜,怒,哀,樂之未發,謂之中發而皆中節,謂之和.中也者,天下之大本也.和也者,天下之達道也.致中和,天地位焉,萬物育焉 **(Mừng, giận, buồn, vui sướng; các tình cảm đó chưa phát ra thì gọi là trung; phát ra mà có tiết độ thì gọi là hoà. Trung là gốc lớn của thiên hạ, hoà là đạo mà thiên hạ phải đạt tới. Hãy đạt tới trung và hoà, thì trời đất ổn định và vạn vật được nuôi dưỡng). _Trung Dung_ (chương 27): «Cố quân tử _tôn đức tính_ nhi _đạo vấn học_; trí quảng đại nhi tận tinh vi; cực cao minh nhi đạo Trung Dung; ôn cố nhi tri tân; đôn hậu dĩ sùng lễ.»** 故君子尊德性,而道問學,致廣大而盡精微,極高明而道中庸.溫故而知新.敦厚以崇禮.是故居上不驕,爲下不倍.國有道,其言足以興;國無道,其默足以容 **(Cho nên quân tử tôn trọng đức tính [mà trời phú cho] và luôn hỏi han học tập, thi hành nó thật rộng lớn và nghiên cứu cho tinh vi, làm cho đức tính mình cao minh và đạt mức trung dung; ôn lại việc cũ và biết việc mới; đôn hậu để trọng lễ).**

gọi là “minh minh đức” 明明德(làm sáng đức sáng),[65] *Thư Kinh* gọi là “nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung” 人心惟危,道心惟微,惟精惟一,允執厥中 (Lòng người điên đảo, lòng Trời huyền vi. Hãy tinh ròng chuyên nhất và thành thực giữ mức trung dung).[66] Thánh hiền dù thốt ra ngàn lời vạn tiếng, tóm lại cũng chỉ là dạy con người biết “minh thiên lý, diệt nhân dục” 明天理滅人欲 (làm sáng lẽ trời và diệt lòng dục của người). [...] Tính của người vốn sáng, nhưng nó như ngọc quý chìm trong nước đục, chẳng thấy sáng nữa. Nếu dẹp bỏ nước đục thì ngọc lại sáng như xưa. Nếu mỗi người tự thấy rằng chính lòng nhân dục che lấp nhân tính, thì họ sẽ giác ngộ. Chính ở điểm này mà con người phải gấp tập trung nỗ lực, một mặt *cách vật* (khảo sát sự vật). Hôm nay khảo sát một vật, ngày mai khảo sát một vật, giống như đem quân tấn công, đánh bạt một thành trì đang cố thủ, nhân dục tự nhiên tiêu mất. Sở dĩ Nhị Trình nói chữ “kính” 敬(kính cẩn) chỉ vì tự trong mỗi chúng ta có một vật sáng láng. Lấy chữ “kính” ấy để chống lại quân địch, và luôn giữ chữ “kính” ấy trong tâm, thì nhân dục tự nhiên hết. Khổng Tử nói: “Làm điều nhân là do mình, chứ không do người!” Điểm quan trọng chính là ở trong đó.»[67]

---

[65] **LAM chú: *Đại Học*: «Đại Học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân (tân) dân, tại chỉ ư chí thiện.» 大學之道,在明明德,在親(新)民,在止於至善(Đạo của Đại Học là làm sáng cái đức sáng, đổi mới dân chúng, và dừng lại ở chỗ chí thiện).**

[66] **LAM chú: Theo *Thư Kinh* (Thuấn điển), Vua Thuấn truyền đạo thống cho ông Vũ rằng: «Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi; duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung.» Câu «doãn chấp quyết trung» 允執厥中(thành thực giữ lấy mức trung dung của nó) vốn do vua Nghiêu truyền cho vua Thuấn, nay được lấy ra truyền lại cho vua Vũ.– *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (Thương Vụ ấn thư quán, Bắc Kinh 2000, trang 850 và 1971) giảng: *Quyết* 厥[jué]= của nó, của chúng nó (*kỳ* 其, *tha đích* 他的, *tha môn đích* 他們的); *doãn* 允[yǔn]= *thành tín* 誠信.**

[67] ***Chu Tử Ngữ Loại:* «Khổng Tử sở vị “khắc kỷ phục lễ”, Trung Dung sở vị “trí trung hoà, tôn đức tính, đạo vấn học”, Đại Học sở vị “minh minh đức”, Thư viết “nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung”. Thánh hiền thiên ngôn vạn ngữ, chỉ thị giáo nhân minh thiên lý, diệt nhân dục. [...] Nhân tính bản minh, như bảo châu trầm hỗn thuỷ trung, minh bất khả kiến; khứ liễu hỗn thuỷ, tắc bảo châu y cựu tự minh. Tự gia nhược đắc tri thị nhân dục tế liễu, tiện thị minh xứ. Chỉ thị giá thượng tiện khẩn trước lực chủ định, nhất diện cách vật. Kim nhật cách nhất vật, minh nhật cách nhất vật, chính như du binh công vi bạt thủ, nhân dục tự tiêu thước khứ. Sở dĩ Trình tiên sinh thuyết “kính” tự, chỉ thị vị ngã tự hữu nhất cá minh để vật sự tại giá lý. Bả cá “kính” tự để địch, thường thường tồn cá kính tại giá lý, tắc nhân dục tự nhiên lai bất đắc. Phu Tử viết: “Vị nhân do kỷ, nhi do nhân hồ tai!” Khẩn yếu xử chính tại giá lý.»** 孔子所謂“克己復禮”, 中庸所謂“致中和,尊德性,道問學”, 大學所謂“明明德”, 書曰“人心惟危,道心惟微,惟精惟一,允執厥中”. 聖賢千言萬語,只是教人明天理,滅人欲. [...] 人性本明,如寶珠沉溷水中,明不可見;去了溷水,則寶珠依舊自明.自家若得知是人欲蔽了,便是明處.只是這上便緊著力主定,一面格物,今日格一物,明日格一物,正如游兵攻圍拔守,人欲自銷鑠去.所以程先生說“敬” 字,只是謂我自有一個明底物事在

Con người có được Lý rồi sau mới có tính; có được Khí 氣 rồi sau mới có hình. Tính là Thiên Lý, tức là Đạo tâm 道心. Bởi vì con người có cái hình do khí bẩm mà dấy khởi tình cảm. Lòng nhân dục 人欲 tuôn chảy như nước tràn bờ. Nó là nhân tâm 人心. Nhân dục cũng gọi là tư dục 私欲. Gọi là nhân dục bởi vì lòng dục đó phát xuất từ những tình cảm tuôn chảy tràn bờ mà ai ai cũng có. Gọi là tư dục bởi vì lòng dục đó phát xuất từ những tình cảm tuôn chảy tràn bờ của từng cá nhân cụ thể. Thiên Lý bị nhân dục che lấp, giống như ngọc quý nằm trong nước đục. Tuy nhiên nhân dục không thể hoàn toàn che lấp Thiên Lý. Hễ biết Thiên Lý bị nhân dục che lấp, tức là Thiên Lý chưa từng bị nhân dục che lấp. Con người phải gấp rút tập trung nỗ lực để đạt tới sự nhận biết ấy. Công phu này có hai mặt mà Trình Di gọi là *kính* 敬 và *trí tri* 致知.

Kính nghĩa là trong ta tự có một vật sáng láng, và ta hãy luôn ghi nhớ chớ quên; còn về *trí tri*, Chu Hi nói: «Cái gọi là "trí tri tại cách vật" nghĩa là muốn đạt tới cùng sự hiểu biết của ta, thì ta phải xét tới cùng cái Lý của sự vật. Sự linh diệu của nhân tâm chẳng gì mà nó không biết; còn sự vật trong thiên hạ chẳng gì mà không có Lý. Nếu ta chưa đạt tới tận cùng cái Lý của sự vật thì sự hiểu biết của ta chưa hoàn chỉnh. Do đó, ngay đầu sách *Đại Học* đã dạy rằng: đối với mọi vật trong thiên hạ, người đi học phải lấy những Lý mà mình đã biết để xét tới cùng các sự vật khác, nhằm đạt tới chỗ tối cao của hiểu biết. Miệt mài lâu ngày như thế, rồi một ngày bỗng nhiên ta thông suốt tất cả, hiểu hết các phương diện tinh thô trong ngoài của sự vật, và toàn thể sự vận dụng lớn của tâm ta trở nên sáng rỡ.»[68]

Theo Chu Hi, *cách* là tới, *vật* là sự vật; xét tới cùng các Lý của sự vật thì sẽ đạt tới chỗ tối cao của nó. Thuyết cách vật của Chu Hi về sau bị phái Lục Vương (tức Lục Cửu Uyên và Vương Thủ Nhân) công kích dữ dội. Phái Lục Vương cho rằng công phu cách vật này chi li quá. Tuy

---

這裏.把個"敬"字底敵,常常存個敬在這裏,則人欲自然來不得.夫子曰:"爲仁由己,而由人乎哉!"緊要處正在這裏.

[68] ***Đại Học Chương Cú:* «Sở vị trí tri tại cách vật giả, ngôn dục trí ngô chi trí, tại tức vật nhi cùng kỳ Lý dã. Cái nhân tâm chi linh, mạc bất hữu tri, nhi thiên hạ chi vật, mạc bất hữu Lý. Duy ư Lý hữu vị cùng, cố kỳ tri hữu bất tận dã. Thị dĩ Đại Học thuỷ giáo, tất sử học giả tức phàm thiên hạ chi vật, mạc bất nhân kỳ dĩ tri chi Lý nhi ích cùng chi, dĩ cầu chí hồ kỳ cực. Chí ư dụng lực chi cửu, nhi nhất đán hoát nhiên quán thông yên, tắc chúng vật chi biểu Lý tinh thô vô bất đáo, nhi ngô tâm chi toàn thể đại dụng vô bất minh hĩ.»** 所謂致知在格物者,言欲致吾之知,在即物而窮其理也.蓋人心之靈,莫不有知,而天下之物,莫不有理.惟於理有未窮,故其知有不盡也.是以,大學始教,必使學者即凡天下之物,莫不因其已知之理而益窮之,以求至乎其極.至於用力之久,而一旦豁然貫通焉,則衆物之表裏精粗無不到,而吾心之全體大用無不明矣.

nhiên, theo toàn thể hệ thống triết học của Chu Hi mà xét, phương pháp tu dưỡng bằng cách vật lại rất hoà hợp với toàn thể hệ thống triết học của ông. Bởi vì Chu Hi cho rằng mỗi sự vật trong thiên hạ đều có cái Lý của nó, mà cái tính trong tâm chúng ta tức là toàn thể những Lý của sự vật trong thiên hạ. Xét tới cùng các Lý của sự vật trong thiên hạ tức là thấu triệt được cái Lý trong tính của chúng ta. Hôm nay xét tới cùng một Lý trong tính, ngày mai xét tới cùng một Lý nữa trong tính. Và cứ thế ắt có một ngày sẽ hoát nhiên đại ngộ. Tới lúc đó sẽ thấy được Lý của vạn vật đều ở trong tâm chúng ta. «Trong trời đất không có vật nào là ở ngoài tính» (thiên hạ vô tính ngoại chi vật 天下無性外之物). Đạt tới cảnh giới này, thì ta «hiểu hết các phương diện tinh thô trong ngoài của sự vật, và toàn thể sự vận dụng lớn của tâm ta trở nên sáng rõ». Áp dụng phương pháp tu dưỡng này quả thực có đạt được mục đích ấy không thì là một vấn đề khác, tuy nhiên theo hệ thống triết học của Chu Hi mà nói, thì ông có thể duy trì nó.

Cách vật theo Chu Hi là một phương pháp tu dưỡng, mà mục đích của nó là nhằm hiểu được sự vận dụng lớn của toàn thể tâm ta. Đạo học gia của phái Lục Vương khi phê bình thuyết của Chu Hi cũng nhắm vào phương pháp tu dưỡng mà phê bình. Nếu xem phương pháp cách vật là tinh thần khoa học của Chu Hi chuyên tìm cầu tri thức mà thôi, tức là hiểu lầm Chu Hi.

6. Triết học về chính trị

Mỗi sự vật trong thiên hạ đều có cái Lý của nó, nên các tổ chức quốc gia và xã hội cũng phải có cái Lý của chúng. Theo Lý ấy mà cai trị thì quốc gia thịnh trị; không theo Lý ấy thì quốc gia loạn. Cái Lý ấy gọi là đạo *trị quốc bình thiên hạ* 治國平天下. Cái đạo ấy cũng có sự khách quan vĩnh viễn. Chu Hi nói: «Trong vòng 1500 năm, [...] Cái Đạo mà Nghiêu, Thuấn, Tam Vương, Chu Công, Khổng Tử truyền lại chưa từng được thực hành một ngày nào trên đời. Nếu luận về sự thường tồn của Đạo, thì Đạo hoàn toàn vượt ra ngoài sự can thiệp của con người. Nó chỉ là cái ấy, tức là một vật mà từ ngàn xưa đến nay luôn tồn tại và bất diệt. Tuy 1500 năm qua nó bị con người phá hoại, nhưng cuối cùng họ cũng không thể nào tiêu diệt được nó.»[69]

[69] *Chu Văn Công Văn Tập* (Đáp Trần Đồng Phủ Thư): «Thiên ngũ bách niên chi gian, [...] Nghiêu, Thuấn, Tam Vương, Chu Công, Khổng Tử sở truyền chi đạo, vị thường nhất nhật đắc hành ư thiên địa chi gian dã. Nhược luận Đạo chi thường tồn, khước hựu sơ phi nhân sở năng dự. Chỉ thị thử cá, tự thị cắng cổ cắng kim thường tại bất diệt chi vật. Tuy thiên ngũ bách niên bị nhân tác hoại, chung điển diệt tha bất đắc nhĩ.» 千五百年之間, [...] 堯舜三王周

Chu Hi lại nói: «Đạo chưa từng ngưng nghỉ, nhưng con người tự ngưng, không theo Đạo. Cho nên mới nói rằng chẳng phải Đạo mất đi, mà chính vì [hai vua ác cuối đời Tây Chu là] Lệ Vương 厲王 (tức Cơ Hồ 姬胡, tại vị 878-842 TCN) và U Vương 幽王 (tức Cơ Cung Niết 姬宮涅, tại vị 781-771 TCN) không theo nó thôi.»[70]

Đạo trị quốc bình thiên hạ luôn tồn tại từ xưa đến nay, nhưng nó được thực hành hay không là do con người. Nếu con người không theo đạo ấy, thì nó cũng vậy thôi. Đâu phải vì con người không thực hành nó mà nó mất đi. Thực tế, con người có những thành tựu về phương diện quốc gia và xã hội tức là họ cũng đã phần nào theo đạo ấy, nhưng vì họ không hiểu biết nó, nên họ chưa hoàn hoàn thực hành được nó. Chu Hi nói: «Tôi thường trộm nghĩ từ xưa đến nay chỉ có một Lý [của sự cai trị] thôi. Ai thuận theo nó thì thành công, ai nghịch với nó thì thất bại. Cho nên không phải chỉ có thánh hiền ngày xưa mới riêng có khả năng ấy, mà những kẻ gọi là anh hùng hào kiệt đời sau cũng chưa từng có ai bỏ cái Lý ấy mà lập được thành tựu. Các bậc thánh hiền đời xưa, từ căn bản, đã có công phu tinh ròng chuyên nhất nên có thể nắm giữ mức trung dung của sự vật, [việc làm] từ đầu tới cuối, chẳng gì mà không tốt. Những kẻ gọi là anh hùng hào kiệt đời sau chưa từng có công phu ấy, mà chỉ ngụp lặn trong cõi lợi dục. Những kẻ có tài năng trong bọn họ có thể tình cờ mà phù hợp với Lý ấy, nên có ít nhiều thành tựu tuỳ theo mức độ của mỗi người, nhưng dù đúng hay không, họ không thể tốt đẹp trọn vẹn, mà chỉ được một phần thôi. Trong thư của tiên sinh nói "ba đời (Hạ, Thương, Chu) thì làm điều tận thiện, còn đời Hán và đời Đường thì làm điều bất thiện", chính là ý nghĩa ấy. Tuy nhiên tiên sinh chỉ nói về tận thiện và bất thiện, chứ không nói tại sao họ tận thiện và bất thiện. Tuy nhiên, sự nghiệp của thánh nhân, dù lìa bỏ hay ở lại cõi lợi dục, nếu đem ra so sánh thì thấy có sự phảng phất tương tự, khiến cho người ta nói rằng cách thức của thánh nhân chẳng qua cũng như vậy. Cái gọi là "sai một ly đi một dặm" chính ở chỗ đó.»[71]

公孔子所傳之道,未嘗一日得行於天地之間也. 若論道之常存,卻又初非人所能預.只是此個,自是亙古亙今常在不滅之物.雖千五百年被人作壞,終殄滅他不得耳.

[70] *Chu Văn Công Văn Tập* **(Đáp Trần Đồng Phủ Thư): «Cái Đạo vị thường tức, nhi nhân tự tức chi. Sở vị phi Đạo vong dã, U, Lệ bất do dã, chính vị thử nhĩ.»** 蓋道未嘗息,而人自息之.所謂非道亡也,幽,厲不由也,正謂此耳.

[71] *Chu Văn Công Văn Tập* **(Đáp Trần Đồng Phủ Thư): «Thường thiết dĩ vi cắng cổ cắng kim, chỉ thị nhất Lý, thuận chi giả thành, nghịch chi giả bại. Cố phi cổ chi thánh hiền sở năng độc nhiên nhi hậu thế chi sở vị anh hùng hào kiệt giả, diệc vị hữu năng xả thử Lý nhi đắc hữu sở kiến lập thành tựu giả dã. Đãn cổ chi thánh hiền, tòng bản căn thượng tiện hữu duy tinh duy nhất công**

Để xây dựng một ngôi nhà, chúng ta cần biết cái nguyên lý kiến trúc thì ngôi nhà mới thành tựu. Dù người ta từ xưa đến nay không biết hoặc không dùng nguyên lý ấy, thì nguyên lý ấy vẫn tồn tại. Một nhà xây dựng chuyên nghiệp thì hiểu sâu nguyên lý ấy, một mực tuân theo nó mà tiến hành, tức là nguyên lý ấy được thực hiện, và ngôi nhà do ông ta xây dựng ắt hẳn sẽ kiên cố và lâu bền. Một người tay ngang cất nhà, không theo nguyên lý kiến trúc, nhưng ngôi nhà cũng hoàn thành. Hắn cất nhà vô tình mà phù hợp nguyên lý kiến trúc, nhưng vì hắn không nghiên cứu nguyên lý kiến trúc, nên ngôi nhà ấy không hoàn toàn phù hợp với nguyên lý ấy, và mức độ hoàn mỹ của ngôi nhà bị hạn chế. Việc trị nước của ông vua thánh hiền (tức chuyên gia xây dựng quốc gia) so với việc trị nước của ông vua anh hùng hào kiệt (tức thợ tay ngang xây dựng quốc gia) cũng có sự bất đồng giống như vậy. Việc trị nước của ông vua anh hùng hào kiệt dù có thành công rất lớn, cũng chỉ là sự yên bình nhỏ mà thôi. Nền chính trị của ông vua thánh hiền là *vương chính* 王政 (chính trị theo vương đạo), còn nền chính trị của ông vua anh hùng hào kiệt là *bá chính* 霸政 (chính trị theo bá đạo).

«Các bậc thánh hiền đời xưa, từ căn bản, đã có công phu tinh ròng chuyên nhất nên có thể nắm giữ mức trung dung của sự vật, [việc làm] từ đầu tới cuối, chẳng gì mà không tốt.» Bậc cai trị phải có sự tu dưỡng thì sau mới thành ông vua thánh hiền, thực hiện nền chính trị theo vương đạo. Chu Hi nói: «Cái gọi là "*Lòng người điên đảo, lòng Trời huyền vi. Hãy tinh ròng chuyên nhất và thành thực giữ mức trung dung*" chính là tôn chỉ bí mật mà các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ truyền cho nhau. Con người từ lúc chào đời đã bị gông cùm bởi thói riêng tư của hình thể, nên

---

phu, sở dĩ năng chấp kỳ trung, triệt đầu triệt vĩ, vô bất tận thiện. Hậu lai sở vị anh hùng, tắc vị thường hữu thử công phu, đãn tại lợi dục trường trung, đầu xuất đầu một. Kỳ tư mỹ giả, nãi năng hữu sở ám hợp, nhi tuỳ kỳ phân số chi đa thiểu dĩ hữu sở lập; nhiên kỳ hoặc trúng hoặc phủ, bất năng tận thiện, tắc nhất nhi dĩ. Lai dụ sở vị tam đại tố đắc tận, Hán, Đường tố đắc bất thiện giả, chính vị thử dã. Nhiên đãn luận kỳ tận dữ bất tận, nhi bất luận kỳ sở dĩ tận dữ bất tận. Khước tương thánh nhân sự nghiệp, khứ tựu lợi dục trường trung, tỉ tịnh giảo lượng, kiến hữu phảng phất tương tự, sử vị thánh nhân dạng tử, bất quá như thử. Tắc sở vị hào li chi sai, thiên lý chi mậu giả, kỳ tại thử hĩ.» 常竊以爲亙古亙今,只是一理,順之者成,逆之者敗.故非古之聖賢所能獨然而後世之所謂英雄豪傑者,亦未有能舍此理而得所有見立成就者也.但古之聖賢,從本根上便有惟精惟一工夫,所以能執其中,徹頭徹尾,無不盡善.後來所謂英雄,則未嘗有此工夫,但在利欲場中,頭出頭沒.其資美者,乃能有所暗合,而隨其分數之多少以有所立;然其或中或否,不能盡善,則一而已.來論所謂三代做得盡,漢,唐做得不善者,正謂此也.然但論其盡與不盡,而不論其所以盡與不盡.卻將聖人事業,去就利欲場中,比並較量,見有彷彿相似,使謂聖人樣子,不過如此.則所謂毫釐之差,千里之謬者,其在此矣.

không thể không có nhân tâm (lòng người). Nhưng cái tâm này có được cái chân chính của trời đất, nên con người không thể không có đạo tâm (lòng Trời). Trong sinh hoạt hằng ngày, hai tâm này song hành, luân phiên hơn thua với nhau, mà những chuyện đúng sai và được mất của một cá nhân cho đến sự trị loạn và an nguy của thiên hạ, chẳng gì mà không liên can đến sự hơn thua của hai tâm đó. Cho nên muốn chọn lấy cái tinh ròng, thì đừng để nhân tâm lẫn với đạo tâm; muốn giữ lấy cái chuyên nhất, thì đừng để thiên lý trôi vào nhân dục. Như vậy hành động của ta, không việc gì mà không đạt được mức trung dung của nó, và trong thiên hạ cũng như quốc gia, ta ở nơi nào cũng đúng.»[72]

Ông vua triết gia trong lý tưởng của Plato, trước tiên phải có sự tu dưỡng rất thâm hậu, thì mới có thể vượt trên thế giới hiện tượng để tiến vào thế giới khái niệm và thấy ngay các khái niệm tốt đẹp. Phải đạt được trình độ ấy thì mới có thể gọi là người chủ của nhân loại. Chu Hi cũng có ý ấy. Trong tính của chúng ta vạn Lý đều có đủ. Nếu ta có thể khử bỏ sự câu thúc của khí bẩm thì vạn Lý trong tính sẽ hiển lộ. Như vậy, «hành động của ta, không việc gì mà không đạt được mức trung dung của nó»; tức là việc gì cũng hợp lý, cho nên «trong thiên hạ cũng như quốc gia, ta ở nơi nào cũng đúng». Hạng vua anh hùng hào kiệt vốn chẳng có sự tu dưỡng ấy, nên trong việc làm lộ ra sự riêng tư của nhân dục. Do đó trong sự cai trị dù có tình cờ hợp với thiên lý, nhưng sự không hợp với thiên lý cũng có nhiều; và chỉ có thể có sự yên bình nhỏ mà thôi.

Trên đây trích dẫn thư của Chu Hi phúc đáp Trần Đồng Phủ 陳同甫 tức Trần Lượng 陳亮. Trần Lượng cho rằng nền vương chính của ba đời Hạ, Thương, Chu về cơ bản không khác với nền bá chính của đời Hán và đời Đường, có điều ba đời ấy làm được sự tận thiện còn đời Hán và

[72] *Chu Văn Công Văn Tập* (**Đáp Trần Đồng Phủ Thư**): **«Sở vị "nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung" giả, Nghiêu, Thuấn, Vũ tương truyền chi mật chỉ dã. Phù nhân tự hữu sinh nhi cốc ư hình thể chi tư, tắc cố bất năng vô nhân tâm hĩ. Nhiên nhi tâm hữu đắc ư thiên địa chi chính, tắc hựu bất năng vô đạo tâm hĩ. Nhật dụng chi gian, nhị giả tịnh hành, điệt vi thắng phụ, nhi nhất thân chi thị phi đắc thất, thiên hạ chi trị loạn an nguy, mạc bất hệ yên. Thị dĩ dục kỳ trạch chi tinh, nhi bất sử nhân tâm đắc dĩ tạp hồ đạo tâm; dục kỳ thủ chi nhất, nhi bất sử thiên lý đắc dĩ lưu ư nhân dục. Tắc phàm kỳ sở hành, vô nhất sự chi bất đắc kỳ trung, nhi ư thiên hạ quốc gia vô sở xử nhi bất đáng.»** 所謂 "人心惟危,道心惟微,惟精惟一,允執厥中" 者,堯舜禹相傳之密旨也.夫人自有生而梏於形體之私,則固不能無人心矣.然而心有得於天地之正,則又不能無道心矣.日用之間,二者並行,迭爲勝負,而一身之是非得失,天下之治亂安危,莫不係焉.是以欲其擇之精,而不使人心得以雜乎道心;欲其守之一,而不使天理得以流於人欲.則凡其所行,無一事之不得其中,而於天下國家無所處而不當.

đời Đường thì không. Đó là Trần Lượng ủng hộ thuyết của học phái Vĩnh Khang 永康 bấy giờ (một học phái của các Đạo học gia lấy địa danh Vĩnh Khang làm tên). Chu Hi cho rằng chúng ta không nên luận về tận thiện và bất thiện, mà nên luận về nguyên do sinh ra tận thiện và bất thiện, tức là nền chính trị theo vương đạo và nền chính trị theo bá đạo.

7. Phê bình Phật giáo

Ở tiết 1 trên đây, chúng ta thấy Chu Hi phân biệt quan điểm của Phật và Nho về tính. Phật gia xem tính là không, còn Nho gia xem tính là có thực. Khi phê bình Phật giáo, Chu Hi phần lớn căn cứ vào điểm ấy.

Ngữ Lục chép: «Khiêm Chi hỏi: "Nay ai cũng nói thuyết của Phật là Vô, thuyết của Lão là Không, Không với Vô khác nhau thế nào?" Đáp: "Không là danh từ kiêm cả Hữu và Vô. Đạo gia nói phân nửa là Hữu, phân nửa là Vô. Việc đã qua đều là Vô, việc trước mắt mới là Hữu; cho nên gọi là Không. Còn thuyết của Phật gia đều là Vô. Việc đã qua đều là Vô, việc trước mắt cũng là Vô. Có tức là Không, Không tức là Có. Lớn như vạn sự vạn vật, nhỏ như trăm lóng xương và cửu khiếu, tất cả đều trở về Vô. Suốt ngày ăn cơm mà vẫn nói chưa từng cắn một hạt cơm; suốt ngày mặc quần áo mà vẫn nói chưa từng mắc lên thân mình một sợi tơ."»[73]

Nhà Phật xem vạn vật là hư ảo: «Có tức là Không» (sắc tức thị không 色即是空). Tức là cái mà Hoa Nghiêm Tông giảng là *lý sự viên dung vô ngại* 理事圓融無礙(xin xem lại tiết 3 [Kim Sư Tử Luận của Pháp Tạng] của chương 8 trên đây). Tuy nhiên cái gọi là «sự» ở đây cũng ám chỉ sự vật cụ thể. Sự vật cụ thể thì sinh diệt, vô thường. Nếu nói "có sự vật", thì có thể nói rằng: *Chân như bất không* 眞如不空. Nếu nói "sự vật

---

[73] *Chu Tử Ngữ Loại:* **«Khiêm Chi vấn: "Kim giai dĩ Phật chi thuyết vi vô, Lão chi thuyết vi không, không dữ vô bất đồng như hà?" Viết: "Không thị kiêm hữu vô chi danh. Đạo gia thuyết bán tiệt hữu, bán tiệt vô. Dĩ tiền đô thị vô, như kim nhãn hạ khước thị hữu. Cố vị chi không. Nhược Phật gia chi thuyết, đô thị vô. Dĩ tiền dã thị vô, như kim nhãn hạ dã thị vô. Sắc tức thị không, không tức thị sắc. Đại nhi vạn sự vạn vật, tế nhi bách hài cửu khiếu, nhất tề đô quy ư vô. Chung nhật ngật phạn, khước đạo bất tằng giảo trước nhất lạp mễ; chung nhật trước y, khước đạo bất tằng quải trứ nhất điều ti."»** 謙之問:"今皆以佛之說爲無,老之說爲空,空與無不同如何?" 曰:"空是兼有無之名.道家說半截有,半截無.已前都是無,如今眼下卻是有.故謂之空.若佛家之說,都是無.已前也是無,如今眼下也是無.色即是空,空即是色.大而萬事萬物,細而百骸九竅,一齊都歸於無.終日吃飯,卻道不曾咬著一粒米;終日著衣,卻道不曾掛著一條絲." **– LAM chú: Câu «*Chung nhật ngật phạn, khước đạo bất tằng giảo trước nhất lạp mễ; chung nhật trước y, khước đạo bất tằng quải trứ nhất điều ti.*» đại ý giống lời Hoàng Bá và Vân Môn nói. Xin xem lại chú thích 73 và 74 của chương 9 trên đây.**

là vô thường", thì *bất không* lại là *không*. Tuy nhiên, nếu nói "trong Thái Cực có đủ các Lý", thì các Lý ấy vượt trên thời gian và không gian mà tồn tại mãi. Tuy các sự vật cụ thể trong thực tế ứng với các Lý ấy có *sinh, diệt, biến, hoá*, nhưng các Lý ấy thì không có *sinh, diệt, biến, hoá*. Nếu vậy, Thái Cực quả thực là *bất không*. Chu Hi khi phê bình nhà Phật, đã chú ý điểm này, cho rằng tính của chúng ta chính là toàn thể Thái Cực mà trong đó đều có đủ các Lý. Do đó, bất kể thế nào, thế giới của Lý không thể là Không, và tính của chúng ta không thể là Không.

Chu Hi nói: «Nhà Phật nói về Không. Điều ấy không phải là không đúng, nhưng bên trong cái Không đó phải bắt đầu có đạo lý. Nếu chỉ nói chúng ta là Không, mà không biết rằng [bên trong cái Không ấy] có đạo lý chân thực, thì nói như vậy để làm gì? Thí dụ như một vực nước trong, nước trong mát tới đáy. Thoạt đầu nhìn vào, ngỡ là không có nước, nên người ta nói vực này chỉ là không. Chưa dúng tay xuống để dò xem là lạnh hay ấm, thì người ta đâu biết trong vực có nước. Kiến giải của nhà Phật cũng đúng như thế. Người học ngày nay quý trọng cách vật trí tri thì phải thấy rõ được điều đó.»[74]

Thế giới của các Lý là «thế giới khoảng khoát trong mát, không hình thể, không nơi chốn»; nhưng ta không thể nhân đó mà xem nó là Không, xem nó là Vô. Cho nên nhà Phật nói về Không, tuy cũng có căn cứ, nhưng Lý vốn là Hữu, thì không thể nói rằng tất cả đều là Không. Chu Hi nói: «Nhà Phật kia thấy tâm là Không và không có Lý; nhà Nho ta thấy tâm tuy Không nhưng vạn Lý đều hàm chứa đủ trong đó.»[75]

Chu Hi lại nói: «Nhà Nho xem Lý là không sinh không diệt, nhà Phật xem *thần thức* 神識 là không sinh không diệt.»[76]

---

74 ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Thích thị thuyết không, bất thị tiện bất thị, đãn không lý diện tu hữu đạo lý thuỷ đắc. Nhược chỉ thuyết đạo ngã thị cá không, nhi bất tri hữu cá thực để đạo lý, khước tố thậm dụng đắc? Thí như nhất uyên thanh thuỷ, thanh linh triệt để, khán lai nhất như vô thuỷ tương tự. Tha tiện đạo thử uyên chỉ thị không để, bất tằng tương thủ khứ thám thị lãnh thị ôn, bất tri đạo hữu thuỷ tại lý diện. Phật thị chi kiến chính như thử. Kim học giả quý ư cách vật, trí tri, tiện yếu kiến đắc đáo để.»** 釋氏說空,不是便不是,但空裏面須有道理始得.若只說道我是個空,而不知有個實底道理,卻做甚用得?譬如一淵清水,清冷徹底,看來一如無水相似.他便道此淵只是空底,不曾將手去探是冷是溫,不知道有水在裏面.佛是之見正如此.今學者貴於格物,致知,便要見得到底.

75 ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Bỉ kiến đắc tâm không nhi vô Lý, thử kiến đắc tâm tuy không nhi vạn Lý hàm bị dã.»** 彼見得心空而無理,此見得心雖空而萬理咸備也.

76 ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Nho giả dĩ Lý vi bất sinh bất diệt, Thích thị dĩ thần thức vi bất sinh bất diệt.»** 儒者以理爲不生不滅;釋氏以神識爲不生不滅.

Tính của chúng ta tức là toàn thể Thái Cực, trong đó hàm chứa đủ các Lý. Các Lý này không sinh không diệt, cho nên kẻ dù không thừa nhận Lý cũng không thể không dựa theo Lý mà hành xử. Chu Hi nói: «Thiên hạ chỉ là đạo lý ấy, mà rốt cuộc chúng ta không chạy khỏi nó. Như Phật và Lão tuy tiêu diệt nhân luân, nhưng tự họ cũng chạy không khỏi Lý. Như họ phủ nhận mối quan hệ cha con, nhưng vẫn bái sư xem như cha (sư phụ), sư xem đệ tử như con; kẻ lớn là sư huynh, người nhỏ là sư đệ. Họ chỉ bảo hộ cái quan hệ giả dối; còn thánh hiền [của đạo Nho] thì giữ được mối quan hệ chân thực.»[77]

Tổ chức xã hội ắt phải noi theo Lý ấy. Nhà Phật tuy muốn lìa xã hội, nhưng tự bản thân đoàn thể Phật giáo lại là một xã hội, tức là họ không thể không noi theo Lý ấy mà tổ chức nó. Đúng như Chu Hi nói: «Thiên hạ chỉ là đạo lý ấy, mà rốt cuộc chúng ta không chạy khỏi nó.» Chu Hi cho rằng nhà Phật không thấy được tính ấy, họ chỉ xem thần thức là không sinh không diệt. Cho nên nhà Phật quả thực đã lầm tâm là tính.

Ngữ Lục chép: «Từ Tử Dung có luận về "vật khô héo có tính hay không có tính". Thầy (Chu Hi) nói: "Tính chỉ là Lý; có vật ấy thì có Lý ấy. Chỗ sai lầm của Tử Dung là nhận tâm làm tính, giống như nhà Phật đã nhận như vậy. Nhà Phật chỉ chà xát cái tâm ấy cho cực tinh tế, giống như một vật được bóc một lớp vỏ rồi lại bóc thêm một lớp vỏ nữa, cho tới lúc không còn bóc được gì nữa. Do đó họ chà xát tâm cho tới tinh tế và sáng láng, rồi nhận nó là tính. Họ không biết cái đó chính thánh nhân [của đạo Nho] gọi là tâm. Cho nên Thượng Thái (1050-1103, đệ tử của Nhị Trình) nói: 'Cái mà nhà Phật gọi là tính thì thánh nhân gọi là tâm; cái mà nhà Phật gọi là tâm, thì thánh nhân gọi là ý.' Tâm chỉ là cái Lý ấy, nhưng nhà Phật ngay từ đầu không hề biết được cái Lý ấy, nên đã nhận sự vận động của tri giác là tính. Như đối với nhìn, nghe, nói, dung mạo, thánh nhân hễ nhìn thì có Lý của nhìn, nghe thì có Lý của nghe, nói thì có Lý của nói, động thì có Lý của động, suy nghĩ thì có Lý của suy nghĩ; giống như Cơ Tử gọi là '*minh* 明 (sáng), *thông* 聰 (tỏ), *tòng* 從 (theo), *cung* 恭 (cung kính), *duệ* 睿 (sáng suốt)' vậy. Nhà Phật chỉ nhận cái có thể nhìn, nghe, nói, suy nghĩ, vận động là tính. Nhìn thì sáng hay không cũng được; nghe thì tỏ hay không cũng được; nói thì theo lý hay

---

[77] **_Chu Tử Ngữ Loại:_ «Thiên hạ chỉ thị giá đạo lý, chung thị tẩu bất đắc. Như Phật Lão tuy thị diệt nhân luân, nhiên tự thị đào bất đắc. Như vô phụ tử, khước bái kỳ sư, dĩ kỳ đệ tử vi tử; trưởng giả vi sư huynh, thiếu giả vi sư đệ. Đãn thị chỉ hộ đắc cá giả đích, thánh hiền tiện thị tồn đắc cá chân đích.»** 天下只是這道理,終是走不得.如佛老雖是滅人倫,然自是逃不得.如無父子,卻拜其師,以其弟子爲子;長者爲師兄,少者爲師弟.但是只護得個假的,聖賢便是存得個眞的.

không cũng được; suy nghĩ thì sáng suốt hay không cũng được; các điều ấy họ đều không bận tâm. Dù ngang hay dọc, họ đều nhận nó là tính. Họ sợ nhất là người ta nói đến chữ Lý, mà bọn họ đang bận tâm trừ bỏ. Đó chính là thuyết "sinh chi vị tính" 生之謂性 (Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính)[78] của Cáo Tử vậy."»[79]

Vật khô héo, tuy vô tri giác, nhưng đã có vật thì phải có Lý của nó. Cái Lý này tức là tính của vật. Tri giác thuộc tâm, nếu vì vật ấy vô tri giác mà nói nó không có tính, tức là ngộ nhận tâm là tính. Sự vận động của tri giác đều là hoạt động của tâm. Nhà Phật xem sự vận động của tri giác là tính; kỳ thực nó là tâm. Tâm cũng có sự tồn tại thực tế cũng thuộc hình nhi hạ, còn Lý thì tồn tại tiềm ẩn mãi mãi và thuộc hình nhi thượng. Do đó triết học của Chu Hi chẳng phải là cái Duy tâm luận (Idealism) theo cách nói phổ thông, mà gần với Tân thực tại luận (Neo-realism) hiện đại. Đáng tiếc trong triết học Trung Quốc, lô-gíc học chưa phát triển; và về phương diện này, Chu Hi cũng ít chú ý. Do đó cái mà Chu Hi gọi là Lý vốn là một khái niệm hoàn toàn theo lô-gíc nhưng ông đã trộn lẫn tính chất đạo đức vào nó. Thí dụ như cái Lý của nhìn, nếu

---

[78] **LAM chú: Xin xem chú thích 75 của chương 12 ngay trên đây.**

[79] ***Chu Tử Ngữ Loại:*** **«Từ Tử Dung hữu "khô cảo hữu tính vô tính" chi luận. Tiên sinh viết: "Tính chỉ thị Lý, hữu thị vật tư hữu thị Lý. Tử Dung thác xứ thị nhận tâm vi tính, chính dữ Phật thị tương tự. Chỉ thị Phật thị ma sát đắc giá tâm cực tinh tế, như nhất khối vật sự, bác liễu nhất trùng bì, hựu bác nhất trùng bì, chí bác đáo cực tận vô khả bác xứ, sở dĩ ma lộng đắc giá tâm tinh quang, tha tiện nhận tố tính. Thù bất tri thử chính thánh nhân chi sở vị tâm. Cố Thượng Thái vân: 'Phật thị sở vị tính, chính thánh nhân sở vị tâm; Phật thị sở vị tâm, chính thánh nhân sở vị ý.' Tâm chỉ thị cai đắc giá Lý. Phật thị nguyên bất tằng thức đắc giá Lý, nhất tiết tiện nhận tri giác vận động tố tính. Như thị thính ngôn mạo, thánh nhân tắc thị hữu thị chi Lý, thính hữu thính chi Lý, ngôn hữu ngôn chi Lý, động hữu động chi Lý, tư hữu tư chi Lý, như Cơ Tử sở vị 'minh, thông, tòng, cung, duệ' thị dã. Phật thị tắc chỉ nhận ná năng thị, năng thính, năng ngôn, năng tư, năng động để tiện thị tính. Thị minh dã đắc, bất minh dã đắc; thính thông dã đắc, bất thông dã đắc; ngôn tòng dã đắc, bất tòng dã đắc; tư duệ dã đắc, bất duệ dã đắc; tha đô bất quản. Hoành lai thụ lai, tha đô nhận tố tính. Tha tối phạ nhân thuyết giá Lý tự, đô yếu trừ điệu liễu, thử chính Cáo Tử sinh chi vị tính chi thuyết dã."»** 徐子融有"枯槁有性無性"之論、先生曰:"性只是理,有是物斯有是理.子融錯處是認心爲性,正與佛氏相似.只是佛氏磨擦得這心極精細,如一塊物事,剝了一重皮,又剝一重皮,至剝到極盡無可剝處,所以磨弄得這心精光,它便認做性.殊不知此正聖人之所謂心.故上蔡云:'佛氏所謂性,正聖人所謂心;佛氏所謂心,正聖人所謂意.'心只是該得這理.佛氏元不曾識得這理,一節便認知覺運動做性.如視聽言貌,聖人則視有視之理,聽有聽之理,言有言之理,動有動之理,思有思之理,如箕子所謂'明,聰,從,恭,睿'是也.佛氏則只認那能視,能聽,能言,能思,能動底便是性.視明也得,不明也得;聽聰也得,不聰也得;言從也得,不從也得;思睿也得,不睿也得;它都不管.橫來豎來,它都認做性.它最怕人說這理字,都要除掉了,此正告子生之謂性之說也."

quan niệm nó chỉ là cái hình thức của nhìn, thì nó là khái niệm lô-gíc; nếu quan niệm nhìn thì phải sáng, thì nó là khái niệm đạo đức. Chu Hi trộn lẫn hai phương diện ấy, vì ông cho rằng cái Lý của một vật là cái khiến nó như thế và *phải* như thế. Sở dĩ như vậy là vì Chu Hi quan tâm đạo đức nhiều hơn lô-gíc. Plato cũng có khuynh hướng ấy, nhưng không chú trọng nhiều như Chu Hi. Nói chung, triết học Trung Quốc chú trọng nhiều về phương diện đạo đức.

CHƯƠNG 14

LỤC TƯỢNG SƠN, VƯƠNG DƯƠNG MINH VÀ TÂM HỌC ĐỜI MINH

1. Lục Tượng Sơn

Chu Hi là nhân vật lớn nhất trong phái Lý học 理學 của Đạo học. Đồng thời với Chu Hi có Lục Cửu Uyên 陸九淵 hay Lục Tượng Sơn 陸象山 (1139-1193) sáng lập phái Tâm học 心學 của Đạo học, đối lập với phái Lý học.



Lục Tượng Sơn

Dương Giản 楊簡 (1140-1225) là đệ tử của Tượng Sơn, chép hành trạng của thầy như sau: «Tiên sinh họ Lục, huý là Cửu Uyên, tự là Tử Tĩnh. [...] Ông tài năng khác thường, thẳng thắn, nghiêm túc, khiêm tốn. [...] Thuở nhỏ, nghe người ta đọc lời của Y Xuyên, ông cảm thấy như xốn xang đau xót. Cũng có lần ông hỏi người ta rằng: "Lời Y Xuyên sao không giống lời Khổng Mạnh?" Lần đầu đọc *Luận Ngữ*, ông ngờ rằng lời của Hữu Tử chi li [không đúng ý Khổng Tử]. [...] Ngày khác, khi đọc sách xưa, ông đọc đến hai chữ *vũ trụ*, thấy giải thích là: "Bốn phương và trên dưới gọi là *vũ* (tức không gian), từ xưa tới nay gọi là *trụ* (tức thời gian)." Ông chợt tỉnh ngộ, nói: "Sự việc trong vũ trụ là sự việc trong chức phận của mình; sự việc trong chức phận của mình là sự việc trong vũ trụ." Ông từng nói: "*Vũ trụ tức là tâm ta; tâm ta tức là vũ trụ*.[1] Nếu Đông Hải có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy cũng vậy, lý ấy cũng vậy; nếu Tây Hải có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy cũng vậy, lý ấy cũng vậy; nếu Nam Hải và Bắc Hải có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy

[1] **Phùng Hữu Lan chú: Câu này không có trong *Tượng Sơn Tiên Sinh Hành Trạng* của Dương Giản, ở đây căn cứ vào *Niên Phổ* mà ghi thêm. Xem: *Tượng Sơn Toàn Tập*, quyển 36, tr.5.**

cũng vậy, lý ấy cũng vậy; nếu ngàn năm trước có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy cũng vậy, lý ấy cũng vậy; nếu ngàn năm sau có thánh nhân xuất hiện, tâm ấy cũng vậy, lý ấy cũng vậy."»[2]

Theo *Tượng Sơn Tiên Sinh Hành Trạng*, quê ông ở Kim Khê 金谿 thuộc Phủ Châu 撫州 (nay là huyện Kim Khê 金溪, tỉnh Giang Tây 江西), sinh năm Thiệu Hưng 紹興 thứ 9 (tức năm 1139) đời Tống Cao Tông (tức Triệu Cấu 趙構, tại vị 1127-1162), mất năm Thiệu Hi 紹熙 thứ 3 (tức năm 1192) đời Tống Quang Tông (tức Triệu Đôn 趙惇, tại vị 1190-1194).[3]

---

[2] Dương Giản, *Tượng Sơn Tiên Sinh Hành Trạng:* «Tiên sinh tính Lục, huý Cửu Uyên, tự Tử Tĩnh. [...] Sinh hữu dị bẩm, đoan trọng bất phạt. [...] Thảo giác thời văn nhân tụng Y Xuyên ngữ, tự giác nhược thương ngã giả. Diệc thường vị nhân viết: "Y Xuyên chi ngôn, hề vi dữ Khổng Tử Mạnh Tử bất loại?" Sơ độc Luận Ngữ, tức nghi Hữu Tử chi ngôn chi li. [...] Tha nhật độc cổ thư chí vũ trụ nhị tự, giải giả viết: "Tứ phương thượng hạ viết vũ, vãng cổ lai kim viết trụ." Hốt đại tỉnh viết: "Vũ trụ nội sự, nãi kỷ phận nội sự, kỷ phận nội sự nãi vũ trụ nội sự." Hựu thường viết: "Vũ trụ tiện thị ngô tâm, ngô tâm tiện thị vũ trụ. Đông Hải hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã; Tây Hải hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã; Nam Hải Bắc Hải hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã; thiên bách thế chi thượng hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã; thiên bách thế chi hạ hữu thánh nhân xuất yên, thử tâm đồng dã, thử lý đồng dã."» 先生姓陸,諱九淵,字子靜. [...] 生有異稟,端重不伐. [...] 丱角時聞人誦伊川語,自覺若傷我者.亦嘗謂人曰: "伊川之言,奚爲與孔子孟子不類?" 初讀論語,即疑有子之言支離. [...] 他日讀古書至宇宙二字,解者曰: "四方上下曰宇,往來古今曰宙." 忽大省曰: "宇宙內事乃己分內事,己分內事乃宇宙內事." 又嘗曰: "宇宙便是吾心,吾心便是宇宙.東海有聖人出焉,此心同也,此理同也;西海有聖人出焉,此心同也,此理同也;南海北海有聖人出焉,此心同也,此理同也;千百世之上有聖人出焉,此心同也,此理同也;千百世之下有聖人出焉,此心同也,此理同也."

[3] LAM chú: Kim Khê 金谿 thuộc Phủ Châu 撫州, theo Bàng Phác (*Trung Quốc Nho Học*, tập 2, tr.150) là Kim Khê 金溪, tỉnh Giang Tây 江西, nhưng theo Derk Bodde là huyện Lâm Xuyên 臨川, tỉnh Giang Tây 江西. Năm mất của Tượng Sơn, Bàng Phác và Derk Bodde đều ghi là 1193 (Phùng Hữu Lan theo Dương Giản, chép là 1192). Theo Bàng Phác, Lục Cửu Uyên hiệu là Tồn Trai 存齋, từng dạy học ở núi Tượng (Tượng Sơn 象山) thuộc Quý Khê 貴溪 (nay là huyện Quý Khê, Giang Tây), tự xưng là Tượng Sơn cư sĩ, học trò gọi ông là Tượng Sơn tiên sinh. Lục Cửu Uyên đỗ tiến sĩ năm 1172 (năm Càn Đạo thứ 8, đời Tống Hiếu Tông), rồi làm các chức: chủ bạ 主簿 ở huyện Tĩnh An 靖安; Quốc tử chính 國子正; từ lộc 祠祿 ở Sùng Đạo Quán 崇道觀 thuộc Đài Châu 台州; cai trị quận Kinh Môn 荆門. Trần Trọng Kim (*Nho Giáo*, quyển hạ, Saigon, 1971, tr.167-168) nói sau khi làm chức Quốc tử chính, ông về dạy học ở Tượng Sơn, đến đời Tống Quang Tông ông được cử đi trấn nhậm quận Kinh Môn, được non ba năm thì mất, thọ 54 tuổi, thuỵ là Văn An 文安. Lục Cửu Uyên cùng với anh là Lục Cửu Linh 陸九齡 (tự là Phục Trai 復齋) nổi tiếng là học giả uyên thâm. Derk Bodde dựa theo Siu-chi Huang (*Lu Hsiang-shan, a twelfth century Chinese idealist philosopher [Lục Tượng Sơn, triết gia phái Tâm học của Trung Quốc thế kỷ 12]*, New Haven, 1944) chép rằng Lục Cửu Uyên là em út trong 6 anh em.

«Thuở nhỏ, nghe người ta đọc lời của Y Xuyên, ông cảm thấy như xốn xang đau xót.» Tuy vậy, cái học của Tượng Sơn khác cái học của Y Xuyên (Trình Di) mà rất gần với cái học của Minh Đạo (Trình Hạo).

Trình Hạo viết trong thiên Thức Nhân 識仁 (biết điều nhân) rằng: «Người tu học trước tiên phải hiểu *nhân* 仁 (nhân ái). Người nhân thì hồn nhiên cùng một thể với vạn vật. Nghĩa, lễ, trí, tín đều là nhân. Hễ hiểu được lý này, thì hãy lấy *thành* 誠 và *kính* 敬 để nuôi dưỡng nó; có thế thôi.»[4] Thuyết của Tượng Sơn cũng giống như thế, ông nói: «Gần đây có kẻ phê bình ta rằng: "Trừ câu nói "Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm" (*Tiên lập hồ kỳ đại giả* 先立乎其大者) [của Mạnh Tử mà ông ta nhai lại], ông ta chẳng có gì hay ho." Nghe thế, ta đáp: "Đúng vậy."»[5]

Câu «*Tiên lập hồ kỳ đại giả*» 先立乎其大者 ý nói trước tiên phải biết rằng Đạo là tâm ta, tâm ta tức là Đạo. Ngoài Đạo không có sự vật, ngoài sự vật không có Đạo. Thuyết này giống như Trình Hạo nói rằng người tu học trước tiên phải ý thức điều nhân. Tượng Sơn nói: «Vạn vật đầy rẫy trong chỗ một tấc vuông (tức tâm). Đầy tâm mà phát ra, lấp đầy cả vũ trụ; chẳng gì không là Lý ấy.»[6]

Tượng Sơn lại nói: «Mạnh Tử nói: "Hễ tận tâm thì biết bản tính. Biết bản tính thì biết được Trời." Tâm chỉ là một tâm mà thôi. Nó là tâm của ta, tâm của bạn ta, tâm của thánh hiền trăm năm hay ngàn năm trước. Nếu trăm năm hay ngàn năm sau lại có một thánh hiền nữa ra đời, thì cái tâm của ngài cũng chỉ như thế. Bản thể của tâm rất lớn. Nếu ta có thể phát triển cùng tận tâm ta, thì ta đồng nhất với Trời. Việc học chỉ là

---

[4] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 89 của chương 12 ngay trên đây.**

[5] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Cận hữu nghị ngô giả vân: "Trừ liễu tiên lập hồ kỳ đại giả nhất cú, toàn vô kỹ lưỡng." Ngô văn chi viết: "Thành nhiên."»** 近有議吾者云: "除了先立乎其大者一句, 全無伎倆." 吾聞之曰: "誠然." **– LAM chú: Câu «*Tiên lập hồ kỳ đại giả*» lấy trong *Mạnh Tử* (Cáo Tử, thượng): «Thử thiên chi sở dữ ngã giả, *tiên lập hồ kỳ đại giả*, tắc kỳ tiểu giả phất năng đoạt dã. Thử vi đại nhân nhi dĩ hĩ.»** 此天之所與我者, 先立乎其大者, 則其小者弗能奪也. 此爲大人而已矣 **(Tâm là cái mà Trời phú bẩm cho ta. Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm, thì điều nhỏ nhặt sẽ không chiếm đoạt lấy tâm của mình. Đó mới là đại nhân).**

[6] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Vạn vật sâm nhiên ư phương thốn chi gian, mãn tâm nhi phát, sung tắc vũ trụ, vô phi thị Lý.»** 萬物森然於方寸之間, 滿心而發, 充塞宇宙, 無非是理.

để hiểu được điều ấy thôi.»[7]

Tượng Sơn lại nói: «Lý ấy lấp đầy vũ trụ; đó gọi là ngoài Đạo không có sự vật, ngoài sự vật không có Đạo. Nếu bỏ nó mà ta có toan tính, xu hướng, quy mô, hình tích, sự nghiệp, thành tựu, thì chúng không liên can với Đạo, mà chúng là dị đoan và lợi dục. Đó gọi là chìm đắm; đó gọi là [nằm trong] hang cũ. Thuyết ấy tức là tà thuyết, kiến giải ấy tức là tà kiến.»[8]

Tượng Sơn nói: «Đạo đầy khắp thiên hạ, không có chỗ trống nhỏ nhặt [nào mà nó không tới]. Tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí) và muôn điều thiện đều do Trời phú bẩm, chẳng nhọc lòng con người phải vất vả điểm tô. Chỉ vì con người tự sai lầm mà xa cách các đức tính ấy thôi.»[9]

Tâm của chúng ta vốn là toàn thể vũ trụ, nhưng con người thường bị che lấp. Tượng Sơn nói: «Đạo lấp đầy vũ trụ, chẳng ẩn trốn nơi nào. Ở trên trời gọi là Âm Dương, ở dưới đất gọi là mềm cứng, ở người gọi là nhân nghĩa. Cho nên nhân nghĩa là bản tâm của con người. [...] Kẻ ngu và kẻ hư hỏng thì bất cập, nên bị vật dục che lấp mà đánh mất bản tâm của mình. Kẻ hiền và kẻ trí thì thái quá, nên bị các ý kiến che lấp mà

7 *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Mạnh Tử vân: "Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã. Tri kỳ tính, tắc tri thiên hĩ." Tâm chỉ thị nhất cá tâm, mỗ chi tâm, ngô hữu chi tâm, thượng nhi thiên bách tải thánh hiền chi tâm, hạ nhi thiên bách tuế phục hữu nhất thánh hiền, kỳ tâm diệc chỉ như thử. Tâm chi thể thậm đại, nhược năng tận ngã chi tâm, tiện dữ thiên đồng. Vi học chỉ thị lý hội thử.» 孟子云："盡其心者，知其性也．知其性，則知天矣．" 心只是一個心，某之心，吾友之心，上而千百載聖賢之心，下而千百歲復有一聖賢，其心亦只如此．心之體甚大，若能盡我之心，便與天同．爲學只是理會此.» – LAM chú: *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã. Tri kỳ tính, tắc tri thiên hĩ. Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã. Yểu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã.» 盡其心者，知其性也．知其性，則知天矣．存其心．養其性，所以事天也．夭壽不貳，修身以俟之，所以立命也 (Hễ tận tâm thì biết bản tính. Biết bản tính thì biết được Trời. Tồn tâm dưỡng tính là phụng sự Trời. Chết yểu hay sống lâu cũng như nhau. Tu thân để chờ đợi ra sao thì ra. Như vậy là lập mệnh).

8 *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Thử Lý tắc vũ trụ, sở vị Đạo ngoại vô sự, sự ngoại vô Đạo. Xả thử nhi biệt hữu thương lượng, biệt hữu xu hướng, biệt hữu quy mô, biệt hữu hình tích, biệt hữu hành nghiệp, biệt hữu sự công, tắc dữ Đạo vô tương can, tắc thị dị đoan, tắc thị lợi dục. Vị chi hãm nịch, vị chi cựu khoả. Thuyết tức thị tà thuyết, kiến tức thị tà kiến.» 此理塞宇宙，所謂道外無事，事外無道．舍此而別有商量，別有趨向，別有規模，別有形跡，別有行業，別有事功，則與道無相干，則是異端，則是利欲．謂之陷溺，謂之舊窠．說即是邪說，見即是邪見.

9 *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Đạo biến mãn thiên hạ, vô ta tiểu không khuyết, tứ đoan vạn thiện, giai thiên chi sở dữ, bất lao nhân trang điểm, đãn thị nhân tự hữu bệnh, dữ tha tương cách liễu.» 道遍滿天下，無些小空闕，四端萬善，皆天之所予，不勞人妝點，但是人自有病，與他相隔了.

đánh mất bản tâm của mình.»[10]

Ở đây Tượng Sơn nói vũ trụ chưa hề ly cách với con người, nhưng con người tự ly cách với vũ trụ. Việc học của chúng ta chính là nhằm khử bỏ sự che lấp ấy để trở về bản thể của mình. Tượng Sơn nói: «Lý này trong vũ trụ tại sao lại có chướng ngại? Chính các anh tự nhấn chìm Lý ấy và tự che lấp mình; trong hầm hố tối tăm nào biết cái cao xa. Các anh phải cương quyết phá nát cái hầm hố ấy, phải xem xét mà xé rách tấm lưới trùm lấp mình.»[11]

Chỉ có việc đó mới gọi là học; ngoài nó ra, chẳng phải là học. Tượng Sơn nói: «Trong *Luận Ngữ* có nhiều câu mơ hồ chẳng đầu đuôi gì cả, đại loại như "Tri cập chi, nhân bất năng thủ chi" (Biết đến nó mà lòng nhân không đủ để giữ nó), chúng ta không biết "nó" ở đây là gì. Hay là "Học nhi thời tập chi" (Học thì luôn luyện tập nó), chúng ta không biết "nó" ở đây là gì. Trừ phi người học có bản lĩnh, chứ chỗ này đọc không dễ. Nếu người học có bản lĩnh, thì ắt biết "cái cần đạt tới" là cái này (tức tâm), "cái mà lòng nhân dùng để giữ lấy" là cái này (tức tâm), "cái cần luôn luyện tập" là cái này (tức tâm). Hễ nói là nói về nó, hễ vui là vui về nó. Nó [dễ dàng] như nước đặt trên cao [chảy xuống]. Học mà biết được gốc, thì sáu kinh đều là chú thích về tâm ta.»[12]

---

[10] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Đạo tắc vũ trụ, phi hữu sở ẩn độn. Tại thiên viết Âm Dương, tại địa viết nhu cương, tại nhân viết nhân nghĩa. Cố nhân nghĩa giả, nhân chi bản tâm dã. [...] Ngu bất tiếu giả, bất cập yên, tắc tế ư vật dục nhi thất kỳ bản tâm. Hiền giả trí giả quá chi, tắc tế ư ý kiến nhi thất kỳ bản tâm.»** 道塞宇宙，非有所隱遁．在天曰陰陽，在地曰柔剛，在人曰仁義．故仁義者，人之本心也．[...] 愚不肖者，不及焉，則蔽於物欲而失其本心．賢者知(智)者過之，則蔽於意見而失其本心．**– LAM chú: Câu «Tại thiên viết Âm Dương, tại địa viết nhu cương, tại nhân viết nhân nghĩa» phỏng theo Thuyết Quái: «Thị dĩ lập thiên chi đạo viết Âm dữ Dương, lập địa chi đạo viết nhu dữ cương, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa.»** 是以立天之道曰陰與陽，立地之道曰柔與剛，立人之道曰仁與義 **(Cho nên, [thánh nhân] xác lập: đạo trời thì có Âm và Dương, đạo đất thì có nhu và cương, đạo người thì có nhân và nghĩa). Xin xem lại phần phụ chú ở chú thích 64 của chương 12 ngay trên đây.**

[11] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Thử Lý tại vũ trụ gian, hà thường hữu sở ngại. Thị nễ tự trầm Lý, tự mông tế. Âm âm địa tại cá hãm tỉnh trung, cánh bất tri sở vị cao viễn để. Yêu quyết liệt phá hãm tỉnh, khuy trắc phá la võng.»** 此理在宇宙間，何嘗有所礙．是你自沈埋，自蒙蔽．陰陰地在個陷阱中，更不知所謂高遠底．要決裂破陷阱，窺測破羅網．

[12] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Luận Ngữ trung đa hữu vô đầu bính để thuyết thoại, như "Tri cập chi nhân bất năng thủ chi" chi loại, bất tri sở cập thủ giả hà sự. Như "Học nhi thời tập chi" bất tri thời tập giả hà sự. Phi học hữu bản lĩnh, vị dị độc dã. Cẩu học hữu bản lĩnh, tắc tri chi sở cập giả cập thử dã, nhân chi sở dĩ thủ giả thủ thử dã, thời tập giả tập thử dã, thuyết giả thuyết thử, lạc giả lạc thử, như cao ốc chi thượng kiến linh thuỷ hĩ. Học cẩu tri bản, lục kinh giai ngã chú cước.»** 論語中多有無頭柄底說話，如"知及之仁不能守之" 之類，不知所及守

Tượng Sơn lại nói: «Cách vật là khảo sát cái này (tức tâm). Phục Hi ngước lên trông thiên tượng, cúi xuống xem phép tắc trên mặt đất, thì trước tiên cũng đã tận lực ở cái ấy (tức tâm). Nếu không phải vậy, thì cái gọi là cách vật [không nhắm vào gốc mà] chỉ nhắm vào ngọn thôi.»[13]

«Học thì luôn luyện tập nó.» Trước tiên ta phải biết cái cần luyện tập là gì. Nói theo Mạnh Tử tức là: «Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm.» Đó là trước tiên phải biết gốc (tri bản 知本). Biết gốc rồi thì gắng sức luôn luôn luyện tập nó, giữ gìn nó, vui với nó. Tất cả công phu này dễ dàng như nước đặt trên cao chảy xuống.

Hễ biết cái tâm này rồi thì phải thuận theo tự nhiên, tâm này sẽ tự ứng vật không cùng. Tượng Sơn nói: «Tập trung tinh thần và tự làm chủ tể. Vạn vật đều có đủ trong ta, như thế còn thiếu sót gì? Lúc phải trắc ẩn thì tự nhiên trắc ẩn; lúc phải hổ thẹn thì tự nhiên hổ thẹn; lúc phải khoan dung mềm mỏng thì tự nhiên khoan dung mềm mỏng; lúc phải mạnh mẽ cương nghị thì tự nhiên mạnh mẽ cương nghị.»[14]

Tượng Sơn nói: «*Kinh Thi* nói về Văn Vương là "Chẳng biết chẳng hay, cứ theo phép Trời". Bài hát ở ngả tư đường cho Nghiêu nghe, cũng

---

者何事.如"學而時習之"不知時習者何事.非學有本領,未易讀也.苟學有本領,則知之所及者及此也,仁之所守者守此也,時習者習此也,説者説此,樂者樂此,如高屋之上建瓴水矣.學苟知本,六經皆我註腳.– **LAM chú: Câu «Học nhi thời tập chi» lấy ngay đầu sách *Luận Ngữ*. Câu «Tri cập chi, nhân bất năng thủ chi» lấy từ *Luận Ngữ* (Vệ Linh Công): «Tử viết: Tri cập chi, nhân bất năng thủ chi; tuy đắc chi, tất thất chi. Tri cập chi, nhân năng thủ chi, bất trang dĩ lị chi; tắc dân bất kính. Tri cập chi, nhân năng thủ chi, trang dĩ khấp chi, động chi bất dĩ lễ; vị thiện dã.»** 子曰:知及之,仁不能守之;雖得之,必失之.知及之,仁能守之,不莊以蒞之;則民不敬.知及之,仁能守之,莊以涖之,動之不以禮,未善也 **(Biết đến nó mà lòng nhân không đủ để giữ nó; dù có được nó thì cũng mất. Biết đến nó và lòng nhân đủ để giữ nó, nhưng không trang nghiêm đến với nó thì dân không tôn kính. Biết đến nó, lòng nhân đủ để giữ nó, và trang nghiêm đến với nó, nhưng không lấy lễ để hành động thì chưa phải là tốt). Các nhà chú giải hiểu chữ "nó" ở đây là đạo trị nước, tuy nhiên ở đây Lục Cửu Uyên giải thích nó là tâm. Có nhà hiểu *tri* 知 là *trí* 智, tức là tài trí; *lị* 蒞 là *lị lâm* 蒞臨 (đến ai, tới ai).**

13 ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Cách vật giả cách thử giả dã. Phục Hi ngưỡng tượng phủ pháp, diệc tiên ư thử tận lực yên nhĩ. Bất nhiên, sở vị cách vật, mạt nhi dĩ hĩ.»** 格物者格此者也.伏羲仰象俯法,亦先於此盡力焉耳.不然,所謂格物,末而已矣.

14 ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Thu thập tinh thần, tự tác chủ tể, vạn vật giai bị ư ngã, hữu hà khiếm khuyết? Đương trắc ẩn thời, tự nhiên trắc ẩn; đương tu ố thời, tự nhiên tu ố; đương khoan dụ ôn nhu thời, tự nhiên khoan dụ ôn nhu; đương phát cường cương nghị thời, tự nhiên phát cường cương nghị.»** 收拾精神,自作主宰,萬物皆備於我,有何欠闕?當惻隱時,自然惻隱;當羞惡時,自然羞惡;當寬裕溫柔時,自然寬裕溫柔;當發強剛毅,自然發強剛毅.

chẳng qua là như thế.[15] *Luận Ngữ* nói về Thuấn và Vũ rằng: "Cao cả thay! Thuấn và Vũ có thiên hạ mà như không can dự nó."[16] Con người nếu biết cái lỗi can dự thiên hạ và không có cái bệnh do tri thức, thì tâm ấy sẽ sáng rỡ, Lý ấy sẽ thoáng đãng, mỗi vật sẽ ứng phó với nhau, "quy tụ về cực điểm tốt đẹp" (như Kinh Thư nói). "Hễ quân tử đi qua chỗ nào thì nơi đó được chuyển hoá; hễ ở lại chỗ nào thì ảnh hưởng của ngài như thần, cùng trôi chảy lên xuống với trời đất. Lẽ nào nói đó là điều bổ ích

---

[15] **LAM chú: Bài hát ở ngả tư đường là một giai thoại chép trong *Liệt Tử* (chương Trọng Ni): «Nghiêu trị thiên hạ ngũ thập niên, bất tri thiên hạ trị dư, bất trị dư? Bất tri ức triệu chi nguyện đái kỷ dư, bất nguyện đái kỷ dư? Cố vấn tả hữu, tả hữu bất tri. Vấn ngoại triều, ngoại triều bất tri. Vấn tại dã, tại dã bất tri. Nghiêu nãi vi phục du ư khang cù, văn nhi đồng dao viết: "Lập ngã chưng dân, mạc phỉ nhĩ cực. Bất thức bất tri, thuận Đế chi tắc." Nghiêu hỉ vấn viết: "Thuỳ giáo nhĩ vi thử ngôn?" Đồng nhi viết: "Ngã văn chi đại phu." Vấn đại phu, đại phu viết: "Cổ thi dã." Nghiêu hoàn cung, triệu Thuấn, nhân thiện dĩ thiên hạ. Thuấn bất từ nhi thụ chi.» 堯治天下五十年,不知天下治歟,不治歟?不知億兆之願戴己歟?故問左右,左右不知.問外朝,外朝不知.問在野,在野不知.堯乃微服游於康衢,聞兒童謠曰:"立我蒸民,莫匪爾極.不識不知,順帝之則."堯喜問曰:"誰教爾爲此言?"童兒曰:"我聞之大夫."問大夫,大夫曰:"古詩也."堯還宮召舜,因禪以天下.舜不辭而受之 (Nghiêu cai trị thiên hạ được 50 năm, không biết thiên hạ có yên bình hay không, không biết hàng triệu dân chúng có muốn tôn ông làm vua hay không. Bèn hỏi cận thần hai bên, họ không biết. Hỏi những quan viên bên ngoài, họ cũng không biết. Hỏi những bậc hiền tài không ra làm quan, họ cũng không biết. Nghiêu bèn giả dạng thường dân, đến ngả tư đường, nghe trẻ con hát: "Lấy gạo thóc nuôi dân, tất cả theo luật của ngài; Chẳng biết chẳng hay, cứ theo phép Trời." Nghiêu vui mừng hỏi: "Ai dạy cháu hát thế?" Trẻ con đáp: "Cháu nghe một quan đại phu hát." Nghiêu hỏi đại phu ấy, ông ta đáp: "Đó là thơ xưa." Nghiêu trở về cung, triệu ông Thuấn đến, nhân đó truyền thiên hạ cho ông. Thuấn không từ chối, bèn nhận lấy). *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (sđd., tr.236) chú: *Ngoại triều* 外朝 = chỉ chung các quan viên ngoài cận thần (phiếm chỉ cận thần ngoại đích quan viên 泛指近臣外的官員); *tại dã* 在野 = ám chỉ kẻ sĩ có tài nhưng không làm quan (chỉ một hữu tố quan đích hữu tài chi sĩ 指没有做官的有才之士); *khang cù* 康衢 = đường lớn thông bốn phương tám hướng, tức ngả tư đường (tứ thông bát đạt đích đại lộ 四通八達的大路); *lập* 立 = tức là *lạp* 粒 (hạt [gạo]), chỉ gạo hay ngũ cốc, ở đây dùng như động từ (lập thông lạp, chỉ mễ cốc, giá lý dụng tác động từ 立通粒,指米谷,這里用作動詞); *chưng dân* 蒸民 = dân chúng, *chưng* là nhiều (bách tính; chưng chúng dã 百姓,蒸衆也). Derk Bodde hiểu Khang Cù là địa danh nên giữ nguyên: «The song to Yao at K'ang-ch'u",...» (Bài hát cho Nghiêu nghe tại Khang Cù,...). A.C. Graham (*The Book of Lieh-tzŭ*, Columbia, 1990, tr.90) dịch: «Then Yao wandered in disguise on the highroads.» (Rồi Nghiêu vi hành trên đường cái).**

[16] **LAM chú: Nguyên văn là *Luận Ngữ* (Thái Bá): «Tử viết: Nguy nguy hồ, Thuấn Vũ chi hữu thiên hạ dã, nhi bất dự yên.» 子曰:巍巍乎,舜禹之有天下也,而不與焉 (Cao cả thay! Vua Thuấn và vua Vũ có thiên hạ mà như không can dự nó). *Bất dự* ở đây là không liên quan, không tham dự. Dương Bá Tuấn (*Luận Ngữ Dịch Chú*, Trung Hoa Thư Cục, 1998, tr.83) giảng là không xem thiên hạ là tư hữu. James Legge dịch: «How majestic was the manner in which Shun and Yu held possession of the empire, as if it were nothing to them!» Vòi vọi thay cách thức mà Thuấn và Vũ có thiên hạ: dường như thiên hạ chẳng là gì đối với họ!)**

nhỏ cho đời hay sao?"[17] »[18]

Trên đây Tượng Sơn giải thích lời phê bình về ông của những người mà ông cho rằng: «Kẻ hiền và kẻ trí thì thái quá, nên bị các ý kiến [của học thuyết của họ] che lấp mà đánh mất bản tâm của mình.»[19] Ở đây quan điểm của Tượng Sơn giống với ý của Trình Hạo trong Định Tính Thư, trong đó Trình Hạo cho rằng nếu chẳng có *tự tư* 自私 và *dụng trí* 用智 thì tâm chúng ta ắt sẽ «rộng mở mà rất công bằng, hễ vật đến thì thuận ứng».[20] Trong lời Tượng Sơn nói trên đây, «cái lỗi can dự thiên hạ» tức là *tự tư* và «cái bệnh do tri thức» tức là *dụng trí*. «Tâm ấy sẽ sáng rỡ, Lý ấy sẽ thoáng đãng, mỗi vật sẽ ứng phó với nhau» nghĩa là như thấy vật đáng vui thì tự nhiên vui, thấy vật đáng giận thì tự nhiên giận; tức là «rộng mở mà rất công bằng, hễ vật đến thì thuận ứng».

Cái bệnh của nhà Phật chính là không thể «đại công» 大公 (rất công bằng). Trong thư gởi Vương Thuận Bá 王順伯, Tượng Sơn viết: «Tôi từng lấy hai chữ nghĩa và lợi mà phân biệt Nho với Phật. Nói công và tư, kỳ thực là nghĩa và lợi. Nhà Nho xem con người sinh ra trong cõi trời đất linh hơn vạn vật, quý hơn vạn vật, cùng đứng ngang với trời đất làm tam cực (tam tài). Trời có thiên đạo, đất có địa đạo, người có nhân đạo. Người mà không trọn vẹn nhân đạo thì không đủ tư cách đứng ngang với trời đất. Người có ngũ quan, mỗi cái có chức năng riêng. Do đó mà

---

[17] LAM chú: Câu này trong *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Bá giả chi dân, hoan ngu như dã. Vương giả chi dân, hạo hạo như dã. Sát chi nhi bất oán, lợi chi nhi bất dung. Dân nhật thiên thiện nhi bất tri vi chi giả. *Phù quân tử sở quá giả hoá, sở tồn giả thần, thượng hạ dữ thiên địa đồng lưu, khởi viết tiểu bổ chi tai.*» 霸者之民,驩虞如也.王者之民,皞皞如也.殺之而不怨,利之而不庸,民日遷善而不知爲之者.夫君子所過者化,所存者神,上下與天地同流,豈曰小補之哉 (Dân của vua theo bá đạo thì vui vẻ nồng nhiệt. Dân của vua theo vương đạo thì vui vẻ điềm đạm. Vua theo vương đạo dù giết người có tội thì dân cũng không oán, dù làm lợi cho dân thì dân cũng không xem đó là ân huệ của vua. Dân ngày càng hướng thiện mà không biết ai khiến cho họ như thế. *Hễ quân tử đi qua chỗ nào thì nơi đó được chuyển hoá; hễ ở lại chỗ nào thì ảnh hưởng của ngài như thần, cùng trôi chảy lên xuống với trời đất. Lẽ nào nói đó là điều bổ ích nhỏ [cho đời] sao?*)

[18] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Thi xưng Văn Vương "Bất thức bất tri, thuận Đế chi tắc". Khang Cù chi ca Nghiêu, diệc bất quá như thử. Luận Ngữ chi xưng Thuấn Vũ viết: "Nguy nguy hồ hữu thiên hạ nhi bất dự yên." Nhân năng tri dự yên chi quá, vô thức tri chi bệnh, tắc thử tâm quýnh nhiên, thử Lý thản nhiên, vật các phó vật, "hội kỳ hữu cực, quy kỳ hữu cực" hĩ. "Sở quá giả hoá, sở tồn giả thần, thượng hạ dữ thiên địa đồng lưu, khởi viết tiểu bổ chi tai."» 詩稱文王"不識不知,順帝之則". 康衢之歌堯,亦不過如此.論語之稱舜禹曰: "巍巍乎有天下而不與焉." 人能知與焉之過,無識之知病,則此心炯然,此理坦然,物各付物,"會其有極,歸其有極" 矣. "所過者化,所存者神,上下與天地同流,豈曰小補之哉."

[19] LAM chú: Xin xem chú thích 10 của chương này.

[20] LAM chú: Xin xem chú thích 92 của chương 12 ngay trên đây.

họ có đúng sai, được mất; do đó mà có giảng dạy và học tập. Sự giảng dạy của đạo Nho thành lập từ khái niệm đó, nên nói là nghĩa và công. Nhà Phật xem con người sinh ra trong cõi trời đất có sinh tử, luân hồi, phiền não; cho rằng đời quá đau khổ, nên mong tránh né nó. [...] Cho nên họ nói: việc sinh tử là lớn. [...] Sự giảng dạy của đạo Phật thành lập từ khái niệm đó, nên nói là lợi và tư. Chỉ vì nghĩa và công nên nhập thế; chỉ vì lợi và tư nên xuất thế. Nhà Nho dù đạt tới không âm thanh, không mùi hương, không nơi chốn, không bản thể, thì họ chủ ở nhập thế. Nhà Phật chỉ mong vượt qua biển khổ để tới cõi tương lai nên họ chủ ở xuất thế.»[21]

Tượng Sơn lấy nhập thế và xuất thế để phân biệt Nho với Phật. Nhập thế là thuận theo sự tự nhiên của tâm ta, còn xuất thế là kết quả của tự tư và dụng trí.

Về cái gọi là phương pháp tu dưỡng, giữa Tượng Sơn và Chu Hi có sự bất đồng. *Ngữ Lục* của Tượng Sơn chép: «Nhân nói đến ý kiến của Định Phu (đệ tử của Tượng Sơn) cho rằng thói quen cũ không dễ trừ bỏ, nhưng nếu một thói trừ được thì trăm thói cũng trừ xong. Tôi (tức đệ tử chép *Ngữ Lục*) nói phương pháp đối với sự vật của Hối Am (tức Chu Hi) không thể dùng để trừ bỏ việc ấy được. Thầy (tức Tượng Sơn) nói: "Không thể so sánh cái này (tức lời Định Phu) với cái kia (tức phương pháp của Chu Hi). [Phương pháp của Chu Hi] là thêm vào."»[22]

---

[21] ***Tượng Sơn Toàn Tập*** **(Dữ Vương Thuận Bá Thư): «Mỗ thường dĩ nghĩa lợi nhị tự phán Nho Thích. Hựu viết công tư, kỳ thực tức nghĩa lợi dã. Nho giả dĩ nhân sinh thiên địa chi gian, linh ư vạn vật, quý ư vạn vật, dữ thiên địa tịnh nhi vi tam cực. Thiên hữu thiên đạo, địa hữu địa đạo, nhân hữu nhân đạo. Nhân nhi bất tận nhân đạo, bất túc dữ thiên địa tịnh. Nhân hữu ngũ quan, quan hữu kỳ sự. Ư thị hữu thị phi đắc thất, ư thị hữu giáo hữu học. Kỳ giáo chi sở tòng lập giả như thử, cố viết nghĩa viết công. Thích thị dĩ nhân sinh thiên địa chi gian, hữu sinh tử, hữu luân hồi, hữu phiền não, dĩ vi thậm khổ, nhi cầu sở dĩ miễn chi. [...] Cố kỳ ngôn viết: sinh tử sự đại. [...] Kỳ giáo chi sở tòng lập như thử, cố viết lợi viết tư. Duy nghĩa duy công cố kinh thế; duy lợi duy tư cố xuất thế. Nho giả tuy chí ư vô thanh vô xú, vô phương vô thể, giai chủ ư kinh thế. Thích thị duy tận vị lai tế phổ độ chi, giai chủ ư xuất thế.»** 某嘗以義利二字判儒釋.又曰公私,其實即義利也.儒者以人生天地之間,靈於萬物,貴於萬物,與天地並而爲三極.天有天道,地有地道,人有人道.人而不盡人道,不足與天地並.人有五官,官有其事.於是有是非得失,於是有教有學.其教之所從立者如此,故曰義曰公.釋氏以人生天地之間,有生死,有輪迴,有煩惱,以爲甚苦,而求所以免之. [...] 故其言曰:生死事大. [...] 其教之所從立如此,故曰利曰私.惟義惟公故經世;惟利惟私故出世.儒者雖至於無聲無臭,無方無體,皆主於經世.釋氏惟盡未來際普度之,皆主於出世.

[22] ***Tượng Sơn Toàn Tập:*** **«Nhân thuyết Định Phu cựu tập vị dị tiêu, nhược nhất xứ tiêu liễu, bách xứ tận khả tiêu. Dư vị Hối Am chư sự vi tha tiêu bất đắc. Tiên sinh viết: "Bất khả tương thử tương tỉ, tha thị thiêm."»** 因說定夫舊習未易消,若一處消了,百處盡可消.予謂晦庵諸事爲他消不得.先生曰:"不可將此相比,他是添."

Tượng Sơn nói: «Lời thánh nhân vốn minh bạch. Thí dụ nói: "Phận con em, hễ ở nhà thì *hiếu* (hiếu kính cha mẹ), hễ ra khỏi nhà thì *để* (tôn kính huynh trưởng)." Lời ấy nói rõ ràng là các anh ở nhà thì hiếu, ra khỏi nhà thì đễ. Cần chi đến chú giải? Người đi học mệt mỏi tinh thần ở chỗ này, chỉ là làm nặng gánh cho mình thôi. Nhưng hễ ai đến ta học, ta chỉ làm nhẹ gánh cho họ. Nó chỉ là cách vật.»[23]

Lão Tử (chương 48) nói: «Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn.» 爲學日益,爲道日損(Theo học ngày một thêm, theo Đạo ngày một bớt). Dường như Tượng Sơn lấy ý đó để phân biệt cái học của mình với cái học của Chu Hi. Cho nên năm 1175 ở chùa Nga Hồ 鵝湖, Tượng Sơn và Chu Hi tranh luận nhau. Tượng Sơn đọc câu thơ:

«Dị giản công phu chung cửu đại,
Chi li sự nghiệp cánh phù trầm.»
易簡工夫終久大,支離事業更浮沈
(Công phu giản dị rồi lâu dài to lớn,
Sự nghiệp chi li rốt cuộc lại nổi chìm.)

«Chi li» ám chỉ học thuyết của Chu Hi; «giản dị» ám chỉ học thuyết của Tượng Sơn.

2. Dương Từ Hồ

Kiến giải chủ yếu của Tượng Sơn được thuyết minh khá rõ ràng kỹ lưỡng là nhờ một cao đệ của ông: Dương Từ Hồ 楊慈湖, tức Dương Giản 楊簡(1140-1226). Đệ tử của Dương Giản là Tiền Thời 錢時, viết trong *Từ Hồ Tiên Sinh Hành Trạng* (hành trạng của thầy Dương Từ Hồ) rằng: «Thầy tên huý là Giản, tự là Kính Trọng, họ Dương. [...] Năm Càn Đạo thứ 5 (tức 1169), thầy làm chủ bạ ở Phú Dương. [...] Khi Văn An Công (tức Lục Tượng Sơn) mới đến Phú Dương (năm 1172), [...] có đêm nọ cùng tụ tập trên Song Minh Các, Văn An Công mấy lần đề cập hai

[23] *Tượng Sơn Toàn Tập:* **«Thánh nhân chi ngôn tự minh bạch, thả như đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc để, thị phân minh thuyết dữ nễ nhập tiện hiếu, xuất tiện để, hà tu đắc truyện chú. Học giả bì tinh thần ư thử, thị dĩ đảm tử việt trọng. Đáo mỗ giá lý, chỉ thị dữ tha giảm đảm, chỉ thử tiện thị cách vật.»** 聖人之言自明白,且如弟子入則孝出則悌,是分明說與你入便孝出便悌,何須得傳註.學者疲精神於此,是以擔子越重.到某這里,只是與他減擔,只此便是格物.**– LAM chú: *Luận Ngữ* (Học Nhi): «Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc để, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng, nhi thân nhân. Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.»** 弟子入則孝,出則悌,謹而信,汎愛衆,而親仁.行有餘力,則以學文**(Phận con em, hễ ở nhà thì hiếu kính cha mẹ, hễ ra khỏi nhà thì tôn kính huynh trưởng, cẩn thận lời nói và phải thành tín, yêu khắp mọi người, gần gũi bậc nhân đức. Ngoài những việc ấy, nếu còn dư sức thì hãy học văn chương).**

chữ bản tâm. Nhân đó thầy Dương thong thả hỏi: “Bản tâm là gì?” Có buổi sáng nọ, thầy Dương xử một vụ kiện về quạt. Bấy giờ Văn An Công mới lớn tiếng trả lời rằng: “Trong vụ kiện này ắt phải có kẻ đúng người sai. Nếu thấy được ai đúng ai sai, tức là quyết định anh A đúng, anh B sai. Cái đó không phải bản tâm thì là gì?” Thầy Dương nghe thế, tâm bỗng nhiên trong sáng; hỏi ngay: “Chỉ vậy thôi ư?” Văn An Công ngồi thẳng lên và trịnh trọng nói lớn: “Chứ còn gì nữa!” Thầy Dương thấy Văn An Công không nói gì nữa, bèn vái chào rồi về. Thầy Dương ngồi chắp tay cung kính đến sáng hôm sau, rồi hướng mặt về phía bắc và vái lạy; suốt đời thờ Văn An Công làm thầy, và thường nói biết ơn thầy Lục, nhất là về câu trả lời thứ hai. [Giả sử thầy Lục có] nói thêm gì nữa sau câu ấy, thì chỉ là chi li phức tạp thôi.»[24]

Theo *Từ Hồ Tiên Sinh Hành Trạng*, Dương Giản quê ở Từ Khê 慈溪(nay thuộc tỉnh Chiết Giang); mất năm Bảo Khánh 寶慶 thứ hai (tức 1226) đời Tống Lý Tông, thọ 86 tuổi. Dương Giản viết *Tượng Sơn Hành Trạng*, trong đó có chép việc ông ở Phú Dương ngộ được bản tâm: «Có một tối, Giản nêu câu hỏi về bản tâm, thầy Lục bèn nêu sự đúng sai trong vụ kiện về quạt hồi ban ngày mà đáp. Giản chợt tỉnh tâm này vốn trong sáng, chợt tỉnh tâm này không đầu đuôi gốc ngọn, chợt tỉnh tâm này chẳng nơi nào mà không thông suốt.»[25]

---

[24] *Từ Hồ Di Thư:* **«Tiên sinh huý Giản, tự Kính Trọng, tính Dương thị. [...] Càn Đạo ngũ niên chủ Phú Dương bạ. [...] Văn An Công tân đệ quy lai Phú Dương. [...] Dạ tập Song Minh Các thượng, sổ đề bản tâm nhị tự. Nhân tòng dung vấn viết: “Hà vi bản tâm?” Thích bình đán thường thính phiến tụng. Công tức dương thanh đáp viết: “Thả bỉ tụng phiến giả tất hữu nhất thị nhất phi. Nhược kiến đắc thục thị thục phi, tức quyết định vị mỗ giáp thị, mỗ ất phi hĩ. Phi bản tâm nhi hà?” Tiên sinh văn chi, hốt giác thử tâm trừng nhiên. Cức vấn viết: “Chỉ như tư da?” Công tủng nhiên đoan lệ, phục dương thanh viết: “Cánh hà hữu dã.” Tiên sinh bất hạ tha ngữ, tức ấp nhi quy. Củng đạt đán, chất minh chính bắc diện nhi bái, chung thân sư sự yên. Mỗi vị mỗ cảm Lục tiên sinh, vưu thị tái đáp nhất ngữ. Cánh vân vân tiện chi li.»** 先生諱簡,字敬仲,姓楊氏. [...] 乾道五年主富陽簿. [...] 文安公新第歸來富陽. [...] 夜集雙明閣上,數提本心二字.因從容問曰: “何爲本心?” 適平旦嘗聽扇訟.公即揚聲答曰: “且訟扇者必有一是一非.若見得孰是孰非,即決定某甲是,某乙非矣.非本心而何?” 先生聞之,忽覺此心澄然.亟問曰: “止如斯耶?” 公竦然端厲,復揚聲曰: “更何有也.” 先生不暇他語,即揖而歸.拱達旦,質明正北面而拜,終身師事焉.每謂某感陸先生,尤是再答一語.更云云便支離.

[25] *Từ Hồ Di Thư:* **«Nhất tịch Giản phát bản tâm chi vấn tiên cử thị nhật phiến tụng thị phi dĩ đáp, Giản hốt tỉnh thử tâm chi thanh minh, hốt tỉnh thử tâm chi vô thuỷ mạt, hốt tỉnh thử tâm chi vô sở bất thông.»** 一夕簡發本心之問先舉是日扇訟是非以答,簡忽省此心之清明,忽省此心之無始末,忽省此心之無所不通.

Cái học của Dương Giản khởi đầu từ điểm đó. Trong bài luận *Kỷ Dịch* 己易, ông viết: «Dịch là bản thân ta, chẳng phải là cái gì khác. Xem Dịch là sách chứ không xem Dịch là bản thân ta, thì không thể được. Xem Dịch là sự biến hoá của trời đất chứ không xem Dịch là sự biến hoá của bản thân ta, thì không thể được. Trời đất là trời đất của ta; biến hoá là biến hoá của ta; chẳng phải là vật gì khác. Thói tự tư cắt rời [ta khỏi trời đất] và làm nhỏ đi bản thân ta. [...] Cái tạo ra ta đâu phải chỉ là khí huyết, hình thể, dung mạo. Bản tính của ta trong trẻo sáng rỡ chứ không phải là một vật; bản tính của ta sáng láng không biên giới, nên không thể lường được. Trời là tượng trong bản tính của ta, đất là hình trong bản tính của ta. Cho nên [Hệ Từ Thượng] nói: "Trên trời các hiện tượng thành lập, dưới đất các hình thể thành lập." [26] Tất cả chúng đều được ta tạo ra. Chúng dung hợp nhau, không có trong hay ngoài; quán thông không sai biệt; quan sát một hào của quẻ Dịch thì ta thấy ý nghĩa của nó trở nên sáng trưng. [...] Có thể biết được chân tâm trắc ẩn khi bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót [mà đến cứu nó], thì cái tuyệt diệu của việc không so đo tính toán ấy ai ai cũng tự có. Tính chất thuần thành trong sáng ấy ai ai cũng tự có. Cái bản thể rộng lớn vô hạn ấy ai ai cũng tự có. Cái tâm này thường thấy trong việc ăn uống hàng ngày, thường thấy trong lúc vội vã hoang mang khốn khó, nhưng người ta không tự giác về nó. [...] Tâm này chỉ có một, chẳng có hai; chưa từng bị đứt đoạn rồi nối lại; chưa hề không như thế mà nay lại như thế; chưa hề từng như thế mà nay không như thế. Ngày đêm cũng chỉ có một tâm ấy; xưa nay cũng chỉ có một tâm ấy. Lúc ta trai tráng, tâm ấy không mạnh hơn; lúc ta lão suy, tâm ấy không yếu đi. [...] Tuân theo sự vận động của bản tâm của ta, ta có thể bay, có thể lặn, có thể nghi ngờ, có thể cảnh giác.[27] [...] Ra làm quan, hay bỏ quan, hay nhậm chức lâu, hay nhậm chức mau, một mực hợp với lẽ phải.[28] Dù xoay tròn hay đi khúc khuỷu, mỗi việc gì ta cũng theo khả năng của nó. Như thế ta không phải vất vả mà việc vẫn tựu thành. Trong tâm ta tự có chính nghĩa cho mười, trăm, ngàn, vạn những điều sai biệt. Ba trăm lễ nghi và ba ngàn uy nghi [29] chẳng phải là vật ở ngoài tâm ta. Cho nên nói: "Các

---

[26] **LAM chú: Xin xem chú thích 42 của chương 3 trên đây.**

[27] **LAM chú: Các chữ *phi* (bay), *tiềm* (lặn), *nghi* (nghi ngờ), *dịch* (cảnh giác) đều ở trong quẻ Càn.**

[28] **LAM chú: Bốn chữ *sĩ, chỉ, cửu, tốc* lấy từ *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu, thượng): «Khả dĩ sĩ tắc sĩ, khả dĩ chỉ tắc chỉ, khả dĩ cửu tắc cửu, khả dĩ tốc tắc tốc, Khổng Tử dã.»** 可以仕則仕, 可以止則止, 可以久則久. 可以速則速 **(Lúc nên làm quan thì làm quan, lúc nên bỏ quan thì bỏ quan, lúc cần nhậm chức lâu thì lâu, lúc cần nhậm chức mau thì mau. Đó là Khổng Tử vậy).**

[29] **LAM chú: *Trung Dung* (chương 27): «Lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên. Đãi kỳ nhân nhi hậu hành.»** 禮儀 三百威儀三千.待 其 人而後行 **([Đạo của thánh nhân] bao quát 300 lễ nghi và 3000 uy nghi. Đợi đúng người rồi mới thi hành).**

đức [nhân và trí] của tính là đạo hợp nhất trong với ngoài, cho nên ta thi hành chúng hợp thời thì hành động sẽ đúng đắn." [30] Ý nói về sự đúng đắn tự nhiên của nó, chứ không phải sự đúng đắn mà ta mong cầu.»[31]

Vạn vật trong vũ trụ đều là vật trong tâm ta, đều là một thể với ta. Mạnh Tử nói: «Nay bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót [mà đến cứu nó].» Qua đó, có thể thấy đứa bé với ta là một thể. Nếu ở chỗ này mà ta có thể ý thức được bản tâm, thì ta có thể biết mọi hành vi của ta cần dựa vào sự tự nhiên của bản tâm để làm

---

[30] **LAM chú: *Trung Dung* (chương 25): «Tính chi đức dã, hợp ngoại nội chi đạo dã. Cố thời thố chi nghi dã.»** 性之德也,合外内之道也.故時措之宜也**(Các đức [nhân và trí] của tính là đạo hợp nhất trong với ngoài, cho nên ta thi hành chúng hợp thời thì hành động sẽ đúng đắn).**

[31] ***Từ Hồ Di Thư:* «Dịch giả, kỷ dã; phi hữu tha dã. Dĩ Dịch vi thư, bất dĩ Dịch vi kỷ, bất khả dã. Dĩ Dịch vi thiên địa chi biến hoá, bất dĩ Dịch vi kỷ chi biến hoá, bất khả dã. Thiên địa, ngã chi thiên địa; biến hoá, ngã chi biến hoá; phi tha vật dã. Tư giả liệt chi, tư giả tự tiểu dã. [...] Phù sở dĩ vi ngã giả, vô viết huyết khí hình mạo nhi kỷ dã. Ngô tính trừng nhiên thanh minh nhi phi vật; ngô tính đỗng nhiên vô tế nhi phi lượng. Thiên giả ngô tính trung chi tượng; địa giả ngô tính trung chi hình. Cố viết: "Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình." Giai ngã chi sở vi dã. Hỗn dung vô nội ngoại; quán thông vô dị thù; quan nhất hoạch kỳ chỉ chiêu chiêu hĩ. [...] Năng thức trắc ẩn chi chân tâm ư nhụ tử tương nhập tỉnh chi thời, tắc hà tư hà lự chi diệu, nhân nhân chi sở tự hữu dã. Thuần thành đỗng bạch chi chất, nhân nhân chi sở tự hữu dã. Quảng đại vô cương chi thể, nhân nhân chi sở tự hữu dã. Thử tâm thường kiến ư nhật dụng ẩm thực chi gian, tạo thứ điên bái chi gian, nhi nhân bất tự tỉnh dã. [...] Thị tâm bản nhất dã, vô nhị dã, vô thường đoạn nhi phục tục dã, vô hưởng dã bất như thị nhi kim như thị dã, vô hưởng dã như thị nhi kim bất như thị dã. Trú dạ nhất dã, cổ kim nhất dã, thiếu tráng bất cường, nhi suy lão bất nhược dã. [...] Tuần ngô bản tâm dĩ vãng, tắc năng phi năng tiềm, năng nghi năng dịch. [...] Sĩ chỉ cửu tốc, nhất hợp kỳ nghi. Chu tuyền khúc chiết, các đương kỳ khả. Phi cần lao nhi vi chi dã. Ngô tâm trung tự hữu như thị thập bách thiên vạn tán thù chi chính nghĩa dã. Lễ nghi tam bách, uy nghi tam thiên, phi ngô tâm ngoại vật dã. Cố viết: "Tính chi đức dã, hợp nội ngoại chi đạo dã, cố thời thố chi nghi dã." Ngôn hồ kỳ tự nghi dã, phi cầu hồ nghi giả dã.»** 易者.己也;非有他也.以易爲書,不以易爲己,不可也.以易爲天地之變化,不以易爲己之變化,不可也.天地,我之天地;變化,我之變化;非他物也.私者裂之,私者自小也. [...] 夫所以爲我者,毋曰血氣形貌之己也.吾性澄然清明而非物;吾性洞然無際而非量.天者吾性中之象;地者吾性中之形.故曰: "在天成象,在地成形." 皆我之所爲也.混融無内外;貫通無異殊;觀一畫其旨昭昭矣. [...] 能識惻隱之眞心於孺子將入井之時,則何思何慮之妙,人人之所自有也.純誠洞白之質,人人之所自有也.廣大無疆之體,人人之所自有也.此心常見於日用飲食之間,造次顚沛之間,而人不自省也. [...] 是人本一也,無二也,無嘗斷而復續也,無嚮也不如是而今如是也,無嚮也如是而今不如是也.晝夜一也,古今一也,少壯不強,而衰老不弱也. [...] 循吾本心以往,則能飛能潛,能疑能惕. [...] 仕止久速,一合其宜.周旋曲折,各當其可.非勤勞而爲之也.吾心中自有如是十百千萬散殊之正義也.禮儀三百,威儀三千,非吾心外物也.故曰: "性之德也,合內外之道也,故時措之宜也." 言乎其自宜也,非求乎宜者也.

được điều đúng đắn. Trình Hạo nói phần lớn lỗi lầm của con người là bởi sự tự tư và dụng trí. Nếu ta không tự tư và dụng trí thì cái tâm sáng láng sẽ tự hiển lộ được tác dụng của nó.

Dương Giản cũng chú trọng điểm ấy. Trong bài *Tuyệt Tứ Ký* 絕四記, ông nói: «Tâm người tự sáng; tâm người tự linh. *Ý* khởi thì *ngã* lập, *tất* và *cố* thì gây trở ngại, bắt đầu chôn mất cái sáng và linh của mình. Khổng Tử hằng ngày cùng đệ tử thong dong vấn đáp. Ngài tận tâm nhắc nhở, để cấm tuyệt căn bệnh của người học; đại khái có bốn điều: *ý* 意 (theo ý riêng), *tất* 必 (khẳng định tuyệt đối), *cố* 固 (cố chấp), *ngã* 我 (chấp ngã).[32] Nếu đệ tử nào có một trong bốn điều đó, thì thánh nhân (tức Khổng Tử) ắt sẽ cấm tuyệt nó. (Chữ *vô* 毋 có nghĩa là cấm tuyệt). Ngài biết rằng người ta đều có bản tính rất sáng, rất linh, rộng lớn, thánh trí. Con người không cần phải tìm kiếm bên ngoài, không cần phải đạt được cái gì ở bên ngoài, mà tự thân họ đã có căn bản và thần minh. Do sinh *ý* nên che lấp nó. Do có *tất* nên che lấp nó. Do có *cố* nên che lấp nó. Do có *ngã* nên che lấp nó. Đầu mối của sự u tối che lấp này là ở đấy. Cho nên ngài tuỳ theo chứng bệnh phát ra của mỗi đệ tử mà cấm tuyệt; ngài nói: "Đừng như thế, đừng như thế!" Thánh nhân không thể lấy Đạo tặng cho người, mà chỉ có thể trừ khử sự che lấp của con người thôi. Giống như bầu trời ban đầu thì trong sáng, nhưng khi có nhiều mây mù thì bầu trời bị che lấp mà tối đi. Xua tan những áng mây mù, thì bầu trời trong sáng trở lại. [...] Ý là gì? [Tâm] chớm khởi lên đều gọi là ý; chớm dừng lại cũng gọi là ý. Tình trạng của ý nhiều không kể xiết, gây ra lợi, hại, đúng, sai, tiến, thoái. [...] Các loại như thế, dù tận lực hết ngày, hết năm, dù nói ngang nói dọc, dù nói rộng nói gọn, ta cũng không thể nói cho hết. Nhưng tâm khác với ý ra sao? Hai cái này lúc đầu chưa khác nhau, nhưng do sự che lấp mà khác nhau. Tâm có một, ý có hai; tâm thẳng thắn, ý chi li; tâm thì thông suốt, ý thì bị cản trở. Tâm thẳng thắn có tác dụng thẳng thắn. Nó không ý thức và không biết. Biến hoá vân vi, lẽ nào chi li. Cảm thông vô cùng, chẳng nghĩ chẳng làm. Mạnh Tử chủ trương "minh tâm" 明心 (làm sáng lòng), Khổng Tử chủ trương "vô ý" 毋意 (không theo ý riêng mà phán đoán). Không theo ý riêng mà phán đoán thì tâm này sẽ sáng. [...] Tất là gì? Tất là sự khẳng định tuyệt đối do ý sinh ra. Tất phải như thế này, tất phải không như thế kia. Tất muốn như thế này, tất không muốn như thế kia. Đại Đạo không có nơi chốn nhất định, làm sao có thể chỉ định nó? Cho rằng Đạo ở đây, tức là nó không ở đó ư? Cho rằng Đạo

[32] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Tử Hãn): «Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.» 子絕四:毋意,毋必,毋固,毋我 (Phu tử có bốn điều: 1- không theo ý riêng mà phán đoán, 2- không khẳng định tuyệt đối, 3- không cố chấp, 4- không chấp ngã).**

ở đó, tức là nó không ở đây ư? "Phải đáng tin, phải hiệu quả" [33] như thế là không đúng. Đoan chắc phải thế, là tự chia lìa và tự mất. Cố là gì? Cố cũng là sự cố chấp do ý. Bám vào cố chấp mà không thông, nguyên tắc ấy là ngõ cụt. Bám vào cố chấp mà không biến hoá, nguyên tắc ấy là hạ sách. Khổng Tử từng nói: "Ta thì khác với họ. Chẳng có gì là có thể; cũng chẳng có gì là không thể." Lại nói: "Ta có hiểu biết rộng ư? Không." [34] "Có thể" và "không thể" ngài còn chưa từng có, huống hồ cố chấp. Sự hiểu biết ngài còn chưa từng có, huống hồ cố chấp. Ngã là gì? Ngã cũng là ngã do ý. Ý sinh nên ngã lập, ý không sinh thì ngã cũng không lập. Từ thơ ấu, khi bú sữa thì nói sữa *của tôi*; lớn lên khi ăn thì nói thức ăn *của tôi*; mặc quần áo thì nói quần áo *của tôi*; đi thì nói *tôi* đi; ngồi thì nói *tôi* ngồi; đọc sách thì nói *tôi* đọc sách; làm quan thì nói *tôi* làm quan; nổi tiếng thì nói *tôi* nổi tiếng; hành nghề thì nói *tôi* hành nghề. Cái chuồng [giam ngã, tức cái *tôi* ấy] kiên cố như sắt nhưng thua kém một cục đất, một làn khí, hay sự rỗng không. Họ chẳng biết rằng khi ý niệm chưa phát tác là có một tình trạng thâm sâu vắng lặng, chưa từng lập cái gì, vậy cái gì là ngã (cái gì là tôi)?»[35]

---

[33] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Tử Lộ): «Ngôn tất tín, hành tất quả.» 言必信,行必果(Nói phải đáng tin, hành động phải hiệu quả).– *Mạnh Tử* (Ly Lâu, hạ): «Đại nhân giả, ngôn bất tất tín, hành bất tất quả, duy nghĩa sở tại.» 大人者,言不必信,行不必果,惟義所在(Bậc đại nhân khi nói không nhất thiết cho rằng lời nói đáng tin, khi hành động không không nhất thiết cho rằng hành động hiệu quả, chỉ tuỳ hoàn cảnh mà nói và làm cho hợp nghĩa thôi).**

[34] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Vi Tử): «Ngã tắc dị ư thị, vô khả vô bất khả.» 我則異於是,無可無不可. Dương Bá Tuấn (sđd., tr.197) dịch: «Ngã tựu hoà tha môn giá ta nhân bất đồng, một hữu thập ma khả dĩ, dã một hữu thập ma bất khả dĩ.» 我就和他們這些人不同,沒有什麼可以,也沒有什磨不可以(Ta thì khác với họ. Chẳng có gì là có thể; cũng chẳng có gì là không thể).– *Luận Ngữ* (Tử Hãn): «Ngô hữu tri hồ tai? Vô tri dã.» 吾有知乎哉?無知也. Dương Bá Tuấn (sđd., tr.89) dịch: «Ngã hữu tri thức ma? Một hữu lý.» 我有知識嗎?沒有哩(Ta có tri thức ư? Không có).**

[35] ***Từ Hồ Di Thư:* «Nhân tâm tự minh; nhân tâm tự linh. Ý khởi, ngã lập, tất cố ngại tắc, thuỷ táng kỳ minh, thuỷ thất kỳ linh. Khổng Tử nhật dữ môn đệ tử đồ tòng dung vấn đáp, kỳ truân truân cáo giới, chỉ tuyệt học giả chi bệnh, đại lược hữu tứ: viết ý, viết tất, viết cố, viết ngã. Môn đệ tử hữu nhất ư thử, thánh nhân tất chỉ tuyệt chi. Vô giả, chỉ tuyệt chi từ. Tri phù nhân giai hữu chí minh chí linh quảng đại thánh trí chi tính, bất giả ngoại cầu, bất do ngoại đắc, tự bản, tự căn; tự thần, tự minh. Vi sinh ý yên, cố tế chi. Hữu tất yên, cố tế chi. Hữu cố yên, cố tế chi. Hữu ngã yên, cố tế chi. Hôn tế chi đoan, tận do ư thử. Cố mỗi mỗi tuỳ kỳ bệnh chi sở hình, nhi chỉ tuyệt chi, viết: vô như thử, vô như thử. Thánh nhân bất năng dĩ Đạo dữ nhân, năng khử nhân chi tế nhĩ. Như thái hư vị thuỷ bất thanh minh, hữu vân khí yên, cố tế chi. Khử kỳ vân khí, tắc thanh minh hĩ. [...] Hà vị ý? Vi khởi yên giai vị chi ý, vi chỉ yên giai vị chi ý. Ý chi vi trạng, bất khả thắng cùng. Hữu lợi, hữu hại, hữu thị, hữu phi, hữu tiến, hữu thoái. [...] Nhược thử chi loại, tuy cùng nhật chi lực, cùng niên chi lực, tung thuyết hoành thuyết, quảng thuyết bị thuyết, bất khả đắc nhi tận. Nhiên tắc tâm dữ ý hề biện? Thị nhị giả vị thuỷ bất nhất, tế giả tự bất nhất. Nhất tắc vi tâm, nhị tắc vi ý. Trực tắc vi tâm, chi tắc vi ý. Thông tắc vi tâm, trở tắc vi ý. Trực**

«Tâm thẳng thắn, ý chi li», giống như Mạnh Tử nói: «Nay bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót mà đến cứu nó, chẳng phải vì họ quen biết cha mẹ nó, hay để làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay vì sợ mang tiếng bất nhân.» Khi chợt thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, phản ứng đầu tiên của chúng ta đối với tình huống này là có lòng sợ hãi và thương xót. Do cái tâm ấy mà chạy đến cứu nó. Từ lúc động lòng sợ hãi và thương xót cho đến hành vi cứu nó, đều là sự thẳng thắn của tâm. Nếu ngay lúc ấy bỗng dấy lên chút ý niệm do quen biết cha mẹ nó, hay muốn làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay sợ mang tiếng bất nhân mà chạy đến cứu nó, hoặc vì hiềm thù với cha mẹ

---

tâm trực dụng, bất thức bất tri. Biến hoá vân vi, khởi chi khởi li. Cảm thông vô cùng, phỉ tư phỉ vi. Mạnh Tử minh tâm, Khổng Tử vô ý. Ý vô tắc thử tâm minh hĩ. [...] Hà vị tất? Tất diệc ý chi tất. Tất như thử, tất bất như bỉ. Tất dục như bỉ, tất bất dục như thử. Đại Đạo vô phương, hề khả chỉ định. Dĩ vi Đạo tại thử, tắc bất tại bỉ hồ. Dĩ vi Đạo tại bỉ, tắc bất tại thử hồ. Tất tín tất quả, vô nãi bất khả. Đoán đoán tất tất, tự ly tự thất. Hà vị cố? Cố diệc ý chi cố. Cố thủ nhi bất thông, kỳ đạo tất cùng. Cố thủ nhi bất hoá, kỳ đạo diệc hạ. Khổng Tử thường viết: "Ngã tắc dị ư thị, vô khả vô bất khả." Hựu viết: "Ngô hữu tri hồ tai, vô tri dã." Khả bất khả thượng vô, nhi huống ư cố hồ? Thượng vô sở tri, nhi huống ư cố hồ? Hà vị ngã? Ngã diệc ý chi ngã. Ý sinh cố ngã lập, ý bất sinh ngã diệc bất lập. Tự ấu nhi nhũ viết ngã nhũ; trưởng nhi thực viết ngã thực. Ý viết ngã y. Hành ngã hành, toạ ngã toạ, độc thư ngã độc thư, sĩ hoạn ngã sĩ hoạn, danh thanh ngã danh thanh, hành nghệ ngã hành nghệ. Lao kiên như thiết, bất diệc như khối, bất diệc như khí, bất diệc như hư. Bất tri phương ý niệm vị tác thời, động yên tịch yên, vô thượng bất lập, hà giả vi ngã.» 人心自明;人心自靈.意起,我立,必固礙塞,始喪其明,始失其靈.孔子日與門弟子徒從容問答,其諄諄告戒,止絕學者之病,大略有四:曰意,曰必,曰固,曰我.門弟子有一於此,聖人必止絕之.毋土止絕之辭.知夫人皆有至明至靈廣大聖智之性,不假外求,不由外得,自本自根;自神,自明.爲生意焉,故蔽之.有必焉,故蔽之.有固焉,故蔽之.有我焉,故蔽之.昏蔽之端,盡由於此.故每每隨其病之所形,而止絕之,曰:毋如此,毋如此.聖人不能以道與人,能去人之蔽爾.如太虛未始不清明,有雲氣焉,故蔽之.去其雲氣,則清明矣. [...] 何謂意?微起焉皆謂之意.意之爲狀,不可勝窮.有利,有害,有是,有非,有進,有退. [...] 若此之類,雖窮日之力,窮年之力,縱說橫說,廣說備說,不可得而盡.然則心與意奚辨?是二者未始不一,蔽者自不一.一則爲心,二則爲意.直則爲心,支則爲意.通則爲心,阻則爲意.直心直用,不識不知.變化云爲,豈支豈離.感通無窮,匪思匪爲.孟子明心,孔子毋意.意毋則此心明矣. [...] 何謂必?必亦意之必.必如此,必不如彼.必欲如彼必不欲如此.大道無方,奚可指定.以爲道在此,則不在彼乎.以爲道在彼,則不在此乎.必信必果,無乃不可.斷斷必必,自離自失.何謂固?固亦意之固.固守而不通,其道必窮.固守而不化,其道亦下.孔子嘗曰:"我則異於是,無可無不可." 又曰:"吾有知乎哉,無知也." 可不可尚無,而況於固乎?何謂我?我亦意之我.意生故我立,意不生我亦不立.自幼而乳曰我乳;長而食曰我食.衣曰我衣.行我行,坐我坐,讀書我讀書,仕宦我仕宦,名聲我名聲,行藝我行藝.牢堅如鐵,不亦如塊,不亦如氣,不亦如虛.不知方意念未作時,洞焉寂焉,無尚不立,何者爲我.

nó nên chẳng chạy đến cứu nó. Trải qua ý niệm đó, tức là sự quanh co của ý. Theo tâm mà chạy ngay đến cứu nó, tức là «cảm thông vô cùng» và không có *ngã, tất, cố*. Chu Đôn Di nói: «Vô dục thì tĩnh hư và động trực.»[36] Trình Hạo nói: «Có lòng riêng tư thì không thể lấy hữu vi để đáp ứng ngoại vật; có sự dụng trí thì không thể xem giác ngộ là tự nhiên.»[37] Đoạn văn dài trên đây của Dương Giản cũng phát huy ý nghĩa ấy.

3. Sự giống nhau và khác nhau giữa Chu Hi và Lục Tượng Sơn

Người ta hay so sánh Chu Hi và Tượng Sơn rằng: Chu Hi trọng «nói về học vấn», Tượng Sơn trọng «tôn đức tính». Nhận xét đó ngay thời của hai ông cũng đã có rồi. Tuy nhiên, triết học của Chu Hi có mục đích tối hậu là làm rõ cái dụng lớn của tâm chúng ta. Đó là mục đích chung của các Đạo học gia. Cho nên ta có thể nói Tượng Sơn không hoàn toàn chú trọng «nói về học vấn», nhưng không thể nói Chu Hi không chú trọng «tôn đức tính». Hơn nữa, điểm này cũng chỉ là căn cứ trên phương pháp tu dưỡng của họ mà nói. Cho nên xét cho cùng, sự khác biệt giữa hai ông chỉ là sự khác biệt về phương pháp tu dưỡng.

Ở cuối chương 13, chúng ta thấy rằng triết học của Chu Hi chẳng phải là cái Duy tâm luận (Idealism) theo cách nói phổ thông, mà gần với Tân thực tại luận (Neo-realism) hiện đại. Nếu ta chú ý điểm này, thì ta có thể thấy sự khác biệt giữa hai ông không chỉ là sự khác biệt về phương pháp tu dưỡng. Về căn bản, triết học của hai ông quả có sự khác biệt. Chỗ khác biệt ấy ngay trong triết học của Nhị Trình cũng đã có rồi. Học thuyết của phái Trình Di đến Chu Hi thì phát triển hoàn toàn. Còn học thuyết của phái Trình Hạo đến Tượng Sơn và Dương Giản thì phát triển hoàn toàn. Có thể nói gọn về sự khác biệt này: học thuyết của phái Chu Hi là Lý học; học thuyết của phái Tượng Sơn là Tâm học. Trong lời tựa của *Tượng Sơn Toàn Tập* Vương Dương Minh viết: «Cái học của thánh nhân là Tâm học.» (Thánh nhân chi học, Tâm học dã 聖人之學,心學也). Cái danh từ Tâm học này có thể biểu thị triết học của phái Tượng Sơn, và là điểm khác biệt với triết học của phái Chu Hi vậy.

Chu Hi nói Tính là Lý. Tượng Sơn nói Tâm là Lý. Chỉ khác nhau một chữ nhưng kỳ thực nó điểm khác biệt quan trọng giữa hai hệ thống triết học của hai ông. Chu Hi xem Tâm là một vật cụ thể do Lý hợp với

---

[36] **LAM chú: Xin xem chú thích 23 chương 11 ngay trên đây.**

[37] **LAM chú: Xin xem chú thích 94 chương 12 ngay trên đây.**

Khí mà sinh ra. Như vậy Tâm thuộc về thế giới hoàn toàn khác biệt với thế giới trừu tượng của Lý, tức là Tính. Trong Tâm tuy có Lý, nhưng Tâm không phải là Lý. Cho nên trong hệ thống triết học của Chu Hi, quả thực chỉ có thể nói Tính là Lý; không thể nói Tâm là Lý. Tượng Sơn nói Tâm là Lý, và phản đối Chu Hi phân biệt Tâm và Tính.

Ngữ Lục của Tượng Sơn chép: «Bá Mẫn hỏi: "Làm sao phân biệt: Tính, tài, tâm, tình?" Thầy (Tượng Sơn) đáp: "Ông bạn hỏi lời này, chỉ nhắm vào cành lá [chứ không nhắm vào căn cội]. Tuy nhiên, nó không phải là lỗi của ông bạn, mà do sự che lấp của đời. Người học ngày nay, đọc sách chỉ giải thích chữ nghĩa, không biết tìm lấy tư tưởng cốt lõi của nó. Tình, tính, tâm, tài, bốn cái này chỉ là một loại, nhưng khác nhau là ở từ ngữ. [...] Nếu muốn nói về chúng, ở trời thì nó gọi là tính, ở người thì gọi là tâm. Ở đây tôi tuỳ theo ông bạn mà nói, kỳ thực không nhất thiết phải như thế."»[38]

Chu Hi phân biệt Tâm và Tính không phải «chỉ giải thích chữ nghĩa», bởi vì theo quan điểm của ông, thực tại vốn có sự phân biệt tương đương như vậy. Theo quan điểm của Tượng Sơn, thực tại không có sự phân biệt tương đương như vậy. Thực tại mà Chu Hi thấy gồm có hai thế giới: Một thế giới thì nằm trong thời gian và không gian; một thế giới thì không nằm trong thời gian và không gian. Cái thực tại mà Tượng Sơn thấy chỉ có một thế giới nằm trong trong thời gian và không gian mà thôi. Chỉ có một thế giới, và thế giới này hợp với Tâm thành một thể. Cho nên Tượng Sơn nói: «Vũ trụ là tâm ta, tâm ta là vũ trụ.» Do đó danh từ Tâm học có thể chuyên chỉ Đạo học của phái Tượng Sơn.

Ở đây có một vấn đề này sinh. Cái Tâm mà Tượng Sơn gọi phải chăng cũng là cái Tâm mà Chu Hi gọi? Chừng nào vấn đề này chưa thể giải quyết xong, thì thuyết "Tâm là Lý" của Tượng Sơn chưa chắc đã khác với thuyết "Tính là Lý" của Chu Hi. Xét cho kỹ, Tâm mà Tượng Sơn gọi chính là cái Tâm mà Chu Hi gọi. Tượng Sơn nói: «Người đâu phải gỗ đá, sao nói là không có Tâm? Tâm tôn quý và lớn nhất đối với ngũ quan. Hồng

---

[38] ***Tượng Sơn Toàn Tập:*** **«Bá Mẫn vân: "Tính tài tâm tình, như hà phân biệt?" Tiên sinh vân: "Như ngô hữu thử ngôn, hựu thị chi diệp. Tuy nhiên, thử phi ngô hữu chi quá, cái cử thế chi tế. Kim chi học giả, độc thư chỉ thị giải tự, cánh bất cầu huyết mạch. Thả hữu tình tính tâm tài, đô chỉ thị nhất ban vật sự, ngôn ngẫu bất đồng nhĩ. [...] Nhược tất dục thuyết thời, tắc tại thiên giả vi tính, tại nhân giả vi tâm. Thử cái tuỳ ngô hữu nhi ngôn, kỳ thực bất tất như thử."»** 伯敏云: "性才心情,如何分別?" 先生云: "如吾友此言,又是枝葉.雖然,此非吾友之過,蓋舉世之蔽.今之學者,讀書只是解字,更不求血脈.且有情性心才,都只是一般物事,言偶不同耳. [...] 若必欲說時,則在天者爲性,在人者爲心.此蓋隨吾友而言,其實不必如此."

Phạm chép: “Suy nghĩ phải thấu triệt. [...] Thấu triệt sẽ thánh thiện.” [39] Mạnh Tử nói: “Tâm để suy nghĩ. Nghĩ sâu thì hiểu được [nghĩa lý sự vật], nếu không nghĩ sâu thì không hiểu được nó.” [40] [...] Tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí) tức là Tâm này; cái mà Trời cho ta tức là Tâm này. Ai ai cũng có cái Tâm này; Tâm có đủ các Lý; Tâm tức là Lý vậy.»[41]

Chu Hi cho rằng trong thiên hạ chẳng có vật nào mà không có Tính. Một vật được thành hình thì trong nó có cái Lý của nó. Cái Lý ấy tức là Tính. Cho nên gỗ đá cũng có Tính, nhưng gỗ đá không biết được điều ấy. Do đó, tuy không thể nói gỗ đá không có Tính, nhưng có thể nói gỗ đá không có Tâm. Tượng Sơn nói: «Người đâu phải gỗ đá, sao nói là không có Tâm?» Tức là gỗ đá không có Tâm. Về điểm này, Tượng Sơn đồng ý với Chu Hi.

Theo Tượng Sơn, Tâm là cái có thể suy tư lo nghĩ. Chu Hi nói: «Chỗ linh diệu của con người chỉ là Tâm, không phải là Tính.»[42] Chu Hi lại nói: «Nhân ái là tính, lòng trắc ẩn là tình. Tình phải phát ra từ tâm. Tâm thống nhất tính và tình.»[43]

Chu Hi xem lòng nhân là Lý của ái. Tình trắc ẩn là sự biểu hiện cụ thể của Lý của ái, là hình nhi hạ, và phải phát ra từ Tâm. Tượng Sơn nói

---

[39] LAM chú: Xin xem chú thích 25 của chương 11 trên đây.

[40] LAM chú: Câu này trong *Mạnh Tử* (Cáo Tử, thượng): «Nhĩ mục chi quan bất tư, nhi tế ư vật, vật giao vật, tắc dẫn chi nhi dĩ hĩ. *Tâm chi quan tắc tư, tư tắc đắc chi, bất tư tắc bất đắc dã.* Thử thiên chi sở dữ ngã giả, tiên lập hồ kỳ đại giả, tắc kỳ tiểu giả phất năng đoạt dã. Thử vi đại nhân nhi dĩ hĩ.» 耳目之官不思而蔽於物,物交物,則引之而已矣.心之官則思,思則得之,不思則不得也.此天之所與我者,先立乎其大者,則其小者弗能奪也.此爲大人而已矣 (Tai và mắt chẳng suy nghĩ, lại bị ngoại vật che lấp. Ngoại vật [như âm thanh và sắc tướng] tiếp xúc tai và mắt ta thì ta bị lôi kéo đi. Tâm để suy nghĩ. *Nghĩ sâu thì hiểu được [nghĩa lý sự vật], nếu không nghĩ sâu thì không hiểu được nó.* Tâm là cái mà Trời phú bẩm cho ta. Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm, thì điều nhỏ nhặt sẽ không chiếm đoạt lấy tâm của mình. Đó mới là đại nhân).

[41] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Nhân phi mộc thạch, an đắc vô tâm? Tâm ư ngũ quan tối tôn đại. Hồng Phạm viết: “Tư viết duệ, duệ tác thánh.” Mạnh Tử viết: “Tâm chi quan tắc tư, tư tắc đắc chi, bất tư tắc bất đắc dã.” [...] Tứ đoan giả, tức thử Tâm dã; thiên chi sở dĩ dữ ngã giả, tức thử Tâm dã. Nhân giai hữu thị Tâm, Tâm giai cụ thị Lý; Tâm tức Lý dã.» 人非木石,安得無心?心於五官最尊大.洪範曰:“思曰睿,睿作聖.”孟子曰:“心之官則思,思則得之,不思則不得也.” [...] 四端者,即此心也;天之所以與我者,即此心也.人皆有是心,心皆具是理;心即理也.

[42] LAM chú: Xin xem chú thích 55 chương 13 ngay trên đây.

[43] *Chu Tử Ngữ Loại:* «Nhân thị tính, trắc ẩn thị tình, tu tòng tâm thượng phát xuất lai. Tâm thống tính tình giả dã.» 仁是性,惻隱是情,須從心上發出來.心統性情者也.– LAM chú: Xin xem chú thích 57 chương 13 ngay trên đây.

tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí) là Tâm. Do đó cái Tâm mà Tượng Sơn nói chính là cái Tâm mà Chu Hi nói. Trong bài *Tuyệt Tứ Ký* trên đây, Dương Giản nói: «Nhân Tâm tự minh, nhân Tâm tự linh.» Cái Tâm được nói ở đây cũng chính là cái Tâm mà Chu Hi nói. Do đó, về Tâm mà nói thì phái Tượng Sơn và phái Chu Hi hiểu như nhau; tuy nhiên về Lý mà nói thì hai phái hiểu khác nhau.

Điểm ấy chính là sự bất đồng căn bản giữa triết học của Chu Hi và triết học của Tượng Sơn. Nó có thể chứng minh từ một phương diện khác. Tượng Sơn nói Tâm và Tính chỉ là một loại, ở trời thì gọi là Tính, ở người thì gọi là Tâm. Điểm quan trọng ở đây là, theo quan điểm của Tượng Sơn, Trời và người thuộc cùng một thế giới. Do đó, Tượng Sơn không muốn phân biệt cái gọi là Thiên Lý và nhân dục như Chu Hi đã làm. Tượng Sơn nói: «Thiên Lý nhân dục chi ngôn, diệc tự bất thị chí luận. Nhược thiên thị Lý, nhân thị dục, tắc thị thiên nhân bất đồng hĩ. [...] Thư Kinh nói: "Nhân Tâm điên đảo, Đạo Tâm huyền vi." Người giải thích phần lớn cho rằng Nhân Tâm là nhân dục, Đạo Tâm là Thiên Lý. Thuyết ấy không đúng. Tâm chỉ có một. Người ta sao lại có hai Tâm?»[44]

Ở đây Tượng Sơn xem thuyết «Trời và người khác nhau» là sai. Tuy nhiên theo hệ thống của Chu Hi, quả thực Trời và người có thể xem là khác nhau.

Thái Cực Đồ Thuyết của Chu Đôn Di nói «Vô Cực nhi Thái Cực». Chu Hi xem câu này ngụ ý rằng Thái Cực vô hình nhưng có Lý. Tượng Sơn và anh là Thoa Sơn 梭山 cho rằng Hệ Từ chỉ nói đến Thái Cực chứ không nói đến Vô Cực. *Thái Cực Đồ Thuyết* nói khác *Thông Thư* của Chu Đôn Di, do đó hai ông nghi ngờ *Thái Cực Đồ Thuyết* không phải của Chu Đôn Di. Nếu không phải vậy, thì nó do Chu Đôn Di viết khi cái học của ông chưa thành. Nếu cũng không phải vậy, thì nó lẫn văn của người khác mà người đời sau không phân biệt được. Hai ông cứ tranh luận mãi, tạo nên một cuộc đại tranh luận thời bấy giờ.

---

[44] *Tượng Sơn Toàn Tập:* «Thiên Lý nhân dục chi ngôn, diệc tự bất thị chí luận. Nhược thiên thị Lý, nhân thị dục, tắc thị thiên nhân bất đồng hĩ. [...] Thư vân: "Nhân Tâm duy nguy, Đạo Tâm duy vi." Giải giả đa chỉ Nhân Tâm vi nhân dục, Đạo Tâm vi Thiên Lý. Thử thuyết phi thị, Tâm nhất dã. Nhân an hữu nhị Tâm?» 天理人欲之言，亦自不是至論．若天是理，人是欲，則是天人不同矣．[...] 書云："人心惟危，道心惟微." 解者多指人心爲人欲，道人爲天理．此說非是，心一也．人安有二心？ – LAM chú: *Thư Kinh:* «Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung.» 人心惟危，道心惟微，惟精惟一，允執厥中 (Lòng người điên đảo, lòng Trời huyền vi. Hãy tinh ròng chuyên nhất và thành thực giữ mức trung dung). Xin xem chú thích 66 của chương 13 trên đây.

Nếu theo như trên mà xét, trong triết học của Tượng Sơn chỉ có một thế giới nằm trong thời gian và không gian. Do đó, từ căn bản ông không thể thừa nhận cái gọi là «vô hình nhưng có Lý» (vô hình nhi hữu Lý 無形而有理), chứ không phải ông có ý tranh luận suông với Chu Hi.

Còn một điểm nữa cần phải giải thích. Tượng Sơn nói: «Nói theo hình nhi thượng, nó gọi là Đạo 道; nói theo hình nhi hạ, nó gọi là Khí 器. Trời đất cũng là Khí, nhưng để tạo ra và nuôi dưỡng sinh vật thì buộc phải có Lý.»[45]

Nếu chỉ ở điều trên mà xét, triết học của Tượng Sơn và triết học của Chu Hi không có khác biệt cơ bản. Nhưng có một điểm khác biệt mà Tượng Sơn nêu ra trong thư ông gởi Chu Hi biện luận về *Thái Cực Đồ Thuyết:* «Chu Dịch Đại Truyện nói: "Cái ở trên hình (hình nhi thượng) gọi là Đạo." Lại nói: "Một Âm và một Dương gọi là Đạo." Âm Dương đã thuộc hình nhi thượng, huống hồ Thái Cực?»[46]

Tượng Sơn xem Âm Dương thuộc hình nhi thượng, tức là nó có ý nghĩa khác với ý nghĩa của hình nhi thượng mà Chu Hi đã dùng. Anh em họ Trình cũng từng dẫn câu này trong Hệ Từ mà giải thích nó. Trình Hạo nói: «Âm Dương cũng là hình nhi hạ, nhưng chúng được gọi là Đạo. Lời này cho thấy sự phân biệt rất rõ giữa cái trên hình và cái dưới hình. Âm Dương vốn là Đạo. Người ta cần im lặng mà biết nó.»[47] Trình Di nói: «Một Âm một Dương gọi là Đạo. Đạo không phải là Âm và Dương, sở dĩ một Âm một Dương [tương tác] nên gọi là Đạo.»[48] Sự khác biệt giữa hai thuyết này của anh em họ Trình cũng chính là sự bất đồng giữa Tượng Sơn và Chu Hi.

Nếu xem Âm Dương thuộc hình nhi thượng, tức là xem cái thuộc hình nhi thượng cũng có hoạt động cụ thể trong thời gian và không gian, thì cái thuộc hình nhi thượng cố nhiên sẽ ở cùng một thế giới với cái thuộc hình nhi hạ.

Trong triết học của Tượng Sơn tuy chỉ có một thế giới, nhưng ông

---

[45] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Tự hình nhi thượng giả ngôn chi vị chi Đạo; tự hình nhi hạ giả ngôn chi vị chi Khí. Thiên địa diệc thị Khí, kỳ sinh phúc hình tải tất hữu Lý.»** 自形而上者言之謂之道；自形而下者言之謂之器.天地亦是器,其生覆形載必有理.

[46] ***Tượng Sơn Toàn Tập:* «Dịch chi Đại Truyện viết: "Hình nhi thượng giả vị chi Đạo." Hựu viết: "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo." Âm Dương dĩ thị hình nhi thượng giả, huống Thái Cực hồ?»** 易之大傳曰: "形而上者謂之道." 又曰: "一陰一陽之謂道." 陰陽已是形而上者,況太極乎? – **LAM chú: Xin xem chú thích 64 của chương 12 ngay trên đây.**

[47] **LAM chú: Xin xem chú thích 64 của chương 12 ngay trên đây.**

[48] **LAM chú: Xin xem chú thích 66 của chương 12 ngay trên đây.**

vẫn dùng các từ ngữ cũ là hình nhi thượng và hình nhi hạ. Về sau, Dương Giản vất bỏ sự phân biệt hình nhi thượng với hình nhi hạ: «Hệ Từ còn nói: "Cái ở trên hình gọi là Đạo; cái ở dưới hình gọi là khí vật." Tách rời Đạo với khí vật, phải chăng là nói khí vật ở ngoài Đạo? Ngay cả [những] tác giả của Hệ Từ còn sai lầm như thế, thì mong gì các học giả đời sau?»[49]

Cái gọi là hình nhi thượng và hình nhi hạ tất phải theo giải thích của Chu Hi thì mới có ý nghĩa rõ ràng được. Theo hệ thống của Chu Hi, khí vật và Đạo không tồn tại trong một thế giới. Điểm này phái Tượng Sơn không thừa nhận.[50] Dương Giản cho rằng nói như vậy là xem cái gọi là hình nhi thượng và hình nhi hạ trong Hệ Từ không phải là lời của Khổng Tử.

Sự bất đồng căn bản trong triết học của Tượng Sơn và triết học của Chu Hi được Chu Hi nói đại khái. Thí dụ khi phê bình Phật giáo, Chu Hi cho rằng thuyết «Tâm là Tính» của Phật giáo chính là thuyết «sinh chi vị Tính» 生之謂性 (cái mà lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính) của Cáo Tử.[51] Bởi vì theo hệ thống của Chu Hi, Tâm thuộc hình nhi hạ, khi có sự vật cụ thể rồi thì mới bắt đầu có Tâm. Phật giáo xem «Tâm là Tính»; Tượng Sơn cũng xem «Tâm là Tính», tức cũng là thuyết của Cáo Tử. Cho nên *Chu Tử Ngữ Loại* chép rằng: Khi Lục Tượng Sơn mất, Chu Hi dẫn đệ tử đến viếng tang. Hồi lâu, Chu Hi nói: «Đáng tiếc, một Cáo Tử đã qua đời!» (Khả tích tử liễu Cáo Tử 可惜死了告子).

Kẻ hậu học của phái Chu Hi cũng xem Tượng Sơn là một Cáo Tử. Chẳng hạn đệ tử Chu Hi là Trần Bắc Khê 陳北溪(1153-1217, tên là Thuần 淳, tự là An Khanh 安卿) nói: «Nhà Phật xem tác dụng của Tâm là Tính, [...] chẳng qua họ chỉ nhận biết được Khí, mà không nói gì về Lý. [...] Đời nay có hạng người ham thêu dệt, thích nói cao siêu về Tính và Mệnh. Đại khái họ hoàn toàn dùng ý nghĩa mà nhà Phật xem tác dụng của Tâm là Tính, nhưng trang sức bằng lời lẽ của thánh nhân (đạo

---

49 *Từ Hồ Di Thư*: «Hựu viết: "Hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí." Liệt Đạo dữ khí, vị khí tại Đạo chi ngoại da? Tự tác Hệ Từ giả, kỳ tế do nhược thị, thượng hà vọng hậu thế chi học giả hồ?» 又曰: "形而上者謂之道,形而下者謂之器." 裂道與器,謂器在道之外耶?自作繫辭者,其蔽猶若是,尚何望後世之學者乎?

50 LAM chú: *Nhị Trình Di Thư* chép ý kiến tương tự (mà Phùng Hữu Lan ngờ là của Trình Hạo): «Hình nhi thượng là Đạo, hình nhi hạ là khí vật (*khí* 器). Tuy nói như thế, nhưng khí vật cũng là Đạo. Đạo cũng là khí vật. Hễ ta cho rằng Đạo đang tồn tại, thì điều đó không can hệ với hiện tại và tương lai, với ta và người khác.» Xin xem chú thích 65 của chương 12 ngay trên đây.

51 LAM chú: Xin xem chú thích 79 của chương 13 ngay trên đây.

Nho). [...] Kỳ thực, đó chỉ là thuyết "sinh chi vị Tính" của Cáo Tử.»[52]

Ở điểm này mà xét thì giữa Chu Hi và Tượng Sơn, Tượng Sơn gần với Phật hơn.

Như vậy, triết học của Tượng Sơn và triết học của Chu Hi có bất đồng căn bản, tạo thành hai phái đối lập nhau trong Đạo học, không phải là không có duyên cớ. Tuy nhiên đối với cái gọi là Tâm học, Tượng Sơn và Dương Giản chỉ là người mở đường. Đợi đến Vương Dương Minh (1473-1529) thì nó mới phát triển hoàn toàn. Cho nên nhân vật đối kháng với Chu Hi không phải là Tượng Sơn hay Dương Giản, mà là Vương Dương Minh của 250 năm sau.

4. Lý học từ Chu Hi về sau

Trong vòng 250 năm, cái học của Chu Hi rất có ảnh hưởng, bởi vì hệ thống triết học của ông quả thực rất tinh mật và vĩ đại. Mang tiếng đối lập với cái học của Chu Hi nhưng cái học của phái Tượng Sơn về phương diện tu dưỡng tuy có phương pháp khá giản dị và thẳng thắn, nhưng họ giải thích quá sơ lược về các phương diện của vũ trụ. Hệ thống triết học của phái Tượng Sơn quả thực không lớn bằng hệ thống triết học của Chu Hi.

Cho nên kể từ cuối đời Tống, cái học của Chu Hi có ảnh hưởng ngày càng lớn. Điều này có thể thấy trong *Tống Sử.* Ngoài chương Nho Lâm Truyện còn có thêm chương Đạo Học Truyện, mà trong đó Chu Hi được xem là người tiếp nối được cái học bí truyền của thánh hiền kể từ Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử, và Mạnh Tử. Đạo Học Truyện chủ yếu chép về Chu Hi, còn Tượng Sơn và Dương Giản thì được chép vào Nho Lâm Truyện.

Cho đến nửa sau đời Minh, cái học của Chu Hi vẫn tiếp tục thịnh hành. *Minh Sử* (Nho Lâm Truyện) chép: «*Tống Sử* phân Đạo học và Nho lâm làm hai, để làm rõ nguồn gốc của Y Lạc 伊洛 là tiếp nối Chu Tứ 洙

[52] ***Bắc Khê Toàn Tập:*** **«Phật thị bả tác dụng nhận thị Tính, [...] bất quá chỉ nhận đắc Khí, nhi bất thuyết trước ná Lý nhĩ. [...] Kim thế hữu nhất chủng đỗ soạn đẳng nhân, ái cao đàm Tính Mệnh. Đại để toàn dụng Phù Đồ tác dụng thị Tính chi ý, nhi văn dĩ thánh nhân chi ngôn. [...] Kỳ thực bất quá Cáo Tử sinh chi vị Tính chi thuyết.»** 佛氏把作用認是性，[...] 不過只認得氣，而不說著那理耳. [...] 今世有一種杜撰等人，愛高談性命.大抵全用浮屠作用是性之意，而文以聖人之言. [...] 其實不過告子生之謂性之說.

泗.[53] Manh mối của Nho tông đúng như thế. [...] Thoạt đầu, các Nho gia đầu đời Minh đều thuộc các chi phái của đệ tử Chu Hi, cho nên sự truyền thừa này có khuôn phép quy củ kể từ Chu Hi. Bấy giờ, Tào Đoan 曹端 (1376-1434) và Hồ Cư Nhân 胡居仁(1434-1484) dốc lòng bền bĩ, cẩn thận chuẩn mực, gìn giữ sự chính truyền của tiên Nho, không dám sửa đổi. Học thuật phân chia kể từ Trần Hiến Chương 陳獻章(1428-1500) và Vương Thủ Nhân 王守仁(1473-1529, tức Vương Dương Minh). Học phái của Hiến Chương được gọi là cái học Giang Môn 江門.[54] Phái này lưu hành đơn độc, sự truyền thừa không xa. Học phái của Thủ Nhân được gọi là cái học Diêu Giang 姚江.[55] Phái của Thủ Nhân lập riêng tông chỉ, trái ngược rõ rệt với cái học của Chu Hi. Môn đồ khắp thiên hạ, lưu truyền hơn trăm năm; học thuyết lưu hành rất mạnh, nhưng tệ hại cũng lắm.»[56]

---

[53] **LAM chú: Sông Y 伊 *ở phía tây* tỉnh Hà Nam 河南(quê hương của anh em họ Trình) bắt nguồn từ Phục *Sơn* 伏山 chảy vào sông Lạc 洛. Sông Chu 洙 bắt nguồn từ đông bắc huyện Tân Thái 新泰 tỉnh *Sơn* Đông 山東(quê hương của Khổng Tử), quẹo sang hướng tây nam nhập vào sông Tứ 泗. Y Lạc ám chỉ cái học của anh em họ Trình. Chu Tứ ám chỉ cái học của Khổng Tử.**

[54] **LAM chú: Giang Môn 江門 là thành phố thuộc tỉnh Quảng Đông, quê hương của Trần Hiến Chương. Ở đây lấy địa danh để chỉ học phái của Hiến Chương. Kỳ thực Hiến Chương sinh tại làng Bạch Sa 白沙 thuộc huyện Tân Hội 新會, tỉnh Quảng Đông. Nên Hiến Chương còn được gọi là Bạch Sa tiên sinh hay Trần Bạch Sa.**

[55] **LAM chú: Vương Dương Minh (Vương Thủ Nhân) sinh ở Dư Diêu 餘姚 thuộc tỉnh Chiết Giang 浙江. Diêu Giang 姚江 được dùng đặt tên cho phái của Vương Thủ Nhân. Derk Bodde giải thích rằng Diêu Giang là tên con sông ở Chiết Giang, chảy vào thành phố Dư Diêu (quê hương của Thủ Nhân).**

[56] ***Minh Sử*** **(Nho Lâm Truyện): «Tống Sử phán Đạo học Nho lâm vi nhị, dĩ minh Y Lạc uyên nguyên, thượng thừa Chu Tứ. Nho tông thống tự, mạc chính ư thị. [...] Nguyên phù Minh sơ chư Nho, giai Chu Tử môn nhân chi chi lưu dư duệ, sư thừa hữu tự, củ hoạch trật nhiên. Tào Đoan Hồ Cư Nhân đốc tiễn lý, cẩn thằng mặc, thủ Nho tiên chi chính truyền, vô cảm cải thác. Học thuật chi phân, tắc tự Trần Hiến Chương, Vương Thủ Nhân thuỷ. Tông Hiến Chương giả, viết Giang Môn chi học. Cô hành độc nghệ, kỳ truyền bất viễn. Tông Thủ Nhân giả, viết Diêu Giang chi học. Biệt lập tông chỉ, hiển dữ Chu Tử bối trì. Môn đồ biến thiên hạ, lưu truyền du bách niên. Kỳ giáo đại hành, kỳ tệ tư thậm.»** 宋史判道學儒林爲二,以明伊洛淵源,上承洙泗.儒宗統緒,莫正於是. [...] 原夫明初諸儒,皆朱子門人之支流餘裔,師承有自,矩矱秩然.曹端胡居仁篤踐履,謹繩墨,守儒先之正傳,無敢改錯.學術之分,則自陳獻章,王守仁始.宗獻章者,曰江門之學.孤行獨詣,其傳不遠.宗守仁者,曰姚江之學.別立宗旨,顯與朱子背馳.門徒遍天下,流傳逾百年.其教大行,其弊滋甚.

5. Trần Bạch Sa và Trạm Cam Tuyền

Trần Hiến Chương 陳獻章(1428-1500) sinh tại làng Bạch Sa 白沙 thuộc huyện Tân Hội 新會, tỉnh Quảng Đông. Người đời gọi ông là Bạch Sa tiên sinh. Ông từng theo học Ngô Dữ Bật 吳與弼(1391-1469). Ngô Dữ Bật hiệu là Khang Trai 康齋, thuộc học phái Trình Chu 程朱 (tức phái Lý học 理學, theo chủ trương của Trình Di và Chu Hi). Tuy nhiên sở đắc của Hiến Chương không phải từ Ngô Dữ Bật, vì ông tự thuật rằng: «Tôi tài chẳng bằng ai. Năm 27 tuổi, bắt đầu phẫn chí, theo học Ngô Sính Quân (tức Ngô Dữ Bật). [...] Tuy nhiên tôi chưa biết chỗ vào (tức học chưa thấy kết quả), bèn quay về quê là Bạch Sa, đóng cửa và không ra khỏi nhà, chuyên cầu phương pháp dùng nỗ lực của mình. [...] Do đó tôi bỏ cái học phức tạp [của Ngô Dữ Bật], mà cầu cái học đơn giản của tôi, tức là tĩnh toạ. Lâu ngày, tôi thấy được bản thể của tâm tôi, hiện ra một cách bí ẩn như là một vật cụ thể. Trong việc giao tiếp hàng ngày, tôi có thể làm theo bất cứ cái gì mình muốn, mà lại như con ngựa gắn hàm thiếc. [...] Do đó tôi dứt hết mọi nghi hoặc, tự tin nói: "Công phu trở thành thánh nhân phải chăng là ở chỗ này?" Ai đến học tôi, tôi dạy ngay cho phép tĩnh toạ.»[57]

Bạch Sa trải qua tu học là như thế. Thoạt đầu ông theo cái học của Chu Hi, mà sau thì sở đắc lại theo cái học của Lục Tượng Sơn. Ông viết: «Lý này hoạt động rất lớn, không nội ngoại, không chung thuỷ, chỗ nào cũng tới, lúc nào cũng vận hành. Hiểu được điều ấy thì thiên địa do ta lập, vạn biến hoá do ta xuất, và vũ trụ ở trong ta. Có được nguồn sức mạnh ấy trong tay, ta còn cần chi nữa? Từ xưa tới nay, bốn phương và trên dưới, mọi sự đồng loạt xuyên suốt ở mấu chốt ấy, đồng loạt thu thập ở đấy. Tuỳ lúc tuỳ nơi, không có gì mà Lý ấy không lấp đầy. Tất cả đều

---

[57] **_Bạch Sa Tử Toàn Tập:_ «Bộc tài bất đãi nhân, niên nhị thập thất, thuỷ phát phẫn tòng Ngô Sính Quân học. [...] Nhiên vị tri nhập xứ. Tỷ quy Bạch Sa, đỗ môn bất xuất, chuyên cầu sở dĩ dụng lực chi phương. [...] Ư thị xả bỉ chi phồn, cầu ngô chi ước, duy tại tĩnh toạ. Cửu chi nhiên hậu kiến ngô thử tâm chi thể, ẩn nhiên trình lộ, thường nhược hữu vật. Nhật dụng gian chủng chủng ứng thù, tuỳ ngô sở dục, như mã chi ngự hàm lặc dã. [...] Ư thị hoán nhiên tự tín viết: "Tác thánh chi công, kỳ tại tư hồ." Hữu học ư bộc giả, triếp giáo chi tĩnh toạ.»** 僕才不逮人,年二十七,始發憤從吳聘君學. [...] 然未知入處.比歸白沙,杜門不出,專求所以用力之方. [...] 於是舍彼之繁,求吾之約,惟在靜坐.久之然後見吾此心之體,隱然呈露,常若有物.日用間種種應酬,隨吾所欲,如馬之御銜勒也. [...] 於是渙然自信曰:"作聖之功,其在茲乎." 有學於僕者,輒教之靜坐.

có gốc gác của chúng, sao còn vất vả chân tay [tìm kiếm gì nữa]?»[58]

Đó cũng là ý của Trình Hạo: «Hễ hiểu được Lý này, thì hãy lấy *thành* 誠 và *kính* 敬 để nuôi dưỡng nó; có thế thôi. Không cần phải phòng bị kiểm tra, không cần phải tìm kiếm tới cùng.»[59] Cũng là ý «Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm» (*Tiên lập hồ kỳ đại giả* 先立乎其大者) mà Tượng Sơn lập lại theo Mạnh Tử.

Ở đây tuy Bạch Sa cũng nói đến Lý, nhưng cái Lý này có ý nghĩa mà Tượng Sơn nói, chứ không phải ý nghĩa mà Chu Hi nói. Theo Bạch Sa, Lý này chỗ nào cũng tới, lúc nào cũng vận hành; tuỳ lúc tuỳ nơi, không có gì mà Lý ấy không lấp đầy. Theo Chu Hi, Lý thuộc hình nhi thượng, không thể vận hành như một vật cụ thể, cũng không thể lấp đầy vật gì. Nhưng đối với Bạch Sa, Lý này là bản thể của tâm, hiện ra một cách bí ẩn như một vật cụ thể. Khái niệm này sẽ thấy rõ qua giải thích của Trạm Cam Tuyền.

Trạm Cam Tuyền tức là Trạm Nhược Thuỷ 湛若水 (1466-1560), hiệu là Cam Tuyền 甘泉, người ở Tăng Thành 增城, tỉnh Quảng Đông 廣東. Ông là đệ tử của Bạch Sa, viết *Tâm Tính Đồ Thuyết* 心性圖說.

Cam Tuyền nói: «Tâm bao lấy tất cả nên ở ngoài vạn vật và trời đất, nhưng Tâm xuyên suốt trong vạn vật và trời đất. Trong và ngoài chẳng phải là hai; trời đất không có trong hay ngoài, tâm cũng không có trong hay ngoài. [Nói trong hay ngoài] chỉ là miễn cưỡng thôi. Cho nên ai nói chỉ có bên trong là bản tâm, còn bên ngoài là trời đất và vạn vật, tức là làm cho cái Tâm này trở nên nhỏ bé lắm vậy.»[60] Tâm mà Cam

---

[58] ***Bạch Sa Tử Toàn Tập:*** **«Thử Lý can thiệp chí đại, vô nội ngoại, vô chung thuỷ, vô nhất xứ bất đáo, vô nhất tức bất vận. Hội thử tắc thiên địa ngã lập, vạn hoá ngã xuất, nhi vũ trụ tại ngã hĩ. Đắc thử bá bính nhập thủ, cánh hữu hà sự. Vãng cổ lai kim, tứ phương thượng hạ, đô nhất tề xuyên nữu, nhất tề thu thập. Tuỳ thời tuỳ xứ, vô bất thị giá cá sung tắc. Sắc sắc tín tha bản lai, hà dụng nhĩ cước lao thủ nhương.»** 此理干涉至大,無内外,無終始,無一處不到,無一息不運.會此則天地我立,萬化我出,而宇宙在我矣.得此霸柄入手,更有何事.往古來今,四方上下,都一齊穿紐,一齊收拾.隨時隨處,無不是這個充塞.色色信他本來,何用爾腳勞手攘.

[59] ***Nhị Trình Di Thư:*** **«Thức đắc thử lý, dĩ thành kính tồn chi nhi dĩ; bất tu phòng kiểm, bất tu cùng sách.»** 識得此理,以誠敬存之而已;不須防檢,不須窮索.**– LAM chú: Xin xem lại chú thích 89 của chương 12 ngay trên đây.**

[60] ***Cam Tuyền Tiên Sinh Văn Tập:*** **«Tâm dã giả, bao hồ thiên địa vạn vật chi ngoại, nhi quán phù thiên địa vạn vật chi giả dã. Trung ngoại phi nhị dã; thiên địa vô nội ngoại, tâm diệc vô nội ngoại, cực ngôn chi nhi dĩ. Cố vị nội vi bản tâm, nhi ngoại thiên địa vạn vật, dĩ vi tâm giả, tiểu chi vi tâm dã thậm hĩ.»** 心也者,包乎天地萬物之外,而貫夫天地萬物之牧-也.中外非二也;天地無内外,心亦無内外,極言之而已.故謂内爲本心,而外天地萬物,以爲心者,小之爲心也甚矣.

Tuyền nói trên đây tức là cái mà Bạch Sa gọi là Lý.

Bạch Sa mất năm 1500, bấy giờ Vương Dương Minh hơn 20 tuổi. Cam Tuyền mất năm 1560, lúc sinh thời đã đôi lần tranh luận với Vương Dương Minh. Cái học của Vương Dương Minh tuy có sở đắc riêng, nhưng cũng chịu ảnh hưởng của Bạch Sa và Cam Tuyền. Hoàng Lê Châu 黄梨洲(tức Hoàng Tông Hi, 1610-1695) viết về Bạch Sa rằng: «Trong số nhà Nho đời Minh có nhiều người không đánh mất chính tông. "Công làm thánh hiền" bắt đầu được giảng rõ nhờ Bạch Sa tiên sinh, đến Văn Thành 文成(tức Vương Dương Minh) thì [thuyết ấy] bắt đầu lớn mạnh.»[61]

Lý học trong Đạo học có Chu Hi là người tập đại thành. Tâm học trong Đạo học có Vương Dương Minh là người tập đại thành. Bởi hai ông sống hai đời khác nhau, đại biểu cho tiếng nói của hai thời đại, nên chúng ta có thể nói rằng hai đời Tống và Nguyên là thời đại cực thịnh của Lý học, còn đời Minh là thời đại cực thịnh của Tâm học.

6. Vương Dương Minh

Vương Dương Minh 王陽明(1472-1529) tên là Thủ Nhân 守仁, tự là Bá An 伯安, người ở Dư Diêu 餘姚, tỉnh Chiết Giang. Năm 18 tuổi, ông đi qua Quảng Tín 廣信(nay là Thượng Nhiêu 上饒 ở Giang Tây), viếng thăm danh sĩ Lũ Lượng 婁諒. Lũ Lượng giảng ông nghe cái học «cách vật». Vương Dương Minh rất thích, cho rằng có thể học để thành thánh nhân. Về sau, đọc sách của Chu Hi, ông thấy nói mọi vật có trong và ngoài, có tinh và thô, dù ngọn cây cọng cỏ cũng đều có cái Lý tối cao. Như vậy tre trúc là một vật, nên cũng có thể «cách vật» được để biết Lý của nó. Trầm tư mãi trước bụi trúc suốt mấy ngày mà ông chẳng đạt được gì, lại còn đổ bệnh.



Vương Dương Minh

Năm 27 tuổi, ông tiếc rằng công phu «cách vật» dạo ấy vì dục tốc nên bất đạt. Nhân đó ông tuần tự mà nghĩ ngợi, nhưng rốt cuộc càng thấy Lý của vật và bản tâm ông như là bị tách làm hai. Ông nghĩ ngợi lâu

[61] **Hoàng Lê Châu, *Minh Nho Học Án* (Bạch Sa Truyện): «Hữu Minh Nho giả, bất thất kỳ củ hoạch giả, diệc hữu chi. Nhi tác thánh chi công, chí tiên sinh nhi thuỷ minh, chí Văn Thành nhi thuỷ đại.»** 有明儒者,不失其矩矱者,亦有之.而作聖之功,至先生而始明,至文成而始大.

ngày, sinh trầm uất, bệnh cũ tái phát. Nhưng khi nghe nói thuyết dưỡng sinh của một đạo sĩ, ông lại rất thích.

Năm 37 tuổi, do can gián vua Vũ Tông tin dùng bọn hoạn quan, ông bị đày làm dịch thừa coi trạm Long Trường 龍場 ở Quý Châu 貴州. Một đêm, ông chợt đại ngộ ý nghĩa của cách vật trí tri, bất giác nhảy lên kêu gào, bọn tuỳ tùng đều kinh ngạc. Ông bắt đầu biết đạo của thánh nhân đủ cả trong bản tính con người, nếu đi tìm Lý ở sự vật, ắt là sai lầm.

Năm 43 tuổi, ông bắt đầu chuyên lấy mục đích đạt tới lương tri mà dạy học trò. Năm Gia Tĩnh thứ 7 (tức 1528) đời Minh Thế Tông, ông mất, thọ 57 tuổi.[62]

a. Đại Học Vấn

Ý tứ chủ yếu trong sự giảng học hiện rõ trong thiên *Đại Học Vấn* 大學問 của ông. Đệ tử của ông là Tiền Đức Hồng 錢德洪 (1496-1574) viết: «*Đại Học Vấn* là giáo điển của sư môn. Người mới vào học, được học nó trước tiên. [...] Các đệ tử có xin thầy chép lại thành sách. Thầy nói: "Cái đó các anh phải truyền miệng dạy nhau. Nếu chép ra thành sách, người đời sẽ xem nó là một áng văn chương, xem qua một lần rồi thôi, thế thì vô ích lắm." Tháng 8 năm Đinh Hợi (1527) nhằm năm Gia Tĩnh thứ 6, thầy khởi binh đi chinh phục thổ dân ở Tư Ân và Điền Châu (thuộc Quảng Tây). Lúc thầy sắp lên đường, các đệ tử lại xin phép chép nó thành sách, thầy đồng ý.»[63]

Năm Đinh Hợi Gia Tĩnh tức là một năm trước khi Vương Dương Minh qua đời. *Đại Học Vấn* quả thực có thể gọi là kiến giải sau cùng của Vương Dương Minh.

Đại Học Vấn chép: «Hỏi (1): "Ngày xưa Nho gia xem Đại Học là cái học của đại nhân. Xin hỏi tại sao cái học của đại nhân lại ở chỗ làm

---

[62] **LAM chú: Những thăng trầm trên con đường công danh, sự nghiệp quân sự và chính trị của Vương Dương Minh được viết kỹ trong *Nho Giáo* của Trần Trọng Kim (quyển 2, Saigon 1971, trang 221-237).**

[63] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư:* «Đại Học Vấn giả, sư môn chi giáo điển dã. Học giả sơ cập môn, tất tiên dĩ thử ý thụ. [...] Môn nhân hữu thỉnh lục thành thư giả, viết: "Thử tu chư quân khẩu khẩu tương truyền, nhược bút chi ư thư, sử nhân tác nhất văn tự khán qua, vô ích hĩ." Gia Tĩnh Đinh Hợi bát nguyệt, sư khởi chinh Tư Điền, tương phát, môn nhân phục thỉnh, sư hứa chi.»** 大學問者，師門之教典也. 學者初及門，必先以此意授. [...] 門人有請錄成書者，曰："此須諸君口口相傳，若筆之於書，使人作一文字看過，無益矣." 嘉靖丁亥八月，師起征思田，將發，門人復請，師許之.

sáng đức sáng?"[64] Vương Dương Minh đáp: "Đại nhân là bậc đã hợp nhất thành một thể với trời đất và vạn vật. Đại nhân xem thiên hạ như một nhà, xem Trung Quốc như một người. Nếu trong đó ai ngăn cách hình hài và phân chia tôi và anh, đó là tiểu nhân. Đại nhân có thể hợp nhất thành một thể với trời đất và vạn vật. Không phải là ngài có ý muốn như thế, mà là cái lòng nhân của tâm ngài vốn hợp nhất thành một thể với trời đất và vạn vật. Lẽ nào chỉ có đại nhân? Tâm của tiểu nhân cũng đúng như thế, nhưng chỉ có hắn tự làm tâm của mình nhỏ bé đi mà thôi. Do đó khi thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, người ta ắt có lòng sợ hãi và thương xót. Cái lòng nhân ấy hợp nhất một thể với đứa bé. Đứa bé đồng loại với người ta. Khi thấy chim và thú run rẩy kêu la thảm thiết, người ta ắt có lòng bất nhẫn. Cái lòng nhân ấy hợp nhất một thể với chim và thú. Chim và thú cùng loại với loài có tri giác. Khi thấy cây cỏ bị đốn gẫy, người ta ắt có lòng thương xót. Cái lòng nhân ấy hợp nhất một thể với cây cỏ. Khi thấy ngói và đá bị huỷ hoại, nhi người ta ắt có lòng tiếc. Cái lòng nhân ấy hợp nhất một thể với ngói và đá. Cái lòng nhân hợp nhất một thể với vạn vật ấy, ngay cả bụng dạ tiểu nhân cũng có nữa. Lòng nhân ấy là tính do Trời ban cho, sáng láng tự nhiên, không bị tối tăm. Cho nên gọi là làm sáng cái đức sáng của mình. [...] Do đó, nếu không bị tư dục che lấp, thì dù bụng dạ tiểu nhân nhưng lòng nhân hợp nhất một thể với vạn vật ấy có khác gì lòng của đại nhân. Hễ bị tư dục che lấp, thì dù bụng dạ đại nhân nhưng thói phân cách hẹp hòi có khác gì lòng của tiểu nhân. Cho nên hễ ai học để thành đại nhân thì phải trừ khử sự che lấp của tư dục, để làm sáng cái đức sáng của mình, và trở về tình trạng ban sơ hợp thành một thể với trời đất và vạn vật mà thôi. Người ta không thể tăng thêm gì ở ngoài bản thể này." Hỏi (2): "Như

---

[64] **LAM chú: Đại nhân ở đây đồng nghĩa với thánh nhân. Cương lĩnh của sách *Đại Học* là: «Đại Học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện.» 大學之道，在明明德，在親民，在止於至善(Đạo của Đại Học là làm sáng cái đức sáng, [gần gũi / đổi mới] dân chúng, và dừng lại ở chỗ chí thiện). Cương lĩnh Đại Học là ba điểm: 1- Minh minh đức, 2- Thân dân, 3- Chỉ ư chí thiện. Về thân dân, Chu Hi chép lời của Nhị Trình, bảo «*thân* đương tác *tân*» 親當作新(*thân* phải đọc là *tân*). *Tân* có nghĩa là: «Tân giả, cách kỳ cựu chi vị dã, ngôn kỳ tự minh kỳ minh đức hựu đương suy dĩ khử kỳ cựu nhiễm chi ô dã.» 新者，革其舊之謂也，言既自明其明德又當推以去其舊染之污也(Tân là thay đổi cái cũ; ý nói khi đã làm sáng đức sáng của mình rồi thì phải mở rộng đến người khác, khiến họ cũng bỏ được sự dơ bẩn mà họ tiêm nhiễm từ lâu). Theo đó, James Legge dịch *thân (tân) dân* là «to renovate the people» (đổi *mới* dân chúng). Vương Dương Minh hiểu khác: *thân* là thân cận, gần gũi; có vậy ta mới đồng nhất thể với họ. Phan Bội Châu cũng hiểu *thân* là «thương yêu, tiếp cận mật thiết, ôm ấp đùm bọc», ông viết: «Các bản truyện chú đời xưa, từ Tống Nho sấp xuống, nhiều người đổi chữ *thân* thành chữ *tân*, lấy *minh đức* với *tân dân* làm hai việc; nhưng theo các nhà Hán học gần đây, và lại tìm cho đến các bản cổ chú đời Hán mà nghiền cho ra nghĩa kinh văn thì chữ *thân* đúng hơn.» (*Khổng Học Đăng*, Nxb Khai Trí, Saigon, 1973, tr.247).**

vậy, tại sao [muốn làm đại nhân] phải thân dân?" Đáp: "Làm sáng đức sáng là thiết lập cái thể đồng nhất với trời đất và vạn vật. Thân dân là đạt tới cái dụng của cái thể đồng nhất với trời đất và vạn vật đó. Cho nên làm sáng đức sáng là ắt phải ở thân dân, mà thân dân là để làm sáng đức sáng. [...] Vua và bầy tôi, chồng vợ, bạn bè, thậm chí sông núi, quỷ thần, chim thú, cây cỏ, ta đều phải thân thiết, để đạt tới lòng nhân đồng nhất thể của ta. Được thế thì trong cái đức sáng của ta không có gì mà không sáng, và ta quả thực có thể hợp thành một thể với trời đất và vạn vật. [...] Đó gọi là tận tính." Hỏi (3): "Vậy, làm thế nào để dừng ở sự chí thiện?" Đáp: "Chí thiện là chuẩn tắc tối cao của việc làm sáng dức sáng và thân dân. Bản tính Trời phú cho ta thì thuần tuý chí thiện, sáng rỡ mà không tối tăm. Cái chí thiện này hiển hiện, là bản thể của minh đức, tức là cái gọi là lương tri. Khi cái chí thiện này hiển hiện, thì đúng là đúng mà sai là sai. Đối với sự việc nặng nhẹ, dầy mỏng, nó tuỳ cảm tuỳ ứng, biến động không ngừng, nhưng cái gì cũng tự có mức trung dung thiên nhiên. Nó làm chuẩn mực tối cao cho người và vật, mà trong đó không có cái gì được thêm vào hay bớt đi. Nếu trong đó có cái gì được thêm vào hay bớt đi tức là tư ý và tiểu trí, chứ không phải là chí thiện. [...] Ngày xưa có người cũng muốn làm sáng đức sáng, nhưng họ không biết dừng ở chí thiện, đã vậy còn đẩy tư tâm của mình lên quá cao; cho nên họ sai lầm ở sự vắng lặng hư không [của tham thiền và luyện nội đan], mà chẳng làm gì cho gia đình, quốc gia, xã hội. Họ là môn đồ của hai nhà [Phật và Lão] vậy. Lại có kẻ muốn thân dân, nhưng không biết dừng ở chí thiện. Đã vậy còn nhấn chìm tư tâm vào chuyện vụn vặn tầm thường; cho nên họ sai lầm ở quyền mưu và trí thuật, mà không có lòng chân thành nhân ái và trắc ẩn. Họ là bọn hám danh lợi, môn đồ của ngũ bá (Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tần Mục Công, Tống Tương Công, Sở Trang Vương). Đó đều là sai lầm do không biết dừng ở chí thiện vậy.»[65]

---

[65] *Đại Học Vấn:* «"Đại Học giả, tích Nho dĩ vi đại nhân chi học hĩ. Cảm vấn đại nhân chi học, hà dĩ tại ư minh minh đức hồ?" Dương Minh Tử viết: "Đại nhân giả, dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể giả dã. Kỳ thị thiên hạ do nhất gia, Trung Quốc do nhất nhân yên. Nhược phù gian hình hài nhi phân nhĩ ngã giả, tiểu nhân hĩ. Đại nhân chi năng dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể dã, phi ý chi dã, kỳ tâm chi nhân bản nhược thị kỳ dữ thiên địa vạn vật nhi vi nhất dã. Khởi duy đại nhân, tuy tiểu nhân chi tâm, diệc mạc bất nhiên. Bỉ cố tự tiểu chi nhĩ. Thị cố kiến nhụ tử chi nhập tỉnh, nhi tất hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm yên. Thị kỳ nhân chi dữ nhụ tử nhi vi nhất thể dã. Nhụ tử do đồng loại giả dã, kiến điểu thú chi ai minh hộc tốc, nhi tất hữu bất nhẫn chi tâm yên, thị kỳ nhân chi dữ điểu thú nhi vi nhất thể dã. Điểu thú do hữu tri giác giả dã, kiến thảo mộc chi tồi chiết, nhi tất hữu mẫn tuất chi tâm yên, thị kỳ nhân chi dữ thảo mộc nhi vi nhất thể dã. Kiến ngoã thạch chi huỷ hoại, nhi tất hữu cố tích chi tâm yên, thị kỳ nhân chi dữ ngoã thạch nhi vi nhất thể dã. Thị kỳ nhất thể chi nhân dã, tuy tiểu nhân chi tâm, diệc tất hữu chi. Thị nãi căn ư thiên mệnh chi tính, nhi tự nhiên linh chiêu bất muội giả dã. Thị cố vị chi minh đức. [...] Thị cố cẩu vô tư dục chi tế, tắc tuy tiểu nhân chi tâm, nhi kỳ nhất thể chi nhân do đại nhân dã. Nhất hữu tư dục chi tế, tắc tuy đại nhân

chi tâm, nhi kỳ phân cách ải lậu, do tiểu nhân hĩ. Cố phù vi đại nhân chi học giả, diệc duy khứ kỳ tư dục chi tế, dĩ tự minh kỳ minh đức, phục kỳ thiên địa vạn vật nhất thể chi bản nhiên nhi dĩ nhĩ; phi năng ư bản thể chi ngoại nhi hữu sở tăng ích chi dã." Viết: "Nhiên tắc hà dĩ tại thân dân hồ?" Viết: "Minh minh đức giả, lập kỳ thiên địa vạn vật nhất thể chi thể dã. Thân dân giả, đạt kỳ thiên địa vạn vật nhất thể chi dụng dã. Cố minh minh đức tất tại ư thân dân, nhi thân dân nãi sở dĩ minh kỳ minh đức dã. [...] Quân thần dã, phu phụ dã, bằng hữu dã, dĩ chí ư sơn xuyên quỷ thần điểu thú thảo mộc dã, mạc bất thực hữu dĩ thân chi, dĩ đạt ngô nhất thể chi nhân, nhiên hậu ngô chi minh đức thuỷ vô bất minh, nhi chân năng dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể hĩ. [...] Thị chi vị tận tính." Viết: "Nhiên tắc hựu ô tại kỳ vi chỉ chí thiện hồ?" Viết: "Chí thiện giả, minh đức, thân dân chi cực tắc dã. Thiên mệnh chi tính, tuý nhiên chí thiện, kỳ linh chiêu bất muội giả, thử kỳ chí thiện chi phát hiện, thị nãi minh đức chi bản thể, nhi tức sở vị lương tri dã. Chí thiện chi phát hiện, thị nhi thị yên, phi nhi phi yên, khinh trọng hậu bạc, tuỳ cảm tuỳ ứng, biến động bất cư, nhi diệc mạc bất tự hữu thiên nhiên chi trung; thị nãi dân di vật tắc chi cực, nhi bất dung thiểu hữu nghĩ nghị tăng tổn ư kỳ gian dã. Thiểu hữu nghĩ nghị tăng tổn ư kỳ gian, tắc thị tư ý tiểu trí, nhi phi chí thiện chi vị hĩ. [...] Cái tích chi nhân cố hữu dục minh kỳ minh đức giả hĩ; nhiên duy bất tri chỉ ư chí thiện, nhi vụ kỳ tư tâm ư quá cao; thị dĩ thất chi hư võng không tịch, nhi vô hữu hồ gia quốc thiên hạ chi thi, tắc nhị thị chi lưu thị hĩ. Cố hữu dục thân kỳ dân giả hĩ; nhiên duy bất tri chỉ ư chí thiện, nhi nịch kỳ tư tâm ư ti toả, thị dĩ thất chi quyền mưu trí thuật, nhi vô hữu hồ nhân ái trắc đát chi thành, tắc ngũ bá công lợi chi đồ thị hĩ. Thị giai bất tri chỉ ư chí thiện chi quá dã.» "大學者,昔儒以爲大人之學矣.敢問大人之學,何以在於明明德乎?" 陽明子曰:"大人者,以天地萬物爲一體者也.其視天下猶一家,中國猶一人焉.若夫間形骸而分爾我者,小人矣.大人之能以天地萬物爲一體也,非意之也,其心之仁本若是其與天地萬物爲一也.豈惟大人,雖小人之心,亦莫不然.彼顧自小之耳.是故見孺子之入井,而必有怵惕惻隱之心焉.是其仁之與孺子而爲一體也.孺子猶同類者也,見鳥獸之哀鳴觳觫,而必有不忍之心焉,是其人之與鳥獸而爲一體也.鳥獸猶有知覺者也,見草木之摧折,而必有憫恤之心焉,是其仁之與草木而爲一體也.見瓦石之毀壞,而必有顧惜之心焉,是其仁之與瓦石而爲一體也.是其一體之仁也,雖小人之心,亦必有之.是乃根於天命之性,而自然靈昭不昧者也.是故謂之明德. [...] 是故苟無私欲之蔽,則雖小人之心,而其一體一仁猶大人也.一有私欲之蔽,則雖大人之心,而其分隔隘陋,猶小人矣.故夫爲大人之學者,亦惟去其私欲之蔽,以自明其明德,復其天地萬物一體之本然而已耳;非能於本體之外而有所增益之也." 曰:"然則何以在親民乎?" 曰:"明明德者,立其天地萬物一體之體也.親民者,達其天地萬物一體之用也.故明明德必在於親民,而親民乃所以明其明德也. [...] 君臣也,夫婦也,朋友也,以至於山川鬼神鳥獸草木也,莫不實有以親之,以達吾一體之仁,然後吾之明德始無不明,而眞能以天地萬物爲一體矣. [...] 是之謂盡性." 曰:"然則又烏在其爲止至善乎?" 曰:"至善者,明德,親民之極則也.天命之性,粹然至善,其靈昭不昧者,此其至善之發現,是乃明德之本體,而即所謂良知也.至善之發現,是而是焉,非而非焉,輕重厚薄,隨感隨應,變動不居,而亦莫不自有天然之中;是乃民彝物則之極,而不容少有擬議增損於其間也.少有擬議增損於其間,則是私意小智,而非至善之謂矣. [...] 蓋昔之人固有欲明其明德者矣;然惟不知止於至善,而鶩其私心於過高;是以失之虛罔空寂,而無有乎家國天下之施,則二氏之流是矣.固有欲親其民者矣;然惟不知止於至善,而溺其私心於卑瑣,是以失之權謀智術,而無有乎仁愛惻怛之誠,則五

Trên đây nói cũng giống như ý của Trình Hạo trong thiên Thức Nhân, nhưng Vương Dương Minh nói rõ ràng và chính xác hơn. Tượng Sơn nói vũ trụ chưa hề ly cách với con người, nhưng con người tự ly cách với vũ trụ. Người không ly cách với vũ trụ tức là đại nhân, còn kẻ tự ly cách với vũ trụ tức là tiểu nhân. Tuy nhiên cái bụng dạ tiểu nhân cũng có bản tâm chứa lòng nhân ái đồng nhất với trời đất và vạn vật. Tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí) với các tình cảm như trắc ẩn, hổ thẹn, từ nhượng, và phân biệt thị phi mà Mạnh Tử nói tức là sự hiển hiện của bản tâm ấy, cũng tức là lương tri. Nếu phát triển nó và thực hành nó, tức là «trí lương tri» 致良知 (phát triển tối đa lương tri). Vương Dương Minh nói: «Nhân tâm là vực trời (thiên uyên), cái gì cũng có đủ trong nó. Thoạt đầu nhân tâm chỉ là trời duy nhất, rồi nó bị tư dục gây chướng ngại, nên bản thể của trời bị mất. [...] Nếu nay chúng ta tập trung tư tưởng vào việc phát triển tối đa lương tri, thì các chướng ngại che lấp ấy đồng loạt bị trừ khử hết, rồi bản thể hồi phục, và nhân tâm trở lại là thiên uyên.»[66]

Bản thể của minh đức là lương tri; cho nên làm sáng đức sáng và thân dân tức là trí lương tri 致良知, cũng tức là trí tri 致知. Vương Dương Minh nói: «Tuy nhiên muốn trí lương tri lẽ nào có nghĩa là mờ mờ mịt mịt tự treo vào cõi vô thực hư không [như Phật và Lão]? Cần phải chấp nhận thực tại của sự vật. Do đó trí tri do ở cách vật. Vật ở đây là sự vật.» Ông cho rằng hoạt động của tâm là ý; đối tượng của ý là sự vật. Thí dụ: ý hướng vào hiếu kính cha mẹ, thì hiếu kính cha mẹ là một sự vật. Ý hướng vào yêu người và quý vật thì lòng người và quý vật là một sự vật. Ông còn nói *cách* 格 có nghĩa là *chính* 正 (sửa cho đúng);[67] tức là cái gì không đúng thì sửa lại cho nó trở về đúng. Sửa cho đúng cái không

---

伯功利之徒是矣.是皆不知止於至善之過也.

66 ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Nhân tâm thị thiên uyên, vô sở bất cai. Nguyên thị nhất cá thiên, chỉ vì tư dục chướng ngại, tắc thiên chi bản thể thất liễu. [...] Như kim niệm niệm trí lương tri, tương thử chướng ngại trất tắc nhất tề khử tận, tắc bản thể dĩ phục, tiện thị thiên uyên liễu.»** 人心是天淵,無所不賅.原是一個天,只爲私欲障礙,則天之本體失了. [...] 如今念念致良知,將此障礙窒塞一齊去盡,則本體以復,便是天淵了.

67 **LAM chú: Theo Chu Hi, *cách* là tới, vật là sự vật; xét tới cùng các Lý của sự vật thì sẽ đạt tới chỗ tối cao của nó. Trình Di cũng hiểu như thế: «*Cách* có nghĩa là đến, như chữ *cách* trong câu "*tổ khảo lai cách*"** 祖考來格 **(tổ tiên đến) [trong Kinh Thư]. Một vật có một Lý, mà ta phải xét tới cùng cái Lý của nó.» (Xin xem chú thích 105 của chương 12 trên đây). Ở đây Vương Dương Minh hiểu *cách* là *chính*** 正 **(ch h đốn, sửa cho đúng), giống như *Mạnh Tử* (Ly Lâu, thượng) nói: «Duy đại nhân vi năng cách quân tâm chi phi.»** 唯大人爲能格君心之非 **(Chỉ có bậc đại nhân là có thể sửa đổi cái sai trong lòng vua). Nhưng sau đây ta sẽ thấy Vương Dương Minh giảng khác: «Cách vật nghĩa là đạt được cái Lý của mỗi sự vật.» (Xin xem chú thích 71 sau đây)**

đúng tức là trừ khử điều ác; trở về đúng tức là làm điều thiện. Theo Vương Dương Minh, lương tri tức là bản tính Trời phú cho ta, tức là bản thể của tâm ta. Nó tự nhiên sáng láng, linh diệu, và minh giác. Hễ một ý niệm phát ra, thì lương tri của tâm ta sẽ biết ngay nó là thiện hay ác. Bất kể những gì lương tri chúng ta nhận biết là thiện hay ác, chúng ta phải thành thực yêu hoặc ghét. Như thế chúng ta không tự lừa dối lương tri của mình và chúng ta có thể làm cho ý của mình trở nên chân thành (*thành ý* 誠意). Không tự lừa dối lương tri tức là thực hành *cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm;* cũng tức là thực hành *minh minh đức*. Cách vật lâu rồi thì mọi chướng ngại do tư tâm gây ra đều bị diệt trừ hết, và minh đức trở về tình trạng nguyên sơ đồng nhất thể với trời đất và vạn vật. Vương Dương Minh gọi đó là «chân truyền của Nghiêu Thuấn» hay «tâm ấn của Khổng Tử».

b. Tri hành hợp nhất

Lương tri thuộc về *tri* 知(biết); *trí lương tri* thuộc về *hành* 行(thực hành). Chúng ta phải thực hành *trí lương tri*, rồi sau đó cái biết của lương tri mới hoàn thành. Đó là ý nghĩa cốt lõi của thuyết «tri hành hợp nhất» 知行合一 của Vương Dương Minh.

Truyền Tập Lục chép: «Hỏi: "Nay có kẻ biết phải hiếu với cha và phải yêu kính anh, nhưng hắn lại chẳng hiếu, chẳng kính. Vậy tri và hành là hai chuyện tách biệt nhau ư?" Thầy đáp: "Đó là hắn bị tư dục ngăn cách gián đoạn, chứ không phải là bản thể của tri và hành. Chưa từng có tri mà không hành; tri mà không hành chưa phải là tri. Tri và hành của thánh hiền chính là để trở về bản thể ấy, chứ không phải để làm theo cách thức mà anh vừa nói đâu. [...] Ta thường nói: Tri là chủ ý của hành; hành công phu của tri. Tri là khởi đầu của hành; hành là kết quả của tri. Nếu hiểu được chỗ này, tuy người ta chỉ nói một chữ tri thôi nhưng tự trong đó đã có hành; chỉ nói một chữ hành thôi nhưng tự trong đó đã có tri."»[68]

[68] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Viết: "Như kim nhân tẫn hữu tri đắc phụ đương hiếu, huynh đương đễ giả, khước bất năng hiếu, bất năng đễ. Tiện thị tri dữ hành phân diện thị lưỡng kiện." Tiên sinh viết: "Thử dĩ bị tư dục cách đoạn, bất thị tri hành đích bản thể liễu. Vị hữu tri nhi bất hành giả; tri nhi bất hành, chỉ thị vị tri. Thánh hiền nhân tri hành, chính thị yếu phục ná bản thể, bất thị trước nễ chỉ nhẫm đích tiện bãi. [...] Mỗ thường thuyết: Tri thị hành đích chủ ý; hành thị tri đích công phu. Tri thị hành chi thuỷ; hành thị tri chi thành. Nhược hội đắc thời, chỉ thuyết nhất cá tri, dĩ tự hữu hành tại. Chỉ thuyết nhất cá hành, dĩ tự hữu tri tại."»** 曰: "如今人儘有知得父當孝,兄當悌者,卻不能孝,不能悌.便是知與行分面是兩件." 先生曰: "此已被私欲隔斷,不是知行的本體了.未有知而不行者;知而不行,只是未知.聖賢人知行,正是要復那本體,不是著你只恁的便罷. [...] 某嘗說:知是行的主意;行是知的工夫.知是行之始;行是知之成.若會得時,只說一個知,已自有行在.只說一個行,已自有知在."

Trong bản thể của tâm ta, khi tư dục chưa che lấp nó, thì tri với hành là một. Như khi ta thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng thì có lòng lo sợ thương xót. Cái tình ấy thuận theo sự phát triển tự nhiên của tâm, nên ta chạy ngay đến cứu đứa bé. Hành động chạy ngay đến cứu chính là sự phát triển tự nhiên của lòng trắc ẩn, chứ không phải là một sự việc. Do đó Vương Dương Minh mới nói: «Tri là khởi đầu của hành; hành là kết quả của tri.» Nếu có ý khác (hoặc sợ khó khăn mà không chạy đến, hoặc vì ghét cha mẹ nó mà không chạy đến) tức là có tri mà không có hành. Tuy nhiên đó không phải là bản thể của tri và hành.

Về lòng hiếu cũng vậy, nếu một người biết rằng hắn phải có hiếu với cha mẹ, thì hắn sẽ thuận theo sự phát triển tự nhiên của cái biết ấy, tức là thực hành đạo hiếu. Nhưng nếu hắn không thực hành đạo hiếu, tức là tâm của hắn bị tư dục che lấp. Tâm bị tư dục che lấp, tức là có lương tri mà không thể phát triển tột cùng lương tri, thế thì lương tri của hắn cũng không thể hoàn thành. Do đó Vương Dương Minh nói: «Hành là kết quả của tri.»

Nói theo tâm lý học, tri và hành là một việc. Thí dụ khi ta thấy cái đáng sợ thì ta bỏ chạy; đó là sự biểu lộ bản thể của tri và hành. Nếu kẻ nào thấy cái đáng sợ mà không bỏ chạy, thì hắn ắt có trở ngại gì đó về tâm lý hay sinh lý; đó không phải là sự biểu lộ bản thể của tri và hành. Thuyết «tri hành hợp nhất» của Vương Dương Minh rất có căn cứ về phương diện tâm lý học. Nhưng cái mà ông gọi là tri phần nhiều ám chỉ lương tri; còn cái lương tri ấy có hay không có thì tâm lý học không thể xác định.

c. Sự giống nhau và khác nhau giữa Chu Hi và Vương Dương Minh

Trong bài tựa của *Chu Tử Vãn Niên Định Luận,* Vương Dương Minh viết: «Thủ Nhân lúc trẻ chăm về cử nghiệp, ý chí đắm chìm trong thói từ chương. Sau khi hơi biết theo đuổi chính học, ta khổ sở vì sự rối loạn và mệt mỏi do các học thuyết gây ra, nên hoang mang không đạt được hiệu quả. Nhân đó mà ta cầu học nơi Lão và Phật; ta hân hoan vì có sự lĩnh hội ở tâm, bèn cho rằng cái học làm thánh nhân là ở đấy. Tuy nhiên khi ta gắng điều chỉnh cái học ấy với giáo huấn của Khổng Tử để sử dụng hằng ngày, ta thấy nó thường có chỗ thiếu sót, không hiệu quả. Dựa vào nó rồi làm trái nó, từ bỏ nó rồi quay về nó, lòng ta nửa tin nửa ngờ. Về sau khi bị đày ở trạm Long Trường, ta khốn đốn nơi chốn man di. Chịu bao xúc động và nhẫn nhục, ta bỗng nhiên giác ngộ. Trải bao mùa đông mùa hạ, thể nghiệm và suy xét, ta chứng minh được tư tưởng của mình ở tứ thư ngũ kinh; bấy giờ ta như sông ngòi phá được chỗ bế tắc mà cuồn

cuộn đổ ra biển. [...] Riêng học thuyết của Chu Hi là bất đồng với ta, đó là điều ta luôn nhức nhối trong lòng.»[69]

Trên đây Vương Dương Minh tự thuật những giai đoạn đã trải trên con đường tu học. Nhưng học thuyết mà ông cuối cùng đạt được thì ông cho là trái với học thuyết của Chu Hi. Theo đoạn văn đã trích từ *Đại Học Vấn* trên đây, cái học của Vương Dương Minh tóm lại chỉ có ba chữ «trí lương tri» là đủ bao quát toàn bộ. Cho nên Vương Dương Minh kể từ năm 43 tuổi mới chuyên lấy «trí lương tri» để dạy đệ tử. Cái học như thế thật là giản dị và trực tiếp. Về ý nghĩa của cách vật trí tri, quả thực Vương Dương Minh và Chu Hi giải thích khác nhau. Xét tổng quát học thuyết của hai ông, sự bất đồng của hai ông cũng chính là sự bất đồng của hai phái Lý học và Tâm học vậy.

Vương Dương Minh thỉnh thoảng cũng nói về Lý và Khí. *Truyền Tập Lục* chép: «Lý là sự trật tự của Khí; Khí là sự vận dụng của Lý. Không có sự trật tự thì không thể vận dụng; không vận dụng thì cũng thể thấy cái gọi là trật tự.»[70]

Ở riêng điểm ấy, kiến giải của Vương Dương Minh và Chu Hi không khác nhau lắm. Còn những điểm bất đồng thì chính Vương Dương Minh đã nêu ra: «Chu Hi nói cách vật, nghĩa là phải xét tới cùng cái Lý của sự vật. Xét tới cùng cái Lý của sự vật, tức là tìm cái Lý đã được xác định ở mỗi sự vật. Lấy tâm ta mà tìm kiếm cái Lý trong mỗi sự vật, tức là ta tách tâm và Lý ra làm hai. [...] Cái mà tôi gọi là trí tri cách vật như thế

---

69 ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư:*** **«Thủ Nhân tảo tuế nghiệp cử, nịch chí từ chương chi tập. Ký nãi sảo tri tòng sự chính học, nhi khổ ư chúng thuyết chi phân nhiễu bì sấn, mang vô khả nhập. Nhân cầu chư Lão Thích, hân nhiên hữu hội ư tâm, dĩ vi thánh nhân chi học tại thử hĩ. Ư Khổng Tử chi giáo gian tương xuất nhập; nhi thố chi nhật dụng, vãng vãng khuyết lậu vô quy. Y vi vãng phản, thả tín thả nghi. Kỳ hậu trích quan Long Trường, cư di xử khốn. Động tâm nhẫn tính chi dư, hoảng nhược hữu ngộ. Thể nghiệm thám cầu, tái cánh hàn thử. Chứng chư ngũ kinh tứ tử, bái nhiên nhược quyết giang hà nhi phóng chư hải dã. [...] Độc ư Chu Tử chi thuyết, hữu tương để ngộ, hằng cửu ư tâm.»** 守仁早歲業擧,溺志詞章之習.既乃稍知從事正學,而苦於衆説之紛擾疲疢,茫無可人.因求諸老釋,欣然有會於心,以爲聖人之學在此矣.於孔子之教間相出入;而措之日用,往往缺漏無歸.依違往返,且信且疑.其後謫官龍場,居夷處困.動心忍性之餘,恍若有悟.體驗探求,再更寒暑.證諸五經四子,沛然若决江河而放諸海也. [...] 獨於朱子之説,有相抵牾,恆疚於心.

70 ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Lý giả Khí chi điều lý, Khí giả Lý chi vận dụng. Vô điều lý tắc bất năng vận dụng, vô vận dụng tắc diệc vô dĩ kiến kỳ sở vị điều lý giả hĩ.»** 理者氣之條理,氣者理之運用.無條理則不能運用,無運用則亦無以見其所謂條理者矣.

này: Đạt tới cùng lương tri của tâm ta đối với sự vật. Lương tri của tâm ta gọi là thiên lý. Đạt tới cùng thiên lý (tức lương tri của tâm ta) đối với sự vật, thì ở mỗi sự vật ta đều đạt được Lý của nó. Trí tri nghĩa là đạt tới cùng cái lương tri trong tâm ta. Cách vật nghĩa là đạt được cái Lý của mỗi sự vật. Đó là hợp tâm với Lý làm một vậy.»[71]

Chu Hi cho rằng mỗi người hay mỗi vật đều có một Thái Cực. Thái Cực tức là toàn thể các Lý, cho nên tâm chúng ta có đầy đủ các Lý ứng với vạn sự. Do đó xét tới cùng Lý của sự vật tức là xét tới cùng các Lý trong tâm chúng ta, cũng là xét tới cùng các Lý trong bản tính chúng ta. Cho nên Vương Dương Minh nói Chu Hi tách tâm và Lý làm hai là chưa xác đáng. Theo hệ thống triết học của Chu Hi, nếu Lý không hợp với Khí tức là không có tâm. Tâm tuy không có, nhưng Lý tự nó vẫn thường tồn. Do đó về mặt thực tế, không có Lý nào mà không có Khí; về mặt lô-gíc, có thể có Lý mà không có tâm. Từ điểm này mà xét, nói rằng Chu Hi tách tâm và Lý làm hai thì cũng có thể được. Theo hệ thống triết học của Vương Dương Minh, hễ «đạt tới cùng thiên lý (tức lương tri của tâm ta) đối với sự vật, thì ở mỗi sự vật ta đều đạt được Lý của nó.» Vậy, nếu không có tâm thì không có Lý. Vương Dương Minh nói: «Tâm tức là Lý. Thiên hạ lại có sự vật ở ngoài tâm và có Lý ở ngoài tâm hay sao?»[72]

Truyền Tập Lục còn chép: «Có người lại hỏi về thuyết *"tâm tức là Lý"* rằng: "Trình Tử nói *'Tại vật là Lý'*, tại sao Thầy nói *'Tâm tức là Lý'*?" Thầy Vương đáp: "Trong câu *'Tại vật là Lý'*, trước chữ *tại* nên

---

[71] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Chu Tử sở vị cách vật vân giả, tại tức vật nhi cùng kỳ Lý dã. Tức vật cùng Lý, thị tựu sự sự vật vật thượng cầu kỳ sở vị định Lý giả dã. Thị dĩ ngô tâm nhi cầu Lý ư sự sự vật vật chi trung, tích tâm ư Lý nhi vi nhị hĩ. [...] Nhược bỉ nhân sở vị trí tri cách vật giả, trí ngô tâm chi lương tri ư sự sự vật vật dã. Ngô tâm chi lương tri, tức sở vị thiên lý dã. Trí ngô tâm lương tri chi thiên lý ư sự sự vật vật, tắc sự sự vật vật giai đắc kỳ Lý hĩ. Trí ngô tâm chi lương tri giả, trí tri dã. Sự sự vật vật giai đắc kỳ Lý giả, cách vật dã. Thị hợp tâm dữ Lý nhi vi nhất giả dã.»** 朱子所謂格物云者,在即物而窮其理也.即物窮理,是就事事物物上求其所謂定理者也.是以吾心而求理於事事物物之中,析心於理而爲二矣. [...] 若鄙人所謂致知格物者,致吾心良知於事事物物也.吾心之良知,即所謂天理也.致吾心良知之天理於事事物物,則事事物物皆得其理矣.致吾心之良知者,致知也.事事物物皆得其理者,格物也.是合心與理而爲一者也.

[72] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Tâm tức Lý dã. Thiên hạ hựu hữu tâm ngoại chi sự, tâm ngoại chi Lý hồ?»** 心即理也.天下又有心外之事,心外之理乎?

thêm chữ *tâm*. Tức là *'Tâm tại vật là Lý'*."»[73]

Vương Dương Minh nói: «Thể của tâm là Tính. Tính tức là Lý. Cho nên có tâm kính hiếu cha mẹ, tức là có cái Lý của hiếu; không có tâm kính hiếu cha mẹ, tức là không có cái Lý của hiếu. Có tâm trung với vua, tức có cái Lý của trung; không có tâm trung với vua, tức không có cái Lý của trung. Lẽ nào Lý ở ngoài tâm ta ư? Hối Am (tức Chu Hi) nói cái mà người ta học chỉ là tâm và Lý mà thôi. Tâm tuy làm chủ một tấm thân, nhưng kỳ thực nó cai quản các Lý trong trời đất. Các Lý tuy phân tán ở vạn sự, nhưng kỳ thực chúng không ở ngoài một cái tâm của con người. Bởi vì chúng phân tán nhưng đồng thời cũng hợp lại, cho nên Chu Hi không tránh khỏi lỗi lầm vì dạy cho đệ tử rằng tâm với Lý là hai thứ.»[74]

Theo hệ thống của Chu Hi, ta chỉ có thể nói Tính là Lý, không thể nói Tâm là Lý. Theo đó, ta chỉ có thể nói bởi có cái Lý của hiếu, nên có hiếu tâm đối với cha mẹ; bởi có cái Lý của trung với vua, nên có cái tâm trung với vua. Chúng ta không thể nói: bởi có hiếu tâm đối với cha mẹ, nên có cái Lý của hiếu; bởi không có hiếu tâm đối với cha mẹ, nên không có cái Lý của hiếu. Tóm lại, theo Chu Hi, tâm có thể tồn tại độc lập và xa lìa Lý, tuy thực tế không có trường hợp như vậy, nhưng nó cũng có khả năng xảy ra. Trong hệ thống của Vương Dương Minh, về phương diện thực tế và lô-gíc, không có tâm tức là không có Lý. Đó là điểm bất đồng căn bản giữa Lý học và Tâm học. Trong hệ thống triết học của Vương Dương Minh không có sự phân biệt giữa hình nhi thượng và hình nhi hạ, cho nên danh từ này không hề xuất hiện trong các trứ tác của Vương Dương Minh.

---

[73] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Hựu vấn tâm tức Lý chi thuyết, "Trình Tử vân: tại vật vi Lý, như hà vị tâm tức Lý?" Tiên sinh viết: "Tại vật vi Lý, tại tự thượng đáng thiêm nhất tâm tự. Thử tâm tại vật tắc vi Lý."»** 又問心即理之說，"程子云:在物爲理，如何謂心即理?" 先生曰："在物爲理，在字上當添一心字.此心在物則爲理."

[74] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Tâm chi thể, tính dã. Tính tức Lý dã. Cố hữu hiếu thân chi tâm, tức hữu hiếu chi Lý; vô hiếu thân chi tâm, tức vô hiếu chi Lý. Hữu trung quân chi tâm, tức hữu trung chi Lý; vô trung quân chi tâm, tức vô trung Lý hĩ. Lý khởi ngoại ư ngô tâm da? Hối Am vị nhân chi sở dĩ vị học giả, tâm dữ Lý nhi dĩ. Tâm tuy chủ hồ nhất thân, nhi thực quản hồ thiên địa chi Lý. Lý tuy tán tại vạn sự, nhi thực bất ngoại hồ nhân chi nhất tâm. Thị kỳ nhất phân nhất hợp chi gian, nhi vị miễn dĩ khải học giả tâm Lý vi nhị chi tệ.»** 心之體，性也.性即理也.故有孝親之心，即有孝之理;無孝親之心，即無孝之理.有忠君之心，即有忠之理;無忠君之心，即無忠之理矣.理豈外於吾心耶?晦庵謂人之所以謂學者，心與理而已.心雖主乎一身，實管乎天地之理.理雖散在萬事，而實不外乎人之一心.是其一分一合之間，而未免已啓學者心理爲二之弊.

Truyền Tập Lục chép: «Lương tri của người chính là lương tri của cây, cỏ, ngói, đá. Nếu cây, cỏ, ngói, đá không có lương tri của người, thì không thể gọi là cây, cỏ, ngói, đá được. Lẽ nào điều ấy chỉ đúng với cây, cỏ, ngói, đá thôi sao? Trời đất không có lương tri của người, thì cũng không thể gọi là trời đất. Bởi trời đất, vạn vật và con người vốn đồng một thể, nên chỗ phát ra cực tinh anh của nó chính là một cái linh diệu sáng láng tạo thành nhân tâm.»[75]

Ngữ Lục chép: «Thầy Vương [cùng bạn] đi chơi ở Nam Trấn, một người bạn chỉ vào một cây trổ hoa trên núi, nói: "Thiên hạ không có vật ở ngoài tâm, như cây hoa này, ở trong núi sâu, tự trổ hoa rồi tự rơi rụng, nó có liên quan chi tới tâm của ta?" Thầy đáp: "Lúc ông chưa nhìn thấy hoa này, thì hoa này với tâm ông cùng vắng lặng. Khi ông đến xem hoa này, thì màu sắc của hoa nhất thời rực rỡ lên. Thế đủ biết hoa này không ở ngoài tâm của ông."»[76]

Truyền Tập Lục chép: «Thầy Vương nói: "Ông xem trong cõi trời đất này, cái gì là tâm của trời đất?" Đáp: "Tôi từng nghe nói: người là tâm của trời đất." Thầy hỏi: "Ở người, cái gì gọi là tâm?" Đáp: "Chỉ là một cái linh diệu sáng láng." Thầy nói: "Từ đó có thể biết rằng chỉ có cái linh diệu sáng láng ấy lấp đầy trời đất. Con người chỉ do hình thể mà tự ly cách với trời đất. Cái linh diệu sáng láng của chúng ta là chủ nhân của quỷ thần và trời đất. [...] Hễ trời đất, quỷ thần, vạn vật, ly cách cái linh diệu sáng láng của chúng ta, thì không có trời đất, quỷ thần, vạn vật. Hễ cái linh diệu sáng láng của chúng ta ly cách trời đất, quỷ thần, vạn vật, thì cũng không có cái linh diệu sáng láng của chúng ta. Như thế,

---

75 ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Nhân đích lương tri, tựu thị thảo, mộc, ngoã, thạch đích lương tri. Nhược thảo, mộc, ngoã, thạch vô nhân đích lương tri, bất khả dĩ vi thảo, mộc, ngoã, thạch hĩ. Khởi duy thảo, mộc, ngoã, thạch vi nhiên, thiên địa vô nhân đích lương tri, diệc bất khả vi thiên địa hĩ. Cái thiên địa vạn vật dữ nhân nguyên thị nhất thể, kỳ phát khiếu chi tối tinh xứ, thị nhân tâm nhất điểm linh minh.»** 人的良知,就是草木瓦石的良知.若草木瓦石無人的良知,不可以爲草木瓦石矣.豈惟草木瓦石爲然,天地無人的良知,亦不可爲天地矣.蓋天地萬物與人原是一體,其發竅之最精處,是人心一點靈明.

76 ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư:* «Tiên sinh du Nam Trấn, nhất hữu chỉ nham trung hoa thụ vấn viết: "Thiên hạ vô tâm ngoại chi vật, như thử hoa thụ, tại thâm sơn trung, tự khai tự lạc, ư ngã tâm diệc hà tương quan?" Tiên sinh vân: "Nhĩ vị khán thử hoa thời, thử hoa dữ nhĩ tâm đồng qui ư tịch. Nhĩ lai khán thử hoa thời, tắc thử hoa nhan sắc, nhất thời minh bạch khởi lai. Tiện tri thử hoa, bất tại nhĩ đích tâm ngoại."»** 先生游南鎮,一友指巖中花樹問曰:"天下無心外之物,如此花樹,在深山中,自開自落,於我心亦何相關?" 先生云:"爾未看此花時,此花與爾心同歸寂.爾來看花時,則此花顏色,一時明白起來.便知此花,不在爾的心外."

chúng lưu thông với một Khí. Tại sao nói chúng ta ly cách với chúng?" Lại hỏi: "Trời đất, quỷ thần, vạn vật đã tồn tại từ ngàn xưa đến nay. Tại sao bảo rằng hễ không có cái linh diệu sáng láng của chúng ta, thì cũng không có trời đất, quỷ thần, vạn vật?" Thầy đáp: "Nay thử xem một người chết, cái linh diệu sáng láng của hắn đã tan rã hết, vậy thì trời đất, quỷ thần, vạn vật của hắn ở đâu?"»[77]

Như chúng ta đã biết, Chu Hi nói Tính tức là Lý; còn Vương Dương Minh nói Tâm tức là Lý. Đó là điểm bất đồng giữa Lý học và Tâm học. Tuy nhiên, có một vấn đề nảy sinh: Tại sao cái Vương gọi là Tâm không phải là cái Chu gọi là Tính? Nếu phải, tức là phần biện luận trên đây của tiết này không thể thành lập. Tuy nhiên nếu xét ba điều được trích dẫn trên đây, thì chúng ta có thể biết cái Tâm mà Vương gọi «chỉ là cái linh diệu sáng láng» (linh minh 靈明). Đó chính là cái Tâm mà Chu Hi gọi. Chu Hi nói chỗ linh diệu (linh xứ 靈處) của tri giác là Tâm chứ không phải là Tính (Linh xứ chỉ thị tâm, bất thị tính 靈處只是心,不是性).[78] Do đó, cái Vương gọi là Tâm không thể là cái Chu gọi là Tính. Chu Hi cho rằng tâm chúng ta có toàn thể Thái Cực, nên tâm có đủ các Lý của vạn vật. Tuy nhiên trong tâm chúng ta chỉ có đủ các Lý mà thôi, chứ tâm không chứa các sự vật cụ thể ứng với các Lý ấy. Còn Vương Dương Minh cho rằng tất cả trời đất và vạn vật đều có trong tâm chúng ta. Thứ Duy tâm luận này, quả thực Chu Hi không ủng hộ.

---

[77] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư:*** **«Tiên sinh viết: "Nhĩ khán giá cá thiên địa trung gian, thậm ma thị thiên địa đích tâm?" Đối viết: "Thường văn nhân thị thiên địa đích tâm." Viết: "Nhân hựu thậm ma khiếu tố tâm?" Đối viết: "Chỉ thị nhất cá linh minh." "Khả tri sung thiên tắc địa, trung gian chỉ hữu giá cá linh minh. Nhân chỉ vi hình thể tự gián cách liễu. Ngã đích linh minh, tiện thị thiên địa quỷ thần đích chủ tể. [...] Thiên địa quỷ thần vạn vật, ly khước ngã đích linh minh, tiện một hữu thiên địa quỷ thần vạn vật liễu. Ngã đích linh minh, ly khước thiên địa quỷ thần vạn vật, diệc một hữu ngã đích linh minh. Như thử, tiện thị nhất khí lưu thông đích, như hà dữ tha gián cách đắc?" Hựu vấn: "Thiên địa quỷ thần vạn vật, thiên cổ kiến tại, hà một liễu ngã đích linh minh, tiện câu vô liễu?" Viết: "Kim khán tử đích nhân, tha giá ta tinh linh du tán liễu, tha đích thiên địa quỷ thần vạn vật thượng tại hà xứ?"»** 先生曰:"爾看這個天地中間,甚麼是天地的心?" 對曰:"嘗聞人是天地的心." 曰:"人又甚麼叫做心?" 對曰:"只是一個靈明." "可知充天塞地,中間只有這個靈明.人只爲形體自間隔了.我的靈明,便是天地鬼神的主宰. [...] 天地鬼神萬物,離卻我的靈明,便沒有天地鬼神萬物了.我的靈明離卻天地鬼神萬物,亦沒有我的靈明.如此,便是一氣流通的,如何與他間隔得?" 又問:"天地鬼神萬物,千古見在,何沒了我的靈明,便俱無了?" 曰:"今看死的人,他這些精靈游散了,他的天地鬼神萬物尚在何處?"

[78] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 55 của chương 13 ngay trên đây.**

d. Phê bình Phật và Lão

Sự bất đồng giữa triết học của Vương Dương Minh và triết học của Chu Hi còn hiện rõ trong sự phê bình của hai ông đối với Phật và Lão. Khi Chu Hi nói về Tính, ông chú trọng ở điểm: Tính bao gồm các Lý. Cho nên ông nói nhà Nho xem Tính là thực, nhà Phật xem Tính là không. Khi Vương Dương Minh nói về Tâm, ông chú trọng ở điểm: Tâm thì linh diệu sáng láng. Chúng ta có bản tâm linh diệu sáng láng ấy, phát ra lương tri. Chúng ta cần thuận theo lương tri mà hành động. Ông nói: «Lương tri làm chuẩn mực tối cao cho người và vật, mà trong đó không có cái gì được thêm vào hay bớt đi. Nếu trong đó có cái gì được thêm vào hay bớt đi tức là tư ý và tiểu trí, chứ không phải là chí thiện.»[79] Theo Trình Hạo, nếu trong đó có cái gì được thêm vào hay bớt đi, thì đó gọi là tự tư 自私 và dụng trí 用智; và đó chính là sai lầm của Phật và Lão.[80]

Truyền Tập Lục chép: «Thầy Vương từng nói: "Nhà Phật không chấp tướng, kỳ thực là chấp tướng; nhà Nho ta chấp tướng, kỳ thực là không chấp tướng." Đệ tử xin giải thích, Thầy đáp: "Nhà Phật sợ cái khổ luỵ của cha con, nên chạy trốn quan hệ cha con; sợ cái khổ luỵ của vua tôi, nên chạy trốn quan hệ vua tôi; sợ cái khổ luỵ của vợ chồng, nên chạy trốn quan hệ vợ chồng. Đó đều là do chấp vào tướng của vua tôi, cha con, vợ chồng nên chạy trốn. Như nhà Nho ta có quan hệ cha con thì lấy lòng nhân mà đối đãi; có quan hệ vua tôi thì lấy nghĩa mà đối đãi; có quan hệ vợ chồng thì lấy sự phân biệt mà đối đãi. Có bao giờ chấp vào tướng của cha con, vua tôi, vợ chồng đâu?"»[81]

---

[79] **LAM chú: Xin xem chú thích 65 của chương này.**

[80] **LAM chú: Đây là ý của Trình Hạo trong thư phúc đáp Trương Hoành Cừ. Xin xem chú thích 94 của chương 12 ngay trên đây.**

[81] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Tiên sinh thường ngôn: "Phật thị bất trước tướng, kỳ thực trước liễu tướng, ngô Nho trước tướng, kỳ thực bất trước tướng." Thỉnh vấn. Viết: "Phật phạ phụ tử luỵ, khước đào liễu phụ tử, phạ quân thần luỵ, khước đào liễu quân thần, phạ phu phụ luỵ, khước đào liễu phu phụ, đô thị vi cá quân thần, phụ tử, phu phụ trước liễu tướng, tiện tu đào tỵ. Như ngô Nho hữu cá phụ tử, hoàn tha dĩ nhân, hữu cá quân thần, hoàn tha dĩ nghĩa, hữu cá phu phụ, hoàn tha dĩ biệt, hà tằng trước phụ tử, quân thần, phu phụ đích tướng?"»** 先生常言:"佛氏不著相,其實著了相;吾儒著相,其實不著相." 請問.曰:"佛怕父子累,卻逃了父子;怕君臣累,卻逃了君臣;怕夫婦累,卻逃了夫婦;都是爲個君臣,父子,夫婦著了相,便須逃避.如吾儒有個父子,還他以仁;有個君臣,還他以義;有個夫婦,還他以別;何曾著父子,君臣,夫婦的相?"

Truyền Tập Lục còn chép: «Thầy Vương nói: "Tiên gia nói đến Hư, thánh nhân lẽ nào có thể thêm chút xíu Thực vào cái Hư ấy? Phật gia nói đến Vô, thánh nhân lẽ nào có thể thêm chút xíu Hữu vào cái Vô ấy? Khi tiên gia nói đến Hư, mục đích của họ là dưỡng sinh. Khi Phật gia nói đến Vô, mục đích của họ là thoát biển khổ của sinh tử. Khi họ thêm ý nghĩa ấy vào bản thể của tâm, thì nguyên nghĩa của Hư và Vô không còn nữa, và ở bản thể của tâm có chướng ngại. Thánh nhân chỉ trở về bản sắc của lương tri mình, và không thêm các ý nghĩa nói trên vào nó. Cái Hư của lương tri tức là thái hư của trời; cái Vô của lương tri tức là sự vô hình của thái hư. Mặt trời, mặt trăng, gió, sấm, núi, sông, dân chúng, đồ vật; hễ cái gì có hình dáng sắc tướng thì đều ở trong sự vô hình của thái hư mà phát ra tác dụng và lưu hành, chưa từng gây chướng ngại cho trời. Thánh nhân chỉ thuận theo lương tri của mình mà phát ra tác dụng. Trời đất, vạn vật đều ở trong sự phát ra tác dụng và lưu hành của lương tri chúng ta. Làm sao có vật gì vượt ra ngoài lương tri mà có thể gây chướng ngại cho nó?»[82]

Nhà Phật không chấp tướng để cầu Vô, kỳ thực chỉ là chấp tướng. Có ý cầu Vô, thì hễ có ý niệm ấy tức là không phải Vô. Chỉ cần thuận theo sự tự nhiên của lương tri mà làm chứ không toan tính gì hết, thì tuy hữu vi nhưng lại là vô vi. Cái Vô ấy mới là cái Vô chân thực.

---

[82] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Tiên sinh viết: "Tiên gia thuyết đáo hư, thánh nhân khởi năng hư thượng gia đắc nhất hào thực? Phật gia thuyết đáo vô, thánh nhân khởi năng vô thượng gia đắc nhất hào hữu? Đãn tiên gia thuyết hư, tòng dưỡng sinh thượng lai, Phật gia thuyết vô, tòng xuất ly sinh tử khổ hải thượng lai; khước ư bản thể thượng gia khước giá ta tử ý tứ tại, tiện bất thị tha hư vô đích bản sắc liễu, tiện ư bản thể hữu chướng ngại. Thánh nhân chỉ thị hoàn tha lương tri đích bản sắc, cánh bất trước ta tử ý tứ tại. Lương tri chi hư, tiện thị thiên chi thái hư; lương tri chi vô, tiện thị thái hư chi vô hình. Nhật, nguyệt, phong, lôi, sơn, xuyên, dân, vật, phàm hữu mạo tượng hình sắc, giai tại thái hư vô hình trung phát dụng lưu hành, vị thường tác đắc thiên đích chướng ngại. Thánh nhân chỉ thị thuận kỳ lương tri chi phát dụng; thiên địa vạn vật câu tại ngã lương tri đích phát dụng lưu hành trung; hà thường hựu hữu nhất vật siêu ư lương tri chi ngoại, năng tác đắc chướng ngại?»** 先生曰："仙家說到虛,聖人豈能虛上加得一毫實?佛家說到無,聖人豈能無上加得一毫有?但仙家說虛,從養生上來,佛家說無從出離生死苦海上來;卻於本體上加卻這些子意思在,便不是他虛無的本色了,便於本體有障礙.聖人只是還他良知的本色,更不著些子意思在 良知之虛,便是天之太虛;良知之無,便是太虛之無形.日月風雷山川民物,凡有貌象形色,皆在太虛無形之中發用流行,未嘗作得天的障礙.聖人只是順其良知之發用;天地萬物俱在我良知的發用流行中;何嘗又有一物超於良知之外,能作得障礙?

e. Những mức độ của ái

Người nhân ái xem trời đất và vạn vật là một thể, nhưng trên thực tế, đôi lúc con người buộc phải hi sinh cái gì đó để duy trì sự sinh tồn của mình. Cho nên Schopenhauer từng nói rằng kiếp người vốn là một đại mâu thuẫn. Ngay cả nhà Phật cũng vậy, vì lòng từ bi thương xót chúng sinh mà họ không ăn thịt, nhưng họ cũng buộc phải ăn cơm gạo. Người xem vạn vật cùng một thể tại sao có thể làm như thế? Vương Dương Minh từng giải thích vấn đề này.

Truyền Tập Lục chép: «Hỏi: "Đại nhân cùng một thể với vạn vật. Tại sao sách *Đại Học* lại nói có cái quan trọng và cái kém quan trọng)?" Thầy Vương đáp: "Cái đạo lý ấy tự có cái quan trọng và cái kém quan trọng. Thí dụ như tấm thân này là một thể, nếu lấy tay chân bảo vệ đầu và mắt, lẽ nào nói đầu và mắt thì quan trọng, còn chân tay thì kém quan trọng? Đó chỉ là hợp đạo lý tự nhiên. Cầm thú và thảo mộc ta đều yêu; nhưng ta cam lòng lấy thảo mộc nuôi cầm thú. Người và cầm thú ta đều yêu, nhưng ta cam lòng giết cầm thú để nuôi cha mẹ, cúng kiến, và đãi khách. Người chí thân và người đi đường ta đều yêu. Nếu như có một giỏ cơm và canh đậu, được nó thì sống, không được nó thì chết, không thể toàn vẹn hai bên, thì ta thà cứu người chí thân chứ không cứu người đi đường. Ta cam lòng làm thế, vì theo đạo lý phải như thế. Cho đến bản thân ta và người chí thân, thì không được phân biệt ai quan trọng ai kém quan trọng nữa. Bởi vì trong đó phát xuất lòng nhân đối với mọi người và lòng yêu mọi vật. Chỗ này cam chịu được thì chỗ nào cũng cam chịu được. Cái gọi là quan trọng và kém quan trọng mà sách *Đại Học* nói, chính là nguyên lý tự nhiên theo lương tri, không thể vượt qua. Nó gọi là nghĩa. Thuận theo nguyên lý ấy thì gọi là lễ. Biết được nguyên lý ấy thì gọi là trí. Chung thuỷ với nguyên lý ấy thì gọi là tín.»[83]

---

[83] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Vấn: "Đại nhân dữ vật đồng thể, như hà Đại Học hựu thuyết cá hậu bạc?" Tiên sinh viết: "Duy thị đạo lý tự hữu hậu bạc. Tỉ như thân thị nhất thể, bả thủ túc hãn đầu mục, khởi thị thiên yếu bạc thủ túc? Kỳ đạo lý hợp như thử. Cầm thú dữ thảo mộc đồng thị ái đích, bả thảo mộc khứ dưỡng cầm thú hựu nhẫn đắc. Nhân dữ cầm thú đồng thị ái đích, tể cầm thú dĩ dưỡng thân dữ cung tế tự, yến tân khách, tâm hựu nhẫn đắc. Chí thân dữ lộ nhân đồng thị ái đích, như đan thực đậu canh, đắc tắc sinh, bất đắc tắc tử, bất năng lưỡng toàn, ninh cứu chí thân, bất cứu lộ nhân, tâm hựu nhẫn đắc. Giá thị đạo lý hợp cai như thử. Cập chí ngô thân dữ chí thân, cánh bất đắc phân biệt bỉ thử hậu bạc. Cái dĩ nhân dân ái vật giai tòng thử xuất, thử xứ khả nhẫn, cánh vô sở bất nhẫn hĩ. Đại Học sở vị hậu bạc, thị lương tri thượng tự nhiên đích điều lý, bất khả du việt, thử tiện vị chi nghĩa. Thuận ngôn cá điều lý tiện vị chi lễ. Tri thử điều lý tiện vị chi trí. Chung thuỷ thị giá cá điều lý tiện vị chi tín.»** 問："大人與物同體，如何大學說個厚薄？"先生曰："惟是道理自有厚薄．比如身是一體，把手足捍頭目，豈是偏要薄手足？其

Ở đây nói rằng lương tri của chúng ta, trong một phạm vi chừng mực, cũng xem sự tự tư là đúng. Đối đãi sự vật, cái nào quan trọng, cái nào không quan trọng, thì tự lương tri khắc biết. Cho nên trong *Đại Học Vấn* có nói: «Khi cái chí thiện hiển hiện, thì đúng là đúng mà sai là sai. Đối với sự việc nặng nhẹ, dầy mỏng, nó tuỳ cảm tuỳ ứng, biến động không ngừng, nhưng cái gì cũng tự có mức trung dung thiên nhiên.» Lương tri biết cái mức trung dung thiên nhiên, chúng ta cứ theo nó mà hành động, đó tức là *trí lương tri* và *dừng ở chí thiện* vậy.

Vương Dương Minh xem đó là lòng nhân của Nho gia, và nó khác với kiêm ái của Mặc gia. *Truyền Tập Lục* chép: «Hỏi: "Trình Tử nói: 'Người nhân ái xem trời đất và vạn vật là một thể.' Tại sao kiêm ái của Mặc gia không được xem là nhân?" Thầy Vương nói: "Điều này cũng thật khó nói. Các ông cần phải tự thể nghiệm để hiểu nó. Lòng nhân là cái Lý mà tạo hoá sinh sôi mãi không ngừng. Tuy nó tràn trề khắp nơi, chẳng nơi nào không có, nhưng sự lưu hành và phát sinh của nó cũng có mức độ dần dần, để sinh sôi không ngừng. [...] Thí dụ như cái cây, thoạt đầu nảy chồi, đấy là khởi điểm cho thấy sự sinh trưởng của cái cây. [...] Tình cha con, tình anh em, là khởi điểm cho thấy sự sinh trưởng của nhân tâm, cũng giống như chồi cây. Từ chỗ ấy mà yêu người và yêu vật; tức là chồi phát triển thành nhánh, thành cành lá. Lòng kiêm ái của Mặc gia không có mức độ sai biệt. Họ xem cha con, anh em trong nhà với người đi đường như nhau, nên làm mất đi khởi điểm của lòng nhân. Nếu không có chồi nảy sinh, thì ta biết nó không có gốc, nên không có sự sinh sôi bất tuyệt. Như thế kiêm ái sao có thể gọi là lòng nhân được?"»[84]

道理合如此.禽獸與草木同是愛的,把草木去養禽獸又忍得.人與禽獸同是愛的,宰禽獸以養親與供祭祀,燕賓客,心又忍得.至親與路人同是愛的,如簞食豆羹,得則生,不得則死,不能兩全,寧救至親,不救路人,心又忍得.這是道理合該如此.及至吾身與至親,更不得分別彼此厚薄.蓋以仁民愛物皆從此出,此處可忍,更無所不忍矣.大學所謂厚薄,是良知上自然的條理,不可踰越,此便謂之義.順言個條理便謂之禮.知此條理,便謂之智.終始是這個條理便謂之信.

84 ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Vấn: "Trình Tử vân: 'Nhân giả dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể.' Hà Mặc thị kiêm ái, phản bất đắc vị chi nhân?" Tiên sinh viết: "Thử diệc thậm nan ngôn. Tu thị chư quân tự thể nhận xuất lai thuỷ đắc. Nhân thị tạo hoá sinh sinh bất tức chi lý, tuy di mạn chu biến, vô xứ bất thị, nhiên kỳ lưu hành phát sinh, diệc chỉ hữu cá tiệm, sở dĩ sinh sinh bất tức. {...} Thí chi mộc, kỳ thuỷ trừu nha, tiện thị mộc chi sinh ý phát đoan xứ. {...] Phụ tử huynh đệ chi ái, tiện thị nhân tâm sinh ý phát đoan xứ, như mộc chi trừu nha. Tự thử nhi nhân dân, nhi ái vật, tiện thị phát cán, sinh chi sinh diệp. Mặc thị kiêm ái vô sai đẳng. Tương tự gia phụ tử huynh đệ dữ đồ nhân nhất ban khán, tiện tự một liễu phát đoan xứ.**

Cái mà Nho gia gọi là nhân tức là sự phát triển tự nhiên của lòng trắc ẩn. Nó không giống như lòng kiêm ái của Mặc gia, vốn dựa trên chủ nghĩa công lợi. Sự phát triển tự nhiên của lòng trắc ẩn có mức độ khác nhau về cái trước cái sau, cái quan trọng và cái kém quan trọng. Đó là điểm mà Vương Dương Minh chú trọng trong đoạn văn trên đây.

f. Căn nguyên của ác

Vương Dương Minh cho rằng trong thiên hạ không có cái gì ở ngoài tâm, và cái tâm ấy thì linh diệu sáng láng. Như thế sự căn nguyên của ác trở thành vấn đề trong học thuyết của ông.

Truyền Tập Lục chép: «Hỏi: "Thầy từng nói thiện và ác chỉ là một thứ. Thiện và ác là hai cực đoan, trái nhau như nước đá và than hồng. Tại sao nói chúng chỉ là một thứ?" Thầy Vương đáp: "Chí thiện là bản thể của tâm. Bất cứ cái gì vượt quá bản thể này tức là ác. Hễ có cái thiện, thì có cái ác tương đối với nó. Cho nên thiện và ác chỉ là một thứ." Đệ tử tên là Trực nghe Thầy giảng, bèn hiểu câu nói của Trình Tử: "Thiện cố nhiên là tính, nhưng ác cũng không thể không gọi là tính." [85] Thầy lại nói: "Sự vật có thiện có ác, đều là thiên lý. Kẻ gọi là ác chẳng phải vốn ác; chỉ vì thái quá hoặc bất cập đối với bản tính mà ra như thế." [86] Thuyết này không thể nghi ngờ.»[87]

Bất trừu nha tiện tri đắc tha vô căn, tiện bất thị sinh sinh bất tức, an đắc vị chi nhân?"» 問 : "程子云 : '仁者以天地萬物爲一體.' 何墨氏兼愛,反不得謂之仁?" 先生曰: "此亦甚難言. 須是諸君自體認出來始得. 仁是造化生生不息之理,雖瀰漫周遍,無處不是,然其流行發生,亦只有個漸,所以生生不息. [...] 譬之木,其始抽芽,便是木之生意發端處. [...] 父子兄弟之愛,便是人心生意發端處,如木之抽芽. 自此而仁民,而愛物,便是發幹,生枝生葉. 墨氏兼愛無差等. 將自家父子兄弟與途人一般看,便自没了發端處. 不抽芽便知得他無根,便不是生生不息,安得謂之仁?"

[85] **LAM chú: Xin xem chú thích 75 của chương 12 trên đây.**

[86] **LAM chú: Xin xem chú thích 81 của chương 12 trên đây.**

[87] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Vấn: "Tiên sinh thường vị thiện ác chỉ thị nhất vật. Thiện ác lưỡng đoan, như băng thán tương phản, như hà vị chỉ nhất vật?" Tiên sinh viết: "Chí thiện giả tâm chi bản thể. Bản thể thượng tài quá đáng ta tử, tiện thị ác liễu; bất thị hữu cá thiện, khước hựu hữu nhất ác lai tương đối dã. Cố thiện ác chỉ thị nhất vật." Trực nhân văn tiên sinh chi thuyết, tắc tri Trình Tử sở vị "Thiện cố tính dã, ác diệc bất khả bất vị chi tính". Hựu viết: "Thiện ác giai thiên lý. Vị chi ác giả, phi bản ác, đãn ư bản tính thượng quá dữ bất cập chi gian nhĩ." Kỳ thuyết giai vô khả nghi.»** 問: "先生嘗謂善惡只是一物. 善惡兩端,如冰炭相反,如何謂只一物?" 先生曰: "至善者心之本體. 本體上才過當些子, 便是惡了;不是有個善,卻又有個惡來相對也. 故善惡只是一物." 直因聞先生之說,則知程子所謂"善固性也,惡亦不可不謂之性". 又曰: "善惡皆天理. 謂之惡者非本惡,但於本性上過與不及之間耳." 其說皆無可疑.

Theo trên, cái ác là cái quá đáng trong sự phát triển của tình cảm và ham muốn. Nếu không có cái quá đáng, thì bản thân tình cảm và ham muốn cũng không phải là ác. *Truyền Tập Lục* chép: «Hỏi: "Lương tri ví như mặt trời, dục vọng ví như mây. Mây tuy có thể che khuất mặt trời, nhưng cũng là cái hợp với một khí của trời. Dục vọng chẳng phải là cái hợp với nhân tâm sao?" Thầy Vương đáp: "Vui, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, muốn, gọi là bảy tình; chúng đều hợp với nhân tâm. Nhưng ta phải nhận rõ được lương tri. Thí dụ như ánh nắng không chiếu riêng chốn nào. Hễ một khe vách có ánh sáng đi qua, đều là chỗ hiện diện của ánh nắng. Tuy mây mù lấp che bốn hướng, nhưng hình tướng của thái hư cũng có thể phân biệt, nó cũng là chỗ bất diệt của ánh nắng. Không thể vì mây có thể che khuất mặt trời mà ta bảo trời đừng sinh ra mây nữa. Bảy tình thuận theo sự vận hành tự nhiên của chúng, đều là tác dụng của lương tri, không thể phân biệt thiện hay ác, nhưng chúng ta cũng không thể chấp trước. Bảy tình có sự chấp trước, đều là dục vọng, đều là cái che lấp lương tri. Tuy nhiên, hễ ta có chấp trước thì lương tri cũng tự nhận biết, và sự che lấp bị trừ khử để lương tri trở về bản thể của nó."»[88]

Về việc không thể chấp trước bảy tình, *Truyền Tập Lục* chép: «Có người hỏi về điều "hữu sở phẫn sí" 有所忿懥(có điều tức giận) [trong mục *tu thân* của sách *Đại Học*].[89] Thầy Vương đáp: "Lòng người sao

[88] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Vấn: "Tri thí nhật, dục thí vân, vân tuy năng tế nhật, diệc thị thiên chi nhất khí hợp hữu đích; dục diệc mạc phi nhân tâm hợp hữu phủ?" Tiên sinh viết: "Hỉ, nộ, ai, cụ, ái, ố, dục, vị chi thất tình, thất giả câu thị nhân tâm hợp hữu đích; đãn yếu nhận đắc lương tri minh bạch. Tỉ như nhật quang, diệc bất khả chỉ trước phương sở; nhất khích thông minh, giai thị nhật quang sở tại. Tuy vân vụ tứ tắc, thái hư trung sắc tượng khả biện, diệc thị nhật quang bất diệt xứ. Bất khả dĩ vân năng tế nhật, giáo thiên bất yếu sinh vân. Thất tình thuận kỳ tự nhiên chi lưu hành, giai thị lương tri chi dụng, bất khả phân biệt thiện ác, đãn bất khả hữu sở trước. Thất tình hữu trước, câu vị chi dục, câu vi lương tri chi tế. Nhiên tài hữu trước thời, lương tri diệc tự hội giác, giác tức tế khứ, phục kỳ thể hĩ."» 問："知譬日,欲譬雲,雲雖能蔽日,亦是天之一氣合有的;欲亦莫非人心合有否?" 先生曰："喜怒哀俱愛惡欲謂之七情,七者俱是人心合有的;但要認得良知明白.比如日光,亦不可指著方所;一隙通明,皆是日光所在.雖雲霧四塞,太虛中色象可辨,亦是日光不滅處.不可以雲能蔽日,教天不要生雲.七情順其自然之流行,皆是良知之用,不可分別善惡,但不可有所著.七情有著,俱謂之欲,俱爲良知之蔽.然纔有著時,良知亦自會覺,覺即蔽去,復其體矣."

[89] LAM chú: *Phẫn sí* 忿懥 tức là nộ 怒(tức giận). Nó là một trong bốn điều khiến cho tâm không ngay thẳng, như *Đại Học* chép: «Sở vị tu thân tại chính kỳ tâm giả, tâm hữu sở *phẫn sí*, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở *khủng cụ*, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở *hiếu nhạo*, tắc bất đắc kỳ chính; hữu sở *ưu hoạn*, tắc bất đắc kỳ chính.» 所謂修身在正其心者,心有所忿懥,則不得其正;有所恐懼則不得其正;有所好樂則不得其正;有所憂患則不得其正(Việc tu thân là tại sửa tâm cho ngay thẳng; tâm có điều *tức giận* thì sẽ không

tránh khỏi sự tức giận? Nhưng ta không nên tức giận. Hễ ta tức giận, tức là ta đã chấp vào một ý nghĩ nào đó rồi sự tức giận bùng lên quá đáng, thế là ta không còn trong tình trạng rất công bằng và trống thoáng nữa. Do đó hễ có điều tức giận thì tâm sẽ không ngay thẳng. Như nay hễ có điều gì khiến ta phải tức giận, thì cứ tuỳ theo vật xảy đến mà thuận ứng, chớ có chấp vào một ý nghĩ nào cả; như thế tâm ta thể hiện sự rất công bằng và trống thoáng và có được sự ngay thẳng của bản thể của tâm. Thí dụ, khi đi ra ngoài đường thấy người ta đánh nhau, tâm ta sẽ giận trước chuyện sai trái. Tuy có tức giận nhưng tâm ta vẫn trống thoáng, không bị kích động vì nó. Như nay hễ có giận ai, thì ta cũng nên theo cách đó; như thế tâm mới ngay thẳng."»[90]

Trên đây ý nói rằng hễ chấp vào sự vật thì bảy tình sẽ không thuận theo sự đúng đắn nữa. *Pháp Bảo Đàn Kinh* cũng nói: «Niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lìa cảnh tức bồ đề.» (Tiền niệm trước cảnh tức phiền não, hậu niệm ly cảnh tức bồ đề 前念著境即煩惱,後念離境即菩提). Trình Hạo cũng nói: «Thánh nhân vui mừng, vì thấy vật đáng vui mừng. Thánh nhân giận, vì thấy vật đáng giận.»[91]

Trên đây đã nói về cái ác theo đạo đức. Theo Vương Dương Minh, cái ác theo vật chất thì hoàn toàn bắt nguồn từ sự ưa ghét của chúng ta, chứ tất cả ngoại vật đều không có sự phân biệt thiện ác. Ông nói: «Đệ tử tên là Khản diệt cỏ lẫn trong hoa; nhân đó hỏi: "Trong trời đất, tại sao cái thiện khó vun bồi, tại sao cái ác khó diệt trừ?" Thầy Vương đáp:

---

ngay thẳng; có điều *sợ hãi* thì sẽ không ngay thẳng; có điều *ham vui* thì sẽ không ngay thẳng; có điều *lo buồn* thì sẽ không ngay thẳng). *Chú ý:* Nguyên bản chép «*thân* 身 hữu sở phẫn sí» nhưng Trình Tử sửa lại là «*tâm* 心 hữu sở phẫn sí»; chữ 好樂 đọc là *hiếu nhạo* [hàoyào] không đọc là *hảo lạc* [hǎolè].

[90] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «Vấn hữu sở phẫn sí nhất điều. Tiên sinh viết: "Phẫn sí kỷ kiện, nhân tâm chẩm năng vô đắc? Chỉ thị bất khả hữu nhĩ. Phàm nhân phẫn chí, trước liễu nhất phân ý tứ, tiện nộ đắc quá đáng, phi khuếch nhiên đại công chi thể liễu. Cố hữu sở phẫn chí, tiện bất đắc kỳ chính dã. Như kim ư phàm phẫn sí đẳng kiện, chỉ thị cá vật lai thuận ứng, bất yếu trước nhất phân ý tứ, tiện tâm thể khuếch nhiên đại công, đắc kỳ bản thể chi chính liễu. Thả như xuất ngoại kiến nhân tương đấu, kỳ bất thị đích, ngã tâm diệc nộ, nhiên tuy nộ, khước thử tâm khuếch nhiên, bất tằng động ta tử khí. Như kim nộ nhân, diệc đắc như thử, phương tài thị chính."» 問有所忿懥一條.先生曰:"忿懥幾件,人心怎能無得?只是不可有耳.凡人忿懥,著了一分意思,便怒得過當,非廓然大公之體了.故有所忿懥,便不得其正也.如今於凡忿懥等件,只是個物來順應,不要著一分意思,便心體廓然大公,得其本體之正了.且如出外見人相鬥,其不是的,我心亦怒,然雖怒,卻此心廓然,不曾動些子氣.如今怒人,亦得如此,方纔是正."

[91] LAM chú: Xin xem chú thích 94 của chương 12 trên đây.

"[...] Quan niệm về thiện ác ấy đều phát xuất từ thân xác của chúng ta, nên sai lầm. [...] Ý trời đất sinh ra vạn vật, hoa và cỏ như nhau, làm sao có sự phân biệt thiện ác? Anh muốn xem hoa, thì cho hoa là thiện, cho cỏ là ác. Nếu như muốn dùng cỏ, thì anh lại cho cỏ là thiện. Những thứ thiện ác như vậy đều do sự ưa ghét trong tâm anh sinh ra, cho nên sai lầm." Hỏi: "Như vậy không có thiện không có ác sao?" Đáp: "Không có thiện không có ác là tình trạng tĩnh của Lý. Có thiện có ác là tình trạng của Khí. Sự bất động ở Khí, tức là không có thiện không có ác. Đó gọi là chí thiện." Hỏi: "Nhà Phật cũng nói không có thiện không có ác. Khác nhau thế nào?" Đáp: "Nhà Phật chấp ở không thiện không ác, nên mọi thứ đều chẳng màng, và không thể trị thiên hạ. Thánh nhân nói không thiện không ác, chỉ là do không làm theo ưa ghét, và bất động ở Khí. Tuy nhiên thánh nhân tuân theo vương đạo, có thể thực hiện nó cực độ, tự nhiên noi theo Thiên Lý, nên có thể giúp đỡ Trời trong việc sinh thành vạn vật." Hỏi: "Cỏ thì không ác, tức là không nên diệt cỏ?" Đáp: "Đó là ý kiến của Phật và Lão. [Còn như trường hợp của anh] nếu cỏ là chướng ngại, ai cản anh diệt nó?" Hỏi: "Như vậy là làm theo ưa ghét?" Đáp: "Không làm theo ưa ghét, không có nghĩa là hoàn toàn không ưa ghét, như thế là kẻ vô tri giác. Nói không làm theo ưa ghét, tức là sự ưa ghét phải tuân theo Lý. Không chấp vào một ý nghĩ nào, như thế cũng như không từng ưa ghét." Hỏi: "Diệt cỏ vì sao phải tuân theo Lý, mà không chấp vào ý nghĩ?" Đáp: "Cỏ gây chướng ngại, cứ theo Lý mà diệt, nhưng chỉ diệt nó mà thôi. Nếu chưa diệt được nó, ta cũng không phiền lòng. Nếu ta chấp trước vào một ý nghĩ, thì bản thể của tâm vướng luỵ, và sẽ bị nhiều khuấy động."»[92]

---

[92] *Vương Văn Thành Công Toàn Thư* (Truyền Tập Lục): «**Khản khử hoa gian thảo, nhân viết: "Thiên địa gian hà thiện nan bồi, ác nan khử?" Tiên sinh viết: "[...] thử đẳng khán thiện ác, giai tòng khu xác khởi niệm, tiện hội thác. [...] Thiên địa sinh ý, hoa thảo nhất ban, hà tằng hữu thiện ác chi phân? Tử dục quan hoa, tắc dĩ hoa vi thiện, dĩ thảo vi ác. Như dục dụng thảo thời, phục dĩ thảo vi thiện hĩ. Thử đẳng thiện ác, giai do nhữ tâm hiếu ố sở sinh, cố tri thị thác." Viết: "Nhiên tắc vô thiện vô ác hồ?" Viết: "Vô thiện vô ác giả Lý chi tĩnh; hữu thiện hữu ác giả Khí chi động. Bất động ư Khí, tức vô thiện vô ác. Thị vị chí thiện." Viết: "Phật thị diệc vô thiện vô ác. Hà dĩ dị?" Viết: "Phật thị trước tại vô thiện vô ác thượng, tiện nhất thiết đô bất quản. Bất khả dĩ trị thiên hạ. Thánh nhân vô thiện vô ác, chỉ thị vô hữu tác hiếu, vô hữu tác ố, bất động ư Khí; nhiên tuân vương chi đạo, hội kỳ hữu cực, tiện tự nhất tuần thiên lý, tiện hữu cá tài thành phụ tướng." Viết: "Thảo ký phi ác, tức thảo bất nghi khử hĩ." Viết: "Như thử khước thị Phật Lão ý kiến, thảo nhược hữu ngại, hà phương nhữ khử?" Viết: "Như thử hựu thị tác hiếu tác ố." Viết: "Bất tác hiếu ố, phi thị toàn vô hiếu ố, khước thị vô tri giác đích nhân. Vị chi bất tác giả, chỉ thị hiếu ố nhất tuần ư Lý. Bất khứ hựu trước nhất phân ý tư; như thử tức thị bất tằng hiếu ố nhất ban." Viết: "Khử thảo như hà thị nhất tuần ư Lý, bất trước ý tư?" Viết: "Thảo hữu phương ngại, Lý diệc nghi khử, khử chi nhi dĩ. Ngẫu vị tức khử, diệc bất luỵ tâm. Nhược trước liễu nhất phân ý tư, tức tâm thể tiện hữu di luy, tận hữu hứa đa động khí xứ."**» 侃去花間草

Như vậy tự bản thân ngoại vật không thiện cũng không ác. Chúng thiện hay ác, chỉ là do cách ta nhìn chúng với sự ưa ghét của riêng ta. Biết rằng chúng không thiện không ác, không có nghĩa là ta trừ bỏ sự ưa ghét của ta. Ta vẫn ưa ghét, nhưng không chấp vào ngoại vật. Không chấp trước thì bản thể của tâm không vướng luy. Ưa và ghét thuộc về bảy tình, tức là tình cảm hợp với tâm ta, cho nên đối với chúng, ta hãy dùng phương pháp «tình thuận vạn vật mà vô tình» của thánh nhân.[93]

g. Động tĩnh hợp nhất

Vương Dương Minh nói phải tuân theo Lý tức là phải tuân theo sự tự nhiên của lương tri. *Truyền Tập Lục* chép: «Công phu trí tri của thánh nhân là chí thành không ngừng. Bản thể lương tri của ngài giống như gương sáng, không bị che lấp chút nào. Vật đẹp hay xấu hiện đến, tuỳ theo vật mà gương hiện hình ảnh, nhưng gương sáng không hề lưu lại vết bợn. [Trình Hạo] gọi đó là "tình thuận vạn sự mà vô tình". Nhà Phật chẳng sai khi nói rằng: "Chớ trụ vào đâu mà sinh tâm của mình." (Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm 應無所住而生其心).[94] Gương sáng thuận ứng theo vật. Cái đẹp thì hiện ra đẹp, cái xấu thì hiện ra xấu, hễ phản chiếu đều ra chân tướng sự vật, đó tức là "sinh tâm của mình". Cái đẹp thì hiện ra đẹp, cái xấu thì hiện ra xấu, hễ phản chiếu qua rồi thì không

---

,因曰：“天地間何善難培,惡難去?” 先生曰: “[...] 此等看善惡,皆從軀殼起念,便會錯. [...] 天地生意,花草一般,何曾有善惡之分? 子欲觀花,则以花爲善,以草爲惡.如欲用草時,復以草爲善矣.此等善惡,皆由汝心好惡所生,故知是錯.” 曰: “然則無善無惡乎?” 曰: “無善無惡者理之靜,有善有惡氣之動.不動於氣,即無善無惡.是謂至善.” 曰：“佛氏亦無善無惡.何以異?” 曰: “佛氏著在無善無惡上,便一切都不管.不可以治天下.聖人無善無惡,只是無有作好,無有作惡,不動於氣;然遵王之道,會其有極,便自一循天理,便有個裁成輔相.” 曰: “草既非惡,即草不宜去矣.” 曰: “如此卻是佛老意見,草若有礙,何妨汝去?” 曰: “如此又是作好作惡.” 曰：“不作好惡,非是全無好惡,卻是無知覺的人.謂之不作者,只是好惡一循於理.不去,又著一分意思;如此即是不曾好惡一般.” 曰: “去草如何是一循於理,不著意思?” 曰：“草有妨礙,理亦宜去,去之而已.偶未即去,亦不累心.若著了一分意思,即心體便有貽累,盡有多動氣處.”

[93] **LAM chú: Đó là ý của Trình Hạo: «Thánh nhân chi thường, dĩ kỳ tình thuận vạn vật nhi vô tình.» 聖人之常,以其情順萬物而無情(Đạo thường của thánh nhân là lấy tình của mình thuận theo vạn vật mà không có tình riêng). Xin xem chú thích 94 của chương 12 trên đây.**

[94] **LAM chú: Câu này ở trong *Kim Cương Kinh*, là lời Phật dạy ông Tu Bồ Đề. *Pháp Bảo Đàn Kinh* (phẩm Hành Do) chép rằng Lục Tổ Huệ Năng khi nghe câu này thì hoát nhiên đại ngộ.**

lưu giữ hình ảnh của vật, đó tức là "không trụ vào đâu".»[95]

«Không trụ vào đâu» tức là không chấp trước. «Cỏ gây chướng ngại, cứ theo Lý mà diệt, nhưng chỉ diệt nó mà thôi.» Đó tức là chỗ «sinh tâm của mình». «Nếu chưa diệt được nó, ta cũng không phiền lòng.» Đó tức là chỗ «không trụ vào đâu». Nếu được như thế, trọn ngày chúng ta *hữu vi* mà kỳ thực là *vô vi*. Và đó là *động tĩnh hợp nhất*.

Vương Dương Minh nói: «Tâm vốn không có động và tĩnh. Nói tĩnh là ám chỉ *thể* 體 (bản thể) của tâm; nói động là ám chỉ *dụng* 用 (tác dụng) của tâm. Cho nên cái học của người quân tử không ly cách với động và tĩnh. Cái tĩnh của quân tử thường có ý thức, mà chưa từng không tồn tại, nên thường ứng. Cái động của quân tử thường an định, mà chưa từng tồn tại, nên thường vắng lặng. Thường ứng và thường vắng lặng, nên động và tĩnh đều có sự việc. Đó là *tập nghĩa* 集義 (tập hợp điều nghĩa).[96] Tập hợp điều nghĩa thì tránh được mọi hối tiếc. Cái gọi là động cũng là định; cái gọi là tĩnh cũng là định. Tâm chỉ là một mà thôi. Tĩnh là thể của tâm, mà ta lại đi tìm gốc của tĩnh [ở bên ngoài] tức là quấy nhiễu thể của tâm. Động là dụng của tâm, mà ta sợ sệt cái dễ động của nó, tức là phế bỏ tác dụng của nó. Cho nên mong cầu tâm tĩnh tức là động; ghét tâm động thì không phải là tĩnh. Đó gọi là động cũng là động, tĩnh cũng là động. Động và tĩnh khởi lên và hạ xuống để nghinh tiếp sự vật, chúng theo nhau không cùng. Cho nên theo Lý gọi là tĩnh; theo dục vọng gọi là động. Dục vọng không nhất thiết thuộc về các thứ lôi cuốn từ bên ngoài như âm thanh, sắc tướng, tài vật, lợi lộc. Hễ có cái riêng tư trong tâm thì đều là dục vọng. Cho nên hễ ta noi theo Lý, tuy ứng phó

---

[95] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Truyền Tập Lục): «Thánh nhân trí tri chi công, chí thành vô tức. Kỳ lương tri chi thể, kiểu như minh kính, lược vô tiêm ế. Nghiên si chi lai, tuỳ vật kiến hình, nhi minh kính tằng vô lưu nhiễm; sở vị tình thuận vạn sự nhi vô tình dã. "Vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" Phật thị tằng hữu thị ngôn, vị vi phi dã. Minh kính chi ứng vật, nghiên giả nghiên, si giả si, nhất chiếu nhi giai chân, tức thị sinh kỳ tâm xứ; nghiên giả nghiên, si giả si, nhất quá nhi bất lưu, tức thị vô sở trụ xứ.»** 聖人致知之功,至誠無息.其良知之體,皦如明鏡,略無纖翳,妍媸之來,隨物見形,而明鏡曾無留染;所謂情順萬事而無情也."無所住而生其心"佛氏曾有是言,未爲非也.明鏡之應物,妍者妍,媸者媸,一照而皆眞,即是生其心處;妍者妍,媸者媸,一過而不留,即是無所住處.**– LAM chú: Ở đây Vương Dương Minh vận dụng triết lý *vô tâm*** 無心 **trong *Kim Cương Kinh:* «Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm» và triết lý *thuận ứng*** 順應 **trong *Trang Tử* (Ứng Đế Vương): «Chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng.»** 至人之用心若鏡,不將不迎,應而不藏 **(Bậc chí nhân dùng tâm như chiếc gương soi, không từ chối cũng không nghinh đón ngoại vật soi vào, đáp ứng với ngoại vật nhưng không tàng chứa hình ảnh của chúng).**

[96] **LAM chú: Mạnh Tử nói khí hạo nhiên sinh ra bằng cách tập hợp mọi việc nghĩa. Xin xem chú thích 67 của chương 6 (quyển I).**

muôn biến động, ta đều tĩnh. Đó là chủ trương tĩnh và vô dục của Chu Liêm Khê. Đó gọi là tập hợp điều nghĩa. Hễ ta chạy theo dục vọng, dù *tâm trai* (chay lòng) và *toạ vong* (ngồi quên) [như Trang Tử] thì ta cũng động. Đó cũng là biện pháp cưỡng ép và trợ trưởng của Cáo Tử, vì ông ta cho rằng điều nghĩa ở ngoài tâm.»[97]

Động tĩnh hợp nhất chính là tĩnh thực sự (chân tĩnh 眞靜), tĩnh tuyệt đối. Động cũng định, tĩnh cũng định, đó là cái định thực sự (chân định 眞定), định tuyệt đối. Ở đây Vương Dương Minh nói cũng giống như Trình Hạo nói trong *Định Tính Thư*.[98]

Vương Dương Minh nói: «Thiên Lý thường tồn mà bản thể linh giác sáng láng của thánh nhân thì chưa hề bị tổn hại và che lấp; chưa hề bị lôi kéo và quấy nhiễu, chưa hề có sợ hãi, lo buồn, ham vui, tức giận; chưa hề theo ý riêng mà phán đoán, khẳng định tuyệt đối, cố chấp, vị ngã; chưa hề khiếm khuyết, hổ thẹn. Ngài hiền hoà, trong sáng, hoạt động khắp nơi; hành động và dung mạo chu đáo mà đúng lễ; tuỳ theo lòng mình muốn mà làm nhưng không vượt khuôn phép. Như thế gọi là

---

97 *Vương Văn Thành Công Toàn Thư:* «Tâm vô động tĩnh giả dã; kỳ tĩnh dã giả, dĩ ngôn kỳ thể dã; kỳ động dã giả, dĩ ngôn kỳ dụng dã. Cố quân tử chi học, vô gián ư động tĩnh. Kỳ tĩnh dã thường giác, nhi vị thường vô dã, cố thường ứng. Kỳ động dã thường định, nhi vị thường hữu dã, cố thường tịch. Thường ứng thường tịch, động tĩnh giai hữu sự yên, thị chi vị tập nghĩa. Tập nghĩa cố năng vô kỳ hối, sở vị động diệc định, tĩnh diệc định giả dã. Tâm nhất nhi dĩ, tĩnh kỳ thể dã, nhi phục cầu tĩnh căn yên, thị nhiễu kỳ thể dã. Động kỳ dụng dã, nhi cụ kỳ dị động yên, thị phế kỳ dụng dã. Cố cầu tĩnh chi tâm tức động dã, ố động chi tâm phi tĩnh dã; thị chi vị động diệc động, tĩnh diệc động, tương nghinh khởi phục, tương tầm ư vô cùng hĩ. Cố tuần Lý chi vị tĩnh; tòng dục chi vị động. Dục dã giả, phi tất thanh sắc hoá lợi ngoại dụ dã; hữu tâm chi tư, giai dục dã. Cố tuần Lý yên, tuy thù tạc vạn biến giai tĩnh dã; Liêm Khê sở vị chủ tĩnh vô dục chi vị dã; thị vị tập nghĩa giả dã. Tòng dục yên, tuy tâm trai toạ vong diệc động dã; Cáo Tử chi cưỡng chế chính trợ chi vị dã; thị ngoại nghĩa giả dã.» 心無動靜者也;其靜也者,以言其體也;其動也者,以言其用也.故君子之學,無間於動靜.其靜也常覺,而未嘗無也,故常應.其動也常定,而未嘗有也,故常寂.常應常寂,動靜皆有事焉,是之謂集義.集義故能無祇悔,所謂動亦定,靜亦定者也.心一而已,靜其體也,而復求靜根焉,是撓其體也.動其用也,而懼其易動焉,是廢其用也.故求靜之心即動也,惡動之心非靜也;是之謂動亦動,靜亦動,將迎起伏,相尋於無窮矣.故循理之謂靜;從欲之謂動.欲也者,非必聲色貨利外誘也;有心之私,皆欲也.故循理焉,雖酬酢萬變皆靜也;濂溪所謂主靜無欲之謂也;是謂集義者也.從欲焉,雖心齋坐忘亦動也;告子之強制正助之謂也;是外義者也.

98 LAM chú: Xin đọc lá thư Trình Hạo trả lời Trương Hoành Cừ ở chương 12. Trong đó có nói: «Cái gọi là *định* 定, thì động cũng định, tĩnh cũng định, nó không nghinh đón cái gì, và cũng không có ngoài hay trong.»

tự do thoải mái thật sự.»[99]

h. Phản ứng đối với Tâm học của Vương Dương Minh

Với Vương Dương Minh, Tâm học phát triển cực thịnh. Ông còn viết *Chu Tử Vãn Niên Định Luận,* cho rằng học thuyết của Chu Hi và Lục Tượng Sơn thuở trẻ thì khác nhau mà lúc già thì giống nhau. Lúc cuối đời, Chu Hi cũng hối tiếc rằng thuyết cũ của mình có chỗ sai, và tự cho cái học của mình cũng giống cái học của Lục Tượng Sơn. Sự xuất hiện của các thuyết này dẫn đến những tranh luận của những kẻ hậu học thuộc phái Chu Hi. Họ cho rằng cái học của Chu Hi khác với cái học của Lục Tượng Sơn. La Chỉnh Am 羅整庵 (1465-1547) viết trong *Khốn Tri Ký* 困知記 rằng: «Trình Tử nói Tính tức là Lý; Tượng Sơn nói Tâm tức là Lý. Cái đúng chỉ có một, ý nghĩa tinh xác không có hai. Trình đúng thì Tượng sai, Trình sai thì Tượng đúng. Tại sao ta không thể phân biệt cho rõ?»[100]

La Chỉnh Am phân biệt Tâm và Tính rằng: «Tâm là thần minh của người; Tính là Lý mà người có lúc sinh ra. Chỗ ở của Lý gọi là Tâm. Cái mà Tâm có gọi là Tính. Tâm và Tính không thể lẫn lộn làm một.»[101]

Tâm và Tính khác nhau, nên «Tâm tức là Lý» khác với «Tính tức là Lý». La Chỉnh Am phê bình Vương Dương Minh rằng: «*Truyền Tập Lục* chép: "Lương tri của Tâm ta tức là Thiên Lý." [...] Lại có người hỏi

---

[99] ***Vương Văn Thành Công Toàn Thư*** **(Đáp Thư Quốc Dụng Thư 答舒國用書): «Thiên Lý thường tồn nhi kỳ chiêu minh linh giác chi bản thể, vô sở khuy tế, vô sở khiên nhiễu, vô sở khủng cụ ưu hoạn, vô sở hiếu nhạo phẫn sí, vô sở ý tất cố ngã, vô sở khiếm nỗi quý tạc. Hoà dung oánh triệt, sung tắc lưu hành; động dung chu toàn nhi trúng lễ, tòng tâm sở dục nhi bất du; tư nãi sở vị chân sái lạc.»** 天理常存而其昭明靈覺之本體,無所虧蔽,無所牽擾,無所恐懼憂患,無所好樂忿懥,無所意必固我,無所歉餒愧怍.和融瑩徹,充塞流行;動容周旋而中禮,從心所欲而不踰;斯乃所謂灑落.**– LAM chú: Về *«khủng cụ, ưu hoạn, hiếu nhạo, phẫn sí»* xin xem chú thích 89 của chương này; về *«ý, tất, cố, ngã»* xin xem chú thích 32 của chương này. Chữ *quý tạc* (hổ thẹn) lấy từ *Mạnh Tử* (Tận Tâm, thượng): «Ngưỡng bất quý ư thiên, phủ bất tạc ư nhân.»** 仰而愧於天俯不怍於人 **(Ngước lên không hổ với Trời, cúi xuống không thẹn với người). «Tòng tâm sở dục» là lời Khổng Tử tự nói về mình, trong *Luận Ngữ* (Vi Chính): «Thất thập nhi tòng tâm sở dục, bất du củ.»** 七十而從心所欲不踰矩 **(Ở 70 tuổi ta có thể theo lòng mình muốn mà làm nhưng không vượt khuôn phép).**

[100] ***Khốn Tri Ký*** 困知記: **«Trình Tử ngôn Tính tức Lý dã, Tượng Sơn ngôn Tâm tức Lý dã. Chí đương quy nhất, tinh nghĩa vô nhị. Thử thị tắc bỉ phi, bỉ thị tắc thử phi, an khả bất minh biện chi.»** 程子言性即理也,象山言心即理也.至當歸一,精義無二.此是則彼非,彼是則此非,安可不明辨之.

[101] ***Khốn Tri Ký*** 困知記: **«Phù Tâm giả, nhân chi thần minh; Tính giả, nhân chi sinh Lý. Lý chi sở tại vị chi Tâm, Tâm chi sở hữu vị chi Tính, bất khả hỗn nhi vi nhất dã.»** 夫心者,人之神明;性者,人之生理.理之所在謂之心,心之所有謂之性,不可混而爲一也.

về câu “Người nhân ái xem trời đất và vạn vật là một thể.” Vương đáp: “Nếu người ta có thể giữ được một điểm sự sống ấy, thì sẽ thành một thể với trời đất và vạn vật.” Lại hỏi: “Cái gọi là sự sống ấy phải chăng là ý nghĩa của hoạt động hay là cái tri giác linh diệu trống rỗng?” Vương đáp: “Đúng [là tri giác].” Rồi nói tiếp: “Tính tức là sự sống của người.” Những lời nói trên [của Vương] đều xem tri giác là Tính.»[102]

Xem tri giác là Tính, tức là xem Tâm là Lý. La Chỉnh Am nói: «Cái mà nhà Phật gọi là Tính chỉ là tri giác mà thôi.» Qua đó, Chỉnh Am ám chỉ rằng thuyết «Tri giác là Tính» của Vương cũng giống thuyết của nhà Phật.

Trần Thanh Giản 陳清瀾(1497-1567) viết *Học Bộ Thông Biện* 學蔀通辯, cho rằng học thuyết của Chu Hi và Lục Tượng Sơn thuở trẻ thì giống nhau mà lúc già thì khác nhau. Nhận định này trái ngược với nhận định của Vương Dương Minh trong *Chu Tử Vãn Niên Định Luận* và nhận định của Trình Hoàng Đôn 程篁墩(khoảng 1445-1500) trong *Đạo Nhất Biên* 道一編. Trần Thanh Giản cho rằng: phái Tượng Sơn xem tri giác là Tính, tức là gần với Thiền. *Học Bộ Thông Biện* chép: «Lão, Trang, Thiền, và Lục Tượng Sơn đều xem tinh thần linh giác là Lý rất huyền diệu; nhưng *Ngữ Loại* của Chu Hi nói thần chỉ thuộc hình nhi hạ. Thiên *Thích Thị Luận* trong *Văn Tập* của ông chép: “Cái mà nhà Phật gọi *thức tâm kiến tính*, thực tế là sự tụ lại của tinh thần, hồn, phách, mà nhà Nho chúng ta gọi là hình nhi hạ.” Tại sao? Đáp: Vì nó thuộc Khí. Tinh thần linh giác đều là sự diệu dụng của Khí. Khí giống như có hình tích. Cho nên triết học Lục Tượng Sơn nói xem hoa trong gương, vạn tượng trong kính, hình tích hiển lộ, ảnh tượng rõ ràng. Lục Tượng Sơn nói nó là hình nhi hạ, thật đúng vậy.»[103]

---

102 ***Khốn Tri Ký*** 困知記: **«Truyền Tập Lục hữu vân: “Ngô tâm chi lương tri tức sở vị thiên lý dã.” [...] Hựu hữu vấn: “Nhân giả dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể.” Đáp viết: “Nhân năng tồn đắc giá nhất điểm sinh ý, tiện thị dữ thiên địa vạn vật vi nhất thể.” Hựu vấn: “Sở vị sinh giả, tức hoạt động chi ý phủ? Tức sở vị hư linh tri giác phủ?” Viết: “Nhiên.” Hựu viết: “Tính tức nhân chi sinh ý.” Thử giai dĩ tri giác vi tính chi minh nghiệm dã.»** 傳習錄有云:“吾心之良知即所謂天理也.” [...] 又有問:“仁者以天地萬物爲一體.” 答曰:“人能存得這一點生意,便是與天地萬物爲一體.” 又問:“所謂生者,即活動之意否?即所謂虛靈知覺否?” 曰:“然.” 又曰:“性即人之生意.” 此皆以知覺爲性之明驗也.

103 ***Học Bộ Thông Biện:*** **«Tinh thần linh giác, tự Lão Trang Thiền Lục giai dĩ vi chí diệu chi Lý, nhi Chu Tử Ngữ Loại nãi vị thần chỉ thị hình nhi hạ giả. Văn Tập Thích Thị Luận vân: “Kỳ sở chỉ vi thức tâm kiến tính giả, thực tại tinh thần hồn phách chi tụ, nhi ngô Nho sở vị hình nhi hạ giả nhĩ.” Hà dã? Viết: Dĩ kỳ thuộc ư Khí dã. Tinh thần linh giác giai Khí chi diệu dụng dã. Khí tắc do hữu hình tích dã. Cố Lục học viết kính trung quan hoa, viết giám trung vạn tượng, hình tích hiển hĩ, ảnh tượng trứ hĩ, kỳ vi hình nhi hạ dã nghi hĩ.»** 精神靈覺,自老莊禪陸皆以爲至妙之理,而朱子語類乃謂神只是形而下者.文集釋氏論云:“其所

Theo trên, so với phái Chu Hi thì phái Lục Tượng Sơn và Vương Dương Minh gần Thiền hơn. Lục Giá Thư 陸稼書 (1630-1693) đời Thanh, trong *Học Thuật Biện Trung* 學術辨中, cũng từ điểm này mà nêu ra sự bất đồng của Chu Hi và Vương Dương Minh. Các kẻ hậu học của phái Chu Hi cũng phân biệt rất rõ ràng thuyết «Tính tức là Lý» của Lý học với thuyết «Tâm tức là Lý» của Tâm học. Tuy nhiên họ chưa nói rõ rằng các nhà Lý học thì cần đến hai thế giới, còn các nhà Tâm học thì cần đến một thế giới.

7. Vương Long Khê và Vương Tâm Trai

Trong các đệ tử của Vương Dương Minh, có hai người gần với Thiền: Vương Long Khê 王龍谿 và Vương Tâm Trai 王心齋. Hoàng Lê Châu (tức Hoàng Tông Hi) viết rằng: «Cái học của Vương Dương Minh tiên sinh nhờ có Thái Châu 泰州 (tức Tâm Trai) và Long Khê mà lưu truyền thiên hạ; nhưng cũng vì Thái Châu và Long Khê mà dần dần mất chân truyền. Thái Châu và Long Khê thường bất mãn học thuyết của sư phụ mình, nên hai ông lấy bí nghĩa của nhà Phật bổ sung vào [học thuyết của] thầy mình, khiến cái học của Vương Dương Minh thành Thiền học.»[104]

Vương Long Khê 王龍谿 tên thật là Vương Kỳ 王畿 (1498-1583), tự là Nhữ Trung 汝中, hiệu là Long Khê; cùng quê quán là Dư Diêu 餘姚 và cùng tộc họ với Dương Minh.

Vương Tâm Trai 王心齋 tên thật là Vương Lương 王良 (1483-1540), tự là Nhữ Chỉ 汝止, hiệu là Tâm Trai, người quê ở An Phong Trường 安豐場 thuộc Thái Châu 泰州 (nay là Đông Đài 東台, tỉnh Giang Tô 江蘇).

Long Khê có thuyết Tứ Vô 四無, cải biên giáo pháp của Dương Minh. Vương Dương Minh mỗi lần dạy đệ tử đều nêu bốn câu làm giáo pháp:

指爲識心見性者,實在精神魂魄之聚,而吾儒所謂形而下者耳." 何也? 曰:以其屬於氣也.精神靈覺皆氣之妙用也.氣則猶有形跡也.故陸學曰鏡中觀花,曰鑑中萬象.形跡顯矣,影象著矣,其爲形而下也宜矣.

104 *Minh Nho Học Án:* **«Dương Minh tiên sinh chi học, hữu Thái Châu Long Khê nhi phong hành thiên hạ, diệc nhân Thái Châu Long Khê nhi tiệm thất kỳ truyền. Thái Châu Long Knê thời thời bất mãn kỳ sư thuyết, ích khải Cồ Đàm chi bí nhi quy chi sư, cái tễ Dương Minh nhi vi Thiền hĩ.»** 陽明先生之學,有泰州龍谿而風行天下,亦因泰州龍谿而漸失其傳.泰州龍谿時時月滿其師說,益啓瞿曇之秘而歸之師,蓋躋陽明而爲禪矣.

1. Vô thiện vô ác tâm chi thể 無善無惡心之體(không thiện không ác là bản thể của tâm);

2. Hữu thiện hữu ác ý chi động 有善有惡意之動(có thiện có ác là cái động của ý nghĩ);

3. Tri thiện tri ác thị lương tri 知善知惡是良知(biết thiện biết ác là lương tri);

4. Vi thiện khử ác thị cách vật 爲善去惡是格物(làm thiện trừ ác là cách vật).

Long Khê cho rằng chúng là quyền pháp, chưa thể chấp định. Theo quan điểm của ông, *tâm, ý, tri, vật* chỉ là một thứ. Nếu giác ngộ được rằng *tâm* không thiện không ác, thì *ý*, *tri*, *vật* cũng không thiện không ác. Bởi vì bản tính Trời phú cho ta thì thuần tuý và chí thiện, nên động cơ của cảm và ứng về tinh thần của nó thì tự nhiên và không thể bị can thiệp. Do đó chúng ta không thể lấy chữ «thiện» (theo ý nghĩa thông thường) mà gán cho nó. Ác vốn là Vô, thì thiện cũng không thể là Hữu. Tâm có cảm thì tự nhiên có ứng. Tâm có sự lưu hành tự nhiên, nếu chúng ta thuận theo sự lưu hành tự nhiên ấy, thì sẽ không chấp trước vào Hữu. Như thế, tâm là vô tâm, ý là vô ý, tri là vô tri, vật là vô vật. Do đó, ác cố nhiên là Vô thì thiện cũng không thể là Hữu. Đó là thuyết Tứ Vô (vô tâm, vô ý, vô tri, vô vật) của Long Khê.

Cái gọi là «không chấp vào Hữu» tức là thuận theo sự lưu hành tự nhiên của tâm, giống như Vương Dương Minh đã nói: «Bản thể lương tri giống như gương sáng, không bị che lấp chút nào. Vật đẹp hay xấu hiện đến, tuỳ theo vật mà gương hiện hình ảnh, nhưng gương sáng không hề lưu lại vết bợn.» Nếu Long Khê chỉ nói như thế, thì Dương Minh có thể thừa nhận. Nhưng Long Khê lại đem lời lẽ của Thiền Tông để thuyết minh chủ trương của Vương Dương Minh, cho nên *Thiên Tuyền Chứng Đạo Ký* 天泉證道記 nói rằng Vương Dương Minh cũng xem thuyết Tứ Vô là một loại giáo pháp.

Long Khê nói: «Câu "hà tư hà lự" 何思何慮(nghĩ gì, lo gì?)[105] trong Hệ Từ, không có nghĩa là không lo không nghĩ. Hãy để sự lo nghĩ phát ra tự nhiên, nhưng đừng cả lo cả nghĩ. Tại sao ta lại can thiệp kia chứ? Thí dụ như ánh sáng của mặt trời và mặt trăng tự nhiên qua lại mà vạn vật được soi chiếu hết. Tại sao mặt trời và mặt trăng lại can thiệp kia chứ? [...] Huệ Năng nói: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, nhưng

---

[105] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 22 của chương 10 trên đây.**

không đoạn trừ trăm lo nghĩ." Đó là cái học thượng thừa, là pháp môn duy nhất vậy.»[106]

Long Khê lại nói: «Một niệm rõ ràng và tĩnh định, đó là cái học quang minh [của thánh nhân]. Một niệm là vô niệm; tức là niệm mà lìa niệm. Cho nên cái học của người quân tử lấy vô niệm làm tông chỉ.»[107]

Nếu tu dưỡng như thế, thì có thể thoát khỏi sinh tử luân hồi. Long Khê nói: «Con người có sinh tử luân hồi, là do sự tai quái mà niệm và thức gây ra. Niệm có qua lại. Niệm là tác dụng của thiện tâm hoặc ác tâm, qua lại bất thường. Đó là mầm mống của luân hồi. Thức có phân biệt. Thức là thần phát ra trí tuệ; chợt khởi, chợt diệt; khởi diệt không dừng. Đó là căn nguyên của sinh tử. Đó lẽ chung xưa nay, cũng chính là thực tế hiện nay. Nho gia xem đó là cái học dị đoan; kiêng không nói. Ta có thể thấy sự nghi hoặc của họ. Niệm bắt nguồn từ tâm. Chí nhân vô tâm thì niệm dứt và tự nhiên không có luân hồi. Thức biến hoá thành tri thức. Chí nhân vô tri thì thức trở thành không và tự nhiên không có sinh tử.»[108]

---

106 *Long Khê Toàn Tập:* «Phù hà tư hà lự, phi bất tư bất lự dã. Sở tư sở lự, nhất xuất ư tự nhiên, nhi vị thường hữu biệt tư biệt lự, ngã hà dung tâm yên. Thí chi nhật nguyệt chi minh, tự nhiên vãng lai, nhi vạn vật tất chiếu, nhật nguyệt hà dung tâm yên. [...] Huệ Năng viết: "Bất tư thiện bất tư ác, khước hựu bất đoạn bách lự tưởng." Thử thượng thừa chi học, bất nhị pháp môn dã.» 夫何思何慮,非月思月慮也.所思所慮,一出於自然,而未嘗有別思別慮,我何容心焉.譬之日月之明,自然往來,而萬物畢照,日月何容心焉. [...] 惠能曰:"不思善不思惡,卻又不斷百慮想." 此上乘之學,不二法門也.– LAM chú: Lời Huệ Năng được trích ở đây không có trong *Pháp Bảo Đàn Kinh*. Câu «Bất tư thiện bất tư ác» xuất hiện hai lần trong *Đàn Kinh* (phẩm thứ 1 Hành Do và phẩm thứ 6 Sám Hối) nhưng với ngữ cảnh khác.

107 *Long Khê Toàn Tập:* «Nhất niệm minh định, tiện thị tập hi chi học. Nhất niệm giả, vô niệm dã, tức niệm nhi ly niệm dã. Cố quân tử chi học, dĩ vô niệm vi tông.» 一念明定,便是緝熙之學.一念者,無念也,即念而離念也.故君子之學,以無念爲宗.

108 *Long Khê Toàn Tập:* «Nhân chi hữu sinh tử luân hồi, niệm dữ thức vi chi tuỳ dã. Niệm hữu vãng lai; niệm giả nhị tâm chi dụng, hoặc chi thiện, hoặc chi ác, vãng lai bất thường, tiện thị luân hồi chủng tử. Thức hữu phân biệt; thức giả phát trí chi thần, thúc nhi khởi, thúc nhi diệt, khởi diệt bất đình, tiện thị sinh tử căn nhân. Thử thị cổ kim chi thông lý, diệc tiện thị hiện tại chi thực sự. Nho giả dĩ vi dị đoan chi học, huý nhi bất ngôn, diệc kiến kỳ hoặc dã dĩ. Phù niệm căn ư tâm, chí nhân vô tâm tắc niệm tức, tự vô luân hồi. Thức biến vi tri, chí nhân vô tri tắc thức không, tự vô sinh tử.» 人之有生死輪迴,念與識爲之祟也.念有往來;念者二心之用.或之善,或之惡,往來不常,便是輪迴種子.識有分別;識者發智之神,倏而起,倏而滅,起滅不停,便是生死根因.此是古今之通理,亦便是現在之實事.儒者以爲異端之學,諱而不言,亦見其惑也已.夫念根於心,至人無心則念息,自無輪迴.識變爲知,至人無知則識空,自無生死.

Niệm dứt, tức là vô niệm, cũng là «niệm mà lìa niệm». Về sự phân biệt giữa thức và tri, Long Khê nói: «Tri không có khởi và diệt; thức có chủ thể và đối tượng. Tri không giới hạn ở nơi chốn; thức có phân biệt. Thí dụ như gương sáng chiếu vật. Bản thể của gương là trống không. Vật đẹp, xấu, đen, trắng tự qua lại trong cái bản thể trống không ấy, chúng không tăng giảm. Nếu dấu vết của vật đẹp, xấu, đen, trắng, ngưng trệ mà không biến mất, thì bản thể của gương bị che lấp. Sự trống không của bản thể của gương không bị tăng hay giảm, tức là không có sinh tử; đó gọi là lương tri. Biến thức thành tri, thì thức là tác dụng của tri; xem thức là tri, thì thức là kẻ giặc của tri.»[109]

Theo trên, thức chấp trước ngoại vật sinh ra một thứ tri nào đó. Nếu thức không chấp trước ngoại vật, thì nó là tri mà vô tri. Tức là thức biến thành tri.

Trên đây là phương pháp tu dưỡng của Long Khê, về đại thể thì tương đồng với thuyết của Trình Hạo trong *Định Tính Thư* và thuyết động tĩnh hợp nhất của Vương Dương Minh. Nhưng chỉ bấy nhiêu đó mà thoát được luân hồi sinh tử thì Trình Hạo và Vương Dương Minh chưa hề nói.

Vương Dương Minh nói rằng: «Khi Phật gia nói đến Vô, mục đích của họ là thoát biển khổ của sinh tử. Khi họ thêm ý nghĩa ấy vào bản thể của tâm, thì nguyên nghĩa của Hư và Vô không còn nữa.»[110] Đó là một điểm bất đồng căn bản giữa Đạo học và Phật học đời Tống và đời Minh. Khi Long Khê trộn lẫn chúng, học thuyết của ông không chỉ gần với Thiền, mà e rằng chính là Thiền. Cho nên đối với Long Khê, cái học Nho-Phật-Lão về cơ bản thì không khác nhau.

Long Khê nói: «Học thuyết của Tam giáo có chung một nguồn. Lão nói Hư; Nho cũng nói Hư; Phật nói Tịch (vắng lặng). Ai theo đó mà phân biệt làm chi? Nhà Nho ở đời không xét được nguồn gốc, cứ xem Phật và

---

[109] *Long Khê Toàn Tập:* «Tri vô khởi diệt, thức hữu năng sở. Tri vô phương thể, thức hữu khu biệt. Thí chi minh kính chi chiếu vật, kính thể bản hư, nghiên si hắc bạch, tự vãng lai ư hư thể chi trung, vô gia giảm dã. Nhược nghiên si hắc bạch chi tích, trệ nhi bất hoá, kính thể phản vi sở tế hĩ. Kính thể chi hư, vô gia giảm tắc vô sinh tử, sở vị lương tri dã. Biến thức vi tri, thức nãi tri chi dụng; nhận thức vi tri, thức nãi tri chi tặc.» 知無起滅，識有能所．知無方體，識有區別．譬之明鏡之照物，鏡體本虛，妍媸黑白，自往來於虛體之中，無加減也．若妍媸黑白之跡，滯而不化，鏡體反爲所蔽矣．鏡體之虛，無加減則無生死，所謂良知也．變識爲知，識乃知之用；認識爲知，識乃知之賊．

[110] LAM chú: Xin xem chú thích 82 của chương này.

Lão là dị đoan. Đó là vì chưa bàn luận cho thông.»[111] Lời này cơ hồ thủ tiêu một lập trường trọng yếu của Đạo học đời Tống và đời Minh, khiến người ta trở về thái độ của người đời Nguỵ và đời Tấn đối với Tam giáo.

Theo trên, Hoàng Lê Châu không phải không đúng khi nói rằng cái học của Long Khê gần với Thiền. Tuy nhiên ông nói cái học của Tâm Trai gần với Thiền thì không đúng thực tế. Kẻ hậu học của Tâm Trai là Nhan Quân mới có cái học gần với Thiền hơn. Hoàng Lê Châu viết: «Nhan Quân 顏鈞, tự là Sơn Nông 山農, người ở Cát An 吉安. [...] Học thuyết của ông cho rằng nhân tâm thì kỳ diệu nhất vạn vật nhưng khó dò. Tính là ngọc sáng, vốn không bám bụi. Có nhìn và nghe, cần chi phải cẩn thận và sợ sệt?[112] Bình thường ta chỉ cần noi theo Tính mà hành động, hoàn toàn tuỳ theo tự nhiên; như vậy gọi là Đạo. Gặp khi có phóng dật, thì phải cẩn thận và sợ sệt để tu sửa nó. Kiến văn, đạo lý, cách thức của tiên Nho cốt để làm trở ngại Đạo mà thôi.»[113]

Kiến giải ấy Tâm Trai chưa hề nói ra. Giải thích của ông về cách vật được người đời gọi là «thuyết cách vật của Hoài Nam». Thuyết ấy nói rằng: «*Cách* giống như chữ *cách* trong *cách thức*; tức là cái mà cuối sách *Đại Học* gọi là "hiệt củ" (thước vuông đo lường). Thân ta là một cái thước vuông, thiên hạ quốc gia là hình vuông. Khi ta dùng thước vuông đo nó thì biết rằng sự không chính xác của hình vuông có nghĩa là cây thước không chính xác. Do đó chỉ cần sửa cho đúng cây thước, chứ đừng cầu mong ở hình vuông. Thước vuông đúng thì hình vuông đúng,

---

[111] ***Long Khê Toàn Tập:*** **«Tam giáo chi thuyết, kỳ lai thượng hĩ. Lão thị viết hư; thánh nhân chi học diệc viết hư; Phật thị viết tịch. Thục tòng nhi biện chi? Thế chi Nho giả bất suỷ kỳ bản, loại dĩ nhị thị vi dị đoan, diệc vị vi thông luận dã.»** 三教之說,其來尚矣.老氏曰虛;聖人之學亦曰虛;佛氏曰寂.孰從而辨之?世之儒者不揣其本,類以二氏爲異端,亦未爲通論也.

[112] **LAM chú: Các chữ *giới, thận, khủng, cụ, đổ, văn* liên quan *Trung Dung* (chương 1): «Quân tử giới thận hồ kỳ sở bất đổ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mạc hiện hồ ẩn, mạc hiển hồ vi.»** 君子戒慎乎其所不睹.恐懼乎其所不聞.莫見乎隱,莫顯乎微 **(Quân tử phải cẩn thận nơi không ai nhìn thấy mình, phải sợ sệt nơi không ai nghe thấy mình. Chẳng gì hiện rõ bằng cái ẩn khuất, chẳng gì lồ lộ bằng cái tế vi).**

[113] ***Minh Nho Học Án:*** **«Nhan Quân, tự Sơn Nông, Cát An nhân dã. [...] Kỳ học dĩ nhân tâm diệu vạn vật nhi bất trắc giả dã. Tính vi minh châu, nguyên vô trần ai, hữu hà đổ văn, trước hà giới cụ. Bình thời chỉ thị suất tính nhi hành, thuần nhậm tự nhiên, tiện vị chi Đạo. Cập thời hữu phóng dật, nhiên hậu giới thận khủng cụ dĩ tu chi. Phàm Nho tiên kiến văn, đạo lý cách thức, giai túc dĩ chướng Đạo.»** 顏鈞字山農,吉安人也. [...] 其學以人心妙萬物而不測者也.性爲明珠,原無塵埃,有何睹聞,著何戒懼.平時只是率性而行,純任自然,便是謂道.及時有放逸,然後戒慎恐懼以修之.凡儒先見聞,道理格式,皆足以障道.

hình vuông đúng thì thành *cách*.»[114]

Thiên hạ quốc gia đều là vật. Lấy cây thước là thân ta mà chỉnh đốn thiên hạ quốc gia, tức là cách vật. Do đó cái học của Tâm Trai chú trọng hành vi bản thân. Tác phẩm *Vương Đạo Luận* của ông dựa trên *Chu Lễ*, đề ra biện pháp thực tế đạt tới thái bình. Cái học của ông không gần với Thiền. Ngoài ra, nó mở đường cho cái học của Nhan Tập Trai 顏習齋 (1635-1704) sau này.

Vương Dương Minh có thuyết tri hành hợp nhất. Hoàng Lê Châu viết: «Thuyết cách vật của Vương tiên sinh nói rằng: Đạt tới cùng lương tri của tâm ta đối với sự vật, thì ở mỗi sự vật ta đều đạt được Lý của nó.[115] Thánh nhân dạy người, chỉ là một chữ *hành*. Thí dụ như học rộng, tra hỏi, suy nghĩ cẩn thận, phân biệt rõ, tất cả đều là hành.[116] Gắng sức thực hành là thực hành hoài không thôi. Tiên sinh đạt tới cùng lương tri của tâm đối với sự vật. Chữ *trí* 致 (đạt tới cùng) tức là chữ *hành*, để cứu lấy sự cùng Lý suông, tức là cái sai của việc thảo luận chỉ để hiểu biết thôi.»[117]

Cái học của Vương Dương Minh được giải thích giản dị như vậy rất gần với chủ trương của Nhan Tập Trai sau này, bởi vì Nhan Tập Trai rất chú trọng sự thực hành.

---

114 ***Tâm Trai Di Tập:*** **«Cách như cách thức chi cách, tức hậu hiệt củ chi vị. Ngô thân thị cá củ, thiên hạ quốc gia thị cá phương. Hiệt củ tắc tri phương chi bất chính, do củ chi bất chính dã. Thị dĩ chỉ khứ chính củ, khước bất tại phương thượng cầu. Củ chính tắc phương chính hĩ, phương chính tắc thành cách hĩ.»** 格如格式之格,即後絜矩之謂.吾身是個矩,天下國家是個方.絜矩則知方之不正,猶矩之不正也.是以只去正矩,卻不在方上求.矩正則方正矣,方正則成格矣.

115 **LAM chú: Xin xem lại chú thích 71 của chương này.**

116 **LAM chú: *Trung Dung* (chương 20): «Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi.»** 博學之,審問之,慎思之,明辨之,篤行之 **(Học rộng, tra hỏi, suy nghĩ cẩn thận, phân biệt rõ).**

117 ***Minh Nho Học Án:*** **«Tiên sinh chi cách vật, vị trí ngô tâm chi lương tri ư sự sự vật vật, tắc sự sự vật vật giai đắc kỳ Lý. Dĩ thánh nhân giáo nhân, chỉ thị nhất cá hành, như bác học, thẩm vấn, thận tư, minh biện, giai thị hành dã. Đốc hành chi giả, hành thử số giả bất dĩ thị dã. Tiên sinh trí chi ư sự vật, trí tự tắc thị hành tự, dĩ cứu không không cùng Lý, chỉ tại tri thượng thảo cá phân hiểu chi phi.»** 先生之格物,謂致吾心之良知於事事物物,則事事物物皆得其理.以聖人教人,只是一個行,如博學,審問,慎思,明辨,皆是行也.篤行之者,行此數者不已是也.先生致之於事物,致字則是行字,以救空空窮理,只在知上討個分曉之非.

CHƯƠNG 15

SỰ KẾ THỪA ĐẠO HỌC Ở ĐỜI THANH

1. Hán học và Tống học

Đến đời Thanh (1644-1911), học phong chuyển hướng về cái gọi là Hán học. Các nhà Hán học cho rằng Kinh học mà các Đạo học gia đời Tống và đời Minh giảng đã pha tạp kiến giải của Phật và Lão. Do đó, muốn biết ý nghĩa chân thực của đạo thánh hiền Khổng Mạnh thì phải đi tìm những chú giải kinh điển của người đời Hán. Nguyễn Nguyên 阮元 (1764-1849) nói: «Sở dĩ phải theo nền Kinh học của hai đời Hán là vì nó gần thời của thánh hiền hơn, tức là lúc học thuyết của hai nhà Phật và Lão chưa xuất hiện.»[1] Các nhà giảng Kinh học đời Hán gọi Đạo học đời Tống và đời Minh là Tống học 宋學, để phân biệt với Hán học của họ.

Ở đời Thanh, Tâm học và Lý học mà người đời Tống và đời Minh giảng vẫn được tiếp tục truyền thuật. Trong thời này, nó được gọi là Tống học. Tuy nhiên người truyền thuật nó ít có kiến giải mới mẻ nổi bật. Do đó nói về triết học của đời Thanh thì phải tìm ở Hán học. Các nhà Hán học nếu giảng tới cái học nghĩa lý (tức triết học) thì các vấn đề mà họ thảo luận (như Lý, Khí, Tính, Mệnh, v.v...) chính là các vấn đề mà các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đã nêu ra. Kinh điển mà họ căn cứ vào (như *Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học, Trung Dung*) cũng chính là bốn bộ sách mà các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đã nêu ra. Ở phương diện này mà nói, khi các nhà Hán học giảng cái học nghĩa lý tức là họ đã tiếp tục giảng Đạo học đời Tống và đời Minh. Sự cống hiến của các nhà Hán học là những giải đáp mới mẻ và khá bất đồng đối với các vấn đề triết học và các kinh điển căn bản của các Đạo học gia đời Tống và đời Minh. Tuy nhiên, các Đạo học gia cuối đời Minh đầu đời Thanh đã tạo điều kiện cho các nhà Hán học có giải thích khá bất đồng ấy trong cái học nghĩa lý. Xét theo phương hướng này, thì Đạo học có sự kế thừa và phát triển. Do đó, cái nghĩa lý học của các nhà Hán học, ở bề mặt là

---

[1] ***Hán Học Sư Thừa Ký:*** **«Lưỡng Hán kinh học, sở dĩ đương tuân hành giả, vì kỳ khứ thánh hiền tối cận, nhi nhị thị chi thuyết, thượng vị khởi dã.»** 兩漢經學,所以當遵行者,爲其去聖賢最近,而二氏之說,尚未起也.

sự chống lại Đạo học, nhưng kỳ thực lại chính là một phần kế thừa và phát triển của Đạo học.

2. Nhan Nguyên, Lý Cung, và một số Đạo học gia

Đời Thanh, trước khi Hán học và Tống học được thành lập, ở miền bắc Trung Quốc có học phái của thầy trò Nhan Nguyên và Lý Cung. Nhan Nguyên 顏元(1635-1704), tự là Hồn Nhiên 渾然, hiệu là Tập Trai 習齋, người huyện Bác Dã 博野 của Trực Lệ 直隸(nay thuộc tỉnh Hà Bắc). Lý Cung 李塨(1659-1746), tự là Cương Chủ 剛主, hiệu là Thứ Cốc 恕谷, người huyện Lãi 蠡 của Trực Lệ 直隸(nay thuộc tỉnh Hà Bắc), là đệ tử của Nhan Nguyên.

Hai ông phản đối Đạo học đời Tống và đời Minh, và cho rằng cái học của mình mới là Đạo chân chính của thánh hiền Khổng Mạnh. Nhan Nguyên tự nói về tông chỉ của mình rằng: «Từ đời Hán và đời Tấn, sự tầm chương trích cú quá tràn lan, họ chẳng biết rằng chương cú là công cụ truyền đạo thánh hiền, chứ chính nó không phải là đạo thánh hiền. Rồi [đời Nguỵ-Tấn] quá chuộng thanh đàm, họ chẳng biết rằng thanh đàm là công cụ xiển dương cái học của thánh hiền, chứ chính nó không phải là cái học của thánh hiền. Bởi thế sự phù phiếm rỗng tuếch ngày càng thịnh; nhưng cái đạo *"tam sự, lục phủ"* của Nghiêu và Thuấn cũng như cái học *"lục đức, lục hạnh, lục nghệ"* của Chu Công và Khổng Tử nhằm xác định địa vị đích thực của trời đất và nuôi dưỡng thực sự vạn vật, cơ hồ biến mất trong cõi Càn Khôn. Cho đến khi Phật và Lão hưng thịnh, có người thì xem trời đất và vạn vật hoàn toàn là không, nên quay về sự tịch diệt; có người thì xem trời đất và vạn vật hoàn toàn là vô, nên quay về siêu thoát. [...] Trong thời vận của họ Triệu,[2] nhiều người được nêu tên trong Khổng miếu đều là kẻ sĩ biên tập và chú giải kinh điển như thể tầm chương trích cú, đều là bọn ngồi trên cao giảng luận như thể thanh đàm. Khi họ nói về cách dạy người trở nên hiếu, đễ, trung, tín, và khi họ cho rằng khí bẩm vốn ác, thì có gì khác nhau giữa họ với Lão, tức là kẻ xem lễ và nghĩa là cái làm hại trung và tín; có gì khác nhau giữa họ với Phật, tức là kẻ xem tai, mắt, mũi, miệng, [thân, ý] là sáu tên cướp? Cho nên, theo thiển kiến của tôi, nếu bảo rằng Tống Nho là thành tựu lớn của Phật và Lão đời Hán và đời Tấn thì được, nhưng bảo rằng nó là phái chính tông của Nghiêu, Thuấn, Chu Công, Khổng Tử thì không

---

[2] **LAM chú: Họ Triệu tức Triệu Khuông Dận 趙匡胤(thường bị đọc lầm là *Dẫn*), lập nên nhà Tống, gồm Bắc Tống (960-1127) và Nam Tống (1127-1279) cả thảy 320 năm. Khuông Dận lên ngôi, gọi là Tống Thái Tổ 宋太祖(tại vị 960-976), lấy niên hiệu Kiến Long 建隆.**

được. [...] Vì nỗi sợ ấy, tôi viết bài *Tồn Học* (giữ gìn sự học), để làm rõ cái đạo *"tam sự, lục phủ, lục đức, lục hạnh, lục nghệ"* của Nghiêu, Thuấn, Chu Công, Khổng Tử. Mục đích chính của tôi là nói rõ: Đạo chẳng phải ở việc tầm chương trích cú trong *Thi, Thư;* và sự học chẳng phải ở việc tụng đọc và thông minh hơn người. Đạo và học, như Khổng Tử nói, là học rộng văn chương và khép mình ở lễ, đích thân thực học và thực tập nó,[3] suốt đời không biếng nhác. [Tôi còn] viết bài *Tồn Tính* (giữ gìn bản tính) với mục đích chính là nói rõ: Lý và Khí đều là Đạo Trời; Tính và hình thể [con người] đều do Trời phú bẩm. Khí chất của Tính và Mệnh của con người tuy sai biệt nhưng đều là thiện. Khí chất chính là tác dụng của Tính và Mệnh, nên không thể nói là ác. Cái gọi là ác của con người là do tác hại của bốn chữ *dẫn* 引 (lôi kéo), *tế* 蔽 (che lấp), *tập* 習 (thói quen), *nhiễm* 染 (lây nhiễm) gây ra. Mong sao bài văn ấy có thể khiến cho người ta hiểu rằng: Dù làm một điều ác nhỏ nhặt thì cũng là làm phai mờ cái bản thể sáng láng rực rỡ của mình; đạt tới cái thiện của thần thánh là bắt đầu tự làm sung túc cái hình hài vốn có của mình.»[4]

---

3 LAM chú: *Học* và *tập* lấy từ *Luận Ngữ* (Học Nhi): «Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?» 學而時習之,不亦說(悅)乎 (Học [cái gì] thì luôn luyện tập nó, như thế chẳng vui sao?). Cụm từ «bác văn ước lễ» lấy từ *Luận Ngữ* (Ung Dã): «Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phất bạn hĩ phù!» 君子博學於文,約之以禮,亦可以弗畔(叛)矣夫 (Người quân tử học rộng văn chương và lấy lễ ước thúc mình, như thế cũng có thể không trái [đạo lý]). Trong *Luận Ngữ* (Tử Hãn), Nhan Uyên nói: «Phu tử tuần tuần nhiên thiện dụ nhân: Bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ.» 夫子循循然善誘人:博我以文,約我以禮 (Thầy tuần tự khéo léo dẫn dắt người: Thầy lấy văn chương mở mang tôi, lấy lễ ước thúc tôi).

4 *Tồn Học Biên:* «Tự Hán Tấn phiếm lạm ư chương cú, bất tri chương cú sở dĩ truyền thánh hiền chi đạo, nhi phi thánh hiền chi đạo dã. Cạnh thượng hồ thanh đàm, bất tri thanh đàm sở dĩ xiển thánh hiền chi học, nhi phi thánh hiền chi học dã. Nhân chi hư phù nhật thịnh, nhi Nghiêu Thuấn tam sự lục phủ chi đạo, Chu Công Khổng Tử lục đức lục hạnh lục nghệ chi học, sở dĩ thực vị thiên địa, thực dục vạn vật giả, cơ bất kiến ư Càn Khôn trung hĩ. Đãi ư Phật Lão xương xí, hoặc thủ thiên địa vạn vật nhi tận không chi, nhất quy ư tịch diệt; hoặc thủ thiên địa vạn vật nhi tận vô chi, nhất quy ư thăng thoát. [...] Triệu thị vận trung phân phân tễ Khổng Tử miếu đình giả, giai tu tập chú giải chi sĩ, do nhiên chương cú dã; giai cao toạ giảng luận chi nhân, do nhiên thanh đàm dã. Chí ư ngôn hiếu đễ trung tín như hà giáo, khí bẩm bản hữu ác, kỳ dữ Lão thị dĩ lễ nghĩa vi trung tín chi bạc, Phật thị dĩ nhĩ mục khẩu tỵ vi lục tặc giả, tương khứ kỷ hà dã. Cố bộc vọng luận Tống Nho, vị thị tập Hán Tấn Thích Lão chi đại thành giả tắc khả, vị thị Nghiêu Thuấn Chu Khổng chi chính phái tắc bất khả. [...] Mỗ vi thử cụ, trứ Tồn Học nhất biên, giáp minh Nghiêu Thuấn Chu Khổng tam sự lục phủ lục đức lục hạnh lục nghệ chi đạo, đại chỉ minh đạo bất tại Thi Thư chương cú, học bất tại dĩnh ngộ tụng độc, nhi kỳ như Khổng môn bác văn ước lễ, thân thực học chi, thân thực tập chi, chung thân bất giải giả. Trứ Tồn Tính nhất biên, đại chỉ minh lý khí câu thị thiên đạo, tính hình câu thị thiên mệnh. Nhân chi tính mệnh chi khí chất, tuy các hữu sai đẳng, nhi câu thị thử thiện, khí chất chính tính mệnh chi tác dụng, nhi bất khả vị hữu ác. Kỳ sở vị ác giả, nãi do dẫn tế tập nhiễm tứ tự vi chi tuý dã. Kỳ sử nhân tri vi ti hào chi ác, giai thị điếm kỳ quang oánh chi bản thể; cực thần thánh chi

Trên đây Nhan Nguyên dùng các từ *tam sự, lục phủ, lục đức, lục hạnh, lục nghệ*.

Tam sự và *lục phủ* lấy từ *Thư Kinh* (Đại Vũ Mô): «Thuỷ, hoả, kim, mộc, thổ, cốc, vị chi *lục phủ*; chính đức, lợi dụng, hậu sinh, vị chi *tam sự*.» 水火金木土穀謂之六府,正德利用厚生謂之三事 (Nước, lửa, kim loại, gỗ, đất, ngũ cốc, gọi là sáu kho chứa; chỉnh đốn đạo đức của dân, dùng [tài nguyên mà] có lợi, làm dồi dào đời sống của dân, gọi là ba việc).[5]

Lục đức, lục hạnh, lục nghệ lấy từ *Chu Lễ:* «Lấy ba thứ của cấp hương học mà dạy dân; hễ ai hiền tài thì lấy lễ tân khách mà tiếp đãi rồi tiến cử người đó lên vua, [ba thứ đó là]: (1) *sáu đức:* trí 智, nhân 仁, thánh 聖(sáng suốt), nghĩa 義, trung 忠 (trung thành), hoà 和(hiền hoà); (2) *sáu hạnh:* hiếu 孝, hữu 友(thân ái với anh em), mục 睦(thân ái với cửu tộc), nhân 姻(thân ái với họ hàng bên mẹ và bên vợ), nhậm 任(tín nhiệm), tuất 恤(thương xót); (1) *sáu nghề:* lễ 禮, nhạc 樂, xạ 射(bắn tên), ngự 御

---

thiện, thuỷ tự sung kỳ cố hữu chi hình hài.» 自漢晉汎濫於章句,不知章句所以傳聖賢之道,而非聖賢之道也.競尚乎清談,不知清談所以闡聖賢之學也.因之虛浮日盛,而堯舜三事六府之道,周公孔子六德六行六藝之學,所以實位天地,實育萬物者,幾不見於乾坤中矣.迨於佛老昌熾,或取天地萬物而盡空之,一歸於寂滅;或取天地萬物而盡無之,一歸於陞脫. [...] 趙氏運中紛紛躋孔子廟庭者,皆修輯註解之士,猶然章句也;皆高坐講論之人,猶然清談也.至於言孝悌忠信如何教,氣稟本有惡,其與老氏以禮義爲忠信之薄,佛氏以耳目口鼻爲六賊者,相去幾何也.故僕妄論宋儒,謂是集漢晉釋老之大成者則可,謂是堯舜周孔之正派則不可. [...] 某爲此懼,著存學一編,甲明堯舜周孔三事六府六德六行六藝之道,大旨明道不在詩書章句,學不在穎悟誦讀,而期如孔門博文約禮,身實學之,身實習之,終身不懈者.著存性一編,大旨明理氣俱是天道,性情俱是天命.人之性命之氣質,雖各有差等,而俱是此善,氣質正性命之作用,而不可謂有惡.其所以謂惡者,乃由引蔽習染四字爲之祟也.期使人知爲絲毫之惡,皆是玷其光瑩之本體;極神聖之善,始自充其固有之形骸.

[5] **LAM chú: Đây là lời ông Vũ nói với vua Thuấn. *Lục phủ* với *tam sự* gộp lại là *cửu công* 九功 (chín công). Ở đây tôi dịch theo Derk Bodde. *Đại Vũ Mô* hiện nay bị xem là nguỵ cổ văn. Câu Phùng Hữu Lan trích khác với nguyên bản. *Thư Kinh Trực Giải* (Chiết Giang Văn Nghệ xbx, 1997, tr.227) chép: «Vũ viết: Ô! Đế niệm tai! Đức duy thiện chính, chính tại dưỡng dân. *Thuỷ, hoả, kim, mộc, thổ, cốc duy tu; chính đức, lợi dụng, hậu sinh duy hoà;* cửu công duy tự, cửu tự duy ca.»** 禹曰:於!帝念哉!德惟善政,政在養民.水火金木土穀惟修;正德利用厚生惟和;九功惟敘,九敘惟歌. **James Legge dịch: «Yu said, Oh! think [of these things], O Ti. The virtue of the ruler is seen in his good government, and that government in the nourishing of the people. There are water, fire, metal, wood, the earth, and grain,–these must be duly regulated; there are the rectification of the**

(cưỡi ngựa), thư 書 (sáu cách tạo chữ Hán), số 數 (toán học).»[6]

Theo Nhan Nguyên và Lý Cung, ngày xưa khi dạy người thì thánh hiền dạy họ thực có *lục đức*, thực hành *lục hạnh*, thực tập *lục nghệ*, nghiên cứu thực tế công việc của sáu kho, để áp dụng có lợi và làm dồi dào đời sống của dân mà thôi. Cái gọi là «cách vật» trong sách *Đại Học* tức là nói điểm đó. *Cách* ở đây có nghĩa là *kháng cự, chống lại*, như trong câu «thủ cách mãnh thú» 手格猛獸 (tay không chống lại thú dữ).[7] *Vật* ở đây có nghĩa là *vật có gốc ngọn*, tức là *minh đức thân dân*, tức là *ý, thân, tâm, gia, quốc, thiên hạ*. Những cái đó gọi là *vật* vì các hành động thành (ý), chính (tâm), tu (thân), tề (gia), trị (quốc), bình (thiên hạ) đều là những thứ cần phải học. Lễ, nhạc, v.v... được nói trong *Chu Lễ* đều được xem là *vật* [để học].

---

people's virtue, the tools and other things that supply the conveniences of life, and the securing abundant means of sustentation,–these must be harmoniously attended to. When the nine services thus indicated have been orderly accomplished, that accomplishment will be hailed by the people's songs.» (Ông Vũ nói: Ôi! Xin Đế hãy nghĩ đến mấy điều này. Đức của vua được thấy qua nền chính trị tốt của ngài; nền chính trị ấy được thấy qua sự nuôi dân. *Có nước, lửa, kim loại, gỗ, đất, và ngũ cốc, mà chúng phải được quản lý hợp thời. Có sự chỉnh đốn đạo đức của dân, dụng cụ và đồ vật khác cung cấp sự tiện lợi của đời sống, phương tiện dồi dào bảo đảm duy trì sự sống, mà chúng phải được quan tâm hài hoà.* Khi chín công việc nêu trên được hoàn thành đâu ra đấy, thì thành tựu ấy sẽ được khen ngợi qua các bài ca dao). Thẩm Quỳnh (*Kinh Thư*, Saigon, 1973, tr.58) dịch khác: «Ông Vũ thưa rằng: Ôi! Nhà vua nên nghĩ đến lời nói của ông Ích. Có đức trạch nên cần có chính sự hay, chính sự hay cốt ở nuôi dân cho được no ấm. *Thuỷ, hoả, kim, mộc, thổ, và các giống thóc sửa lại, không thái quá không bất cập. Luân lý để sửa đức hạnh cho dân, công tác và thương mãi để lợi dụng cho dân, chăn nuôi dân cho khỏi đói rét, đều được điều hoà.* Chín công đã tu hoà, thì dân gian yên vui ca hát.»

6 *Chu Lễ* (Đại Tư Đồ): «Dĩ hương tam vật giáo vạn dân nhi tân hưng chi: Nhất viết *lục đức*: trí, nhân, thánh, nghĩa, trung, hoà; nhị viết *lục hạnh*: hiếu, hữu, mục, nhân, nhậm, tuất; tam viết *lục nghệ*: lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số.» 以鄉三物教萬民而賓興之：一曰六德：知(智),仁,聖,義,忠,和；二曰六行：孝,友,睦,婣,任,恤；三曰六藝：禮,樂,射,御,書,數.– LAM chú: Tôi dịch theo bản *Chu Lễ* (Nhạc Lộc Thư Xã, 2001, tr.98), do Tiền Huyền, Tiền Hưng Kỳ, Vương Hoa Bảo, Tạ Bỉnh Hồng dịch chú. Nói cho đúng thì *hữu* 友 là tình anh đối với em, *đễ* 悌 là tình em đối với anh. Trong *Lục nghệ*, thư là lục thư, không phải là thư pháp. Xin xem lại chú thích 16 của chương 4 (quyển I). Derk Bodde dịch khác, dựa theo bản dịch tiếng Pháp của Eduard Biot. Ông hiểu: *thánh* 聖 = sageliness (hiền minh), *mục* 睦 = affection toward one's associates (thân ái với người cộng sự), *nhân* 婣 = marital constancy (chung thuỷ vợ chồng), *nhậm* 任 = forebearance (nhẫn nại), *thư* 書 = writing (viết chữ, thư pháp).

7 LAM chú: Theo từ điển *Từ Bá*, *cách* 格 dùng như động từ có 8 nghĩa: (1) *trở chỉ* 阻止 (cản trở, cách trở), (2) *củ chính* 糾正, *khuông chính* 匡正 (sửa cho đúng), (3) *suy cứu* 推究 (suy xét) như: *trí tri tại cách vật* 致知在格物, (4) *lượng độ* (đo lường), (5) *kích đả* 擊打 (đánh), (6) *kích sát* 擊殺 (giết) như: *cách địch* 格敵 (giết địch 殺敵), (7) *kháng cự* 抗拒 (chống lại) như: *cách mãnh thú* 格猛獸 (chống mãnh thú) [*Sử Ký*, Lý Tướng Quân liệt truyện], (8) dùng thông với *hạc* 佫 = lai đáo 來到, đáo đạt 到達 (đến).

Nhan Nguyên xem Tống Nho chỉ là «thành tựu lớn của Phật và Lão đời Hán và đời Tấn» chứ không phải là «phái chính tông của Nghiêu, Thuấn, Chu Công, Khổng Tử». Xét về phương diện lịch sử, nhận xét ấy cũng hợp với sự thực, nhưng nếu nhân điểm ấy mà nói Tống Nho sai lầm tự căn bản thì không được.



Nhan Nguyên

Thời của Nhan Nguyên, chưa có danh từ «Hán học». Ông cũng không phải là một nhà Hán học, nhưng các lý do ông đưa ra chống lại Tống Nho cũng giống như các lý do mà các nhà Hán học về sau dùng để chống lại Tống Nho. Điều đáng chú ý là thời bấy giờ trong số những Đạo học gia cũng có người cùng ý kiến với Nhan Nguyên. Thí dụ như Lục Thế Nghi 陸世儀(1611-1672), tự là Đạo Uy 道威, hiệu là Phù Đình 桴亭, quê ở Thái Thương 太倉(thuộc Giang Tô). Lục Thế Nghi viết: «Thiên hạ không có ai giảng học, thì thế đạo suy; thiên hạ ai ai cũng giảng học, thì thế đạo cũng suy. Ba đời (Hạ, Thương, Chu), vua ra vua, bầy tôi ra bầy tôi, cha ra cha, con ra con; ai cũng cúc cung với công việc, tận tuy với bổn phận. Trong nhà trường, học sinh tụng đọc *Thi* và *Thư*, luyện tập lễ nhạc mà thôi, chưa hề có ai lấy miệng lưỡi để tranh thắng với kẻ khác.»[8]

---

8 **_Tư Biện Lục:_ «Thiên hạ vô giảng học chi nhân, thế đạo chi suy; thiên hạ giai giảng học chi nhân, diệc thế đạo chi suy dã. Tam đại chi thế, quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử, các vụ cung hành, các đôn thực hành, tường tự chi trung, tụng Thi Thư, tập lễ nhạc nhi dĩ, vị thường dĩ khẩu thiệt tương giác thắng dã.»** 天下無講學之人,世道之衰;天下皆講學之人,亦世道之衰也.三代之世,君君臣臣父父子子,各務躬行,各敦實行,庠序之中,誦詩書,習禮樂而已,未嘗以口舌相角勝也.**– LAM chú: Cổ văn phân biệt tên gọi nơi dạy học: _hiệu, tường, tự, học, thục, quán, thái học, quốc tử giám, thư viện_. (1) _Về tính chất công và tư_: trường tư gọi là _thục_** 塾**(hay _tư thục_** 私塾, **_tây thục_** 西塾**) hoặc _quán_** 館**(hay _thư quán_** 書館**); trường công thì tuỳ theo cấp độ, ở cấp tối cao cả nước thì gọi là _thái học_** 太學 **hay _quốc tử giám_** 國子監**, ở cấp địa phương thì gọi là _hiệu_** 校**, _tường_** 庠**, _tự_** 序**, _học_** 學**, _thư viện_** 書院**(có khi do tư nhân lập). (2) _Về thời đại_: Trường học đời Hạ gọi là _hiệu_** 校**, đời Thương gọi là _tường_** 庠**, đời Chu gọi là _tự_** 序**. Đời Hán sắp thứ tự cấp độ trường công từ cao xuống thấp là: _học_** 學**, _hiệu_** 校**, _tường_** 庠**, _tự_** 序**. Về sau có trường tư thì gọi là _thục_** 塾 **và _quán_** 館**. Đời Minh và Thanh, trường công cấp huyện gọi là _ấp tường_** 邑庠**. Học phủ tối cao là _thái học_** 太學 **do Hán Vũ Đế lập ra. Đến đời Tấn, _thái học_ bị đổi thành _quốc tử học_** 國子學 **và _quốc tử tự_** 國子寺**(_tự_ ở đây không có nghĩa là chùa). Đến đời Tuỳ Dạng Đế, thì nó gọi là _quốc tử giám_** 國子監 **và tên gọi này được dùng đến cuối đời Thanh. Từ đời Tống tới đời Thanh, nơi cho các văn nhân dạy học thì gọi là _thư viện_** 書院**(do tư nhân hoặc quan phủ thành lập). Tham khảo: Tiết Nho Chương** 薛儒章**(chủ biên), _Giản Minh Cổ Hán Ngữ Loại Từ Từ Điển_** 簡明古漢語類詞詞典**, Bắc Kinh, 1989, tr.26-28.**

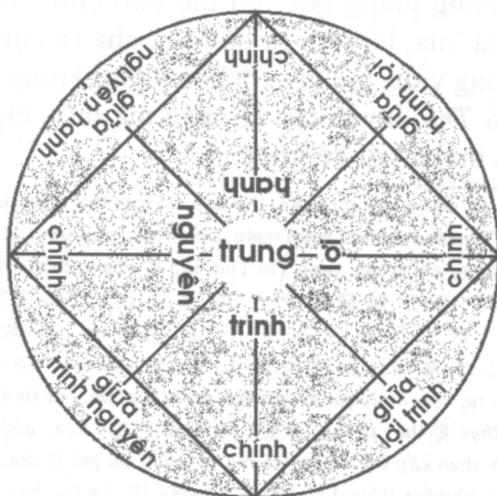
Ông còn nói: «Gần đây người ta dạy học, phần nhiều lấy thanh đàm của người đời Tấn mà dạy; thật là chuyện rất tai hại. Cửa Khổng không lời nào mà không dạy người ta hành động thiết thực.»[9]

Lục Thế Nghi viết *Tư Biện Lục* 思辨錄, nghiên cứu sâu về các chế độ quân sự, canh nông, lễ, nhạc, chính trị, và có cùng quan điểm với Nhan Nguyên. Nhan Nguyên giảng về chính tâm và thành ý (trong sách *Đại Học*) thì cũng cùng quan điểm với Lục Thế Nghi. Do đó cái học của Nhan Nguyên tuy chống Đạo học mà kỳ thực lại là một phần kế thừa và phát triển của Đạo học.

a. Lý và Khí

Phần lớn cái học của Nhan Nguyên nhằm biện luận về giáo dục và tu dưỡng. Tác phẩm có nhiều tính triết học của ông là *Tồn Tính Biên*, trong đó ông bàn về Lý, Khí, Tính, Hình. Ông nói: «Tôi trình bày ý kiến thô thiển của mình bằng bảy hình vẽ, nhằm giảng rõ tư tưởng căn bản của Mạnh Tử.»[10]

Hình vẽ cuối cùng tổng kết sáu hình vẽ đầu, như sau đây:



[9] *Tư Biện Lục:* **«Cận nhân giảng học, đa dĩ Tấn nhân thanh đàm, thậm hại sự. Khổng môn vô nhất ngữ bất giáo nhân tựu thực xứ tố.»** 近人講學，多以晉人清談，甚害事．孔門無一語不教人就實處做．

[10] *Tồn Tính Biên:* **«Vi vọng kiến đồ phàm thất, dĩ thân minh Mạnh Tử bản ý.»** 爲妄見圖凡七，以申明孟子本意．

Nhan Nguyên giải thích hình vẽ ấy rằng: «Vòng tròn lớn tượng trưng toàn thể Thiên Đạo. Thượng Đế là chủ tể, ở trung tâm, không thể vẽ thành hình. Nửa vòng bên trái là Dương; nửa vòng bên phải là Âm. Hợp chúng lại thì Âm Dương không ngăn cách. Âm Dương lưu hành tạo ra bốn đức là nguyên, hanh, lợi, trinh. (Nhan Nguyên chú: Tiên Nho phân bốn đức làm xuân, hạ, thu, đông; còn *Luận Ngữ* gọi nó là bốn mùa vận hành.)[11] Trục ngang và trục dọc biểu đạt Khí và Lý của tứ đức ở tình trạng "chính" 正 (ngay ngắn bình thường). Hai trục song song các cạnh hình vuông biểu đạt Khí và Lý của tứ đức ở tình trạng "gián" 間 (lệch lạc bất thường). Bốn cạnh hình vuông tượng trưng sự giao thông. Các chấm nhỏ đầy kín hình tròn tượng trưng sự hoá sinh của vạn vật. Chẳng có gì mà không giao thông; chẳng có gì mà không hoá sinh. Trong đó luôn có Khí ấy và Lý ấy. Nếu ta biết Lý và Khí hợp làm một mảnh (*dung vi nhất phiến* 融爲一片), thì biết hai khí Âm Dương là lương năng 良能 của Thiên Đạo. Bốn đức nguyên, hanh, lợi, trinh là lương năng của hai khí Âm Dương. Hoá sinh vạn vật là lương năng của bốn đức nguyên, hanh, lợi, trinh. Muốn biết hai khí [Âm Dương] của Thiên Đạo, tứ đức của hai khí [Âm Dương], tứ đức sinh vạn vật, chẳng cái gì mà không có lương năng, thì ta có thể nhìn hình vẽ này [mà hiểu].»[12]

---

[11] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Dương Hoá): «Tử viết: Thiên hà ngôn tai! Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên. Thiên hà ngôn tai!»** 子曰:天何言哉!四時行焉,百物生焉.天何言哉!**(Khổng Tử nói: Trời có nói gì đâu! Bốn mùa theo đó vận hành, vạn vật theo đó sinh trưởng. Trời có nói gì đâu!)**

[12] ***Tồn Tính Biên:*** **«Đại khuyên, Thiên Đạo thống thể dã. Thượng Đế chủ tể kỳ trung, bất khả dĩ đồ dã. Tả, Dương dã; hữu, Âm dã. Hợp chi tắc Âm Dương vô gián dã. Âm Dương lưu hành nhi vi tứ đức, nguyên hanh lợi trinh dã. (Tự chú: Tứ đức tiên Nho tức phân xuân hạ thu đông, Luận Ngữ sở vị tứ thời hành dã.) Hoành thụ chính hoạch, tứ đức chính Khí chính Lý chi đạt dã. Tứ giác tà hoạch, tứ đức gian Khí gian Lý chi đạt dã. Giao tà chi hoạch, tượng giao thông dã. Mãn diện tiểu điểm tượng vạn vật chi hoá sinh dã. Mạc bất giao thông, mạc bất hoá sinh dã. Vô phi thị Khí thị Lý dã. Tri Lý Khí dung vi nhất phiến, tắc tri Âm Dương nhị khí, Thiên Đạo chi lương năng dã. Nguyên hanh lợi trinh tứ đức, Âm Dương nhị khí chi lương năng dã. Hoá sinh vạn vật, nguyên hanh lợi trinh tứ đức chi lương năng dã. Tri Thiên Đạo chi nhị khí, nhị khí chi tứ đức, tứ đức chi sinh vạn vật, mạc phi lương năng, tắc khả dĩ quan thử đồ hĩ.»** 大圈,天道統體也.上帝主宰其中,不可以圖之也.左,陽也;右,陰也.合之則陰陽無間也.陰陽流行而爲四德,元亨利貞也.(自註:四德先儒即分春夏秋冬,論語所謂四時行也.) 橫豎正畫,四德正氣正理之達也.四角斜畫,四德間氣間理之達也.交斜之畫,象交通也.滿面小點,象萬物之化生也.莫不交通,莫不化生也.無非是氣是理也.知理氣融爲一片,則知陰陽二氣,天道之良能也.元亨利貞四德,陰陽二氣之良能也.化生萬物,元亨利貞四德之良能也.知天道之二氣,二氣之四德,四德之生萬物,莫非良能,則可以觀此圖矣.

Nhan Nguyên chỉ đề cập danh từ Thượng Đế một lần ở đây, ở sau không thấy giải thích gì. Trong vũ trụ luận của Nhan Nguyên, ông xem hai khí Âm Dương là lương năng của Thiên Đạo; sự lưu hành của Âm Dương là bốn đức. Đoạn văn trên nói sự giao thông của bốn đức. Kỳ thực, theo ông, bốn đức và hai khí Âm Dương thì «*giao thông thuận nghịch* 交通順逆, *thác tông huân chưng* 錯綜薰蒸(qua lại xông ướp), *biến dịch cảm xúc* 變易感觸, *tụ tán quyển thư* 聚散卷舒(tụ tán cuộn duỗi)». 16 chữ đó là biến động của bốn đức. Đức chỉ có bốn, mà biến có 16, biến mãi không cùng, vận chuyển không dứt. Bốn đức của hai khí biến động mãi mãi, lưu chuyển khắp chốn, ảnh hưởng lẫn nhau, mà vạn vật hoá sinh. Cái gọi là «biến có 16, biến mãi không cùng» kỳ thực 16 biến là 32 loại: *trung biên trực khuất* 中邊直屈(giữa-biên, thẳng-co), *phương viên hành tịch* 方圓衡僻(vuông-tròn, ngang-dốc), *tề nhuệ ly hợp* 齊銳離合(lụt-bén, lìa-hợp), *viễn cận vi ngộ* 遠近違遇(xa-gần, trái-gặp), *đại tiểu hậu bạc* 大小厚薄(lớn-nhỏ, dầy-mỏng), *thanh trọc cường nhược* 清濁強弱(trong-đục, mạnh-yếu), *cao hạ trường đoản* 高下長短(cao-thấp, dài-ngắn), *tật trì toàn khuyết* 疾遲全缺(nhanh-chậm, vẹn-khuyết). 32 loại ấy là biến động của 16 biến động; rồi cái biến động của 32 loại thì không thể kể xiết. Tuy không thể kể xiết nhưng nó không ngoài 32 loại; 32 loại không ngoài 16 biến; 16 biến không ngoài bốn đức; bốn đức cũng không ngoài hai khí; hai khí cũng không ngoài Thiên Đạo.



Lý Cung

Sự hoá sinh vạn vật đều bẩm thụ hai khí Âm Dương và bốn đức. Trên đây nói sự bẩm thụ ấy khác nhau 32 loại, cho nên vạn vật mới thông minh, ngu xuẩn, mạnh mẽ, yếu ớt, sống lâu, chết non, v.v... khác nhau. Tuy vạn vật bất đồng như thế nhưng sự bẩm thụ của chúng không ngoài hai khí (Âm Dương) và bốn đức (nguyên, hanh, lợi, trinh) của Thiên Đạo. Nhan Nguyên nói: «Tính của vạn vật là sự phú bẩm của Lý ấy. Khí chất của vạn vật là sự ngưng kết của Khí ấy. Cái ngay ngắn là Lý ấy và Khí ấy. Cái lệch lạc cũng là Lý ấy và Khí ấy. Cái cao và sáng là Lý ấy và Khí ấy. Cái thấp và tối cũng là Lý ấy và Khí ấy. Cái trong và dầy là Lý ấy và Khí ấy. Cái đục và mỏng cũng là Lý ấy và Khí ấy. [...] Người là loài tinh tuý nhất trong vạn vật. Nói thế là vì người có được trung điểm của trời đất mà sinh ra. Nhị khí và bốn đức chưa ngưng kết thì chưa thành người, hễ ngưng kết rồi thì thành người. Người tồn chứa nhân, nghĩa, lý, trí; đó gọi là Tính, tức là lấy bốn đức (nguyên, hanh, lợi, trinh)

ở bên trong con người mà gọi tên [là Tính]. Con người biểu lộ lòng trắc ẩn, sự hổ thẹn, lòng từ nhượng (cung kính và nhún nhường), và phân biệt thị phi; đó gọi là Tình, tức là lấy bốn đức (nguyên, hanh, lợi, trinh) tiếp xúc ngoại vật mà gọi tên [là Tình]. Tài là cái lực của bốn đức (nguyên, hanh, lợi, trinh) tác động vào Tính mà sinh ra Tình.»[13]

Nhan Nguyên chủ yếu nói rằng Khí là bản căn của vũ trụ. Tuy cũng nói đến Lý, nhưng ông xem Lý và Khí hợp làm một mảnh (*dung vi nhất phiến* 融爲一片). Đó là điểm khác biệt của ông với các nhà Lý học.

Thuyết «Lý và Khí hợp làm một mảnh» này một số Đạo học gia cũng có nói, chẳng hạn như Lưu Tông Chu 劉宗周 (1578-1645).[14] Ông viết: «Đầy trời đất là một Khí. Khí tức là Lý. Trời được nó mới thành trời, đất được nó mới thành đất, người và vật được nó mới thành người và vật.»[15]

---

[13] ***Tồn Tính Biên:*** **«Vạn vật chi Tính, thử Lý chi phú dã. Vạn vật chi khí chất, thử Khí chi ngưng dã. Chính giả, thử Lý thử Khí dã. Gián giả, diệc thử Lý thử Khí dã. Cao minh giả, thử Lý thử Khí dã. Ti ám giả, diệc thử Lý thử Khí dã. Thanh hậu giả, thử Lý thử Khí dã. Trọc bạc giả, diệc thử Lý thử Khí dã. [...] Chí ư nhân tắc vưu vi vạn vật chi tuý, sở vị đắc thiên địa chi trung dĩ sinh giả dã. Nhị khí tứ đức giả, vị ngưng kết chi nhân dã. Nhân giả, dĩ ngưng kết chi nhị khí tứ đức dã. Tồn chi vi nhân nghĩa lý trí, vị chi Tính giả, dĩ tại nội chi nguyên, hanh, lợi, trinh danh chi dã. Phát chi vi trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi, vị chi Tình giả, dĩ cập vật chi nguyên, hanh, lợi, trinh ngôn chi dã. Tài giả, Tính chi vi Tình giả dã, thị nguyên, hanh, lợi, trinh chi lực dã.»** 萬物之性,此理之賦也.萬物之氣質,此氣之凝也.正者,此理此氣也.間者,亦此理此氣也.高明者,此理此氣也.卑暗者,亦此理此氣也.清厚者,此理此氣也.濁薄者,亦此理此氣也. [...] 至於人則尤爲萬物之粹,所謂得天地之中以生者也.二氣四德者,未凝結之人也.人者,已凝結之二氣四德也.存之爲仁義理智,謂之性者,以在內之元亨利貞名之也.發之爲測隱羞惡辭讓是非謂之情者,以及物之元亨利貞言之也.才者,性之爲情者也,是元亨利貞之力也.

[14] **LAM chú: Lưu Tông Chu** 劉宗周 **(1578-1645) tự Khởi Đông** 起東**, hiệu là Niệm Đài** 念臺**, quê ở huyện Sơn Âm** 山陰 **(nay là Thiệu Hưng, Chiết Giang). Ông đỗ tiến sĩ năm 1601, đời Minh, vua Hi Tông** 熹宗**; từng làm Lễ bộ chủ sự, Công bộ thị lang, Tả đô ngự sử; từng đụng độ hoạn quan Nguỵ Trung Hiền và từng can gián vua mà vua không nghe, nên cáo bệnh từ quan, về dạy học ở Trấp Sơn** 蕺山**, nên đời gọi là Trấp Sơn tiên sinh. Khi Hàng Châu thất thủ, rơi vào tay người Mãn, ông tuyệt thực 23 ngày rồi mất. Học trò tự đặt tên thuỵ cho ông là Chính Nghĩa** 正義**. Đời Thanh truy tặng tên thuỵ cho ông là Trung Giới** 忠介**. Các học giả gọi ông là Niệm Đài** 念臺 **tiên sinh. Ông viết rất nhiều, tác phẩm có: *Lưu Trấp Sơn Tập*** 劉蕺山集 **(17 quyển), *Chu Dịch Cổ Văn Sao*** 周易古文鈔**, *Luận Ngữ Học Án*** 論語學案**, *Thánh Học Tông Yếu*** 聖學宗要 **, v.v... Hậu nhân sưu tập lại thành *Lưu Tử Toàn Thư*** 劉子全書 **(40 quyển) và *Lưu Tử Toàn Thư Di Biên*** 劉子全書遺編 **(24 quyển). Tham khảo: Đàm Gia Định, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển*, Thế Giới Thư Cục, Hương Cảng [năm ?], quyển hạ, mục từ 4880, tr.1237; và Bàng Phác** 庞朴**, *Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, Đông Phương Xuất bản Trung tâm, Thượng Hải, 1997, tr.186-188.**

[15] ***Lưu Tử Toàn Thư:*** **«Doanh thiên địa gian, nhất Khí dã. Khí tức Lý dã. Thiên đắc chi dĩ vi thiên, địa đắc chi dĩ vi địa, nhân vật đắc chi dĩ vi nhân vật.»** 盈天地間,一氣也.氣即理也.天得之以爲天,地得之以爲地,人物得之以爲人物.

Lưu Tông Chu còn nói: «Có kẻ nói rằng: Hư không sinh ra Khí. Nhưng hư không tức là Khí rồi, làm sao nó sinh ra Hữu? Chúng ta hãy trở ngược về lúc trước khi bắt đầu có Khí, rồi từ đó đi về nay, [thì thấy] chẳng lúc nào mà không có Khí. Khi Khí co lại, thì nó sẽ từ Vô đi tới Hữu; Hữu mà chưa phải là cái Hữu khởi đầu. Khi Khí duỗi ra, thì nó sẽ từ Hữu đi tới Vô; Vô mà chưa phải là cái Vô khởi đầu. Cái ở giữa phi Hữu và phi Vô, mà cũng tức là Hữu là Vô, chính là Thái Hư. Chúng ta phân biệt và tôn trọng nó mà gọi là Thái Cực.»[16]

Ở đây Lưu Tông Chu cho rằng sự co lại của Khí là Vô. Khí co thì duỗi, nên nó từ Vô đi tới Hữu. Tức là ông xem sự duỗi ra của Khí là Hữu. Khí duỗi thì co, nên nó từ Hữu đi tới Vô. Đó cũng là thuyết của Trương Tái (đã nói ở tiết 1 của chương 12 trên đây).

Đệ tử của Lưu Tông Chu là Hoàng Tông Hi 黃宗羲(tức Hoàng Lê Châu 黃梨洲, 1610-1695)[17] cũng có kiến giải về Lý và Khí giống như thầy. Hoàng Tông Hi nói: «Trong sự lưu hành của cuộc tiến hoá lớn chỉ có một Khí, lấp đầy khắp nơi và không gián đoạn. Đúng thời thì nó tạo ra hoà, gọi là mùa xuân; hoà sinh ấm nóng, gọi là mùa hè; ấm nóng giảm xuống thành mát mẻ, gọi là mùa thu; mát mẻ tăng thành lạnh lẽo, gọi là mùa

---

16 *Lưu Tử Toàn Thư:* **«Hoặc viết: Hư sinh Khí. Phù hư tức Khí dã, hà sinh chi hữu? Ngô tố chi vị thuỷ hữu Khí chi tiên, diệc vô vãng nhi phi Khí dã. Đương kỳ khuất dã, tự vô nhi chi hữu, hữu nhi vị thuỷ hữu. Cập kỳ thân dã, tự hữu nhi chi vô, vô nhi vị thuỷ vô dã. Phi hữu phi vô chi gian, nhi tức hữu tức vô, thị vi thái hư, hựu biểu nhi tôn chi viết Thái Cực.»** 或曰:虛生氣.夫虛即氣也,何生之有?吾溯之未始有氣之先,亦無往而非氣也.當其屈也,自無而之有,有而未始有.及其伸也,自有而非無之間,而即有即無,是爲太虛,又表而尊之曰太極.

17 **LAM chú: Hoàng Tông Hi 黃宗羲(1610-1695) tự là Thái Xung 太沖, hiệu là Nam Lôi 南雷 và Lê Châu 梨洲, người Dư Diêu 餘姚, Chiết Giang. Ông là nhà kinh học, nhà sử học, và nhà tư tưởng. Ông với Tôn Kỳ Phùng 孫奇逢(1585-1675) và Lý Ngung 李顒(1627-1705) được người đời gọi là «Thanh sơ tam đại Nho» 清初三大儒(ba đại Nho đầu đời Thanh). Cha ông là Hoàng Tông Tố 黃宗素, làm ngự sử đời Minh triều vua Hi Tông, thuộc đảng Đông Lâm, bị hoạn quan Nguỵ Trung Hiền bức hại tới chết. Theo di mệnh của cha, ông theo học Lưu Tông Chu. Khi Mãn Thanh lật đổ triều Minh, ông dấy nghĩa quân để phản Thanh phục Minh. Sau khi thất bại, ông ẩn cư, dạy học, và tiềm tâm nghiên cứu học thuật. Ông nghiên cứu khắp lĩnh vực: kinh, sử, thiên văn, lịch pháp, số học, nhạc luật. Năm 1662 (niên hiệu Khang Hi, đời Thanh Thánh Tổ), ông nhiều lần được mời tu sửa *Minh Sử*, nhưng ông cáo bệnh để từ chối. Tư tưởng của ông chịu ảnh hưởng của thầy là Lưu Tông Chu. Tác phẩm: *Dịch Học Tượng Số Luận* 易學象數論, *Thâm Y Khảo* 深衣考, *Mạnh Tử Sư Thuyết* 孟子師說, *Minh Nho Học Án* 明儒學案, *Tống Nguyên Học Án* 宋元學案, *Thụ Y Tuỳ Bút* 授衣隨筆, *Luật Lữ Tân Nghĩa* 律呂新義, *Minh Sử Án* 明史案, *Minh Văn Hải* 明文海, v.v... (Tham khảo: Bàng Phác 庞朴, *Trung Quốc Nho Học*, sđd., tr.194-196). Tư tưởng của Hoàng Tông Hi được viết chi tiết trong: Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, quyển hạ, Saigon, 1971, tr. 341-349.**

đông; lạnh lẽo giảm đi, trở lại thành hoà; như thế nó tuần hoàn không có đầu mối; [Hệ Từ Thượng] gọi đó là «sinh sinh chi vị Dịch» 生生之謂易 (sinh sôi bất tuyệt gọi là biến dịch).[18] Bởi tiến trình thăng giáng ấy không mất trật tự của nó, nên thánh nhân gọi nó là Lý.»[19]

Ở đây, cũng như Lưu Tông Chu, Hoàng Tông Hi xem Khí là cái căn bản. Một điểm khác biệt giữa Lý học và Tâm học là: Lý học cần đến hai thế giới, Tâm học chỉ cần một thế giới. Hoặc cũng có thể nói rằng Lý học là Nhị nguyên luận (Dualism), còn Tâm học là Nhất nguyên luận (Monism). Vương Dương Minh nổi lên mà Tâm học hưng thịnh, tức là triết học theo Nhất nguyên luận hưng thịnh. Tuy nhiên Vương Dương Minh cũng chưa luận bàn nhiều về vấn đề Lý và Khí. Nếu duy trì kiến giải theo Nhất nguyên luận mà cũng muốn giải quyết tương đối vấn đề Lý và Khí của các nhà Lý học, thì người ta tất nhiên chọn lấy thuyết «Lý và Khí hợp làm một mảnh».

---

[18] **LAM chú: Ở đây tôi dịch theo ý của Hoàng Tông Hi. Derk Bodde (có lẽ theo James Legge) dịch là: «This is what is meant by 'production and reproduction constituting [the process of] change'» (Đấy là cái được gọi là 'tạo sinh và tái tạo lập nên quy trình biến dịch'). Trong Hệ Từ Thượng, câu «Sinh sinh chi vị Dịch» 生生之謂易 cũng có thể hiểu là: Sự chuyển hoá tương sinh giữa Âm và Dương gọi là Dịch. *Chu Dịch Đại Từ Điển* của Ngũ Hoa, trang 97, giải thích *sinh sinh* 生生 là: «Âm Dương hỗ chuyển tương sinh.» 陰陽互轉相生 (Âm Dương chuyển hoá qua lại, Âm sinh Dương, Dương sinh Âm). Lý Đỉnh Tộ (*Chu Dịch Tập Giải*) dẫn lời Tuân Sảng rằng: «Âm Dương tương dịch, chuyển tương sinh dã.» 陰陽相易,轉相生也 (Âm Dương biến đổi nhau, xoay vần mà sinh ra nhau). Khổng Dĩnh Đạt (*Chu Dịch Chính Nghĩa*) giảng: «Sinh sinh, bất tuyệt chi từ. Âm Dương biến chuyển, hậu sinh thứ ư tiền sinh, thị vạn vật hằng sinh vị chi Dịch dã. Tiền hậu chi sinh, biến hoá cải dịch; sinh tất hữu tử, Dịch chủ khuyến giới, tưởng nhân vi thiện, cố vân sinh bất văn tử dã.» 生生不絕之辭,陰陽變轉,後生次於前生,是萬物恆生謂之易也.前後之生,變化改易;生必有死,易主勸戒,獎人爲善,故云生不云死也 (*Sinh sinh* là từ ngữ chỉ sự không dứt. Âm Dương biến chuyển, cái sinh sau nối tiếp cái sinh trước; sự sinh sôi mãi mãi này của vạn vật gọi là *Dịch*. Trước sau sinh nhau, biến hoá sửa đổi, có sinh có tử. Dịch chủ yếu khuyên răn, khen người ta làm thiện, nên chỉ nói *sinh*, không nói *tử*). Richard Wilhelm dịch: «Als Erzeuger alles Erzeugens heißt er die Wandlung.» (Dịch là cái tạo sinh của tất cả sinh thể). James Legge dịch: «Production and reproduction is what is called the process of change.» (Sự tạo sinh và tái sinh là cái được gọi là quy trình biến dịch).**

[19] ***Nam Lôi Văn Án:*** **«Phù đại hoá chi lưu hành, chỉ hữu nhất Khí, sung chu vô gián. Thời nhi vi hoà vị chi xuân, hoà sinh nhi ôn vị chi hạ, ôn giáng nhi lương vị chi thu, lương thăng nhi hàn vị chi đông, hàn giáng nhi phục vi hoà, tuần hoàn vô đoan, sở vị sinh sinh chi vị dịch dã. Thánh nhân tức tòng thăng giáng chi bất thất kỳ tự giả, danh chi vị Lý.»** 夫大化之流行,只有一氣,充周無間.時而爲和謂之春,和生而溫謂之夏,溫降而涼謂之秋,涼升而寒謂之冬,寒降而復爲和,循環無端,所謂生生之謂易也.聖人即從升降之不失其序者,名之謂理.

Cùng thời với Hoàng Tông Hi có Vương Phu Chi 王夫之, tức Vương Thuyền Sơn 王船山(1619-1693).[20] Cái học của Vương Phu Chi là tự lập, không học thầy nào cả, thế mà kiến giải của ông về Lý và Khí cũng tương đồng với Lưu Tông Chu. Vương Phu Chi viết: «Trong cõi trời đất chỉ có Lý với Khí; Khí chở Lý, để cho Lý là trật tự của Khí.»[21]

Lý là trật tự của Khí; Khí là cái căn bản. Vương Phu Chi nói: «Nói đến tâm, tính, trời, đất, thì đều phải dựa trên Khí thượng mà nói. Nếu chẳng có Khí, thì đều chẳng có gì hết. Trương Tái nói: "Do Khí biến hoá mà có cái danh là Đạo." Chu Hi giải thích rằng: "Một Âm và một Dương gọi là Đạo, đó là sự biến hoá của Khí." [...] Trình Hạo nói: "Trời là Lý. Đã lấy Lý để nói về trời, tức là cũng xem trời là Lý. Xem trời là Lý, nhưng trời cố nhiên không rời Khí mà có tên [là trời]. Do đó Lý tức là

---

[20] **LAM chú: Vương Phu Chi 王夫之(1619-1693), sống giữa đời Minh và đời Thanh. Về năm sinh năm mất của Vương Phu Chi, Phùng Hữu Lan chú: Phu Chi sinh năm Vạn Lịch 47 (tức 1619) đời Minh Thần Tông, mất năm Khang Hi 32 (tức 1693) đời Thanh Thánh Tổ. Bàng Phác (sđd., tr.204) ghi là: 1619-1692. Trần Trọng Kim (sđd., tr.350) ghi sai biệt quá xa: 1627-1679. Vương Phu Chi tự là Nhi Nông 而農, hiệu là Khương Trai 薑齋, người ở Hành Dương 衡陽, tỉnh Hồ Nam 湖南. Ông thông thiên văn, lịch số, kinh sử, địa lý, trứ tác rất nhiều, nhất là về Dịch học. Cha ông là Vương Triều Sính 王朝聘, tinh thông cái học Xuân Thu. Nên ngay từ nhỏ, ông được cha dạy cho kinh Xuân Thu. Ông sinh nhằm thời tao loạn, nên lòng ưu thời mẫn thế, thuở hoa niên từng tham gia các đoàn thể bấy giờ như Hành Xã 行社, Khuông Xã 匡社, Tu Minh 須盟, lập chí cách mạng xã hội. Đến khi nhà Minh sụp đổ, Vương Phu Chi dấy binh phản Thanh phục Minh năm 1648 tại Hành Dương, nhưng đại bại. Năm 1652, để chống lệnh cắt tóc kiểu đuôi sam của Mãn Thanh, ông bèn ẩn cư trong núi Thạch Thuyền Sơn 石船山(tỉnh Hồ Nam), do đó mà người đời gọi ông là Vương Thuyền Sơn. Tuy trốn lánh quân thù, chịu bao gian khổ, nhưng ông vẫn kiên trì nghiên cứu học thuật và trứ tác rất nhiều, đủ lĩnh vực. Ông bệnh và mất, an táng tại xóm Cao Tiết 高節 trên núi Đại Đông 大東(nay là xóm Cao Tiết 高節, làng Kim Lan 金蘭, huyện Hành Dương 衡陽, núi Đại La 大羅). Trước khi mất, ông lập sẵn bia mộ, tự tay ghi vài chữ như một lời khẳng định trên đá: «Minh di thần Vương Phu Chi chi mộ» 明遺臣王夫之之墓(mộ của Vương Phu Chi, bầy tôi còn sót lại của triều Minh). Mấy trăm năm sau khi ông mất, người đời mới sưu tập tác phẩm của ông thành *Thuyền Sơn Di Tập* 船山遺集, gồm 324 quyển, bao quát 70 chủ đề. Trước khi mất, Phùng Hữu Lan (1895–1990) không biết tác phẩm của mình về sau có được in ra hay không, nên đã ngậm ngùi: «Nếu có người không cho [những điều tôi viết] là đúng, và do đó [sách này] không xuất bản được, thì tôi sẽ là Vương Thuyền Sơn vậy.» (Như quả hữu nhân bất dĩ vi nhiên, nhân chi bất năng xuất bản, ngô kỳ vi Vương Thuyền Sơn hĩ 如果有人不以爲然,因之不能出版,吾其爲王船山矣). (Xin đọc bài *Biển rộng trời cao ta vút bay* ở quyển I).**

[21] ***Thuyền Sơn Di Tập:* «Thiên địa gian chỉ Lý dữ Khí; Khí tải Lý nhi dĩ trật tự hồ Khí.»** 天地間只理與氣;氣載理而以秩序乎氣.

Lý của Khí, rồi sau đó mới bắt đầu có ý nghĩa "trời là Lý".»[22]

Về tương quan giữa trời, Âm Dương, và ngũ hành, Vương Phu Chi nói: «Tách ra thì gọi là Âm Dương và ngũ hành, tức là có hai cái khác nhau và năm vị trí. Hợp chúng lại thì gọi là trời; cũng giống như tay, chân, tai, mắt, và tâm tư hợp lại thành người, chứ không thành cái mà ở ngoài tay, chân, tai, mắt, và tâm tư lại có tay, chân, tai, và mắt để dùng. Như vậy, lẽ nào ngoài Âm Dương và ngũ hành lại có Âm Dương và ngũ hành để dùng sao?»[23]

Cái gọi là trời ở đây tức là danh từ gọi chung cho Âm Dương và ngũ hành. Lý của trời tức là Lý của Khí. Về sự phân biệt hình nhi thượng, hình nhi hạ, Đạo, Khí, Vương Phu Chi cũng nói rõ: «Thiên hạ chỉ là khí 器(khí vật, khí cụ) mà thôi. Đạo là Đạo của khí vật; khí vật không thể gọi là khí vật của Đạo. Người ta có thể nói rằng không có Đạo ấy thì không có khí vật ấy. Tuy nhiên, nếu có khí vật, lẽ nào lại lo lắng không có Đạo ư? [...] Hiếm người nói rằng không có khí vật ấy thì không có Đạo ấy; nhưng điều đó quả đúng như thế. Thời hồng hoang chẳng có cái đạo vái và nhường (của chủ và khách), đời Đường (của Nghiêu) và đời Ngu (của Thuấn) chẳng có cái đạo đem quân đánh dẹp nước khác, đời Hán và đời Đường chẳng có cái đạo như hôm nay; còn ngày nay thì không có nhiều đạo của những năm khác. Chưa có cung tên thì không có đạo bắn cung; chưa có xe và ngựa thì không có đạo đánh xe cưỡi ngựa. [...] Có nhiều trường hợp Đạo có thể có mà lại không. Cho nên không có khí vật ấy thì không có Đạo ấy, nói thế mà đúng, chỉ hiếm người ta

---

[22] ***Độc Tứ Thư Đại Toàn:*** **«Cái ngôn tâm, ngôn tính, ngôn thiên, ngôn địa, câu tất tại Khí thượng thuyết. Nhược vô Khí xứ, tắc câu vô dã. Trương Tử vân: "Do Khí hoá hữu Đạo chi danh." Nhi Chu Tử thích chi viết: "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, Khí chi hoá dã." [...] Trình Tử ngôn: "Thiên, Lý dã. Ký dĩ Lý ngôn thiên, tắc thị diệc dĩ thiên vi Lý hĩ. Dĩ thiên vi Lý, nhi thiên cố phi ly Khí nhi đắc danh giả dã. Tắc Lý tức khí chi Lý, nhi hậu thiên vi Lý chi nghĩa thuỷ thành."»** 蓋言心,言性,言天,言地,俱必在氣上說.若無氣處,則俱無也.張子云:"由氣化有道之名." 而朱子釋之曰:"一陰一陽之謂道,氣之化也." [...] 程子言:"天,理也.既以理言天,則是亦以天爲理矣.以天爲理,而天固非離氣而得名者也.則理即氣之理,而後天爲理之義始成."

[23] ***Độc Tứ Thư Đại Toàn:*** **«Chiết trước tiện khiếu tác Âm Dương ngũ hành, hữu nhị thù hựu hữu ngũ vị. Hợp trước tiện khiếu tác thiên. Do hợp thủ túc nhĩ mục tâm tư tức thị nhân, bất thành thủ túc nhĩ mục tâm tư chi ngoại, cánh hữu dụng thủ túc nhĩ mục giả. Tắc khởi Âm Dương ngũ hành chi ngoại, biệt hữu dụng Âm Dương ngũ hành giả hồ?»** 折著便叫作陰陽五行,有二殊又有五位;合著便叫作天.猶合手足耳目心思即是人,不成手足耳目心思之外,更有用手足耳目者.則豈陰陽五行之外,別有用陰陽五行者乎?

không quan sát nó thôi. [...] Gọi tên *thượng* và *hạ* thì không có ranh giới phân biệt. Hình nhi thượng không có nghĩa là vô hình. Đã có hình rồi chứ! Có hình thì mới có cái trên hình (hình nhi thượng). Từ xưa đến nay, thông qua muôn vàn biến hoá, cùng trời cùng đất, khắp người khắp vật, chưa từng không có cái trên hình (hình nhi thượng).»[24]

Trên đây là kiến giải của Vương Phu Chi về Đạo 道 và khí 器 (khí vật, khí cụ), trái ngược với kiến giải của Chu Hi. Từ kiến giải về Lý 理 và Khí 氣 của Vương Phu Chi mà suy luận, ông cố nhiên có thể nói như thế. Tuy nhiên chính ông tự nhận mình là Đạo học gia, và thuyết của ông cho rằng Khí 氣 là bản căn của tất cả, vốn là thuyết của Trương Tái (Hoành Cừ). Cho nên, Vương Phu Chi đã sớm làm bài *minh* 銘 trên bia mộ của ông rằng: «Ôm ấp lòng trung lẻ loi của Lưu Việt Thạch, mà mệnh ta chẳng được như ông. Ngưỡng mộ cái học chân chính của Trương Hoành Cừ, mà sức ta chẳng thể mong tới. May còn toàn vẹn về trong gò đất này, ngậm chặt mối hờn mà vĩnh lìa dương thế.» (Bão Lưu Việt Thạch chi cô trung, nhi mệnh vô tòng trí. Hi Trương Hoành Cừ chi chính học, nhi lực bất năng xí, hạnh toàn quy ư tư khâu, cố hàm tuất nhi vĩnh thế. 抱劉越石之孤忠,而命無從致.希張橫渠之正學,而力不能企,幸全歸於茲

[24] *Chu Dịch Ngoại Truyện:* «Thiên hạ duy khí nhi dĩ. Đạo giả, khí chi Đạo; khí giả, bất khả vị chi Đạo chi khí dã. Vô kỳ Đạo tắc vô kỳ khí, nhân loại năng ngôn chi. Tuy nhiên, cẩu hữu kỳ khí hĩ, khởi hoạn vô Đạo tai? [...] Vô kỳ khí tắc vô kỳ Đạo, nhân tiển năng ngôn chi, nhi cố kỳ thành nhiên giả dã. Hồng hoang vô ấp nhượng chi đạo, Đường Ngu vô điếu phạt chi đạo, Hán Đường vô kim nhật chi đạo, tắc kim nhật vô tha niên chi đạogiả đa hĩ. Vị hữu cung thỉ nhi vô xạ đạo, vị hữu xa mã nhi vô ngự đạo. [...] Đạo chi khả hữu nhi thả vô giả đa hĩ. Cố vô kỳ khí tắc vô kỳ Đạo, thành nhiên chi ngôn dã, nhi nhân đặc vị chi sát nhĩ. [...] Thượng hạ giai danh dã, phi hữu nhai lượng chi khả biệt giả dã. Hình nhi thượng giả, phi vô hình chi vị. Ký hữu hình hĩ, hữu hình nhi hậu hữu hình nhi thượng. Vô hình chi thượng, cắng cổ kim, thông vạn biến, cùng thiên cùng địa, cùng nhân cùng vật, giai sở vị hữu giả dã.» 天下惟氣而已.道者,器之道;器者,不可謂之道之器也.無其道則無其器,人類能言之.雖然,苟有其器矣,豈患無道哉? [...] 無其器則無其道,人鮮能言之,而故其成然者也.洪荒無揖讓之道,唐虞無弔伐之道,漢唐無今日之道,則今日無他年之道者多矣.謂有弓矢而無射道,謂有車馬而無御道. [...] 道之可有而且無者多矣.故無其器則無其道,誠然之言也,而人特謂之察耳. [...] 上下皆名也,非有涯量之可別者也.形而上者,非無形之謂.旣有形矣,有形而後有形而上.無形之上,亙古今,通萬變,窮天窮地,窮人窮物;皆所謂有者也.– LAM chú: Ở câu chót, «vô hình chi thượng» 無形之上 nên hiểu là "không có hình nhi thượng", chứ không phải là "ở trên vô hình". Derk Bodde dịch là «an absence of shapes above» (thiếu vắng cái trên hình). Đoạn văn này nằm trong Hệ Từ Thượng (chương 12) của *Chu Dịch Ngoại Truyện* (Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1990, tr.202); nguyên văn chỗ này cũng y như bản mà Phùng Hữu Lan đã chép.

邱，固銜恤而永世）.[25]

Vương Phu Chi không học nơi ai cả, thế mà kiến giải của ông cũng tương hợp với kiến giải của Lưu Tông Chu, Hoàng Tông Hi, và Nhan Nguyên. Có thể thấy thời bấy giờ vấn đề Lý và Khí đã theo xu hướng giải quyết như vậy.

b. Tính và Hình

Xem hình nhi thượng là căn bản, nên Nhan Nguyên đã căn cứ vào đó mà nêu ra sai lầm của Chu Hi là phân biệt Tính của khí chất và Tính của nghĩa lý. Nhan Nguyên nói: «Tính của vạn vật là sự phú bẩm của Lý ấy. Khí chất của vạn vật là sự ngưng kết của Khí ấy.»[26] Nếu chỉ nói hai câu như thế thôi thì Nhan Nguyên và Chu Hi không khác nhau, nhưng rồi kế đó Nhan Nguyên nói rằng: «Cái trong và dầy là Lý ấy và Khí ấy. Cái đục và mỏng cũng là Lý ấy và Khí ấy, v.v...» Nói như vậy, bởi vì Lý và Khí hợp thành một mảnh. Đối với Chu Hi, chỉ có Khí mới có thể nói là trong và dầy; chứ Lý thì không thể nói như vậy được. Bởi vì Lý thì mãi mãi bất biến, không thể phân biệt trong hay dầy, v.v... được. Nhan Nguyên xem Lý và Khí hợp thành một mảnh, cho nên xem cái Tính nghĩa lý tức là Tính khí chất, và người ta không thể xem khí chất là căn nguyên của ác được. Ông nói: «Bảo rằng Tình có ác, đó là nói nguyên hanh lợi trinh đã phát ra, chứ không phải nguyên hanh lợi trinh chưa phát ra. Bảo rằng Tài có ác, đó là nói cái tiềm tàng là nguyên hanh lợi trinh, chứ cái có thể tạo tác không phải là nguyên hanh lợi trinh. Bảo rằng khí chất có ác, đó là Lý của nguyên hanh lợi trinh, có thể gọi là Thiên Đạo. Khí của nguyên hanh lợi trinh không gọi là Thiên Đạo. Ôi! Thiên hạ có cái Khí không Lý sao? Có cái Lý

---

25 *Thuyền Sơn Di Thư* (Thuyền Sơn Tiên Sinh Truyện).– LAM chú: Lưu Việt Thạch 劉越石(270-317) tên thật là Lưu Côn 劉琨, tự là Việt Thạch 越石, người ở Nguỵ Xương 魏昌 thuộc Trung Sơn 中山; sinh năm Thái Thuỷ 泰始 thứ 6 đời Tấn Vũ Đế 晋武帝 (tức 270), mất năm Kiến Vũ 建武 nguyên niên đời Tấn Nguyên Đế 晋元帝 (tức 317). Ông nổi tiếng là bậc anh hùng, tận trung báo quốc, lập nhiều công nghiệp, giữ nhiều chức quan. Triều đình nhà Tấn rất kính trọng ông. Sống thời tao loạn, nên thi ca của ông toát ra âm điệu khẳng khái mà bi tráng. Tác phẩm ông có *Văn Tập* 文集 10 quyển và *Biệt Tập* 別集 12 quyển. Tham khảo: Đàm Gia Định, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển*, Thế Giới Thư Cục, Hương Cảng [năm ?], quyển thượng, mục từ 410, tr.127.

26 LAM chú: Xin xem lại chú thích 13 trên đây của chương này.

không Khí sao? Có cái Lý ngoài hai khí và bốn đức sao?»[27]

Vũ trụ chỉ có một nguồn, chúng ta chỉ có một Tính. Nhan Nguyên nói: «Khí tức là Khí của Lý; Lý tức là Lý của Khí. Sao có thể nói rằng Lý thì thuần nhất thiện, còn khí chất thì thiên về ác? Thí dụ như mắt. Vành mắt, mí mắt, và nhãn cầu đều là khí chất. Sự quang minh trong mắt có thể nhìn thấy mọi vật chính là Tính. Có thể nói rằng cái Lý quang minh ấy chuyên nhìn chính sắc ư? Còn vành mắt, mí mắt, và nhãn cầu đều nhìn tà sắc ư? Tôi cho rằng Lý quang minh ấy cố nhiên là thiên mệnh; vành mắt, mí mắt, và nhãn cầu cũng là thiên mệnh (tức là do trời phú cho). Không nhất thiết phải phân ra cái nào là Tính của thiên mệnh, cái nào là Tính của khí chất. Chỉ nên nói Tính của mắt là trời phú cho người; nó quang minh nên có thể nhìn thấy sự vật, tức là Tính của mắt thì thiện. Mắt nhìn sự vật là cái thiện của Tình. Mắt nhìn rõ hay mờ, xa hay gần, tức là sự mạnh yếu của Tài, đều không thể bị gọi là ác. [...] Chỉ vì có tà sắc lôi cuốn và tác động, làm che lấp sự sáng của mắt, nên sau mới có cái nhìn dâm và cái tên ác bắt đầu có. Nhưng khi nó bị lôi cuốn và tác động, thì đó là lỗi của Tính ư? Là lỗi của khí chất ư? Nếu quy lỗi ở khí chất, thì ta buộc phải nói rằng đừng có mắt thì Tính của mắt mới hoàn toàn.»[28]

Vành mắt, mí mắt, và nhãn cầu là Hình 形. Sự quang minh trong đó có thể nhìn thấy sự vật tức là Tính. Có Hình ấy thì có Tính ấy; có Tính

---

[27] ***Tồn Tính Biên:*** **«Vị tình hữu ác, thị vị dĩ phát chi nguyên hanh lợi trinh, phi vị phát chi nguyên hanh lợi trinh dã. Vị tài hữu ác, thị vị súc giả nguyên hanh lợi trinh, năng tác giả, phi nguyên hanh lợi trinh dã. Vị khí chất hữu ác, thị nguyên hanh lợi trinh chi Lý, vị chi Thiên Đạo, nguyên hanh lợi trinh chi Khí, bất vị chi Thiên Đạo dã. Y, thiên hạ hữu vô Lý chi Khí hồ? Hữu vô Khí chi Lý hồ? Hữu nhị khí tứ đức ngoại chi Lý Khí hồ?»** 謂情有惡,是謂以發元亨利貞,非未發元亨利貞也.謂才有惡,是謂蓄者元亨利貞,能作者,非元亨利貞也.謂氣質有惡,是元亨利貞之理,謂天道,元亨利貞氣,不謂天道也.噫,天下有無理之氣乎?有無氣之理乎?有二氣四德外之理氣乎?

[28] ***Tồn Tính Biên:*** **«Cái Khí tức Lý chi Khí, Lý tức Khí chi Lý. Ô đắc vị Lý thuần nhất thiện, nhi khí chất thiên hữu ác tai? Thí chi mục hĩ. Khuông bao tinh, khí chất dã. Kỳ trung quang minh, năng kiến vật giả, Tính dã. Tương vị quang minh chi Lý chuyên thị chính sắc, khuông bao tinh nãi thị tà sắc hồ? Dư vi quang minh chi Lý cố thị thiên mệnh, khuông bao tinh giai thị thiên mệnh. Cánh bất tất phân hà giả thị thiên mệnh chi Tính, hà giả thị khí chất chi Tính. Chỉ nghi ngôn thiên mệnh nhân dĩ mục chi Tính. Quang minh năng thị, tức mục chi Tính thiện. Kỳ thị chi dã, tắc Tình chi thiện. Kỳ thị chi tường lược viễn cận, tắc Tài chi cường nhược. Giai bất khả dĩ ác ngôn. [...] Duy nhân hữu tà sắc dẫn động, chướng tế kỳ minh, nhiên hậu hữu dâm thị nhi ác thuỷ danh yên. Nhiên kỳ vi chi dẫn động giả, Tính chi cữu hồ? Khí chất chi cữu hồ? Nhược quy cữu ư khí chất, thị tất vô thử mục nhi hậu khả toàn mục chi Tính hĩ.»** 蓋氣即理之氣,理即氣之理,烏得謂理純一善,而氣質偏有惡哉?譬之目矣.眶皰睛,氣質也.其中光明,能見物者,性也.將謂光明之理專視正色,眶

ấy thì có Hình ấy. Nên Nhan Nguyên nói «Tính với Hình đều là thiên mệnh». Tư tưởng chủ yếu của Nhan Nguyên trong *Tồn Tính Biên* là bác bỏ thuyết của Chu Hi cho rằng Tính của khí chất là căn nguyên của ác.

Nhan Nguyên cho rằng căn nguyên của ác là do *dẫn* 引 (lôi kéo), *tế* 蔽 (che lấp), *tập* 習 (thói quen), *nhiễm* 染 (lây nhiễm) gây ra. Ông viết: «Cái ác là do bên ngoài lôi kéo, che lấp, quen thói, lây nhiễm. Như Khổng Tử cầu nhân, Mạnh Tử tồn tâm dưỡng Tính, thì ta hiểu rõ bản tính của chúng ta là thiện; còn tai, mắt, miệng, mũi thì vâng lệnh bản tính mà làm trọn chức năng của chúng. [...] Đáng nhìn thì nhìn, đáng nghe thì nghe, không đáng làm thì đừng làm. Hễ khiến cho khí chất tuân theo sự chân chính của phép trời thì mọi tà sắc và dâm thanh, tự chúng không thể lôi kéo và che lấp chúng ta. Lo chi sự tập nhiễm ác? [...] *Lục hạnh* là sự thi hành của Tính chúng ta. *Lục nghệ* là tài cụ của Tính chúng ta. *Cửu dung* là phát hiện của Tính chúng ta. *Cửu đức* là thành tựu của Tính chúng ta.[29] Chế tạo lễ, sáng tác nhạc, hài hoà Âm Dương, tài thành trời đất, là sự giãn ra của Tính chúng ta. Vạn vật hài hoà, đất bình yên, trời thành tựu, vũ trụ thái hoà; đó là kết quả của Tính chúng ta. Cho nên có thể nói rằng biến hoá khí chất là hiệu quả của dưỡng Tính, cũng như đức làm tươi nhuận thân thể, hiện rõ ở sắc diện, chiếu ở lưng, thể hiện ở tứ chi.[30] Nhưng không thể nói rằng biến hoá cái ác của khí chất để khôi phục Tính, cũng giống như hỏi tội ở quân binh, hay chê trách sự nhuốm

---

皰睛乃視邪色乎?余爲光明之理固是天命,眶皰睛皆是天命.更不必分何者是天命之性,何者是氣質之性.只宜言天命人以目之性.光明能視,即目之性善.其視之也,則情之善.其視之詳略遠近,則才之強弱.皆不可以惡言. [...] 惟因有邪色引動,障蔽其明,然後有淫視而惡始名焉.然其爲之引動者,性之咎乎?氣質之咎乎?若歸咎於氣質,是必無此目而後可全目之性矣.

[29] LAM chú: *Lục hạnh* và *lục nghệ* xin xem lại chú thích 6 trên đây. Về *cửu dung*, *Thư Kinh* không nói. Derk Bodde chú: «Neither Professor Fung nor myself have been able to idendify the nine demeanors.» (Phùng tiên sinh và tôi đều không biết *cửu dung* là gì). *Cửu đức* theo *Thư Kinh* (Cao Dao Mô) là: 1- khoan nhi lật 寬而栗 (khoan dung mà nghiêm trang), 2- nhu nhi lập 柔而立 (nhu hoà mà có lập trường), 3- nguyện nhi cung 愿而恭 (cẩn thận mà nghiêm túc), 4- loạn nhi kính 亂而敬 (có tài cai trị mà kính cẩn), 5- nhiễu nhi nghị 擾而毅 (nhu thuận mà kiên quyết), 6- trực nhi ôn 直而溫 (thẳng thắn mà ôn hoà), 7- giản nhi liêm 簡而廉 (giản dị mà liêm khiết), 8-cương nhi tắc 剛而塞 (cứng rắn mà trung thực), 9- cường nhi nghĩa 強而義 (mạnh mẽ mà có chính nghĩa). Xem: *Thư Kinh* 書經 do Trương Đạo Cần 張道勤 trực giải, Chiết Giang Văn Nghệ xbx, 1997, tr.20.

[30] LAM chú: Xin xem chú thích 41 của chương 12 trên đây.

màu ở tơ lụa.»[31]

Nhan Nguyên muốn đả phá sự phân biệt của các nhà Lý học về Tính của thiên mệnh và Tính của khí chất, hay nói cách khác, đả phá sự phân biệt Tính và khí chất. Tuy nhiên, xét kỹ thuyết của Nhan Nguyên thì sự phân biệt ấy vẫn còn tồn tại. Như ông nói: «Đáng nhìn thì nhìn, đáng nghe thì nghe, không đáng làm thì đừng làm. Hễ khiến cho khí chất tuân theo sự chân chính của phép trời thì mọi tà sắc và dâm thanh, tự chúng không thể lôi kéo và che lấp chúng ta.» Cái gọi là «sự chân chính của phép trời» (thiên tắc chi chính 天則之正), thì các nhà Lý học gọi là Lý hoặc Tính. «Sự chân chính của phép trời» này không phải là khí chất, nên Nhan Nguyên nói: «Khiến cho khí chất tuân theo sự chân chính của phép trời.» «Sự chân chính của phép trời» này không phải là khí chất, cho nên ông nói: «Đáng nhìn thì nhìn, đáng nghe thì nghe, không đáng làm thì đừng làm.» Khí chất có thể bị tà sắc và dâm thanh lôi léo, nên «sự chân chính của phép trời» không thể ổn định, cho nên các nhà Lý học giải thích khí chất là căn nguyên của ác. Nguyên đoạn văn «*Lục hạnh* là sự thi hành của Tính chúng ta. *Lục nghệ* là tài cụ của Tính chúng ta. *Cửu dung* là phát hiện của Tính chúng ta. *Cửu đức* là thành tựu của Tính chúng ta.» Thuyết này chẳng có gì khác thuyết của Chu Hi cho rằng trong tâm ta có đầy đủ các Lý. Chẳng qua Nhan Nguyên cho rằng nó là công dụng của cái hình hài cố hữu của chúng ta.

Thuyết trên của Nhan Nguyên cũng giống thuyết của Lưu Tông Chu. Lưu Lưu Tông Chu nói: «Lý tức là Lý của Khí; nó không hề ở trước

---

[31] ***Tồn Tính Biên:*** **«Kỳ ác giả, dẫn, tế, tập, nhiễm dã. Duy như Khổng Tử cầu nhân, Mạnh Tử tồn tâm dưỡng Tính, tắc minh ngô Tính chi thiện, nhi nhĩ mục khẩu tỵ giai phụng lệnh nhi tận chức. [...] Đáng thị tức thị, đáng thính tức thính, bất đáng tức phủ. Sử khí chất giai như kỳ thiên tắc chi chính, nhất thiết tà sắc dâm thanh, tự bất đắc dẫn tế, hựu hà tập ư ác, nhiễm chi ác chi túc hoạn hồ? [...] Lục hạnh nãi ngô Tính thiết thi. Lục nghệ nãi ngô Tính tài cụ. Cửu dung nãi ngô Tính phát hiện. Cửu đức nãi ngô Tính thành tựu. Chế lễ tác nhạc, tiếp lý Âm Dương, tài thành thiên địa, nãi ngô Tính thư trương. Vạn vật hàm nhược, địa bình thiên thành, thái hoà vũ trụ, nãi ngô Tính kết quả. Cố vị biến hoá khí chất, vi dưỡng Tính chi hiệu tắc khả, như đức nhuận thân tuý diện ang bối, thi ư tứ thể chi loại thị dã. Vị biến hoá khí chất chi ác dĩ phục Tính tắc bất khả, dĩ kỳ vấn tội ư binh, như trách nhiễm ư ti dã.»** 其惡者,引蔽習染也.惟如孔子求仁,孟子存心養性,則明吾性之善,而耳目口鼻皆奉令而盡職.[...] 當視即視,當聽即聽,不當即否.使氣質皆如其天則之正,一切邪色淫聲,自不得引蔽,又何習於惡,染之惡之足患乎? [...] 六行乃吾性設施.六藝乃吾性材具.九容乃吾性發現.九德乃吾性成就.制禮作樂,燮理陰陽,裁成天地,乃吾性舒張.萬物咸若,地平天成,太和宇宙,乃吾性結果.故謂變化氣質,爲養性之效則可,如德潤身睟面盎背,施於四體之類是也.謂變化氣質之惡以復性則不可,以其問罪於兵,如責染於絲也.

hay ở ngoài Khí. Biết điều ấy tức là biết Đạo tâm tức là bản tâm của nhân tâm và Tính của nghĩa lý tức là bản tính của khí chất.»[32]

Ông còn nói: «Tâm chỉ có nhân tâm, còn Đạo tâm là cái được xem là tâm của người. Tính chỉ có Tính của khí chất, còn Tính của nghĩa lý là cái được xem là Tính của khí chất.»[33]

Ông còn nói: «Người xưa giải thích nhân tâm là Đạo tâm; Đạo tâm là chủ, còn nhân tâm chỉ có việc tuân mệnh Đạo tâm thôi. Nói như thế, tức là một thân thể có hai tâm sao. Ngoài nhân tâm ra, không có Đạo tâm. Như thấy lạnh nghĩ đến áo ấm, thấy đói nghĩ tới ăn. Đó là cái thể động của tâm. Đáng mặc áo ấm thì mặc, đáng ăn thì ăn. Đó là cái thể tĩnh của tâm. Tuy nhiên bất cứ khi nào ta nghĩ đến mặc và ăn (do lạnh và đói) thì ngay lúc ấy ta suy xét ở nghĩa lý để xem ăn và mặc có đáng không. Sẽ là sai khi nói rằng sau khi ta nghĩ đến mặc và ăn rồi thì ta khởi ý niệm xem ăn và mặc có đáng không.»[34]

Sự phê bình trước đây đối với Nhan Nguyên cũng có thể áp dụng cho Lưu Tông Chu ở đoạn văn trên. «Bản tâm của nhân tâm» và «cái được xem là tâm của người» không phải là nhân tâm; cũng vậy, «bản tính của khí chất» và «cái được xem là Tính của khí chất» không phải là khí chất. Cho nên tuy Lưu Tông Chu nói rằng chỉ có một tâm nhưng ông buộc phải phân ra thể động và thể tĩnh của tâm. Hoàng Tông Hi đối với vấn đề này cũng có kiến giải tương tự. Ông nói: «Cái tâm ở con người mà có lòng trắc ẩn, hổ thẹn, cung kính, phân biệt đúng sai thì đồng với sự

---

[32] ***Lưu Tử Toàn Thư:* «Lý tức Khí chi Lý, đoạn nhiên bất tại Khí tiên, bất tại Khí ngoại. Tri thử tắc tri Đạo tâm tức nhân tâm chi bản tâm, nghĩa lý chi Tính tức khí chất chi bản tính.»** 理即氣之理,斷然不在氣先,不在氣外.知此則知道心即人心之本心,義理之性即氣質之本性.

[33] ***Lưu Tử Toàn Thư:* «Tâm chỉ hữu nhân tâm, nhi Đạo tâm giả, nhân chi sở dĩ vi tâm dã. Tính chỉ hữu khí chất chi Tính, nhi nghĩa lý chi Tính giả, khí chất chi sở dĩ vi Tính dã.»** 心只有人心,而道心者,人之所以爲心也.性只有氣質之性,而義理之性者,氣質之所以爲性也.

[34] ***Lưu Tử Toàn Thư:* «Tích nhân giải nhân tâm Đạo tâm, Đạo tâm vi chủ, nhi nhân tâm mỗi thính mệnh yên. Như thử thuyết, thị nhất thân hữu nhị tâm hĩ. Ly khước nhân tâm, biệt vô Đạo tâm. Như tri hàn tư y, tri cơ tư thực, thử tâm chi động thể dã. Đáng ý nhi ý, đáng thực nhi thực, thử tâm chi tĩnh thể dã. Nhiên đáng ý đáng thực, thẩm ư nghĩa lý, tắc dữ tư ý tư thực, nhất thời tịnh đáo. Bất thị thuyết tư ý tư thực liễu, hựu yếu khởi cá đáng ý nhi ý, đáng thực nhi thực đích niệm đầu.»** 昔人解人心道心,道心爲主,而人心每聽命焉.如此說,是一身有二心矣.離卻人心,別無道心.如知寒思衣,知饑思食,此心之動體也.當衣而衣,當食而食,此心之靜體也.然當衣當食,審於義理,則與思衣思食,一時並到.不是說思衣思食了,又要起個當衣而衣,當食而食的念頭.

lưu hành của một Khí. Thánh nhân cũng theo cái trật tự và bất biến này, và gọi tên nó là Tính. Cho nên Lý là Tính của cái hữu hình; Tính là Lý của cái vô hình. Lời "Tính tức là Lý" của Tiên Nho quả thực là huyết mạch của ngàn thánh; tuy nhiên [Tính và Lý] đều do một Khí tạo ra.»[35]

Ở đây Hoàng Tông Hi cũng chấp nhận câu nói «Tính tức là Lý», mà ông cho là «huyết mạch của ngàn thánh». Tuy nhiên ông lại nói «[Tính và Lý] đều do một Khí tạo ra», tức là ông xem Khí là chủ thể.

Đối với vấn đề này, Vương Phu Chi cũng có kiến giải riêng. Ông nói: «Trình Tử lập thuyết về Tính của khí chất, thật là cao vòi vọi. [...] Người mới học chẳng hiểu, nên ngờ rằng con người có hai Tính. Nay tôi bất đắc dĩ mà làm rõ thuyết ấy. Cái gọi là Tính của khí chất giống như nói đến Tính trong khí chất. Chất là hình chất của con người, phạm vi của nó có cái Lý của sự sống ở bên trong. Khí lấp đầy bên trong hình chất. Khí cũng lấp đầy trời đất, bên trong và bên ngoài thân thể con người, cái gì cũng là Khí, nên cái gì cũng là Lý. Lý vận hành trong Khí, làm cái chủ trì và điều phối Khí. Cho nên hình chất hàm chứa Khí, mà Khí hàm chứa Lý. Hình chất hàm chứa Khí, cho nên một cá nhân có sự sống của một cá nhân; Khí hàm chứa Lý, cho nên một cá nhân có Tính của một cá nhân. Do đó trước khi có sự hàm chứa này, thì trong trời đất chỉ có Lý và Khí, chứ chưa có con người. (Vương Phu Chi tự ghi chú: Điều này có nghĩa rằng trước khi có con người thì không có tình trạng hỗn độn; thí dụ như anh A sinh năm giáp tý thì năm quý hợi [tức năm kế trước] chưa có anh A; như thế, một phần Lý và Khí cấp cho anh A còn thuộc ở trời.) Khi Khí đã cư ngụ trong hình chất rồi, thì Khí ắt phải có Lý. Từ người mà nói, thì sự sống và Tính của một cá nhân đều thuộc về sự lưu hành của trời. Ban đầu, [sự sống và Tính] chưa có ở con người, nên chúng ngăn cách, [sau khi con người chết] chúng không trở lại là cái

---

[35] *Nam Lôi Văn Án:* **«Kỳ tại nhân nhi vi trắc ẩn, tu ố, cung kính, thị phi chi tâm, đồng thử nhất Khí chi lưu hành dã. Thánh nhân diệc tức tòng thử trật nhi bất biến giả, danh chi vi Tính. Cố Lý thị hữu hình chi Tính; Tính thị vô hình chi Lý. Tiên Nho "Tính tức Lý dã" chi ngôn, chân thiên thánh chi huyết mạch dã, nhi yêu giai nhất Khí vi chi.»** 其在人而爲惻隱,須惡,恭敬,是非之心,同此一氣之流行也.聖人亦即從此秩而不變者,名之爲性.故理是有形之性;性是無形之理.先儒"性即理也"之言,眞千聖之血脈也,而要皆一氣爲之.

thuộc về trời. Tính của khí chất dựa vào Tính bản nhiên duy nhất.»[36]

Trên đây xem Tính của khí chất là Tính trong khí chất, kỳ thực tức là Lý trong khí chất. Tuy nhiên, Lý trong khí chất tức là cái mà Chu Hi gọi là Tính của nghĩa lý. Vương Phu Chi nói tiếp: «Khí ở trời có khi mất sự bình hoà của nó. Khi con người bắt đầu sinh ra, thì nhận lấy Khí ấy. (Vương Phu Chi tự ghi chú: Cái tạo ra hình chất [của người] cũng là Khí.) Do bởi sự mất bình hoà của Khí mà hình chất của con người trở nên không đúng đắn.»[37]

Tính của khí chất mà Chu Hi gọi, chính là nói về phương diện này.

Tóm lại, cái Lý mà các nhà Lý học gọi tự có địa vị của nó trong hệ thống của Nhan Nguyên và những nhà khác. Tuy nhiên, Nhan Nguyên và các nhà ấy cho rằng: Lý không ở ngoài Khí và Tính không ở ngoài khí chất. Điểm này, Lý Cung giảng rõ: «Cái thông hành ở Trời và ở người gọi là Đạo. Chữ "*Lý*" 理 xuất hiện rất ít trong thánh điển. Cụm từ "*văn Lý*" 文理

---

36 *Thuyền Sơn Di Thư:* **«Trình Tử sáng thuyết cá khí chất chi tính, thù giác tuấn tằng. [...] Sơ học bất ngộ, toại nghi nhân hữu lưỡng tính tại. Kim bất đắc dĩ nhi vi hiển chi. Sở vị khí chất chi tính giả, do ngôn khí chất trung chi tính dã. Chất thị nhân chi hình chất, phạm vi trước hữu sinh lý tại nội. Hình chất chi nội, tắc Khí sung chi. Nhi doanh thiên địa gian, nhân thân dĩ nội, nhân thân dĩ ngoại, vô phi Khí giả, cố diệc vô phi Lý giả. Lý hành hồ Khí chi trung, nhi vi Khí chủ trì phân tễ giả dã. Cố chất dĩ hàm Khí, nhi Khí dĩ hàm Lý. Chất dĩ hàm Khí, cố nhất nhân hữu nhất nhân chi sinh; Khí dĩ hàm Lý, nhất nhân hữu nhất nhân chi Tính dã. Cố đương kỳ vị hàm thời, tắc thả thị thiên địa chi Lý Khí, cái vị hữu nhân giả thị dã. (Tự chú: Vị hữu nhân phi hỗn độn chi vị. Chỉ như Triệu Giáp dĩ giáp tý sinh, đương quý hợi tuế vị hữu Triệu Giáp, tắc Triệu Giáp nhất phân Lý Khí, tiện thuộc chi thiên.) Nãi kỳ ký hữu chất dĩ cư Khí, nhi Khí tất hữu Lý. Tự nhân ngôn chi, tắc nhất nhân chi sinh, nhất nhân chi Tính, nhi kỳ vi thiên chi lưu hành giả, sơ bất dĩ nhân cố trở cách, nhi phi phục thiên chi hữu. Thị khí chất trung chi Tính, y nhất bản nhiên chi Tính dã.»** 程子創說個氣質之性,殊覺峻嶒. [...] 初學不悟,遂疑人有兩性在.今不得已而爲顯之.所謂氣質之性者,猶言氣質中之性也.質是人之形質,範圍著有生理在內.形質之内,則氣充之.而盈天地間,人身以内,人身以外,無非氣者,故亦無非理者.理行乎氣之中,而爲氣主持分劑者也.故質以函氣,而氣以函理.質以函氣,故一人有一人之生;氣以函理,一人有一人之性也.故當其未函時,則且是天地之理氣,蓋未有人者是也.(自注:未有人非混沌之謂.只如趙甲以甲子生,當癸亥歲未有趙甲,則趙甲一分理氣,便屬之天.) 乃其既有質以居氣而氣必有理.自人言之,則一人之生,一人之性,而其爲天之流行者,初不以人故阻隔,而非復天之有.是氣質中之性,依一本然之性也.

37 *Thuyền Sơn Di Thư:* **«Phù Khí chi tại thiên, hoặc hữu thất kỳ hoà giả. Đương nhân chi thuỷ sinh, nhi dữ vi kiến lập. (Tự chú: Sở dĩ vi chất giả, diệc Khí vi chi.) Ư thị nhi nhân Khí chi thất, dĩ thành chất chi bất chính.»** 夫氣之在天, 或有失其和者.當人之始生,而與爲建立.(自註:所以爲質者, 亦氣爲之). 於是而因氣之失, 以成質之不正.

[38] trong *Trung Dung* và "*điều Lý*" 條理 trong *Mạnh Tử* (Vạn Chương, hạ) đều nói rằng Đạo có trật tự tự nhiên, giống như ngọc có vân, đất có phân vùng. *Dịch* viết: "Suy xét tận tường Lý của sự vật và thấu triệt Tính của chúng để hiểu Mệnh." [39] Lý hiện ở sự vật, Tính đầy đủ trong tâm, Mệnh xuất phát từ Trời; đó cũng là ý nghĩa của điều lý (trật tự).»[40]

Ông còn nói: «Hễ sự vật có điều lý (trật tự) thì gọi là Lý, tức là Lý ở trong sự vật. Nhưng nay có kẻ nói Lý ở trên sự vật, nghĩa là Lý là một sự vật khác. Về việc của trời ta gọi là thiên lý; về việc của người, ta gọi là nhân lý; về việc của vật, ta gọi là vật lý. *Thi Kinh* nói: "Có vật thì có

---

[38] LAM chú: «Văn lý» chỉ xuất hiện một lần trong *Trung Dung* (chương 31): «Duy thiên hạ chí thánh vi năng [...] *văn lý, mật sát,* túc dĩ hữu biệt dã.» 唯天下至聖爲能[...]文理密察,足以有別也. (Chỉ có bậc chí thánh trong thiên hạ mới có thể [...] "*văn lý mật sát*", đủ để phân biệt). Có hai cách ngắt câu: (1) Theo cấu trúc song song đối ứng (parallelism) trong chương 31, thì phải xem là bốn từ: *văn, lý, mật, sát.* James Legge, Charles Muller, và Tu Wei-ming (Đỗ Duy Minh) đều nhất trí điểm này. Nhưng bốn từ này, các ông hiểu khác nhau. James Legge hiểu: *accomplished* (toàn tài), *distinctive* (độc đáo), *concentrative* (chuyên tâm), *searching* (tìm tòi); Charles Muller hiểu: *refinement* (văn vẻ), *principle* (nguyên lý), *depth* (chiều sâu), *analytical ability* (khả năng phân tích); Tu Wei-ming (Đỗ Duy Minh) hiểu: *pattern* (mẫu mực), *order* (trật tự), *thoroughness* (hoàn toàn), *penetration* (thấu suốt).(2) Có thể ngắt câu, xem là hai từ: *văn lý, mật sát.* Bản *Tứ Thư Độc Bản* của nhóm Tạ Băng Oánh 謝冰瑩(Đài Loan, 1993, tr.58): *Văn lý* 文理 = điều lý 條理 (trật tự, thứ tự); *mật sát* 密察 = tường tế nhi minh biện 詳細而明辨 (phân biệt tỉ mỉ rõ ràng).

[39] LAM chú: Câu «*Cùng lý tận tính dĩ chí ư mệnh*» ở trong Thuyết Quái. James Legge dịch: «Do đó, các ngài [tức thánh nhân] phân biện triệt để điều đúng đắn và làm hữu hiệu sự phát triển hoàn bị của bản tính mọi vật, cho đến khi các ngài theo Dịch đạt tới thiên mệnh.» (They thus made an exhaustive discrimination of what was right, and effected the complete development of every nature, till they arrived in the *Yi* at what was appointed for it by Heaven). Richard Wilhelm hiểu *Lý* là «trật tự của ngoại giới» (die Ordnung der Außenwelt), *Tính* là «quy luật của bản chất» (das Gesetz des eignen Innern), và *Mệnh* là «số mệnh»: «Khi suy xét tận cùng cái trật tự của ngoại giới và truy cứu sâu tận cốt lõi quy luật của bản chất từng sự vật, các ngài hiểu được số mệnh.» (Indem sie die Ordnung der Außenwelt bis zu Ende durchdachten und das Gesetz des eignen Innern bis zum tiefsten Kern verfolgten, gelangten sie bis zum Verständnis des Schicksals).

[40] *Luận Ngữ Truyện Chú Vấn:* «Tại thiên tại nhân thông hành giả, danh chi vị Đạo. Lý tự tắc thánh kinh thậm thiểu. Trung Dung "văn Lý" dữ Mạnh Tử "điều Lý" đồng ngôn Đạo trật nhiên hữu điều, do ngọc hữu mạch lý, địa hữu phân lý dã. Dịch viết: "Cùng Lý tận Tính, dĩ chí ư mệnh." Lý kiến ư sự, Tính cụ ư tâm, mệnh xuất ư thiên, diệc điều Lý chi nghĩa dã.» 在天在人通行者,名之謂道.理字則聖經甚少.中庸"文理"與孟子"條理"同言道秩然有條,猶玉有脈理,地有分理也.易曰:"窮理盡性,以至於命."理建於事,性具於心,命出於天,亦條理之義也.

quy tắc của nó." Lìa sự vật thì chỗ nào là Lý?»[41]

Lý được nói trên đây không khác lắm với cái Lý mà các nhà Lý học gọi. Có điều, Lý Cung cho rằng các nhà Lý học nói «Lý ở trên sự vật», còn chính ông nói «Lý ở trong sự vật». Đây cũng là điểm mà về sau Đái Chấn (tức Đái Đông Nguyên) dùng để bài bác các nhà Lý học. Về phương diện phát triển tư tưởng mà nói, thì Nhan Nguyên, Lý Cung, và Đái Chấn quả thực là những người kế tục của bọn Lưu Tông Chu, Hoàng Tông Hi, và Vương Phu Chi vậy.

3. Đái Chấn

Đái Chấn 戴震(1723-1777) tự là Đông Nguyên 東原 và Thận Tu 慎修, người ở Hưu Ninh 休寧, tỉnh An Huy 安徽.[42] Ông sinh năm Ung Chính nguyên niên (tức 1723) đời vua Thanh Thế Tông, mất năm Càn Long 42 (tức 1777) đời vua Thanh Cao Tông. Ông giảng về «cái học Lý và Khí» trong tác phẩm *Nguyên Thiện* 原善 và *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng*

---

[41] ***Luận Ngữ Truyện Chú Vấn:*** **«Phù sự hữu điều Lý viết Lý, tức tại sự trung. Kim viết Lý tại sự thượng, thị Lý biệt vi nhất sự hĩ. Thiên sự viết thiên lý, nhân sự viết nhân lý, vật sự viết vật lý. Thi viết: "Hữu vật hữu tắc." Ly sự vật hà sở vi Lý hồ?»** 夫事有條理曰理,即在事中.今曰理在事上,是理別爲一事矣.天事曰天理,人事曰人理,物事曰物理.詩曰: "有物有則." 離事何所以爲理乎?

[42] **LAM chú: Đái Chấn 戴震 người An Huy. Ông hiếu học từ bé; nhà nghèo càng học giỏi. Ông học rộng, nhớ dai; học *Thuyết Văn Giải Tự* trong ba năm, thông thạo các từ cổ; cho đến các lời chú xưa trong bộ *Thập Tam Kinh* ông cũng học thuộc. Năm 23 tuổi, ông viết *Khảo Công Ký* 考工記, rất nổi tiếng. Về sau vì một lý do đặc biệt – các sách chép là chạy trốn kẻ thù, nhưng không rõ vụ việc thế nào – mà ông lên kinh đô, nhưng phải chịu cảnh đói lạnh khốn đốn. Ông đem trứ tác của mình đến yết kiến nhà kinh học và sử học nổi tiếng Tiền Đại Hân 錢大昕 (1728-1804), đàm luận hết cả ngày, được Tiền Đại Hân khen là «bậc kỳ tài trong thiên hạ». Lễ bộ thị lang Tần Huệ Điền 秦蕙田 nhân đó mời ông tham gia biên soạn bộ *Ngũ Lễ Thông Khảo* 五禮通考. Lúc đó ông chưa đỗ đạt gì. Các tân khoa tiến sĩ bấy giờ như Kỷ Quân 紀昀, Vương Minh Thịnh 王鳴盛, Vương Sưởng 王昶, Chu Quân 朱筠 sau khi đọc xong phần ông biên soạn, ai cũng khen, nên không câu nệ mà kết giao với ông; vì thế Đái Chấn rất nổi tiếng ở Bắc Kinh. Tuy vậy, con đường thi cử của ông lại lận đận. 39 tuổi mới đỗ cử nhân, rồi sáu lần thi hội đều hỏng. Đến năm 50 tuổi, cũng chỉ lấy thân phận cử nhân mà đảm nhiệm công tác tu đính *Tứ Khố Toàn Thư*. Ông 52 tuổi thi hội, lại bị hỏng. Hai năm sau thì mất. Đái Chấn học thức uyên bác, và là học giả lừng lẫy thời Càn Long - Gia Khánh đời Thanh. Ông sở trường về khảo chứng, âm vận, huấn hỗ; ông cũng nghiên cứu thiên văn, toán học, lịch pháp, sử học. Tác phẩm: *Mao Trịnh Thi Khảo Chứng* 毛鄭詩考證, *Thi Kinh Bổ Chú* 詩經補注, *Thượng Thư Nghĩa Khảo* 尚書義考, *Nghi Lễ Khảo Chính* 儀禮考正, *Khảo Công Ký Đồ Chú* 考工記圖注, *Đại Học Bổ Chú* 大學補注, *Nguyên Thiện* 原善, *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng* 孟子字義疏證, *Thanh Vận Khảo* 聲韻考, *Thanh Loại Biểu* 聲類表, *Phương Ngôn Sớ Chứng* 方言疏證, *Nhĩ Nhã Văn Tự Khảo* 爾雅文字考, *Thuỷ Kinh Chú* 水經注, *Cổ Lịch Khảo* 古歷考, v.v... Tham khảo: Bàng Phác, *Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, 1997, tr.232-235.**

孟子字義疏證. Trong bài tựa của *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng*, ông viết: «Mạnh Tử biện bác Dương Chu và Mặc Địch. Người đời sau quen nghe lời lẽ của Dương Chu, Mặc Địch, Lão Tử, Trang Tử, và Phật, lại còn lấy các lời lẽ ấy làm rối loạn lời của Mạnh Tử. Tôi là kẻ hậu sinh của Mạnh Tử, nên không thể [không bác bỏ các tà thuyết ấy].»[43]

Đái Chấn còn nói: «Trước đời Tống, Khổng Tử và Mạnh Tử tự là Khổng Tử và Mạnh Tử, Lão Tử và Thích Ca tự là Lão Tử và Thích Ca. Kẻ nói về Lão và Thích có lời lẽ cao diệu thì không dựa vào Khổng Tử và Mạnh Tử. Sau đời Tống, sách Khổng Tử và Mạnh Tử mất hết sự giải thích [đúng đắn] của nó, vì nhà Nho đã pha tạp lời của Lão Trang và Thích Ca để giải thích.»[44]

Đái Chấn cho rằng cái học của các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều «pha tạp lời của Lão Trang và Thích Ca» để giải thích kinh điển. Ông tự cho mình có trách nhiệm bác bỏ cái học của các Đạo học gia, giống như Mạnh Tử từng bác bỏ Dương Chu và Mặc Địch.

a. Đạo và Lý

Đái Chấn đồng quan điểm với Nhan Nguyên và Lý Cung, cho rằng các nhà Lý học đã xem «Lý ở trên sự vật». Đái Chấn còn nói thêm rằng cái học của các Đạo học gia đời Tống và đời Minh đều «pha tạp lời của Lão Trang và Thích Ca». Ông viết: «Theo Lão Trang và Thích Ca, lấy một cá nhân mà nói, hễ có hình thể là có thần thức, và thần thức được xem là căn bản. Do đó suy ngược lên, họ xem thần là yếu tố căn bản trong trời đất, từ đó họ tìm kiếm cái vô hình vô tích, và xem nó là thực hữu, đồng thời họ xem cái hữu hình hữu tích là hư huyễn. Tống Nho xem hình, khí, thần thức đều là cái riêng của bản thân ta, còn Lý thì nhận được từ trời. Do đó suy ngược lên, họ phân biệt tách bạch Lý với Khí; họ xem Lý cái vô hình vô tích là thực hữu, đồng thời xem cái hữu hình hữu tích là thô. Khai triển lời nói [của Lão Trang và Thích Ca], Tống Nho xem Khí là Khí hư không (hư ảo), xem tâm là thành quách của Tính. Do

---

[43] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* **«Mạnh Tử biện Dương Mặc. Hậu nhân tập văn Dương Mặc Lão Trang Phật chi ngôn, thả dĩ kỳ ngôn cốt loạn Mạnh Tử chi ngôn, thị hựu hậu hồ Mạnh Tử giả chi bất khả dĩ dã.»** 孟子辯楊墨,後人習楊墨老莊佛之言,且以其言汨亂孟子之言,是又後乎孟子者之不可已也.

[44] *Đái Đông Nguyên Tập:* **«Tống dĩ tiền, Khổng Mạnh tự Khổng Mạnh, Lão Thích tự Lão Thích. Đàm Lão Thích giả, cao diệu kỳ ngôn, bất y phụ Khổng Mạnh. Tống dĩ lai, Khổng Mạnh chi thư, tận thất kỳ giải, Nho giả tạp tập Lão Thích chi ngôn dĩ giải chi.»** 宋已前,孔孟自孔孟,老釋自老釋.談老釋者,高妙其言,不依附孔孟.宋已來,孔孟之書,盡失其解,儒者雜襲老釋之言以解之.

đó, [Lão Trang và Thích Ca] phân biệt hình và thần là hai [yếu tố] căn bản, cho rằng thần của trời đất cư ngụ trong Khí hư không (hư ảo), và thần của người cư ngụ trong thành quách ấy. Còn [Tống Nho] phân biệt Lý và Khí là hai [yếu tố] căn bản, cho rằng Lý của trời đất cư ngụ trong Khí hư không (hư ảo), và Lý của người cư ngụ trong thành quách ấy.»[45]

Ở câu «[Tống Nho] phân biệt Lý và Khí là hai [yếu tố] căn bản», Đái Chấn tự ghi chú rằng: «Chu Hi nói: "Giữa trời đất có Lý 理 và có Khí 氣. Lý là Đạo thuộc hình nhi thượng, là gốc sinh ra vạn vật. Khí 氣 là Khí 器 (khí vật, vật chất) thuộc hình nhi hạ, là công cụ sinh ra vạn vật."»[46] Ở đây Đái Chấn ghi lại thuyết «Lý ở trên Khí» (Khí thượng hữu Lý 氣上有理) của các nhà Lý học. Để bác bỏ thuyết này, Đái Chấn xem Âm Dương và ngũ hành (mà phái Chu Hi xem là Khí 氣) tức là Đạo. Đái Chấn nói: «Đạo giống như *hành* 行 (lưu hành), Khí biến hoá và lưu hành, sinh sôi mãi không ngừng, cho nên gọi là Đạo. *Kinh Dịch* nói: "Một Âm và một Dương gọi là Đạo." Hồng Phạm nói về ngũ hành: "Một là thuỷ, hai là hoả, ba là mộc, bốn là kim, năm là thổ." *Hành* 行 cũng là từ thông dụng để gọi Đạo.[47] Hễ nêu ra Âm Dương tức là gồm

---

45 ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sở Chứng:*** **«Tại Lão, Trang, Thích thị, tựu nhất thân phận ngôn chi, hữu hình thể, hữu thần thức, nhi dĩ thần thức vi bản. Suy nhi thượng chi, dĩ thần vi hữu thiên địa chi bản, toại cầu chư vô hình vô tích giả vi thực hữu, nhi thị hữu hình hữu tích vi ảo (huyễn). Tại Tống Nho, dĩ hình Khí thần thức đồng vi kỷ chi tư, nhi Lý đắc ư thiên. Suy nhi thượng chi, ư Lý Khí tiệt nhiên phân minh, dĩ Lý đương hữu kỳ vô hình vô tích chi thực hữu, nhi thị hữu hình hữu tích vi thô. Ích tựu bỉ chi ngôn nhi chuyển chi, nhân thị Khí viết không khí, thị tâm viết Tính chi phu quách, thị bỉ biệt hình thần vi nhị bản, nhi trạch ư không khí, trạch ư phu quách giả, vi thiên địa chi thần dữ nhân chi thần. Thử biệt Lý Khí vi nhị bản, nhi trạch ư không khí, trạch ư phu quách giả, vi thiên địa chi Lý dữ nhân chi Lý.»** 在老莊釋氏，就一身分言之，有形體，有神識，而以神識爲本。推而上之，以神爲有天地之本，遂求諸無形跡者爲實有，而視有形有跡爲幻。在宋儒，以形氣神識同爲己之私，而理得於天。推而上之，於理氣截然分明，以理當有其無形無跡之實有，而視有形有跡爲粗。益就彼之言而轉之，因視氣曰空氣，視心曰性之郛郭，是彼別形神爲二本，而宅於空氣，宅於郛郭者，爲天地之神與人之神。此別理氣爲二本，而宅於空氣，宅於郛郭者，爲天地之理與人之理。

46 **LAM chú: Đây là lời trong thư của Chu Hi phúc đáp Hoàng Đạo Phu** 黃道夫. **Xin xem lại chú thích 22 của chương 13 trên đây. Có một điểm khác nhau: Nguyên văn của Chu Hi chép là: «*Khí* dã giả, hình nhi hạ chi *Khí* dã, sinh vật chi cụ dã.»** 氣也者，形而下之器也，生物之具也 **(hai chữ Khí** 氣 **và** 器 **khác nhau). Lời chú của Đái Chấn chép là:** 氣也者，形而下之氣也，生物之具也 **(hai chữ Khí** 氣 **là một). Đây không phải là lỗi Phùng Hữu Lan sao chép, mà chính bản *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sở Chứng* đang phổ biến trên Internet cũng chép y như vậy. Chỗ này tôi dịch theo Chu Hi, không dịch theo trích dẫn của Đái Chấn.**

47 **LAM chú: Khi giảng *Đạo* cũng có nghĩa là *hành*, Đái Chấn cũng có cùng quan điểm với Đạo giáo. Thuật ngữ *Đạo*, Wilhelm thường dịch là *SINN* (giác quan, tri giác, ý thức, tư tưởng, ý nghĩa), đôi khi ông dịch là *Weg* (con đường) hay *Tao* (phiên âm chữ Hán). Trong phần dẫn nhập của bản dịch *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, ông giải thích: «Về cách dịch đúng của từ [Đạo] này,**

ngay từ đầu đã có nhiều bất đồng ý kiến. *Gott* (Thượng Đế), *Weg* (Con đường), *Vernunft* (Lý tính, Lý trí), *Wort* (Lời) chỉ là một vài cách dịch được đề nghị, trong khi một số nhà phiên dịch chỉ mượn thẳng "Tao" (Hán âm của từ này) vào các ngôn ngữ Âu Châu. [...] Chúng tôi đã chọn từ "Sinn" một cách tổng quát.» (In Beziehung auf die richtige Übersetzung dieses Wortes herrschte von Anfang an viel Meinungsverschiedenheit. «Gott», «Weg», «Vernunft», «Wort» sind nur ein paar der vorgeschlagenen Übersetzungen, während ein Teil der Übersetzer einfach das «Tao» unübertragen in die europäischen Sprachen herübernimmt. [...] Es wurde von uns durchgängig das Wort Sinn gewählt). Trong bản dịch *Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ*, 太乙金華宗旨 (trang 70) Wilhelm giải thích: «Đạo thống ngự con người giống như thống ngự bản thể vô hình và hữu hình (thiên và địa). Chữ *Đạo* nguyên thể gồm có chữ *Thủ* (đầu) – mà có lẽ phải dịch nó là *sự khởi đầu* – hợp với bộ *Sước* (đi), và kỳ thực trong tự thể kép nó có nghĩa là *quỹ đạo*. Bên dưới của bộ *Sước* là chữ *Chỉ* (đứng yên) mà trong cách viết về sau nó bị lược đi. Như vậy ý nghĩa nguyên thuỷ của chữ Đạo là "một quỹ đạo nhất định dẫn trực tiếp từ một khởi điểm đến một mục tiêu". Ý cơ bản ở đây là: mặc dù tự thân tĩnh tại nhưng Đạo làm phương tiện cho mọi chuyển động và nó đặt ra quy luật cho chúng. Thiên đạo là những con đường mà các chòm sao đi. Nhân đạo là con đường mà con người đi.» (Das *Tao*, der *Weltsinn*, Weg, beherrscht daher den Menschen ebenso wie die unsichtbare und die sichtbare Natur [Himmel und Erde]. Das Zeichen Tao in seiner ursprünglichen Form besteht aus einem Kopf, der wohl als «Anfang» gedeutet werden muß, dann dem Zeichen für «Gehen», und zwar in seiner Doppelform, in der es auch «Geleise» bedeutet, und darunter dann noch das Zeichen «stehen bleiben», das in der späteren Schreibweise weggelassen wird. Die ursprüngliche Bedeutung ist also: «ein Geleise, das – selber feststehend – von einem Anfang aus direkt zum Ziel führt.» Es liegt also der Gedanke zugrunde, daß es, selber unbewegt, alle Bewegungen vermittelt und ihr das Gesetz gibt. Himmelsbahnen sind die Bahnen, auf denen sich die Gestirne bewegen; die Bahn des Menschen ist der Weg, auf dem er wandeln soll). Phân tích sâu hơn về chữ Đạo, có thể tìm thấy trong *Tiên Học Từ Điển* 仙學辭典 của Đái Nguyên Trường 戴源長 và Lý Lạc Cầu 李樂俅 (trang 150): «Chữ *Đạo* được hợp thành bởi hai điểm và một nét ngang ở trên, chữ *tự* 自 ở giữa, và chữ *sước* 辶 ở dưới. Chấm bên trái chìm xuống là Âm, chấm bên phải nổi lên là Dương. Nét ngang (chữ *nhất*) là Âm Dương hợp nhất.» (Đạo tự vi thượng lưỡng điểm nhất hoạch, trung nhất tự tự, hạ nhất sước tự hợp thành. Tả điểm hạ trầm vi Âm, hữu điểm thượng phù vi Dương, nhất hoạch vi Âm Dương hợp nhất 道字爲上兩點一畫，中一自字，下一辵字合成．左點下沉爲陰，有點上浮爲陽．一畫爲陰陽合一). *Khang Hi tự điển* và Bài học chiết tự 112 E trong sách *Hán Tự* (Caractères Chinois) của Léon Wieger giải thích rõ chữ *sước* mà ta có thể tóm tắt như sau: *Sước* 辵 nghĩa là «lúc đi, lúc dừng» (sạ hành sạ chỉ 乍行乍止), gồm có 彡 tức là *sách* 彳 (nửa bước chân trái) ở trên – nửa bước chân phải là *súc* ; *sách* 彳 và *súc* hợp lại ra chữ *hành* 行 (đi) – và *chỉ* 止 (dừng lại) ở dưới. *Sước* 辵 có hai biến thể: hoặc thành 辶 (như trong chữ Đạo 道); hoặc tách *sách* 彳 và *chỉ* 止 ngang nhau (như trong các chữ *tòng* 從, *đồ* 徒, *tỷ* 徙). Những nhà chú giải bình thường đều giải rằng Đạo là «những quy luật biến hoá của vạn vật trong vũ trụ», nhưng các phân tích trên đây về chữ *Đạo* 道 dẫn đến kết luận rằng: (1) Đạo là Âm Dương hợp nhất (*Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo*), tức là Thái Cực, tức là Nhất. (2) Đạo gồm *thủ* 首 và *sước* 辶, tức là liên quan đầu và chân, suy rộng là: Đạo bao quát *thuỷ* và *chung*. (3) *Sước* 辵 là «lúc đi, lúc dừng», tức là Đạo bao gồm cả động và tĩnh. (4) Yếu tố *tự* 自 nghĩa là tự thân mỗi thứ và mỗi loài trong vũ trụ đều có Đạo. Ở con người, Đạo tàng ẩn trong đầu não (*thủ* 首).

luôn ngũ hành, vì Âm và Dương mỗi cái đều có đủ ngũ hành; hễ nêu ra ngũ hành tức là gồm luôn Âm Dương, vì mỗi hành trong ngũ hành đều có Âm và Dương vậy.»[48]

Sau đoạn văn trên, Đái Chấn nói: «Âm Dương ngũ hành là thực thể của Đạo.» (Âm Dương ngũ hành Đạo chi thực thể dã 陰陽五行道之實體也). Ông xem thực thể của Âm Dương ngũ hành là thực thể của Đạo. Đạo là Khí chứ không phải là cái Lý trừu tượng vượt trên thời gian và không gian. Ở đây ý kiến của ông tương đồng ý kiến của Nhan Nguyên. Nhan Nguyên xem nhị khí (Âm Dương) và tứ đức (nguyên, hanh, lợi, trinh) là Thiên Đạo. Tuy nhiên, Nhan Nguyên dùng tứ đức thì ông dùng ngũ hành, có lẽ vì tứ đức có ý vị đạo đức qua chữ «Lý» (nguyên lý).

Về sự phân biệt hình nhi thượng và hình nhi hạ, Đái Chấn nói: «Khí hoá 氣化 ở phẩm vật, thì có sự phân biệt hình nhi thượng và hình nhi hạ. Hình là ý nói phẩm vật, chứ không phải là Khí hoá. [...] Hình ý nói đã thành hình chất. Nói về hình nhi thượng giống như nói trước khi có hình; nói về hình nhi hạ giống như nói sau khi có hình. Âm Dương chưa thành hình chất, thì gọi là hình nhi thượng, chứ không phải hình nhi hạ, điều ấy rõ ràng rồi. Khí 器 (khí vật, dụng cụ) ý nói đã tạo thành thì bất biến; Đạo 道 ý nói đã thể hiện ở vật thì không thể mất. Chẳng những Âm Dương không phải là hình nhi hạ, mà ngũ hành (thuỷ, hoả, mộc, kim, thổ) cũng không phải là hình nhi hạ nữa. Cái nào có chất có thể nhìn thấy, cố nhiên là hình nhi hạ, tức là khí 器 (khí vật, dụng cụ). Khí 氣 của ngũ hành (tức là cái mà người và vật cùng bẩm thụ) là hình nhi thượng vậy.»[49]

---

[48] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sở Chứng:* **«Đạo do hành dã, Khí hoá lưu hành, sinh sinh bất tức, thị cố vị chi Đạo. Dịch viết: "Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo." Hồng Phạm ngũ hành: "Nhất viết thuỷ, nhị viết hoả, tam viết mộc, tứ viết kim, ngũ viết thổ." Hành diệc Đạo chi thông xưng. Cử Âm Dương tắc cai ngũ hành, Âm Dương các cụ ngũ hành dã; cử ngũ hành tức cai Âm Dương, ngũ hành các hữu Âm Dương dã.»** 道猶行也,氣化流行,生生不息,是故謂之道.易曰:"一陰一陽之謂道." 洪範五行:"一曰水,二曰火,三曰木,四曰金,五曰土." 行亦道之通稱.舉陰陽則賅五行,陰陽各具五行也;舉五行即賅陰陽,五行各有陰陽也.

[49] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sở Chứng:* **«Khí hoá chi ư phẩm vật, tắc hình nhi thượng hạ chi phân dã. Hình nãi phẩm vật chi vị, phi khí hoá chi vị. [...] Hình vị dĩ thành hình chất. Hình nhi thượng do viết hình dĩ tiền, hình nhi hạ do viết hình dĩ hậu. Âm Dương chi vị thành hình chất, thị vị hình nhi thượng giả dã, phi hình nhi hạ minh hĩ. Khí ngôn hồ nhất thành nhi bất biến; Đạo ngôn hồ thể vật nhi bất khả di. Bất đồ Âm Dương thị phi hình nhi hạ, như ngũ hành thuỷ hoả mộc kim thổ, hữu chất khả kiến, cố hình nhi hạ dã, Khí dã. Kỳ ngũ hành chi khí, nhân vật hàm bẩm thụ ư thử, tắc hình nhi thượng giả dã.»** 氣化之於品物,則形而上下之分也.形乃品物之謂,非氣化之謂.[...] 形謂已成形質.形而上猶曰形以前,形而下猶曰形以後.陰陽之未成形質,是謂形而上者也,非形而下明矣.器言乎一成而不變;道言乎體物而不可遺.不徒陰陽是非形而下,如五行水火木金土,有質可見,固形而下也,器也.其五行之氣,人物咸稟受於此,則形而上者也.

Khí 氣 của Âm Dương ngũ hành tức là Đạo. Người và vật bẩm thụ Khí này mà bắt đầu có hình chất; đó gọi là Khí hoá. Nhưng bản thân của Khí này không có hình chất. Chỉ do không có hình chất nên nó là Đạo thuộc hình nhi thượng. Cái có hình chất tức là khí 器 (khí vật, dụng cụ) thuộc hình nhi hạ. Như vậy Khí của ngũ hành không phải là những thứ cụ thể có hình chất mà ta nhìn thấy, như nước, lửa, gỗ, kim loại, đất. Bởi vì cái gì có hình chất mà ta nhìn thấy, tức là khí vật thuộc hình nhi hạ.



Đái Chấn

Bảo rằng sự sinh ra và trưởng thành của người và vật rốt cuộc đều là Khí hoá, như vậy trong hệ thống của Đái Chấn cơ hồ không cần có cái Lý mà các nhà Lý học gọi. Tuy nhiên ở đây nảy sinh câu hỏi: Sự biến hoá của Khí có tính chất tạp loạn hay là noi theo một trật tự nhất định? Đái Chấn cho rằng sự lưu hành của Âm Dương ngũ hành vốn noi theo một trật tự: «Sự biến hoá không ngừng của trời đất tức là Đạo. Chẳng phải chăng một Âm và một Dương tác động mà sinh sôi ư? Chẳng phải sự sinh sôi ấy có trật tự ư? [...] Sự sinh sôi ấy là lòng nhân ái. Chưa từng có sự sinh sôi mà chẳng có trật tự. Sự tự nhiên lớp lang của trật tự ấy là sự thể hiện tột cùng của lễ. Sự phân minh của trật tự ấy là sự thể hiện tột cùng của nghĩa.»[50]

Đái Chấn còn nói: «Đối với trời, đất, người, vật, sự việc, hoạt động, ta chưa hề nghe nói rằng chúng không có Lý. *Thi Kinh* nói "hễ có vật thì có nguyên tắc của nó", đúng vậy. *Vật* là cái tên ám chỉ thực thể hay sự vật thực của nó; *tắc* là cái tên gọi sự thuần tuý trung chính của nó. Thực thể hay sự vật thực, chẳng gì khác hơn là sự tự nhiên, nhưng nó quy về sự tất nhiên cần có cái Lý của trời, đất, người, vật, sự việc, và hoạt động. Bất kể độ lớn của trời và đất, sự phồn tạp của người và vật, sự phức tạp của sự việc và hoạt động, hễ mỗi thứ có được cái Lý của nó rồi thì nó như vật thẳng đứng theo dây dọi, vật nằm ngang theo mặt nước nằm ngang, vật tròn theo thước tròn (com-pa), vật vuông theo thước vuông (ê-ke), sau đó Lý còn là chuẩn mực của muôn đời trong thiên hạ. Kinh Dịch nói: "Hành động trước trời, mà trời không chống lại; đi sau trời mà tuân theo

50 *Đái Đông Nguyên Tập* (**Độc Dịch Hệ Từ Luận Tính): «Thiên địa chi hoá bất dĩ giả, Đạo dã. Nhất Âm nhất Dương kỳ sinh sinh hồ? Kỳ sinh sinh nhi điều lý hồ? [...] Sinh sinh, nhân dã. Vị hữu sinh sinh nhi bất điều lý giả. Điều lý chi trật nhiên, lễ chí giả dã. Điều lý chi tiệt nhiên, nghĩa chí giả dã.»** 天地之化不已者,道也.一陰一陽,其生生乎?其生生而條理乎? [...] 生生,仁也.未有生生而不條理者.條理之秩然,禮至者也.條理之截然,義至者也.

thiên thời. Trời đã không chống lại, nói chi đến người, nói gì đến quỷ thần?" [51] [...] Hễ như thế, tức là đắc Lý; đó gọi là có được sự tán đồng chung của nhân tâm. [...] Tôn vinh cái Lý ấy mà nói rằng trời đất (hay Âm Dương) không đủ để sánh với nó, điều ấy tất có nghĩa là phủ nhận cái Lý của trời đất (hay Âm Dương). [...] Đối với trời, đất, người, vật, sự việc, và hoạt động, nếu ta mong chúng cứ tất nhiên như thế không thể dịch chuyển, thì Lý của chúng hết sức rõ ràng. Tuy nhiên có kẻ tôn vinh Lý, không chỉ nói đến Lý của trời, đất, người, vật, sự việc, và hoạt động, mà còn nói rằng Lý ở khắp nơi, và xem nó như thể là vật chất. Điều ấy khiến cho người học đi tìm vật ấy cho đến bạc đầu cũng chẳng được.»[52]

---

[51] **LAM chú: Nguyên văn trong Văn Ngôn quẻ Càn: «Phù đại nhân giả dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung, *tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời. Thiên thả phất vi, nhi huống ư nhân hồ, huống ư quỷ thần hồ!*»** 夫大人者與天地合其德,與日月合其明,與四時合其序,與鬼神合其吉凶,先天而弗違,後天而奉天時.天且弗違,而況於人乎,況於鬼神乎**(Đại nhân hoà hợp đức của mình với trời, hoà hợp sự sáng của mình với mặt trời và mặt trăng, hoà hợp trật tự của mình với bốn mùa, hoà hợp sự may rủi của mình với quỷ thần. Đại nhân hành động trước trời, mà trời không chống lại; đi sau trời mà tuân theo thiên thời. Trời đã không chống lại, nói chi đến người, nói gì đến quỷ thần!)**

[52] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* «Thiên địa, nhân vật, sự vi, bất văn vô khả ngôn chi Lý giả dã. Thi viết "hữu vật hữu tắc" thị dã. Vật giả, chỉ kỳ thực thể thực sự chi danh; tắc giả, xưng kỳ thuần tuý trung chính chi danh. Thực thể thực sự, võng phi tự nhiên, nhi quy ư tất nhiên, thiên địa, nhân vật, sự vi chi Lý đắc hĩ. Phù thiên địa chi đại, nhân vật chi phiền, sự vi chi uỷ khúc điều phân, cẩu đắc kỳ Lý hĩ, như trực giả chi trung huyền, bình giả chi trung thuỷ, viên giả chi trung quy, phương giả chi trung củ, nhiên hậu thôi chư thiên hạ vạn thế nhi chuẩn. Dịch xưng "Tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời. Thiên thả phất vi, nhi huống ư nhân hồ? Huống ư quỷ thần hồ?" [...] Phù như thị, thị vi đắc Lý, thị vị tâm chi sở đồng nhiên. [...] Tôn thị lý nhi vị thiên địa Âm Dương bất túc dĩ đương chi, tất phi thiên địa Âm Dương chi Lý tắc khả. [...] Cử phàm thiên địa, nhân vật, sự vi, cầu kỳ tất nhiên bất khả dịch, Lý chí minh hiển dã. Tòng nhi tôn đại chi, bất đồ viết thiên địa, nhân vật, sự vi chi Lý, nhi chuyển kỳ ngữ viết "Lý vô bất tại", thị chi "như hữu vật yên", tương sử học giả hạo thủ mang nhiên, cầu kỳ vật bất đắc.»** 天地,人物,事爲,不聞無可言之理者也.詩曰"有物有則"是也.物者,指其實體實事之名;則者,稱其純粹中正之名.實體實事,罔非自然,而歸於必然,天地,人物,事爲之理得矣.夫天地之大,人物之蕃,事爲之委曲條分,苟得其理矣,如直者之中懸,平者之中水,圓者之中規,方者之中矩,然後推諸天下萬世而準.易稱"先天而天弗違,後天而奉天時.天且弗違,而況人乎?況於鬼神乎?" [...] 夫如是,是爲得理,是謂心之所同然. [...] 尊是理而謂天地陰陽不足以當之,必非天地陰陽之理則可. [...] 舉凡天地,人物,事爲,求其必然不可易,理至明顯也.從而尊大之,不徒曰天地,人物,事爲之理,而轉其語曰"理無不在",視之"如有物焉",將使學者皓首茫茫,求其物不得.

Trời, đất, người, vật, sự việc, và hoạt động đều có cái Lý của chúng. Chúng là thực thể hay sự vật thực; chúng là tự nhiên. Lý của chúng thì phải thế, tất nhiên như thế, không thể dịch chuyển, và còn là chuẩn mực của muôn đời trong thiên hạ. Trời và quỷ thần không thể chống lại nó. Đái Chấn nói: «Chỉ cái thứ tự ấy là sinh sôi; nếu thứ tự ấy mất, thì nguyên lý của sự sinh sôi ấy dứt.» Do đó, Đái Chấn cũng nhìn nhận sự tồn tại của cái Lý khách quan; nó không phải là thực thể hay sự vật thực trong cõi tự nhiên, mà là cái để cho thực thể hay sự vật thực nương vào. Chỗ bất đồng giữa Đái Chấn với các nhà Lý học là: (1) Về phương diện danh từ: Cái mà các nhà Lý học gọi là Đạo thì ông không gọi là Đạo. (2) Về phương diện kiến giải: Đái Chấn cho rằng các nhà Lý học nói «Lý ở trên Khí, hoặc ở trước Khí», còn tự ông nói «Lý ở trong Khí». Đái Chấn nói giống như Lý Cung. Lý Cung cho rằng các nhà Lý học nói «Lý ở trên sự vật», còn chính ông nói «Lý ở trong sự vật». Tranh luận về phương diện thì không quan trọng, nhưng về phương diện kiến giải, khi các nhà Lý học nói «Lý ở trên Khí» tức là họ nói theo lô-gíc. Về phương diện thực tế, các nhà Lý học nói rằng: «Không có cái Khí 氣 nào mà không có Lý; Không có cái Lý nào mà không có Khí.» Nói vậy, tức là Lý ở trong Khí. Do đó sự khác biệt chính là các nhà Lý học cho rằng «Lý ở trước Khí». Theo Đái Chấn, các nhà Lý học «tôn vinh cái Lý ấy mà nói rằng trời đất (hay Âm Dương) không đủ để sánh với nó, điều ấy tất có nghĩa là phủ nhận cái Lý của trời đất (hay Âm Dương).» Lý của trời đất (hay Âm Dương) không phải là trời đất (hay Âm Dương). Các nhà Lý học nói như thế thì được, nhưng không thể nhân cái Lý của trời đất (hay Âm Dương) mà nói: Không có trời đất (hay Âm Dương) nên không có Lý của trời đất (hay Âm Dương). Các nhà Lý học nói Lý tồn tại khắp nơi, tất cả vạn vật đều có Lý. Đái Chấn cũng nói: «Mỗi vật đều có sự điều lý (trật tự) của nó, mỗi hành động đều có cái đúng của nó.» Nếu Đái Chấn nhận rằng «đối với trời, đất, người, vật, sự việc, hoạt động, ta chưa hề nghe nói rằng chúng không có Lý», thì tại sao ông không thể nói Lý tồn tại khắp nơi? Các nhà Lý học chưa từng xem Lý là một vật. Họ xem Lý là cái trên hình, tức là Lý không phải là một vật. Tóm lại, về vấn đề Lý và Khí, điểm khác nhau giữa Đái Chấn và các nhà Lý học là: Đái Chấn cho rằng các nhà Lý học nói «Lý ở trên Khí, hoặc ở trước Khí», còn tự ông nói «Lý ở trong Khí». Theo thuật ngữ triết học Tây phương mà nói, Đái Chấn cho rằng các nhà Lý học nói «Lý siêu vượt trên thế giới (transcendent)», còn tự ông nói «Lý ở trong thế giới (immanent)». Đấy là kiến giải nhất trí của Đái Chấn với Lưu Tông Chu, Hoàng Tông Hi, Vương Phu Chi, Nhan Nguyên, và Lý Cung.

b. Tính và Tài

Còn một điểm bất đồng khác giữa Đái Chấn và các nhà Lý học. Các nhà Lý học cho rằng mỗi con người đều có một Thái Cực. Thái Cực trong nhân tâm tức là Tính của chúng ta. Thái Cực là toàn thể các Lý. Cho nên Tính của chúng ta cũng có đủ các Lý. Đái Chấn bác bỏ thuyết ấy, ông nói: «*Đại Đái Lễ Ký* chép: "Cái được phân ra từ Đạo gọi là Mệnh; cái thể hiện ở mỗi sự vật gọi là Tính." Điều ấy nói rằng người và vật tồn tại là do được phân ra từ Âm Dương và ngũ hành, nhưng mỗi người và mỗi vật bị giới hạn ở sự phân chia ấy, mà tạo thành Tính của mình. Âm Dương và ngũ hành là thực thể của Đạo. Huyết khí và tâm trí là thực thể của Tính. Có thực thể, nên có thể phân chia. Có phân chia, nên chúng không ngang bằng nhau.»[53]

Đái Chấn nói «huyết khí và tâm trí là thực thể của Tính» thì cũng như Nhan Nguyên nói «Tính và hình đều là cái trời phú cho» (Tính hình câu thị thiên mệnh 性形俱是天命). Đái Chấn còn nói: «Tính là cái được phân ra từ Âm Dương và ngũ hành, qua đó tạo thành huyết khí và tâm trí; và chủng loại của vật thì khác nhau để phân biệt. Sau khi người và vật được sinh ra rồi, sự mà chúng có, năng lực mà chúng đủ, đức mà chúng toàn vẹn, luôn xem Tính là gốc. Cho nên *Kinh Dịch* nói: "Cái tạo thành vạn vật là Tính."[54] Khí biến hoá sinh ra người và vật, rồi sau đó mỗi loài tự theo chủng loại của mình mà tiếp tục sinh sôi mãi. Tuy nhiên, sự khu biệt các loài từ ngàn xưa tới nay vẫn thế, chỉ noi theo mẫu cũ của từng loại mà thôi. [...] Một khi nói đến sự phân chia, thì chúng bị giới hạn ngay từ đầu: lệch lạc hay toàn vẹn, dầy hay mỏng, trong hay đục, tối tăm hay sáng láng khác nhau; mỗi thứ tuỳ theo sự phân chia riêng cho mình mà có Tính của mình. Tính của chúng khác nhau; đại khái thì người ta lấy chủng loại

---

[53] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sở Chứng:*** **«Đại Đái Lễ Ký viết: "Phân ư Đạo vị chi mệnh, hình ư nhất vị chi tính. " Ngôn phân ư Âm Dương ngũ hành, dĩ hữu nhân vật, nhi nhân vật các hạn ư sở phân, dĩ thành kỳ tính. Âm Dương ngũ hành, Đạo chi thực thể dã. Huyết khí tâm tri, tính chi thực thể dã. Hữu thực thể, cố khả phân. Duy phân dã, cố bất tề.»** 大戴禮記曰："分於道謂之命，形於一謂之性." 言分於陰陽五行，以有人物，而人物各限於所分，以成其性．陰陽五行，道之實體也．血氣心知，性之實體也．有實體，故可分．惟分也，故不齊.

[54] **LAM chú: Hệ Từ Thượng: «Kế chi giả thiện dã, thành chi giả Tính dã.»** 繼之者善也，成之者性也**(Cái kế tiếp là thiện; cái tạo thành [vạn vật] là Tính).**

để phân biệt chúng.»[55]

Đái Chấn xem chủng loại là thường tồn. Mỗi cá thể trong mỗi chủng loại là do khí hoá mà sinh ra. Nếu suy cho kỹ, Đái Chấn vô tình đi đến thuyết «cộng tướng bất biến». Ông xem vật trong mỗi chủng loại có sự bẩm thụ Khí khác nhau: lệch lạc hay toàn vẹn, dầy hay mỏng, trong hay đục, tối tăm hay sáng láng, nhưng về đại thể thì chúng tương đồng. Còn sự khác biệt giữa chủng loại này với chủng loại khác, ông cho rằng «chủng loại của vật thì khác nhau để phân biệt». Do đó Tính của trâu không thể so sánh với Tính của người; Tính của người không thể so sánh với Tính của chó.

Đái Chấn còn phân biệt Tính và Tài: «Khí biến hoá sinh ra người và vật. Nếu căn cứ sự giới hạn của người và vật ở chỗ phân ra từ Khí mà nói, thì Khí được gọi là Mệnh 命; nếu căn cứ gốc gác ban đầu của người và vật mà nói, thì Khí được gọi là Tính 性; nếu căn cứ thể chất của người và vật mà nói, thì Khí được gọi là Tài 才. Do cái Tính được hình thành ở mỗi loài mỗi thứ khác nhau, nên Tài chất 才質 của chúng cũng khác nhau. Tài chất là phần được phô bày của Tính. Nếu vất bỏ Tài chất [của người hay vật], làm sao ta có thể nhìn thấy cái gọi là Tính? [...] Thí dụ như Tính của quả đào hay quả hạnh đều là chất màu trắng trong hạt của nó, tiềm tàng đủ hình dáng, màu sắc, mùi, vị [của quả đào hay quả hạnh về sau], nhưng ta không thể thấy được chúng. Đến khi hạt nảy mầm, nứt vỏ, mọc lên thân, cành, lá, thì cây đào và cây hạnh khác nhau. Từ đó có hoa có quả và hình dáng, màu sắc, mùi, vị của chúng đều phân biệt rõ ràng. Tuy Tính tạo ra chúng như thế, nhưng ta đều căn cứ vào Tài mà

[55] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* **«Tính giả, phân ư Âm Dương ngũ hành, dĩ vi huyết khí tâm tri, phẩm vật khu dĩ biệt yên. Cử phàm ký sinh dĩ hậu, sở hữu chi sự, sở cụ chi năng, sở toàn chi đức, hàm dĩ thị vi kỳ bản. Cố Dịch viết: "Thành chi giả tính dã." Khí hoá sinh nhân sinh vật, dĩ hậu các dĩ loại tư sinh cửu hĩ. Nhiên loại chi khu biệt, thiên cổ như thị dã, tuần kỳ cố nhi dĩ hĩ. [...] Nhất ngôn hồ phân, tắc kỳ hạn chi ư thuỷ, hữu thiên toàn, hậu bạc, thanh trọc, hôn minh chi bất tề, các tuỳ sở phân nhi hình ư nhất, các thành kỳ tính dã. Nhiên tính tuy bất đồng, đại trí dĩ loại vi chi khu biệt.»** 性者，分於陰陽五行，以爲血氣心知(智)，品物區以別焉．舉凡既生以後，所有之事，所具之能，所全之德，咸以是爲其本．故易曰："成之者性也．" 氣化生人生物，以後各以類滋生久矣．然類之區別，千古如是也，循其故而已矣．**[...]** 一言乎分，則其限之於始，有偏全，厚薄，清濁，昏明之不齊，各隨所分而形於一，各成其性也．然性雖不同，大致以類爲之區別.

thấy [sự khác biệt].»[56]

Do đấy mà nói, Tính là tiềm năng, còn Tài là hiện thực. Tiềm năng không thấy được, ắt phải đợi nó thành hiện thực rồi ta mới biết được. Cái Tính này là cái cụ thể, nó khác với cái Tính mà các nhà Lý học gọi.

Phùng Hữu Lan chú:

Ý này của Đái Chấn thì Trần Xác đã nói rồi. Trần Xác 陳確 tức Trần Càn Sơ 陳乾初 (1604-1677), người Hải Ninh 海寧, tỉnh Chiết Giang, cùng Hoàng Tông Hi theo học Lưu Tông Chu. Hoàng Tông Hi nói về Trần Xác rằng: «Cái học của Thầy mười phần thì anh Trần đã đạt được bốn, năm phần.» Trần Xác luận về Tính rằng: «Câu nói "Ai phát triển triệt để tâm của mình thì sẽ biết Tính của mình" (Tận kỳ tâm giả, tri kỳ Tính dã) là ý tưởng cơ bản của Mạnh Tử về Tính thiện. Tính của người luôn thiện. Sau khi ta phát triển rộng Tài thì ta mới thấy Tính. Thí dụ như Tính của ngũ cốc, nếu ta không cày xới, nhổ cỏ dại, và vun trồng, thì sao biết được cái đẹp do hạt sinh ra? [...] Do đó, sau khi được vun trồng và lúa chín rồi, thì Tính của ngũ cốc tốt sẽ hoàn toàn. Nếu lười biếng vun trồng thì thu hoạch sẽ khác, vậy thì ta sẽ không đúng nếu nói Tính của lúa mạch vốn là tốt hay xấu. Sự hàm dưỡng đã chín muồi thì Tính của người quân tử mới hoàn toàn. Kính cẩn hay phóng túng thì thành quả sẽ khác, vậy thì ta sẽ không đúng nếu nói Tính của con người vốn là tốt hay xấu.» Hoàng Tông Hi bác bỏ ý của Trần Xác rằng: «Tính vốn thiện, cho dù thế nào thì rốt cuộc nó vẫn thiện. Có phát triển rộng Tài thì Tính cũng không có chỗ tăng; không phát triển rộng Tài thì Tính cũng không có chỗ giảm.» Lời này của Hoàng Tông Hi giống như lời Chu Hi, vì Chu Hi cho rằng Tính giống như ngọc báu rơi vào chỗ nước dơ bẩn đục ngầu.[57] Hoàng Tông Hi còn nói: «Tâm không có bản thể; cái mà ta nỗ lực đạt tới tức là bản thể.» Nói lời này,

---

[56] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* **«Khí hoá sinh nhân sinh vật, cứ kỳ hạn ư sở phân nhi ngôn vị chi mệnh; cứ kỳ vi nhân vật chi bản thuỷ nhi ngôn vị chi Tính; cứ kỳ thể chất nhi ngôn vị chi Tài. Do thành Tính các thù, cố Tài chất diệc thù. Tài chất giả, Tính chi sở trình dã. Xả Tài chất, an đổ sở vị Tính tai? [...] Như đào hạnh chi Tính, toàn ư hạch trung chi bạch, hình sắc xú vị, vô nhất phất cụ, nhi vô khả kiến. Cập manh nha giáp sách, căn cán chi diệp, đào dữ hạnh các thù. Do thị vi hoa vi thực, hình sắc xú vị, vô bất khu dĩ biệt giả, tuy Tính tắc nhiên, giai cứ Tài kiến chi nhĩ.»** 氣化生人生物,據其限於所分而言謂之命;據其爲人物之本始而言謂之性;據其體質而言謂之才.由成性各殊,故才質亦殊.才質者,性之所呈也.舍才質,安睹所謂性哉? [...] 如桃杏之性,全於核中之白,形色臭味,無一弗具,而無可見.及萌芽甲坼,根榦枝葉,桃與杏各殊.由是爲華爲實,形色臭味,無不區以別者,雖性則然,皆據才見之耳.

[57] **LAM chú: Xin xem chú thích 62 của chương 13.**

có lẽ Hoàng Tông Hi chịu ảnh hưởng của Trần Xác. (Ở đây tôi viết theo thuyết của Tiền Mục).

Đái Chấn cho rằng trong Tính của huyết khí và tâm trí ở con người có ba phương diện: Tình 情, Dục 欲, Trí 知(智): «Con người sau khi sinh ra thì có *dục* (ham muốn), *tình* (tình cảm), và *trí* (lý trí). Chúng là ba cái tự nhiên của huyết khí và tâm trí. Cái gợi ham muốn là âm thanh, sắc đẹp, mùi, vị; do đó mà có yêu và sợ. Cái phát ra tình cảm là mừng, giận, buồn, vui; do đó mà có ưu sầu và sướng khoái. Cái phân biệt ở trí là đẹp, xấu, đúng, sai; do đó mà có ưa và ghét. Lòng ham muốn âm thanh, sắc đẹp, mùi, vị để nuôi dưỡng sự sống. Tình cảm mừng, giận, buồn, vui để tiếp đãi sự vật. Trí phân biệt đẹp xấu, đúng sai, phát triển tối đa thì thông với trời đất và quỷ thần. [...] Chỉ khi nào có ham muốn, có tình cảm mà lại có thêm lý trí, thì sau đó ham muốn mới được thoả và tình cảm mới đạt. Sự việc trong thiên hạ chẳng qua khiến người ta ham muốn mà chẳng thoả lòng, có tình cảm mà chẳng thấu đạt.»[58]

Chỉ khi nào có trí thì người ta mới biết được Lý của vạn vật trong trời đất. Đái Chấn nói: «Khí hoá lưu hành, sinh sôi chẳng ngừng, đó là nhân ái. Do sự sinh sôi ấy mà tự có điều lý (trật tự). Xem xét sự tự nhiên của điều lý có thứ tự, thì có thể biết lễ. Xem xét sự phân minh của điều lý không thể loạn, thì có thể biết nghĩa.»[59]

Con người có trí thì có thể biết Lý, nên có thể từ sự tự nhiên mà biết cái tất nhiên. Đái Chấn nói: «Tai có thể phân biệt âm thanh trong thiên hạ; mắt có thể phân biệt sắc đẹp trong thiên hạ; mũi có thể phân

---

[58] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Nhân sinh nhi hậu hữu dục, hữu tình, hữu tri (trí), tam giả, huyết khí tâm tri (trí) chi tự nhiên dã. Cấp ư dục giả, thanh sắc xú vị dã, nhi nhân hữu ái uý. Phát hồ tình giả, hỉ nộ ai lạc dã, nhi nhân hữu thảm thư. Biện ư tri giả, mỹ xú thị phi dã, nhi nhân hữu hiếu ố. Thanh sắc xú vị chi dục, tư dĩ dưỡng kỳ sinh. Hỉ nộ ai lạc chi tình, cảm nhi tiếp ư vật. Mỹ xú thị phi chi tri (trí), cực nhi thông ư thiên địa quỷ thần. [...] Duy hữu dục hữu tình nhi hựu hữu tri (trí), nhiên hậu dục đắc toại dã, tình đắc đạt dã. Thiên hạ chi sự, sử dục chi đắc toại, tình chi đắc đạt, tư dĩ hĩ.»** 人生而後有欲,有情,有知(智); 三者,血氣心知(智)之自然也.給於欲者,聲色臭味也,而因有愛畏.發乎情者,喜怒哀樂也,而因有慘舒.辨於知(智)者,美醜是非也,而因有好惡.聲色臭味之欲,資以養其生.喜怒哀樂之情,感而接於物.美醜是非之知(智),極而通於天地鬼神. [...] 惟有欲有情而又有知(智),然後欲得遂也,情得達也.天下之事,使欲之得遂,情之得達,斯已矣.

[59] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Khí hoá lưu hành, sinh sinh bất tức, nhân dã. Do kỳ hữu sinh sinh, hữu tự vi chi điều lý, quan ư điều lý chi trật nhiên hữu tự, khả dĩ tri lễ hĩ. Quan ư điều lý chi tiệt nhiên bất khả loạn, khả dĩ tri nghĩa hĩ.»** 氣化流行,生生不息,仁也.由其有生生,有自爲條理,觀於條理之秩然有序,可以知禮矣.觀於條理之截然不可亂,可以知義矣.

biệt mùi hương trong thiên hạ; miệng có thể phân biệt các vị trong thiên hạ; tâm có thể phân biệt nghĩa lý trong thiên hạ. [...] Loài vật khác không đủ khả năng biết được sự trung chính của trời đất, do đó chúng không có tiết chế bên trong, nên mỗi vật tìm cách thoả mãn sự tự nhiên của nó mà thôi. Con người biết đến Thiên đức (đức của Trời), nên có thể thực hành sự trung chính [của trời đất]. Sự tự nhiên của người hợp theo sự xuôi thuận của trời đất; sự tất nhiên của người hợp theo lẽ thường của trời đất. Chẳng gì mà không tự nhiên. Sự tự nhiên của vật không đủ để nói như thế. Mạnh Tử khi nói Tính thiện, tức là xem xét tài chất của người. Sự tự nhiên có tiết chế của người gọi là thiện vậy.»[60]

Con người khác con vật ở chỗ con vật chỉ làm theo thói tự nhiên; còn con người do có lý trí, nên hiểu biết sự đúng sai, thiện ác, do đó noi theo lý trí mà hành động, tức là hành động theo đạo đức. Đái Chấn nói: «Nghĩa của Lý là tâm trí của con người; do có sự suy nghĩ hiểu ngay, nên nó có thể giúp con người không nghi ngờ cái mình phải làm. [...] Tâm trí của người ngày ngày sử dụng theo nhân luân, hành động tuỳ theo đầu mối là biết trắc ẩn, biết hổ thẹn, biết cung kính vái nhường, biết phân biệt đúng sai. Đó gọi là Tính thiện. Khi biết trắc ẩn, thì phát triển sung mãn cho lòng nhân đến tột cùng. Khi biết hổ thẹn, thì phát triển sung mãn cho nghĩa đến tột cùng. Khi biết cung kính vái nhường, thì phát triển sung mãn cho lễ đến tột cùng. Khi biết phân biệt đúng sai, thì phát triển sung mãn cho trí đến tột cùng. Nhân, nghĩa, lễ, trí là các đức chính yếu của các đức đẹp. Mạnh Tử nói ngày nay người ta chợt thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, họ đều lo sợ và động lòng trắc ẩn. Vậy thì cái gọi là trắc ẩn tức là nhân, nó không ở ngoài tâm trí ta. Nếu như có sự vật gì, thì nó được cất giấu trong tâm. Bản thân ta biết ham sống sợ chết, nên lo sợ trước sự nguy hiểm của đứa bé và trắc ẩn đối với cái chết của đứa bé. Nếu không có lòng ham sống sợ chết, thì sao có lòng lo sợ và trắc ẩn? Suy ra, sự hổ thẹn, vái nhường, phân biệt

---

60 ***Đái Đông Nguyên Tập:*** **«Nhĩ năng biện thiên hạ chi thanh; mục năng biện thiên hạ chi sắc; tỵ năng biện thiên hạ chi xú; khẩu năng biện thiên hạ chi vị; tâm năng biện thiên hạ chi nghĩa lý. [...] Vật bất túc dĩ tri thiên địa chi trung chính, thị cố vô tiết ư nội, các toại kỳ tự nhiên tư dĩ hĩ. Nhân hữu thiên đức chi tri, năng tiễn hồ trung chính. kỳ tự nhiên tắc hiệp thiên địa chi thuận, kỳ tất nhiên tắc hiệp thiên địa chi thường. Mạc phi tự nhiên dã, vật chi tự nhiên, bất túc ngữ ư thử. Mạnh Tử đạo Tính thiện, sát hồ nhân chi tài chất, sở tự nhiên hữu tiết chi vị thiện dã.»** 耳能辯天下之聲;目能辯天下之色;鼻能辯天下之臭;口能辯天下之味;心能辯天下之義理. [...] 物不足以知天地之中正,是故無節於內,各遂其自然斯已矣.人有天德之知,能踐乎中正.其自然則協天地之順,其必然則協天地之常.莫非自然也,物之自然,不足語於此.孟子道性善,察乎人之材質,所自然有節之謂善也.

đúng sai, cũng đều đúng như thế.»[61]

Đái Chấn lại nói: «Cái trí của con người ở phương diện nhỏ thì có thể đạt tới tột bậc của đẹp và xấu; ở phương diện lớn thì có thể đạt tới tột bậc của đúng và sai. Sau đó, nó thoả mãn cái mình ham muốn, rồi mở rộng ra mà có thể thoả mãn cái người khác ham muốn; nó thấu đạt tình cảm của mình, rồi mở rộng ra mà có thể thấu đạt tình cảm của người khác. Đạo đức thịnh khiến cho lòng ham muốn của con người luôn được thoả và tình cảm của con người luôn thấu đạt.»[62]

Do đấy, con người có được mọi điều đạo đức là bởi con người có lý trí. Con người có lý trí nhưng con vật thì không. Do đó con người có thể biết đạo lý, biết cái tất nhiên phải thế để noi theo hành động; lại còn biết đồng loại cũng có cùng tình cảm và ham muốn như mình; suy bụng ta ra bụng người. Cái bản tính này của con người được gọi là thiện.

Đạt tới tột bậc của lý trí thì hành vi của chúng ta đều hoàn toàn phù hợp với sự tất nhiên. Như thế có thể nói rằng cái tiềm năng đầy đủ trong Tính của chúng ta hoàn toàn phát triển. Đái Chấn nói: «Thiện là

---

[61] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Lý nghĩa giả, nhân chi tâm trí, hữu tư triếp thông, năng bất hoặc hồ sở hành dã. [...] Nhân chi tâm trí, ư nhân luân nhật dụng, tuỳ tại nhi tri trắc ẩn, tri tu ố, tri cung kính từ nhượng, tri thị phi, đoan tự khả cử, thử chi vị tính thiện. Ư kỳ tri trắc ẩn, tắc khuếch nhi sung chi, nhân vô bất tận. Ư kỳ tri tu ố, tắc khuếch nhi sung chi, nghĩa vô bất tận. Ư kỳ tri cung kính từ nhượng, tắc khuếch nhi sung chi, lễ vô bất tận. Ư kỳ tri thị phi, tắc khuếch nhi sung chi, trí vô bất tận. Nhân nghĩa lễ trí, ý đức chi mục dã. Mạnh Tử ngôn kim nhân sạ kiến nhụ tử tương nhập tỉnh, giai hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm. Nhiên tắc sở vị trắc ẩn, sở vị nhân giả, phi tâm tri chi ngoại, như hữu vật yên, tàng ư tâm dã. Kỷ tri hoài sinh nhi uý tử, cố truật dịch ư nhụ tử chi nguy, trắc ẩn ư nhụ tử chi tử. Sử vô hoài sinh uý tử chi tâm, hựu yên hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm? Suy chi tu ố, từ nhượng, thị phi diệc nhiên.»** 理義者,人之心知(智),有思輒通,能不惑乎所行也. [...] 人之心知(智),於人倫日用,隨在知惻隱,知羞惡,知恭敬辭讓,知是非,端緒可舉,此之謂性善.於其知惻隱,則擴之充之,仁無不盡.於其知羞惡,則擴之充之,義無不盡.於其知恭敬辭讓,則擴之充之,禮無不盡.於其知是非,則擴之充之,智無不盡.仁義禮智,懿德之目也.孟子言今人乍見孺子將入井,皆有怵惕惻隱之心.然則所謂惻隱,所謂仁者,非心知之外,如有物焉,藏於心也.己知懷生而畏死,故怵惕於孺子之危,惻隱於孺子之死.使無懷生畏死之心,又焉有怵惕惻隱之心?推之羞惡,辭讓,是非亦然.

[62] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Duy nhân chi tri (trí), tiểu chi năng tận mỹ xú chi cực trí, đại chi năng tận thị phi chi cực trí, nhiên hậu toại kỷ chi dục giả, quảng chi năng toại nhân chi dục. Đạt kỷ chi tình giả, quảng chi năng đạt nhân chi tình. Đạo đức chi thịnh, sử nhân chi dục vô bất toại, nhân chi tình vô bất đạt, tư dĩ hĩ.»** 惟人之知(智),小之能盡美醜之極致,大之能盡是非之極致,然後遂己之欲者,廣之能遂人之欲.達己之情者,廣之能達人之情.道德之盛,使人之欲無不遂,人之情無不達,斯已矣.

cái tất nhiên phải thế; Tính là cái tự nhiên. [Khiến cho Tính] quay về sự tất nhiên bằng cách làm hoàn hảo sự tự nhiên, đó gọi là tột đỉnh của tự nhiên. Đạo của trời đất, người, vật do đó phát triển tột cùng.»[63]

Đái Chấn lại nói: «Tuân Tử biết lễ nghĩa là giáo huấn của thánh nhân, nhưng không biết lễ nghĩa cũng phát xuất từ Tính; biết lễ nghĩa nhằm làm rõ cái tất nhiên phải thế, nhưng không biết cái tất nhiên là chuẩn tắc tối cao của cái tự nhiên, để làm hoàn hảo cái tự nhiên.»[64]

Cái tất nhiên là mức tối cao của cái tự nhiên, tức là sự phát triển hoàn toàn của cái tự nhiên. Nó là sự chí thịnh của trời đất. Đái Chấn nói: «Cho nên người là tượng trưng cho sự chí thịnh của trời đất. Chỉ thánh nhân mới phát triển tận cùng cái chí thịnh ấy.»[65]

Trên đây đã nói Đái Chấn có chỗ bất đồng với các nhà Lý học, bởi vì Đái Chấn tuy cũng cho rằng có sự tồn tại của Lý khách quan, nhưng ông không xem cái Lý ấy đồng thời ở trong Tính của chúng ta. Tính chúng ta tức là huyết khí và tâm trí, tức là Tính của khí chất mà Tống Nho gọi. Trong Tính của khí chất tuy không có Lý của vạn sự vạn vật, nhưng bởi nó có trí, nên nó có thể biết Lý của vạn sự vạn vật; do đó con người có thể từ sự tự nhiên tiến lên sự tất nhiên. Đái Chấn cho rằng «Tống Nho xem Lý là vật, có được từ trời mà đầy đủ trong tâm». Nhan Nguyên và Lý Cung muốn bác bỏ thuyết này mà chưa thể thành công hoàn toàn; nhưng Đái Chấn thì bác bỏ được thuyết này vì những lý do đã được mô tả trên đây. Tuy nhiên, như sau đây sẽ nói rõ, ông chưa thể tận lực phát huy thuyết của chính ông.

c. Phương pháp cầu Lý

Chúng ta có Trí, nên có thể biết được Lý khách quan. Về phương pháp cầu Lý này, Đái Chấn nói: «Lý là cái không sai sót của tình; chưa hề có trường hợp tình cảm [đúng đắn] không đạt được mà Lý đạt được. [...] Lấy bụng ta suy bụng người, thì Lý sẽ hiện rõ. Kẻ nói về Thiên Lý

---

[63] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Thiện, kỳ tất nhiên dã; Tính, kỳ tự nhiên dã. Quy ư tất nhiên, thích hoàn kỳ tự nhiên, thử chi vị tự nhiên chi cực trí. Thiên địa nhân vật chi đạo, ư thị hồ tận.»** 善,其必然也;性,其自然也.規於必然,適完其自然,此之謂自然之極致.天地人物之道,於是乎盡.

[64] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Tuân Tử tri lễ nghĩa vi thánh nhân chi giáo, nhi bất tri lễ nghĩa diệc xuất ư Tính; tri lễ nghĩa vi minh kỳ tất nhiên, nhi bất tri tất nhiên nãi tự nhiên chi cực tắc, thích dĩ hoàn kỳ tự nhiên dã.»** 荀子知禮義爲聖人之教,而不知禮義亦出於性;知禮義爲明其必然,而不知必然乃自然之極則,適以完其自然也.

[65] ***Nguyên Thiện:*** **«Thị cố nhân dã giả, thiên địa chí thịnh chi trưng dã. Duy thánh nhân nhiên hậu tận kỳ thịnh.»** 是故人也者,天地至盛之徵也.惟聖人然後盡其盛.

thì cho rằng nó là Lý phân ra của tự nhiên. Lý phân ra của tự nhiên lấy tình của ta đo lường tình của người, thì sẽ được sự bình đẳng với tất cả. [...] Hỏi: "[Ông nói] lấy tình đo lường tình mà không sai sót, khi hành sự sẽ thực sự đạt được Lý của nó. Vậy, danh từ tình và Lý khác nhau ra sao?" Đáp: "Ở bản thân ta và người đều gọi là tình. Cái tình không thái quá và không bất cập thì gọi là Lý.»[66]

Trên đây đều dựa trên sự việc của con người mà chỉ ra phương pháp cầu Lý, tức là «lấy tình đo lường tình» (dĩ tình hiệt tình 以情絜情). Cái phương pháp này Khổng Tử gọi là đạo Trung Thứ (Trung Thứ chi đạo 忠恕之道), sách *Đại Học* gọi là đạo Hiệt Củ (Hiệt Củ chi đạo 絜矩之道).[67] Tình cảm và ham muốn của con người khi phát ra thì có một giới hạn nhất định. Vượt quá giới hạn ấy thì sẽ làm hại kẻ khác. Cái giới hạn nhất định ấy tức là cái Lý phân ra của tự nhiên. Nó thái quá thì tình thái quá, nó bất cập thì tình bất cập. Tình không thái quá và không bất cập tức là đạt được Lý.

Đối với Lý của sự vật, Đái Chấn nói phải mổ xẻ và phân tích sự vật tới mức tế vi thì sẽ đạt được Lý của nó. Nhưng mổ xẻ và phân tích sự vật thế nào cho tới mức tế vi? Tức là làm sao đạt được Lý của sự vật? Đái Chấn nói: «Cái mà tâm [mọi người] đồng ý là đúng thì gọi là Lý và nghĩa. Thế thì cái chưa được đồng ý là đúng, vẫn còn là ý kiến cá nhân, thì nó chẳng phải là Lý cũng chẳng phải là nghĩa. Hễ một cá nhân xem cái gì là đúng và muôn đời trong thiên hạ ai cũng đều xem nó là đúng, không thể dời chuyển, thì đó gọi là đồng nhiên (đồng ý là đúng). [...] Cái được phân ra để mỗi sự vật có nguyên tắc không đổi của nó thì gọi là Lý. Còn cái đúng đắn đối với chúng thì gọi là nghĩa.»[68]

---

[66] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sở Chứng:* **«Lý giả, tình chi bất sảng thất giả dã, vị hữu tình bất đắc nhi Lý đắc giả dã. [...] Dĩ ngã hiệt chi nhân, tắc Lý minh. Thiên Lý vân giả, ngôn hồ tự nhiên chi phân Lý dã. Tự nhiên chi phân Lý, dĩ ngã chi tình, hiệt nhân chi tình, nhi vô bất đắc kỳ bình thị dã. [...] Vấn: Dĩ tình hiệt tình nhi vô sảng thất, ư hành sự thành đắc kỳ Lý hĩ. Tình dữ Lý chi danh hà dĩ dị? Viết: Tại kỷ dữ nhân, giai vị chi tình, vô quá tình, vô bất cập tình chi vị Lý.»** 理者,情之不爽失者也,未有情不得而理得者也. [...] 以我絜之人,則理明.天理云者,言乎自然之分理也.自然之分理,以我之情,絜人之情,而無不得其平是也. [...] 問:以情絜情而無爽失,於行事誠得其理矣.情與理之名何以異?曰:在己與人,皆謂之情,無過情,無不近情之謂理.

[67] **LAM chú: Về đạo Trung Thứ và đạo Hiệt Củ, xin xem lại quyển I, chương 14, chú thích 91.**

[68] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sở Chứng:* **«Tâm chi sở đồng nhiên thuỷ vị chi Lý, vị chi nghĩa. Tắc vị chí ư đồng nhiên, tồn hồ kỳ nhân chi ý kiến, phi Lý dã, phi nghĩa dã. Phàm nhất nhân dĩ vi nhiên, thiên hạ vạn thế, giai viết thị bất khả dịch dã, thử chi vị đồng nhiên. [...] Phân chi các hữu kỳ bất dịch chi tắc, danh viết Lý. Như tư nhi nghi, danh viết nghĩa.»** 心之所同然始謂之理,謂之義.則未至於同然,存乎其人之意見,非理也,非義也.凡一人以爲然,天下萬世,皆曰是不可易也,此之謂同然. [...] 分之各有其不易之則,名曰理.如斯而宜,名曰義.

Lý thì khách quan và bất biến. Chúng ta mổ xẻ và phân tích sự vật để cầu Lý của nó. Sau khi đạt được Lý của nó rồi, ta phải xem xét: Phải chăng chỉ có ta hay một số ít người xem nó là đúng? Nếu thế, nó chỉ là ý kiến của cá nhân ta hay một số ít người, chứ không phải là Lý. Nếu muôn đời trong thiên hạ ai cũng đều xem nó là đúng, không thể dời chuyển, thì đó là cái Lý khách quan và bất biến mà ta mong cầu.

Đái Chấn phân biệt Lý và ý kiến. Lý thì khách quan và phổ quát; ý kiến thì chủ quan và riêng tư. Đái Chấn cho rằng khi Tống Nho xem Lý có đầy đủ trong tâm, tức là họ lấy ý kiến làm Lý. Ông nói: «Tống Nho cũng biết tìm Lý ở sự vật, nhưng vì họ chuyên chú vào Phật học nên đã chuyển cái mà nhà Phật ám chỉ thần thức trở thành Lý. Cho nên họ xem Lý như là vật. Không những họ nói đến Lý của sự vật mà còn nói rằng Lý phân tán ở sự vật. Đối với Lý của sự vật thì họ mổ xẻ phân tích cho đến tế vi, sau đó sẽ được Lý. Đối với Lý phân tán ở sự vật thì họ tập trung tinh thần cố tìm Lý ấy. Họ nói rằng một gốc phân tán ra muôn sai biệt; còn nói rằng Lý phóng ra thì tràn đầy bốn phương và trên dưới; cuộn lại thì rút lui, ẩn giấu ở nơi kín. Nhà Phật nói: "Toàn thế giới hiện tượng mà ta thấy khắp nơi có thể gom lại trong một hạt bụi." Quả thực họ nói tương tự nhà Phật vậy. [...] Bởi họ xem Lý như vật, nên buộc phải xem là chỉ có một Lý; nhưng mỗi sự ắt có cái Lý của nó, tuỳ theo sự mà khác nhau. Do đó họ lại nói rằng tâm có đủ các Lý, ứng với vạn sự. Cái có đủ trong tâm mà xuất ra, nếu chẳng phải là ý kiến thì là gì?»[69]

Lời phê bình này đối với Tống Nho thật đúng. Tống Nho đều chịu ảnh hưởng ít nhiều của Phật học. Do đó tuy các nhà Lý học xem vạn vật chẳng gì mà không có Lý, nhưng đồng thời cũng cho rằng vạn Lý đều có

---

[69] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sở Chứng:* **«Tống Nho diệc tri tựu sự vật cầu Lý dã, đặc nhân tiên nhập ư Thích thị, chuyển kỳ sở chỉ vi thần thức giả dĩ chỉ Lý. Cố thị Lý như hữu vật yên, bất đồ viết sự vật chi Lý, nhi viết Lý tán tại sự vật. Sự vật chi Lý, tất tựu sự vật phẫu tích chí vi, nhi hậu Lý đắc. Lý tán tại sự vật, ư thị minh tâm cầu Lý. Vị nhất bản vạn thù; vị phóng chi tắc di lục hợp, quyển chi tắc thoái tàng ư mật; thực tòng Thích thị sở vân "biến kiến cụ cai pháp giới, thu nhiếp tại nhất vi trần" giả, tỷ loại đắc chi. [...] Đồ dĩ Lý vi như hữu vật yên, tắc bất dĩ vi nhất Lý nhi bất khả; nhi sự tất hữu Lý, tuỳ sự bất đồng, cố hựu ngôn tâm cụ chúng Lý, ứng vạn sự. Tâm cụ chi nhi xuất chi, phi ý kiến cố vô khả dĩ đương thử giả nhĩ.»** 宋儒亦知就事物求理也,特因先入於釋氏,轉其所指爲神識者以指理.故視理如有物焉,不徒曰事物之理而曰理散在事物.事物之理,必就事物剖析至微,而後理得.理散在事物,於是冥心求理.謂一本萬殊;謂放之則彌六合,卷之則退藏於密;實從釋氏所云"遍見具該法界,收攝在一微塵"者,比類得之.[...] 徒以理爲如有物焉,則不以爲一理而不可;而事必有理,隨事不同,故又言心具衆理,應萬事.心具之而出之,非意見固無可以當此者耳.

đủ trong tâm. Thậm chí các nhà Tâm học càng xem tâm tức là Lý. Do đó cái Lý mà cả hai phái Tâm học và Lý học nói chỉ là ý kiến chủ quan của họ thôi.

d. Khởi nguyên của ác

Tình cảm, ham muốn, và lý trí của con người đều có lỗi. Đái Chấn nói: «Lỗi của ham muốn là thói ích kỷ (*tư* 私), ích kỷ thì tham lam và tà vạy đi theo nó. Lỗi của tình cảm là thiên vị (*thiên* 偏), thiên vị thì ngang trái đi theo nó. Lỗi của lý trí là bị che lấp (*tế* 蔽), bị che lấp thì lầm lẫn đi theo nó. Không ích kỷ thì ham muốn của mình đều có lễ nghĩa và nhân ái. Không thiên vị thì tình cảm của mình ắt ôn hoà, giản dị, bình thường, và khoan thứ. Không bị che lấp thì lý trí của mình được gọi là thông minh và thánh trí.»[70]

Tình cảm, ham muốn, và lý trí của con người đều có lỗi; đó là khởi nguyên của ác. Trong các lỗi đó, ích kỷ (*tư* 私) và bị che lấp (*tế* 蔽) là đáng chú ý nhất. Đái Chấn nói: «Con người không tận dụng tài năng của mình thì có hai tai hại: ích kỷ và bị che lấp. [...] Khử bỏ thói ích kỷ chẳng gì bằng tăng cường lòng khoan thứ, dẹp trừ sự che lấp chẳng gì bằng học tập.»[71]

Theo Đái Chấn, tăng cường lòng khoan thứ tức là từ cái ham muốn của mình mà suy ra từ cái ham muốn của người. Nếu chỉ biết cái ham muốn của mình mà chẳng biết cái ham muốn của người khác, thì ta phóng túng ham muốn mà làm hại người khác. Đó gọi là ích kỷ, tức là lỗi của ham muốn. Biết và đối tượng của biết giống như ánh sáng và vật được chiếu sáng. Ánh sáng bị che khuất, thì vật chẳng được soi sáng trọn vẹn. Lý trí bị che lấp thì vật mà ta biết ắt có sự lầm lẫn. Hiểu biết tức là đạo đức, nếu lý trí bị che lấp thì cái ác khởi lên.

Tống Nho phân biệt Thiên Lý và nhân dục. Đái Chấn cực lực phản đối. Ông nói: «Có người hỏi: "Từ đời Tống đến nay, người ta nói về Lý.

---

[70] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Dục chi thất vi tư, tư tắc tham tà tuỳ chi hĩ. Tình chi thất vi thiên, thiên tắc quai lệ tuỳ chi hĩ. Tri chi thất vi tế, tế tắc sai mậu tuỳ chi hĩ. Bất tư, tắc kỳ dục giai nhân dã, giai lễ nghĩa dã. Bất thiên, tắc kỳ tình tất hoà dị nhi bình thứ dã. Bất tế, tắc kỳ tri nãi sở vị thông minh thánh trí dã.»** 欲之失爲私,私則貪邪隨之矣.情之失爲偏,偏則乖戾隨之矣.知之失爲蔽,蔽則差謬隨之矣.不私,則其欲皆仁也,皆禮義也.不偏則其情必和易而平恕也.不蔽,則其知乃所謂聰明聖智也.

[71] ***Nguyên Tính:*** **«Nhân chi bất tận kỳ tài, hoạn nhị: viết tư, viết tế. [...] Khử tư mạc như cường thứ, giải tế mạc như học.»** 人之不盡其材,患二:曰私,曰蔽. [...] 去私莫如強恕.解蔽莫如學.

Thuyết của họ không phát xuất từ Lý thì từ dục; không từ dục thì từ Lý. Phân biệt ranh giới giữa Lý và dục nên có sự phân biệt quân tử và tiểu nhân. Nay ông xem cái không sai sót của tình là Lý, phải chăng cái Lý ấy chứa dục? Vậy không có dục là sai ư?" [Đái Chấn] đáp: "Mạnh Tử nói rằng dưỡng tâm chẳng gì bằng giảm bớt dục. Lời này nói rõ là chúng ta không thể không có dục, nhưng chỉ giảm bớt nó mà thôi. Đời người chẳng gì khốn nạn bằng cuộc sống không toại nguyện. Muốn cuộc sống của mình được toại và cuộc sống người khác cũng được toại, đó là nhân ái. Muốn cuộc sống của mình được toại nhưng chẳng ngại làm hại cuộc sống người khác, đó là bất nhân. Bất nhân kỳ thực bắt đầu từ lòng ham muốn cuộc sống của mình được toại. Nếu chẳng có lòng dục ấy, ắt không có sự bất nhân. Tuy nhiên, nếu chẳng có lòng dục ấy, thì dù cuộc sống của mọi người trong thiên hạ có khốn cùng, ta cũng trơ mắt ra mà nhìn. Bản thân ta không làm toại cuộc sống của mình mà đi làm toại cuộc sống của người khác, đó chẳng phải là tình cảm đúng đắn. Vậy, ta có thể nói rằng: không xuất từ chính thì từ tà; không từ tà thì từ chính. Nhưng ta không thể nói rằng: không phát xuất từ Lý thì từ dục; không từ dục thì từ Lý."»[72]

Biện luận trên nếu muốn có trọng lượng, thì trước hết ta phải hiểu rõ cái nhân dục mà Tống Nho gọi ám chỉ cái gì? Tống Nho không hề xem sự ham muốn ăn uống và sự ham muốn giữa trai gái vốn là ác. Ham muốn ấy nếu bất chính thì mới xem là ác. Nói cách khác, Tống Nho xem

---

[72] ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Vấn: "Tống dĩ lai chi ngôn Lý dã, kỳ thuyết vi bất xuất ư Lý tắc xuất ư dục; bất xuất ư dục, tắc xuất ư Lý. Cố biện hồ Lý dục chi giới, dĩ vi quân tử tiểu nhân, ư thử yên phân. Kim dĩ tình chi bất sảng thất vi Lý, thị Lý giả, tồn hồ dục giả dã. Nhiên tắc vô dục phi dư?" Viết: "Mạnh Tử ngôn dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục, minh hồ dục bất khả vô dã, quả chi nhi dĩ. Nhân chi sinh dã, mạc bệnh ư vô dĩ toại kỳ sinh. Dục toại kỳ sinh, diệc toại nhân chi sinh, nhân dã. Dục toại kỳ sinh, chí ư tường nhân chi sinh, nhi bất cố giả, bất nhân dã. Bất nhân thực thuỷ ư dục toại kỳ sinh chi tâm. Sử kỳ vô thử dục, tất vô bất nhân hĩ. Nhiên sử kỳ vô thử dục, tắc ư thiên hạ chi nhân sinh đạo cùng xúc, diệc tương mạc nhiên thị chi. Kỷ bất tất toại kỳ sinh, nhi toại nhân chi sinh, vô thị tình dã. Nhiên tắc vị bất xuất ư chính tắc xuất ư tà, bất xuất ư tà tắc xuất ư chính, khả dã. Vị bất xuất ư Lý tắc xuất ư dục, bất xuất ư dục tắc xuất ư Lý, bất khả dã."»** 問:宋以來之言理也,其說爲不出於理則出於欲;不出於欲則出於理.故辨乎理欲之界,以爲君子小人,於此焉分.今以情不爽失爲理,是理者,存乎欲者也.然則無欲非歟?曰:孟子言養心莫善於寡欲,明乎欲不可無也,寡之而已.人之生也,莫病於無以遂其生.欲遂其生,亦遂人之生,仁也.欲遂其生,至於戕人之生,而不顧者,不仁也.不仁實始於欲遂其生之心.使其無此欲,必無不仁矣.然使其無此欲,則於天下之人生道窮促,亦將漠然視之.己不必遂其生,而遂人之生,無是情也.然則謂不出於正則出於邪,不出於邪則出於正,可也.謂不出於理則出於欲,不出於欲則出於理,不可也.

lỗi của ham muốn (tức thói ích kỷ) mới là ác. Chu Hi nói lòng nhân dục tuôn chảy như nước tràn bờ. Nó không tràn bờ thì không gọi là dục. Do đó cái dục mà Tống Nho xem là ác chính là nhân dục hay tư dục. Cái dục «muốn cuộc sống của mình được toại nhưng chẳng ngại làm hại cuộc sống người khác» thì Đái Chấn gọi là *tư* 私 (ích kỷ), còn Tống Nho gọi là dục. Đái Chấn phân biệt chính và tà, xét cho kỹ, cũng như Tống Nho phân biệt Lý và dục. Cái gọi là chính và tà cuối cùng cũng phải lấy Lý (mà Đái Chấn gọi là sự tất nhiên) làm tiêu chuẩn để phân biệt.

Phùng Hữu Lan chú:

Ý này của Đái Chấn thì Trần Xác đã nói rồi. Trần Xác nói: «Chu Đôn Di dạy *vô dục* 無欲, tuy không phải Thiền mà là Thiền. Nhà Nho chúng ta chỉ nói *quả dục* 寡欲 (giảm bớt ham muốn). Nhân tâm vốn không có Thiên Lý. Thiên Lý được thấy trong nhân dục. Khi nhân dục có chỗ thích đáng thì nhân dục là Thiên Lý.» Hoàng Tông Hi bác ý kiến Trần Xác rằng: «Lời của Lão huynh phát xuất từ câu nói của Thầy [Lưu Tông Chu]: "Đạo tâm tức là bản tâm của nhân tâm và Tính của nghĩa lý tức là bản tính của khí chất. Lìa khí chất thì không có cái gọi là Tính." Tuy nhiên, lấy câu ấy mà nói về khí chất và nhân tâm thì có thể được; còn lấy nó mà nói về nhân dục thì không thể được. Khí chất và nhân tâm là các thể lưu hành hồn nhiên, là vật chung. Nhân dục ở một nơi chốn riêng, nó là sự ích kỷ của một cá nhân.» Cái gọi là nhân dục, theo định nghĩa trên, là sự ích kỷ, là cái không thích đáng; cho nên tóm lại là ác.

e. Đái Chấn và Tuân Tử

Đái Chấn cho rằng lỗi của lý trí là bị che lấp (*tế* 蔽); dẹp trừ sự che lấp chẳng gì bằng học tập. Đó hoàn toàn là ý của Tuân Tử. Tuân Tử chú trọng học vấn. Đái Chấn cũng hết sức chú trọng học vấn; ông nói: «Huyết khí và tâm trí của con người gốc ở Âm Dương và ngũ hành. Huyết khí và tâm trí ấy là Tính. Huyết khí dựa vào ẩm thực để được nuôi dưỡng, [thức ăn uống] chuyển hoá rồi thì thành huyết khí của ta; không còn là cái mà ta ăn uống nữa. Cũng đúng như thế, tâm trí dựa vào học vấn để được nuôi dưỡng. Lấy huyết khí mà nói, xưa yếu nay mạnh, đó là do huyết khí được nuôi dưỡng. Lấy tâm trí mà nói, xưa hẹp hòi nay quảng đại, xưa u tối nay xét rõ, đó là do tâm trí được nuôi dưỡng. Cho nên nói:

Dù ngu cũng phải sáng.»[73]

Đái Chấn còn nói: «Hình thể lúc đầu thì nhỏ bé cuối cùng thì to lớn. Đức tính lúc đầu thì mông muội, cuối cùng thì thánh trí. Hình thể to lớn là dựa vào ẩm thực để nuôi dưỡng, lâu ngày tăng thêm, không trở lại thuở đầu. Đức tính dựa vào học vấn, tiến đến thánh trí, không trở lại thuở đầu. Điều ấy rõ ràng vậy.»[74]

Đái Chấn cho rằng tâm chúng ta không có đủ các Lý. Trong đó chỉ có «cái chất có thể biết» (khả tri chi chất 可知之質) như Tuân Tử đã gọi. Cho nên chúng ta phải dựa vào học vấn để biết các Lý mà thực hành. Đến khi hiểu biết đã dồi dào rồi, đạo đức đã trọn vẹn rồi, thì thói tự nhiên của chúng ta sẽ hợp với sự tất nhiên, và chúng ta được phát triển hoàn toàn. Sự thành tựu sau chót này không hề trở lại thuở ban đầu. Thuyết này chính là điểm tương đồng giữa Đái Chấn và Tuân Tử.

Tuy nhiên, điểm bất đồng giữa Đái Chấn và Tuân Tử là về vũ trụ luận. Trong vũ trụ luận của Tuân Tử không có Lý khách quan; do đó lễ, nghĩa, và đạo đức đều là những công cụ mà con người tự đặt ra để phục vụ cho đời sống của mình. Trong vũ trụ luận của Đái Chấn có Lý khách quan; do đó lễ, nghĩa, và đạo đức đều là những thể hiện cụ thể của Lý khách quan. Ở điểm này Đái Chấn chịu ảnh hưởng của phái Lý học. Tâm mà Tuân Tử gọi, thực sự chỉ có trí, tình, dục. Cái gọi là trí thì chỉ biết lợi hại chứ không biết thiện ác; về sau do kinh nghiệm mà thấy thiện thì có lợi, ác thì có hại, nên mới biết thiện là thiện, ác là ác. Đái Chấn cũng nói rõ tâm chúng ta có trí, tình, dục. Tuy nhiên theo thuyết của ông, ngoài trí ra tâm còn có trực giác biết thiện là thiện, ác là ác. Đái Chấn nói: «Vị cùng âm thanh và sắc đẹp, ở tại ngoại vật chứ không ở tại ta.

---

[73] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* **«Nhân chi huyết khí tâm tri (trí), bản hồ Âm Dương ngũ hành giả, Tính dã. Như huyết khí tư ẩm thực dĩ dưỡng, kỳ hoá dã, tức vi ngã chi huyết khí, phi phục sở ẩm thực chi vật hĩ. Tâm tri (trí) chi tư ư học vấn, kỳ tự đắc chi dã diệc nhiên, dĩ huyết khí ngôn, tích giả nhược nhi kim giả cường, thị huyết khí chi đắc kỳ dưỡng dã. Dĩ tâm tri (trí) ngôn, tích giả hiệp tiểu nhi kim dã quảng đại, tích giả ám muội nhi kim dã minh sát, thị tâm tri (trí) chi đắc kỳ dưỡng dã. Cố viết: Tuy ngu tất minh.»** 人之血氣心知,本乎陰陽五行者,性也.如血氣資飲食以養,其化也,即爲我之血氣,非復所飲食之物矣.心知之資於學問,其自得之也亦然,以血氣言,昔者弱而今之強,是血氣之得其養也.以心知言,昔者狹小而今也廣大,昔者闇昧而今也明察,是心知之得其養也.故曰:雖愚必明.

[74] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* **«Hình thể thuỷ hồ ấu tiểu. Chung hồ trưởng đại. Đức tính thuỷ hồ mông muội. Chung hồ thánh trí. Kỳ hình thể chi trưởng đại dã, tư ư ẩm thực chi dưỡng, nãi trưởng nhật gia ích, phi phục kỳ sơ. Đức tính tư ư học vấn, tiến nhi thánh trí, phi phục kỳ sơ, minh hĩ.»** 形體始乎幼小.終乎長大.德性始乎蒙昧.終乎聖智.其形體之長大也,資於飲食之養,乃長日加益,非復其初.德性資於學問,進而聖智,非復其初,明矣.

Khi chúng tiếp xúc huyết khí của ta, thì ta có thể phân biệt chúng và vui vẻ. Cái khiến ta vui vẻ ắt là cái tốt đẹp của chúng. Lý và nghĩa ở tại sự phân tích sự tình. Khi chúng tiếp xúc tâm trí của ta, thì ta có thể phân biệt chúng và vui vẻ. Cái khiến ta vui vẻ ắt là cái rất đúng của chúng.»[75]

Đái Chấn còn nói: «Mạnh Tử nói: "Lý và nghĩa làm vui lòng chúng ta, giống như thịt thà làm khoái miệng chúng ta." Đó chẳng phải là lời ẩn dụ. Hễ con người làm một sự việc đúng theo Lý và nghĩa, thì tâm khí hắn ắt vui sướng tự đắc; trái với Lý và nghĩa, thì tâm khí ắt buồn bã mất mát. Từ đó ta có thể thấy rằng phản ứng của tâm đối với Lý và nghĩa, giống như phản ứng của huyết khí đối với thị dục, đều do Tính khiến ra như thế.»[76]

Tâm chúng ta không những biết được lễ nghĩa mà còn vui sướng ở lễ nghĩa. Khi chúng ta làm một việc gì, nếu nó hợp lễ nghĩa thì tâm tự cảm thấy vui sướng; nếu không hợp lễ nghĩa thì tâm tự cảm thấy buồn bã. Tâm chúng ta vừa có cái mà chúng ta thường gọi là «hiểu biết» vừa có cái mà phái Tâm học gọi là «lương tri». Đái Chấn nói: «Tuân Tử chú trọng sự học, [cho rằng] bên trong ta chẳng có gì nên mới lấy từ bên ngoài [để học]. Mạnh Tử chú trọng sự học, [cho rằng] bên trong có [cái để học] nhưng cần bổ sung thêm từ bên ngoài. Bổ sung bằng ăn uống có thể dinh dưỡng huyết khí của thân ta. Khí được dùng để nuôi dưỡng cũng giống y như Khí mà thân ta bẩm thụ, đều bắt nguồn từ trời đất. Cho nên cái được sử dụng tuy lấy từ bên ngoài nhưng có thể chuyển hoá thành huyết khí để làm ích lợi bên trong. Chưa từng có trường hợp bên trong không có Khí bẩm thụ mà có thể tương đắc với cái bên ngoài để dùng nó

---

[75] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* **«Vị dữ thanh sắc, tại vật bất tại ngã, tiếp ư ngã chi huyết khí, năng biện chi nhi duyệt chi. Kỳ duyệt giả, tất kỳ vưu mỹ giả dã. Lý nghĩa tại sự tình chi điều phân lũ tích, tiếp ư ngã chi tâm tri (trí), năng biện chi nhi duyệt chi. Kỳ duyệt giả, tất kỳ chí thị giả dã.»** 味與聲色，在物不在我，接於我之血氣，能辯之而悅之．其悅者，必尤美者也．理義在事情之條分縷析，接於我之心知，能辯之而悅之．其悅者，必其至是者也．

[76] *Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:* **«Mạnh Tử viết: "Lý nghĩa chi duyệt ngã tâm, do sô hoạn chi duyệt ngã khẩu." Phi dụ ngôn dã. Phàm nhân hành nhất sự, hữu đương ư Lý nghĩa, kỳ tâm khí tất sướng nhiên tự đắc; bội ư Lý nghĩa, tâm khí tất trở táng tự thất. Dĩ thử kiến tâm chi ư Lý nghĩa, nhất đồng hồ huyết khí chi ư thị dục, giai tính sử nhiên nhĩ.»** 孟子曰："理義之悅我心，猶芻豢之悅我口．" 非喻言也．凡人行一事，有當於理義，其心氣必暢然自得；悖於理義，心氣必沮喪自失．以此見心之於理義，一同乎血氣之於嗜欲，皆性使然耳．

bồi bổ cho thân thể. Sự học đối với đức tính cũng đúng như thế.»[77]

Nếu theo lời trên mà suy, sở dĩ chúng ta có thể biết được mọi Lý, chẳng phải là trong ta cũng đã có sẵn một số Lý nào đó hay sao? Chẳng phải là Tính của chúng ta đồng nhất với Lý của trời đất hay sao? Đái Chấn nói: «Tài năng của con người phát xuất từ sự toàn năng của trời đất và thông với toàn đức của trời đất.»[78] Đó chẳng phải là thuyết của các nhà Lý học hay sao?

Từ những trích dẫn trên, chúng ta có thể thấy rằng cái học của Đái Chấn quả thực có chỗ bất đồng với Tống Nho, nhưng ông chưa thể lấy điểm bất đồng ấy làm trung tâm để hết sức phát huy nó ra, nhằm tự lập thành một hệ thống hoàn chỉnh riêng. Do đó cái học của Đái Chấn không thể sánh với cái học của những nhà tư tưởng như Chu Hi hay Vương Dương Minh.

Nhan Nguyên, Lý Cung, cho đến Đái Chấn, đều chống lại Tống học, nhưng sự công kích và biện luận của họ đa phần nhắm vào các nhà Lý học và rất hiếm nhắm vào các nhà Tâm học. Có lẽ các ông cho rằng Tâm học gần với Thiền là sự thực hiển nhiên không thể che giấu; còn Lý học «càng gần với Lý mà gây đại loạn cho chân lý» do đó cần phải diệt trừ. Như chúng ta thấy, kiến giải của Nhan Nguyên, Lý Cung, và Đái Chấn đối với Lý, Khí, Tính, Hình đều có điểm tương đồng với kiến giải của Lưu Tông Chu và Hoàng Tông Hi. Thầy trò Lưu và Hoàng là người kế tục phái Tâm học, nên chủ trương của Nhan Nguyên, Lý Cung, và Đái Chấn ở phương diện này khá gần với Tâm học.

---

77 ***Mạnh Tử Tự Nghĩa Sớ Chứng:*** **«Tuân Tử chi trọng học dã, vô ư nội nhi thủ ư ngoại. Mạnh Tử chi trọng học dã, hữu ư nội nhi tư ư ngoại. Phù tư ư ẩm thực, năng vi thân chi huyết khí doanh dưỡng giả, sở tư dĩ dưỡng giả chi khí, dữ kỳ thân bản thụ chi khí, nguyên ư thiên địa phi nhị dã. Cố sở tư tuy tại ngoại, *vô hoá vi huyết khí dĩ ích kỳ nội*. Vị hữu nội vô bản thụ chi khí, dữ ngoại tương đắc, nhi đồ tư yên giả dã. Vấn học chi ư đức tính diệc nhiên.»** 荀子之重學也，無於內而取於外．孟子之重學也，有於內而資於外．夫資於飲食，能爲身之血氣營養者，所資以養者之氣，與其身本受之氣，原於天地非二也．故所資雖在外，無化爲血氣以益其內．未有內無本受之氣，與外相得，而徒資焉者也．問學之於德性亦然．**– LAM chú: Chữ *vô* 無 trong *«vô hoá vi huyết khí dĩ ích kỳ nội»* có lẽ là *năng* 能 thì mới hợp ngữ cảnh.**

78 ***Nguyên Thiện:*** **«Nhân chi tài đắc thiên địa chi toàn năng, thông thiên địa chi toàn đức.»** 人之材得天地之全能，通天地之全德．

CHƯƠNG 16
KINH HỌC KIM VĂN Ở ĐỜI THANH

1. Phong trào lập giáo và cải chế cuối đời Thanh

Sự bất đồng giữa cái học Nghĩa lý mà người đời Thanh giảng với Đạo học bắt đầu từ các Kim văn Kinh học gia ở đời Thanh. Kinh học của các Kim văn Kinh học gia đời Tây Hán, kể từ sau khi bị Kinh học của các cổ văn Kinh học gia áp đảo cho đến các đời Đường, Tống, Minh, đều chưa thể khiến mọi người chú ý. Các học giả đời Thanh vốn xem việc chỉnh lý sách cổ là công tác chủ yếu. Sách cổ mà các đời Đường, Tống, Minh chú trọng, cho đến nửa sau đời Thanh đã được các học giả chỉnh lý. Sau đó, một số học giả bèn quay sang các sách thịnh hành từ đời Tây Hán đến đời Tống và đời Minh mà các học giả khác chưa chú ý. Do đó Kinh học của các Kim văn Kinh học gia đã xem *Xuân Thu Công Dương Truyện* 春秋公羊傳 là trung tâm. Kể từ nửa sau đời Thanh, Kinh học Kim văn dần dần phục hưng. Các Kinh học gia của phái này, nếu giảng đến cái học Nghĩa lý, thì các vấn đề mà họ thảo luận cũng bất đồng với các vấn đề mà các Đạo học gia thảo luận.

Sự phục hưng của phái Kinh học này cũng thích ứng với trào lưu tư tưởng mới mẻ đương thời, phát sinh từ ảnh hưởng của phương Tây đối với Trung Quốc. Từ nửa sau đời Thanh, Trung Quốc cảm thấy bị người phương Tây áp bức, mà đại biểu tiên phong cho thế lực của phương Tây là các nhà truyền đạo Thiên Chúa. Kế tiếp sau đó là áp lực trên các phương diện quân sự, chính trị, và kinh tế. Áp lực này khơi dậy nhiều vấn đề trong tâm tư của người Trung Quốc bấy giờ. Trong đó, hai vấn đề căn bản là:

(1) Người phương Tây có tôn giáo, tại sao Trung Quốc lại không? Lẽ nào Trung Quốc là nước không có tôn giáo hay sao?

(2) Trung Quốc đất rộng người đông, mà ở phương diện nào cũng bị người phương Tây áp bức, đó chẳng phải là điểm cần phải tự cải thiện hay sao?

Những nỗ lực của những người Trung Quốc có tư tưởng nhằm giải

đáp các câu hỏi ấy đã dẫn đến một phong trào tư tưởng mới mẻ. Mục đích chủ yếu của phong trào này là tự lập tôn giáo, tự cải thiện chế độ chính trị, nhằm tự cường, nói gọn là *lập giáo và cải chế*. Tuy nhiên, bấy giờ cái bình cũ Kinh học chưa bị đập bỏ. Mọi ý kiến của người thời ấy phải cậy đến Kinh học để phát biểu. Kinh học của các Kim văn Kinh học gia thịnh hành đời Tây Hán trở nên rất thích hợp với nhu cầu ấy. Trong nền Kinh học của các Kim văn Kinh học gia thì địa vị Khổng Tử từ thầy biến thành vua, từ vua biến thành thần. Trong các vĩ thư, địa vị Khổng Tử cố nhiên trở thành giáo chủ của tôn giáo. Do đó, nói đến Kinh học Kim văn thì Khổng Tử tự trở thành giáo chủ và học thuyết của Khổng Tử tự trở thành tôn giáo. Các Kim văn Kinh học gia lại có sự cải chế của Khổng Tử, lập chế độ chính trị của ba đời, xem là chuẩn mực cho muôn đời. Khi giảng Kinh học kim văn, người ta lấy nền chính trị trong lý tưởng của người bấy giờ mà giả danh là thuyết của Khổng Tử, để làm tiêu chuẩn cải cách các chế độ bấy giờ trên phương diện xã hội và chính trị. Trong lời tựa của *Khổng Tử Cải Chế Khảo* 孔子改制考(Khảo về sự cải cách chế độ của Khổng Tử), Khang Hữu Vi 康有爲(1858-1927) nói: «Trời xót thương dân chúng trên đời lắm gian nan nên khiến Hắc Đế giáng tinh[1] xuống thành bậc cứu khổ cho dân, ngài là thần minh, là thánh vương, là bậc thầy đương thời, là người bảo hộ vạn dân, là giáo chủ đời này. Ngài sinh vào thời loạn, bèn căn cứ ở loạn mà lập phép tắc ba đời (tam thế chi pháp), rồi tiến triển tinh vi cho đến thái bình. Rồi ngài lập phép ấy cho đất nước mà ngài sinh ra (tức nước Lỗ) và chú ý một đại thống nhất bờ cõi, [gồm các miền] xa và gần, lớn và nhỏ.»[2]

Thời bấy giờ cần đến một Khổng Tử như thế. Một Khổng Tử như thế chỉ có trong Kinh học kim văn. Thời đại Kinh học trong lịch sử triết học Trung Quốc bắt đầu từ Kinh học của các Kim văn Kinh học gia (thế kỷ II TCN) và cũng kết thúc bằng nền Kinh học ấy (sống lại ở đời Thanh).

---

[1] **LAM chú: Khang Hữu Vi dùng một thuyết trong vĩ thư: «Mẹ của Khổng Tử tên là Trưng Tại đi chơi ở dốc một gò mả lớn. Bà ngủ quên và mộng thấy được Hắc Đế mời đến. Trong giấc mộng, bà đi đến và giao hoan với Hắc Đế.» Xin xem tiết 8 của chương 3 trên đây.**

[2] ***Khổng Tử Cải Chế Khảo:* «Thiên ký ai đại địa sinh nhân chi đa gian, Hắc Đế nãi giáng tinh nhi vi cứu dân hoạn, vi thần minh, vi thánh vương, vi đương thế tác sư, vi vạn dân tác bảo, vi đại địa giáo chủ. Sinh ư loạn thế, nãi cứ loạn nhi lập tam thế chi pháp, nhi thuỳ tinh thái bình. Nãi nhân kỳ sở sinh chi quốc, nhi lập tam thế chi nghĩa, nhi chú ý ư đại địa viễn cận đại tiểu nhược nhất chi đại nhất thống.»** 天既哀大地生人之多艱,黑帝乃降精而爲救民患,爲神明,爲聖王,爲當世作師,爲萬民作保,爲大地教主.生於亂世,乃據亂而立三世之法,而垂精太平.乃因其所生之國,而立三世之義,而注意於大地遠近大小若一之大一統.

Con người khi sống trong một hoàn cảnh mới mẻ rất dễ có tư tưởng hoang đường kỳ bí. Nền Kinh học của các Kim văn Kinh học gia thì có một phần học thuyết của Âm Dương gia. Những hoang đường kỳ bí của học thuyết này rất thích hợp cho con người trong hoàn cảnh mới mẻ sử dụng. Từ cuối đời Chu đến giữa đời Tần đời Hán, các nước được thống nhất, đó là một hoàn cảnh mới mẻ. Đời Thanh, Trung Quốc giao tiếp với các nước, người Trung Quốc buộc phải chấp nhận sự thật rằng Trung Quốc chỉ là một nước trong nhiều nước, chứ không phải là trung tâm hay toàn thể thế giới. Đó cũng là một hoàn cảnh mới mẻ.

2. Khang Hữu Vi

a. Khổng Tử lập giáo và cải chế

Khang Hữu Vi 康有爲(1858-1927) có thể nói là một nhân vật trọng yếu trong phong trào lập giáo cải chế. Ông tự là Quảng Hạ 廣厦, hiệu là Trường Tố 長素, người huyện Nam Hải 南海, tỉnh Quảng Đông 廣東. Ông sinh năm Hàm Phong thứ 8 (tức 1858), đời Thanh. Năm Mậu Tuất (1898), ông tham gia biến pháp duy tân của vua Đức Tông 德宗(tại vị 1871-1908) nhưng thất bại. Năm Dân Quốc 16 (tức 1927) ông bệnh mất tại Thanh Đảo.[3]

Kinh học của Khang Hữu Vi một mặt công kích kinh điển của các cổ văn Kinh học gia, cho rằng chúng đều do Lưu Hâm nguỵ tạo; một mặt chủ trương thuyết cải chế của Khổng Tử, cho rằng kinh điển của các Kim văn Kinh học gia đều do tay Khổng Tử sáng tác. Khang Hữu Vi viết *Tân*

---

[3] Derk Bodde chú: Khang Hữu Vi nổi tiếng là nhà cải cách và tuyên truyền chính trị. Chán nản trước sự suy yếu của Trung Quốc – thấy rõ nhất qua sự đại bại trong chiến tranh Trung-Nhật (1894-1895) kéo theo một loạt nhượng bộ về kinh tế và chính trị về tay các cường quốc – Khang Hữu Vi nghĩ đến một chương trình cải cách với kỹ thuật công nghiệp và quân sự của phương Tây sẽ giữ được nước và khôi phục Nho giáo. Công cụ cho chương trình cải cách này là chế độ quân chủ lập hiến hơn là chế độ cộng hoà. Năm 1898, Khang Hữu Vi tranh thủ được sự chú ý của Quang Tự (tức vua Đức Tông) và hệ quả là biến pháp Mậu Tuất (cải cách trăm ngày, từ 11 tháng 6 đến 20 tháng 9 năm 1898) với một loạt sắc lệnh ra đời mà nếu thi hành đúng sẽ thay đổi tận gốc đời sống chính trị của Trung Quốc. Tuy nhiên, phần lớn chúng chỉ khơi lên sự đối kháng quyết liệt của phe bảo thủ trong triều đình. Rốt cuộc, phong trào đã bị nghiền nát dưới tay Từ Hi Thái Hậu. Bà trở về làm nhiếp chính, cầm tù vua Quang Tự, và xử tử sáu nhà cải cách. Khang Hữu Vi [và Lương Khải Siêu] trốn thoát sang Nhật, để rồi mấy năm sau chứng kiến chủ trương quân chủ lập hiến của mình trở nên lạc hậu trước những nhà cách mạng thành lập Trung Hoa Dân Quốc năm 1912.

Học Nguỵ Kinh Khảo,[4] nói Lưu Hâm 劉歆 là bầy tôi của Vương Mãng 王莽, các kinh điển mà Lưu Hâm nguỵ tạo chỉ là cái học của triều đại Tân 新 (9-23) của Vương Mãng. Khang Hữu Vi nói: «Lưu Hâm sửa kinh trợ giúp việc soán ngôi vua; bản thân Hâm là bầy tôi của triều đại Tân, thì các kinh ấy là Tân học. Sự chính xác của danh nghĩa tại sao lại chối? Đời sau như Hán và Tống, các học phái tranh luận nhau về kinh điển, như nước với lửa. Từ đấy mà xem, phàm những gì mà đời sau ám chỉ là Hán học – như cái học của Giả Quỳ, Mã Dung, Hứa Thận, Trịnh Huyền – đều là Tân học chứ không phải Hán học. Vậy kinh điển mà người đời Tống tôn trọng và thuật lại đa phần là nguỵ kinh chứ không phải là kinh điển [chân truyền] của Khổng Tử.»[5]

Theo đó, Kinh học trải qua các đời từ Đông Hán đến Tấn, Đường, Tống, Minh không phải là chân kinh của Khổng Tử. Chỉ có Kinh học của các nhà Kim văn Kinh học gia đời Tây Hán mới là kinh điển chân truyền của Khổng Tử, là «vi ngôn đại nghĩa» (lời nhỏ, ý nghĩa lớn) của Khổng Tử. Theo Khang Hữu Vi, trước Khổng Tử là thời kỳ mờ mịt không khảo cứu được. Giữa thời Xuân Thu và Chiến Quốc, chư tử cùng nổi lên lập giáo thuyết mà giáo thuyết của Khổng Tử xuất hiện đặc biệt nên về sau được lấy làm tông chỉ để noi theo. Khang Hữu Vi viết: «Vật tích tụ cái thô rồi về sau cái tinh tuý sinh ra; tích tụ cái hèn rồi về sau cái quý sinh ra; tích tụ cái ngu rồi về sau cái trí sinh ra. Tích tụ đất đá rồi thảo mộc sinh ra; tích tụ côn trùng và bò sát rồi cầm thú sinh ra. Con người thì linh hơn vạn vật, nên sinh ra sau cùng. Trận lụt lớn bao trùm khắp nơi. Nhân loại đều sinh ra sau trận lụt lớn, cho nên dân chúng trên cõi đời đều bắt đầu sinh sản từ thời vua Vũ của đời Hạ. Tích tụ người và trí tuệ hai ngàn năm, sự và lý chứa đủ, do đó các bậc ưu tú tài trí kiệt xuất nổi lên không thể ngăn chận. Mỗi nhà dựa vào tư chất thiên phú của mình và môi

---

[4] **LAM chú: Khang Hữu Vi viết *Tân Học Nguỵ Kinh Khảo* (khảo luận về kinh giả trong cái học triều đại Tân của Vương Mãng) và công bố tác phẩm này năm 1891. Nó cùng với *Khổng Tử Cải Chế Khảo* (công bố năm 1898) gây chấn động học giới bấy giờ. Lương Khải Siêu gọi cuốn trước là *cụ phong* 颶風 (cơn gió lốc) cuốn sau là *hoả sơn đại phún hoả* 火山大噴火 (núi lửa phun lửa lớn) trong giới học thuật và tư tưởng thời ấy.**

[5] ***Tân Học Nguỵ Kinh Khảo:* «Hâm ký sức kinh tá soán, thân vi Tân thần, tắc kinh vi Tân học. Danh nghĩa chi chính phục hà từ yên? Hậu thế Hán Tống hỗ tranh, môn hộ thuỷ hoả. Tự thử thị chi, phàm hậu thế sở chỉ mục vi Hán học giả, giai Giả, Mã, Hứa, Trịnh chi học, nãi Tân học phi Hán học dã. Tức Tống nhân sở tôn thuật chi kinh, nãi đa nguỵ kinh, phi Khổng Tử chi kinh dã.»** 歆既飾佐篡,身爲新臣,則經爲新學. 名義之正復何辭焉?後世漢宋互爭,門戶水火. 自此視之,凡後世所指目爲漢學者,皆賈馬許鄭之學,乃新學非漢學也. 即宋人所尊述之經,乃多僞經,非孔子之經也.

trường mình sống mà lập thành luận thuyết, quy tụ học trò, cải cách chế độ, mong muốn dời đổi thiên hạ. Nhưng thiên chất của họ cũng gắn liền Âm Dương, cho nên học thuyết của họ cũng nhiều thiên lệch và bị che lấp; mỗi nhà hiểu một ý nghĩa, giống như tai mắt miệng mũi không thể thông với nhau. Nhưng họ đều kiên trì gian khổ cố gắng tiến hành một mình với học thuyết tinh thâm ẩn áo, nghị lực tự thi hành ý chí, mong lập giáo để bao quát thiên hạ. [...] Khi chư tử hưng thịnh, trong đó có một bậc vô cùng thần thánh mà mọi người quy về, nên ngài tập hợp họ thành một đại thống nhất, và ngài trở thành khuôn mẫu cho muôn đời noi theo. *Luận Hành* (của Vương Sung) khen Khổng Tử là bậc trác tuyệt trong chư tử, lẽ nào không đúng hay sao? Thiên hạ quy về Khổng Tử, Đạo lớn hợp nhất. Cho nên từ đời Hán về sau không có chư tử nữa.»[6]

Khổng Tử lập giáo, Khang Hữu Vi cho rằng ý nghĩa trọng yếu trong đó chính là thuyết «Tam thống tam thế» 三統三世.[7] Ông nói: «Đạo của Khổng Tử lớn thay. Nó mênh mông như Trời và vận chuyển khắp nơi. [...] [Đạo của Khổng Tử] thoạt đầu thì gặp phải sự tầm thường

---

[6] ***Khổng Tử Cải Chế Khảo:*** **«Phàm vật tích thô nhi hậu tinh sinh yên; tích tiện nhi hậu quý sinh yên; tích ngu nhi hậu trí sinh yên. Tích thổ thạch nhi thảo mộc sinh; tích trùng giới nhi cầm thú sinh; nhân vi vạn vật chi linh, kỳ sinh vưu hậu giả dã. Hồng thuỷ giả, đại địa sở cộng dã. Nhân loại chi sinh, giai tại hồng thuỷ chi hậu, cố đại địa dân chúng, giai âu manh ư Hạ Vũ chi thời. Tích nhân tích trí nhị thiên niên, nhi sự lý hàm bị, ư thị tài trí chi vưu tú kiệt giả, phong xuất đĩnh lập, bất khả át mị. Các nhân kỳ thụ thiên chi chất, sinh nhân chi ngộ, thụ luận thuyết, tụ đồ chúng, cải chế lập độ, tư dịch thiên hạ. Duy kỳ chất tỳ tại Âm Dương, cố kỳ thuyết diệc đa thiên tế, các minh nhất nghĩa, như nhĩ mục khẩu tỵ, bất năng tương thông. Nhiên giai kiên khổ độc hành chi lực, tinh thâm áo vĩ chi luận, nghị nhiên tự hành kỳ chí, tư lập giáo dĩ phạm vi thiên hạ giả dã. [...] Tích chư tử chi thịnh, kỳ vưu thần thánh giả, chúng nhân quy chi, tập đại nhất thống, toại phạm vạn thế. Luận Hành xưng Khổng Tử vi chư tử chi trác, khởi bất nhiên tai. Thiên hạ hàm quy y Khổng Tử, đại Đạo toại hợp. Cố tự Hán dĩ hậu vô chư tử.»** 凡物積粗而後精生焉；積賤而後貴生焉；積愚而後智生焉．積土石而草木生；積蟲介而禽獸生；人爲萬物之靈，其生尤後者也．洪水者，大地所共也．人類之生，皆在洪水之後，故大地民衆，皆蘆萌於夏禹之時．積人積智二千年，而事理咸備，於是才智之尤秀傑者，蜂出挺立，不可遏靡．各因其受天之質，生人之遇，樹論說，聚徒衆，改制立度，思易天下．惟其質毗在陰陽，故其說亦多偏蔽，各明一義，如耳目口鼻，不能相通．然皆堅苦獨行之力，精深奧瑋之論，毅然自行其志，思立教以範圍天下者也. [...] 積諸子盛，其尤神聖者，衆人歸之，集大一統，遂範萬世．論衡稱孔子爲諸子之卓，豈不然哉．天下咸歸依孔子，大道遂合．故自漢以後無諸子．

[7] **LAM chú: *Tam Thống* 三統 (cũng gọi là Tam Chính 三正) là: hắc thống 黑統, bạch thống 白統, xích thống 赤統 (Xin xem chú thích 90 chương 2 trên đây). *Tam Thế* 三世 là: Cứ Loạn Thế 據亂世, Thăng Bình Thế 升平世, và Thái Bình Thế 太平世 (Xin xem chú thích 130 chương 2 trên đây).**

cố chấp của học thuyết Tuân Tử; khoảng giữa thì bị rối loạn do sự nguy tạo [kinh điển] của Lưu Hâm; cuối cùng thì bị tổn hại do sự thiên lệch của Chu Hi. Do đó đạo của *tố vương* 素王 (vua không ngai, tức Khổng Tử) trở nên tối tăm không sáng và bế tắc không phát triển. [...] Bởi thế tôi kính cẩn khảo cứu toàn diện đạo của Khổng Tử. Ban đầu tôi theo vết xe đổ của người đời Tống [mà không biết] nên mắt long lanh sáng rỡ tự cho mình đã đắc đạo; sau tôi mới giác ngộ rằng Khổng Tử đâu có câu chấp và hẹp hòi như thế. Kế đó tôi theo cửa nẻo của người đời Hán, lẫn lộn tự cho mình đã bước trên đường đạo; sau tôi mới giác ngộ rằng Khổng Tử đâu có vụn vặt và rối loạn như thế. Nếu dừng ở chỗ ấy, Khổng Tử là thánh nhân chứ không phải thần nhân. [...] Cho nên tôi bèn vất bỏ sự nguy tạo của cổ văn mà tìm [đạo Khổng Tử] nơi Kim văn học, bao gồm [các dị bản] *Thi Kinh* của các nước Tề, Lỗ, Hàn, các bản *Thư Kinh* của Âu Dương và chú cháu Hạ Hầu, *Dịch Kinh* của Mạnh Hỉ, Tiêu Diên Thọ, Kinh Phòng, *Lễ Ký* của Đại Đái và Tiểu Đái, *Xuân Thu* của Công Dương và Cốc Lương. Nhờ đó tôi hiểu được sự biến hoá Âm Dương của Dịch và hiểu được ý nghĩa của tam thế trong *Xuân Thu*. Tôi đã nói rằng: đạo của Khổng Tử lớn, tuy không thể thấy tường tận, nhưng ít nhất cũng liếc thấy được phên vách. Đáng tiếc, đại đạo thì thâm sâu đầy tràn, không thể lấy vài lời mà tóm được điểm trọng yếu của đại đạo. Tôi vất bỏ hết phần truyện mà tìm cầu đại đạo ở phần kinh văn. Đọc tới *Lễ Vận*, tôi rất xúc động mà than rằng: [Thuyết] biến đổi ba đời của Khổng Tử và sự chân thực của đại đạo ở đây rồi. [...] Sách *Lễ Vận* là lời tế vi và chân truyền của Khổng Tử, là kinh điển cực quý của vạn quốc, là phương thuốc thần cho chúng sinh trong thiên hạ khỏi chết.»[8]

[8] ***Lễ Vận Chú Tự:*** **«Hạo hồ Khổng Tử chi đạo, đãng đãng tắc thiên, kỳ vận vô hồ bất tại. [...] Thuỷ ngộ ư Tuân học chi câu lậu, trung loạn ư Lưu Hâm chi nguy mậu, mạt cát ư Chu Tử chi thiên an. Ư thị tố vương chi đại đạo, ám nhi bất minh, uất nhi bất phát. [...] Dư sở dĩ khảo cầu Khổng Tử chi đạo giả, ký bác nhi thả kính hĩ. Thuỷ tuần Tống nhân chi đồ triệt, quýnh quýnh hồ tự dĩ vi đắc chi hĩ. Ký ngộ Khổng Tử bất như thị chi câu thả ải dã. Kế tuân Hán nhân chi môn kính, phân phân hồ tự dĩ vi tiến chi hĩ. Ký ngộ kỳ bất như thị chi toái thả loạn dã. Cẩu chỉ ư thị hồ, Khổng Tử kỳ thánh nhi bất thần hĩ. [...] Ký nãi khử cổ học chi nguy, nhi cầu chi kim văn học. Phàm Tề Lỗ Hàn chi Thi, Âu Dương đại tiểu Hạ Hầu chi Thư, Mạnh Tiêu Kinh chi Dịch, đại tiểu Đái chi Lễ, Công Dương Cốc Lương chi Xuân Thu, nhi đắc Dịch chi Âm Dương chi biến, Xuân Thu tam thế chi nghĩa. Viết: Khổng Tử chi đạo đại, tuy bất khả tận kiến, nhi thứ cơ khuy kỳ phiên. Tích kỳ di thâm thái mạn, bất đắc sổ ngôn nhi cai đại đạo chi yếu dã. Nãi tận xả truyện thuyết, nhi cầu chi kinh văn. Độc chí Lễ Vận, nãi hạo nhiên nhi thán viết: Khổng Tử tam thế chi biến, đại đạo chi chân tại thị hĩ. [...] Thị thư dã, Khổng thị chi vi ngôn chân truyền, vạn quốc chi vô thượng bảo điển, nhi thiên hạ quần sinh chi khởi tử thần phương tai.»** 浩乎孔子之道，蕩蕩則天，其運無乎不在. [...] 始誤於荀學之拘陋，中亂於劉歆之僞謬，末割於朱子之偏安. 於是素王之大道，闇而不明，鬱而不發. [...] 予所以考求孔子之道者，既博而且敬矣. 始循宋人之途轍，炯炯乎自以爲得之矣. 既悟孔

Khang Hữu Vi cho rằng: «Đạo của Khổng Tử có sự vận hành của *tam thế* 三世, *tam thống* 三統, *ngũ đức* 五德. Nhân, nghĩa, trí, tín ứng với bốn mùa mà vận hành.[9] Vận hành nhân 仁 là *đạo đại đồng* 大同; vận hành lễ 禮 là *đạo tiểu khang* 小康.»[10] Theo Khang Hữu Vi, danh từ «đại đạo» 大道 trong *Lễ Vận* tức là «nhân lý trí công, thái bình thế đại đồng chi đạo» 人理致公太平世大同之道 (đạo đại đồng của đời Thái Bình mà các nguyên lý của con người đạt tới công bình). Danh từ «tam đại chi anh» 三代之英 (các bậc anh tài hay thánh nhân của ba đời Hạ, Thương, Chu) trong *Lễ Vận* ám chỉ «Thăng Bình thế tiểu khang chi đạo» 升平世小康之道 (đạo an khang nhỏ của đời thanh bình). Đó chính là ý nghĩa của tam thế (ba đời) mà *Xuân Thu Công Dương Truyện* nói (tức là: Cứ Loạn Thế 據亂世, Thăng Bình Thế 升平世, và Thái Bình Thế 太平世. Xin xem tiết 12 của chương 2).

Khang Hữu Vi lại cho rằng trong *Luận Ngữ* cũng nói đến ý nghĩa của tam thế: «Nhân đạo tiến hoá, đều có định vị, từ chế độ thị tộc mà thành bộ lạc, rồi thành quốc gia. Từ quốc gia mà thành đại thống nhất. Từ một người rồi dần lập tù trưởng; từ tù trưởng rồi dần lập quân chủ; từ quân chủ rồi dần thành lập hiến; từ lập hiến rồi dần thành cộng hoà. Từ một người rồi dần có vợ chồng; từ vợ chồng rồi dần xác định cha con; từ cha con rồi mới yêu khắp đồng loại; từ yêu khắp đồng loại rồi dần thành đại đồng. Do đó trở lại [như] là một người. Cho nên có sự tiến hoá từ đời Cứ Loạn tới đời Thăng Bình, đời Thăng Bình tới đời Thái Bình. Sự tiến hoá có mức độ dần dần, sự cải cách có nguyên do. Suy nghiệm điều ấy ở vạn nước, nước nào cũng cùng phong hoá. Xem đứa trẻ cũng có thể biết

---

子不如是之拘且隘也.繼遵漢人之門徑,紛紛乎自以爲踐之矣.既悟其不如是之碎且亂也.苟止於是乎,孔子其聖而不神矣. [...] 既乃去古學之僞,而求之今文學.凡齊魯韓之詩,歐陽大小夏侯之書,孟焦京之易,大小戴之禮,公羊穀梁之春秋,而得易之陰陽之變,春秋三世之義.曰:孔子之道,雖不可盡見,而庶幾窺其藩.惜其擱深太漫,不得數言而賅大道之要也.乃盡舍傳說,而求之經文.讀至禮運,乃浩然嘆曰:孔子三世之變,大道之眞在是矣. [...] 是書也,孔氏之微言眞傳,萬國之無上寶典,而天下群生之起死神方哉.

9 LAM chú: Nguyên văn chỉ có bốn chữ «nhân, nghĩa, trí, tín» ứng với bốn mùa; trong bản tiếng Anh, Derk Bodde thêm chữ «lễ» và chú thích: «Theo Kim văn kinh học gia, nhân ứng với hướng đông (=xuân), nghĩa ứng với hướng tây (=thu), lễ ứng với hướng nam (=hạ), trí ứng với hướng bắc (=đông), tín ứng với trung ương. Tín không ứng với mùa nào cả, mà chỉ trợ giúp sự vận hành của bốn mùa thôi. (Xem: tiết 8 của chương 2).»

10 *Lễ Vận Chú:* «Khổng Tử chi Đạo hữu tam thế, hữu tam thống, hữu ngũ đức chi vận. Nhân, nghĩa, trí, tín, các ứng thời nhi hành vận. Nhân vận giả, đại đồng chi đạo, lễ vận giả tiểu khang chi đạo.» 孔子之道有三世,有三統,有五德之運.仁義智信各應時而行運.仁運者,大同之道,禮運者,小康之道.



Khang Hữu Vi

lúc nó trưởng thành và già yếu; xem mầm non có thể biết lúc nó thành cây tròn một ôm và cao chọc trời; xem sự tổn ích của tam thống của ba đời Hạ, Ân, Chu cũng có thể suy ra sự biến đổi và cải cách của trăm đời vậy. Khổng Tử viết *Xuân Thu*, chủ trương *tam thế* (ba đời). Trong đời Cứ Loạn, ngài xem nước Lỗ của mình là bên trong (tức trung tâm), và xem các nước còn lại của Trung Quốc (chư Hạ 諸夏) là ở bên ngoài. Trong đời Thăng Bình (yên bình sắp đến) ngài xem các nước của Trung Quốc (chư Hạ 諸夏) là bên trong (tức trung tâm), và xem các nước di địch [tức các nước bị gọi là «man rợ»] là ở bên ngoài. Trong đời Thái Bình các nước lớn nhỏ, xa gần, được xem như một. Làm như thế là ngài suy ra từ nguyên lý tiến hoá. Khổng Tử sinh vào đời Cứ Loạn. Ngày nay [các nước trên] quả đất đã thông với nhau, Âu Mỹ biến chuyển lớn, nên tiến tới đời Thăng Bình. Rồi sẽ một ngày trên địa cầu các nước lớn nhỏ, xa gần, được xem như một. Biên giới các nước không còn, chủng loại không phân biệt, phong tục và văn hoá cùng giống nhau, tức là thái bình như một. Khổng Tử đã dự đoán và biết điều ấy.»[11]

---

[11] *Luận Ngữ Chú:* **«Nhân đạo tiến hoá, giai hữu định vị, tự tộc chế nhi vi bộ lạc, nhi thành quốc gia. Do quốc gia nhi thành đại thống. Do độc nhân nhi tiệm lập tù trưởng, do tù trưởng nhi tiệm chính quân thần, do quân thần nhi tiệm vi lập hiến, do lập hiến nhi tiệm vi cộng hoà. Do độc nhân nhi tiệm vi phu phụ, do phu phụ nhi tiệm định phụ tử, do phụ tử nhi kiêm tích nhĩ loại, do tích loại nhi tiệm vi đại đồng, ư thị phục vi độc nhân. Cái tự cứ loạn tiến vi thăng bình, thăng bình tiến vi thái bình, tiến hoá hữu tiệm, nhân cách hữu do, nghiệm chi vạn quốc, mạc bất đồng phong. Quan anh nhi khả dĩ tri tráng phu cập lão nhân, quan manh nha khả dĩ tri hợp bão nhi tham thiên, quan Hạ Ân Chu tam thống chi tổn ích, diệc khả suy bách thế chi biến cách hĩ. Khổng Tử chi vi Xuân Thu, trương vi tam thế. Cứ loạn thế tắc nội kỳ quốc nhi ngoại chư Hạ. Thăng bình thế tắc nội chư Hạ, ngoại di địch. Thái bình thế tắc viễn cận đại tiểu nhược nhất. Cái suy tiến hoá chi lý nhi vi chi. Khổng Tử sinh đương cứ loạn chi thế. Kim giả đại địa ký thông, Âu Mỹ đại biến, cái tiến chí thăng bình chi thế hĩ. Dị nhật đại địa đại tiểu viễn cận như nhất, quốc thổ ký tận, chủng loại bất phân, phong hoá tề đồng, tắc như nhất nhi thái bình hĩ. Khổng Tử dĩ dự tri chi.»** 人道進化,皆有定位,自族制而爲部落,而成國家.由國家而成大統.由獨人而漸立酋長,由酋長而漸正君臣,由君臣而漸爲立憲,由立憲而漸爲共和.由獨人而漸爲夫婦,由夫婦而漸定父子,由父子而兼錫爾類,由錫類而漸爲大同,於是復爲獨人.蓋自據亂進爲升平,升平進爲太平,進化有漸,因革有由,驗之萬國,莫不同風.觀嬰兒可以知壯夫及老人,觀萌芽可以知合抱而參天,觀夏殷周三統之損益,亦可推百世之變革矣.孔子之爲春秋,張爲三世.據亂世則内其國而内諸夏,外夷狄.太平世則遠近大小若一.蓋推進化之理而爲之.孔子生當據亂之世.今者大地既通,歐美大變,蓋進至升平之世矣.異日大地大小遠近如一,國土既盡,種類不分,風化齊同,則如一而太平矣.孔子已預知之.

Luận Ngữ nói: «Đời Ân (Thương) theo chế độ nghi lễ của đời Hạ, có thêm và bớt cái gì, ta có thể biết. Đời Chu theo chế độ nghi lễ của đời Ân (Thương), có thêm và bớt cái gì, ta có thể biết. Sau này có đời nào kế tiếp đời Chu, dù đến trăm đời, ta cũng có thể biết được.»[12] Khang Hữu Vi cho rằng câu nói ấy cũng có ý nghĩa về tam thống và tam thế.

Trung Dung chép một câu tối nghĩa: «Vương thiên hạ hữu *tam trùng* yên, kỳ quả quá hĩ hồ?» 王天下有三重焉,其寡過矣乎.[13] Khang Hữu Vi hiểu *trùng* 重 là *phục* 復 (trở lại); cho nên *tam trùng* 三重 là «tam thế chi thống» 三世之統 (sự thống nhất ba đời); do đó câu ấy có nghĩa là: «Sự cai trị thiên hạ có sự thống nhất ba đời; [nếu chú ý làm tốt] thì sẽ bớt lỗi lầm.»

Khang Hữu Vi lại nói: «Các chế độ của Khổng Tử đều lập trên thực tế. Thí dụ như lập tý là tháng giêng của Bạch thống, và màu trắng được chuộng; nên triều phục và khăn mũ đều có màu trắng; ngày nay các nước Âu Mỹ noi theo đó. Lập sửu [là tháng chạp] thì nước Nga và Hồi giáo thi hành. Quy định cho Minh đường là phải có 36 cửa sổ và 72 cửa lớn một cánh. Quy định cho nhà cửa là phải cao, dốc, tròn, lớn, hoặc bầu dục hoặc hình vuông, hoặc trên tròn dưới vuông; cung thất của Âu Mỹ noi theo đó. Áo dài có đuôi ở sau, nên lễ phục của các nước Âu Mỹ noi theo đó. Phân chia ngày, hoặc theo nửa đêm hoặc theo gà gáy hoặc theo bình minh, các nước phương Tây lấy giữa trưa để phân chia ngày, cũng là suy ra từ tam trùng. [...] Tình người bị thói quen che lấp, họ yên lòng với chế độ của một thống hay một thế nào đó, nên khi thấy một chế độ khác thì họ kinh sợ và hoài nghi. Điều này gây ra nhiều lỗi lầm. Nếu chúng ta biết ý nghĩa tam trùng của Khổng Tử, có lẽ chúng ta sẽ không

---

12 ***Luận Ngữ* (Vi Chính): «Tử viết: Ân nhân ư Hạ lễ, sở tổn ích, khả tri dã. Chu nhân ư Ân lễ, sở tổn ích, khả tri dã. Kỳ hoặc kế Chu giả, tuy bách thế, khả tri dã.»** 子曰:殷因於夏禮,所損益,可知也.周因於殷禮,所損益,可知也.其或繼周者,雖百世,可知也.

13 ***Trung Dung* (chương 29): «Vương thiên hạ hữu tam trọng yên, kỳ quả quá hĩ hồ?»** 王天下有三重焉,其寡過矣乎. **LAM chú: Các sách chú giải thường hiểu là: «Bậc làm vua của thiên hạ có ba điều hệ trọng; [nếu làm tốt] thì dân chúng sẽ bớt đi lỗi lầm.» Ba điều hệ trọng ấy được nói ở chương 28 là: *Nghị lễ*** 議禮, ***chế độ*** 制度, ***khảo văn*** 考文: **«Phi thiên tử bất nghị lễ, bất chế độ, bất khảo văn.»** 非天子不議禮,不制度,不考文 **(Nếu chẳng phải là thiên tử thì không được nghị luận về lễ, không được ấn định chế độ phép tắc, không được khảo định văn tự). Khang Hữu Vi hiểu** 三重 **là *tam trùng* (ba tầng).**

có cái nhìn lo buồn và lẫn lộn?»[14]

Khang Hữu Vi phát triển thuyết tam thống và tam thế, muốn lấy nó để bao quát kiến thức mới mẻ và thực tế mới mẻ của thời bấy giờ; tức là lấy bình cũ mà đựng rượu mới. Khang Hữu Vi cũng muốn lấy nó để làm căn cứ cho biến pháp duy tân trên phương diện chính trị. Ông nói: «Phép tắc của Khổng Tử chú trọng ở sự tuỳ thời. Đang đời hỗn loạn, giáo hoá chưa đến nơi, mà thi hành chế độ của đời Thái Bình, ắt sinh tai hại lớn. Đang đời Thăng Bình nhưng [còn giữ chế độ của đời] Cứ Loạn, thì cũng sinh tai hại lớn. Thí dụ như nay là đời Thăng Bình, thì ta phải phát huy ý nghĩa tự chủ và tự lập, nghị luận công khai việc lập hiến. Nếu không cải cách phép tắc, ắt loạn lớn sinh ra.»[15]

Đến đời Thăng Bình thì phải thi hành chế độ đời Thăng Bình. Khang Hữu Vi rõ ràng tự xem chủ trương của ông đối với nền chính trị đương thời là phù hợp với các chế độ của đời Thăng Bình.

b. Đại Đồng Thư

Khổng Tử có thuyết tam thế, nhưng ông nói rất sơ lược về ý nghĩa đại đồng của đời Thái Bình. Khang Hữu Vi nói: «Khổng Tử phát minh nhiều chế độ cho đời Cứ Loạn tiểu khang, nhưng ít chế độ cho đời Thái Bình đại đồng. Bởi vì tiến trình dẹp loạn phải linh động tuỳ thời. Thời

---

[14] *Trung Dung Chú:* **«Khổng Tử chi chế giai vi thực sự. Như kiến tý vi chính nguyệt, bạch thống thượng bạch, tắc triều phục thủ phục giai bạch, kim Âu Mỹ các quốc tòng chi. Kiến sửu tắc Nga La Tư Hồi giáo hành chi. Minh đường chi chế, tam thập lục dũ, thất thập nhị hộ, ốc chế cao nghiêm viên xỉ, hoặc tuỳ viên hành phương, hoặc thượng viên hạ phương, tắc Âu Mỹ cung thất tòng chi. Y trường hậu nhẫm, tắc Âu Mỹ các quốc lễ phục tòng chi. Nhật phân hoặc nhật bán, hoặc kê minh hoặc bình minh, Thái Tây dĩ nhật ngọ vi nhật phân, diệc tam trùng chi loại suy dã. [...] Nhân tình tế ư sở tập, an ư nhất thống nhất thế chi chế, kiến tha chế tức kinh nghi chi, thử sở dĩ đa quá dã, nhược tri Khổng Tử tam trùng chi nghĩa, thứ cơ bất chí bi ưu huyễn thị hồ?»** 孔子之制皆爲實事．如建子爲正月，白統上白，則朝服首服皆白，今歐美各國從之．建丑則俄羅斯回教行之．明堂之制，三十六牖，七十二戶，屋制高嚴員侈，或橢員衡方，或上員下方，則歐美宮室從之．衣長後衽，則歐美各國禮服從之．日分或日半，或雞鳴或平明，泰西以日午爲日分，亦三重之類推也．[...] 人情蔽於所習，安於一統一世之制，見他制即驚疑之，此所以多過也，若知孔子三重之義，庶幾不至悲憂眩視乎?

[15] *Trung Dung Chú:* **«Khổng Tử chi pháp, vụ tại nhân thời. Đương thảo muội loạn thế, giáo hoá vị chí, nhi hành thái bình chi chế, tất sinh đại hại. Đương thăng bình thế nhi nhưng thủ cứ loạn, diệc sinh đại hại dã. Thí chi kim đương thăng bình chi thời, ưng phát tự chủ tự lập chi nghĩa, công nghị lập hiến chi sự. Nhược bất cải pháp, tắc đại loạn sinh.»** 孔子之法，務在因時．當草昧亂世，教化未至，而行太平之制，必生大害．當升平世而仍守據亂，亦生大害也．譬之今當升平之時．應發自主自立之義，公議立憲之事．若不改法，則大亂生.

của Khổng Tử, người đời còn ấu trĩ. Giống như nuôi dưỡng trẻ thơ, không thể lột ngay tã lót ra là biến nó thành người lớn tức khắc. Chế độ cho đời Cứ Loạn, Khổng Tử bất đắc dĩ phải làm. Nhưng đối với phép tắc cho đời Thái Bình và đạo đại đồng, tuy ngài dự tính khiến nó trở nên xán lạn mà cũng không đạt được chí nguyện, vì ngài sinh không đúng thời. Nguyên lý của tiến hoá có quỹ đạo nhất định, không thể vượt qua. Hễ đến đúng thời thì tự nó phải biến thông. Cho nên phép tắc tam thế và đạo tam thống mỗi thứ mỗi khác. Trong gian khổ có thể thấy ngài chỉ nhằm cứu đời. Khổng Tử biết rằng ba ngàn năm sau ắt có một thánh nhân lại ra đời để phát huy giáo lý mới về đại đồng. Vị thánh nhân ấy hẳn sẽ không vượt ra ngoài quỹ đạo Thăng Bình đến Thái Bình, cũng không cho rằng dẹp loạn và tiểu khang là sai lầm.»[16]

Luận Ngữ chép: «[Khổng Tử nói:] Sau này có đời nào kế tiếp đời Chu, dù đến trăm đời, ta cũng có thể biết được.» Khang Hữu Vi giải thích 30 năm là một đời, trăm đời tức ba ngàn năm. Cho nên «ba ngàn năm sau ắt có một thánh nhân lại ra đời để phát huy giáo lý mới về đại đồng». Qua đó, Khang Hữu Vi tự xem mình là thánh nhân ấy và ông viết *Đại Đồng Thư* để «phát huy giáo lý mới về đại đồng».

Trong chương 1 của *Đại Đồng Thư,* Khang Hữu Vi luận về «con người có lòng bất nhẫn» rằng: «Nguyên khí 元氣 mênh mang, tạo nên trời đất. Trời là một hồn chất 魂質 (chất có hồn) của vạn vật; người cũng là một hồn chất của vạn vật. Tuy hình thể lớn nhỏ khác nhau nhưng đều có chung hạo khí 浩氣 (khí lớn) phát xuất từ Thái Nguyên 太元 (khởi đầu lớn), [trời và người] khác nào hai giòng suối nhỏ phát xuất từ

---

16 ***Trung Dung Chú:*** **«Khổng Tử phát minh cứ loạn tiểu khang chi chế đa, nhi thái bình đại đồng chi chế thiểu. Cái uỷ khúc tuỳ thời, xuất ư bát loạn dã. Khổng Tử chi thời, thế thượng ấu trĩ. Như dưỡng anh nhi giả, bất năng cự đãi dĩ thành nhân, nhi sậu ly ư cưỡng bảo. Cứ loạn chi chế, Khổng Tử chi bất đắc dĩ dã. Nhiên thái bình chi pháp, đại đồng chi đạo, cố dự vi xán trần, đãn sinh phi kỳ thời, hữu chí vị đãi nhĩ. Tiến hoá chi lý, hữu nhất định chi quỹ đạo, bất năng siêu độ. Ký chí kỳ thời, tự đương biến thông. Cố tam thế chi pháp, tam thống chi đạo, các dị. Khổ trung khả kiến, đãn tại cứu thời. Khổng Tử tri tam thiên niện hậu, tất hữu thánh nhân phục tác, phát huy đại đồng chi tân giáo giả. Nhiên tất bất năng ngoại thăng bình thái bình chi quỹ, tắc diệc bất nghi phù bát loạn tiểu khang chi ngộ dã.»** 孔子發明據亂小康之制多，而太平大同之制少．蓋委曲隨時，出於撥亂也．孔子之時，世上幼稚．如養嬰兒者，不能遽待以成人，而驟離於襁褓．據亂之制，孔子之不得已也．然太平之法，大同之道，固預為燦陳，但生非其時，有志未逮耳．進化之理，有一定之軌道，不能超度．既至其時，自當變通．故三世之法，三統之道，各異．苦衷可見，但在救時．孔子知三千年後，必有聖人復作，發揮大同之新教者．然必不能外升平太平之軌，則亦不疑大撥亂小康之誤也．

biển lớn. Khổng Tử nói: "Đất chở thần khí; thần khí tạo gió và sấm; gió và sấm đưa [hạt giống] đi [khắp nơi để thành] hình; vạn vật hiển lộ sự sống." Thần là điện có tri giác. Điện sáng có thể truyền đi khắp nơi. Thần khí có thể cảm thụ khắp nơi. Thần quỷ thần đế, sinh trời sinh đất. Thần toàn thể là nguồn, thần phân ra là người. Thật vi diệu thay! Thần ấy có xúc cảm! Chẳng sinh vật nào mà không có điện; chẳng sinh vật nào mà không có thần. Thần ấy là khí có tri giác, là sự hiểu biết của hồn, là cái sáng của tinh, là sáng láng linh diệu, là đức sáng. Mặc dù có nhiều tên như vậy, kỳ thực chỉ là một. Có tri giác thì ắt có thu hút; đá nam châm cũng thế, huống hồ là người? *Bất nhẫn* (= không đành lòng trước đau khổ của người khác) là lực thu hút. Cho nên *nhân* (nhân ái) và *trí* cùng tàng [chứa trong tâm] thì *trí* ưu tiên hơn *nhân*; *nhân* và *trí* cùng được áp dụng, thì *nhân* quý hơn *trí*.»[17]

Trên đây đúng là thuyết của Trình Hạo và Vương Dương Minh: «Người có lòng nhân ái thì xem trời đất và vạn vật là một thể.» Khang Hữu Vi đã thêm vào đó các ý tưởng mới mẻ trong vật lý học của phương Tây mà người đương thời nghe nói đến. Sự chiết trung này là điều không tránh khỏi trong thời đại của ông. Ai ai cũng có lòng bất nhẫn cho nên giáo lý đại đồng là khả thi.

Con người có tri giác, biết sướng biết khổ. Khang Hữu Vi nói: «Sinh vật có tri giác, bộ não chứa linh diệu. Bộ não tiếp xúc với vật hay không phải vật ở bên ngoài thì nó có cái đúng và cái không đúng, có cái thích hợp và cái không thích hợp. Cái đúng và thích hợp với bộ não khiến thần

---

[17] *Đại Đồng Thư:* «Phù hạo hạo nguyên khí, tạo khởi thiên địa. Thiên giả, nhất vật chi hồn chất dã. Nhân giả, diệc nhất vật chi hồn chất dã. Tuy hình hữu đại tiểu, nhi kỳ phân hạo khí ư thái nguyên, ấp quyên trích ư đại hải, vô dĩ dị dã. Khổng Tử viết: "Địa tải thần khí; thần khí phong đình; phong đình lưu hình; thứ vật lộ sinh." Thần giả, hữu tri chi điện dã. Quang điện năng vô sở bất truyền, thần khí năng vô sở bất cảm. Thần quỷ thần đế, sinh thiên sinh địa. Toàn thần phân thần, duy nguyên duy nhân. Vi hồ diệu tai, kỳ thần chi hữu xúc tai. Vô vật vô điện, vô vật vô thần. Phù thần giả, tri khí dã, hồn tri dã, tinh sảng dã, linh minh dã, minh đức dã; sổ giả, dị danh nhi đồng thực. Hữu giác tri tắc hữu hấp nhiếp, từ thạch do nhiên, hà huống ư nhân? Bất nhẫn giả, hấp nhiếp chi lực dã. Cố nhân trí đồng tàng, nhi trí vi tiên; nhân trí đồng dụng, nhi nhân vi quý hĩ.» 夫浩浩元氣,造起天地.天者,一物之魂質也.人者,亦一物之魂質也.雖形有大小,而其分浩氣於太元,挹涓滴於大海,無以異也.孔子曰:"地載神氣;神氣風霆;風霆流形;庶物露生." 神者,有知之電也.光電能無所不傳,神氣能無所不感.神鬼神帝,生天生地.全神分神,惟元惟人.微乎妙哉,其神之有觸哉.無物無電,無物無神.夫神者,知氣也,魂知也,精爽也,靈明也,明德也;數者,異名而同實.有覺知則有吸攝,磁石猶然,何況於人?不忍者,吸攝之力也.故仁智同藏,而智爲先;仁智同用,而仁爲貴矣.

hồn vui sướng. Cái không đúng và không thích hợp với bộ não khiến thần hồn đau khổ. Trong con người, bộ não thì linh diệu nhất, còn thần hồn thì trong trẻo và sáng láng nhất. Các vật hay không phải vật cảm thụ vào thân thể thì rất nhiều. Nếu chúng tinh tế và gấp rút, thì cái thích hợp hay không thích hợp trở nên rõ ràng nhất. Cái thích hợp và đúng thì được chấp nhận, cái không thích hợp và không đúng thì bị từ chối. Cho nên đạo người chỉ có cái đúng và cái không đúng. Cái không đúng gây đau khổ, cái đúng mà thêm đúng nữa thì khiến vui sướng. Cho nên đạo người (nhân đạo) dựa theo người mà xem là đạo. Đạo dựa theo người, chỉ là đau khổ và vui sướng mà thôi. Kẻ mưu sự cho nhân loại thì trừ khử đau khổ cho họ để họ được vui sướng, chứ chẳng có con đường nào khác.»[18]

Khang Hữu Vi còn nói: «Cho nên chúng sinh khắp thiên hạ đều mong cầu vui sướng và tránh đau khổ mà thôi, chứ chẳng có con đường nào khác. Nhiều người đi trên những con đường tà vạy, giả dối, quanh co; bước đi trong gian khổ mà không than thở, cũng chỉ nhằm mong cầu vui sướng mà thôi. Tuy bản tính con người không giống nhau, nhưng có thể phỏng đoán mà nói rằng con đường của nhân loại chẳng phải để mong cầu đau khổ và vất bỏ vui sướng. Lập ra phép tắc và sáng lập tôn giáo là để nhân loại vui sướng và không đau khổ, đó là thiện của thiện vậy. Có thể khiến cho nhân loại vui sướng nhiều và đau khổ ít, đó là thiện nhưng chưa được thiện trọn vẹn. Khiến cho nhân loại đau khổ nhiều và vui sướng ít, đó là bất thiện vậy.»[19]

---

[18] *Đại Đồng Thư:* **«Phù sinh vật chi hữu tri giả, não cân hàm linh. Kỳ dữ vật phi vật chi xúc ngộ dã, tức hữu nghi hữu bất nghi, hữu thích hữu bất thích. Kỳ ư não cân thích thả nghi giả, tắc thần hồn vi chi lạc. Kỳ ư não cân bất thích bất nghi giả, tắc thần hồn vi chi khổ. Huống ư nhân hồ, não cân vưu linh, thần hồn vưu thanh minh, kỳ vật phi vật chi cảm nhập ư thân giả vưu phồn khoả. Tinh vi cấp tiệp, nhi thích bất thích vưu trứ minh yên. Thích nghi giả thụ chi, bất thích nghi giả cự chi. Cố phù nhân đạo chỉ hữu nghi bất nghi. Bất nghi giả, khổ dã; nghi chi hựu nghi giả, lạc dã. Cố phù nhân đạo giả, y nhân dĩ vi đạo. Y nhân chi đạo, khổ lạc nhi dĩ. Vi nhân mưu giả, khử khổ dĩ cầu lạc nhi dĩ, vô tha đạo hĩ.»** 夫生物之有知者,腦筋含靈.其與物非物之觸遇也,則有宜有不宜,有適有不適.其於腦筋適且宜者,則神魂爲之樂.其於腦筋不適不宜者,則神魂爲之苦.況於人乎,腦筋尤靈,神魂尤清明,其物非物之感入於身者尤繁夥.精微急捷,而適不適尤著明焉.適宜者受之,不適宜者拒之.故夫人道只有宜不宜.不宜者,苦也;宜之又宜者,樂也.故夫人道者,依人以爲道.依人之道,苦樂而已.爲人謀者,去苦以求樂而已,無他道矣.

[19] *Đại Đồng Thư:* **«Cố phổ thiên hạ hữu sinh chi đồ, giai dĩ cầu lạc miễn khổ nhi dĩ, vô tha đạo hĩ. Kỳ hữu vu kỳ đồ, giả kỳ đạo, khúc chiết dĩ phó, hành khổ nhi bất yếm giả, diệc dĩ cầu lạc nhi dĩ. Tuy nhân chi tính hữu bất đồng hồ nhi khả đoán đoán ngôn chi viết, nhân đạo vô cầu khổ khử lạc giả dã. Lập pháp sáng giáo, lệnh nhân hữu lạc nhi vô khổ, thiện chi thiện giả dã. Năng lệnh nhân lạc đa khổ thiểu, thiện nhi vị tận thiện giả dã. Lệnh nhân khổ đa lạc thiểu, bất thiện giả dã.»** 故普天下有生之徒,皆以求樂免苦而已,無他道矣.其有迂其塗,假其道

Chấp nhận tiêu chuẩn ấy có nghĩa là «đạo đại đồng và thái bình» chính là phép tắc và tôn giáo chí thiện. Khang Hữu Vi nói: «Chúng ta quan sát khắp phép tắc trên đời, nếu muốn cứu khổ cho người sống và mong cho họ có hạnh phúc lớn, thì không thể vất bỏ đạo đại đồng. Đạo đại đồng rất công bình, rất nhân ái, rất thịnh trị. Dù có đạo nào tốt mấy cũng không thể hơn được nó.»[20]

Do đó «bậc thần minh thánh vương» là Khổng Tử đã «lập ra phép tắc tam thống và tam thế, sau đời Cứ Loạn, chuyển sang đời Thăng Bình và đời Thái Bình; sau thời tiểu khang thì tiến sang thời đại đồng». Khang Hữu Vi cho rằng «cái khổ của người đời là khôn lường, là bất khả tư nghị (không thể nghĩ bàn)» nhưng nếu tính đại khái thì các đau khổ ấy là: «*Có 7 cái khổ của kiếp người:* 1- đầu thai, 2- chết yểu, 3- tàn phế khuyết tật, 4- dã man, 5- sống ở biên cương, 6- làm nô tì, 7- làm phụ nữ. *Có 8 cái khổ do thiên tai:* 1-đói kém do lụt hay hạn hán, 2- bệnh dịch, 3- hoả hoạn, 4- lụt lội, 5- núi lửa phun, 6- nhà sập, 7- đắm thuyền, 8- nạn cào cào phá mùa màng. *Có 5 cái khổ của nhân đạo:* 1- già không vợ và già không chồng, 2- mồ côi và già không con, 3- tật bệnh nan y, 4- bần cùng, 5- ti tiện. *Có 7 cái khổ của nền cai trị:* 1- hình phạt và giam cầm, 2- thuế nặng, 3- quân dịch, 4- giai cấp, 5- áp chế, 6- có quốc gia, 7- có gia đình. *Có 6 cái khổ của tình người:* 1- ngu xuẩn, 2- thù oán, 3- lao khổ, 4- luyến ái, 5- bám víu và vướng luỵ, 6- ham muốn. *Có 5 cái khổ do được kính trọng và ngưỡng mộ:* 1- người giàu, 2- người sang, 3- người sống thọ, 4- đế vương, 5- thần, thánh, tiên, phật.»[21]

,曲 折 以 赴 ,行 苦 而 不 厭 者 ,亦 以 求 樂 而 已 .雖 人 之 性 有 不 同 乎 而 可 斷 斷 言 之 曰 ,人 道 無 求 苦 去 樂 者 也 .立 法 創 教 ,令 人 有 樂 而 無 苦 ,善 之 善 者 也 .能 令 人 樂 多 苦 少 ,善 而 未 盡 善 者 也 .令 人 苦 多 樂 少 ,不 善 者 也.

20 *Đại Đồng Thư:* **«Biến quan thế pháp, xả đại đồng chi đạo, nhi dục cứu sinh nhân chi khổ, cầu kỳ đại lạc, đãi vô do dã. Đại đồng chi đạo, chí bình dã, chí công dã, chí nhân dã, trị chi chí dã. Tuy hữu thiện đạo, vô dĩ gia thử hĩ.»** 遍 觀 世 法 ,舍 大 同 之 道 ,而 欲 救 生 人 之 苦 ,求 其 大 樂 ,殆 無 由 也 .大 同 之 道 ,至 平 也 ,至 公 也 ,至 仁 也 ,治 之 至 也 .雖 有 善 道 ,無 以 加 此 矣 .

21 *Đại Đồng Thư:* **«Nhân sinh chi khổ thất: nhất đầu thai, nhị yểu chiết, tam phế tật, tứ man dã, ngũ biên địa, lục nô tì, thất phụ nữ. Thiên tai chi khổ bát: nhất thuỷ hạn cơ hoang, nhị dịch lệ, tam hoả phần, tứ thuỷ tai, ngũ hoả sơn, lục ốc hoại, thất thuyền trầm, bát hoàng trùng. Nhân đạo chi khổ ngũ: nhất quan quả, nhị cô độc, tam tật bệnh vô y, tứ bần cùng, ngũ ti tiện. Nhân trị chi khổ thất: nhất hình ngục, nhị hà thuế, tam binh dịch, tứ giai cấp, ngũ áp chế, lục hữu quốc, thất hữu gia. Nhân tình chi khổ lục: nhất ngu xuẩn, nhị thù oán, tam lao khổ, tứ ái luyến, ngũ khiên luy, lục nguyện dục. Nhân sở tôn tiện chi khổ ngũ: nhất phú nhân, nhị quý giả, tam lão thọ, tứ đế vương, ngũ thần thánh tiên phật.»** 人 生 之 苦 七 :一 投 胎 ,二 夭 折 ,三 廢 疾 ,四 蠻 野 ,五 邊 地 ,六 奴 婢 ,七 婦 女 .天 災 之 苦 八 :一 水 旱 飢 荒 ,二 疫 癘 ,三 火 焚 ,四

Muốn tránh được các nỗi khổ ấy thì phải biết nguồn gốc của chúng. Khang Hữu Vi nói: «Mọi đau khổ ấy đều là đau khổ của con người; còn như tình trạng đau khổ của các loài có lông mao, có lông vũ, có vẩy, có mai, thì không cần bàn luận. Tuy nhiên nếu nhìn chung các đau khổ của đời người, ta thấy nói chung nguồn gốc của đau khổ đều là do *cửu giới* 九界 (9 cõi) mà thôi. Cửu giới là gì? 1- *quốc giới:* phân biệt cương thổ và bộ lạc; 2- *cấp giới:* phân sang hèn, thanh trọc; 3- *chủng giới:* phân biệt màu da vàng, trắng, nâu đỏ, đen; 4- *hình giới:* phân biệt nam nữ; 5- *gia giới:* phân biệt cha con, chồng vợ; 6- *nghiệp giới:* phân biệt các nghề nông, công, thương; 7- *loạn giới:* có phép tắc không bình đẳng, không thông suốt, không đồng nhất, không công bằng; 8- *loại giới:* có sự phân biệt giữa người với chim, thú, côn trùng, cá; 9- *khổ giới:* lấy khổ sinh khổ, truyền giống mãi mãi, không thể nghĩ bàn.»[22]

Nếu biết nguồn gốc của khổ là cửu giới, thì khử bỏ cửu giới tức là có thể diệt khổ. Khang Hữu Vi nói: «Cứu khổ như thế nào? Giống như tuỳ bệnh cho thuốc. Chúng ta phải diệt trừ cửu giới, tháo gỡ ràng buộc của nó. Chúng ta hãy bay lên cõi siêu nhiên, chạm tới trời và xuyên thấu vào chỗ cực thâm u. Tuy mênh mang tự tại, chúng ta hãy đạt tới hạnh phúc tột cùng trong cảnh giới thái bình đại đồng, trường sinh, vĩnh giác. Đạo cứu khổ của tôi, chỉ là diệt trừ cửu giới mà thôi: 1- *diệt trừ quốc giới:* hợp nhất các nước thành một cõi đất lớn; 2- *diệt trừ cấp giới:* xoá giai cấp để dân tộc bình đẳng; 3- *diệt trừ chủng giới:* đồng nhất nhân

---

水災，五火山，六屋壞，七船沈，八蝗蟲．人道之苦五：一鰥寡，二孤獨，三疾病無醫，四貧窮，五卑賤．人治之苦七：一刑獄，二苛稅，三兵役，四皆級，五壓制，六有國，七有家．人情之苦六：一愚蠢，二讎怨，三勞苦，四愛戀，五牽累，六願欲．人所尊羨之苦五：一富人，二貴者，三老壽，四帝王，五神聖仙佛．

[22] *Đại Đồng Thư:* **«Phàm thử vân vân, giai nhân đạo chi khổ, nhi vũ mao lân giới chi khổ trạng, bất cập luận dã. Nhiên nhất lãm sinh ai, tổng chư khổ chi căn nguyên, giai nhân cửu giới nhi dĩ. Cửu giới giả hà? Nhất viết quốc giới, phân cương thổ bộ lạc dã; nhị viết cấp giới, phân quý tiện thanh trọc dã; tam viết chủng giới, phân hoàng bạch tông hắc dã; tứ viết hình giới, phân nam nữ dã; ngũ viết gia giới, phân phụ tử phu phụ chi thân dã; lục viết nghiệp giới, phân nông công thương chi sản dã; thất viết loạn giới, hữu bất bình, bất thông, bất đồng, bất công, chi pháp dã; bát viết loại giới, hữu nhân dữ điểu thú trùng ngư chi biệt dã; cửu viết khổ giới, dĩ khổ sinh khổ, truyền chủng vô cùng vô tận, bất khả tư nghị.»** 凡此云云，皆人道之苦，而羽毛鱗介之苦狀，不及論也．然一覽生哀，總諸苦之根源，皆因九界而已．九界者何？一曰國界，分疆土部落也；二曰級界，分貴賤清濁也；三曰種界，分黃白棕黑也；四曰形界，分男女也；五曰家界，分父子夫婦之親也；六曰業界，分農工商之產也；七曰亂界，有不平，不通，不公之法也；八曰類界，有人與鳥獸虫魚之別也；九曰苦界，以苦生苦，傳種無窮盡，不可思議．

loại; 4- *diệt trừ hình giới:* [để nam nữ bình đẳng]; 5- *diệt trừ gia giới:* mọi người thành dân của trời; 6- *diệt trừ sản giới:* nghề nghiệp mưu sinh chung cho mọi người; 7- *diệt trừ loạn giới:* cai trị thái bình; 8- *diệt trừ loại giới:* yêu chúng sinh; 9- *diệt trừ khổ giới:* đến cõi cực lạc.»[23]

Cõi cực lạc tức là đời Thái Bình.[24] Nhưng đời này vẫn còn sự quy định của con người, trong khi đó ở phía trên nó là cõi trời vô hạn. Khang Hữu Vi chú giải *Trung Dung* rằng: «Tử Tư nói rằng sự truyền dạy lục kinh và sự lập pháp tam trùng (ba đời) đều là những quy định nhỏ và linh động theo thời, chứ không phải là ý tưởng thần minh của Khổng Tử. Bên trên [các quy định này] có nhiều tầng trời, uyên nguyên vô tận, không nơi chốn, không màu sắc, không mùi hương, không âm thanh, không bụi bặm. Lại còn có một cõi đời do trời tạo ra, không thể nghĩ bàn, không thể nói được. Ở đấy các thần thánh ngao du, và muốn cùng với chúng sinh biến hoá vào tầng trời của các tầng trời. Đấy là đạo tối cao của Khổng Tử. Cõi đời do trời tạo và không thể nói hay nghĩ đến hẳn là cái được ám chỉ qua lời lẽ huyền vi mà Tử Tư nghe và được Tử Tư phát biểu

---

[23] ***Đại Đồng Thư:*** **«Hà dĩ cứu khổ, như bệnh tức dược, X X kỳ giới, giải kỳ triền phọc. Siêu nhiên phi độ, ma thiên lệ uyên. Tuy hạo nhiên tự tại, du nhiên chí lạc. Thái bình đại đồng, trường sinh vĩnh giác. Ngô cứu khổ chi đạo, tức tại X X cửu giới nhi dĩ. Đệ nhất viết khử quốc giới, hợp đại địa dã; đệ nhị viết khử cấp giới, bình nhân dân tộc dã; đệ tam viết khử chủng giới, đồng nhân loại dã; đệ tứ viết khử hình giới, X X lập dã; đệ ngũ viết khử gia giới, vi thiên dân dã; đệ lục viết khử sản giới, công sinh nghiệp dã; đệ thất viết khử loạn giới, trị thái bình dã; đệ bát viết khử loại giới, ái chúng sinh giả; đệ cửu viết khử khổ giới, chí cực lạc dã.»** 何以救苦,如病即樂.〇〇其界,解其纏縛.超然飛度,摩天戾淵.雖浩然自在,悠然至樂.太平大同,長生永覺.吾救苦之道,即在〇〇九界而已.第一曰去國界,合大地也;第二曰去級界,平人民族也;第三曰去種界,同人類也;第四曰去形界,〇〇立也;第五曰去家界,爲天民也;第六曰去產界,公生業也;第七曰去亂界,治太平也;第八曰去類界,愛衆生者;第九曰去苦界,至極樂也.**– LAM chú: Nguyên văn có 6 chữ Hán bị khuyết, ghi dấu là O (tương ứng là X trong phiên âm Hán Việt).**

[24] **LAM chú: Lương Khải Siêu (*Thanh Đại Học Thuật Khái Luận*, Trung Hoa Thư Cục, Đài Loan, 1966, tr.59) tóm tắt thuyết Thái Bình Thế của Khang Hữu Vi thành 13 điểm như sau:**

(1) *Không lập quốc gia; toàn thế giới lập một chính phủ chung, phân ra làm một vài chính phủ khu vực. (Vô quốc gia, toàn thế giới trí nhất tổng chính phủ, phân nhược can khu vực* 無國家,全世界置一總政府,分若干區域).

(2) ***Chính phủ chung và chính phủ khu vực đều do dân bầu lên. (Tổng chính phủ cập khu chính phủ giai do dân tuyển*** 總政府及區政府皆由民選).

(3) **Không có gia đình và họ hàng; trai gái sống chung không quá một năm; tới kỳ hạn phải thay đổi người. (Vô gia tộc, nam nữ đồng thê bất đắc du nhất niên, giới kỳ tu dịch nhân** 無家族,男女同棲不得逾一年,屆期須易人).

(4) *Phụ nữ có thai thì vào viện dạy thai; trẻ sơ sinh được đưa vào viện nuôi trẻ. (Phụ nữ hữu thân*

giả nhập thai giáo viện; nhi đồng xuất thai giả nhập dục anh viện 婦女有身者入胎教院；兒同出胎者入育嬰院).

(5) *Trẻ con tuỳ độ tuổi cho vào viện dạy trẻ và trường học các cấp. (Nhi đồng tiếp niên nhập mông dưỡng viện, cập các cấp học hiệu* 兒童接年入蒙養院，及各級學校).

(6) *Trẻ trưởng thành được chính phủ phân công làm các nghề sản xuất như công nghiệp, nông nghiệp,* v.v... *(Thành niên hậu do chính phủ chỉ phái phân nhiệm công nông đẳng sinh sản sự nghiệp* 成年後由政府指派分任工農等生產事業).

(7) *Ai có bệnh thì vào bệnh viện, ai già yếu thì vào viện dưỡng lão. (Bệnh tắc nhập dưỡng bệnh viện, lão tắc nhập dưỡng lão viện* 病則入養病院，老則入養老院).

(8) *Năm viện như viện dạy thai, viện nuôi trẻ, viện dạy trẻ, viện dưỡng bệnh, viện dưỡng lão ở các khu vực được trang bị đầy đủ tối đa, để người vào đó được hưởng sung sướng tối đa. (Thai giáo dục anh mông dưỡng dưỡng bệnh dưỡng lão chư viện vi các khu tối cao chi thiết bị, nhập giả đắc tối cao chi hưởng lạc* 胎教育嬰蒙養養病養老諸院爲各區最高之設備，入者得最高之享樂).

(9) *Trai gái trưởng thành theo lệ phải phục vụ một thời gian trong các viện ấy, giống như ngày nay phải đi quân dịch. (Thành niên nam nữ lệ tu dĩ nhược can phục dịch ư thử chư viện, nhược kim thế chi binh dịch nhiên* 成年男女例須以若干服役於此諸院，若今世之兵役然).

(10) *Lập nhà ở tập thể và nhà ăn tập thể, có các đẳng cấp khác nhau, và mỗi người dựa theo thành tích công tác mà tự do thụ hưởng. (Thiết công cộng túc xá công cộng thực đường, hữu đẳng sai, các dĩ kỳ lao tác sở nhập tự do hưởng dụng* 設公共宿舍公共食堂，有等差，各以其勞作所以入自由享用).

(11) *Dạy kẻ lười biếng bằng hình phạt rất nghiêm. (Cảnh noạ vi tối nghiêm chi hình phạt* 警惰爲最嚴之刑罰).

(12) *Ai có phát minh gì mới về phương diện học thuật cũng như ai có thành tích lao động đặc biệt ở năm viện nói trên đều được khen thưởng đặc biệt. (Học thuật thượng hữu tân phát minh giả, cập tại thai giáo đẳng ngũ viện hữu đặc biệt lao tích giả đắc thù tưởng* 學術上有新發明者，及在胎教等五院有特別勞積者得殊獎).

(13) *Ai chết thì thiêu xác; bãi thiêu xác nằm kế nhà máy phân bón. (Tử tắc hoả táng; hoả táng trường tỷ lân vi phì liệu công xưởng* 死則火葬；火葬場比鄰爲肥料工廠).

Lương Khải Siêu nói tiếp: «Các điều của *Đại Đồng Thư* sơ lược như thế. Trọn sách có vài chục vạn chữ, đề cập rõ ràng nguồn gốc của đau khổ và vui sướng cũng như tiêu chuẩn của thiện ác. Sau đó sách giảng lý do lập pháp là then chốt quan trọng nhất. Khi huỷ diệt gia đình và họ hàng, Khang Hữu Vi nói Phật pháp xuất gia cầu thoát khổ, chẳng bằng khiến cho dân không có gia đình thì khỏi xuất; ông nói tư hữu tài sản là nguyên nhân khiến tranh loạn; hễ không có gia đình và họ hàng thì ai thích có tư sản? Còn quốc gia sẽ tuỳ theo gia đình và họ hàng bị huỷ diệt mà tiêu diệt vậy.» (Đại Đồng Thư chi điều lý lược như thị. Toàn thư số thập vạn ngôn, ư nhân sinh khổ lạc chi căn nguyên thiện ác chi tiêu chuẩn, ngôn chi cực tường biện. Nhiên hậu thuyết minh kỳ lập pháp chi lý do kỳ tối yếu quan kiện. Tại huỷ diệt gia tộc, Hữu Vi vị Phật pháp xuất gia cầu thoát khổ dã, bất như sử kỳ vô gia khả xuất, vị tư hữu tài sản vi tranh loạn chi nguyên, vô gia tộc tắc thuỳ phục lạc hữu tư sản. Nhược phù quốc gia tắc hựu tuỳ gia tộc nhi tiêu diệt giả dã. 大同書之條理略如是．全書數十萬言，於人生苦樂之根源善惡之標準，言之極詳辯．然後說明其立法之理由其最要關鍵．在毀滅家族，有爲謂佛法出家求脫苦也，不如使其無家可出，謂私有財產爲爭亂之源，無家族則誰復樂有私產．若夫國家則又隨家族而消滅者也).

bí mật ở cuối thiên *Trung Dung*.»[25]

Cuối *Trung Dung* có một câu của *Thi Kinh*: «Thượng thiên chi tải, vô thanh, vô xú.» 上天之載，無聲無臭 (sự vận hành của trời cao không âm thanh, không mùi). Khang Hữu Vi cho rằng câu này ám chỉ «cõi đời do trời tạo», bởi vì vượt lên trên các quy định của con người còn có một cảnh giới rất cao.

3. Đàm Tự Đồng

Cùng tham gia phong trào biến pháp và lập giáo với Khang Hữu Vi là Đàm Tự Đồng (1865-1898), mà tư tưởng của ông cũng đủ để ông trở thành một nhà tư tưởng. Đàm Tự Đồng 譚嗣同 tự là Phục Sinh 復生, người huyện Lưu Dương 瀏陽, tỉnh Hồ Nam 湖南. Ông tham gia biến pháp duy tân năm Mậu Tuất (1898), nhưng thất bại, và bị giết lúc mới 33 tuổi.[26]

---

[25] *Trung Dung Chú*: «Tử Tư cái ngôn lục kinh thuỳ giáo, tam trùng lập pháp, giai khu khu tòng quyền lập pháp chi mạt sự, phi Khổng Tử thần minh chi ý. Thượng hữu chư thiên, nguyên nguyên vô tận, vô phương, vô sắc, vô hương, vô âm, vô trần. Biệt hữu thiên tạo chi thế, bất khả tư nghị, bất khả ngôn thuyết giả. Thử thần thánh sở du, nhi dục dữ quần sinh đồng hoá ư thiên thiên, thử nãi Khổng Tử chi chí đạo dã. Thiên tạo bất khả ngôn tư chi thế, thử tất Tử Tư sở văn chi vi ngôn, nhi vi phát chi ư thiên chung, dĩ tiếp hỗn mang.» 子思蓋言六經垂教，三重立法，皆區區從權立法之末事，非孔子神明之意。尚有諸天，元元無盡，無方，無色，無香，無音，無塵。別有天造之世，不可思議，不可言說者。此神聖所遊，而欲與群生同化於天天，此乃孔子之至道也。天造不可言思之世，此必子思所聞之微言，而發之於天終，以接混茫。

[26] **LAM chú: Đàm Tự Đồng 譚嗣同 tự là Phục Sinh 復生, hiệu là Tráng Khí 壯氣, người huyện Lưu Dương 瀏陽, tỉnh Hồ Nam 湖南. Ông xuất thân từ gia đình khoa bảng, quan lại. Thuở nhỏ ông đã hấp thụ cổ học của Trung Quốc đồng thời cũng ham thích văn chương, vũ hiệp, kiếm thuật. Từ chiến tranh Trung-Nhật năm Giáp Ngọ (1894), ông bức xúc, phát phẫn; bèn từ cổ học chuyển sang nghiên cứu tân học, tức là các môn khoa học tự nhiên và các thuyết xã hội học của Tây phương cận đại (qua các bản dịch chữ Hán). Ông hết sức bái phục Khang Hữu Vi, tự xem mình là đệ tử của Khang. Năm 1896 ông đến Thượng Hải tìm Khang kết giao nhưng không gặp; rồi ông làm quen Lương Khải Siêu, nhờ Lương giải đáp tư tưởng và lý luận của Khang về biến pháp duy tân. Cũng năm 1896 này, ông làm hậu bổ ở Giang Tô. Thời gian này ông tinh nghiên Phật học và trau dồi kiến thức về khoa học kỹ thuật của Tây phương. Năm 1897, theo lời kêu gọi của tuần phủ Hồ Nam là Trần Bảo Châm 陳寶箴, ông trở về Hồ Nam trù bị chính phủ mới. Ông tham gia sáng lập hai trường tư thục (Thời Vụ học đường 時務學堂 và Vũ Bị học đường 武備學堂) và hai tờ báo (Tương Học Tân Báo 湘學新報 và Tương Học Báo 湘學報), tích cực tuyên truyền cho biến pháp duy tân. Tháng 6 năm 1898, vua Đức Tông 德宗 (niên hiệu Quang Tự, tại vị 1871-1908) hạ chiếu về biến pháp. Đàm Tự Đồng được tiến cử để tham nghị về biến pháp. Ông đứng hàng tứ phẩm, hàm khanh, được sung vào Quân Cơ Chương Kinh 軍機章京. Đàm Tự Đồng, Lưu Quang Đệ 劉光第, Lâm Sưởng 林昶, và Dương Nhuệ 楊鋭 là bốn người phẩm hàm khanh tham nghị biến pháp, nên được gọi là «Quân Cơ Tứ Khanh». Nhưng thế lực của phái thủ cựu quá mạnh, lại được Từ Hi**

Trên phương diện Kinh học, Đàm Tự Đồng tuy không bằng Khang Hữu Vi, nhưng trên phương diện tư tưởng ông viết *Nhân Học* 仁學 để phát huy ý nghĩa Đại Đồng, thì trình bày rõ ràng hơn Khang Hữu Vi. Đàm Tự Đồng viết: «Phàm là người học về *nhân* 仁, đối với kinh Phật thì phải thông *Hoa Nghiêm* cho đến kinh sách của Tâm Tông và Tướng Tông; đối với sách của Tây phương thì phải thông *Tân Ước* cho đến các sách về toán học, khoa học tự nhiên, xã hội học; đối với kinh sách của Trung Quốc thì phải thông *Chu Dịch, Xuân Thu, Công Dương Truyện, Luận Ngữ, Lễ Ký, Mạnh Tử, Trang Tử, Mặc Tử, Sử Ký* cho đến sách của các nhà như Đào Uyên Minh, Chu Mậu Thúc (Chu Đôn Di), Trương Hoành Cừ, Lục Tử Tĩnh (Lục Cửu Uyên), Vương Dương Minh, Vương Thuyền Sơn, Hoàng Lê Châu (Hoàng Tông Hi).»[27]

Tư tưởng của Đàm Tự Đồng tổng hợp nhiều phương diện nên trong đó không tránh khỏi có chỗ pha tạp; tuy nhiên ông là nhân vật đại biểu tối cao trong giới tư tưởng cuối đời Thanh.

---

hậu thuẫn, nên phong trào thất bại. Có người khuyên Đàm Tự Đồng đào tẩu như Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, nhưng ông từ chối, khẳng khái nói: «Các cuộc đổi mới ở các nước, chẳng đổ máu thì không thành. Ngày nay Trung Quốc chưa nghe đến có người đổ máu vì đổi mới, cho nên đất nước này chưa được hưng thịnh. Có đấy, xin cho Tự Đồng này là người đầu tiên đổ máu!» (Các quốc biến pháp, vô bất tòng lưu huyết nhi thành, kim nhật Trung Quốc vị văn hữu nhân biến pháp lưu huyết giả, thử quốc chi sở dĩ bất xương dã. Hữu chi, thỉnh tự Tự Đồng thuỷ! 各國變法,無不從流血而成,今日中國未聞有因變法流血者,此國之所以不昌也.有之,請自嗣同始). Phong trào biến pháp duy tân năm Mậu Tuất (1898) còn gọi là «biến pháp 100 ngày» thất bại. Từ Hi Thái Hậu trở lại làm nhiếp chính, cầm tù vua Đức Tông và xử tử sáu nhà cải cách (đời gọi họ là Lục Quân Tử 六君子: Đàm Tự Đồng, Khang Quảng Nhân, Lưu Quang Đệ, Lâm Sưởng, Dương Nhuệ, Dương Thâm Tú) ngày 28 tháng 9 năm 1898. Tác phẩm của Đàm Tự Đồng năm 1954 được Tam Liên Thư Cục xuất bản dưới tên *Đàm Tự Đồng Toàn Thư* rồi năm 1981 được Trung Hoa Thư Cục tăng bổ hoàn bị và xuất bản dưới tên *Đàm Tự Đồng Toàn Tập*. Tham khảo: Đàm Gia Định, *Trung Quốc Văn Học Gia Đại Từ Điển*, Thế Giới Thư Cục, Hương Cảng [năm ?], quyển hạ, mục từ 6833, tr.1741; và Bàng Phác 庞朴, *Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, Đông Phương Xuất bản Trung tâm, Thượng Hải, 1997, tr.289-291.

27 ***Nhân Học:*** **«Phàm vi nhân học giả, ư Phật thư đương thông Hoa Nghiêm cập tâm tông tướng tông chi thư, ư Tây thư đương thông Tân Ước cập toán học cách trí xã hội học chi thư, ư Trung Quốc thư đương thông Dịch, Xuân Thu, Công Dương Truyện, Luận Ngữ, Lễ Ký, Mạnh Tử, Trang Tử, Mặc Tử, Sử Ký cập Đào Uyên Minh, Chu Mậu Thúc, Trương Hoành Cừ, Lục Tử Tĩnh, Vương Dương Minh, Vương Thuyền Sơn, Hoàng Lê Châu chi thư.» 凡爲仁學者,於佛書當通華嚴及心宗相宗之書,於西書當通新約及算學格致社會學之書,於中國書當通易,春秋,公羊傳,論語,禮記,孟子,莊子,墨子史記及陶淵明,周茂叔,張橫渠,陸子靜,王陽明,王船山,黃梨洲之書.– LAM chú: Từ điển *Từ Bá* giảng: Cuối đời Thanh, các nhà dạy các môn học của Tây phương dùng từ *cách trí* 格致 để gọi chung các môn khoa học tự nhiên như vật lý, hoá học, v.v...**

a. Nhân và dĩ thái

Đàm Tự Đồng giảng về *nhân* 仁, cũng phát huy thuyết của Trình Hạo và Vương Dương Minh: «Người nhân ái xem trời đất và vạn vật cùng một thể.» Tuy nhiên ông cũng phụ vào đó bằng các thuyết mới mẻ của khoa học Tây phương, tức là cái học mà người bấy giờ gọi là «cách trí» 格致. Đàm Tự Đồng nói: «Khắp cõi pháp giới, cõi hư không, cõi chúng sinh có một vật cực lớn, cực tinh vi, bám dính mọi nơi, xuyên suốt mọi nơi, liên kết mọi thứ, đầy tràn tất cả. Mắt không thấy được màu sắc của nó, tai không nghe được âm thanh của nó, miệng mũi không nếm ngửi được mùi vị của nó. Nó không có tên, nên ta gọi nó là *dĩ thái* 以太 (ether). Nó hiển lộ ở công dụng. Khổng Tử gọi nó là *nhân*, là *nguyên*, là *tính*. Mặc Tử gọi nó là *kiêm ái*. Phật gọi nó là *tính hải*, là *từ bi*. Da Tô gọi nó là *linh hồn*, là *yêu người như yêu mình, xem thù địch như bạn bè*. Các nhà cách trí (tức khoa học tự nhiên) gọi nó là *ái lực* (hay *hấp lực:* sức hút). Nó là tất cả các vật đó. Từ nó mà cõi pháp giới sinh ra, cõi hư không thành lập, cõi chúng sinh xuất hiện.»[28]

Dĩ thái 以太 là phiên âm từ *ether* trong vật lý học.[29] Đàm Tự Đồng xem nó là «nguyên chất của nguyên chất» 原質之原質 (ở sau sẽ nói rõ), xem nó là nguyên nhân để tựu thành một cá thể hay một đoàn

---

[28] *Nhân Học:* **«Biến pháp giới, hư không giới, chúng sinh giới, hữu chí đại, chí tinh vi, vô sở bất giao niêm, bất quán hợp, bất quản lạc, nhi sung mãn chi nhất vật yên. Mục bất đắc nhi sắc, nhĩ bất đắc nhi thanh, khẩu tỵ bất đắc nhi xú vị, vô dĩ danh chi, danh chi viết dĩ thái. Kỳ hiển ư dụng dã, Khổng vị chi nhân, vị chi nguyên, vị chi tính. Mặc vị chi kiêm ái. Phật vị chi tính hải, vị chi từ bi. Da vị chi linh hồn, vị chi ái nhân như kỷ, thị địch như hữu. Cách trí gia vị chi ái lực, hấp lực. Hàm thị vật dã. Pháp giới do thị sinh, hư không do thị lập, chúng sinh do thị xuất.»** 遍法界,虛空界,衆生界,有至大,至精微,無所不膠粘,不貫洽,不筦絡,而充滿之一物焉.目不得而色,耳不得而聲,口鼻不得而臭味,無以名之,名之曰以太.其顯於用也,孔謂之仁,謂之元,謂之性.墨謂之兼愛.佛謂之性海,謂之慈悲.耶謂之靈魂,謂之愛人如己,視敵如友.格致家謂之愛力,吸力.咸是物也.法界由是生,虛空由是立,衆生由是出.

[29] **LAM chú:** ***Về chất ether (dĩ thái) trong vật lý:*** **Ngày xưa người ta ngỡ rằng ether là chất ngập đầy không gian, nhưng ngày nay người ta biết rằng ether không hề tồn tại trong thực tế. Các nhà khoa học cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cho rằng ether là chất trung gian giúp ánh sáng truyền đi trong không gian. Thuyết tương đối của Albert Einstein chứng minh rằng ánh sáng không cần một chất trung gian nào để truyền đi. Do đó thuyết ether đã bị bác bỏ.** ***Quá trình phát triển của thuyết ether:*** **Mấy thế kỷ trôi qua, các nhà vật lý đã cố xác định xem phải chăng ánh sáng là một luồng gồm các hạt (a stream of particles) hay là một tập hợp các sóng (a set of waves). Trong hai thập niên 1860 và 1870, nhà vật lý Tô Cách Lan James Clerk Maxwell thiết lập một thuyết liên kết điện (electricity), từ (magnetism), và ánh sáng với các sóng năng lượng điện từ (waves of electromagnetic energy). Thuyết của ông tiên đoán rằng các sóng của điện từ trường thay đổi, đi xuyên qua không gian dưới hình thức sóng điện từ (electromag-**

thể, để vật này giao thông với vật kia. Ông nói: «Tác dụng của dĩ thái rất linh diệu và có thể trưng dẫn. Ở thân thể con người nó là não. [...] Ở hư không nó là điện, nhưng điện không chỉ ngụ ở hư không, bởi vì vật nào cũng có điện. Não là một đầu mối, là sự hữu hình hữu chất của điện. Não là điện có hình chất; còn điện là não không hình chất. Hễ con người biết rằng sức mạnh của não khí thông năm giác quan và trăm lóng xương, tạo thành một thân thể, thì ắt biết điện khí thông với trời đất, vạn vật, ta với người khác, tạo thành một thân thể vậy.»[30]

Khổng Tử nói về *nhân* 仁, chẳng qua là nói đến tác dụng của dĩ thái. Đàm Tự Đồng nói: «Sự phân biệt giữa nhân và bất nhân là ở chỗ thông suốt và bế tắc. Gốc của thông suốt và bế tắc chỉ là nhân và bất nhân. Thông suốt thì như dây điện đi khắp bốn phương, chỗ nào cũng tới, các miền khác nhau mà như một thân thể. Cho nên Kinh Dịch đầu tiên

---

netic waves). Các sóng này tải năng lượng từ nơi này đến nơi khác. Maxwell chứng minh rằng vận tốc của sóng điện từ là 300.000 km/giây (vận tốc ánh sáng trong chân không chính xác là 299.792.458 mét/giây). Thuyết của Maxwell chứng minh rằng ánh sáng được truyền đi bằng sóng. Trước khi thuyết của Maxwell ra đời, các loại sóng mà các nhà khoa học biết đều cần chất trung gian để truyền đi. Họ cho rằng sóng ánh sáng phải đi qua một chất trung gian. Họ đã biết các sóng ánh sáng từ các vì sao xa xôi đi xuyên qua không gian và tới quả đất. Như thế không gian ắt ngập đầy một chất trung gian vô hình mà họ gọi là ether, và chức năng của nó là giúp truyền ánh sáng trong không gian. *Thuyết ether bị bác bỏ:* Năm 1887, nhà vật lý Mỹ là Albert A. Michelson cộng tác nhà hoá học Mỹ Edward W. Morley thực hiện một thí nghiệm nổi tiếng (ngày nay gọi là «thí nghiệm Michelson-Morley») chứng minh rằng cái gọi là chất ether không hề tồn tại trong thực tế. Đến năm 1905, Albert Einstein đưa ra thuyết tương đối (theory of relativity) chứng minh rằng ánh sáng không cần một chất trung gian nào để truyền đi và vận tốc ánh sáng là hằng số theo mọi chiều hướng. Có nghĩa là chất ether không hề có thực. (Tham khảo: *Microsoft Encarta Encyclopedia 2004*, mục từ *ether*). Qua các sách khoa học ít ỏi của Tây phương dịch sang Hán ngữ, kiến thức của Đàm Tự Đồng về ether hẳn là thiếu sót. Từ khi Đàm Tự Đồng đưa ra học thuyết của mình đến lúc bị xử tử năm 1898, ông không ngờ rằng trong lúc ông còn thao thao hùng hồn thuyết giảng và đồng nhất cái gọi là chất dĩ thái (ether) không có thực với một số khái niệm của Nho, Phật, Mặc, Thiên Chúa giáo thì năm 1887 các nhà khoa học Tây phương đã bác bỏ thuyết ether rồi. Nay tìm hiểu lịch sử triết học, chúng ta chủ yếu ghi nhận vào thời đại ấy, trong hoàn cảnh lịch sử ấy người ta đã có tư tưởng gì, học thuyết gì, hơn là dùng thành tựu của ngày nay để phê phán ngày xưa.

[30] *Nhân Học:* «Dĩ thái chi dụng chi chí linh nhi khả trưng giả, ư nhân thể vi não. [...] Ư hư không tắc vi điện, nhi điện bất chỉ ký ư hư không, cái vô vật bất di luân quán triệt. Não kỳ nhất đoan, điện chi hữu hình chất giả dã. Não vi hữu hình chất chi điện, thị điện tất vi vô hình chất chi não. Nhân tri não khí cân thông ngũ quan bách hài vi nhất thân, tức đương tri điện khí thông thiên địa vạn vật nhân ngã vi nhất thân dã.» 以太之用之至靈而可徵者,於人體爲腦. [...] 於虛空則爲電,而電不止寄於虛空,蓋無物不彌綸貫徹.腦其一端,電之有形質者也.腦爲有形質之電,是電必爲無形質之腦.人知腦氣筋通五官百骸爲一身,即當知電氣通天地萬物人我爲一身也.

nói *nguyên* 元, kế đó nói *hanh* 亨. *Nguyên* là lòng nhân 仁; *hanh* là thông suốt. Nếu có nhân, tự nó phải thông suốt; cũng vậy, chỉ có thông suốt thì sức mạnh của nhân mới có thể phát triển hoàn toàn. Do đó ta làm lợi cho mình và làm lợi cho người khác; qua đó mãi vững bền nhờ *trinh cố* 貞固 (ngay chính và bền bĩ).»[31]

Đó là ý của Trình Hạo viết trong *Nhị Trình Di Thư:* «Sách y học nói chân tay tê liệt là bất nhân; đó là câu nói rất hay về tình trạng ấy.» (Y thư ngôn thủ túc nuy tý vi bất nhân; thử ngôn tối thiện danh trạng. 醫書言手足痿痹爲不仁;此言最善名狀).[32] Kinh Dịch nói: «Càn nguyên hanh lợi trinh.» Đàm Tự Đồng cũng lấy *dĩ thái* để giải thích Kinh Dịch.

b. Hữu vô và sinh diệt

Đàm Tự Đồng cho rằng mọi sự vật chỉ là kết quả của các nguyên chất hoá học kết hợp lại. Do đó mọi sự vật không có tự tính. Ông nói: «Tính khác nhau giữa động vật và thực vật phải chăng là tự tính của chúng? Hay là vị trí của chất điểm và liều lượng phân cấp cho chúng có sự bất đồng? Chất điểm không ngoài 73 loại nguyên chất. Nguyên chất này cùng nguyên chất nọ hoá hợp thì thành tính của một vật nào đó. Còn tách rời chúng ra và cho hoá hợp với nguyên chất khác, hoặc tăng nguyên chất này, giảm nguyên chất kia, thì lại tạo thành tính của một vật nào đó. Thậm chí số nguyên chất hoá hợp giống nhau, mà liều lượng ít nhiều hay cái chính cái phụ khác nhau thì lại tạo thành tính của một vật khác nữa. Sự biến hoá phức tạp này không thể ghi chép xuể. [...] Nhưng bản thân nguyên chất vẫn

---

[31] *Nhân Học:* «Nhân bất nhân chi biện, ư kỳ thông dữ tắc. Thông tắc chi bản, duy kỳ nhân bất nhân. Thông giả như điện tuyến tứ đạt, vô viễn phất giới, dị vực như nhất thân dã. Cố Dịch thủ ngôn nguyên, tức kế ngôn hanh. Nguyên, nhân dã; hanh, thông dã. Cẩu nhân tự vô bất thông, diệc duy thông nhi nhân chi lượng nãi khả hoàn. Do thị tự lợi lợi tha, nhi vĩnh dĩ trinh cố.» 仁不仁之辨,於其通與塞.通塞之本,惟其仁不仁.通者如電線四達,無遠弗屆,異域如一身也.故易首言元,即繼言亨.元,仁也;亨,通也.苟仁自無不通,亦惟通而仁之量乃可完.由是自利利他,而永以貞固.– LAM chú: Hai chữ *trinh cố* lấy từ Văn Ngôn quẻ Càn: «Quân tử thể nhân túc dĩ trưởng nhân, gia hội túc dĩ hợp lễ, lợi vật túc dĩ hoà nghĩa, trinh cố túc dĩ cán sự.» 君子體仁足以長人,嘉會足以合禮,利物足以和義,貞固足以干事 (Quân tử thi hành điều nhân, đủ để đứng đầu mọi người; tập hợp mọi vẻ đẹp, đủ để hợp với lễ; làm lợi cho vạn vật, đủ để phụ hoạ theo điều nghĩa. Ngay chính và bền bĩ đủ để làm việc).

[32] LAM chú: Xin xem chú thích 88 của chương 12 trên đây.

y như lúc ban sơ, không có tăng thêm hay hao tổn.»[33]

Bản chất của 73 nguyên chất chính là dĩ thái (ether). Đàm Tự Đồng nói: «Mặc dù có 73 nguyên chất khác nhau, nhưng cái gốc của nguyên chất thì chỉ là chất dĩ thái duy nhất mà thôi. Bởi nó duy nhất nên không sinh không diệt. Nó không sinh, nên ta không thể nói nó là hữu. Nó không diệt, nên ta không thể nói nó là vô.»[34]

Theo lời trên, ngoài các tính chất mà người ta gán cho nó, chất dĩ thái tức là *chất nhân* 質因 của vạn vật (nguyên nhân vật chất của mọi vật, như thuật ngữ của Aristotle dùng: *the material cause of all things*). Chất dĩ thái thì không sinh không diệt. Đàm Tự Đồng nói: «Có chứng cớ gì cho thấy [chất dĩ thái] không sinh không diệt? Đáp: nhìn khắp nơi đều đúng thế cả. Như các nguyên lý hoá học đã nói trên đây, nếu xét tới cùng, chẳng qua là lấy một số nguyên chất tách nhau ra, hoặc lấy một số nguyên chất hợp lại. Áp dụng cái dĩ nhiên mà cố nhiên, tuỳ theo thời gian thuận lợi hay bất lợi cũng như tuỳ theo liều lượng kết hợp đầy vơi, mà gọi là vật này hay vật kia, chỉ thế thôi. Lẽ nào có thể làm tiêu ma một nguyên chất ư? Lẽ nào có thể sáng tạo một nguyên chất khác ư?»[35]

---

33 *Nhân Học:* **«Bỉ động thực chi dị tính, vi tự tính nhĩ hồ? Ức chất điểm chi vị trí dữ phân tễ hữu bất đồng nhĩ. Chất điểm bất xuất hồ thất thập tam chủng chi nguyên chất. Mỗ nguyên chất dữ mỗ nguyên chất hoá hợp tắc thành nhất mỗ vật chi tính. Chiết nhi dữ tha nguyên chất hoá hợp, hoặc tăng mỗ nguyên chất, giảm mỗ nguyên chất, tắc hựu thành nhất mỗ vật chi tính. Tức đồng số nguyên chất hoá hợp, nhi đa quả chủ tá chi thiểu thù, hựu biệt thành nhất mỗ vật chi tính. Phân vân phiền biến, bất khả kỷ cực. [...] Nhiên nhi nguyên chất tắc sơ vô tăng tổn ư cố dã.»** 彼動植之異性,爲自性爾乎?抑質點之位置與分劑有不同耳.質點不出乎七十三種之原質.某原質與某原質化合則成一某物之性.折而與他原質化合,或增某原質,減某原質,則又成一某物之性.即同數原質化合,而多寡主佐之少殊,又別成一某物之性.紛紜蕃變,不可紀極. [...] 然而原質則初無增損於故也.

34 *Nhân Học:* **«Nhiên nguyên chất do hữu thất thập tam chi dị, chí ư nguyên chất chi nguyên, tắc nhất dĩ thái nhi dĩ hĩ. Nhất cố bất sinh bất diệt. Bất sinh cố bất đắc ngôn hữu. Bất diệt cố bất đắc ngôn vô.»** 然原質猶有七十三之異,至於原質之原,則一以太而已矣.一故不生不滅.不生故不得言有.不滅故不得言無.

35 *Nhân Học:* **«Bất sinh bất diệt hữu trưng hồ? Viết, di vọng giai thị dã. Như hướng sở ngôn hoá học chư lý, cùng kỳ học chi sở chí, bất quá tích số nguyên chất nhi sử chi phân, dữ tính số nguyên chất nhi sử chi hợp. Dụng kỳ dĩ nhiên nhi cố nhiên giả, thời kỳ hảo ác, tễ kỳ doanh hư, nhi dĩ hiệu viết mỗ vật mỗ vật, như thị nhi dĩ. Khởi năng cánh tiêu ma nhất nguyên chất, dữ biệt sáng tạo nhất nguyên chất tai?»** 不生不滅有徵乎?曰,彌望皆是也.如向所言化學諸理,窮其學之所至,不過析數原質而使之分,與併數原質而使之合.用其已然而固然者,時其好惡,劑其盈虛,而以號曰某物某物,如是而已.豈能竟消磨一原質,與別創造一原質哉?



Đàm Tự Đồng

Chất dĩ thái thì không sinh không diệt; các nguyên chất thì không có tăng thêm hay hao tổn đi. Do đó trong vũ trụ chỉ có sự biến dịch chứ không có sự tồn tại và tiêu vong. Đàm Tự Đồng nói: «Hữu và vô chỉ là tụ và tán chứ chẳng phải sinh và diệt. [...] Vương Thuyền Sơn giảng Chu Dịch, nói rằng một quẻ kép có 12 hào, phân nửa ẩn và phân nửa hiện. Cho nên Đại Dịch không nói hữu và vô, mà nói ẩn và hiện thôi.»[36]

Đó là ý của Trương Tái nói trong *Chính Mông*: «Hễ khí tụ thì *"cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta"* (ly minh đắc thi 離明得施) trở nên hữu hình; hễ khí không tụ thì *"cái có thể nhìn thấy bằng sự sáng của mắt chúng ta"* trở nên vô hình.»[37] Đàm Tự Đồng vốn dùng thuyết của Trương Tái nhưng lại lấy các thuyết mới mẻ trong hoá học mà ông nghe thấy vào thời đó để giảng rõ thuyết của Trương Tái.

Chất dĩ thái tuy không sinh không diệt nhưng lại có «sinh và diệt rất nhỏ nhặt» (vi sinh diệt 微生滅). Đàm Tự Đồng nói: «Nếu nhìn về quá khứ, ta thấy quá trình sinh và diệt không có khởi đầu. Nếu nhìn về tương lai, ta thấy nó không có kết thúc. Nếu nhìn ở hiện tại, ta thấy nó liên tục. [...] Trang Tử nói: "Giấu thuyền trong hang, vậy là ổn thoả, nhưng đến nửa đêm có kẻ khoẻ mạnh vác nó trên lưng và chạy mất."[38] Tôi nói thêm rằng kẻ ấy sẽ vác luôn cái hang mà chạy mất. Trang Tử lại nói: "Ngay cả chim hồng và chim hộc bay lượn cao muôn trượng rồi cũng bay sa xuống mà nhìn ao đầm."[39] Tôi nói thêm rằng ao đầm cũng đã bay lượn. [...] Khổng Tử đứng trên bờ sông, nói: "Ôi, trôi chảy thế này, ngày

---

[36] *Nhân Học:* «Hữu vô giả, tụ tán dã, phi sinh diệt dã. [...] Vương Thuyền Sơn chi thuyết Dịch, vị nhất quái hữu thập nhị hào, bán ẩn bán hiện. Cố Đại Dịch bất ngôn hữu vô, ẩn hiện nhi dĩ.» 有無者,聚散也,非生滅也. [...] 王船山之說易,謂一卦有十二爻,半隱半見(現).故大易不言有無,隱見(現)而已.

[37] LAM chú: Xin xem chú thích 10 của chương 12 trên đây.

[38] LAM chú: Nguyên văn là: *Trang Tử* (Đại Tông Sư): «Phù tàng chu ư hác, tàng sơn ư trạch, vị chi cố hĩ. Nhiên nhi dạ bán hữu lực giả phụ chi nhi tẩu, muội giả bất tri dã.» 夫藏舟於壑,藏山於澤,謂之固矣.然而夜半有力者負之而走,昧者不知也 (Giấu thuyền trong hang; giấu núi trong cái đầm; vậy là ổn thoả. Nhưng đến nửa đêm có kẻ khoẻ mạnh vác nó trên lưng và chạy mất thì người đang ngủ không biết được). Xin xem lại chú thích 45 của chương 10 (quyển I).

[39] LAM chú: Câu này không hề có trong Trang Tử.

đêm nó không hề ngừng nghỉ!" [40] Ngày đêm tức là lý của sông; sông tức là hình của ngày đêm. [...] Chẳng một chẳng hai, chẳng gián đoạn chẳng thường hằng. Sinh và diệt xoay vần, diệt tức là sinh. Ranh giới giữa sinh và diệt rất nhỏ nhặt, đã nhỏ lại càng nhỏ cho đến nhỏ hết mức; nó kín, đã kín lại càng kín, cho đến kín hết mức. Bằng cách này chúng dung hoá thành một, và trở thành không sinh không diệt; nhưng cái tạo thành sinh và diệt nhỏ nhặt ấy không thể dễ che giấu.»[41]

Vạn vật lúc nào cũng nằm trong sự biến dịch và sinh diệt, tức là chúng luôn đổi mới từng ngày. Đàm Tự Đồng nói: «Quan sát sự trôi chảy, chúng ta gọi nó là *nhật tân* (đổi mới từng ngày). Khổng Tử nói: "Cách là bỏ cũ; Đỉnh là lấy mới." [42] Lại nói: "Đổi mới từng ngày là đức dồi dào." [43] Cái thiện đạt tới tối đa là do đổi mới từng ngày; cái ác đạt

---

[40] LAM chú: *Luận Ngữ* (Tử Hãn). Thâm ý của Khổng Tử qua câu này thì không ai biết chắc chắn. Đại khái các nhà chú giải cho rằng Khổng Tử muốn nói thời gian trôi qua nhanh, như nước chảy, đêm ngày không nghỉ; qua đó khuyên đệ tử phải cố gắng học tập. *Mạnh Tử* (Ly Lâu, hạ) viện dẫn «bất xả trú dạ» và giảng khác: «Từ Tử viết: "Trọng Ni cức xưng vu thuỷ viết: 'Thuỷ tai thuỷ tai.' Hà thủ vu thuỷ dã? Mạnh Tử viết: "Nguyên tuyền hỗn hỗn, bất xả trú dạ; doanh khoa nhi hậu tiến, phóng hồ tứ hải. Hữu bản giả như thị, thị chi thủ nhĩ."» 徐子曰:"仲尼亟稱于水曰:'水哉,水哉.' 何取于水也? 孟子曰:"原泉混混,不舍晝夜;盈科而後進,放乎四海.有本者如是,是之取爾." (Từ Tử nói: "Trọng Ni thường ca ngợi nước: 'Nước kìa, nước kìa!' Nước có gì mà khen chứ?" Mạnh Tử đáp: "Nguồn nước cuồn cuộn, chảy đêm ngày không nghỉ. Nó lấp đầy hang hốc rồi tiến thẳng ra bốn biển. Cái có nguồn gốc là như thế, nên ngài mới khen.")

[41] *Nhân Học*: «Cầu chi quá khứ, sinh diệt vô thuỷ. Cầu chi vị lai, sinh diệt vô chung. Cầu chi hiện tại, sinh diệt tức tức. [...] Trang viết: "Tàng chu ư hác, tự vị dĩ cố, hữu đại lực giả dạ bán phụ chi nhi tẩu." Ngô vị tương tịnh hác nhi phụ chi tẩu dã. Hựu viết: "Hồng hộc dĩ tường ư vạn nhận, nhi la giả do thị hồ tẩu trạch." Ngô vị tịnh tẩu trạch diệc nhất dĩ tường giả dã. [...] Khổng tại xuyên thượng viết: "Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ." Trú dạ tức xuyên chi lý; xuyên tức trú dạ chi hình. [...] Phi nhất phi nhị, phi đoạn phi thường. Tuyền diệt, tức diệt tức sinh. Sinh dữ diệt tương thụ chi tế, vi chi hựu vi, chí ư vô khả vi. Mật chi hựu mật, chí ư vô khả mật. Phù thị dĩ dung hoá vi nhất, nhi thành hồ bất sinh bất diệt, nhi sở dĩ thành chi vi sinh diệt, cố bất dung yểm yên hĩ.» 求之過去,生滅無始.求之未來,生滅無終.求之現在,生滅息息. [...] 莊曰:"藏舟於壑,自謂已固,有大力者夜半負之而走." 吾謂將並壑而負之走也.又曰:"鴻鵠已翔於萬仞,而羅者猶視乎藪澤." 吾謂並藪澤亦一已翔者也. [...] 孔在川上曰:"逝者如斯夫,不舍晝夜." 晝夜即川之理;川即晝夜之形. [...] 非一非二,非斷非常.旋滅,即滅生.生與滅相授之際,微之又微,至於無可微.密之又密,至於無可密.夫是以融化爲一,而成乎不生不滅,而所以成之微生滅,固不容掩焉矣.0

[42] LAM chú: Nguyên văn trong Tạp Quái: «Cách, khử cố dã. Đỉnh, thủ tân dã.» 革,去故也.鼎,取新也. **Quẻ Cách và quẻ Đỉnh liền nhau. Cách là đổi mới, là trừ bỏ cái cũ (*khử cố*). Đỉnh là cái vạc nấu các thứ sống sít thành thức ăn mới, chế biến để có được cái mới (*thủ tân*).**

[43] LAM chú: Nguyên văn trong Hệ Từ Thượng: «Phú hữu chi vị đại nghiệp, nhật tân chi vị thịnh đức.» 富有之謂大業,日新之謂盛德 **(Sự sở hữu dồi dào của Đạo gọi là sự nghiệp lớn; sự đổi mới hằng ngày [của Đạo] gọi là thịnh đức).**

tới tối đa là do không đổi mới từng ngày. [...] Đức thì phải mới, người đời ai cũng biết thế. Tại sao đến đời nay [dân chúng] lại có cuộc sống thủ cựu tệ hại, mà cứ khư khư nói không cần cải cách chính trị? Tại sao?»[44]

Đoạn văn trên đây cho thấy Đàm Tự Đồng nêu ra cơ sở triết học của phong trào biến pháp (đổi mới chính trị) thời bấy giờ.

c. Nền chính trị đại đồng

Đàm Tự Đồng đã chú trọng ý nghĩa «người có lòng nhân ái thì xem trời đất và vạn vật là một thể» do đó trên phương diện chính trị ông cũng giảng giải cái gọi là «giáo lý đại đồng» của Khang Hữu Vi. Ông nói: «Sự thịnh trị trên địa cầu là do có thiên hạ và không có quốc gia. Trang Tử nói: "Chỉ nghe nói phải để cho thiên hạ an nhiên tự tại, chứ không nghe nói phải cai trị thiên hạ." [45] Cai trị nghĩa là có quốc gia. An nhiên tự tại nghĩa là không có quốc gia. Từ «tại hựu» 在宥 [zàiyòu] (an nhiên tự tại) tức là chuyển âm của từ «tự do» 自由 [zìyóu], ý nghĩa là thế! Người người muốn được tự do thì phải là dân chúng không quốc gia. Hễ không có quốc gia thì sẽ biên giới biến mất, chiến tranh dứt, nghi kỵ hết, quyền mưu bỏ, ta và người hết phân biệt, bình đẳng xuất hiện. Tuy có thiên hạ mà như không có thiên hạ. Hễ vua và bầy tôi phế bỏ, thì sang hèn như nhau; hễ công lý sáng tỏ, thì giàu nghèo như nhau. Trong phạm vi ngàn dặm hay vạn dặm như thể có một nhà hay một người. Mọi người xem nhà là quán trọ, xem nhau là đồng bào. Cha không có chỗ thể hiện tình cha; con không có chỗ thể hiện lòng hiếu. Anh em quên tình huynh đệ. Vợ chồng quên thói phu xướng phụ tuỳ (chồng nói vợ phải theo). Nó giống như đời thái bình (Millennium) mà các sách Tây phương nói, hoặc

---

[44] **_Nhân Học:_ «Phản hồ thệ nhi quan, tắc danh chi viết nhật tân. Khổng viết: "Cách khử cố, Đỉnh thủ tân." Hựu viết: "Nhật tân chi vi thịnh đức." Phù thiện chí ư nhật tân nhi chỉ hĩ; phù ác diệc chí ư bất nhật tân nhi chỉ hĩ. [...] Đức chi nghi tân dã, thế dung tri chi. Độc hà dĩ giới kim chi thế, do hữu thủ cựu chi bỉ sinh, đoạn đoạn nhiên viết bất đương biến pháp, hà tai?»** 反乎逝而觀,則名之曰日新.孔曰:"革去故,鼎取新." 又曰:"日新之爲盛德." 夫善至於日新而止矣;夫惡亦至於不日新而止矣. [...] 德之宜新也,世容知之.獨何以屆今之世,猶有守舊之鄙生,斷斷然曰不當變法,何哉?

[45] **LAM chú: Xin xem lại chú thích 27 của chương 10 (quyển I).**

giống như đời đại đồng mà sách *Lễ Vận* nói.»[46]

Ý nghĩa ấy, Đàm Tự Đồng cho rằng *Chu Dịch* và *Xuân Thu* cũng đã nói rồi. Ông nói: «Sự biến đổi của địa cầu mà tôi nói đến, chẳng phải là lời của tôi, mà chính là lời của *Kinh Dịch*. Dịch là đạo bao trùm thiên hạ, cho nên nó cực kỳ thâm u và không thể ghét.[47] Tôi từng nghe [một người] luận quẻ Càn, có chỗ khế hợp với ý nghĩa tam thế trong *Xuân Thu*. Dịch gồm tam tài và gấp đôi tam tài [thành sáu vạch của quẻ kép], cho nên có hai tam thế. Nội quái nghịch (từ yên đến loạn) và ngoại quái thuận (từ loạn đến yên). "*Sơ cửu, tiềm long vật dụng.*" (Hào Dương 1: Rồng ẩn, không dùng). Đó là đời Thái Bình, là nguyên thống 元統. Đời này không có giáo chủ, cũng không có quân chủ. Đó là đời hồng hoang thái cổ, dân chúng chất phác đơn sơ, xem nhau là tù trưởng. Đời này so với đời người là trẻ sơ sinh. "*Vật dụng*" (không dùng) có nghĩa là không có gì cần làm. "*Cửu nhị, hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân.*" (Hào Dương 2: Rồng hiện ở ruộng; gặp đại nhân có lợi). Đó là đời Thăng Bình, là thiên thống 天統. Đời này dần dần có giáo chủ và quân chủ, nhưng họ chưa xa dân, nên mới nói "hiện ở ruộng". Đó là đời Tam Hoàng Ngũ Đế. Đời này so với đời người là

---

46 *Nhân Học*: «Địa cầu chi trị dã, dĩ hữu thiên hạ nhi vô quốc dã. Trang viết: "Văn tại hựu thiên hạ, bất văn trị thiên hạ." Trị giả, hữu quốc chi nghĩa dã. Tại hựu giả, vô quốc chi nghĩa dã. Viết tại hựu, cái tự do chi chuyển âm, chỉ tai ngôn hồ! Nhân nhân năng tự do, thị tất vi vô quốc chi dân. Vô quốc tắc chẩn vực hoá, chiến tranh tức, sai kỵ tuyệt, quyền mưu khí, bỉ ngã vong, bình đẳng xuất, thả tuy hữu thiên hạ, nhược vô thiên hạ hĩ. Quân thần phế, tắc quý tiện bình; công lý minh, tắc bần phú quân. Thiên lý vạn lý, nhất gia nhất nhân. Thị kỳ gia, nghịch lữ dã. Thị kỳ nhân, đồng bào dã. Phụ vô sở dụng kỳ từ; tử vô sở dụng kỳ hiếu. Huynh đệ vong kỳ hữu cung. Phu phụ vong kỳ xướng tuỳ. Nhược Tây thư trung bách niên nhất giác giả, đãi phảng phất Lễ Vận đại đồng chi tượng yên.» 地球之治也，以有天下而無國也．莊曰："聞在宥天下，不聞治天下．" 治者，有國之義．在宥者，無國之義也．曰在宥，蓋自由之轉音，旨哉言乎！人人能自由，是必爲無國之民．無國則畛域化，戰爭息，猜忌絕，權謀棄，彼我亡，平等出，且雖有天下，若無天下矣．君臣廢，則貴賤平；公理明，則貧富均．千里萬里，一家一人．視其家，逆旅也．視其人，同胞也．父無所用其慈，子無所用其孝．兄弟忘其友恭．夫婦忘其倡隨．若西書中百年一覺者，殆彷彿禮運大同之象焉.

47 LAM chú: Nguyên văn «Dịch mạo thiên hạ chi đạo, cố chí trách nhi bất khả ố.» 易冒天下之道，故至賾而不可惡. Chữ *trách* 賾 trong câu này *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (sđd., tr.1987) giảng là: u thâm 幽深, thâm áo 深奧. Đó là nói về đạo Dịch, còn nói về vạn vật trong thiên hạ thì Chu Hi giảng *trách* là *tạp loạn*, như trong Hệ Từ Thượng: «Thánh nhân hữu dĩ kiến thiên hạ chi trách, nhi nghĩ chư kỳ hình dung, tượng kỳ vật nghi, thị cố vị chi tượng.» 聖人有以見天下之賾，而擬諸其形容，象其物宜，是故謂之象 (Thánh nhân thấy được sự tạp loạn của vạn vật trong thiên hạ nên so sánh hình dung của chúng, rồi làm những quẻ tượng trưng cho sự vật cùng bản tính của chúng. Những quẻ đó gọi là tượng).

trẻ con. "*Cửu tam, quân tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược lệ, vô cữu.*" (Hào Dương 3: Quân tử trọn ngày hoạt động tích cực, ban đêm còn lo lắng, dù nguy hiểm cũng không có lỗi). Đó là đời Cứ Loạn, là quân thống 君統. Đời này vua chúa bắt đầu ngang ngược; các giáo chủ không thể không ra tay khôi phục yên bình. Cho nên lời lẽ của họ nhiều âu lo.[48] Đó là ba đời Hạ, Thương, Chu. Đời này so với đời người là thanh niên tới tuổi làm lễ gia quan và kết hôn. Đó là ba đời nghịch (từ yên đến loạn) của nội quái. "*Cửu tứ, hoặc dược tại uyên, vô cữu.*" (Hào Dương 4: [Rồng] có lúc nhảy lên, có lúc nằm dưới vực, không có lỗi). Đó là đời Cứ Loạn, là quân thống 君統. Đời này, [thánh nhân] trên thì chẳng ở trời, dưới thì không còn ở ruộng.[49] Từ "hoặc" (có lúc) ngụ ý làm thử. "Biết việc bất khả thi mà cứ làm" đó là Khổng Tử vậy.[50] Đời này kéo dài từ đời của Khổng Tử cho đến nay. Đời này so với đời người là từ tuổi tráng niên trở đi. "*Cửu ngũ, phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân.*" (Hào Dương 5: Rồng bay trên trời; gặp đại nhân có lợi). Đó là đời Thăng Bình, là thiên thống 天統. Đời này các tôn giáo toàn cõi địa cầu cùng thờ một giáo chủ. Các nước toàn cõi địa cầu cùng thờ một ông vua. Đời này là một đại thống nhất. Đời này so với đời người là tuổi biết mệnh trời (tức 50 tuổi).[51] "*Thượng cửu, kháng long*

---

48 LAM chú: Lời lẽ của thánh nhân không chỉ toát ra sự âu lo mà còn cảnh báo sự nguy hiểm nữa. Đó là lúc Kinh Dịch ra đời, Hệ Từ Hạ chép: «Dịch chi hưng dã, kỳ đương Ân chi mạt thế, Chu chi thịnh đức da. Đương Văn Vương dữ Trụ chi sự da. Thị cố kỳ từ nguy.» 易之興也,其當殷之末世,周之盛德邪.當文王與紂之事邪.是故其辭危 (Kinh Dịch hưng khởi phải chăng vào cuối đời Ân suy bại và đầu đời Chu thịnh đức? Phải chăng là ghi chép chuyện Văn Vương và vua Trụ? Cho nên quái từ và hào từ thường nói đến nguy hiểm).

49 LAM chú: Trên thì chẳng ở trời, dưới thì chẳng ở ruộng, bởi vì mới ở hào 4, phải đến hào 5 (phi long tại thiên) mới ở trời. Hào 4 thì trên hào 2 (hiện long tại điền) tức là không còn ở ruộng nữa.

50 LAM chú: Đời loạn, Đạo không thi hành được, vậy mà Khổng Tử cứ mong thi hành Đạo, cho nên người giữ cửa ở Thạch Môn (ngoại thành nước Lỗ) mới cho Khổng Tử là người «biết việc bất khả thi mà cứ làm». *Luận Ngữ* (Hiến Vấn): «Tử Lộ túc ư Thạch Môn. Thần môn viết: "Hề tự?" Tử Lộ viết: "Tự Khổng thị." Viết: "Thị tri kỳ bất khả nhi vi chi giả dư?"» 子路宿於石門.晨門曰:奚自?子路曰:自孔氏.曰:是知其不可而爲之者與 (Tử Lộ ngủ đêm ở Thạch Môn. [Đến sáng] người giữ cửa ở Thạch Môn hỏi: "Ông từ đâu đến?" Tử Lộ đáp: "Từ Khổng Tử đến." Người giữ cửa nói: "Có phải cái ông Khổng biết việc bất khả thi mà cứ làm đó hay không?")

51 LAM chú: *Luận Ngữ* (Vi Chính): «Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục, bất du củ.» 吾十有五而志於學,三十而立,四十而不惑,五十而知天命,六十而耳順,七十而從心所欲不踰矩 (Ta 15 tuổi chí tâm học tập; 30 tuổi thì vững vàng; 40 tuổi không còn nghi ngờ; 50 tuổi biết mệnh trời; 60 tuổi nghe ai nói thì phân biệt được thật hay giả, biết được đúng hay sai; 70 tuổi tuỳ ý mà làm nhưng không vượt ra ngoài phép tắc).

hữu hối." (Hào Dương 6: Rồng bay quá cao sẽ hối hận). Đó là đời Thái Bình, là nguyên thống 元統. Đời này cả địa cầu chỉ có một giáo chủ và một ông vua. Cái thế của họ trở lại đơn độc; đơn độc nên quá cao; quá cao thì sẽ hối hận. Do sự hối hận ấy mà dân chúng ai ai cũng có đức như giáo chủ, nên giáo chủ bị phế bỏ; ai ai cũng có quyền như vua, nên vua bị phế bỏ. Đời này dân làm chủ khắp nơi trên địa cầu. Đời này so với đời người là lúc công phu hàm dưỡng đã thuần thục, có thể gọi là "tuỳ ý mà làm nhưng không vượt ra ngoài phép tắc" (tức lúc 70 tuổi). Đó là ba đời thuận (từ loạn đến yên) của ngoại quái. Tuy nhiên đời này vẫn còn vết tích [của đời đã qua], nên cần chuyển sang "*Dụng cửu, kiến quần long vô thủ, cát; thiên đức bất khả vi thủ dã.*" (Hào Dụng Cửu: Xuất hiện bầy rồng không có thủ lĩnh; điều tốt; [người quân tử hay thánh nhân noi theo] đức [cương kiện khiêm nhu] của Trời thì không thể tự coi mình là thủ lĩnh của người khác).[52] Lại nói: "*Thiên hạ trị dã.*" (Thiên hạ thịnh trị). Như vậy thì tất cả chúng sinh khắp nơi đã thành Phật. Không chỉ không có giáo chủ, thậm chí chẳng cần tôn giáo. Không chỉ không có quân chủ, thậm chí chẳng cần dân chủ. Không chỉ có địa cầu thống nhất, thậm chí chẳng cần địa cầu. Không chỉ thống lĩnh cõi trời, thậm chí chẳng cần cõi trời. Đến cảnh giới này là chí thiện tận mỹ, chẳng cần có thêm cái gì nữa.»[53]

---

[52] **LAM chú: Khổng Dĩnh Đạt 孔穎達, *Chu Dịch Chính Nghĩa* 周易正義: «Thiên đức tắc kiện, đương dĩ nhu hòa tiếp đãi ư hạ, bất khả cánh hoài tôn cương vi vật chi thủ.» 天德則健, 當以柔和接待於下, 不可更懷尊剛爲物之首 (Thiên đức ắt mạnh mẽ, nhưng phải lấy nhu hòa mà tiếp đãi kẻ dưới nên không thể cho mình mạnh mẽ và tôn quý mà đứng đầu thiên hạ).**

[53] ***Nhân Học:* «Ngô ngôn địa cầu chi biến, phi ngô chi ngôn, nhi Dịch chi ngôn dã. Dịch mạo thiên hạ chi đạo, cố chí trách nhi bất khả ố. Ngô thường văn X X chi luận Càn quái hĩ, ư Xuân Thu tam thế chi nghĩa hữu hợp dã. Dịch kiêm tam tài nhi lưỡng chi, cố hữu lưỡng tam thế. Nội quái nghịch nhi ngoại quái thuận. "Sơ cửu, tiềm long vật dụng." Thái Bình thế dã, nguyên thống dã. Vô giáo chủ, diệc vô quân chủ. Ư thời vi hồng hoang thái cổ, manh chi xi xi, hỗ vi tù trưởng dĩ nhĩ. Ư nhân vi sơ sinh. Vật dụng giả, vô sở khả dụng giả dã. "Cửu nhị, hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân." Thăng Bình thế dã, thiên thống dã. Thời tắc tiệm hữu giáo chủ quân chủ hĩ, nhiên khứ dân thượng vị viễn dã, cố viết tại điền. Ư thời vi Tam Hoàng Ngũ Đế. Ư nhân vi đồng trĩ. "Cửu tam, quân tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược lệ, vô cữu." Cứ Loạn thế dã, quân thống dã. Quân chủ thuỷ hoành tứ, giáo chủ nãi bất đắc bất xuất nhi tễ kỳ bình. Cố tứ đa ưu lự. Ư thời vi tam đại, ư nhân vi quan hôn. Thử nội quái chi nghịch tam thế dã. "Cửu tứ, hoặc dược tại uyên, vô cữu." Cứ Loạn thế dã, quân thống dã. Thượng bất tại thiên, hạ bất tại điền. Hoặc giả, thí từ dã. Tri kỳ bất khả vi nhi vi chi giả, Khổng Tử dã. Ư thời tắc tự Khổng Tử chi thời chí ư kim nhật, giai thị dã. Ư nhân tắc vi tráng niên dĩ vãng. "Cửu ngũ, phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân." Thăng Bình thế dã, thiên thống dã. Địa cầu quần giáo, tương đồng phụng nhất giáo chủ. Địa cầu quần quốc, tương đồng phụng nhất quân chủ. Ư thời vi đại nhất thống, ư nhân vi tri thiên mệnh. "Thượng cửu, kháng long hữu hối." Thái Bình thế dã, nguyên thống dã, hợp địa cầu nhi nhất giáo chủ, nhất quân chủ, thế hựu cô hĩ. Cô cố kháng, kháng cố hối. Hối tắc nhân nhân khả hữu giáo chủ chi đức, nhi giáo chủ phế. Nhân nhân khả hữu quân chủ chi quyền, nhi quân chủ phế. Ư thời vi biến địa dân**

chủ, ư nhân vi công phu thuần thục, khả vị tòng tâm sở dục bất du củ hĩ. Thử ngoại quái chi thuận tam thế dã. Nhiên nhi do hữu tích tượng dã. Chí ư "Dụng cửu, kiến quần long vô thủ, cát, thiên đức bất khả vi thủ dã." Hựu viết: "Thiên hạ trị dã." Tắc nhất thiết chúng sinh, phổ biến thành Phật. Bất duy vô giáo chủ, nãi chí vô giáo. Bất duy vô quân chủ, nãi chí vô dân chủ. Bất duy hồn nhất địa cầu, nãi chí vô địa cầu. Bất duy thống thiên, nãi chí vô thiên. Phù nhiên hậu chí hĩ, tận hĩ, miệt dĩ gia hĩ.» 吾言地球之變,非吾之言,而易之言也.易冒天下之道,故至賾而不可惡.吾嘗聞〇〇之論乾卦矣,於春秋三世之義有合也.易兼三才而兩之,故有兩三世.內卦逆而外卦順."初九,潛龍勿用." 太平世也,元統也.無教主,亦無君主.於時爲洪荒太古,氓之蚩蚩,互爲酋長已耳.於人爲初生.勿用者,無所可用者也. "九二,見龍在田,利見大人." 升平世也,天統也.時則漸有教主君主矣,然去民尚未遠也,故曰在田.於時爲三皇五帝.於人爲童稚."九三,君子終日乾乾,夕惕若厲,无咎." 據亂世也,君統也.君主始橫肆,教主乃不得不出而劑其平.故詞多憂慮.於時爲三代,於人爲冠婚.此內卦之逆三世也."九四,或躍在淵,无咎." 據亂世也,君統也.上不在天,下不在田.或者,試詞也.知其不可爲而爲之者,孔子也.於時則自孔子之時至於今日,皆是也.於人則爲壯年以往."九五,飛龍在天,利見大人." 升平世也,天統也.地球群教,將同奉一教主.地球群國,將同奉一君主.於時爲大一統,於人爲知天命. "上九,亢龍有悔." 太平世也,元統也,合地球而一教主,一君主,勢又孤矣.孤故亢,亢故悔.悔則人人可有教主之德,而教主廢.人人可有君主之權,而君主廢.於時爲遍地民主,於人爲功夫純熟,可謂從心所欲不踰矩矣.此外卦之順三世也.然而猶有跡象也.至於"用九,見群龍無首,吉,天德不可爲首也." 又曰: "天下治也." 則一切衆生,普遍成佛.不惟無教主,乃至無教.不惟無君主,乃至無民主.不惟渾一地球,乃至無地球.不惟統天,乃至無天.夫然後至矣,盡矣,蔑以加矣.– **LAM chú: Đoạn văn này có hai chữ Hán bị khuyết (ký hiệu X X và O O), có lẽ là Hữu Vi 有爲.– Derk Bodde chú: Thuyết của Đàm Tự Đồng liên hệ đặc biệt đến quẻ Càn. Tóm tắt:**

HÀO	TAM THẾ	THỜI ĐẠI	CON NGƯỜI
6	Thái Bình	tương lai xa	70 tuổi
5	Thăng Bình	tương lai gần	50 tuổi
4	Cứ Loạn	Khổng Tử đến nay	tráng niên
3	Cứ Loạn	đời Hạ đến Khổng Tử	gia quan, kết hôn
2	Thăng Bình	Tam Hoàng Ngũ Đế	nhi đồng
1	Thái Bình	hồng hoang thái cổ	trẻ sơ sinh

Từ sơ đồ trên, theo Đàm Tự Đồng, lịch sử thế giới gồm hai giai đoạn: (1) giai đoạn thoái hoá dần từ đời Thái Bình hồng hoang xuống đời Cứ Loạn của Khổng Tử; (2) giai đoạn tái sinh dần từ thời Cứ Loạn của Khổng Tử cho đến đời Thái Bình sẽ tái hồi trong tương lai xa. Hai giai đoạn trái ngược này ứng với nội quái (hào 1, 2, 3) nghịch biến và ngoại quái (hào 4, 5, 6) thuận biến, như Đàm Tự Đồng nói. Ngẫu nhiên, toàn bộ thuyết Tam Thế – nhất là sự thuyết minh của Đàm Tự Đồng – khi hứa hẹn về một thời hoàng kim mai sau thì nó trở nên thú vị vì nó trái ngược với quan niệm cố hữu của Trung Quốc cho rằng lịch sử là một sự thoái hoá kể từ thời hoàng kim cổ đại. Để có được quan điểm mới mẻ, hẳn Đàm Tự Đồng đã phần nào chịu ảnh hưởng thuyết tiến hoá được nói trong sách khoa học của Tây phương cũng như thuyết về một thời hoàng kim mai sau được nói trong sách thần học của Tây phương.

Nhân vật luận về quẻ Càn mà Đàm Tự Đồng nhắc đến trên đây có lẽ là Khang Hữu Vi. Dù không phải là Khang Hữu Vi đi nữa, thì cái cảnh giới tối cao «xuất hiện bầy rồng không có thủ lĩnh; điều tốt» chính là cái cảnh giới không thể suy nghĩ và bàn luận có «thần thánh rong chơi trong đó» mà Khang Hữu Vi luôn nói đến.

d. Luận về giáo chủ

Đàm Tự Đồng giả định có người chất vấn ông: «Ý tưởng ông nêu ra cao siêu quá. Đã không thể thi hành, mà cứ nói thao thao những lời suông, liệu có ích gì?» Đàm Tự Đồng tự trả lời: «Tôi quý tri thức, không quý thực hành. Tri thức là sự việc thuộc linh hồn; thực hành là sự việc thuộc thể phách. Khổng Tử nói: "Biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết; đó mới là biết thực." [54] Biết cái gì cũng là biết; không biết cái gì cũng là biết [mình không biết nó]. Tức là thực hành thì hữu hạn nhưng tri thức thì vô hạn; thực hành thì có tận cùng nhưng tri thức thì vô cùng. [...] Tôn giáo là phương tiện tìm cầu tri thức. Cho nên giáo chủ và đệ tử đều lấy lời suông mà truyền thế, không cần đích thân thi hành, cũng chẳng màng bị hậu thế mắng nhiếc làm nhục. Da Tô (Jesus) bị giết và 12 đệ tử của ngài đều chết không nhắm mắt. Khổng Tử tránh được cái hoạ bị giết và 70 đệ tử của ngài có ít người thành đạt [chính trị]. Phật và đệ tử đều đói khát khốn đốn phải ăn xin, khổ hạnh suốt đời. Những bậc ấy mất thân xác để lấy cái biết trước thức tỉnh cho kẻ biết sau, lấy cái giác ngộ trước thức tỉnh cho kẻ giác ngộ sau. Lẽ nào rỗi hơi hỏi xem các ngài có thi hành được hay không? Duy có Moses và Mohammed lấy quyền lực thi hành giáo lý của mình. Đó chỉ là quân chủ mà thôi, sao đủ gọi là giáo chủ?»[55]

---

[54] **LAM chú: *Luận Ngữ* (Vi Chính): «Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã.» 知之爲知之,不知爲不知,是知也. Câu này có hai cách dịch. Tạ Băng Oánh (*Tứ Thư Độc Bản*, Tam Dân Thư Cục, Đài Loan, 1993, tr.80) dịch: «Tri đạo đích tựu thuyết tri đạo; bất tri đạo đích tựu thuyết bất tri đạo; giá tài thị chân tri a.» 知道的就說知道;不知道的就說不知道;這才是眞知啊(Biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết; đó mới là biết thực). Dương Bá Tuấn (*Luận Ngữ Dịch Chú*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, 1998, tr.19) cho rằng chữ *tri* 知 sau chót phải đọc là *trí* 智, nên dịch: «Tri đạo tựu thị tri đạo, bất tri đạo tựu thị bất tri đạo, giá tựu thị thông minh trí tuệ.» 知道就是知道,不知道就是不知道;這就是聰明智慧 (Biết thì biết, không biết thì không biết, đó chính là thông minh trí tuệ).**

[55] ***Nhân Học:* «Ngô quý tri, bất quý hành dã. Tri giả, linh hồn chi sự dã. Hành giả, thể phách chi sự dã. Khổng Tử viết: "Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã." Tri diệc tri, bất tri diệc tri, thị hành hữu hạn nhi tri vô hạn, hành hữu cùng nhi tri vô cùng dã. [...] Giáo dã giả, cầu tri chi phương dã. Cố phàm giáo chủ giáo đồ, giai dĩ không ngôn thuỳ thế, nhi bất khắc cập thân hành chi, thả vi hậu thế cấu lị lục nhục nhi bất cố dã. Da sát thân, kỳ đệ tử thập nhị nhân, giai bất đắc kỳ tử. Khổng cận miễn ư nhất thân, kỳ đệ tử thất thập nhân, đạt giả cái quả. Phật dữ đệ tử, giai cơ khổn khất thực, dĩ khổ hạnh chung. Thử kỳ vong khu mệnh, dĩ tiên tri giác hậu tri, dĩ tiên giác giác hậu giác, khởi hạ vấn kỳ hành bất hành tai! Duy Ma Tây Mục Hãn Mặc Đức dĩ quyền lực hành kỳ giáo; quân chủ nhi dĩ hĩ, hà**

Vậy thì giáo chủ chỉ dạy cho người ta hiểu biết. Nếu nó là chân tri (hiểu biết đúng) thì đời ắt sẽ thi hành.

Ba giáo lý của Da Tô, Khổng Tử, và Thích Ca tuy khác nhau, nhưng giống nhau ở sự biến đổi; tuy biến đổi khác nhau, nhưng giống nhau ở sự bình đẳng. Lý tưởng tối cao của ba tôn giáo ấy đều là cảnh giới tối cao như trên đây đã nói. Chỉ vì ba giáo chủ sống vào ba thời đại khác nhau, nên nói họ cơ hồ khác nhau. Đàm Tự Đồng nói: «Khi lấy thuyết tam thế trong *Công Dương Truyện* đem ra thi hành, Khổng Tử là người bất hạnh nhất. Bởi vì thời của Khổng Tử, các pháp độ của quân tử đã nhiều lại còn thâm mật. Cái tên gọi "luân thường lễ nghĩa" đã trói buộc và kiềm chế tất cả mọi người. Nó đã ngấm sâu vào tâm khảm mọi người nên không thể sửa đổi họ tức khắc. Sống trong đời Cứ Loạn, Khổng Tử khó mà thi thố được gì. Lời sâu kín và ý nghĩa lớn của ngài đành gởi trong câu nói mơ hồ u ẩn và quanh co xa xôi, để bày tỏ mục đích. Ý kiến ngài qua lời lẽ tao nhã không thể không bị lôi kéo bởi các định chế cũ của vua chúa, nên ngài cũng chỉ dừng ở các phép tắc của đời Cứ Loạn mà thôi. Đời Cứ Loạn là quân thống (vua cai trị) vậy. [...] Da Tô (Jesus) là người bất hạnh thứ hai. Ngài cũng sống vào thời vua chúa cai trị ngang ngược. Tuy nhiên sự phân biệt [xã hội] trong lễ nghi ở nước của ngài thì ít hơn ở Trung Quốc, nên thời của ngài có dấu hiệu của đời Thăng Bình. Do đó Da Tô trình bày được giáo lý trời cai trị trong đời Thăng Bình, và lập được thiên thống (trời cai trị). [...] Duy có Phật là người độc nhất thật sự may mắn. Đất nước của ngài vốn không có cái gọi là những "lãnh đạo thần thánh trải bao đời" đại loại như Moses, John, Đại Vũ, Thang, Văn Vương, Vũ Vương, Chu Công, để giũa mài cái thiên chân và loại bỏ sự chất phác của dân chúng. Phật lại là người lìa bỏ gia đình và vượt ra ngoài thế gian, nên không còn cần phải thuận theo thế gian nữa. Do đó ngài đã thể hiện được thuyết đại đồng ở đời Thái Bình, tức là nguyên thống (sự cai trị lớn). Trong nền cai trị đại đồng, cha không còn là cha của ai, con không còn là con của ai; quan hệ cha con đã không tồn tại huống hồ quan hệ vua và bầy tôi? Đời này, tất cả định chế ràng buộc và

---

túc vi giáo chủ?» 吾貴知，不貴行也．知者，靈魂之事也．行者，體魄之事也．孔子曰："知之爲知之，不知爲不知，是知也．" 知亦知，不知亦知，是行有限而知無限，行有窮而知無窮也．[...] 教主也者，求知之方也．故凡教主教徒，皆以空言垂世，而不克及身行之，且爲後世詬詈數辱而不顧也．耶殺身，其弟子十二人，皆不得其死．孔子僅免於一身，其弟子七十人，達者蓋寡．佛與弟子，皆饑困乞食，以苦行終．此其亡軀命，以先知覺後知，以先覺覺後覺，豈暇問其行不行哉！惟摩西穆罕默德以權力行其教；君主而已矣，何足爲教主？

kiềm chế khiến cho vua trở nên độc tài và dân thành trộm cướp đều không còn áp dụng nữa. Phật có thể đơn độc cao trỗi trên các tôn giáo, là nhờ thời thế và hoàn cảnh; ở thời thế ấy không phải thế thì không được. Nhưng ta không thể suy lường được pháp thân 法身 (dharmakāya: thực tại tuyệt đối) của các giáo chủ. Pháp thân của các giáo chủ chỉ có một mà thôi. Ngài X X X X [56] nói: "Các giáo chủ của ba tôn giáo ấy là một. Hễ ta vái lạy một vị, tức là vái lạy cả ba vị." Lời nói ấy tôi đồng ý.»[57]

---

[56] **Derk Bodde chú: Nguyên văn khuyết bốn chữ Hán, phải chăng đó là nhà truyền giáo Timothy Richard (1845-1919, tên chữ Hán là Lý Đề Ma Thái 李提摩太), một người có viễn kiến và giao du mật thiết với Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, và các nhà cải cách khác? Xem: Arthur W. Hummel, *Eminent Chinese of the Ch'ing Period (Những người Trung Quốc ưu tú đời Thanh)*, Washington, 1943-1944, quyển 2, tr.703-704.**

[57] ***Nhân Học:*** **«Dĩ Công Dương Truyện tam thế chi thuyết hành chi, Khổng tối vi bất hạnh. Khổng chi thời, quân tử chi pháp độ, ký dĩ thậm mật nhi thả phồn. Sở vị luân thường lễ nghĩa, nhất thiết thúc phọc kiềm chế chi danh, ký dĩ tẩm tý ư nhân nhân chi tâm, nhi thốt bất khả dữ cách. Ký dĩ vi Cứ Loạn chi thế, Khổng vô như chi hà dã. Kỳ ư vi ngôn đại nghĩa, cận đắc thác chư ẩn hối chi từ, nhi uyển khúc hư miểu, dĩ trứ kỳ chỉ. Kỳ kiến ư nhã ngôn, nhưng bất năng bất khiên suất ư quân chủ chi cựu chế, diệc chỉ Cứ Loạn chi thế chi pháp dĩ nhĩ. Cứ Loạn chi thế, quân thống dã. [...] Da thứ bất hạnh. Bỉ kỳ thời diệc quân chủ hoành thứ chi thời dã. Nhiên nhi lễ nghi đẳng sai chi tương khứ, vô nhược Trung Quốc chi huyền tuyệt, hữu Thăng Bình chi tượng yên. Cố Da đắc thân kỳ thiên trị chi thuyết ư Thăng Bình chi thế, nhi vi thiên thống dã. [...] Duy Phật độc hạnh. Kỳ quốc thổ bản vô sở xưng lịch đại thần thánh chi chủ, cập Ma Tây, Ước Hàn, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công chi thuộc, trác kỳ thiên chân, ly kỳ bản bộc. Nhi Phật hựu tự vi thế ngoại xuất gia chi nhân, ư thế gian vô sở tị tựu. Cố đắc tất thân kỳ đại đồng chi thuyết, ư Thái Bình chi thế, nhi vi nguyên thống dã. Phù đại đồng chi trị, bất độc phụ kỳ phụ, bất độc tử kỳ tử; phụ tử thả vô, cánh hà hữu ư quân thần? Cử phàm độc phu dân tặc sở vi nhất tương kiềm chế thúc phọc chi danh, giai vô đắc nhi gia chư. Nhi Phật toại dĩ độc cao ư quần giáo chi thượng, thời nhiên dã, thế bất đắc bất nhiên dã. Yếu phi khả dĩ suỷ trắc giáo chủ chi pháp thân dã. Giáo chủ chi pháp thân, nhất nhi dĩ hĩ. X X X X viết: "Tam giáo giáo chủ nhất dã, ngô bái kỳ nhất, tắc giai bái chi hĩ." Tư ngôn dã, ngô thủ chi.»** 以公羊傳三世之說衡之，孔最爲不幸．孔之時，君子之法度，旣已甚密而且繁．所謂倫常禮義，一切束縛箝制之名，旣已浸漬於人人之心，而猝不可與革．旣已爲據亂之世，孔無如之何也．其於微言大義，僅得託諸隱晦之辭，而宛曲虛渺，以著其旨．其見於雅言，仍不能不牽率於君主之舊制，亦止據亂之世之法已耳．據亂之世，君統也．[...] 耶次不幸．彼其時亦君主橫恣之時也．然而禮儀等差之相去，無若中國之懸絕，有升平之象焉．故耶得伸其天治之說於升平之世，而爲天統也．[...] 惟佛獨幸．其國土本無所稱歷代神聖之主，及摩西，約翰，禹，湯，文，武，周公之屬，琢其天眞，漓其本樸．而佛又自爲世外出家之人，於世間無所避就．故得必得畢伸其大同之說，於太平之世，而爲元統也．夫大同之治，不獨父其父，不獨子其子；父子且無，更何有於君臣？舉凡獨夫民賊所爲一相箝制束縛之名，皆無得而加諸．而佛遂以獨高於群教之上，時然也，勢不得不然也．要非可以揣測教主之法身也．教主之法身，一而已矣．○○○○曰："三教教主一也，吾拜其一，則皆拜之矣．" 斯言也，吾取之．

Ở đây, Đàm Tự Đồng cực kỳ suy tôn Phật giáo. Nhưng ông sở dĩ suy tôn Phật giáo là để kết hợp nó với thuyết của Khổng Tử. Do đó Đàm Tự Đồng suy tôn Phật cũng chỉ là suy tôn Khổng Tử mà thôi.

4. Liêu Bình

Liêu Bình 廖平 (1852-1932) là một học giả thuyết giảng về Kinh học của Kim văn gia và ảnh hưởng nhiều đến Khang Hữu Vi. Liêu Bình tự là Quý Bình 季平, ban đầu lấy hiệu là Tứ Ích 四益, cuối đời lấy hiệu là Ngũ Dịch 五譯 và Lục Dịch 六譯, người ở huyện Tỉnh Nghiên 井研, tỉnh Tứ Xuyên 四川. Ông sinh năm Hàm Phong 咸豐 thứ 2 (tức 1852) triều vua Văn Tông 文宗 đời Thanh; mất năm Dân Quốc 21 (tức 1932).[58]

a. Kinh học biến đổi lần 1

Sự giải thích kinh điển của Liêu Bình trải qua 6 lần biến đổi, nên cuối đời ông lấy hiệu là Lục Dịch 六譯. Lần biến đổi thứ nhất gọi là «Kim Cổ» 今古 bắt đầu từ năm 1883. Ông cho rằng trong thời này kinh điển mà hai phái Kim văn và cổ văn căn cứ hầu hết đều phát xuất từ Khổng Tử, do đó Khổng đề xướng *pháp cổ cải chế* 法古改制 (bắt chước xưa mà cải cách chế độ) tức là lý thuyết lúc Khổng còn trẻ hoặc về già.

Trong tác phẩm *Kim Cổ Học Khảo*, Liêu Bình tóm tắt sự giống nhau và khác nhau giữa Kinh học Kim văn và Kinh học cổ văn. Ông còn cho rằng sự phân biệt giữa kim học và cổ học đã có từ thời Khổng Tử. Liêu Bình nói: «*Luận Ngữ* (Bát Dật) nói: "Đời Chu xem xét hai đời trước (tức Hạ và Thương). Các định chế đời Chu rực rỡ thay! Ta theo Chu." Đấy là lời Khổng Tử lúc trẻ, là nguồn gốc của cổ học vậy. *Luận Ngữ* (Vệ Linh Công) nói: "Thi hành lịch đời Hạ, đi xe đời Ân [Thương], đội mũ miện đời Chu, âm nhạc phải dùng nhạc Thiều và nhạc Vũ." [59] Đấy là lời Khổng Tử lúc già, là nguồn gốc của kim học vậy. Ngài lại nói những cải cách dựa theo đời Hạ và đời Ân [Thương] nên đời nào kế tiếp đời Chu, dù đến trăm đời, ngài cũng có thể biết được.[60] Thiên *Vương Chế*

[58] LAM chú: Liêu Bình tên thật là Đăng Đình 登廷, tự là Húc Cai 旭陔, về sau đổi tên là Bình 平, tự là Quý Bình 季平, ban đầu lấy hiệu là Tứ Ích 四益, cuối đời lấy hiệu là Ngũ Dịch 五譯 và Lục Dịch 六譯, người ở huyện Tỉnh Nghiên 井研, tỉnh Tứ Xuyên 四川. Ông đỗ Tiến sĩ năm Quang Tự 光緒 15 (tức 1889). Ông dạy học nhiều địa phương trong tỉnh Tứ Xuyên như Giang Du 江油, Xạ Hồng 射洪, An Nhạc 安岳. Sau cách mạng Tân Hợi (1911), ông dạy các trường ở Thành Đô, chuyên về kinh học. Ông viết rất nhiều, nổi tiếng nhất là *Kim* Cổ học *Khảo* 今古學考 và *Cốc Lương Cổ Nghĩa Sớ* 穀梁古義疏. Tham khảo: Bàng Phác 庞朴, *Trung Quốc Nho Học*, quyển 2, Thượng Hải, 1997, tr.284-285.

[59] LAM chú: Xin xem lại chú thích 100 của chương 2 trên đây.

[60] LAM chú: Xin xem lại chú thích 12 trên đây của chương này.

(của *Lễ Ký*) nói đến sự nối tiếp chế độ của vua tức là vua đời Chu vậy.»[61]

Theo Liêu Bình, Khổng Tử lúc trẻ «tuân theo lệnh vua và sợ đại nhân» nên không có ý cách mạng, chỉ có lòng theo đời Chu thôi. Đến lúc già, ngài «buồn vì Đạo không thi hành được» nên mới gởi gắm ý chí của mình trong thiên *Vương Chế* của *Lễ Ký* và ngụ ý đó trong sách *Xuân Thu*. Thiên *Vương Chế* của *Lễ Ký* là do chính Khổng Tử viết. *Vương Chế* nghĩa là nối tiếp chế độ của vua đời Chu. Trong *Chu Lễ* nói đến chế độ đời Chu, tức là Khổng Tử lúc còn trẻ muốn theo đời Chu. Còn thiên *Vương Chế* của *Lễ Ký* là Khổng Tử viết lúc già sau khi quyết tâm cách mạng. Thời bấy giờ, chủ trương cải chế không chỉ riêng của Khổng Tử, mà còn của các chí sĩ thời Xuân Thu nữa. Điều đó cũng như ngày nay khi nói đến cai trị, đâu phải chỉ có duy nhất một người là muốn cải cách đâu. Khang Hữu Vi ắt hẳn đã căn cứ vào điểm này mà đưa ra thuyết cải cách của các chư tử đời Chu.

Bởi vì Khổng Tử có chủ trương khác nhau lúc trẻ và lúc già, nên sau khi Khổng Tử qua đời thì có phái cổ học noi theo chủ trương của Khổng Tử lúc trẻ và có phái kim học noi theo chủ trương của Khổng Tử lúc già. Liêu Bình nói: «Nước Lỗ là chính tông của kim học; hai nước Yên và Triệu là chính tông của cổ học. [...] Nước Lỗ là quê hương của Khổng Tử, đệ tử đông, và các học giả lấy thuyết của Khổng Tử lúc già mà cho là lý luận cố định của ngài. [...] Các đệ tử của ngài ở hai nước Yên và Triệu, học xong trở về nước, trước khi ngài biên soạn sách *Xuân Thu*. Do đó họ chỉ nghe Khổng Tử nói theo đời Chu, còn các thuyết cải chế về sau của Khổng Tử thì họ chưa từng biết. Bởi thuyết cải chế và thuyết theo đời Chu khác nhau, nên họ bèn nghi ngờ các đệ tử của ngài ở nước Lỗ giả mạo lời ấy rồi gán cho Khổng Tử. Cho nên họ hết sức bám lấy thuyết trước, và nảy sinh vấn nạn giữa họ với [các học giả] nước Lỗ.»[62]

---

[61] ***Kim Cổ Học Khảo*: «Luận Ngữ: "Chu giám ư nhị đại. Úc úc hồ văn tai. Ngô tòng Chu." Thử Khổng Tử sơ niên chi ngôn, cổ học chi tổ dã. "Hành Hạ chi thời, thừa Ân chi lộ; phục Chu chi miện; nhạc tắc Thiều Vũ." Thử Khổng Tử vãn niên sở ngôn, kim học sở tổ dã. Hựu ngôn Hạ Ân nhân cách kế Chu giả, bách thế khả tri. Tiếp Vương Chế tức sở vị kế Chu chi vương dã.»** 論語：「周監於二代，郁郁乎文哉，吾從周。」此孔子初年之言，古學之祖也。「行夏之時，乘殷之輅，服周之冕，樂則韶舞。」此孔子晚年所言，今學所祖也。又言夏殷因革繼周者，百世可知。據王制即所謂繼周之王也。

[62] ***Kim Cổ Học Khảo*: «Lỗ vi kim học chính tông; Yên Triệu vi cổ học chính tông. [...] Lỗ nãi Khổng Tử hương quốc, đệ tử đa, Khổng Tử vãn niên thuyết, học giả dĩ vi định luận. [...] Yên Triệu đệ tử, vị tu Xuân Thu dĩ tiền, từ nhi tiên phản. Duy văn Khổng Tử tòng Chu chi ngôn, dĩ bận cải chế đẳng thuyết, vị kinh diện lĩnh. Nhân dữ tiền thuyết tương phản, toại nghi Lỗ đệ tử ngụy vi thử ngôn, y thác Khổng Tử. Cố đốc thủ tiền thuyết, dữ Lỗ học tương nan.»** 魯為今學正宗；燕趙為古學正宗。[...] 魯乃孔子鄉國，弟子多，孔子晚年說，學者以為定論。[...]

Về sau hai phái kim học và cổ học tranh luận nhau mãi; kỳ thực, sự bất đồng của họ chỉ là ở phương diện chế độ. Liêu Bình nói: «*Luận Ngữ* nói đến cải cách, bớt đi, thêm vào, chỉ là ở chế độ [của các đời]. Đối với nghĩa lý của luân thường, thì trăm đời cũng biết được. Cho nên sự phân biệt của hai phái kim học và cổ học hoàn toàn ở tại chế độ, chứ không ở tại nghĩa lý, vì nghĩa lý thì xưa nay như nhau.»[63]

Về phương diện chế độ mà nói, cái mà kim học thay đổi thì ít, còn cái không thay đổi thì nhiều; và cái để lại không đổi thì tự nhiên nó theo cổ học. Do đó hễ ai giải kinh, nếu thấy chỗ nào mà Kinh học không đủ, thì lấy cổ học bổ sung vào là được. Cho nên hai phái kim học và cổ học trái nhau như nước với lửa, như Âm với Dương, mà thực tế là bổ sung cho nhau.

b. Kinh học *biến đổi lần 2*

Cái học của Liêu Bình biến đổi lần hai, gọi là «tôn kim ức cổ» 尊今抑古 (suy tôn kim học và đè nén cổ học), bắt đầu từ năm 1888. Về học thuyết của thời này, Liêu Bình nói: «Do đó khi khảo cứu nguồn gốc của cổ văn gia tôi thấy rằng họ đều phát xuất từ sự biên soạn giả mạo của Hứa Thận và Trịnh Huyền về sau. Các thuyết của các bậc thầy mà cổ văn gia sở hữu, thì hoàn toàn phát xuất từ sự suy diễn của Lưu Hâm về sau, căn cứ *Chu Lễ* và *Tả Truyện*. Tôi còn khảo cứu trước đời Tây Hán, hễ ai nói về Kinh học thì đều xem Khổng Tử là chủ yếu, chứ không phải là Chu Công. Lục nghệ đều là kinh mới, chứ không phải sử cũ. Do đó, để suy tôn Kinh học tôi viết thiên Tri Thánh, và để bác bỏ cổ học tôi viết thiên Tịch Lưu (trừ khử Lưu Hâm).»[64]

皆約弟子,在修春秋以前,辭兩先反.惟聞孔子從周之言,以後改制等說,在晚年前.因與前說相反,遂疑魯弟子僞爲此言,依託孔子.故篤守前說,與今學相難.

[63] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Luận Ngữ nhân cách tổn ích, duy tại chế độ. Chí ư luân thường nghĩa lý, bách thế khả tri. Cố kim cổ chi phân, toàn tại chế độ, bất tại nghĩa lý, dĩ nghĩa lý kim cổ đồng dã.»** 論語因革損益,唯在制度.至於倫常義理,百世可知.故今古之分,全在制度,不在義理,以義理今古同也.

[64] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Ư thị khảo cứu cổ văn gia uyên nguyên, tắc giai xuất Hứa Trịnh dĩ hậu chi nguỵ soạn. Sở hữu cổ văn gia sư thuyết, tắc toàn xuất Lưu Hâm dĩ hậu cứ Chu Lễ Tả Thị chi suy diễn. Hựu khảo Tây Hán dĩ tiền, ngôn kinh học giả, giai chủ Khổng Tử, tịnh vô Chu Công. Lục nghệ giai vi tân kinh, tịnh phi cựu sử. Ư thị dĩ tôn kinh giả tác vi Tri Thánh Thiên, tịch cổ giả tác vi Tịch Lưu Thiên.»** 於是考究古文家淵源,則皆出許鄭以後之僞撰.所有古文家師說,則全出劉歆以後據周禮左氏之推衍.又考西漢以前,言經學者,皆主孔子,並無周公.六藝皆新經,并非舊史.於是以尊經者作爲知聖篇,闢古者作爲闢劉篇. **– Liêu Bình tự ghi chú: «*Khổng Tử Cải Chế Khảo* của Khang Hữu Vi là mô phỏng thiên *Tri Thánh* của tôi, còn *Tân Học Nguỵ Kinh Khảo* của ông là mô phỏng thiên *Tịch Lưu* của tôi. Nhưng hầu hết ông ta làm mất tông chỉ của hai thiên ấy.»**

Thời này kinh điển Kim văn được xem là do Khổng Tử sáng tác. Liêu Bình nói: «Các đế và vương thể hiện ở mọi sự thực, nhưng Khổng Tử chỉ gởi gấm vào lời suông. Lục nghệ (lục kinh) tức là điển chương và chế độ của ngài, tương đồng với Lục Bộ ngày nay.»[65] Các thuyết của phái Kinh học cổ văn đều do bọn Lưu Hâm ngụy tạo. Liêu Bình nói Lưu Hâm thực là «Đổng Trác và Tào Tháo của cửa thánh» vậy. Học thuyết về thời này của Liêu Bình giống với chủ trương của Khang Hữu Vi viết trong *Khổng Tử Cải Chế Khảo* và *Tân Học Ngụy Kinh Khảo*. Do đó ông cho rằng *Khổng Tử Cải Chế Khảo* của Khang Hữu Vi là mô phỏng thiên *Tri Thánh* của ông, còn *Tân Học Ngụy Kinh Khảo* của Khang là mô phỏng thiên *Tịch Lưu* của ông.

Liêu Bình cho rằng người chủ trương cải chế trong thời Xuân Thu chỉ có một mình Khổng Tử mà thôi. Ông nói: «Có người cho rằng chư tử [đời Chu] đều muốn truyền giáo, họ nghĩ đến cải chế để Khổng Tử bắt chước; nói thế là sai lầm lớn. Nay nếu khảo sách của chư tử, [chúng ta sẽ thấy] chúng đều bắt nguồn từ *tứ khoa* 四科 (đức hạnh, ngôn ngữ, chính trị, văn học) sau thời Xuân Thu, và họ gán cho cổ nhân. Do đó việc lấy lời mình để lập giáo bắt đầu từ Khổng Tử. Trước thời Xuân Thu chỉ có sách về nghệ thuật và bói toán. Phàm các nhà xuất hiện sau Khổng Tử đều do tứ khoa mà phân ra thành *cửu lưu* 九流 (9 nhà: Nho, Đạo, Âm Dương, Pháp, Danh, Mặc, Tung Hoành, Tạp, Nông). [Sách của họ] đều mượn danh cổ nhân, kỳ thực không phải là sách xưa.»[66] Bởi thế, Khổng Tử là đại thánh duy nhất.

---

65 ***Tri Thánh Thiên:*** **«Đế vương kiến (hiện) chư sự thực, Khổng Tử đồ thác không ngôn. Lục nghệ tức kỳ điển chương chế độ, dữ kim lục bộ tắc lệ tương đồng.»** 帝王見諸事實，孔子徒託空言．六藝即其典章制度，與今六部則例相同．**– Derk Bodde chú: Lục bộ đời Thanh là: Lại bộ, Hộ bộ, Lễ bộ, Binh bộ, Hình bộ, Công bộ. Không rõ vì sao Liêu Bình liên hệ lục nghệ (lục kinh) với lục bộ.**

66 ***Tri Thánh Thiên:*** **«Hoặc dĩ chư tử giai dục truyền giáo, nhân tư cải chế, dĩ pháp Khổng Tử, thử đại ngộ dã. Kim khảo tử thư, giai Xuân Thu hậu tứ khoa lưu phái, thác chi cổ nhân. Án dĩ ngôn lập giáo. Khai ư Khổng Tử. Xuân Thu dĩ tiền, đãn hữu nghệ thuật bốc phệ chi thư. Phàm tử gia giai xuất ư Khổng Tử dĩ hậu, do tứ khoa nhi phân cửu lưu, giai thác danh cổ nhân, thực phi cổ thư.»** 或以諸子皆欲傳教，人思改制，以法孔子，此大誤也．今考子書，皆春秋後四科流派，託之古人．按以言立教．開於孔子．春秋以前，但有藝術卜筮之書．凡子家皆出於孔子以後，由四科而分九流，皆託名古人，實非古書．

c. Kinh học biến đổi lần 3

Cái học của Liêu Bình biến đổi lần ba, gọi là «tiểu đại» 小大 (nhỏ và lớn), bắt đầu từ năm 1898. Cái học thời này dùng thuyết của Thiệu Ung, phân chính trị thành bốn loại: hoàng, đế, vương, bá. Ông cho rằng thiên *Vương Chế* và *Xuân Thu* đều nói đến chế độ mà Khổng Tử lập cho vương và bá, có thể vận dụng để cai trị Trung Quốc. Tuy nhiên, Khổng Tử ngoài chế độ cho vương và bá, ngài còn lập chế độ cho đế và hoàng. Chế độ cho đế và hoàng lấy *Chu Lễ* làm căn bản và lấy *Thượng Thư* để hành sự; cũng giống như *Vương Chế* đối với *Xuân Thu.* Liêu Bình nói đó là «kế hoạch của Khổng Tử thi hành khắp địa cầu», là cái mà *Trung Dung* đề cập khi nói đến một bậc mà danh tiếng của ngài «lừng lẫy khắp Trung Quốc cho tới các bộ lạc man mọi, phàm ai ai có huyết khí đều tôn quý ngài», và đó là thuyết đại đồng mà *Lễ Vận* nói đến.

Biết rằng *Xuân Thu* và *Vương Chế* đề cập chế độ Khổng Tử lập để cai trị Trung Quốc, *Thượng Thư* và *Chu Lễ* đề cập chế độ Khổng Tử lập để cai trị toàn thế giới, nhưng Liêu Bình cho rằng cương vực được đề cập trong hai nhóm sách ấy thì khác nhau. Sách *Hoàng Đế Cương Vực Đồ* 皇帝疆域圖 của đệ tử Liêu Bình là Hoàng Dung 黃鎔, viết rằng: «Vương Chế nói *Xuân Thu* xem diện tích rộng 3.000 dặm là tiêu bản nhỏ. *Chu Lễ* nói *Thượng Thư* tăng lên gấp mười, tức 30.000 dặm, và xem diện tích đó là tiêu bản lớn. Trong cõi lục hợp (tức cõi con người) nó bao quát hết con người và sự vật. Trong tiểu sử Trâu Diễn có nói đến Đại Cửu Châu rộng 9 x 9 tức 81 phương, mà mỗi phương rộng 3.000 dặm. Còn Cửu Châu của nhà Nho chỉ có 1 phần 81 đó thôi. Cái gọi là Cửu Châu của nhà Nho tức là diện tích được nói đến trong *Xuân Thu* và *Vương Chế*.»[67]

Đại Cửu Châu mà Trâu Diễn nói đến tức là Cửu Châu được nói trong *Chu Lễ* và *Thượng Thư*, tức là cái mà ngày nay chúng ta gọi là toàn cõi địa cầu. *Hoàng Đế Cương Vực Đồ* chép: «Thế giới khai hoá từ dã man đến văn minh, cương thổ mở rộng từ nhỏ đến lớn. Thời Xuân Thu, Cửu Châu chỉ rộng 3.000 dặm. Suy ngược về thời nước Ngu (vua Thuấn) và đời Hạ (vua Đại Vũ), hoàn cảnh thật hoang sơ mông muội lắm. Khi

---

[67] ***Hoàng Đế Cương Vực Đồ:*** **«Vương Chế thuyết Xuân Thu tam thiên lý vi tiểu tiêu bản. Chu Lễ thuyết Thượng Thư gia thập bội phương tam vạn lý vi đại tiêu bản. Nhi lục hợp dĩ nội, nhân sự tận chi hĩ. Trâu Diễn Truyện sở xưng đại Cửu Châu đắc cửu cửu bát thập nhất phương tam thiên lý. Nho giả Cửu Châu chỉ đắc bát thập nhất phân chi nhất. Sở vị Nho giả Cửu Châu, tức chỉ Xuân Thu Vương Chế nhi ngôn.»** 王制說春秋三千里爲小標本.周禮說尚書加十倍方三萬里爲大標本.而六合以内,人事盡之矣.鄒衍傳所稱大九州得九九八十一方三千里.儒者九州止得八十一分之一.所謂儒者九州,即指春秋王制之言.

Khổng thánh san định sách vở, ngài gán các định chế trong các sách ấy cho thời cổ, và ngài căn cứ danh từ "Châu" 州 thời bấy giờ để ẩn ngụ bản đồ của hoàng và đế, đợi sau này sẽ thi hành. Giấu núi Tu Di vào trong hạt cải, để rồi phóng ra làm chuẩn cho bốn biển. Lẽ nào ngài chỉ muốn nước Lỗ cai trị các nước mà thôi ư?»[68]

Do đó cái học của Khổng Tử quả thực đã lập một biện pháp hoàn chỉnh cho xã hội và chính trị của toàn thế giới. Thế giới tiến hoá tất phải noi theo đó mà thi hành. Xét ở bề mặt, cái học của Khổng Tử dường như mô tả rằng thời cổ đã có nền chính trị của hoàng và đế, rồi nó thoái hoá thành nền chính trị của vương và bá. Kỳ thực, theo Liêu Bình, ý của Khổng Tử là «lập hình ảnh thoái hoá ấy để bố cáo cái đã qua và thông tri cái sắp đến, để cho mọi người từ cái đã biết mà suy ra cái chưa biết.» (Lập thoái hoá chi đảo ảnh, cáo vãng tri lai, sử nhân ngung phản 立退化之倒影,告往知來,使人隅反).

Liêu Bình lập ra một biểu đồ cho thấy sự tiến thoái của vận mệnh thế giới được nói trong thánh kinh. Theo biểu đồ này, kinh điển chỉ là lý thuyết, sử sách cho thấy việc thật. Kể từ đời Tần và đời Hán, lý luận trong *Xuân Thu* và *Vương Chế* đã dần dần biến thành việc thật. Người Tây phương chưa thụ giáo cái học của Khổng Tử qua kinh sách, cho nên trình độ của họ tương đồng với với trình độ của người thời Xuân Thu. Điều cần làm hiện nay là thực hành lý luận trong *Chu Lễ* và *Thượng Thư*, khiến cho toàn thế giới quy về cõi đại đồng.

Do đó cái gọi là sự phân biệt kim học và cổ học chính là sự phân biệt giữa định chế do Khổng Tử lập để cai trị Trung Quốc và định chế do ngài lập để cai trị thế giới. Liêu Bình nói: «Cho nên tôi đổi danh từ *kim cổ* thành *tiểu đại*. [...] Lấy *Vương Chế* cai trị bên trong [một nước] và lập một chủ quyền duy nhất. [...] Nhưng đối với hải ngoại toàn cầu, cái gọi là tam phần ngũ điển của Tam Hoàng Ngũ Đế thì hoàn toàn thuộc ở *Chu Lễ*. [...] Nó với *Vương Chế* một tiểu một đại, một nội một ngoại, trái nhau mà thành tựu cho nhau; mỗi cái có chỗ thích đáng của mình. [...]

[68] ***Hoàng Đế Cương Vực Đồ:* «Thế giới khai hoá, do dã nhi văn, cương vũ do tiểu nhi đại. Xuân Thu chi thời, Cửu Châu cận phương tam thiên lý. Thượng suy Ngu Hạ, thảo muội vưu thậm. Khổng thánh san thư, thác khắc định chế, nãi cứ đương nhật chi châu danh, ẩn ngụ hoàng đế chi bản đồ, dĩ sĩ hậu thi hành. Tàng Tu Di ư giới tử, suy nhi phóng chư tứ hải nhi chuẩn, khởi dân vi Lỗ bang trị liệt quốc nhi dĩ hồ?»** 世界開化,由野而文,疆宇由小而大。春秋之時,九州僅方三千里。上推虞夏,草昧尤甚。孔聖刪書,託克定制,乃據當日之州名,隱寓皇帝之版圖,以俟後施行。藏須彌於芥子,推而放諸四海而準,豈但爲魯邦治列國而已乎?

Khổng Tử trở thành thần thánh của toàn cầu, lục nghệ (lục kinh) trở thành lời lẽ công chính của vũ trụ.»[69]

Theo Liêu Bình, Kinh học của Khổng Tử chính là định chế và phép tắc cho toàn cầu. Địa vị Khổng Tử và Kinh học do đó thật là tối cao.

d. Kinh học biến đổi lần 4

Liêu Bình không dừng lại ở đó, ông nói tiếp: «Tuy nhiên, đó chẳng qua là *nhân học* 人學 (cái học về con người) của lục nghệ, chuyên nói trong cõi lục hợp (tức cõi con người). Nếu người ta chỉ học *Xuân Thu, Thượng Thư,* và *Lễ*, thì mới đạt được phân nửa [chân lý]; còn *Thi, Dịch, Nhạc* của *thiên học* 天學 (cái học về Trời) thì không nằm trong các thứ kể trên.»[70]

Do đó từ năm 1902 cái học của Liêu Bình biến đổi lần 4, gọi là «Thiên Nhân» 天人 (cõi trời và cõi người). Ông nói: «Thoạt đầu tôi lấy bốn kinh *Xuân Thu*, *Thượng Thư*, *Thi*, *Dịch* phối hợp với hoàng, đế, vương, bá theo đạo, đức, nhân, nghĩa. [...] Về lâu về dài, tôi nhận thấy thể lệ của bốn kinh ấy là nhằm phân cách trời với người. Nhân học 人學 (cái học về con người) là nói trong cõi lục hợp (tức cõi con người); thiên học 天學 (cái học về Trời) là nói ngoài cõi lục hợp (tức ngoài cõi con người). *Xuân Thu* nói về bá mà bao hàm vương. *Thượng Thư* nói về đế mà bao hàm hoàng. Thuyết Tam Hoàng Ngũ Đế của *Chu Lễ* chuyên nói [đến thời kỳ chép trong] *Thượng Thư;* thuyết vương bá của *Vương Chế* chuyên nói [đến thời kỳ chép trong] *Xuân Thu*. Nói đến hoàng đế vương bá, về chế độ thì ở *Chu Lễ* và *Vương Chế*, còn về kinh thì ở *Thượng Thư* và *Xuân Thu*. [Giữa *Thượng Thư* và *Xuân Thu*] một tiểu một đại; đấy là hai bộ kinh của nhân học. [...] Nhân học liên quan bên trong lục hợp (tức cõi người). Cái gọi là "dứt tuyệt giao thông giữa trời và đất" nghĩa là cách

---

[69] *Kim Cổ Học Khảo:* **«Cố cải kim cổ chi danh viết tiểu đại. [...] Dĩ Vương Chế trị nội, độc lập nhất tôn. [...] Nhi hải ngoại toàn cầu, sở vị Tam Hoàng Ngũ Đế chi tam phần ngũ điển giả, tắc toàn dĩ thuộc chi Chu Lễ. [...] Dữ Vương Chế nhất tiểu nhất đại, nhất nội nhất ngoại, tương phản tương thành, các đắc kỳ sở. [...] Khổng Tử nãi đắc vi toàn cầu chi thần thánh, lục nghệ nãi đắc vi vũ trụ chi công ngôn.»** 故改今古之名曰小大。[...] 以王制治內，獨立一尊。[...] 而海外全球，所謂三皇五帝之三墳五典者，則全以屬之周禮。[...] 與王制一小一大，一內一外，相反相成，各得其所。[...] 孔子乃得爲全球之神聖，六藝乃得爲宇宙之公言。

[70] *Kim Cổ Học Khảo:* **«Tuy nhiên, thử bất quá lục nghệ chi nhân học, chuyên ngôn lục hợp dĩ nội. Đãn vi Xuân Thu Thượng Thư dữ Lễ, cận đắc kỳ bán; nhi thiên học chi Thi Dịch Nhạc, thượng bất tại thử số dã.»** 雖然此不過六藝之人學，專言六合以內。但爲春秋尚書與禮，僅得其半；而天學之詩易樂，尚不在此數也。

lìa trên với dưới, người không phải là trời, cho nên người và thần cách tuyệt. Đến như *Kinh Thi* và *Kinh Dịch*, lấy cái ở trên đi lên và cái ở dưới nổi lên làm mẫu mực lớn; đó là cảnh giới mà *Trung Dung* [trích dẫn *Kinh Thi*] gọi là "diều hâu bay lên trời, cá nhảy ở dưới vực, xem xét cả trên lẫn dưới". Việc chu du trong cõi lục mạc (lục hợp), giống như hồn bay ra khỏi thân xác lúc ta nằm mộng, nói theo lời lẽ ngày nay, quả thực là sức ta làm không được. Tuy nhiên, từ quan điểm của dân chúng ngày nay mà nhìn lại thời hồng hoang mông muội chưa tới muôn ngàn năm trước, ta thấy rằng đạo đức, phong tục, linh hồn, thể phách của chúng ta không thể sánh với đạo đức, phong tục, linh hồn, thể phách của người xưa. Nếu tăng thêm vài ngàn năm tiến bộ và cải cách cũng như sự rực rỡ mà các bộ môn khoa học liên tục đạt được, thì chúng ta có thể tính tới một sự tiến bộ hơn nữa mà khi đó chúng ta chẳng cần y phục và thực phẩm, chỉ cần hớp không khí mà trường thọ.»[71]

Liêu Bình cho rằng «hễ làm rõ nhân học và thiên học, thì các sách mà nhà Nho xem là quỷ quái chẳng phải là kinh điển sẽ được giải thích đúng đắn». Những lời lẽ hoang đường trong các sách như *Linh Khu, Tố Vấn, Sở Từ, Sơn Hải Kinh, Mục Thiên Tử Truyện* đều nói đến một thế giới riêng, khác với cõi người ta. Các sách ấy đều là thiên học. Thí dụ như bài *Đại*

---

[71] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Sơ dĩ Xuân Thu, Thượng Thư, Thi, Dịch, phân phối đạo đức nhân nghĩa chi hoàng đế vương bá. [...] Trì chi hựu cửu, nãi tri tứ kinh chi thể lệ, dĩ thiên nhân phân. Nhân học vi lục hợp dĩ nội, thiên học vi lục hợp dĩ ngoại. Xuân Thu ngôn bá nhi bao vương. Thượng Thư ngôn đế nhi bao hoàng. Chu Lễ Tam Hoàng Ngũ Đế chi thuyết, chuyên ngôn Thượng Thư; Vương Chế vương bá chi thuyết, chuyên ngôn Xuân Thu. Ngôn hoàng đế vương bá, chế độ tại Chu Lễ Vương Chế, kinh tại Thượng Thư Xuân Thu. Nhất tiểu nhất đại, thử nhân học chi nhị kinh dã. [...] Nhân học lục hợp dĩ nội, sở ngôn tuyệt địa thiên thông, cách ư thượng hạ, nhân nhi phi thiên, cố nhân thần cách tuyệt. Chí ư Thi Dịch, dĩ thượng chinh hạ phù vi đại lệ; Trung Dung sở vị "diên phi ư thiên, ngư dược ư uyên, vi thượng hạ sát" chi chỉ cảnh. Chu du lục mạc, hồn mộng phi thân, dĩ kim nhật thời thế ngôn chi, thành vi lực sở bất chí. Nhiên dĩ kim nhật chi nhân dân, thị thảo muội chi sơ, bất quá số thiên vạn niên, đạo đức phong tục, linh hồn thể phách, dĩ phi tích tỷ. Nhược tái gia số thiên niên tinh tiến cải lương, các khoa học kế dĩ xương minh, sở vị trường thọ phục khí, bất y bất thực, kỳ tiến bộ cố khả án trình nhi kế dã.»** 初以春秋，尚書，詩，易，分配道德仁義之皇帝王伯。[...] 遲之又久，乃知四經之體例，以天人分。人學爲六合以內，天學爲六合以外。春秋言伯而包王。尚書言帝而包皇。周禮三皇五帝之說，專言尚書；王制王伯之說，專言春秋。言皇帝王伯，制度在周禮王制，經在尚書春秋。一小一大，此人學之二經也。[...] 人學六合以內，所言絕地天通，格於上下，人而非天，故人神隔絕。至於詩易，以上征下浮爲大例；中庸所謂"鳶飛於天，魚躍於淵，爲上下察"之止境。周遊五漠，魂夢飛身，以今日時世言之，誠爲力所不至。然以今日之人民，視草昧之初，不過數千萬年，道德風俗，靈魂體魄，已非昔比。若再加數千年精進改良，各科學繼以昌明，所謂長壽服氣，不衣不食，其進步固可按程而繼也.

Nhân Phú 大人賦 của Tư Mã Tương Như 司馬相如 (khoảng 179-117 TCN), theo Liêu Bình, chính là nói tới một cõi ở ngoài cõi của con người chúng ta. Theo ông, kinh Phật cũng thuộc về thiên học: «Tương lai thế giới tiến hoá, chúng sinh đều thành Phật, người người không ăn lúa gạo, thân có thể bay được, không còn âu lo nghĩ ngợi gì cả; gần đây người ta đã luận bàn rõ về điều ấy. Nhưng họ chưa biết rằng Phật phát xuất từ Đạo giáo, Phật là người đầu tiên [sang Ấn Độ] cải hoá người dân ở đấy. Cái được nói [trong kinh Phật] sẽ là việc có thật trong tương lai; đó là kết quả của thiên học. Nếu một người mà làm được thì sẽ bị xem là kỳ quái, nhưng nếu cả thế gian mà làm được thì sẽ được xem là chuyện bình thường.»[72]

Liêu Bình cho rằng Phật phát xuất từ Đạo, Đạo phát xuất từ Khổng; do đó kinh điển của Khổng bao quát phạm vi rộng lớn và hữu ích.

e. Kinh học biến đổi lần 5

Về cái học của Liêu Bình biến đổi lần 5, Hoàng Dung (đệ tử của Liêu Bình) ghi chú rằng: «Năm 1918, thầy bỏ danh từ "Kim Cổ" mà đổi thành "Tiểu Đại", chuyên lấy lục kinh để phân ra Thiên, Nhân, đại, tiểu.» Lần biến đổi này khác với lần 4. Ở lần 4, Liêu Bình cho rằng *Xuân Thu* và *Thượng Thư* liên quan nhân học, còn *Kinh Thi* và *Kinh Dịch* liên quan thiên học. Ở lần 5 này, Liêu Bình phân lục kinh thành hai nhóm: nhân học có ba kinh, thiên học có ba kinh. Trong ba kinh của nhân học có kinh Lễ. Liêu Bình nói: «Trong Lục nghệ (lục kinh), đầu tiên có Tiểu Lễ và Tiểu Nhạc. Đó là Lễ Kinh, nói về tu thân và tề gia, là căn bản của trị quốc và bình thiên hạ. Tu thân là gốc; gốc là Lễ vậy.»[73] (Hoàng Dung chú: Tiểu Lễ là các thiên Khúc Lễ 曲禮, Thiếu Nghi 少儀, Nội Tắc 內則, Dung Kinh 容經, Đệ Tử Thức 弟子識. Tiểu Nhạc là Thập Tam Vũ Chước 十三舞勺 và Thành Đồng Vũ Tượng 成童舞象).

---

[72] *Kim Cổ Học Khảo:* **«Tương lai thế giới tiến hoá, quy ư chúng sinh giai Phật, nhân nhân tịch cốc phi thân, vô tư vô lự, cận nhân luận chi tường hĩ. Đặc vị tri Phật tức xuất ư Đạo, vi hoá Hồ chi tiên khu. Sở ngôn tức vi tương lai thực hữu chi sự, vi thiên học chi kết quả, nhất nhân vi chi tắc vi quái, cử thế năng chi tắc vi hằng.»** 將來世界進化,歸於衆生皆佛,人人辟穀飛身,無思無慮,近人論之詳矣.特未知佛即出於道,爲化胡之先驅.所言即爲將來實有之事,爲天學之結果,一人爲之則爲怪,舉世能之則爲恆.

[73] *Kim Cổ Học Khảo:* **«Lục nghệ trung, tiên hữu tiểu Lễ, tiểu Nhạc. Thử vi Lễ Kinh, nãi tu thân tề gia sự, vi trị bình căn bản. Tu thân vi bản, bản thử lễ dã.»** 六藝中,先有小禮,小樂.此爲禮經,乃修身齊家事,爲治平根本.修身爲本,本此禮也.

Tiểu Lễ và Tiểu Nhạc là cái học tu thân và tề gia, là kinh thứ nhất trong ba kinh của nhân học. Kinh thứ hai là *Xuân Thu* «là cái học trị quốc, cái học làm vương làm bá, làm nhân làm nghĩa; còn *Vương Chế* là phần truyện của *Xuân Thu.*» Đó là «tiêu bản nhỏ của nhân học, là căn bản của Nho, Mặc, Danh gia, Pháp gia.» Kinh thứ ba của nhân học là *Thượng Thư.* Đó là «cái học bình thiên hạ, cái học làm hoàng làm đế, làm đạo làm đức. Còn *Chu Lễ* là phần truyện của *Thượng Thư*». Đó là «tiêu bản lớn của nhân học, là căn bản của Đạo gia và Âm Dương gia.»

Ba kinh của thiên học có *Nhạc* và *Đại Lễ.* Liêu Bình nói: «Nhạc của vương và bá, Trung Quốc có đại khái chút đỉnh; còn nhạc của hoàng và đế thì Trung Quốc không có, bởi thời đó nhạc sĩ chưa sinh. Tôi tồn nghi thuyết này.»[74]

Liêu Bình cũng không nói rõ về cái gọi là *Đại Lễ.* Có lẽ ông cũng tồn nghi để đợi một thuyết chắc chắn. *Đại Lễ* là kinh thứ nhất trong ba kinh của thiên học. Kinh thứ hai là *Thi Kinh,* «là cái học xuất thần rong chơi». Ông nói: «Giống như anh nhi luyện hồn của Tiên gia, thần xuất ra khỏi xác, không thể ban ngày phi thăng, thoát khỏi thân xác này. Cho nên *Thi Kinh* chuyên nói về mộng cảnh. Mộng thấy làm chim trên trời làm cá dưới vực. Các sách như *Nội Kinh, Linh Khu, Tố Vấn, Sơn Hải Kinh, Liệt Tử, Trang Tử, Sở Từ,* cho đến các bài phú xưa, và các bài thơ nói về dạo chơi cõi tiên, đều được xem là phần truyện của *Thi Kinh.*»[75]

Khang Hữu Vi và Đàm Tự Đồng cho rằng bên trên nền cai trị đại đồng còn có một thế giới trời tạo ra (thiên tạo chi thế 天造之世), Liêu Bình gọi đó là thiên học, nhưng ông trình bày rõ ràng hơn Khang và Đàm.

Kinh thứ ba trong ba kinh của thiên học là *Kinh Dịch,* nhưng trong sách của ông không nói đến, theo tôi thấy là do in sót. Cái học của Liêu Bình còn có lần biến đổi thứ 6, nhưng bài luận của ông chưa xuất bản, nên tôi không biết lần 6 và lần 5 có khác nhau thế nào.

---

[74] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Vương bá chi nhạc, Trung Quốc lược hữu phảng phất; hoàng đế chi nhạc, Trung Quốc vô thử thế cục. Kỳ nhân vị sinh, không tồn kỳ thuyết dĩ đãi chi.»** 王伯之樂，中國略有彷彿；皇帝之樂，中國無此世局．其人未生，空存其說以待之．

[75] ***Kim Cổ Học Khảo:*** **«Như Tiên gia chi anh nhi luyện hồn, thần khứ hình lưu, bất năng bạch nhật phi thăng, thoát thử khu xác. Thi cố chuyên ngôn mộng cảnh, ngư điểu thượng hạ. Nội Kinh, Linh Khu, Tố Vấn, Sơn Hải Kinh, Liệt Tử, Trang Tử, Sở Từ, cổ phú, du tiên thi, các thư dĩ vi chi truyện.»** 如仙家之嬰兒鍊魂，神去形留，不能白日飛昇，脫此軀殼．詩故專言夢境，魚鳥上下．內經，靈樞素問，山海經，列子，莊子，楚辭，古賦，遊仙詩，各書以爲之傳．

5. Thời đại Kinh học kết thúc

Thuyết của Liêu Bình, xét về phương diện lịch sử hay triết học, đều không có có giá trị đáng tin; nhưng cái học của ông thực sự đã kết thúc thời đại Kinh học trong lịch sử triết học Trung Quốc. Từ phương diện này mà nói, Liêu Bình cũng có địa vị tương đối quan trọng trong lịch sử triết học Trung Quốc. Ở chương 1 của quyển 2 này, tôi có nói rằng thời đại từ Đổng Trọng Thư 董仲舒 (179?-104? TCN) đến Khang Hữu Vi 康有為 (1858-1927) mà tôi gọi là thời đại Kinh học (thời đại nghiên cứu kinh điển), bất kể các kiến giải của các triết gia có mới hay không, thì họ cũng đều phải dựa vào cái danh của triết gia nào đó của thời đại tử học. Kiến giải của họ cũng phần nhiều là lấy các thuật ngữ trong triết học của thời đại tử học mà diễn đạt, giống như lấy bình cũ mà chứa rượu mới vậy.

Từ khi Trung Quốc giao lưu với Tây phương, các phương diện chính trị, xã hội, kinh tế, học thuật của Trung Quốc đều thay đổi tận gốc rễ. Những sự vật mới mẻ từ Tây phương bắt đầu được đưa vào Kinh học, tức là tiếp tục đổ thứ rượu rất mới vào trong chiếc bình cũ. Chương 16 này lược thuật ba nhân vật đại biểu (Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, Liêu Bình) mà trong số họ, Liêu Bình qua đời sau cùng. Lần biến đổi thứ 5 trong Kinh học của ông bắt đầu từ 1918 (Dân Quốc năm thứ 7) có thể nói là đã mở rộng phạm vi của Kinh học đến cực điểm, lôi kéo theo nhiều chi tiết buồn cười. Sự mở rộng cực điểm của Kinh học làm vỡ tung chiếc bình quá cũ. Do đó cái học của Liêu Bình là thành luỹ sau cùng của Kinh học. Xét theo thời gian và theo nội dung, cái học của Liêu Bình đã thực sự kết thúc thời đại Kinh học.

Những thay đổi thời đại về phương diện lịch sử khó có thể phân cắt chính xác vào ngày nào giờ nào. Trước khi một thời đại kết thúc thì một thời đại mới đã mở ra rồi. Khi thời đại trước kết thúc thì luồng chủ lưu của thời đại sau đã phát hiện. Trước khi Liêu Bình qua đời (1932), thậm chí trước năm 1918 khi ông bắt đầu giảng lần biến thứ 5 của Kinh học, cũng đã có người vất bỏ Kinh học và đưa ra tư tưởng của mình. Nhưng các nhà tư tưởng của thời đại mới này chưa lập thành một hệ thống hoàn chỉnh. Do đó thời đại mới này của triết học Trung Quốc vẫn còn đang trong giai đoạn thành hình. Cho nên thay vì mô tả những phát triển mới mẻ này, tôi xin tạm dừng bộ sử nơi đây, với sự kết thúc của thời đại Kinh học.

Nội dung *LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC* của Phùng Hữu Lan và phương pháp đọc sách này

TRƯƠNG QUÝ ĐỒNG 張豈同

1. CƠ CẤU CỦA BỘ SÁCH

Đây là bộ sách rất tốt về lịch sử triết học Trung Quốc. Ở nhiều phương diện, bộ sách có sắc thái độc đáo mà các sách khác cùng chủ đề này không thể sánh bằng. Thật không quá lời nếu bảo rằng từ trước đến nay chưa có sách nào viết về lịch sử triết học Trung Quốc mà hay như bộ này. Trong các sách xuất bản mấy năm nay, đây là một trứ tác rất lớn, cực kỳ giá trị. Sự diễn biến và phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc được trình bày rất hệ thống, rất rõ ràng. Đọc xong bộ này, độc giả có thể hiểu rõ ràng và chính xác về quá trình diễn biến và phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc.

Tác giả phân chia sự phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc làm hai thời kỳ: Tử Học và Kinh Học. Thời Tử Học bắt đầu từ Khổng Tử cho đến Hoài Nam Tử. Thời Kinh Học bắt đầu từ Đổng Trọng Thư cho đến Khang Hữu Vi và Liêu Bình. Các sách phổ thông viết về lịch sử triết học Trung Quốc thường phân chia sự phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc làm ba thời kỳ: thượng cổ, trung cổ, và cận đại. Nhưng trong bộ sách này, Phùng Hữu Lan nói Trung Quốc chưa có triết học cận đại. Thật là một ý kiến vượt trội. Ông viết: «Trong lịch sử triết học Tây phương cái gọi là triết học trung cổ và triết học cận đại ngoài sự bất đồng về thời đại phát sinh còn có sự khác biệt rất rõ ràng về tinh thần và diện mục của chúng. [...] Trong lịch sử triết học Trung Quốc, từ Đổng Trọng Thư đến Khang Hữu Vi đều là triết học trung cổ, còn triết học cận đại thì mới manh nha.» (quyển 2, chương 1). Ông nhận định rằng triết học trung cổ và triết học cận đại của Trung Quốc có tính chất khác nhau. Triết học trung cổ căn cứ trên triết học thượng cổ và bổ sung các kiến giải mới hoặc suy diễn thêm. Nói

chung, các triết gia không dám vượt qua giới hạn của triết học thượng cổ cũng như không dám sáng lập ra một hệ thống hoàn toàn mới. Họ chỉ một mực dựa vào cổ nhân và dùng thuật ngữ của cổ nhân đã dùng để biểu đạt tư tưởng của mình. Phùng Hữu Lan ví von đó là «bình cũ rượu mới». Triết học cận đại thì độc lập, tự sáng lập ra học thuyết mới mẻ, chứ không hề chịu sự hạn chế của triết học các thời trước. Kể từ đời Hán về sau, xét về đại thể, triết học Trung Quốc đã không thể vượt qua phạm vi của triết học đời Chu và đời Tần; nói chung là nó dựa vào kinh điển xưa. Quá lắm thì cũng tăng thêm giải thích mới. Dù có giải thích mới thì cũng tìm kiếm trong kinh điển để có căn cứ cho mình. Tức là lấy hình thức giải thích kinh để trình bày triết học mới. Phật học đời Tuỳ và đời Đường, dù không dựa vào kinh điển Trung Quốc thì cũng dựa vào kinh Phật, tư tưởng của họ đều là suy diễn lời Phật nói. Thái độ căn bản ấy hoàn toàn khác với thái độ của chư tử đời Chu và đời Tần, tức là các triết gia hoàn toàn tự sáng lập học thuyết và hệ thống riêng. Từ đời Hán cho đến cuối đời Thanh các nhà tư tưởng hầu hết đều lấy việc giải thích kinh để trình bày triết học mới, nên Phùng Hữu Lan mới gọi đó là thời Kinh Học và nói Trung Quốc chưa có triết học cận đại.[1] Điểm này quả thực đã biểu hiện cái nhìn sắc bén của tác gia.

Phùng Hữu Lan luận về triết học thượng cổ, tức thời Tử Học, cũng khác với các tác giả khác. Họ đều cho rằng triết học thượng cổ kết thúc bằng sự thống nhất Trung Quốc ở đời Tần. Nhưng Phùng Hữu Lan cho rằng Tần chẳng qua chỉ muốn thống nhất tư tưởng chứ không hề muốn tận diệt mọi học thuyết. Hơn nữa đời Tần rất ngắn, trong một thời đại ngắn ngủi như vậy các tư tưởng bấy giờ không thể nào bị quét sạch. Huống chi đầu đời Hán học thuyết của các nhà vẫn tồn tại, lịch sử có minh chứng. Do đó triết học thượng cổ không kết thúc ở đời Tần mà kết thúc ở đời Hán Vũ Đế với sự kiện bãi truất bách gia để độc tôn Nho học. Phùng Hữu Lan nói: «Chủ trương của Đổng Trọng Thư được thi hành thì thời đại Tử Học bị diệt vong. Học thuyết của Đổng Trọng Thư lập ra mở đầu cho thời đại Kinh Học.» (quyển 1, chương 2, tiết 3). Đó cũng là cái nhìn rất khách quan của ông.

Về thời Tử Học, tác giả xem Khổng Tử là ông tổ khai sơn phá thạch của triết học Trung Quốc. Tuy nhiên ông cũng lược thuật tình hình

---

[1] **LAM chú: Phùng Hữu Lan đưa ý kiến này vào hai thập niên đầu thế kỷ 20. Ý kiến này đã thay đổi, vì cuối đời (1990), ông đã viết *Trung Quốc Hiện Đại Triết Học sử*.**

tư tưởng trước thời của Khổng Tử. Ông dời thời đại của Lão Tử về sau, tức là sau Mạnh Tử mà trước Huệ Thi và Trang Tử. Sau khi nói về Khổng Tử, ông lần lượt nói về cái học của bách gia như Mặc Tử, Mạnh Tử, Dương Chu, Hứa Hành, Tống Khanh, Thận Đáo, v.v...; rồi nói đến Lão Tử, Huệ Thi, Công Tôn Long, Trang Tử, *Mặc Kinh*, Tuân Tử, Hàn Phi; các Nho gia giữa đời Tần và đời Hán; rồi *Dịch Truyện* với *Hoài Nam Hồng Liệt*.

Về thời Kinh Học, tác giả nói đến kinh học kim văn của Đổng Trọng Thư đời Tây Hán, Dương Hùng, Vương Sung, Huyền học đời Nguỵ-Tấn và thời Nam Bắc Triều, Phật học đời Tuỳ và đời Đường, Đạo học đời Tống và đời Minh, Đạo học đầu đời Thanh, cho đến học phái kim văn cuối đời Thanh. Phạm vi nội dung của bộ sách này là như thế.

2. ƯU ĐIỂM CỦA BỘ SÁCH

Ưu điểm của bộ sách này thì rất nhiều, hiện tại tôi xin nêu ra mấy điểm quan trọng. Thứ nhất, điểm đáng chú ý là tác giả vận dụng duy vật sử quan. Hơn nữa, ông vận dụng duy vật sử quan rất linh hoạt chứ không máy móc. Khuynh hướng vận dụng duy vật sử quan thể hiện rất minh bạch, thí dụ như ông viết: «Tư tưởng con người đều bị hoàn cảnh tinh thần và vật chất của họ hạn chế.» (quyển 2, chương 1). Do đó, trước khi trình bày sự biến hoá tư tưởng triết học thì ông nói về căn nguyên xã hội của nó. Thí dụ: về nguyên nhân khiến triết học thời Tử Học trở nên rất hưng thịnh thì Phùng Hữu Lan nói khác với Lương Khải Siêu, Hồ Thích, v.v... Theo Phùng Hữu Lan, nguyên nhân ấy chính là sự biến động lớn ở phương diện kinh tế, xã hội, và chính trị của thời bấy giờ. Ông cho rằng thời Xuân Thu Chiến Quốc là thời kỳ đại quá độ trong lịch sử tiến hoá của xã hội Trung Quốc. Các chế độ chính trị, các tổ chức xã hội, các chế độ kinh tế đều thay đổi lớn đến tận gốc: nền chính trị do giới quý tộc đương thời nắm giữ bị sụp đổ, nông nô được giải phóng, hạng con buôn nổi lên. Các chế độ cũ đều bị phá hoại, dẫn đến một thời đại giải phóng lớn. Do đó lĩnh vực tư tưởng mới có hiện tượng xán lạn và bồng bột. Sự biến động ấy bắt đầu ở thời Xuân Thu, hoàn thành và dần ngưng lại ở nửa sau đời Hán. Trên phương diện chính trị đã có qui mô, các phương diện xã hội và kinh tế cũng dần dần có trật tự mới mẻ ổn định. Cho nên thời kỳ đại quá độ bắt đầu từ thời Xuân Thu đến đó là chấm dứt, tư tưởng bồng bột một thời đến đó cũng suy. Từ đó về sau, cho đến gần đây, chế độ chính trị kinh tế và tổ chức xã hội của Trung Quốc đều không hề có thay đổi cơ bản. Do đó triết học cận đại cũng chưa thể phát

sinh. Có thể nói tác giả đã hoàn toàn dùng quan điểm duy vật sử quan để lập luận về nguyên nhân tại sao triết học thượng cổ hưng thịnh và kết thúc, và nguyên nhân tại sao Trung Quốc chưa có triết học cận đại.

Bởi tác giả chỉ dùng quan điểm duy vật sử quan, nên trong các chương, trước khi trình bày tư tưởng của một triết gia thì tác giả thường nói đến hoàn cảnh của người đó. Thí dụ khi nói đến Khổng Tử thì tác giả trình bày trước tiên tình hình văn hoá của nước Lỗ; khi giảng về Mặc Tử thì trình bày trước tiên quan hệ của Mặc Tử với nước Tống và nước Lỗ; khi giảng về Lão Tử và Trang Tử thì trước tiên thuyết minh tình hình văn hoá của nước Sở và tinh thần của người Sở. Phùng Hữu Lan rất chú trọng thái độ của mỗi triết gia đối với chế độ chính trị của thời đại ông ta sống. Khi nói đến một triết gia nào đó thì ông thường tìm căn cứ lý luận ở chế độ chính trị của thời đại triết gia đó. Thí dụ khi nói đến Khổng Tử và Mạnh Tử thì tác giả lấy chế độ chính trị của đời Chu làm căn cứ lý luận; nói đến Pháp gia thì tác giả lấy xu thế tự nhiên của nền chính trị thực tế bấy giờ – từ nền chính trị do quý tộc nắm giữ đến nền chính trị quân chủ chuyên chế – làm căn cứ lý luận. Đó cũng là cái nhìn duy vật, bởi vì hiểu được thái độ của một triết gia đối với chế độ chính trị của thời đại ông ta thì hiểu được địa vị xã hội của triết gia ấy, và căn nguyên xã hội của học thuyết của ông ta sẽ hiện rõ.

Ưu điểm thứ hai của bộ sách này là tác giả rất chú trọng hệ thống triết học của các triết gia. Ông nói: «Một trong những yếu nghĩa của việc giảng về triết học sử là cần tìm ra một hệ thống thực chất trong một triết học không có hệ thống hình thức.» (quyển I, chương 1, tiết 6). Do đó, đối với tư tưởng của một triết gia, tác giả khéo tìm ra quan niệm cốt lõi của triết gia và thứ tự lớp lang của nó để trình bày hệ thống tư tưởng của triết gia ấy. Đó không phải là công việc dễ dàng, thế mà Phùng Hữu Lan đã làm được rất mỹ mãn. Thí dụ ông giảng rất hay về Mặc Tử; trước tiên ông tìm ra quan niệm cốt lõi của Mặc Tử là chủ nghĩa công lợi, do đó trật tự học thuyết của Mặc gia tự nhiên hiện ra. Hay khi giảng về Lão Tử, ông tìm ra quan niệm cốt lõi của Lão học là Đạo 道 và phản 反, do đó trình tự lô-gic của Lão học trở nên rõ ràng. Ngoài ra, khi giảng về Mạnh Tử, Tuân Tử, Huệ Thi, Công Tôn Long, Trang Tử, cho đến Đổng Trọng Thư, Phật học đời Tuỳ-Đường, Đạo học gia đời Tống-Minh, chẳng nhà nào mà ông không trình bày hệ thống

tư tưởng của họ. Chẳng hạn như hệ thống tư tưởng của Chu Hi, ông giảng cực kỳ tinh tế và thông suốt. Tư tưởng của các triết gia Trung Quốc vốn thể hiện tản mạn lộn xộn thế mà ông trình bày rất hệ thống và thứ tự. Đó quả là một trong những cống hiến rất lớn của Phùng Hữu Lan.

Ưu điểm thứ ba của bộ sách này là tác giả rất khách quan và có cái nhìn rất sâu. Ông khéo mô tả bản lai diện mục của các triết gia. Có thể hiểu được chỗ tinh vi u ẩn trong tư tưởng của họ để rồi trình bày bằng ngôn từ minh bạch thấu triệt, đó là quả là việc làm cực kỳ khó khăn, không phải ai cũng làm được như Phùng Hữu Lan. Chỗ nông cạn của nhiều bộ lịch sử triết học là dựa vào một quan điểm nào đó để viết, thành thử bị cái quan niệm ấy che lấp, do đó không thể lĩnh hội được chỗ tinh vi u ẩn trong tư tưởng của các triết gia ngày xưa. Con người nói chung thường khó tránh được thiên kiến, cho nên khi viết lịch sử triết học cũng rất dễ có thiên kiến. Chẳng hạn như thích một Nho gia nào rồi thì không nhận ra được chỗ thâm sâu của Mặc gia; thích một Mặc gia nào rồi thì không nhận ra được ý nghĩa tinh diệu của Nho gia và Đạo gia. Tuy nhiên Phùng Hữu Lan đã không như thế. Khi ông viết về một triết gia nào thì ông dùng quan điểm của chính triết gia đó. Chẳng hạn viết về triết học của Nho gia thì ông lấy quan điểm của Nho gia; viết về triết học của Mặc gia thì lấy quan điểm của Mặc gia; viết về Đạo gia và biện giả thì cũng theo phương pháp ấy. Thậm chí viết về Phật học thì dùng quan điểm của Phật gia mà viết; viết về Đạo học dời Tống và đời Minh thì dựa vào quan điểm của Đạo học. Tuy nhiên bộ sách này không chia năm xẻ bảy, mà nó có một quan điểm nhất quán, dó là tính khách quan. Chỉ có vậy thôi, cho nên đối với các triết gia, tác giả thông suốt được chỗ ẩn vi của họ, hiểu được sự thâm u của họ, nhìn thấu bản lai diện mục của họ. Đối với một hệ triết học, có thể nói rằng có sự bất đồng giữa nội quan và ngoại quan. Nội quan tức là lấy thái dộ đồng tình để quan sát nó. Ngoại quan tức là chỉ quan sát bề mặt của nó. Đối với một hệ triết học, ta không thể lấy thái độ đồng tình để quan sát nó, bởi vì ta sẽ không hiểu được tinh tuý của nó. Sách này cũng lấy thái độ đồng tình để quan sát triết học của các nhà, nhưng tác giả không có thiên kiến.

Ưu điểm thứ tư của bộ sách này là tác giả rất chú trọng nguồn giòng phát triển tư tưởng. Đối với nhân trước quả sau của mỗi một học phái, sự manh nha của tư tưởng ở thời

nào, sự thành thục của tư tưởng ở thời nào, cho đến dấu tích biến thiên chuyển hoá ảnh hưởng qua lại giữa các triết gia, tác giả đã thuyết minh rất rõ ràng. Do đó đọc xong bộ sách này, độc giả sẽ hiểu rõ nguồn giòng phát triển tư tưởng triết học của Trung Quốc. Tác giả giảng rất rõ nguồn giòng của Nho, Mặc, Đạo cho đến ảnh hưởng qua lại giữa chúng. Ông giảng rõ ràng và đầy đủ nhất về nguồn gốc của Đạo học đời Tống, ảnh hưởng và xu thế của tư tưởng Đạo giáo và tư tưởng Phật giáo; lại còn nói rằng cơ sở của Đạo học đời Tống và đời Minh đã do Hàn Dũ và Lý Ngao đời Đường xác định. Có thể nói điều đó cực kỳ rõ ràng và thấu triệt. Ông cũng giảng sự phát sinh và phát triển quan niệm căn bản của mỗi một hệ triết học. Rõ ràng nhất là ông giảng sự phát triển quan niệm về Lý trong Đạo học. Quan niệm về Lý manh nha từ Chu Liêm Khê và Trương Hoành Cừ, được thành lập bởi Trình Y Xuyên, và hoàn bị bởi Chu Hi. Dấu vết diễn tiến trước sau được tác giả giảng rất rõ ràng khúc triết.

Ưu điểm thứ năm của bộ sách này là tác giả hết sức chú trọng diện mục đặc thù của mỗi thời đại lịch sử. Điều này đặc biệt thấy rõ ở thời đại Kinh Học. Thời đại Kinh Học là một thời đại lớn mà bên trong nó gồm nhiều thời đại nhỏ; mỗi thời đại nhỏ cũng có diện mục đặc thù của nó. Như ông giảng triết học của Đổng Trọng Thư và tư tưởng trong các vĩ thư rất rõ ràng tinh tế, ý nói đó là diện mục đặc thù của tư tưởng đời Tây Hán. Ông giảng Huyền học đời Ngụy-Tấn và thời Nam Bắc Triều cũng rất rõ ràng tinh tế; nhất là giảng rất cặn kẽ tư tưởng trong *Trang Tử Chú*, ý nói đó là diện mục đặc thù của tư tưởng đời Ngụy-Tấn và thời Nam Bắc Triều. Ông giảng Phật học đời Tuỳ-Đường cũng rất tường tận, ý nói đó là tình thế đặc thù của giới tư tưởng đời Tuỳ-Đường. Ông cũng giảng rõ ràng cái học của Liêu Bình cuối đời Thanh. Ông không nhận cái học của Liêu Bình mà xem nó có giá trị, mà cho rằng nó kết thúc thời đại Kinh Học là điều rất hiển minh. Chỗ này tác giả ắt cũng khổ tâm.

Ưu điểm thứ sáu của bộ sách này là tác giả trích dẫn tư liệu cực kỳ tinh nghiêm. Các sử liệu được tuyển lựa rất chọn lọc. Điều này khiến bộ sách khác hẳn với các sách khác. Có thể nói tác giả rất có nhận thức lịch sử. Chẳng hạn khi nói về chư tử đời Chu và đời Tần, tác giả không hề căn cứ vào ngụy thư. Trong thời đại Kinh Học, tác giả chọn các nhân vật bằng sự nhận thức rất đặc biệt. Nhiều bộ lịch sử triết học Trung Quốc thường tuỳ tiện tuyển chọn các nhân vật. Còn trong

bộ sách này, các nhà được giảng đều là những triết gia có hệ thống triết học riêng của chính mình.[2]

3. TÓM TẮT NỘI DUNG TỪNG CHƯƠNG

Trên đây trình bày nội dung tổng quát và ưu điểm của toàn bộ sách. Sau đây xin trình bày đại ý và tinh hoa của từng chương.

[2] LAM chú: Một ưu điểm nữa của bộ sách này là Phùng Hữu Lan có cái nhìn xuyên suốt tư tưởng Đông Tây. Ông đã so sánh chư tử Trung Quốc với các hiền triết, các trí giả, hoặc các nhà tư tưởng Tây phương. Chẳng hạn Khổng Tử sánh với Socrate. Khổng Tử mất thì Mạnh Tử và Tuân Tử tiếp tục phát huy Khổng học; Socrate qua đời thì Plato và Aristotle tiếp tục phát huy tư tưởng của Socrate. Mạnh Tử tức là Plato, Tuân Tử tức là Aristotle. Công Khổng Tử còn hơn Socrate vì đã sáng lập (hoặc phát triển) giai cấp kẻ sĩ. Tác giả còn so sánh tư tưởng Mặc Tử với Jeremy Bentham. Bentham cho rằng mục đích của đạo đức và pháp luật là mưu cầu hạnh phúc tối đa cho đại đa số nhân dân, Mặc Tử cũng có tư tưởng ấy nên chủ trương phản chiến. Còn Trang học thì tương đồng với triết học của Spinoza, v.v...

QUYỂN 1: THỜI ĐẠI TỬ HỌC

CHƯƠNG 1 tổng luận về: nội dung và phương pháp của triết học, tính chất của triết học sử, tiêu chuẩn chọn tài liệu để viết sử, v.v... Tác giả nói triết học Trung Quốc về hình thức thì không có hệ thống nhưng về thực chất thì có hệ thống; lại nói lịch sử là tiến bộ. Từ đời Hán về sau, triết học ở bề mặt là sự thuật lại các học thuyết đã thành tựu của cổ nhân, nhưng trên thực tế, «lý luận trong triết học trở nên rõ ràng hơn trước đời Hán». Hai phương pháp viết sử «thuật lại» và «tuyển lục» được giải thích ở đây, và tác giả đã dùng cả hai phương pháp để viết bộ sử này. Đó là điểm mà độc giả cần chú ý khi đọc sách.

CHƯƠNG 2 tổng luận về thời đại Tử Học. Tác giả luận về khởi nguyên và kết thúc của triết học thượng cổ, nguyên nhân khiến triết học thượng cổ phát đạt và suy thoái. Tác giả cho rằng thời đại Tử Học bắt đầu từ Khổng Tử và kết thúc ở đời Hán Vũ Đế với sự độc tôn Nho học. Bàn về nguyên nhân khiến thời đại Tử Học hưng thịnh và suy vong, tác giả hoàn toàn dùng duy vật sử quan để lập luận; cái nhìn của ông cực kỳ tinh tế và thấu triệt. Ở cuối chương, ông luận về thể tài trứ thuật của người xưa, và cho rằng «các sách hiện nay ghi tên là của các nhà trước thời Chiến Quốc thì chúng ta nên coi đó là sách của học

phái ấy, chứ không nên coi là sách do một người viết ra». Nói thế, thật là có nhãn quang tinh tường.

CHƯƠNG 3 nói về tư tưởng triết học và tôn giáo trước và trong thời đại của Khổng Tử. Trước thời của Khổng Tử, tư nhân không viết sách. Đến thời Khổng Tử thì mới có tư tưởng có hệ thống. Trước thời của Khổng Tử cũng đã manh nha các loại tư tưởng. Chương này sưu tập chúng và thuật lại. Trước tiên tác giả trình bày các loại tư tưởng về thiên, đế, quỷ thần, thuật số, v.v... trước thời Xuân Thu; rồi nói về những người có tư tưởng sáng suốt của thời Xuân Thu không tin quỷ thần. Thuở ban sơ, người ta cho rằng mọi chế độ trong xã hội đều do Thượng đế tạo ra. Đến thời Xuân Thu, người ta dần dần có cách giải thích mang tính chất nhân bản (humanistic) đối với các chế độ xã hội.

CHƯƠNG 4 nói về Khổng Tử, khởi nguyên của Nho gia, và triết học của Khổng Tử. Trước tiên tác giả luận về địa vị của Khổng Tử trong lịch sử Trung Quốc. Ông cho rằng Khổng Tử là người đầu tiên đã đem học thuật mà phổ biến cho đại chúng, mở ra phong trào giảng học và du thuyết, sáng lập ra (hoặc ít nhất là phát triển) hạng kẻ sĩ. Kế đó tác giả nói về thái độ của Khổng Tử đối với tín ngưỡng và các chế độ truyền thống. Ông cho rằng Khổng Tử là người ủng hộ chế độ đời Chu và rất thủ cựu đối với tín ngưỡng truyền thống. Tư tưởng chính trị của Khổng Tử là chủ nghĩa chính danh; tư tưởng nhân sinh của Khổng Tử là thẳng thắn, nhân, và trung thứ. Nhân là tính tình chân thực của con người mà khi biểu lộ thì phải hợp lễ. Thực hành điều nhân là suy bụng ta ra bụng người. Cuối chương luận thái độ căn bản của Khổng Tử là nói về nghĩa chứ không nói về lợi. Khổng Tử không chú trọng kết quả của hành vi, chỉ đặt vấn đề phải làm thế nào mà thôi.

CHƯƠNG 5 nói về Mặc Tử và Mặc gia trong thời kỳ đầu. Trước tiên tác giả khảo chứng niên đại và cội nguồn tư tưởng của Mặc Tử; kế đó luận rằng triết học Mặc Tử là chủ nghĩa công lợi, cho rằng Nho và Mặc khác nhau về căn bản: Mặc trọng công lợi, còn Nho chống công lợi. Điểm này là nhận thức đặc biệt của tác giả. Mặc cho rằng mối lo lớn trong thiên hạ là người ta không biết thương nhau; thiên hạ được lợi lớn là nhờ biết thương nhau. Do đó Mặc Tử chủ trương kiêm ái và phản đối chiến tranh. Ông cổ vũ sự thi hành đạo kiêm ái. Mặc Tử còn thiết lập sự chế tài về tôn giáo và sự chế tài về chính trị. Ông còn giảng về *thiên chí* (ý trời), *minh quỷ* (giảng về quỷ thần), *thượng đồng* (người dưới tuân theo người trên).

CHƯƠNG 6 nói về Mạnh Tử và Mạnh học trong Nho gia. Trước tiên tác giả thuật thái độ của Mạnh Tử đối với chế độ của nhà Chu và tư tưởng chính trị của Mạnh Tử. Mạnh Tử ủng hộ chế độ nhà Chu nhưng ông lý luận hoá và lý tưởng hoá nó. Mạnh Tử tuy ủng hộ cách thức ban tước lộc của nhà Chu nhưng quan điểm căn bản về chính trị và kinh tế của ông không giống như quan điểm truyền thống. Theo quan điểm truyền thống, tất cả chế độ chính trị và kinh tế được ấn định hoàn toàn là cho quý tộc. Còn quan điểm của Mạnh Tử thì tất cả chế độ được ấn định là vì nhân dân. Đó là ý tưởng căn bản trong triết học xã hội và chính trị của Mạnh Tử. Kế đó tác giả bàn về thuyết tính thiện và tư tưởng chống công lợi của Mạnh Tử. Ông cho rằng lập luận của Mạnh Tử đều phát xuất từ dân và cho dân. Cuối chương tác giả đề cập chủ nghĩa thần bí trong Mạnh học. Nhận xét ấy rất tinh thâm. Nhiều người giảng triết học Trung Quốc đều không thấy được điểm đó. Chương này có kiến giải sáng tạo rất nhiều.

CHƯƠNG 7 nói về cái học bách gia thời Chiến Quốc. Tác giả trình bày học thuyết của Dương Chu, Trần Trọng Tử, Hứa Hành, Cáo Tử, Doãn Văn, Tống Khanh, Bành Mông, Điền Biền, Thận Đáo, cho đến Trâu Diễn. Các tiết luận về Dương Chu, Tống Khanh, Điền Biền, Thận Đáo thật tinh tế thấu triệt. Dương Chu là kẻ có hệ thống tư tưởng của kẻ sĩ muốn tốt riêng thân mình. Tư tưởng Tống Khanh là tổng hợp của Dương học và Mặc học. Tác giả mở ra chương này là có nhận thức rất đặc biệt, bởi vì thời Chiến Quốc có nhiều nhà tư tưởng mà sách của họ không được lưu truyền, cho đến nay học thuyết của họ chỉ còn là các mảnh vụn. Nếu mỗi nhà viết riêng thành một chương thì không đủ tư liệu, mà bỏ qua hết thì thiếu sót. Biện pháp tốt nhất chẳng gì bằng gộp họ vào một chương, và luận chung với nhau để thấy tình hình xán lạn và hưng thịnh của giới tư tưởng thời ấy.

CHƯƠNG 8 nói về Lão Tử và Lão học trong Đạo gia. Tác giả cho rằng sách *Lão Tử* có sau sách *Mạnh Tử;* sách của Lý Nhĩ không phải là sách của Lão Đam; Lý Nhĩ và Lão Đam không phải là một người. Quan niệm căn bản của triết học Lão Tử là Đạo và phản phục. Lão Tử quan sát sự vật mà có được nguyên tắc phản phục, rồi ứng dụng nó vào việc xử thế, xã hội, chính trị, v.v... Phản phục là cốt lõi của Lão học. Hiểu được điểm này thì những chỗ tối tăm u ẩn trong Lão học sẽ được giải quyết thuận lợi, và hệ thống Lão học cũng hiển hiện rõ ràng. Chương này quả thực thuật lại cốt tuỷ của Lão học, trình bày

tinh thâm và có thứ tự lớp lang. Các sách viết về Lão học trước đây không thể nào sánh kịp.

CHƯƠNG 9 nói về Huệ Thi, Công Tôn Long, và các biện giả khác. Chương này cũng có sắc thái đặc biệt. Đầu chương tác giả nói về khuynh hướng tổng quát của học thuyết của các biện giả. Kế đó ông khảo về quan hệ giữa Huệ Thi và Trang Tử, cho rằng Trang Tử chịu ảnh hưởng của Huệ Thi rất lớn, sự tương đồng tư tưởng của hai ông rất nhiều; nay sách *Trang Tử* có thể dùng để giải thích những mẩu tư tưởng của Huệ Thi. Do đó sách *Trang Tử* dùng giải thích 10 câu nghịch lý của Huệ Thi thì rất rõ ràng và thấu triệt. Tiếp đó, tác giả giảng bạch mã luận, kiên bạch luận, chỉ vật luận, thông biến luận của Công Tôn Long và 21 nghịch lý của các biện giả trong thiên hạ. Tác giả cho rằng «chỉ» mà Công Tôn Long nói tức là cái được «danh» trỏ vào, cũng chính là cái mà triết học hiện đại gọi là «cộng tướng» hay «yếu tố». Quả thực điểm này là một phát hiện rất lớn, tinh xác không dời đổi. Lấy ý nghĩa này giải thích các thiên lý luận của Công Tôn Long thì sẽ thông suốt. Trong chương này tác giả cũng so sánh Huệ Thi với Công Tôn Long, ông cho rằng triết học của Huệ Thi là «hợp đồng dị», còn triết học của Công Tôn Long là «ly kiên bạch». Huệ Thi chú trọng vật cá thể, Công Tôn Long chú trọng cộng tướng. Cá thể thì thường biến, cộng tướng thì bất biến; nên Huệ học là triết học về biến; Công học là triết học về bất biến. Lập luận của tác giả thật là tinh tế, thấu triệt, vô song.

CHƯƠNG 10 nói về Trang Tử và Trang học trong Đạo gia. Đầu chương, tác giả luận về các quan niệm «Đạo, Đức, Trời» trong triết học của Trang Tử; rồi nói đến triết học về sự biến hoá. Kế đó tác giả nói về tư tưởng tự do thuận theo tính, tư tưởng bình đẳng tề vật (xem vạn vật ngang như nhau), tư tưởng vạn vật nhất thể, và chủ nghĩa thần bí tiêu dao tuyệt đối của Trang Tử. Tác giả trình bày thật đầy đủ, rõ ràng, cẩn thận, tinh mật. Đọc chương này ta sẽ hiểu đầy đủ về Trang học.

CHƯƠNG 11 nói về Mặc Kinh và các Mặc gia về sau. Chương này trình bày rất có thứ tự lớp lang và cực kỳ đầy đủ, tỉ mỉ. Trước tiên tác giả nói về chủ nghĩa công lợi trong Mặc Kinh, kế đó nói về tri thức luận và sự biện thuyết trong Mặc Kinh. Rồi ông đề cập sự biện luận về đồng dị, sự biện luận về kiên bạch trong Mặc Kinh. Cuối chương nói về sự biện luận của Mặc Kinh đối với các biện giả khác, sự biện hộ của Mặc Kinh cho thuyết kiêm ái, sự biện luận của Mặc Kinh đối với các nhà tư tưởng khác thời bấy giờ. Có thể nói mọi phương diện

tác giả đều đề cập không chút sơ sót, mỗi tiết giảng đều cực kỳ rõ ràng thấu triệt trong một thiên ngắn gọn.

CHƯƠNG 12 nói về Tuân Tử và Tuân học trong Nho gia. Trước tiên tác giả đề cập tinh thần học tập của Tuân Tử. Kế đó ông thuật lại ý kiến của Tuân Tử đối với Khổng Tử và Mạnh Tử, ý kiến đối với chế độ của nhà Chu. Sau đó là lý luận của Tuân Tử về: trời và bản tính, sự khởi nguyên của quốc gia và xã hội, lễ nhạc. Tác giả cũng giảng về tâm lý học và tư tưởng chính trị của Tuân Tử. Chương này giảng rất tinh tế về tâm lý học và *tính ác luận* (lý luận nhân tính vốn ác). Tác giả cho rằng «trong tâm lý học của Tuân Tử, không chỉ có cái tâm năng tri năng lự mà còn có tình cảm và ham muốn». Lấy ý nghĩa ấy mà giảng tính ác luận của Tuân Tử thì rất xác đáng. Giảng về danh học và lý luận về khởi nguyên của quốc gia và xã hội của Tuân Tử, tác giả đều có ý kiến mới mẻ.

CHƯƠNG 13 nói về Hàn Phi và các Pháp gia khác. Trước tiên tác giả nói về quan hệ giữa học thuyết của Pháp gia và xu thế kinh tế chính trị xã hội trong thời đại của họ. Kế đó ông trình bày ba phái Pháp gia: phái trọng thế, phái trọng thuật, phái trọng pháp. Ông nói: «Người tổng hợp ba phái Pháp gia, rồi thêm Lão học và Tuân học làm căn cứ, để lập nên học thuyết của một nhà, đó là Hàn Phi.» Sau đó tác giả bàn luận tư tưởng của Hàn Phi về pháp, thuật, thế; thuyết tính ác, và lý tưởng vô vi.

CHƯƠNG 14 nói về Nho gia giữa đời Tần và đời Hán. Tác giả trình bày lý luận của Nho gia sau Mạnh Tử và Tuân Tử về lễ, nhạc, hiếu. Ông cho rằng thái độ của Nho gia đối với cúng tế mang tính chất nghệ thuật hơn là tôn giáo, có tính chất thi ca hơn là mê tín. Đó quả thực là kiến giải rất mới mẻ mà ông giải thích rất thấu triệt. Ông còn nói về tư tưởng của *Đại Học* và *Trung Dung*; cho rằng *Đại Học* là Tuân học, còn *Trung Dung* là Mạnh học.

CHƯƠNG 15 nói về vũ trụ luận trong *Dịch Truyện* và sách *Hoài Nam Hồng Liệt*. Tác giả giảng rất thấu đáo về ý nghĩa và nguồn gốc của các quan niệm Âm Dương, Bát Quái, v.v., tư tưởng phản phục trong *Dịch Truyện*, và ý nghĩa của Dịch tượng. Cuối chương nói về thuyết phát sinh vũ trụ được chép trong *Hoài Nam Hồng Liệt*.

CHƯƠNG 16 nói về lục nghệ của Nho gia và sự độc tôn của Nho gia. Tác giả nêu ra nguyên nhân khiến Nho gia trở nên độc tôn. Cũng từ quan điểm duy vật mà lập luận, ông cho rằng sự thống nhất của tư tưởng thời bấy giờ là một xu thế tự nhiên, chứ không phải do lý tưởng của một vài người mà tạo ra

được. Ý kiến này thật là tinh tế.

QUYỂN 2: THỜI ĐẠI KINH HỌC

CHƯƠNG 1 nói tổng quát về thời đại Kinh Học. Tác giả luận về tính chất của thời này là «bình cũ rượu mới» và nguyên nhân khiến Trung Quốc chưa có triết học cận đại.

CHƯƠNG 2 nói về Đổng Trọng Thư và kinh học kim văn. Tác giả luận về tính chất của kinh học kim văn và hệ thống tư tưởng của Đổng Trọng Thư. Kinh học kim văn là sự hỗn hợp của tư tưởng Nho gia với tư tưởng Âm Dương gia, thường có rất nhiều lý luận kỳ quái. Đổng Trọng Thư là đại biểu lớn nhất của kinh học kim văn. Rồi tác giả trình bày các thuyết của Đổng Trọng Thư như: Trời, Âm Dương, ngũ hành, bốn mùa, thiên nhân hợp nhất, tam cương ngũ kỷ, ngũ đức, v.v.

CHƯƠNG 3 nói về cái học sấm vĩ và tượng số giữa hai đời Hán. Tác giả trình bày tượng số học được giảng trong vĩ thư, đạo của trời và người, v.v. Chương 2 và chương này đều có thứ tự lớp lang. Tư tưởng lộn xộn của đời Tây Hán mà trình bày rõ ràng như vậy thật không dễ chút nào.

CHƯƠNG 4 nói về kinh học cổ văn, Dương Hùng và Vương Sung. Kinh học cổ văn trái ngược với kinh học kim văn; nó một mực quét sạch các lý luận quái dị. Đại biểu cho xu thế tư tưởng ấy là Dương Hùng và Vương Sung. Triết học của Vương Sung là chủ nghĩa tự nhiên; phương pháp của ông hơi có tinh thần khoa học.

CHƯƠNG 5 và **CHƯƠNG 6** nói về Huyền Học thời Nam Bắc Triều. Tác giả trình bày tư tưởng của Hà Án, Vương Bật, Nguyễn Tịch, Kê Khang, v.v.; Duy vật luận và cơ giới luận trong sách Liệt Tử; nhân sinh quan buông bỏ tình cảm và ý chí trong thiên Dương Chu; triết học trong *Trang Tử Chú* của Hướng Tú và Quách Tượng. Tác giả bàn luận rất tinh thâm về Hà Án, Vương Bật, và triết học của *Trang Tử Chú*. *Trang Tử Chú* tuy chú giải Trang nhưng trong đó cũng có kiến giải rất độc lập, khác với Trang Tử; nó phát triển hơn Trang học một bước, rất có giá trị. Đa số tác giả khác không nhận thức được điểm ấy. Ở đây Phùng Hữu Lan trình bày rất rõ ràng.

CHƯƠNG 7 nói về Phật học thời Nam Bắc Triều và sự tranh luận của người đương thời về Phật học. Trước tiên tác giả thuyết minh tính chất của Phật học Trung Quốc; kế đó nói về 6 nhà 7 tông của thời Nam Bắc Triều, tư tưởng của Tăng Triệu và Đạo Sinh. Cuối chương ông thuật lại cuộc tranh luận về Thần diệt luận thời Nam Bắc Triều.

CHƯƠNG 8 và **CHƯƠNG 9** nói về Phật học đời Tuỳ và đời Đường.

Tác giả trình bày sự phát triển tư tưởng Phật học của hai đời này. Trước tiên ông nói về Nhị đế nghĩa của Cát Tạng; kế đó giảng về *Thành Duy Thức Luận* của Huyền Tăng; rồi đến *Kim Sư Tử Luận* của Pháp Tạng thuộc Hoa Nghiêm Tông. Tác giả so sánh tư tưởng Duy Thức với tư tưởng Hoa Nghiêm, cho rằng tư tưởng Duy Thức là Duy tâm luận chủ quan, còn tư tưởng Hoa Nghiêm là Duy tâm luận khách quan. Sau đó tác giả giảng về *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn* của Thiên Thai Tông và tư tưởng Thiền tông. Phật học vốn u ẩn khó hiểu, mà hai chương này giảng rất rõ ràng. Tác giả quả thật là tinh thâm.

CHƯƠNG 10 nói về sơ khởi của Đạo học và thành phần «Phật-Đạo» trong Đạo học. Trước tiên tác giả trình bày tư tưởng của Hàn Dũ và Lý Ngao; rồi đề cập quan hệ giữa Đạo học với Phật học và Đạo giáo. Ông cho rằng Hàn Dũ và Lý Ngao đã khai đường mở lối cho Đạo học đời Tống và đời Minh.

CHƯƠNG 11 nói về tư tưởng của Chu Liêm Khê và tượng số học của Thiệu Khang Tiết. Tác giả luận chung về *Thái Cực Đồ Thuyết* và *Thông Thư* của Chu Liêm Khê; so sánh và nghiên cứu chúng rất thấu đáo. Tượng số học của Thiệu Khang Tiết được giảng rất rõ ràng và có thứ tự lớp lang. Cái học tiên thiên của Thiệu Khang Tiết tối tăm khó hiểu được giảng rõ ràng như vậy thật là hiếm có.

CHƯƠNG 12 nói về Trương Hoành Cừ và Nhị Trình. Tác giả giảng vũ trụ luận duy Khí, qui luật trật tự trong vũ trụ, và nhân sinh quan thiên nhân hợp nhất của Trương Hoành Cừ. Kế đó tác giả trình bày và so sánh rất hay về thuyết hình thượng và hình hạ của anh em Trình Hạo và Trình Di, cũng như thuyết về tính và phương pháp tu dưỡng của họ. Hoành Cừ đã nói Khí lại còn nói Thái Hư. Quan hệ giữa Khí và Thái Hư nhiều tác giả không phân biệt rõ, vậy mà chương này thuyết minh được rất ngắn gọn. Về phương pháp tu dưỡng của Nhị Trình, tác giả trình bày rất độc đáo.

CHƯƠNG 13 nói về Chu Hi. Tác giả trình bày lý luận của Chu Hi về: Lý, Khí, Tính, đạo đức, tu dưỡng, tư tưởng chính trị, v.v. Ông giảng rất tinh mật và có thứ tự lớp lang, có kiến giải mới mẻ. Nhiều tác giả không tránh được ngộ nhận khi giảng về Chu Hi. Chương này giảng về chân diện mục của tư tưởng Chu Hi. Đọc chương này ta sẽ giải trừ được nhiều ngộ nhận.

CHƯƠNG 14 nói về Lục Tượng Sơn, Vương Dương Minh, và Tâm Học đời Minh. Trước tiên tác giả trình bày tư tưởng của Lục Tượng Sơn và Dương Từ Hồ. Kế đó ông

phân tích chỗ bất đồng cơ bản giữa tư tưởng Chu Hi và tư tưởng Lục Tượng Sơn: Chu xem Tính là Lý, Lục xem Tâm là Lý. Sau đó tác giả giảng về hệ thống tư tưởng của Vương Dương Minh, cho rằng Tâm Học đến Vương là đạt được thành tựu lớn. Ông giảng về Vương học thật giản yếu và rõ ràng. Các thuyết yêu có sai biệt, khởi nguyên của ác, động tĩnh hợp nhất của Vương Dương Minh được ông giảng rất khác với các tác giả khác.

CHƯƠNG 15 nói về sự kế thừa Đạo học ở đời Thanh. Trước tiên tác giả trình bày cái học của Nhan Nguyên và Lý Cung, tư tưởng của Đái Đông Nguyên. Ông cho rằng chỗ bất đồng giữa các Lý học gia và Nhan, Lý, Đái là: Lý học gia xem Lý ở trước sự; Nhan, Lý, Đái xem Lý ở trong sự. Tác giả cho rằng tư tưởng Đái Đông Nguyên gần với tư tưởng Tuân Tử.

CHƯƠNG 16 nói về kinh học kim văn đời Thanh. Tác giả trình bày tư tưởng của Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, Liêu Bình. Ông cho rằng cuối đời Thanh bị ảnh hưởng trào lưu tư tưởng phương Tây, nên phát sinh phong trào lập giáo và cải chế. Các học giả lấy tân tri thức và tân lý tưởng phụ thêm vào Kinh Học, khiến cho phạm vi của Kinh Học mở rộng ra đến cực độ, rốt cuộc cái bình cũ Kinh Học không chứa nổi rượu mới, bèn vỡ tung. Do đó thời đại Kinh Học chấm dứt.

4. PHƯƠNG PHÁP ĐỌC SÁCH

Phương pháp đọc bộ sách này có thể phân làm hai điểm:

(1) Khi đọc chính văn và các đoạn trích dẫn, độc giả cần chú ý hơn. Những đoạn trích dẫn có điểm nào khó hiểu thì nên tra lại ở nguyên tác của nó và đọc các chú thích.[3] Bộ sách này gồm hai cách viết: trần thuật và tuyển lục. Những chỗ trích dẫn cổ văn không chỉ là dẫn chứng mà thôi, kỳ thực đó cũng là tuyển lục. Do đó cần phải đọc kỹ, không thể đọc phớt qua. Đọc phớt qua thì sau khi đọc xong bộ sách này chúng ta sẽ không đạt được ích lợi lớn và thâm sâu. Các kinh sách chư tử đời Chu và đời Tần hầu hết đã được chú giải tốt, chúng ta có thể tra lại. Các kinh sách sau đời Hán thì tương đối dễ hiểu hơn, chỉ cần đọc kỹ mà thôi. Đọc lời lẽ của cổ nhân, nếu ta không lấy hư tâm mà đọc thì sẽ không có kết quả. Lời xưa phần lớn là giản

[3] **LAM chú: Phùng Hữu Lan chỉ trích dẫn cổ văn mà không chú giải hay dịch ra bạch thoại, cho nên đây là lời Trương Quý Đồng dặn riêng cho các độc giả đọc nguyên tác chữ Hán. Bản dịch tiếng Việt đã chú thích phần lớn những chỗ khó hiểu.**

ước. Mỗi lần đọc phải hai ba lần suy gẫm, thì mới lĩnh hội được ý nghĩa trong đó. Điểm này độc giả nên chú ý.

(2) Đọc bộ sách này, độc giả cần quan sát hệ thống thứ tự của mỗi chương, càng phải xem sự quán thông mạch lạc giữa các chương để thấy nguồn giòng phát triển của triết học Trung Quốc ngõ hầu đạt được sự thông hiểu trọn vẹn. Mỗi triết gia đều có một hệ thống tư tưởng riêng, mỗi hệ thống đều có quan niệm cốt lõi và tinh thần đặc thù. Bộ sách này trình bày điều đó rất rõ ràng. Sau khi đọc xong một chương, độc giả cần đọc lại một lần, xem đại ý của nó, chú ý trật tự của nó, để có sự xem xét hoàn chỉnh. Giữa các triết gia đều có sự tương đồng và dị biệt. Mỗi học phái đều có nguồn gốc. Giữa các học phái càng có sự ảnh hưởng qua lại. Lịch sử là một giòng chảy phát triển, cái trước cái sau đều có sự tương quan mạch lạc, chúng ta cần xem xét trọn vẹn thì mới hiểu sâu sát nó. Đó cũng là điều cần chú ý khi đọc bộ sách này.

Bộ sách này không phải dễ đọc. Do đó tính chất của sách càng quan trọng thì trọng lượng càng lớn, phạm vi càng rộng, nội dung càng phong phú. Những chỗ nào lời giản ước mà ý thâm sâu, nếu không lấy hư tâm mà lĩnh hội thì sẽ không hiểu được gì. Do đó, bộ sách này chúng ta không thể nào đọc nhanh đọc vội. Đọc nhanh vội thì sẽ không hiểu được những chỗ hay trong sách.

Nói tóm lại, bộ sách này là một đại tác phẩm cực kỳ giá trị xuất hiện gần đây. Nội dung rất phong phú và tinh thâm, không thể xem là loại sách bình thường.[4]

---

[4] **LAM chú: Bài điểm sách này đăng trên tạp chí *Xuất Bản Chu San*, số 126 và 127, năm 1935; được Phùng Hữu Lan tuyển chọn in vào tập *Trung Quốc Triết Học Sử Bổ*, in tại Hương Cảng (không ghi năm và nhà xuất bản), tr.161-179.**

NIÊN BIỂU THỜI ĐẠI KINH HỌC

Năm 100 – 0

* Tây Phương: Lucretius (94-54).
* Đời **Tiền Hán** (206 TCN-24 CN).
* Kinh học kim văn với sấm vĩ và tượng số học là sự hỗn hợp của tư tưởng Nho gia với tư tưởng Âm Dương gia: Đổng Trọng Thư (179-104), Mạnh Hỉ, Kinh Phòng.
* Kinh học cổ văn: Dương Hùng (53 TCN-18 CN), Lưu Hâm (46 TCN-23 CN), Hoàn Đàm (mất khoảng năm 25 CN), Vương Sung (27-100).

Năm 0 – 100

* Đời **Hậu Hán** (25-220).
* Vương Mãng lập đời **Tân,** niên hiệu Thuỷ Kiến Quốc (9-23).
* Tây phương: Epictetus.
* NHO: Hà Hưu (129-182) chú *Công Dương Truyện; Bạch Hổ Thông* (biên soạn sau năm 79).
* PHẬT: Phật giáo truyền vào Trung Quốc.
* *Hán Thư* của Ban Cố, *Luận Hành* của Vương Sung, *Thuyết Văn Giải Tự* của Hứa Thận.
* Ban Cố chết trong ngục năm 92.

Năm 100 – 200

* ĐẠO: *Tham Đồng Khế* của Nguỵ Bá Dương; Ngu Phiên (164-233).
* Giả Quỳ (nhà chú giải kinh) mất năm 101. An Thế Cao đến Lạc Dương năm 147.

Năm 200 – 300

* Tây phương: Marcus Aurelius (121-180), Plotinus (204-269).
* Đời **Nguỵ** (220-265).
* Đời **Tấn** (265-420).
* ĐẠO: Vương Bật (226-249), Hướng Tú (221-300), Quách Tượng (?-312), Cát Hồng (250-330).

* Tào Tháo mất năm 220. Tào Phi mất năm 226. Kê Khang mất năm 262. Nguyễn Tịch mất năm 263. Hoa Đà mất năm 265. Khang Tăng Hội đến Nam Kinh năm 247.

Năm 300 – 400

* Tây phương: Augustine (353-430).
* PHẬT: Huệ Viễn (334-416), Tăng Triệu (384-414), Đạo Sinh (355-434), Tạ Linh Vận (385-433).
* Phật Đồ Trừng đến Trường An năm 310. Quách Tượng mất năm 312. Vương Hi Chi mất năm 365.

Năm 400 – 500

* Thời **Nam Bắc Triều** (420-581)
* ĐẠO: Cố Hoan (420-483), Thái Sử Thúc Minh (474-546).
* PHẬT: *Thần Diệt Luận:* Tăng Hựu (445-518), Phạm Chẩn (450-515). *Thất tông* (1- Bản Vô Tông, 2- Bản Vô Dị Tông, 3- Tức Sắc Tông, 4- Tâm Vô Tông, 5- Thức Hàm Tông, 6- Ảo Hoá Tông, 7- Duyên Hội Tông).
* *Hậu Hán Thư* (năm 430).

Năm 500 – 600

* Đời **Tuỳ** (581-618)
* NHO: Vương Thông (584-617).
* PHẬT: *Tam Luận Tông:* Cát Tạng (549-623) – *Thiên Thai Tông:* Trí Nghĩ (538-597).

Năm 600 – 700

* Đời **Đường** (618-907)
* PHẬT: *Duy Thức Tông:* Huyền Tăng (?-664), Khuy Cơ (632-682) – *Hoa Nghiêm Tông:* Pháp Tạng (643-712), Trừng Quán (738-839) – *Thiền Tông:* Thần Tú (600-706), Huệ Năng (638-713), Hoài Nhượng (677-744), Thần Hội (686-760).

Năm 700 – 800

* NHO: Hàn Dũ (768-824).
* PHẬT: *Thiên Thai Tông:* Trạm Nhiên (711-782), Lương Túc (753-793) – *Thiền Tông:* Đạo Nhất (709-788).

Năm 800 – 900

* Tây phương: Scotus Erigena (810-877).
* NHO: Lý Ngao (?-844).

Năm 900 – 1000

* Đời **Bắc Tống** (960-1127).

Năm 1000 – 1100

* Đời **Nam Tống** (1127-1279).
* Tây phương: Abelard (1079-1142).
* NHO: Chu Đôn Di (1017-1073), Thiệu Ung (1011-1077), Trương Tái (1020-1077). Trình Hạo (1032-1085),

Năm 1100 – 1200

* Đời **Nguyên** (1279-1368).
* NHO: *Lý học:* Trình Di (1033-1108), Chu Hi (1130-1200) – *Tâm học:* Lục Cửu Uyên (1139-1193), Dương Giản (1140-1226).

Năm 1200 – 1300

* Tây phương: Acquinas (1226-1274).

Năm 1300 – 1400

* Đời **Minh** (1368-1644).

Năm 1400 – 1500

* Tây phương: Machiavelli (1469-1527).
* NHO: *Lý học:* La Chỉnh Am (1465-1547), Trần Thanh Giản (1497-1567) – *Tâm học:* Trần Hiến Chương (1428-1500), Trạm Cam Tuyền (1466-1560), Vương Dương Minh (1473-1529), Vương Tâm Trai (1483-1540), Vương Long Khê (1498-1583).

Năm 1500 – 1600

* Tây phương: Bruno (1548-1600), Bacon (1561-1626), Descartes (1596-1650), Hobbes (1588-1679).
* NHO: Lưu Tông Chu (1578-1645).

Năm 1600 – 1700

* Đời **Thanh** (1644-1911).

* Tây phương: Spinoza (1632-1677), Locke (1632-1704), Leibniz (1646-1716), Berkeley (1685-1753).
* NHO: Lục Thế Nghi (1611-1672), Trần Xác (1604-1677), Hoàng Tông Hi (1610-1695), Vương Phu Chi (1619-1693), Nhan Nguyên (1635-1704), Lý Cung (1659-1746).

Năm 1700 – 1800

* Tây phương: Hume (1711-1776), Kant (1724-1804), Hegel (1770-1831), Schopenhauer (1788-1860).
* NHO: Đái Chấn (1723-1777).

Năm 1800 – 1900

* Tây phương: Mill (1806-1873), Marx (1818-1883), James (1842-1910), Bergson (1859-1941).
* NHO: Khang Hữu Vi (1858-1927), Đàm Tự Đồng (1865-1898), Liêu Bình (1852-1932).

Thời đại Kinh Học kết thúc.

MỤC LỤC





Tiến sĩ Phùng Hữu Lan (1895-1990) – tốt nghiệp Đại học Columbia (Mỹ) 1924 – rực sáng cuối thế kỷ XX như là một sử gia lỗi lạc về triết học Trung Quốc kiêm triết gia hiện đại mà hệ thống triết học của ông hiện nay được nghiên cứu sâu rộng với danh xưng <<Phùng học>>.

Từ khi chào đời, bộ TRUNG QUỐC TRIẾT HỌC SỬ (quyển I, 1931; quyển II, 1934) của Phùng Hữu Lan đã trở thành sách giáo khoa trọng yếu của bậc đại học và cũng là tác phẩm kinh điển trong lĩnh vực lịch sử triết học Trung Quốc, chiếm địa vị quan trọng không chỉ tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản (với nguyên tác Hán ngữ), mà còn ở phương Tây nữa (với bản dịch Anh ngữ của Derk Bodde).

Quyển I bao quát thời đại Tử Học, một thời đại có thể nói là rực rỡ nhất của triết học Trung Quốc, trải dài từ thời xa xưa đến khoảng năm 100 TCN với địa vị chính thống của Nho giáo. Quyển II bao quát thời đại Kinh Học, tức là từ cuối thời đại Tử Học cho đến cuối đời Thanh.

Nguyên tác trích dẫn rất nhiều đoạn cổ văn từ các nguồn thư tịch gốc, khiến nó không những là một sách tham khảo quý báu về các văn bản gốc của triết học Trung Quốc, mà còn tạo sự thuận lợi vì các văn bản cổ xưa đã tự lên tiếng. Đó là một điều rất quan trọng trong một lĩnh vực như triết học Trung Quốc, vì một văn bản thường có nhiều lời bình chú. Tác giả đã vận dụng vốn tri thức và phương pháp luận thu nhận thêm từ phương Tây vào việc nghiên cứu lịch sử triết học Trung Quốc, do đó bộ sách này có tính khoa học rất cao. Học giả Lý Thận của Trung Quốc hiện nay nhận định chung về Phùng Hữu Lan bằng tám chữ <<Dung quán Trung Tây, thông thích kim cổ>> (dung hoà thấu triệt hai nền học thuật Trung Quốc và phương Tây, giải thích thông suốt việc xưa nay) và cho rằng nếu người Trung Quốc biết đến học thuật của phương Tây nhờ Nghiêm Phục, thì người ngoại quốc hiểu được triết học Trung Quốc là nhờ Phùng Hữu Lan.

TRUNG QUỐC TRIẾT HỌC SỬ của Phùng Hữu Lan đến nay mới được dịch ra tiếng Việt. Bản dịch bảo lưu các trích dẫn kinh điển y như nguyên tác, kèm phiên âm Hán Việt, lại còn có thêm rất nhiều chú thích tỉ mỉ như dồn nén thông tin. Do đó độc giả đang có trên tay một nguồn tham khảo rất hệ thống và thiết yếu về tư tưởng triết học Trung Quốc.

中國哲学史

Thư Pháp: Lê Anh Minh



Phát hành tại TP. HCM:
Nhà sách Ngọc Trâm
177B Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: 9256961 Fax: 9256960 Email: ngoctram@giavu.com.vn

Phát hành tại HÀ NỘI:
Nhà sách ĐÔNG TÂY
62 Nguyễn Chí Thanh - HÀ NỘI - ĐT/FAX: 04.7733041

Giá: 130.000đ